

**Đại Phương Đẳng Đại  
Tập Hiền Hộ Kinh  
giảng ký 1**

**大方等大集賢護經**

**講記**

**Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp**

**Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam**

**Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang**

# NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

*(Trang trống)*





*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh  
giảng ký 1**

**大方等大集賢護經講記**

**慈法法師**

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

***1. Đôi nét về pháp sư Từ Pháp***

Pháp sư Từ Pháp, pháp danh Quả Trung, pháp hiệu Từ Pháp, là người huyện Tây Bình, tỉnh Hà Nam, sinh năm 1960. Xuất gia năm 1992 tại chùa Phổ Đồng thuộc huyện Nam Cung tỉnh Hà Bắc, thọ giới Sa Di với luật sư Hoàng Xuyên. Năm sau, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương. Sau đó, Sư xin phép thầy đi tham học tại các đạo tràng Linh Nham, Quảng Hóa (tỉnh Phước Kiến), Bình Sơn, Đại Phật Tự (tỉnh Cam Túc), chùa Đa Bảo (tại Chiết Giang), chùa Song Lâm (tỉnh Giang Tây) v.v... Kể từ năm 1997, Sư trụ tích ở chùa Hoa Thủ Phóng Quang (Hằng Dương Am là ni viện thuộc chùa này) tại núi Kê Túc, huyện Đại Lý, tỉnh Vân Nam cho đến nay. Tuy học rộng kinh tạng, siêng năng tham lễ các vị tôn túc để cầu học các pháp Đại Thừa, Sư đặc biệt quy túc nơi pháp môn Tịnh Độ. Tuy học rộng và giảng nhiều pháp khác nhau để rộng kết thiện duyên độ chúng, Sư lập thế trì giới tinh nghiêm, chuyên tu Tịnh Độ, cầu bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.

***2. Duyên khởi***

Hôm nay, chúng tôi từ trong mười hai bộ kinh giáo thuộc Tam Tạng của Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật được lưu truyền rộng rãi trong Hiền Kiếp, chọn lấy một bộ kinh là kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, còn gọi là kinh Ban Châu Tam Muội, ứng theo nhu cầu của mười phương tín chúng, ứng với nhu cầu về pháp môn tu hành. Mười

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phương chư Phật, Bồ Tát gia bị cho chúng ta tụ tập tại tòa điện đường mới vừa bắt đầu sử dụng của Hằng Dương Am để học tập, tu tập, nhận biết giáo ngôn thanh tịnh này, hồng khiến cho chúng ta đạt được căn cơ chẳng thoái thất Vô Thượng Bồ Đề, đắc pháp bất thoái, tu tập bất thoái, cho đến thành tựu bất thoái.

Hôm nay là ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, chính là Phật Hoan Hỷ Nhật trong Tự Tứ Tăng pháp của đức Phật Thích Ca, cũng là ngày Tự Tứ, mà cũng là ngày đại chúng hoàn tất gìn giữ chín mươi ngày thanh tịnh trong mùa An Cư Kết Hạ, là ngày tu tập giới pháp viên mãn. Trong nước, có rất nhiều chùa miếu, đạo tràng đều cử hành pháp hội Vu Lan Bồn. Pháp hội này lấy nhân duyên tôn giả Đại Mục Kiền Liên cứu độ mẹ làm duyên khởi, giải trừ sự treo ngược cho hết thảy chúng sanh, độ thoát các vong linh hữu tình, cha, mẹ, thầy, trò, từ vô thủy tới nay, khiến cho họ được tăng trưởng phước đức, tăng trưởng thiện căn, tăng trưởng pháp duyên, cho tới thành tựu Bồ Đề.

Ngày Rằm tháng Bảy là ngày Phật Hoan Hỷ, do được oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Phật Thích Ca cho đến mười phương chư Phật, và hết thảy Bồ Tát, do mọi người cầu thỉnh, mong mỏi và tích cực chuẩn bị, Tăng chúng chùa Phóng Quang<sup>1</sup> và chúng thường trụ cùng nhau phát khởi pháp hội học tập này. Các duyên hòa hợp, đúng là phước đức, nhân duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn chín muồi, cũng do oai thần thiện xảo của chư Phật hiển lộ, thật sự là khó có, khó gặp! Nhất là mọi người do nghe giảng, hướng theo hành pháp Ban Châu, từ các nơi trong nước mong đắc chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề trong một đời, sẽ liễu giải và nhận biết rành rẽ pháp tắc, tu tập, nương theo biển giáo pháp của đức Thế Tôn để y giáo phụng hành. Nếu không, sẽ gặp rất nhiều mê lầm trong quá trình hành trì, khó thể thành tựu.

---

<sup>1</sup> Chùa này có tên gọi đầy đủ là Hoa Thủ Phóng Quang Tự, ở núi Kê Túc, thành phố Đại Lý, tỉnh Vân Nam. Chùa Phóng Quang ở ngay dưới chân Hoa Thủ Môn (nơi tương truyền là cửa vào hang ngòi Thiên của tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, đã trao y ca-sa cho ngài Ma Ha Ca Diếp lưu giữ để giao lại cho Phật Di Lặc. Sau khi trà-tỳ di thể của đức Phật và kết tập Tam Tạng xong, ngài Ca Diếp đã phó pháp cho tôn giả A Nan rồi vào hang đá tại núi Kê Túc nhập Định). Chùa này do thiên sư Vô Cùng khai sơn trong niên hiệu Gia Tĩnh nhà Minh, sau đó, cư sĩ Lý Nguyên Dương xuất tiền xây dựng thành một đạo tràng lớn. Tới cuối đời Thanh, do chiến tranh loạn lạc, chùa hoang tàn đổ nát thành vùng đất cỏ tranh gai góc. Năm 1997, pháp sư Từ Pháp dẫn năm vị Tăng đến đây dọn dẹp gai góc trên nền cũ, dựng lều tranh, trùng kiến chùa Phóng Quang, biến thành một đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tại Trung Hoa, kinh Ban Châu Tam Muội có bảy loại bản dịch, nay còn ba loại:

1) Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh (佛說般舟三昧經, Pratyutpanna Buddha Sammukhāvasthita Samādhi Sūtra), gồm một quyển, chia thành tám phẩm.

2) Ban Châu Tam Muội Kinh (般舟三昧經), gồm ba quyển, mười sáu phẩm.

3) Bản còn lại là bộ Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh (大方等大集賢護經) mà chúng ta đang học tập. Bản này dịch trễ nhất trong bảy loại bản dịch. Khối lượng văn tự lớn nhất, gồm năm quyển, mười bảy phẩm, nhưng văn tự khá rõ ràng, giản dị, khiến cho người học như chúng ta trong hiện thời dễ lý giải và thực hành<sup>2</sup>.

Do thời gian hạn chế, chúng tôi tính bỏ ra năm mươi tiếng đồng hồ để học tập một lượt trong hai mươi lăm ngày, khiến cho mọi người do được Tam Bảo gia trì, đức Thế Tôn khai phát, sẽ có thể nhận biết rõ ràng, hoàn chỉnh, rốt ráo về pháp Ban Châu. Sau đó, khi tu tập, pháp tắc này sẽ trở thành mười phần đơn giản, sáng sủa, nhẹ nhàng. Tuy nói là giảng một lượt, nhưng quả thật chẳng có gì để giảng, chúng tôi chỉ noi theo văn tự để khuyên chỉ, hướng dẫn quý vị mổ xẻ tự tâm. Bởi lẽ, văn tự không gì chẳng từ trong Như Lai Tạng lưu xuất, là lời chân thật của

---

<sup>2</sup> Tuy có bảy bản dịch, nhưng chỉ có hai bản dịch hoàn chỉnh và một bản dịch thất truyền. Theo mục lục kinh điển hiện thời, hãy còn giữ lại được các bản như sau:

1. Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh (còn gọi là Thập Phương Hiền Tại Phật Tắt Tại Tiền Lập Định Kinh), do các vị Trúc Sóc Phật và Chi Lô Ca Sám dịch vào năm Quang Hòa thứ hai (179) thời Hán Linh Đế, thị giả Mạnh Phước và Trương Liên làm bút thọ.

2. Đại Tập Hiền Hộ Phần (còn gọi là Hiền Hộ Bồ Tát Kinh) do ngài Xà Na Quật Đa và Cấp Đa dịch vào Khai Hoàng thứ tư (594) nhà Tùy tại chùa Đại Hưng Thiện, các vị như sa-môn Minh Phân v.v... làm bút thọ.

3. Ban Châu Tam Muội Kinh gồm một quyển, cũng do ngài Chi Lô Ca Sám dịch (theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục), nhưng có thuyết nói là do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Bản này là bản dịch khác của bản đầu tiên, nhưng tàn khuyết.

4. Bạt Bà Bồ Tát Kinh (còn gọi là Bạt Bà Đa Bồ Tát Kinh), không rõ tên người dịch, chỉ gồm bốn phẩm đầu của kinh Ban Châu Tam Muội.

5. Ban Châu Tam Muội Kinh do Trúc Pháp Hộ dịch, bị tàn khuyết.

6. Ban Châu Tam Muội Niệm Phật Chương Kinh một quyển, chỉ là bản dịch khác của phẩm Hành trong kinh Ban Châu Tam Muội, không rõ tên người dịch.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Như Lai, mà cũng là bản chất của tâm trí chúng ta, chớ chẳng phải là điều chi khác!

Dưới đây, chúng ta sẽ phân tích tâm địa của chính mình, hòng nhận biết pháp tắc này để ấn khế tự tâm, tức là “*dùng kinh ấn chứng, hứa khả tự tâm*”, khơi gợi, phát khởi tâm trí của chính mình, chứng thực “*hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật*”.

Đây là nguyện vọng xuất thế duy nhất của chư Phật, là giáo ngôn thanh tịnh do hết thấy chư Phật truyền đạt, khiến cho chúng sanh trở về đúng với vị trí vốn có, vượt thoát biển khổ sanh tử luân hồi, chẳng còn bị luân hồi oan uổng.

### ***3. Tựa đề kinh***

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh.***

**大方等大集賢護經。**

#### ***3.1. Hiền Hộ Bồ Tát***

Nay chúng ta đang học kinh Hiền Hộ (賢護), tức là dùng tên người để đặt tên kinh. Do vậy, đối với [danh xưng] Hiền Hộ, cũng phải nên liễu giải nhất định. Đối với ngài Hiền Hộ, phần nhiều Ngài được gọi bằng danh xưng Bồ Tát, hoặc Khai Sĩ, hay Đại Sĩ. Trong mười hai bộ loại kinh điển của Tam Tạng do đức Thế Tôn giảng giải, Ngài (Hiền Hộ Bồ Tát) xuất hiện khá nhiều lần. Tên của Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla) được dịch theo rất nhiều cách, như Bạt Đà Hòa, Bạt Đà Bà La, Bạt Đà La Ba Lê v.v... Như trong phẩm Bát Tư Nghị của kinh Lăng Nghiêm và trong Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh, đều dùng danh tự Bạt Đà Hòa. Danh xưng có khác biệt, nhưng chỉ là một vị.

Trong Phật Thuyết Đại Thừa Bồ Tát Tạng Chánh Pháp Kinh, có chép Hiền Hộ Bồ Tát là vị cầm đầu của mười sáu vị Chánh Sĩ, là bậc tại gia Bồ Tát làm nhân vật đại biểu hộ trì giáo pháp thù thắng. Trong rất nhiều kinh điển, có nhắc đến mười sáu vị Khai Sĩ, hoặc mười sáu vị Chánh Sĩ, như kinh Vô Lượng Thọ có nói nhóm mười sáu vị Chánh Sĩ do ngài Hiền Hộ làm Thượng Thủ, từ chỗ ngồi đứng lên, đến lễ dưới chân đức Phật. Trong kinh Ban Châu Tam Muội, bậc thượng thủ thành tựu của hàng xuất gia là Ma Ha Ca Diếp, còn vị đứng đầu truyền bá, thủ hộ trong hàng tại gia là Hiền Hộ Bồ Tát, mà kinh Ban Châu Tam Muội



## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

là do Hiền Hộ Bồ Tát khai vấn, cũng như do đức Thế Tôn trả lời mà triển khai thành một cơ chế giáo ngôn, và cũng là một cơ chế tu hành hoàn chỉnh. Ngài Hiền Hộ chính là bậc đương cơ, người khai phát, người thủ hộ, và truyền bá pháp Ban Châu Tam Muội.

### ***3.2. Đại Phương Đăng***

Chúng ta biết Trung Hoa có rất nhiều tạng kinh, như Tích Sa Tạng, Long Tạng, Tần Già Tạng, Tự Tạng, Đại Chánh Tạng, Trung Hoa Tạng<sup>3</sup> v.v... không dưới mấy chục loại. Trong quá trình kết tập các tạng

---

<sup>3</sup> Tích Sa Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc vào cuối đời Nam Tống tại Diên Thánh Viện thuộc Tích Sa châu, phủ Bình Giang (nay là khu Ngô Trung thuộc tỉnh Giang Tô). Các nhà nghiên cứu ước đoán tạng kinh này được bắt đầu khắc ván trong niên hiệu Bảo Khánh (1225-1227) thời Tống Lý Tông, nhưng mãi cho đến năm Chí Trị (1322) đời Nguyên Anh Tông mới hoàn tất, gồm 1.532 bản kinh.

Long Tạng là Càn Long Đại Tạng Kinh, còn gọi là Thanh Tạng, do triều đình nhà Thanh chủ trì khắc in vào năm Ung Chánh 13 (1735). Tạng kinh này do các vị Hòa Thạc Trang Thân Vương Doãn Lộc, Hòa Thạc Hòa Thân Vương Hoằng Thư, và trụ trì chùa Hiền Lương là pháp sư Siêu Thịnh chủ trì biên tập, giáo chánh. Mãi cho đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới xong, gồm 1.669 bộ kinh, chia thành 7.168 quyển. Tạng kinh này chủ yếu dựa theo Vĩnh Lạc Bắc Tạng đời Minh. Hiện thời, tạng kinh này được sử dụng phổ biến tại Trung Hoa hơn Đại Chánh Tạng. Đại Tạng Kinh do hòa thượng Tịnh Không ấn hành và biếu tặng các trường đại học, viện nghiên cứu, và tự viện các nơi trên thế giới đều là Long Tạng.

Tần Già Tạng là Đại Tạng Kinh được in vào cuối đời Thanh đầu thời Dân Quốc do Tần Già Tinh Xá ấn hành, xuất bản vào năm Tuyên Thống nguyên niên (1919), gồm 1.916 bộ kinh, chia thành 413 tập. Tạng kinh này dựa theo bản in của Hoằng Giáo Tạng của Nhật Bản, đối chiếu với các bản Tư Phước Tạng, Phổ Ninh Tạng, Gia Hưng Tạng, Long Tạng, và Cao Ly Tạng, nhưng lược bỏ các trước tác của người Nhật. Tạng kinh này có khuyết điểm giáo chánh không tinh tường, bị sai ngoa nhiều chỗ, cho nên chỉ có giá trị tham khảo, không được phổ biến rộng rãi.

Tự Tạng chính là Vạn Chánh Tạng Kinh (tên gọi đầy đủ là Đại Nhật Bản Giáo Đỉnh Huấn Điểm Đại Tạng Kinh), còn gọi là Nhật Bản Tạng Kinh Thư Viện Đại Tạng Kinh, hay Vạn Đại Tạng Kinh, do Đông Đô Tạng Kinh Thư Viện biên tập và ấn hành từ năm 1902-1905, gồm 1.625 bộ kinh được tuyển chọn trên cơ sở Cao Ly Tạng và Vĩnh Lạc Bắc Tạng. Về sau, các vị chủ biên của tạng kinh này như Tiền Điền Huệ Vân (Maeda Eun) và Trung Dã Đạt Huệ (Nakano Tatsue) lại sưu tập các bộ kinh sách và trước tác chưa được thu nhập vào Vạn Chánh Tạng, tạo thành bộ Vạn Tự Tục Tạng Kinh.

Đại Chánh Tạng có tên gọi đầy đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh do Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjiro) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Kaikyoku) chủ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

ấy, đối với chuyện phán định bộ loại, chia khoa mục, mỗi tạng đều có cách phán định khác nhau. Như trong nước (Trung Quốc) thì so ra Long Tạng lưu thông rộng hơn. Trong tạng ấy, có cách phán định [chia các kinh luận thành] Đại Tập, Bảo Tích, Mật Bộ, Tiêu Thừa, Luật Bộ, Tạp Dịch, trước tác nghị luận của cõi này và cõi khác. Trên thực tế, Đại Phương Đẳng (大方等) là danh từ chung để gọi các giáo điển Đại Thừa, còn gọi là Đại Phương Quảng (大方廣, Mahāvaiṣṭya), như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh, Đại Phương Quảng Như Lai Tạng Kinh đều là các kinh điển thuộc loại này. Bộ kinh nay chúng ta đang học có tên là Đại Phương Đẳng; vì thế, chúng ta biết giáo pháp này là liễu nghĩa giáo ngôn (những lời dạy về pháp liễu nghĩa), khai Quyền hiển Thật (chỉ ra phương tiện quyền biến nhằm hiển thị thật pháp), là giáo ngôn chân thật dành cho chúng sanh, lợi ích chân thật, cho nên là lời giảng về Đại Thừa. “Đẳng” là bình đẳng ban bố an lạc cho chúng sanh, là lời dạy đúng lý, hiển thị pháp giới chân thật bình đẳng an trụ.

Chúng ta muốn thật sự thành tựu Ban Châu Tam Muội, mà nếu chẳng thuận theo kinh điển để tu trì, sẽ rất khó thành thực. Hiện thời, trong ngoài nước, người tu tập hành pháp Ban Châu rất nhiều; nhưng chúng sanh đòi mật giải đãi, buông lung, chẳng có đủ sức để tu tập liên tục các pháp, cho nên chẳng thể thâm nhập tu tập hai pháp Bi và Trí, phần nhiều khó thể thành tựu, đối với rất nhiều hành pháp, đâm ra chỉ đạt được lợi ích hạn hẹp, ngoài rìa. Trong khá nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đã thọ ký rành rành: Trong thời đại này, chẳng hạn như trong thời đại của chúng ta, ít ai có sức thần thông thiện xảo. Người đắc Tam Minh, Tứ Trí, Ngũ Nhãn, Lục Thông càng khó thấy trên cõi đời. Nếu có bậc thành tựu, họ phần nhiều ở trong chốn phước địa nơi núi non thù thắng, chẳng thể ở trong cõi đời, vì có sao vậy? Như trong kinh Vô Lượng Thọ,

---

biên, Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyō) giáo khám từ năm 1924 đến năm 1934 mới hoàn thành. Tạng kinh này được coi là Đại Tạng Kinh đầy đủ nhất vì đã dựa trên nhiều bản Đại Tạng trước đó như Thục Tạng, Cao Ly Tạng, Liêu Tạng, Khiết Đan Tạng, Hồ Châu Tạng, Phổ Ninh Tạng, Kinh Sơn Tạng v.v... chia thành 100 tập, bao gồm 5.320 bộ kinh sách, cũng như có nhiều trước tác của Nhật Bản mà các tạng kinh khác không có. Tuy thế, các vị giảng sư Trung Hoa thường chê cách chấm câu trong tạng kinh này không hợp lý, cũng như có một số bản kinh bị lược bớt một số chi tiết, và nhất là Đại Chánh Tạng có khá nhiều trước tác của người Nhật chứa đựng quan điểm thiên kiến, đả kích các tông phái khác nặng nề của Nhật Liên Tông. Chúng tôi không tìm được thông tin về Trung Hoa Tạng.

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đức Phật Thích Ca đã nói: Trong đời ác ngũ trược này, ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu hết sức lừng lẫy. Đó là một cơ chế chủ yếu trong nghiệp lực của chúng sanh thuộc thời đại này!

Tựa đề kinh có chữ Đại Phương Đăng, biểu thị chúng ta đang học liễu nghĩa giáo ngôn, khiến cho các hữu tình thiện căn mỏng ít trong thời mạt này sẽ có thể thành tựu đại thiện xảo. Trong thời đại Mạt Pháp này, gặp được giáo ngôn rốt ráo, liễu nghĩa, triệt đề thì mới có thể thành tựu. Nếu tuân theo thứ tự, pháp tắc nhân quả tiếp nối, sẽ rất khó thành tựu<sup>4</sup>. Vì thế, trong thời đại này, các giáo ngôn thuộc về quả địa, cũng tức là giáo ngôn liễu nghĩa, phần nhiều được truyền bá trong cõi đời. Như thế thì mới có thể lợi lạc thế gian, có thể cứu tế các hữu tình thiện căn hiếm hoi, tự kiêu mạn, có thể độ thoát, thành tựu các hữu tình kiêu mạn, ương ngạnh, khó giáo hóa trong đời mạt. Nếu một thí dụ, nếu một người rơi xuống hầm hố rất nông, sẽ rất dễ tự thoát ra; nhưng nếu rơi xuống hang sâu, hoặc giếng sâu, muốn cứu vớt các loại hữu tình ấy, sẽ cần đến sức lực to lớn, cần đến phương tiện đại thiện xảo. Do đó, thuở đức Thế Tôn tại thế, pháp cơ bản của đại chúng xuất gia là quy y, cho tới khi thọ giới Sa Di, sẽ có thể chứng đắc từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả A La Hán. Thế nhưng trong thời đại này, hữu tình đấu tranh kiên cố, Ngã Chấp kiên cố, coi phi pháp là chánh pháp, coi tri kiến bất chánh là chánh kiến. Kết quả là họ phần nhiều tu tập tri kiến chẳng chánh đáng, chẳng buồn nói đến Tam Quy Y! Dẫu hằng ngày tụng cả đồng kinh điển, lễ sám, tâm trí chúng ta rất khó có cơ chế tương ứng được, làm sao có thể thật sự tương ứng với pháp cho được? Vì thế, trong thời đại Mạt Pháp, điều rõ ràng triệt đề là giáo ngôn về quả địa sẽ khiến cho chúng sanh rốt ráo quy y, rốt ráo nương nhờ, rốt ráo tùy thuận. Vì lẽ nào? Nó bình đẳng bố thí, chẳng bỏ sót bất cứ một kẻ hữu duyên nào, thí giáo rộng khắp các căn cơ, tức là thí giáo bình đẳng. Bộ kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ này cũng giống như thế, ban bố cơ hội ngộ nhập bình đẳng cho hết thảy chúng sanh.

Giảng kinh Ban Châu Tam Muội quả thật là một đại nhân duyên, vì đã nhiều năm ngàn ấy, tuy có khá nhiều vị xuất gia và tại gia Bồ Tát tu tập hành pháp Ban Châu, nhưng mọi người đối với pháp Ban Châu liễu giải rất ít. Thường có người nói: Hành pháp Ban Châu là hành pháp để bậc hiền thánh, hoặc người đại lực, người thành tựu thủ hộ, tu tập; chứ kẻ phàm phu, hoặc cũng có thể nói là “tôi” có thể tu tập được sao?

---

<sup>4</sup> Ý nói theo thứ tự tu tập các pháp môn tự lực.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Hoặc “các vị là người như vậy thì mới tu tập được”. Đúng không? Ở đây, bộ kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ sẽ cung cấp cho quý vị sự nhận thức, giáo huấn và hướng dẫn cặn kẽ, rõ ràng cho mỗi người chúng ta. Nếu kinh điển chẳng thể thật sự lưu thông trong xã hội, khiến cho mọi người đối với hành pháp này có cách nhìn chánh xác, nhận thức sâu đậm, hoặc nói cách khác là có sự liễu giải chánh xác đối với Ban Châu Tam Muội, sẽ rất khó tu tập tương ứng, sẽ rất khó thể thành tựu được!

Hiện thời, người hành Ban Châu càng ngày càng nhiều, trong cơ duyên như thế, mọi người đề xuất học tập kinh Ban Châu Tam Muội. Trước kia, cũng có rất nhiều thiện tri thức đề nghị học tập kinh điển này, tôi đề nghị mọi người hãy cùng nhau đọc tụng thì sẽ rất tốt. Vì đức Thế Tôn đã thọ ký: Trong thời Mạt Pháp, pháp sư giảng kinh phạm nhiều lầm lỗi, còn pháp sư tụng kinh thì giống như Phật tuyên dương, giáo hóa, có nhiều công đức. Vì sao vậy? Hữu tình thời Mạt Pháp cho đến những vị thuộc vào địa vị thiện tri thức, cũng có rất nhiều vị tâm thức bị ô nhiễm, khiến cho các tri kiến chẳng tương ứng với Phật pháp được lưu hành trong thế gian, nhuốm bản thế gian, khiến cho hữu tình mờ mịt, khiến cho các hữu tình vốn đã nghi hoặc Phật pháp càng thêm mê mờ, càng chẳng tương ứng với Phật pháp. Đó là điều đại kỵ trong giảng kinh thời Mạt Pháp, mà cũng là lỗi lầm dễ phạm nhất trong khi giảng kinh vào thời Mạt Pháp. Do vậy, đích xác là trong thời Mạt Pháp, người giảng kinh chẳng đạt được thiện xảo, chẳng thể trực tiếp đạt được công đức và lợi ích như người tụng kinh! Vì thế, trước khi chúng ta học tập kinh Ban Châu, đại khái dùng thời gian một tháng để đọc tụng. Nay giảng bộ kinh này, thật ra cũng là vì để nhiều người đọc tụng hơn, liễu giải nguyên văn của bộ kinh điển này, liễu giải ý nghĩa chân thật và như thật của đức Thế Tôn, cũng như để trực tiếp cúng dường bộ kinh này, hồi thí cho kẻ hữu duyên, khiến cho chúng ta nương theo kinh này mà tu tập pháp tắc, nương theo kinh mà thành tựu pháp tắc. Như thế thì mới sẽ chẳng có bất cứ chuyện ủy khuất hay đi đường vòng. Đó cũng là duyên khởi và mục đích học tập của chúng ta, mong cho càng nhiều hữu tình đạt được bất thoái chuyển đối với Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời!

Trong pháp Ban Châu, hiện thời, mọi người chưa bàn đến cơ chế để đích thân chúng nhập môn tam-muội này, phần lớn là trong khi tu tập, quan sát, trong khi tu hành, sẽ không ngừng thâm nhập liễu giải. Nếu muốn thật sự liễu giải hoàn chỉnh pháp này, cần phải học tập kinh điển,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

học tập sự nhận thức đối với pháp này của lịch đại tổ sư và các vị thiện xảo trải các đời. Cũng như thông qua sự tu tập của chúng ta, khiến cho Ban Châu Tam Muội được truyền bá rộng khắp trong cõi đời, lợi ích rộng khắp trời, người. Dựa trên nguyện vọng tốt đẹp như vậy, chúng ta học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ. Do ngôn ngữ trong kinh này khá đơn giản, rõ ràng, chúng ta có thể trực tiếp hồi thí [công đức ấy], cho đến giao lưu rộng rãi, cổ vũ, khích lệ mọi người trực tiếp thâm nhập kinh tạng và pháp tắc tu tập. Do vậy, nói giảng kinh chẳng qua chỉ là sự học tập, cổ vũ, khích lệ, mang tâm trí tùy hỷ mà thực hiện vậy!

Vì sao học tập tại Hằng Dương Am<sup>5</sup>? Quả thật là một cơ hội thù thắng, khó có, cũng là vì chúng thường trụ ở đây tuy hiện thân nữ, thật sự là Bồ Tát. Vì sao vậy? Một năm rưỡi qua, họ niệm Phật, kinh hành chẳng gián đoạn, dùng hình thức đoàn thể liên tục thay phiên để hành trì pháp tắc Ban Châu, mười phần cảm động lòng người, mười phần khó có! Nhưng cũng xuất hiện khá nhiều vấn đề; do vậy, cơ hội học tập ở nơi đây càng thêm chín muồi! Hiện thời, Hằng Dương Am có số người thường trụ nhất định, mười mấy người, hai mươi mấy người, hoặc ba mươi mấy người, nhưng một năm trước vẫn chưa phải là như thế. Đây là một pháp duyên khởi, vì có nhóm các bà ấy tập thể tu tập Ban Châu, có cơ chế luân phiên tu tập Ban Châu suốt ngày đêm, khiến cho người khác rất cảm động. Họ tu tập suốt một năm rưỡi, thật sự kéo dài đến nay. Mọi người đối với đạo tràng “khăng khăng chẳng mệt, thường hằng, tập thể thủ hộ pháp tắc” này, đều rất cảm động, hoặc thật sự ngưỡng mộ. Khá nhiều người được hành vi của các bà gia trì, cảm động, cũng tu tập pháp tắc Ban Châu. Chúng thường trụ tại chùa Phóng Quang, cũng như các vị thuộc các đạo tràng khác cũng đều đề nghị có thể học tập kinh Ban Châu Tam Muội hay không, nhưng do nhân duyên thuộc các phương diện khác chẳng chín muồi, mãi cho đến nay vẫn chưa học tập. Lần này, chúng thường trụ tại Hằng Dương Am đề xướng là vì có tòa điện đường mới được đưa vào sử dụng, cũng như do nhu cầu hành pháp của đạo

---

<sup>5</sup> Hằng Dương Am là hạ viện của chùa Hoa Thủ Phóng Quang tại núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam. Hiện thời, Hằng Dương Am thường được gọi là Hoa Thủ Phóng Quang Tự Tịnh Độ Viện. Vị trí ở trên núi Kê Túc cao hơn mặt biển khoảng 2.400 m. Hằng Dương Am là đạo tràng Ban Châu, chúng thường trụ luân phiên hành pháp Ban Châu suốt ngày đêm, thủ hộ suốt năm liên tục chẳng đoạn. Cho tới thời gian giảng kinh lần này, tức tháng Tám năm 2006, chúng thường trụ trong đạo tràng đã tu hành pháp này một năm rưỡi chẳng gián đoạn (chú thích của người biên tập lời giảng).

### ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tràng mà học tập kinh Ban Châu Tam Muội. Các duyên hòa hợp, cho nên chúng ta tới học tập tại đây. Trên đây cũng là duyên khởi và mục đích chúng ta tới nơi này để học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ; ở đây, tôi cũng thưa trình luôn cùng mọi người.

### **3.3. Đại Tập**

Chúng ta hãy xem hai chữ Đại Tập (大集). Trong tạng kinh có Đại Tập Bộ<sup>6</sup>, bộ phận kinh điển này là do đức Thế Tôn đối trước các vị đại Bồ Tát trong Dục Giới và Sắc Giới, tuyên thuyết rộng khắp giáo ngôn liễu nghĩa Đại Thừa. Các giáo pháp ấy được tụ tập lại, gọi chung là Đại Tập Kinh<sup>7</sup>. Nay chúng ta học tập kinh này, trên thực tế cũng là do được chư Phật Như Lai gia trì, [cũng như vì] cơ hội của các vị đại Bồ Tát chúng ta, tức là cơ duyên đại giác ngộ, cơ duyên dụng công đã chín muồi. Bởi lẽ, Bồ Tát, [hay nói đầy đủ là] Bồ Đề Tát Đỏa, tức là những vị gặp pháp bền vững mạnh, tu tập thanh tịnh. Người hiện thời buông lung,

---

<sup>6</sup> Đại Tập Bộ là danh xưng được đặt ra bởi sách Khai Nguyên Thích Giáo Lục để chỉ các kinh không thuộc hệ thống A Hàm, Hoa Nghiêm, Bát Nhã, và Pháp Hoa. Trong bộ Duyệt Tạng Tri Tân, ngài Ngẫu Ích đổi thành danh xưng Phương Đẳng Bộ. Đại Tập Bộ bao gồm hai bộ kinh lớn là Đại Tập Kinh và kinh Đại Bảo Tích, cũng như các kinh nhỏ khác như kinh Đại Ai, kinh Bảo Nữ Sở Vấn, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, kinh Bảo Tinh Đà La Ni, kinh Đại Tập Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Sở Vấn, kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân... Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh lại tách các kinh thuộc loại này thành ra hai bộ là Bảo Tích Bộ và Đại Tập Bộ.

<sup>7</sup> Đại Tập Kinh (Mahāsaṃnipāta Sūtra) còn gọi là Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, bao gồm nhiều bộ kinh nhỏ. Mỗi bộ kinh ấy được gọi là Phần, như bản kinh chúng ta đang học được gọi là Hiền Hộ Phần. Nội dung của kinh Đại Tập rất rộng, lấy Trung Quán và Thật Tướng làm tông chỉ. Kinh này gồm sáu mươi quyển. Theo ngài Xà Na Quật Đa, nguyên bản tiếng Phạn có đến mười vạn bài kệ (một kệ là bốn câu không phân biệt dài ngắn), nếu dịch ra toàn bộ, sẽ thành ba trăm quyển. Bản đầu tiên của Đại Tập Kinh là ngài Đàm Vô Sám (Dharmarasksha) mang đến Tây Kinh Châu dưới thời Tấn An Đế, được Hà Tây Vương là Thư Cừ Mông Tôn dịch sang tiếng Hán, gồm hai mươi chín quyển. Sau đó, ngài Na Liên Đề Da Xá (Narendrayāśas) dịch thêm hai bộ Nguyệt Tạng Kinh (mười hai quyển) và Nhật Tạng Kinh (mười lăm quyển). Sau đó, lại có các vị Đạt Ma Cấp Đa dịch thêm Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Phần, ngài Xà Na Quật Đa dịch Hiền Hộ Phần, Ban Châu Tam Muội Kinh, Đại Tập Thí Dụ Vương Kinh, Hư Không Dụng Bồ Tát Kinh, ngài Huyền Trang dịch Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, ngài Bất Không dịch Bách Thiên Tụng Đại Tập Kinh Địa Tạng Bồ Tát Thịnh Vấn Pháp Thân Tán v.v...

### ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

dầu gắp pháp, phần nhiều chẳng hành, dầu gắp pháp chẳng sanh lòng tôn trọng, vượt mất cơ hội ngay trong tầm tay, [trôi lăn] trong dòng sanh tử, chẳng thể tự thoát ra được, đúng là khiến cho chư Phật thương xót!

“*Đại Tập*” còn có thể nói cách khác, tức là [kinh pháp được] đức Phật nói trước đại chúng. Nói tới “*đại chúng*” thì không chỉ là bậc đại Bồ Tát, mà còn là nói tổng quát các hữu tình trong chín pháp giới, cũng đều được gọi là Đại Tập. Nay chúng ta tiếp xúc, học tập kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ, đúng là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, vì kinh Ban Châu được truyền bá rất rộng tại Trung Hoa, nhưng người thật sự học tập, tu tập kinh điển này, tuy hiện thời dần dần nhiều hơn, nhưng nếu so với khá nhiều bộ kinh điển khác như kinh A Di Đà, kinh Kim Cang, và kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì người liễu giải kinh này vẫn là rất ít. Nhưng chúng ta có cơ duyên như thế này để liễu giải, nhận biết kinh này, quả thật là đời trước chúng ta đã có nhân duyên rất sâu với pháp Ban Châu. Nếu chẳng có nhân duyên như vậy, dầu một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp muốn nghe pháp này, cũng chẳng thể có cơ duyên chín muồi được! Đối với nhân duyên như thế nào thì mới có thể học tập hành pháp Ban Châu này, trong kinh này, đức Phật đã bình đẳng rộng rãi tuyên nói, trong phần sau, chúng tôi sẽ nói đến.

### ***3.4. Kinh***

Chữ Kinh có nghĩa là “*xuyên suốt*”, hoặc “*tiếp nối*”, ví như đường nẻo có thể khiến chúng sanh noi theo mà đi. Chúng ta học tập kinh điển này, cũng là cậy nhờ Tam Bảo gia trì, Phật Thích Ca gia trì, Hiền Hộ Bồ Tát khơi gợi mà có thể thâm nhập kinh tạng, liễu giải Ban Châu, liễu giải Ban Châu tam-muội, liễu giải cách tu nơi nhân địa và cách tu nơi quả địa của Ban Châu tam-muội, liễu giải nội dung thành tựu chân thật, cội nguồn và điều kiện cần thiết của Ban Châu tam-muội. Nếu chẳng liễu giải những điều ấy, nói Ban Châu thì chẳng đắc tam-muội, nói tam-muội sẽ chẳng thể tương ứng với Ban Châu, nói Ban Châu tam-muội, chẳng thể liên quan đến bản thân chúng ta. Nếu là như vậy, dầu pháp tắc tốt đẹp, đối với chúng ta có lợi ích chi đâu? Vì vậy, nói theo phía chúng ta, chuyện học tập đâm ra mười phần quan trọng. Bất luận các vị Bồ Tát từ bên ngoài tới, hay vốn ở đây từ trước, chúng ta có cơ hội học tập, nhận biết pháp tắc này, lại còn đặc biệt ấn định ngày Phật Hoan Hỷ làm ngày khởi đầu học kinh Ban Châu Tam Muội, cũng tức là kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ, đúng là thiện căn, phước đức,

### ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Cơ hội như vậy thật sự là do oai thần và phước đức của Tam Bảo, chư Phật, Bồ Tát gia trì, ban bố, cũng như do cơ chế thiện căn chín muồi của bản thân chúng ta cùng hòa hợp thành. Chúng ta thấy chúng thường trụ trong đạo tràng này vận dụng tâm tư rất lớn, mua rất nhiều hoa tươi, biểu thị pháp này nhất định sẽ tạo ra kết quả chẳng thể nghĩ bàn, giống như hoa thơm ngát thế gian, tịnh hóa thế gian. Chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội cũng phải như thế, khẳng định là có một duyên khởi rất tốt đẹp và thanh tịnh.

### **3.5. Dịch giả**

***Tùy Thiên Trúc Tam Tạng Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa đẳng dịch.***

**隋天竺三藏闍那崛多及笈多等譯。**

*(Đời Tùy, Tam Tạng pháp sư xứ Thiên Trúc là Xà Na Quật Đa và các vị như Cấp Đa v.v... dịch).*

“Tùy” tức là nhà Tùy<sup>8</sup>.

Thiên Trúc (Sindhu) tức là Ấn Độ. Cổ nhân gọi là Ngũ Thiên Trúc, tức Ngũ Ấn Độ, [tức là Ấn Độ thuở ấy] được chia thành năm phần Nam, Bắc, Đông, Tây, Trung Ương. Vùng Đại Lý hiện thời từ đời

---

<sup>8</sup> Tùy là triều đại tiếp sau thời Nam Bắc Triều, do Tùy Văn Đế (Dương Kiên) sáng lập, tồn tại từ năm 581-605, truyền được hai đời vua, kinh đô là Trường An. Danh xưng của triều đại là do cha của Dương Kiên là Dương Trung từng được nhà Bắc Châu phong là Tùy Quốc Công. Dương Kiên được tập ấm, về sau, được sắc phong thành Tùy Vương, cai quản mười hai quận. Tuy tồn tại không lâu, nhà Tùy đã có công thống nhất Trung Hoa sau một thời gian dài bị phân hóa do Ngũ Hồ (năm sắc dân du mục ở phía Bắc và phía Tây Trung Hoa) xâm lấn Trung Nguyên, lập ra nhiều triều đại (tức thời Nam Bắc Triều), liên tục gây chiến, tiêu diệt lẫn nhau. Nhà Tùy đã có những cải cách nâng cao sản lượng nông nghiệp, hoàn thành hệ thống quản trị, thống nhất đúc tiền, tích cực hộ pháp cho Phật pháp, phát triển hệ thống kênh đào khiến cho giao thông thuận tiện hơn. Tuy vậy, do tách hiếu chiến, Tùy Dương Đế đã liên tục mở các chiến dịch tốn kém để tấn công Cao Câu Ly (Goguryeo) khiến quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề, dẫn đến các cuộc bạo loạn, tướng lãnh quân phiệt cát cứ, gây nên sự sụp đổ của nhà Tùy. Tùy Dương Đế bị quyền thần Vũ Văn Hóa Cập bức tử, lập ra nhà Bắc Châu, mở ra một thời kỳ loạn lạc mãi cho đến khi Lý Thế Dân dẹp tan các phe phái, thống nhất Trung Hoa vào năm 626, mở ra thời thịnh trị của nhà Đường.



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Nguyên trở về trước vẫn là nước Đại Lý, tức nước Nam Chiếu<sup>9</sup>. Cương giới rất lớn, đại khái là gần như cương vực của Trung Quốc hiện thời. Phía Tây đến Việt Nam, phía Bắc đến tận cùng Khang Tạng của Tứ Xuyên, Tây giáp ranh Ấn Độ. Xét theo ghi chép thì cũng từng là xứ Ma Yết Đà của Ấn Độ<sup>10</sup>.

“*Tam Tạng*” ở đây là “*Tam Tạng pháp sư*”. Tam Tạng bao gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng. Tại Trung Hoa, xưa nay những vị có thể gọi là Tam Tạng pháp sư rất ít. Mọi người quen thuộc Đường Tam Tạng pháp sư, tức pháp sư Huyền Trang đời Đường, là một nhân vật vĩ đại, là nhân vật có tánh chất lịch sử chẳng thể nghĩ bàn, cũng là một nhân vật mang tánh chất thế giới. Tại Ấn Độ, tiếng tăm của Ngài còn vang dội hơn so với tất cả những người khác tại Trung Hoa, gần như không ai chẳng biết tới Ngài. Hiện thời, rất nhiều di tích cổ được khai quật đều dựa theo [các ghi chép] trong Đại Đường Tây Vực Ký của ngài Đường Tam Tạng như một bản hướng dẫn khảo chứng.

---

<sup>9</sup> Nam Chiếu là một vương quốc cổ tồn tại từ năm 738 đến năm 902, gồm hai sắc dân chủ yếu là Ô Man (người Di, hoặc còn gọi là Lolo, hay Nuosuo. Sắc dân này có một số sống tại miền thượng du Bắc Việt, tự xưng là người Lô Lô) và Bạch Man (Baipho). Vương quốc này do thủ lĩnh của chiêu Mông Xá là Bì La Các (Khun Borom Rachathirath) sáng lập (Chiếu là danh xưng của một bộ tộc. Thời ấy, họ bao gồm các bộ tộc Mông Xá, Mông Huệ, Lãng Khung, Thi Lãng, Việt Tích v.v...), kinh đô là thành Thái Hòa (tức thành phố Đại Lý hiện thời). Thời cực thịnh vương quốc này bao gồm toàn bộ tỉnh Vân Nam, miền Nam Tứ Xuyên, khu vực Tây Nam của Quý Châu, vùng Đông Nam của Tây Tạng, miền Bắc Miến Điện, Bắc Lào, và một phần Bắc Thái Lan cũng như một số vùng đất thuộc biên giới Việt Nam. Tới năm 902, Trịnh Mãi Tự xưng đế, diệt Nam Chiếu, lập ra nước Đại Trường Hòa. Sau đó, Đại Trường Hòa lại bị Đông Châu Tiết Độ Sứ Dương Can Trinh (có sách viết là Dương Can Chân) diệt quốc, tôn Triệu Thiện Chánh làm hoàng đế, lập ra nước Đại Thiên Hưng. Năm sau, Dương Can Trinh phế Triệu Thiện Chánh, tự xưng đế, đổi quốc hiệu là Đại Nghĩa Ninh. Năm 937, Thông Hải Tiết Độ Sứ Đoàn Tư Bình soạn ngôi, đổi quốc hiệu là Đại Lý (Dablit Guaiif). Đại Lý rất cường thịnh cho đến đời Đoàn Hưng Trí thì Đại Lý diệt vong sau khi tướng Mông Cổ là Ngột Lương Cáp Đài (Uriyanqadai, có khi phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai) bắt sống Đoàn Hưng Trí. Dân Nam Chiếu thiện chiến, đã ba lần gây chiến tranh có quy mô lớn với nhà Đường.

<sup>10</sup> Ở đây, pháp sư Từ Pháp nhằm lẫn, Ma Yết Đà (Maghada, Ma Kiệt Đà, Ma Già Đà) là một trong mười sáu đại quốc thời đức Phật, nằm ở Bắc Ấn (vùng Bihar ngày nay) bao gồm các khu Patna, Jehanabad, Nalanda, Aurangabad, Arwal, Nawada và Gaya của Bihar, hoàn toàn không liên quan gì đến địa bàn của Nam Chiếu.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa*” là tên của [các vị dịch sư] người Ấn Độ. Chúng ta biết người Ấn Độ có hai đại ngữ hệ, ngữ hệ tiếng Phạn (Sankrit, Saṃskṛta) và ngữ hệ Ba Ly (Pāli), gần giống như thể loại Văn Ngôn và Bạch Thoại trong kết cấu ngôn ngữ của Trung Hoa. Tiếng Ba Ly chỉ có ngôn ngữ, không có văn tự. Văn bản tiếng Ba Ly được ghi chép như thế nào? Có khi dùng Anh văn (tức là dùng mẫu tự Latin) để ghi chép, có khi dùng tiếng Dai (傣, Thái)<sup>11</sup> vùng Bản Nạp (thuộc khu tự trị Tây Song (Sibsongbanna) tỉnh Vân Nam) để ghi chép, có khi dùng văn tự Thái Lan để ghi chép. Sử dụng rất nhiều văn tự địa phương trong từng quốc gia để ghi chép cách đọc trong tiếng Ba Ly, gọi là “*ngữ hệ Ba Ly*”.

“*Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa*”, danh tự này rất dài, thông thường chúng ta không phiên dịch. Nếu dịch ra, sẽ nói đơn giản là Đức Chí (Jñānagupta). Vị này thuộc chủng tánh Sát-lợi, trong nhà có năm anh em, ngài Quật Đa nhỏ nhất. Ngài xuất gia từ bé, là một vị Tam Tạng pháp sư giỏi về du hóa (đi khắp nơi thuyết pháp giáo hóa). Theo [sử liệu] ghi chép, thoát đầu cùng xuất phát sang Trung Hoa, Ngài có mười người làm đồng bạn. Hành trình rất gian khổ, sáu người mất mạng, chỉ còn lại bốn người. Thoạt đầu, họ tới Trường An, tới chùa Thảo Đường. Hiện thời, tại Tây An còn có chùa Thảo Đường, cũng là nơi dịch kinh sớm nhất của La Thập đại sư. Tùy Văn Đế khá ưu đãi ngài Quật Đa Tam Tạng, thỉnh Ngài phiên dịch kinh Phật. Trong quá khứ, các vị Tam Tạng pháp sư đến Trung Hoa, đều do được đế vương thỉnh mà kiến lập đạo tràng dịch kinh. Do vậy, nay chúng ta đọc các bản dịch này, cũng là do hoàng quyền của Tùy Văn Đế gia trì, chấp thuận, mới được phiên dịch. Quật Đa Tam Tạng suốt đời phiên dịch ba mươi bộ kinh, gồm một trăm bảy mươi sáu cuốn. Nay chúng ta học tập năm quyển Đại Tập Hiền Hộ trong số đó. Ngài viên tịch vào năm Khai Hoàng 20 (600), thọ bảy mươi tám tuổi.

### ***4. Phẩm thứ nhất: Tư Duy***

---

<sup>11</sup> Người Dai (còn gọi là Thái Tộc) là sắc dân thiểu số, chủ yếu sống tại tỉnh Vân Nam, có liên hệ huyết thống rất gần với người Thái tại Lào và Thái Lan, bao gồm nhiều sắc dân như Thái Lặc (Tây Song Bản Nạp, Sibsongpanna), Thái Na (Tai Nua), Thái Đầm (Tai Dam), Thái Bằng (Tay Pong), Thái Đoan (Tai Khao), Thái Nhã (Tai Ya), và Thái Hữu (Tai Yo). Họ theo đạo Phật Nam truyền và chia sẻ rất nhiều đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ với người Thái tại Thái Lan và Lào.

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh quyển đệ nhất.  
Hiền Hộ Phần Tư Duy phẩm đệ nhất.*

**(經)大方等大集賢護經卷第一。**

**賢護分思惟品第一。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ nhất.  
Hiền Hộ phần. Phẩm thứ nhất: Tư Duy).*

Mỗi bộ kinh đều có ba bộ phận lớn là Tụ Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần. Nay chúng ta học tập Tụ Phần.

*(Kinh) Như thị ngã văn. Nhất thời, Phật tại Vương Xá thành, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, dữ đại tỳ-kheo chúng ngũ bách nhân câu.*

**(經)如是我聞。一時，佛在王舍城迦蘭陀竹園精舍，  
與大比丘眾五百人俱。**

*(Kinh: Tôi nghe như thế này. Một thời, đức Phật ngự tại Trúc Viên Tinh xá Ca Lan Đà thành Vương Xá, cùng với năm trăm vị tỳ-kheo nhóm họp).*

Kinh điển vừa mở đầu, đã bao gồm sáu loại thành tựu:

“*Như thị ngã văn*” biểu thị Chánh Tín Thành Tựu và Văn Thành Tựu. Thuở đó, trong khi kết tập kinh điển với năm trăm vị A La Hán, tôn giả A Nan thăng tòa tuyên thuyết, hiện quang minh và tướng hảo giống như đức Thế Tôn, âm thanh mỹ diệu giống như đức Thế Tôn, nội dung ngôn từ giống như đức Thế Tôn, có người sanh nghi nói “chẳng phải là A Nan đã thành Phật ư?” Vì thế, Ngài dùng câu “*như thị ngã văn*” để trừ bỏ nghi vấn ấy, nêu rõ [những điều tôi đang nói] là do nghe đức Thế Tôn nói. Do đó, “*như thị ngã văn*” bao gồm Tín Thành Tựu và Văn Thành Tựu.

“*Nhất thời*” là Thời Thành Tựu.

“*Phật*” là Chủ Thành Tựu.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Vương Xá thành, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh Xá*”<sup>12</sup> là Xứ Thành Tụ.

“*Dĩ đại tỳ-kheo chúng ngũ bách nhân câu*” là Chúng Thành Tụ. Phần sau có nói năm trăm vị ấy “*giai thị A La Hán*” (đều là bậc A La Hán), biểu thị quyền thuộc trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Trong sự thành tựu của hết thấy các pháp hành trì, nếu chẳng biểu đạt quyền thuộc, pháp tắc ấy sẽ trở trời, sẽ chẳng có sức, chẳng thể tiến nhập được, sẽ chẳng thể truyền bá rộng rãi được!

Sáu loại thành tựu này chính là cách thức cơ bản của kinh điển. Trong lời dạy về cơ cấu truyền pháp của Long Thọ Bồ Tát, Ngài cũng đề ra năm loại thành tựu. Nói chung, dùng các loại thành tựu ấy để chứng thực kinh điển này vốn là chân thật, khiến cho chúng sanh lìa nghi ngờ, lo ngại. Giảng giải kinh điển thì cần phải nêu bày như thế, chứng tỏ kinh điển này chân thật chẳng dối, chẳng phải do người đời sau bịa đặt. Vì nếu một bộ kinh điển có nguồn gốc chẳng rõ ràng, nhận thức của chúng ta đối với căn cứ của bộ kinh điển sẽ trở thành ngờ vực, băn khoăn, rất khó y pháp phụng hành, rất khó thâm nhập tu tập thành tựu được!

***(Kinh) Giai thị A La Hán.***

**(經)皆是阿羅漢。**

***(Kinh: Đều là A La Hán).***

La Hán là “*sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập*” (việc làm đã hoàn tất, phạm hạnh đã lập), là bậc Ứng Cúng (đáng tiếp nhận sự cúng dường) trong tam giới, tức là hết thấy trời, người trong Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới đều nên cúng dường Ngài, đều nên đánh lễ, đều nên tôn trọng. Vì thế, A La Hán còn được gọi là Ứng Cúng (應供). Chúng ta đều biết trong mười tôn hiệu của Như Lai, cũng có danh hiệu Ứng Cúng này.

***(Kinh) Chư lậu dĩ tận.***

---

<sup>12</sup> Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh Xá (Kalaṇḍaka Veṇu-vana, Kāraṇḍa-veṇūvana), còn dịch là Trúc Lâm Tinh Xá, hoặc Đại Lâm Tinh Xá, chính là khu rừng trúc do trưởng giả Ca Lan Đà nước Vương Xá (Rājagriha) hiến cúng. Đây là tinh xá đầu tiên được dâng cúng cho Tăng đoàn của đức Phật. Vương Xá là kinh đô của nước Ma Kiệt Đà (Ma Yết Đà, Ma Già Đà, Magadha), nay là thành phố Rajgir. Thời cổ, đại tự viện Nalanda đặt ở đây.

**(經)諸漏已盡。**

*(Kinh: Các lậu đã hết).*

“Sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập, bất vi hậu hữu” (việc làm (tức việc tu học hữu lậu) đã hoàn tất, phạm hạnh đã lập, chẳng còn tạo nghiệp cho thân sau); đó là tiêu chuẩn của bậc A La Hán.

*(Kinh) Vô phục phiền não, hàm đắc tự tại.*

**(經)無復煩惱，咸得自在。**

*(Kinh: Chẳng còn phiền não, đều được tự tại).*

Trong phiền não của hữu tình, “tham, sân, si, mạn, nghi” là năm món Tư Hoặc phiền não thô nặng, là các phiền não khá tri độn (năm Độn Sử). Ngoài ra, còn có Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Cấm Thủ Kiến là năm món Kiến Hoặc phiền não, được gọi là năm Lợi Sử, tổng cộng là mười căn bản phiền não. Ngoài ra, còn có Tùy phiền não, trong đó lại có thượng phẩm Tùy phiền não, trung phẩm Tùy phiền não, và hạ phẩm Tùy phiền não.

“Vô phục phiền não” (Chẳng còn phiền não), tức là các phiền não trên đây đều đã hết. A La Hán chưa hết tập khí, nhưng đã hết phiền não. Trong kinh điển của đức Thế Tôn, rất nhiều vị A La Hán vẫn còn biểu hiện tập khí rất lớn, nhưng đã hết phiền não. Cũng có nghĩa là nói theo sự đích thân chứng đắc trong tâm trí thì nhân duyên phiền não đã bị đoạn trừ, nghiệp duyên tập khí tái sanh cũng đã đoạn trừ, giống như cội cây to đã bị nhổ bật gốc rễ, đặt trên một tảng đá lớn, vĩnh viễn chẳng thể mọc lại. Nhưng trong khi ấy, chính nó vẫn có thể do lượng nước trong bản thân mà trở một số mầm non. Do đó, A La Hán chưa hết tập khí, nhưng cội rễ sanh tử, cội rễ phiền não đã đoạn trừ, được gọi là “vô phục phiền não, hàm đắc tự tại” (chẳng còn phiền não, đều được tự tại). Gánh nặng đã buông xuống, vĩnh viễn giã biệt luân hồi, đó là bậc A La Hán. Nhưng bọn phàm phu hữu tình chúng ta vẫn đeo gánh nặng luân hồi, gánh nặng phiền não, chẳng thể tự chế ngự được!

*(Kinh) Tâm thiện giải thoát, huệ thiện giải thoát.*

**(經)心善解脫，慧善解脫。**

*(Kinh: Tâm khéo giải thoát, huệ khéo giải thoát).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Từ ngữ “*giải thoát*” có nghĩa là đối với ác duyên và các thứ nhân duyên nghịch cảnh đều chẳng vướng mắc, liễu đạt nguồn cội. Đó là nói đến tướng trạng của giải thoát. Chúng ta thấy có kẻ sau khi phạm pháp, sẽ bị xiềng xích, còng tay. Đó gọi là “*triền phược*” (纏縛, trói buộc), nhưng “*tâm thiện giải thoát*” tức là vĩnh viễn giã biệt hết thảy trói buộc. “*Huệ thiện giải thoát*” cho thấy không chỉ tâm chẳng vướng mắc, mà huệ cũng chẳng vướng mắc, chẳng vướng mắc trong các thứ pháp, cũng chẳng đắm nhiễm, mà cũng chẳng dính mắc các loại điều dụng. Thường là trong các hành pháp, đã phá Ngã Chấp thì Pháp Chấp lại xuất hiện.

***(Kinh) Điều phục nhất thiết, do như đại long.***

**(經)調伏一切，猶如大龍。**

***(Kinh: Điều phục hết thảy giống như rồng lớn).***

Người Hoa tự xưng là “*truyền nhân của rồng*”, hoàng đế lại xưng là “*chân long thiên tử*”. Trong Phật giáo, Long là mạnh mẽ, đại oai đức, là kẻ thủ hộ của kho tàng to lớn.

***(Kinh) Sở tác dĩ biện, chúng hạnh cụ bị, khí xả trọng đảm, bất thọ hậu sanh.***

**(經)所作已辦，眾行具備，棄舍重擔，不受後生。**

***(Kinh: Việc làm đã xong, trọn đủ các hạnh, buông bỏ gánh nặng, chẳng nhận lấy đời sau).***

Thông thường, khi A La Hán đã chứng quả, tự nhiên sẽ nói ra bốn câu kệ. Cũng có thể nói bốn câu ấy là tiêu chí (logo) của A La Hán, nhưng mỗi kinh điển đều có cách nói khác nhau, như “*bất thọ hậu sanh*” thì có kinh ghi là “*bất vi hậu hữu*”. Chúng ta có thể quan sát cử tâm động niệm của chính mình trong hiện tiền có “*hậu hữu*” (後有, thân trong đời sau) hay không? Các vị đại thiện tri thức, A La Hán, cùng với các vị Bồ Tát đã chứng đắc từ Bát Địa trở lên, tâm trí hậu hữu rất khó sanh khởi. Bởi lẽ, các vị ấy đã cắt đứt phiền não, đạt tới địa vị vô công dụng, hết thảy hành vi đều chẳng cạy vào tạo tác, chẳng nhờ vào tư duy, chỉ dựa vào phương tiện quyết trạch (抉擇, chọn lựa), cũng có nghĩa là hết thảy các hành vi đều là phương tiện, chẳng phải dùng đến sức lực,

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chẳng giống như chúng ta [do phải luôn vận dụng thể lực và tâm lực] thường có cảm giác mệt mỏi, nhọc nhằn!

Tâm lực giữa phàm và thánh sai biệt rất lớn; đây chẳng phải là lời lẽ hư giả. Năm nay, tôn giả Hồ Ba Ôn Trung (Khruba Bonchum)<sup>13</sup> của Nam truyền Phật giáo tới chỗ chúng ta. Có một lần, tôi dùng thời gian nửa ngày để so sánh khối lượng công việc của chính mình với Ngài. Sau đó, tôi nói: “Ngài Hồ Ba, Ngài là Bồ Tát, còn tôi tuyệt đối là phàm phu!” Vì sao tôi có thể phán định địa vị của chính mình? Mật độ hoạt động của Ngài hết sức lớn, cơ bản là chẳng gián đoạn. Tất cả các hành động đều có tánh chất liên tục, chẳng cần phải suy nghĩ! Nếu quý vị phải suy nghĩ, sẽ mệt mỏi rất nhanh, cần phải nghỉ ngơi, còn mật độ xử lý công việc trong tâm Ngài chẳng phải do tư duy mà có được! Quý vị có thể trực tiếp cảm nhận, có thể lãnh hội, quan sát, so sánh [mà nhận biết]. Hễ so sánh, liền biết chính mình thuộc phàm hay thánh, chẳng cần phải nói chi nữa! Quý vị chẳng cần phải khoe chính mình như thế nào! Ngài làm rất nhiều chuyện, tâm lực của quý vị chẳng thể theo kịp nổi! Do vậy, tôi vẫn cố vũ, khích lệ mọi người hãy khéo tu tập Phật pháp, hòng đạt được niềm vui thù thắng nơi pháp, tức là niềm vui thuộc về địa vị thánh nhân. Dầu chẳng nhập quả vị, [chỉ là] địa vị tương tự, vẫn là chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị sẽ có đại thiện xảo, đại phương tiện, đại oai đức, sự liên tục to lớn, tức là dầu phải liên tục lo liệu mọi việc mà ít tổn sức, đỡ tổn sức mà khởi tác dụng, an ủi thế gian mà đỡ tổn sức!

Từ sự so sánh ấy, nhìn vào mỗi chuyện tôn giả thực hiện, tôi bèn suy xét chính mình sẽ làm như thế nào, Ngài làm một chuyện, tôi suy nghĩ đôi chút. Khoảng hai mươi chuyện, tâm tôi đã có chút mệt mỏi. Từ năm mươi chuyện trở đi, tôi có cảm giác nhọc nhằn. Tới một trăm lẻ tám chuyện, tôi làm không nổi nữa, nhưng Ngài vẫn tiếp tục, vẫn trước sau như một đối đãi mỗi nhân duyên trong hiện tiền. Tôi kiểm lại các chuyện, xét theo con số khởi tâm động niệm thì tuy cũng được, nhưng quan sát, bèn thấy sức tác dụng sai khác quá lớn! Thông thường, chúng ta làm chuyện đầu tiên rất nghiêm túc, chuyện thứ hai còn tạm được,

---

<sup>13</sup> Đây là một vị trưởng lão rất được tôn trọng của Nam truyền Phật giáo, Ngài có pháp danh là Nāṇasaṃvara, thường được người Thái Lan gọi là Khruba Bonchum, hay Phra Khuva Boonchum. Ngài theo truyền thống Tăng lữ hành Thiền trong rừng (Kammaṭṭhāna, thường gọi là Thai Forest Tradition, sáng lập bởi trưởng lão Ajahn Mun Bdhuridatto vào năm 1900). Ngài thuộc sắc tộc Shan, sanh năm 1965 tại Mae Kham thuộc tỉnh Chiang Rai. Ngài từng được mời tới thuyết pháp cho người Dai tại Vân Nam, nên pháp sư Từ Pháp có dịp gặp gỡ.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chuyện thứ ba còn gặng gượng. Chuyện thứ tư, thứ năm, cơ bản là đã bớt chú ý, sự nhạy bén, nhanh nhẹn bị giảm thấp, tri kiến lui sụt, nguyện vọng giảm bớt, sự yêu thích hạ thấp, sự chuyên chú hạ thấp. Kể từ hai mươi chuyện trở đi, sẽ chẳng muốn làm, sẽ bắt đầu phải cổ vũ chính mình: “Hãy làm đi! Như thế sẽ có lợi ích cho thế gian. Hãy làm đi, đây là thiện sự. Hãy làm đi, như thế sẽ khiến cho Phật pháp trụ thế”, cũng có nghĩa là bắt đầu mệt mỏi. Đợi cho tới khi [phải làm] năm mươi chuyện, đã bắt đầu mệt mỏi, chán ngán. “Ôi trời! Chuyện này có thể lợi ích mọi người, nhưng chẳng lợi ích gì cho ta hết, chẳng cần làm nữa!” Nảy sanh ý niệm ấy, bắt đầu chán ngán, dần dần bắt đầu buông bỏ. Sức liên tục của tâm trí chúng ta là do tạo tác, do chọn lựa, tức là từ so sánh được mất mà ra. Vì thế, tánh [quyết tâm thực hiện] liên tục chẳng dễ dàng đâu nhé, rất dễ chán chường! “Phàm” là tầm thường, chẳng có sức, chán ngán, so với sự hiểu biết của bậc thánh, bậc trí, bậc thành tựu. Vì thế, mỗi địa vị trước chẳng bằng địa vị sau. Các vị thiện tri thức vẫn phải cổ vũ, khích lệ mọi người thâm nhập, tu tập Phật pháp, thành tựu các loại đức thù thắng, quả thù thắng, lợi ích thù thắng nơi pháp, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, học tập pháp Ban Châu thì ắt phải hành, lại còn cần phải nghiêm túc tu tập, quan sát pháp tắc này.

***(Kinh) Hành u bình đẳng, hoạch chân lợi, an trụ chánh giáo, đắc đáo bỉ ngạn, duy trừ trưởng lão A Nan nhất nhân.***

**(經)行於平等，獲真己利，安住正教，得到彼岸，唯除長老阿難一人。**

***(Kinh: Hành bình đẳng, đạt được lợi ích chân thật cho chính mình, an trụ trong chánh giáo, đã đạt tới bờ kia, chỉ trừ một mình trưởng lão A Nan).***

Trong năm trăm vị ấy, chỉ có trưởng lão A Nan chưa chứng Tứ Quả, hãy còn lẫn quần nơi Sơ Quả. Chúng ta đều biết, khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, ngài A Nan còn thuộc Sơ Quả, tôn giả Ca Diếp thấy tám lầm lỗi của ngài A Nan<sup>14</sup>, không chấp thuận Ngài kết tập kinh điển.

---

<sup>14</sup> Trước khi kết tập kinh điển lần thứ nhất, tôn giả Ma Ha Ca Diếp quở ngài A Nan đã phạm tám điều lầm lỗi:

1. Thịnh Phật cho phép nữ chúng xuất gia, khiến thời kỳ Chánh Pháp bị giảm mất năm trăm năm.



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Kinh này nhắc đến năm trăm vị tỳ-kheo, cũng có thể là năm trăm vị A La Hán tỳ-kheo kết tập kinh điển.

*(Kinh) Nhữ thời, phục hữu ngũ bách chư tỳ-kheo, u thần triêu thời, các tùng trụ xứ, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有五百諸比丘，於晨朝時，各從住處，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có năm trăm vị tỳ-kheo, vào lúc sáng sớm, mỗi vị từ chỗ ở, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân Phật, lui qua ngòai một phía).*

Người xưa khi giải thích “*thoái tọa nhất diện*”, nói có sáu điều nên tránh: Một là đừng quá xa; hai là đừng quá gần; ba là chẳng ở nơi đầu gió<sup>15</sup>; bốn là chẳng ở chỗ cao; năm là chẳng nên ở ngay trước mặt; sáu là chẳng ở phía sau. Trước kia, khi chúng tôi theo hầu thầy, chẳng hạn như đeo dây của ân sư, đã có yêu cầu không thể dẫm lên bóng của thầy (tức là không đi quá gần thầy), không thể đứng trước đầu gió, chẳng thể đứng hay đi nơi vị trí tốt hơn thầy. Đây là yêu cầu trong việc phụng sự thầy. Quý vị chớ nên gây khó khăn cho thầy, phải tạo sự thoải mái và

---

2. Dẫu đức Thế Tôn đã nói bậc tinh tấn có bốn thân túc sẽ có thể trụ thế từ một kiếp đến nhiều kiếp, A Nan chưa hề thỉnh Phật trụ thế, đừng nhập Niết Bàn.

3. Được Phật sai làm thị giả mà thoát đầu từ chối.

4. A Nan đã từng vô ý đập lên pháp y của đức Phật (có bản như Thập tụng Luật chép là khi may y cho đức Phật, Ngài đã đập lên y để dùng dao xén mép y cho dễ, có bản chép là khi giặt y).

5. Trên đường đến rừng Sa La Song Thọ, đức Phật sanh bệnh, muốn uống nước, A Nan thoái thác chẳng múc nước (có bản chép là Ngài múc nước đục vì không tìm được nguồn nước trong).

6. Khi đức Thế Tôn giảng về các giới vụn vặt, A Nan chẳng thưa hỏi cận kề để người đời sau biết rõ chi tiết khai, giá, trì, phạm như thế nào.

8 A Nan đã cho nữ chúng thấy thân tử kim của đức Phật sau khi Ngài nhập diệt, khiến họ khóc lóc, nước mắt, nước mũi rơi xuống làm bẩn chân đức Phật.

8. Vẫn còn có phiền não, chưa chứng quả A La Hán.

Vì phạm tám lỗi ấy, và chưa phải là A La Hán, A Nan không đủ tư cách kết tập kinh điển, nhưng kết tập lại không thể thiếu ngài A Nan. Vì thế, ngài A Nan đã cực lực sám hối và dốc sức chứng quả A La Hán ngay đêm trước ngày kết tập.

<sup>15</sup> Do sợ thân thể có mùi hôi sẽ khiến cho thầy khó chịu.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thuận tiện cho thầy. “*Thoái tọa nhất diện*” ở đây cũng giống như thế, nhằm thuận tiện cho sự tuyên dương giáo hóa của đức Thế Tôn, thuận tiện cho việc tiếp đãi người đến sau. Do thời gian hạn chế, chúng tôi chẳng thể giảng kinh cặn kẽ được. Nếu nói cặn kẽ, chắc là một trang này phải dùng cả hai mươi lăm ngày mới nói xong! Vì vậy, chỉ đành nêu ra sơ sài, đại lược mà thôi!

***(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Liên.***

**(經)爾時，尊者舍利弗，尊者大目連。**

***(Kinh: Lúc bảy giờ, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Liên).***

Chúng ta mười phần quen thuộc các vị Xá Lợi Phất và Mục Liên. Đây là hai vị đại đệ tử thân cận đức Phật, một vị trí huệ bậc nhất, vị kia thân thông bậc nhất.

***(Kinh) Tại Xá Vệ thành, Hạ an cư dĩ.***

**(經)在舍衛城，夏安居已。**

***(Kinh: Ở thành Xá Vệ, an cư kết hạ đã xong).***

Dựa theo cách nói trong quá khứ, hôm nay là ngày Tụ Tứ trong mùa An Cư kết hạ, ngày mai khi minh tướng (tướng hừng đông) xuất hiện, mùa An Cư đã kết thúc. Thông thường, tối nay mọi người sẽ niệm Phật thâu đêm, hoặc tu hành để mong chứng quả. Có người nói: “Tôi vẫn chưa được, ba tháng chín mươi ngày dụng công chẳng đủ, tôi vẫn muốn thêm một tháng”. Tức là tu hành suốt một trăm hai mươi ngày! Thêm một tháng, đó là “*công đức nguyệt*” (tháng công đức), [nhằm mục đích] nếu chẳng chứng quả, sẽ không ra khỏi An Cư. Do lấy bốn tháng làm một thời, được gọi là “*mãn phần tu pháp*”. Đức Thế Tôn đã xếp đặt cho chúng ta một cách tu thông dong hơn, tức là trong một thời, lấy ra ba phần để tu pháp, phần còn lại để chúng ta tự lựa chọn. Nay thêm vào tháng Bảy, tức là công đức nguyệt (tháng công đức), chẳng cho “*mãn phần tu trì*”, do sợ có hữu tình chẳng thể gánh nổi “*mãn phần tu trì*” vì tâm lực chẳng đủ, phước đức chẳng đủ! Do vậy, Ngài lập thêm tháng Bảy, tạo phương tiện cho mọi người. Thuở đức Thế Tôn tại thế, bậc “*thiện lai tỳ-kheo*” (tỳ-kheo khéo đến) vừa nghe giảng liền chứng A La Hán, râu tóc tự rụng; còn kẻ độn căn hơn thì có vị bảy ngày sau sẽ chứng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

quả. Nếu chúng ta hiện thời mà có thể chứng quả trong vòng bảy ngày, mọi người sẽ sốt sắng kính hành ở đây bảy tháng cũng được! Có thể chứng quả hay không? Giáo pháp của đức Phật Thích Ca đã trụ thế năm ngàn năm, luôn luôn có cơ hội chứng thánh quả, mọi người hãy yên lòng. “*Hạ an cư dĩ*” (Kết hạ an cư đã xong) cũng có nghĩa là khi minh tướng đã xuất hiện trong ngày Mười Sáu. Minh tướng chưa xuất hiện, chẳng thể nói là “*Hạ an cư dĩ*”. Minh tướng xuất hiện (trời vừa tảng sáng), có thể thấy rõ đường chỉ trong lòng bàn tay, An Cư mùa Hạ bèn viên mãn. Khi đó, hết thầy công khóa và pháp tắc trong mùa An Cư kết hạ đều có thể kết thúc. Mùa An Cư năm nay tại chùa Phóng Quang kéo dài thành một trăm hai mươi ngày, chúng ta hãy còn một tháng nữa. Nếu chẳng phải là tháng nhuận thì gọi là thêm tháng Bảy, tức là “*công đức nguyệt*”.

*(Kinh) Diệt dĩ ngũ bách chư tỳ-kheo câu, thứ đệ du hành thành ấp, tụ lạc.*

**(經)亦與五百諸比丘俱，次第遊行城邑、聚落。**

*(Kinh: Cũng cùng với năm trăm vị tỳ-kheo, theo thứ tự du hành các thành ấp, làng xóm).*

Theo thứ tự du hành, tức là từ chỗ này sang chỗ khác, tùy duyên mà đi.

*(Kinh) Chí Vương Xá thành, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên tinh xá, nghệ Thế Tôn sở. Đáo dĩ, cung kính đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Thế Tôn dĩ thần thông lực.*

**(經)至王舍城，入迦蘭陀竹園精舍，詣世尊所。到已，恭敬頂禮佛足，退坐一面。爾時，世尊以神通力。**

*(Kinh: Tới thành Vương Xá, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh Xá, tới chỗ đức Thế Tôn. Đã đến nơi, cung kính đánh lễ dưới chân đức Phật, lui sang ngồi một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng sức thần thông).*

Các vị thiện tri thức! Chớ nên coi thần thông là thứ quái lạ chi cả, nó thật sự do phước đức mà thành tựu. Chớ nên coi thần thông là thứ vốn có của yêu ma, quỷ quái. Thật ra, nó là do đại hùng, đại lực, đại từ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

bi, đại thiện xảo trọn đủ, sử dụng thiện xảo chẳng có dấu vết. Hễ có dấu vết thì cũng là phương tiện tự tại!

***(Kinh) Phóng đại oai quang.***

**(經)放大威光。**

***(Kinh: Phóng quang minh oai đức to lớn).***

“Oai quang” là do sức tự tại hiển hiện. Khi tâm trí của một người thanh tịnh, khi tu trì khá tốt đẹp, tức là một khi quý vị đã đủ sức, sẽ tỏa ra quang minh năm màu. Lại như rất nhiều tượng Phật đều có quang tướng, cũng như trong các ghi chép về các bậc tiền hiền của các đại tôn giáo từ xưa thì họ đều có vòng hào quang. Gia Tô Cơ Đốc (Jesus Christ), Mặc Hãn Mục Đức (Mohammed, Muhammad), hoặc Lão Tử của Trung Hoa v.v... Đây là lời chân thật, là lời thành thật. Rất nhiều đứa bé có quang tướng trên thân rất tốt, nhưng quang minh của lũ bình phàm chúng ta đã chìm ngập trong nghiệp lực phiền não, bị chính mình tiêu hao mất, sức tự tại chẳng đủ! Có những người niệm một câu chân ngôn riêng biệt, phát ra những lời thề riêng biệt, vận dụng bí tâm riêng biệt, hoặc là khi có các pháp tắc riêng biệt, cũng có thể phóng ra quang tướng. Trong tâm trí và nhân duyên thông thường của chúng ta, những điều ấy là bình thường. Do vậy, nói đức Thế Tôn dùng sức thần thông phóng đại oai quang, đúng là lời thành thật, chớ nên nói: “Đó có phải là thần thoại hay không?” Người có trí lực, thắng lực, công đức lực thành tựu sẽ biết ngay. Nếu ai có công phu Thiên Định, cũng rất dễ thấy thân thể người khác phóng quang. Nếu chúng ta có thể lìa bỏ các triền phược thô nặng nơi thân thể, nhìn lại sắc thân này, trên cơ bản, sẽ có thể trông thấy quang tướng. Khi đã thấy được, cơ bản là quý vị biết người ấy mắc bệnh gì, thân thể như thế nào, tánh tình như thế nào? Chúng ta chẳng có Thiên Định, chẳng có thần thông thiện xảo, cho nên mắt chúng ta là nhục nhãn, mắt chẳng nhìn xuyên qua các vật được, chẳng có sức mạnh ấy. Phật giáo nói tới nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, và Phật nhãn. Nhục nhãn của chúng ta chẳng chánh xác, chẳng sáng tỏ, nhanh nhạy, thiên nhãn chẳng thông đạt, huệ nhãn chẳng trọn đủ, pháp nhãn chẳng thanh tịnh, chúng ta chẳng thể thấy thế gian viên mãn được! Do vậy, chẳng phải là Phật nhãn. Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta phải nên “*từ tâm tương hướng, Phật nhãn tương kiến*” (dùng từ tâm để hướng về

nhau, dùng Phật nhãn để thấy nhau), hãy mở toang Phật nhãn của chúng ta!

*(Kinh) Linh bử chư quốc, thành ấp, tụ lạc, nhất thiết chư hữu chư tỳ-kheo chúng, hàm các lai nghệ Vương Xá đại thành.*

**(經)令彼諸國，城邑聚落，一切諸有諸比丘衆，咸各來詣王舍大城。**

*(Kinh: Khiến cho các vị tỳ-kheo trong các thành ấp, thôn xóm của các nước, và hết thảy các cõi, đều đến thành lớn Vương Xá).*

Hiện thời, chúng ta còn có “lệnh”: Sáng sớm thức dậy bèn khua chuông, gióng trống. Đó là một thứ lệnh. Đánh mõc bản vang ra tiếng, đó là lệnh. Kèn hiệu xung phong của bộ đội, chính là Lệnh. Ở đây, đức Thế Tôn dùng sức thần thông, dùng đại oai quang chiếu vào trọn khắp tâm trí của chúng sanh, lay tỉnh tâm trí họ, khiến cho họ đều đi đến đại thành Vương Xá.

Có kẻ thắc mắc: “Thế Tôn có sức mạnh như thế, có phải là thần thoại hay không?” Họ còn cho đó là văn chương do các vị Bồ Tát trong Phật giáo viết ra, [cho rằng] thần thông thiện xảo như trong Phật giáo đã nói thật ra là mê tín, là chẳng thật sự có, do con người đặt ra để ca tụng, thần thoại hóa Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đó thôi! Nếu nói như thế, cõi trời sẽ quá nhỏ! Sắc Giới lẫn Dục Giới, cho tới mười pháp giới như chúng ta đã nói đều trở thành hý luận. Mười phương pháp giới vốn chẳng khác biệt, nương vào tâm mà hiện, nhưng sự khác biệt trong những cái được hiện quá lớn. Tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất, so sánh giữa một người và một con kiến. Sức con người so với sức con kiến đúng là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng quý vị chẳng thể dùng tư tưởng của con kiến để phán đoán hành vi của con người! So với Phật Đà Thế Tôn, sanh mạng lực của bọn phàm phu chúng ta giống như con kiến, đừng nên dùng tâm lực ấy để tư duy tâm lượng của Phật Đà Thế Tôn! Nếu cho rằng chính mình chẳng có trí huệ rộng lớn, chẳng có sức nhìn thấu suốt rộng lớn, chẳng có sức thần thông thiện xảo, [rời kết luận xằng bậy] “chắc là Phật cũng chẳng có!” Chính mình chẳng có sự cảm nhận, hiểu biết thiện xảo rộng lớn rốt ráo, chẳng có oai đức thiện xảo dường ấy, [bèn đoán quyết] “chắc là Phật cũng chẳng thể có”. Đó là đọa lạc trong tri kiến và sự cảm nhận của chính mình! Trên thực tế, chúng ta dùng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

khóa học kỹ thuật hiện đại có thể biểu đạt [chuyện này]. Những ai từ bốn mươi lăm tuổi trở lên, đối với Cách Mạng Văn Hóa<sup>16</sup> rất quen thuộc. Khi đó, người lãnh đạo quốc gia vừa nói, các loa phóng thanh trên toàn quốc đồng loạt phát ra tiếng, tức là tâm quang của một cá nhân thông qua luồng điện và loa phát thanh truyền đi, người trong cả nước đều biết các chỉ thị mới nhất từ tầng lớp tối cao. Ngay trong ngày hôm ấy, [các chỉ thị đó] lan truyền đi khắp cả nước; các cấp thực hiện tuyệt đối đồng bộ! Đây chẳng phải là “*tâm quang riêng chiếu*” đó ư? Chẳng qua là thông qua chánh trị, qua các máy móc do con người tạo ra mà truyền bá. Thế

---

<sup>16</sup> Cách Mạng Văn Hóa, gọi tắt là Văn Cách, là một phong trào chánh trị do chính quyền Hoa Lục phát động từ ngày 16 tháng Năm 1966 cho đến ngày 6 tháng 10 năm 1976 mới chấm dứt. Nhằm đập tan những thế lực và tư tưởng chống đối Mao Trạch Đông cai trị Trung Hoa theo đường lối sắt máu và điên rồ của Stalin, nhất là sau các kế hoạch ngũ niên và “đại nhảy vọt” liên tiếp thất bại của họ Mao, khiến cho kinh tế Hoa Lục trì trệ, dân chúng mất niềm tin, ngay cả các cộng sự thân tín của Mao như Lưu Thiểu Kỳ, Bành Đức Hoài, Đặng Tiểu Bình... đều bất đồng ý kiến với họ Mao. Mao Trạch Đông đã kết tội các thế lực chống đối là tuân theo đường lối xét lại của Khrushchev, có âm mưu khôi phục chủ nghĩa tư bản. Dựa vào các cáo buộc ấy, Mao Trạch Đông phát động cuộc cách mạng này. Dùng tuyên tập Sách Đỏ (Hồng Bảo Thư) của Mao như một loại kinh thánh, bẻ lũ tay chân của Mao đảo đảo những tư tưởng truyền thống, sách động những kẻ cơ hội kết đoàn thành Hồng Vệ Binh tấn công vào hàng ngũ trí thức. Toàn thể nhân dân Hoa Lục mỗi ngày nghe keng đều vội vã lao ra khỏi nhà, cầm sách đỏ lớn tiếng đọc liên thanh để khỏi bị kết tội là phản động. Các trường trung học và đại học bị đóng cửa, các nhà máy trì trệ và công nhân chia thành phe phái đấu tố lẫn nhau. Các bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, y tá, kỹ sư, giáo viên, giáo sư, văn nghệ sĩ, các tầng lớp trí thức bị bắt đi lao động khổ sai, lăng nhục, đấu tố, đập phá chùa chiền, miếu mạo, các cơ sở tôn giáo, các di tích lịch sử, Tăng lữ, tu sĩ bị đi tù, hay đuổi khỏi chùa, miếu, đạo quán, giáo đường. Hàng triệu người bị kết tội thuộc phe cánh hữu, theo phe xét lại đã chết vì bị hành hạ, tra tấn, hay chịu không nổi phải tự tử. Các lãnh tụ như Lưu Thiểu Kỳ, Bành Đức Hoài, nguyên soái La Thụy Anh, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân, Lục Định Nhất... đều bị tù đầy, lăng nhục. Trong cách mạng Văn Hóa, Diêu Văn Nguyên, Lâm Bưu, Giang Thanh (vợ Mao Trạch Đông), Trương Xuân Kiêu là những tên tay sai đắc lực trong việc đàn áp phe đối lập. Lợi dụng sự nhiệt tình của các tầng lớp nghèo khổ và bọn thanh niên mới lớn, họ Mao đã xúi giục họ mở các cuộc vũ đấu (đấu tranh bằng bạo lực) để nghiền nát những ai bị quy kết là phản cách mạng hay có tư tưởng tiêu tư sản, dẫn đến các vụ tàn sát trên quy mô lớn đẫm máu như tháng Tám đỏ tại Bắc Kinh, vụ tàn sát tại Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam và Hồ Nam. Không có con số chính xác về các nạn nhân, nhưng các nhà sử học ước tính, số người chết có thể lên đến 20 triệu người, kinh tế Hoa Lục bị thiệt hại nặng nề, nhiều người bị tù đầy, thương tật, rất nhiều vật phẩm di tích văn hóa bị hủy hoại không thể khôi phục.

nhưng, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dùng loa lớn, cũng chẳng dùng chánh sách, Ngài an vị trong đại quang minh tạng, dùng sức thần thông thiện xảo to lớn, khiến cho hết thảy các chúng sanh hữu duyên đều có thể cảm nhận. Máy móc hiện thời có thể tạo ra năng lực như thế, đức Thế Tôn nhất định có năng lực như thế. Nếu chẳng có niềm vui do oai đức thù thắng nơi pháp để hướng về, chúng ta sẽ chẳng tiến nhập tu pháp, sẽ đọa lạc trong nỗi kiêu mạn tầm thường, chôn vùi cơ chế giáo ngôn rộng lớn của Phật pháp, cũng có nghĩa là chẳng thể nào cổ vũ, khích lệ quý vị được! Rất nhiều người học Phật chẳng thể tiến nhập lợi ích chân thật trong Phật pháp, là vì đọa lạc trong tri kiến hạn lượng của chính mình, chìm đắm trong sự sanh tồn thuộc phạm trù Sở Tri Chương của chính mình, dẫu tu tập Phật pháp mà chẳng thể vượt thoát. Do đó, đức Thế Tôn gọi hạng người không thể vượt ra ngoài cảm nhận và tri kiến của chính mình là “*kẻ đáng thương xót*”, vì họ chẳng thể thành tựu tâm trí Vô Thượng Bồ Đề.

*(Kinh) Nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá hữu bách thiên số chư tỳ-kheo đẳng, thừa Phật oai quang, giai dĩ vân tập chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu bỉ Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, diệc thừa Thế Tôn oai thần lực cố, diệc dĩ nhị vạn tỳ-kheo-ni câu, tất giai đại tập, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)入迦蘭陀竹園精舍，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，迦蘭陀竹園精舍有百千數諸比丘等，承佛威光，皆已雲集至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有彼摩訶波闍波提比丘尼，亦承世尊威神力故，亦與二萬比丘尼俱，悉皆大集，入迦蘭陀竹園精舍，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá có đến trăm ngàn vị tỳ-kheo*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

nuơng theo oai quang của đức Phật, đều đã như mây nhóm đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc đó, lại có tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề cũng nuơng theo sức oai thần của đức Thế Tôn, cũng cùng với hai vạn tỳ-kheo-ni thấy đều tụ tập đông đảo, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Phật, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).

Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī) cũng là dì của đức Thế Tôn. Chúng ta biết: Đức Thế Tôn sanh ra không lâu, mẹ Ngài liền sanh lên trời Đao Lợi. Đức Thế Tôn được bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi nấng. Sau khi bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề xuất gia, được gọi là Đại Ái Đạo tỳ-kheo-ni, là thủ lãnh của các vị tỳ-kheo-ni. Trong cơ chế giáo ngôn của đức Phật Thích Ca, nữ chúng phải vượt qua các chướng duyên nhất định thì mới được xuất gia.

**(Kinh) Nhĩ thời, Vương Xá đại thành hữu Ưu-bà-tắc.**

**(經)爾時，王舍大城有優婆塞。**

**(Kinh: Lúc bấy giờ, thành lớn Vương Xá có một vị Ưu-bà-tắc).**

Ưu-bà-tắc (Upāsaka) là người nam tại gia học Phật. Người Hoa gọi người tại gia tu tập Phật pháp là cư sĩ, nhưng trong thời đức Thế Tôn, “cư sĩ” (grhapati) là bậc tại gia tu hành đã chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả.

**(Kinh) Danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ.**

**(經)名曰賢護，為眾上首。**

**(Kinh: Tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng).**

Hiền Hộ Bồ Tát là vị khai phát chủ yếu trong bộ kinh này. Kinh này dùng danh tự của Ngài để đặt tên, vì Ngài khiến cho chúng ta sau khi có được pháp này, sẽ học tập, thực hành pháp Ban Châu, cho đến có thể thành tựu tam-muội, có thể thấy mười phương chư Phật thấy đều đứng trước mặt. Pháp tắc như thế đó.

**(Kinh) Diệc dĩ ngũ bách Ưu-bà-tắc câu, thọ trì Ngũ Giới, cụ túc oai nghi, thị đại Bồ Tát, cửu dĩ trụ u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ**



**Đề hạnh. Bốn nguyện lực cố, thường tùy Thế Tôn, nhạo văn chánh pháp, hằng cần tinh tấn, vị mãn nhất thiết trợ đạo pháp cố.**

**(經)亦與五百優婆塞俱，受持五戒，具足威儀，是大菩薩，久已住於阿耨多羅三藐三菩提行。本願力故，常隨世尊，樂聞正法，恆勤精進，為滿一切助道法故。**

*(Kinh: Cũng cùng với năm trăm vị Ưu-bà-tắc thọ trì Ngũ Giới tu tập, trọn đủ oai nghi, là bậc đại Bồ Tát, trụ trong hạnh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác từ lâu. Do sức bốn nguyện, họ thường theo đức Thế Tôn, thích nghe chánh pháp, luôn siêng năng tinh tấn hòng viên mãn hết thảy các pháp trợ đạo).*

Hiền Hộ Bồ Tát đã đích thân chứng Vô Thượng Bồ Đề từ lâu, Ngài thường thủ hộ chánh hạnh, chỉ là chưa chứng Phật quả. Do vì nguyện lực, Ngài “*thường tùy Thế Tôn, nhạo văn chánh pháp, hằng cần tinh tấn, vị mãn nhất thiết trợ đạo pháp cố*” (thường theo đức Thế Tôn, thích nghe chánh pháp, luôn siêng năng tinh tấn hòng viên mãn hết thảy các pháp trợ đạo), tức là Hiền Hộ Bồ Tát phát ra thệ nguyện khiến cho hết thảy chúng sanh tinh tấn nơi pháp, khơi mở các pháp tu làm trợ duyên hòng thành tựu Vô Thượng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho hết thảy chúng sanh.

*(Kinh) Ư triều đán thời, thừa Phật oai thần, tùng bốn trụ xứ, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)於朝旦時，承佛威神，從本住處，入迦蘭陀竹園精舍，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Vào lúc sáng sớm, nương theo oai thần của đức Phật, từ chỗ ở của chính mình, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một bên).*

Bất luận là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hay Ưu-bà-tắc, đều lui qua ngòai một bên.

*(Kinh) Nhĩ thời, Tỳ Da Ly đại thành hữu nhất Ly Xa tử, danh viết Bảo Sanh, vì chúng thượng thủ, diệc dữ nhị vạn bát thiên chư Ly Xa câu, ư thần triêu thời, thừa Phật thần lực, giai tự bỉ thành phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，毗耶離大城有一離車子，名曰寶生，爲衆上首，亦與二萬八千諸離車俱，於晨朝時，承佛神力，皆自彼城發來，入此迦蘭陀園，至如來所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, nơi thành lớn Tỳ Da Ly (Vaiśālī)<sup>17</sup> có một vị thuộc tộc Ly Xa, tên là Bảo Sanh, là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn các vị Ly Xa, vào lúc sáng sớm, nương thân lực của đức Phật, đều phát xuất từ thành ấy ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ Như Lai, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).*

Ly Xa là một tộc thuộc dòng Sát-lợi.

*(Kinh) Nhĩ thời, Chiêm Bà thành hữu nhất trưởng giả tử, danh viết Tinh Tạng, vì chúng thượng thủ, diệc dữ nhị vạn bát thiên trưởng giả tử câu. Ứ thần triêu thời, thừa Phật thần lực, tự Chiêm Bà thành phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

---

<sup>17</sup> Tỳ Da Ly còn được phiên âm là Tỳ Xá Ly, Phệ Xá Ly, hoặc dịch nghĩa là Quảng Nghiêm Thành, ở phía Bắc thành phố Patna hiện thời. Đây là kinh đô của nước Bạt Kỳ (Vajji) thuộc bộ tộc Licchavi (Ly Xa). Nơi này ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong Phật giáo: Sau khi vượt hoàng cung xuất gia, đức Phật tìm đến đây học đạo với Uất Đầu Lam Phát (Udraka Ramaputra). Sau khi đắc đạo, Ngài thường giảng kinh tại đây, chẳng hạn kinh Dược Sư được nói thành Quảng Nghiêm tức là nơi này. Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề cũng được đức Phật chấp thuận cho xuất gia tại đây. Mùa An Cư kết hạ cuối cùng cũng tại thành Tỳ Xá Ly trước khi đức Phật tuyên bố Ngài sẽ nhập Niết Bàn. Các Ly Xa tử theo Ngài mãi đến rừng Câu Thi Na, đức Phật bèn lưu lại bình bát khát thực cho dân chúng thành này. Đây cũng là trụ xứ của một vị tại gia Bồ Tát nổi danh là ngài Duy Ma Cật. Tại đây còn có trụ đá của vua A Dục và cũng là nơi các vị đại A La Hán nhóm họp để kết tập kinh tạng lần thứ hai vào năm 383 trước Công Nguyên.

**(經)爾時，瞻婆城有一長者子，名曰星藏，爲衆上首，亦與二萬八千長者子俱。於晨朝時，承佛神力，自瞻婆城發來，入此迦蘭陀園，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, nơi thành Chiêm Bà<sup>18</sup> có một vị trưởng giả<sup>19</sup>, tên là Tinh Tạng, là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn các vị trưởng giả, vào lúc sáng sớm, nương thần lực của đức Phật, đều phát xuất từ thành Chiêm Bà ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).*

Từ văn tự, chúng ta có thể thấy từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, chủng tánh Sát-lợi, các vị trưởng giả v.v... không ai chẳng nương vào oai thần của đức Phật. Do nương vào sức oai thần của đức Phật, cho nên tụ tập nơi đây.

*(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu nhất Ma Na Bà (Tùy ngôn Tinh Trì, diệc vân Thiểu Niên, diệc vân Nhân Đồng Tử đẳng), danh Na La Đạt Đa, vi chúng thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, u thần triêu thời, tự bốn trụ xứ phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, nghê Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有一摩那婆(隋言淨持，亦云少年，亦云仁童子等)，名那羅達多，爲衆上首，亦與二萬八千人俱，於晨朝時，自本住處發來，入此迦蘭陀園，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。**

---

<sup>18</sup> Chiêm Bà (Campa, Champapuri) là kinh đô của nước Ương Già (Aṅga), một trong mười sáu đại quốc thời ấy, hiện thời thuộc quận Bhagalpur của tiểu bang Bihar, Ấn Độ.

<sup>19</sup> Ở đây, chúng tôi dịch từ ngữ “trưởng giả tử” tuân theo cách giải thích của ngài Linh Thừa trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Khoa Chú. Theo đó, ngài Linh Thừa nói chữ Tử sau “trưởng giả” chỉ có ý nghĩa tôn trọng như ta nói Khổng Tử, Lão Tử v.v...

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có một Ma Na Bà (tiếng đời Tùy (tiếng Hán) dịch là Tịnh Trì, cũng dịch là Thiếu Niên, còn dịch là Nhân Đồng Tử (bé trai có lòng nhân) v.v...) tên là Na La Đạt Đa làm thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người, vào lúc sáng sớm, từ chỗ mình ở ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòi một phía).*

Ma Na Bà (Mānavaka) tức là thiếu niên học đạo.

*(Kinh) Nhĩ thời, Xá Vệ quốc, phục hữu trưởng giả, danh Đại Thiện Thương Chủ, tịnh bĩ Cấp Cô Độc trưởng giả, vi chúng thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, tự bĩ Xá Vệ quốc, nghệ Vương Xá thành, nhập Ca Lan Đà viên, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Vương Xá đại thành, phục hữu trưởng giả, danh viết Thủy Thiên, vi tối thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, tòng bản trụ xứ phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Ma Già Đà quốc chủ Vi Đề Hy tử, A Xà Thế vương, diệc dĩ bách thiên chư quyến thuộc câu, v thần triều thời, diệc lai nhập thử Ca Lan Đà viên, nghệ Thế Tôn sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，舍衛國，復有長者，名大善商主，並彼給孤獨長者，為衆上首，亦與二萬八千人俱，自彼舍衛國，詣王舍城，入迦蘭陀園，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，王舍大城，復有長者，名曰水天，為最上首，亦與二萬八千人俱，從本住處發來，入此迦蘭陀園，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，摩伽陀國主韋提希子，阿闍世王，亦與百千諸眷屬俱，於晨朝時，亦來入此迦蘭陀園，詣世尊所，頂禮佛足，退坐一面。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Lúc bấy giờ, nước Xá Vệ lại có trưởng giả tên là Đại Thiện Thương Chủ và trưởng giả Cấp Cô Độc là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người từ nước Xá Vệ đến thành Vương Xá, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, thành lớn Vương Xá lại có trưởng giả, tên là Thủy Thiên, là thượng thủ cao nhất, từ chỗ mình ở, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người, phát xuất từ chỗ mình ở ra đi, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, chúa nước Ma Già Đà là vua A Xà Thế, tức là con của bà Vi Đề Hy, cũng cùng với trăm ngàn quyến thuộc, vào lúc sáng sớm, cũng vào trong vườn Ca Lan Đà này, tới chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).*

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn lấy vua A Xà Thế (Ajātasatru) làm chủ thể để giảng bộ kinh ấy. Đó cũng là kinh điển y chỉ chủ yếu của Tịnh Độ. Phụ vương của A Xà Thế là vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra), mẹ là Vi Đề Hy (Vaidehi). Do vua Tần Bà Sa La tuổi đã rất cao mà chưa có con trai, ngòai vua không có người kế thừa, bèn cầu xin tiên nhân chuyển thế. Tiên nhân nói ba năm sau mới có thể xả báo. Vì thế, vua Tần Bà Sa La dùng các phương pháp ép ông ta đầu thai. Do vậy, lúc chưa sanh ra, tiên nhân đã kết oán với vua Tần Bà Sa La, cho nên gọi là Vị Sanh Oán (未生怨, oán thù từ lúc chưa sanh ra). Sau đó, tiên nhân xả thân đầu thai, do oán hận mà sanh làm A Xà Thế: “Người bắt bớ, giết hại ta; ta cũng bắt bớ, giết hại người”. Do vậy, sau đó, bèn giam cầm vua Tần Bà Sa La trong bảy tầng lao ngục, tạo tội giết cha. A Xà Thế bị Đề Bà Đạt Đa cổ vũ, mê hoặc, bèn giết cha để làm tân vương, còn Đề Bà Đạt Đa thì hại Phật để làm tân Phật. Do nghịch hạnh, họ gặp rất nhiều quả báo ác khổ. Sau đó, A Xà Thế chân thành sám hối, vâng giữ lời dạy của đức Thế Tôn, trở thành người hộ pháp cho cuộc kết tập kinh điển của năm trăm vị A La Hán.

Trong phần trên, [kinh văn] đã nhắc tới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni v.v... Vì sao chẳng nói tới Ưu-bà-di? Đây là phong tục tập quán của Ấn Độ, có khi nói tới Ưu-bà-tắc, sẽ tính lược chẳng nhắc tới Ưu-bà-di. Từ kinh văn, chúng ta có thể thấy, tánh chất phân chia chủng tộc của Ấn Độ mười phần rõ ràng, họ theo thứ tự, từ các nơi tụ tập, đến chỗ đức Thế Tôn. Tới đây, các loại hữu tình nhân loại đã nhóm họp xong.

*(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Tứ Đại Thiên Vương, cập Thiên Đế Thích, nãi chí Dục Giới nhất thiết thiên chúng, các dữ vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng câu, diệc u thân triều, tất lai nhập Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有四大天王，及天帝釋，乃至欲界一切天衆，各與無量百千億那由他眷屬天衆俱，亦於晨朝，悉來入迦蘭陀園，至如來所，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có Tứ Đại Thiên Vương và Thiên Đế Thích, cho đến hết thủy thiên chúng trong Dục Giới, mỗi vị cùng với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng, cũng vào lúc sáng sớm, đều đi vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một bên).*

“*Nãi chí Dục Giới nhất thiết thiên chúng*” (Cho đến hết thủy thiên chúng thuộc Dục Giới): Trong phần trước là nhân loại hữu tình, sau đó là chư thiên. Vì kinh Đại Tập bao gồm các vị đại Bồ Tát thuộc Sắc Giới và Dục Giới, đối với loại hữu tình ấy mà tuyên nói kinh điển. Từ Tứ Đại Thiên Vương cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên, hữu tình trong một tiểu thiên thế giới đều vân tập một chỗ. Tứ Đại Thiên Vương và Thiên Đế Thích thuộc loại Địa Cư Thiên, Ma Tây La thiên cung là Đâu Suất Thiên, cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên, đều là Dục Giới Thiên, từng tầng lên cao hơn, là các tầng trời thuộc về Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

“*Vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng*”: Con số này chẳng phải là số lượng nhân loại [tới tham dự pháp hội].

“*Chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện*” (Đến chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân Phật, lui qua ngòai một phía): Chư thiên lui qua ngòai một phía và xếp đặt tòa ngòai, có thể là khác biệt rất lớn với nhân loại chúng ta. Vì chư thiên là sắc thân vi tế, màu nhiệm, mỗi vị đều có quang tướng. Sắc thân của chúng ta là cái thân Tứ Đại do ăn uống tạo thành, còn gọi là thân Ngũ Uẩn, là thân thô nặng. Thân thô trọng bèn có tòa ngòai thô nặng.

*(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm thiên vương, diệc dữ vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyền thuộc thiên chúng câu, u thần triêu thời, tất nhập Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有娑婆世界主大梵天王，亦與無量百千億那由他眷屬天衆俱，於晨朝時，悉入迦蘭陀園，至如來所，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương, cùng với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha quyền thuộc thiên chúng, vào lúc sáng sớm, đều vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngồi một phía).*

Thế giới Sa Bà là một tam thiên đại thiên thế giới ứng hóa của Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương, khác biệt với địa vị Trụ Trì Pháp Vương của Phật Thích Ca. Đối với các danh từ ấy, chúng tôi thật sự rất khó có thời gian đầy đủ để trình bày, chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội không nhằm giải thích danh từ. Do vậy, đối với danh từ, danh tướng thông thường, sẽ chẳng giải thích quá nhiều, mọi người có thể tìm các tài liệu tương ứng để tiếp tục học tập. Chúng tôi muốn trình bày tư tưởng chủ thể của kinh Ban Châu Tam Muội để mọi người học tập, khiến cho mọi người trong khi tu tập pháp Ban Châu sẽ có sự gia trì tăng thượng và hướng dẫn rõ ràng hơn. Như thế thì sẽ chẳng đánh mất mục đích học tập kinh Ban Châu Tam Muội của chúng ta. Giải thích danh từ quá nhiều sẽ tốn thời gian. Do vậy, ở đây, tôi chỉ nói lướt qua.

*(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Đại Tự Tại thiên vương, diệc dữ vô lượng bách thiên Tịnh Cư chư thiên chúng câu, u thần triêu thời, tất nhập Ca Lan Đà viên, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu tứ A Tu La vương, các dữ vô lượng bách thiên quyền thuộc A Tu La chúng câu, diệc u thần triêu, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu Nan Đà long vương, cập Bạt Nan Đà long vương, các dữ vô lượng bách thiên quyền thuộc chư long chúng câu, diệc u thần triêu, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有大自然在天王，亦與無量百千淨居諸天衆俱，於晨朝時，悉入迦蘭陀園，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有四阿修羅王，各與無量百千眷屬阿修羅衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有難陀龍王，及跋難陀龍王，各與無量百千眷屬諸龍衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, lại có Đại Tự Tại thiên vương, cũng cùng với vô lượng trăm ngàn các Tịnh Cư thiên chúng, vào lúc sáng sớm, đều vào vườn Ca Lan Đà, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một bên. Lúc bảy giờ, lại có bốn A Tu La vương, mỗi vị cùng với vô lượng trăm ngàn quyến thuộc A Tu La chúng, cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bảy giờ, lại có Nan Đà (Nanda) long vương, và Bạt Nan Đà (Upananda) long vương, mỗi vị cùng với vô lượng bách thiên quyến thuộc các long chúng cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).*

Đây là một quang cảnh gì vậy? Phàm phu hữu tình phần nhiều chẳng thể thấy được! Chúng ta đều biết khi đức Thế Tôn giảng một số bộ kinh lớn, các vị A La Hán đều như điếc, như đui, như kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã nói. Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa khác cũng giống như thế.

*(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Sa Già La long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, cập Ma Na Tư long vương, Y Bạt La long vương đẳng, các dĩ vô lượng bách thiên quyến thuộc chư long chúng câu, diệc ư thần triều, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, thử tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ru-bà-tắc, ru-bà-di, cập dĩ nhất thiết thiên, long, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nãi chí nhân phi nhân, cập chư vương*



*đẳng, tín Như Lai giả, vị thính pháp cố, nhất thiết giai tập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, các tọa nhất diện.*

**(經)爾時，復有娑伽羅龍王，阿那婆達多龍王，及摩那斯龍王，伊跋羅龍王等，各與無量百千眷屬諸龍衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。爾時，此三千大千世界，一切諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，及以一切天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽，乃至人非人，及諸王等，信如來者，爲聽法故，一切皆集迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，各坐一面。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có Sa Già La (Sāgara) long vương, A Na Bà Đạt Đa (Anavatapta) long vương, và Ma Na Tư (Manasa) long vương, Y Bạt La (Erāpattra) long vương v.v... mỗi vị đều cùng với vô lượng trăm ngàn quyến thuộc các long chúng, cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, trong tam thiên đại thiên thế giới này, hết thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cùng với hết thấy trời, rồng, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cho đến hàng nhân phi nhân và các vị vua, là những kẻ tin Như Lai, vì nghe pháp mà hết thấy đều tu tập nơi vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, mỗi người ngòai một phía).*

Giới thiệu mười phần rõ ràng, thứ tự cũng mười phần rõ rệt, hết thấy đều là “*tín Như Lai giả, vị thính pháp cố*” (người tin Như Lai vì nghe pháp) mà vân tập ở nơi đây.

*(Kinh) Nhĩ thời, Ca Lan Đà viên, kỳ địa hoàng quảng.*

**(經)爾時，迦蘭陀園，其地弘廣。**

*(Kinh: Khi ấy, cuộc đất trong vườn Ca Lan Đà rộng lớn).*

Giống như cái thớt vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa đựng vô lượng hữu tình.

*(Kinh) Như thớt tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu địa phương, đại chúng sung mãn, vô không khuyết xứ.*

**(經)如此三千大千世界，所有地方，大眾充滿，無空缺處。**

*(Kinh: Tất cả mọi nơi trong tam thiên đại thiên thế giới như thế, tràn ngập đại chúng, chẳng có chỗ nào hở trống).*

Đây đều là do oai đức của Thế Tôn biến hiện. Do sức phước đức và sức oai thần của đức Thế Tôn trọn đủ, tràn trề, Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng đều chân thật, chẳng dối. Cho nên chẳng có chỗ nào hở trống!

*(Kinh) Nhược trượng đầu hứa, nhi bất biến giả.*

**(經)若杖頭許，而不遍者。**

*(Kinh: Như bằng đầu gậy mà chẳng trọn khắp).*

Cũng có nghĩa là ngay cả chỗ để cắm một cây gậy cũng chẳng có. Do quang minh oai đức thiện xảo, công đức oai thần thiện xảo, và phước huệ trọn đủ thiện xảo của đức Thế Tôn có thể khiến cho chúng sanh hướng tới, khát vọng vân tập về nơi đây!

*(Kinh) Như thị thượng chí Hữu Đảnh, hạ đãi Phạm cung, sở hữu nhất thiết đại oai đức thần thông chư thiên đại chúng, nãi chí nhất thiết chư long, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, giai lai tập hội.*

**(經)如是上至有頂，下逮梵宮，所有一切大威德神通諸天大眾，乃至一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，皆來集會。**

*(Kinh: Như thế thì từ trên là tới trời Hữu Đảnh<sup>20</sup>, dưới tới cung Phạm Thiên, tất cả hết thảy các đại chúng chư thiên có oai đức thần*

---

<sup>20</sup> Hữu Đảnh là tên gọi khác của Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha, A Ca Ni Trá Thiên), tức tầng trời cao nhất trong Sắc Giới.

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

thông, cho đến hết thấy các rồng, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều tới tụ tập).

Trên đây là bộ phận Tụ Phần của kinh này, đều nhằm cho chúng ta thấy sự vân tập của đại hội: Đấng thuyết pháp chủ là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng oai quang nhiếp thọ trọn khắp mười phương hữu tình, từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến các vua Sát-lợi, các vị trưởng giả, vua rồng, thiên long bát bộ, cho đến Tứ Thiên, Đạo Lợi Thiên, Phạm Thiên v.v... hết thấy những vị có oai đức thiện xảo, hết thấy những ai được cảm ứng, tin pháp, hướng về pháp, đều cùng đến tụ tập.

*(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã u kim giả, dục đắc tư vấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tâm trung sở nghi, bất thẩm Thế Tôn, kiến thùy thính phủ?” Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn tùy nhữ sở nghi, tứ nhữ sở vấn, vị nhữ tuyên thích, linh nhữ hoan hỷ”. Thời, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát, ký mônng thính hứa, phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu hà đẳng tam-muội, nhi năng đắc bỉ đại công đức tụ?”*

**(經)爾時，賢護菩薩摩訶薩即從座起，偏袒右肩，右膝著地，合掌向佛，白佛言：「世尊！我於今者，欲得諮問如來，應供，等正覺，心中所疑，不審世尊，見垂聽不？」爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！如來世尊隨汝所疑，恣汝所問，為汝宣釋，令汝歡喜」。時，彼賢護菩薩，既蒙聽許，復白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足成就何等三昧，而能得彼大功德聚？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, chấp tay hướng về đức Phật, bạch cùng Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thưa hỏi đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác điều nghi trong tâm, chẳng rõ đức Thế Tôn có rủ lòng chấp thuận hay không?” Lúc bấy giờ, đức Thế*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Này Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn thuận theo lòng nghi của ông mà cho phép ông hỏi, ta sẽ vì ông tuyên nói, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ”. Lúc đó, Hiền Hộ Bồ Tát đã được chấp thuận, lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đầy đủ các môn tam-muội như thế nào mà đạt được khối công đức to lớn?”)*

Sau đây, Hiền Hộ Bồ Tát sẽ nêu ra một trăm hai mươi hai điều “vân hà” (như thế nào) để hỏi. Một trăm hai mươi hai câu hỏi ấy đều là các thắc mắc chi tiết về tác dụng của hết thảy các pháp thuộc về thiện xảo, thần thông, công đức, trí huệ và phương tiện v.v... trong Phật pháp, nhằm chỉ dạy chúng ta theo từng góc độ: Hành Ban Châu sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Tam-muội Thập Phương Châu Phật Tắt Giai Hiền Tiền (Ban Châu tam-muội) vì sao lại gọi là “vua của hết thảy các tam-muội?” Vì sao có công đức và lợi ích thù thắng nhiều ngàn ấy? Hiền Hộ Bồ Tát thay mặt cho hết thảy các chúng sanh muốn tu tập Phật pháp, muốn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mà khởi vấn, vì muốn cho các hữu tình thiện căn đã chín muồi do nghe pháp sẽ siêng năng tu hành, chứng đạo mà khởi vấn, vì tạo cơ sở khơi gợi cho các hữu tình thiện căn chưa chín muồi sẽ hướng tới thiện căn chín muồi, mà nêu ra một trăm hai mươi hai tướng công đức ấy. Trong bản dịch kinh Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội chỉ gồm một quyển [trong ba loại bản dịch của kinh này] có nhắc đến hai mươi một công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, cũng chính là từ hai mươi một khía cạnh mà nêu ra câu hỏi. Ở đây, kinh này nêu ra một trăm hai mươi hai vấn đề, cũng chính là từ một trăm hai mươi hai khía cạnh để nêu bày thực chất của công đức và lợi ích do hành pháp Ban Châu quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

*“Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên”* (Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải), đây là phong tục tập quán của người Ấn Độ. Người xuất gia lần tại gia đều khoác một tấm khăn choàng to. Trang phục dân tộc hiện tại của người Ấn Độ vẫn còn sử dụng khăn choàng, rất thực dụng, có thể sử dụng làm mền, làm vải bạt căng lều, có thể ngăn gió lạnh, tro bụi, sâu bọ v.v... rất nhiều tác dụng! *“Thiên đản hữu kiên”* (Trật vai áo phải) cũng là một phong tục tập quán nhằm biểu đạt lòng tôn trọng. *“Hữu tất trước địa”* (Gối phải chằm đất) chính là quỳ một gối xuống. Tức là trong lúc hỏi pháp, bèn trật vai áo phải, quỳ xuống, hai đầu gối hoặc một đầu gối ép sát đất, thưa hỏi đức Phật. Thông thường, chúng ta hỏi pháp bèn hai đầu gối đều đặt sát đất, vì Ngài là bậc đại Bồ

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tát, hiện phương tiện để kết duyên. Phương thức lễ kính của chúng ta trong hiện thời phần nhiều từ Ấn Độ truyền qua, tức là phương thức lễ [đầu diện] tiếp túc.

*“Hiệp chưởng hướng Phật, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã ư kim giả, dục đắc tư vấn Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác, tâm trung sở nghi, bất thẩm Thế Tôn, kiến thùy thỉnh phủ?”* (Chấp tay hướng về đức Phật, bạch cùng Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thưa hỏi đức Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác điều nghi trong tâm, chẳng rõ đức Thế Tôn có rủ lòng chấp thuận hay không?”): Con muốn nêu câu hỏi, đức Thế Tôn có chấp thuận trả lời cho con hay không?

*“Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn tùy nhữ sở nghi, tứ nhữ sở vấn, vị nhữ tuyên thích, linh nhữ hoan hỷ”* (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Này Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn thuận theo lòng nghi của ông mà cho phép ông hỏi, ta sẽ vì ông tuyên nói, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ): Chẳng phải là đức Thế Tôn không cho bọn phàm phu hữu tình chúng ta sanh nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi là chuyện thuộc bốn phần của phàm phu. Chư Phật Như Lai hiểu biết, có thể biết, đã biết, nhưng chúng sanh vẫn kéo dài sanh mạng trong tham, sân, si, mạn, nghi. Một trăm hai mươi hai câu hỏi thật ra nhằm giải đáp về nội hàm thực chất của công đức trong hành pháp này, trực tiếp tuyên nói, giải thích, khiến cho chúng ta phải nên chú ý tới khía cạnh nào, hãy nên đạt được lợi ích như thế nào?

*“Thời, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát ký mộng thỉnh hứa”* (Lúc đó, Hiền Hộ Bồ Tát đã được chấp thuận): Đức Thế Tôn đã cho phép Bồ Tát thưa hỏi. *“Phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu hà đẳng tam-muội, nhi năng đắc bỉ đại công đức tụ?”* (Lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đầy đủ các môn tam-muội như thế nào mà đạt được khối công đức to lớn?): Do vậy có thể biết, hành pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội là khối công đức to lớn. Trước kia, chúng tôi chuẩn bị tạo một cái ao phóng sanh ở trước sơn môn, đặt tên là Đức Tụ (德聚), tức là lấy ý từ kinh này, có nghĩa là “đạo đức tụ tập, công đức tụ tập, phước đức tụ tập, pháp tắc chân thật tụ tập, khiến cho hữu tình trong thế gian có thể thọ dụng”.

Phần sau bắt đầu bằng một trăm hai mươi hai câu hỏi chính là Phát Khởi Tự Phần. Kinh này thông qua Chánh Tự Phần trong phần

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

trước và Phát Khởi Tự Phần trong phần này, dẫn đến nội dung lời đáp của đức Thế Tôn trong Chánh Tông Phần, sẽ khiến cho chúng ta thật sự liễu giải nội dung của Ban Châu và công đức chân thật của hành pháp Ban Châu, hồng khích lệ những kẻ thiện căn chưa chín muồi được nghe pháp tắc này, [cũng như] khích lệ người thiện căn đã chín muồi đích thân tu tập pháp tắc này, khích lệ những người thiện căn đã chín muồi đích thân chứng đắc pháp tắc này, khích lệ những người thiện căn đã chín muồi sau khi đã đích thân chứng đắc sẽ truyền bá pháp này, khích lệ những người thiện căn chín muồi do biết rõ pháp tắc này, sẽ cùng nhau trao đổi, thủ hộ, an trụ trong pháp tắc này. Những người ấy đều chẳng lìa khỏi lời dạy của đức Thế Tôn, chẳng lìa khỏi sự khai giáo đúng như lý của Hiền Hộ Bồ Tát. Hữu tình thời Mạt Pháp khó thể khai giáo đúng lý, vì lẽ nào? Do chẳng biết phương tiện để khai giáo (khai thỉnh đức Thế Tôn truyền dạy giáo pháp), do chẳng có thiện xảo để khai giáo. Vì thế, trong Trúc Lâm Tinh xá (Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá), Hiền Hộ Bồ Tát thay cho chúng ta nêu ra nghi vấn về một trăm hai mươi hai phương diện, để đức Thế Tôn sẽ giải đáp viên mãn, đối với nội dung của khối công đức to lớn đều nhất nhất nêu bày. Đọc một lượt một trăm hai mươi hai câu hỏi này, chúng ta biết tâm trí Bồ Tát chu đáo, cẩn mật, tường tận, cẩn trọng cỡ nào, hồng tiêu trừ các nghi hoặc và giải trừ nỗi mơ hồ đối với pháp nghĩa trong tâm chúng ta.

**(Kinh) Vân hà đắc nhập đa văn đại hải, hoạch trí huệ tạng, vân vô nghi hoặc cố?**

**(經)云何得入多聞大海，獲智慧藏，問無疑惑故？**

**(Kinh: Làm thế nào để vào biển cả đa văn, đạt được kho trí huệ, hỏi han chẳng nghi hoặc?)**

Đại trí huệ rốt ráo lấy mãi chẳng tận, dùng chẳng cạn. Nếu gặp lúc kẻ khác có nghi vấn, sẽ có thể giải đáp, khéo léo trừ nghi, cho nên nói “đa văn đại hải” trọn đủ phương tiện trí huệ, khiến cho hữu tình có nghi hoặc sẽ tiêu trừ hết thảy nghi hoặc, nhập Vô Ngại Trí. Câu hỏi thứ nhất chính là làm theo cách nào thì mới có thể vào trong biển đại trí huệ, tức là biển cả đa văn? Cũng là hỏi hành pháp như thế nào thì mới có thể sanh khởi đại trí huệ, trừ nghi hoặc cho hết thảy chúng sanh, đạt được phương tiện vô thượng đối với hết thảy chúng sanh?

*(Kinh) Vân hà phục đắc vô ý giới tu, bất thất thành tựu, u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vô thoái giảm cố?*

**(經)云何復得無意戒聚，不失成就，於阿耨多羅三藐三菩提，無退減故？**

*(Kinh: Như thế nào để lại đắc vô ý giới tu, chẳng mất thành tựu, chẳng thoái chuyển hay giảm bớt đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)*

“Đắc vô ý giới tu”: Giới có sức phòng hộ (防護, ngăn ngừa, bảo vệ), khiến cho chúng ta thủ hộ pháp tắc đạt tới an ổn. Nói là “vô ý” vì giới luật chẳng phải do chúng ta tạo ra, mà đều do đức Thế Tôn chế định. Bất luận tại gia hay xuất gia, giới luật mà hiện thời chúng ta đang học đều do Như Lai Thế Tôn chế định, chẳng phải do ý niệm của chúng ta tạo ra. Đó là một cơ chế tư tưởng rất quan trọng, chư vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, khéo liễu giải. Khi chúng ta tư duy về Tứ Chánh Cần, đối với chuyện nên làm và chẳng nên làm, vẫn là có tác ý, nhưng đối với giới pháp thì vô tác ý [mà hành trì]. Vì sao? Chỉ tùy thuận thủ hộ là được rồi! Khi chúng ta giữ giới, chẳng có gì là đúng, chẳng có gì là sai, tức “*tâm vô quá phi*” (tâm chẳng có lỗi lầm, sai trái), xa lìa đúng sai, giới đức tự nhiên tụ tập nơi thân, tỏ rõ trong thế gian, tự lợi, lợi tha như thế mãi cho tới khi thành tựu Vô Thượng Bồ Đề chẳng bị thoái chuyển. Nếu thật sự giữ giới, người ấy sẽ chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Đây là điều chắc chắn chẳng thể nghi ngờ. Vì sao vậy? Hết thấy giới pháp đều từ tâm trí vô lậu của Như Lai mà chín muồi, lưu xuất, ứng với nhu cầu của hết thấy chúng sanh mà đặt bày!

*(Kinh) Phục vân hà đắc bất sanh ngu si, tà kiến không xú cố?*

**(經)復云何得不生愚癡，邪見空處故？**

*(Kinh: Lại như thế nào để chẳng sanh vào chỗ ngu si, tà kiến, ngoan không?)*

Điều “*làm thế nào*” thứ ba là thực hiện khối công đức bằng cách nào để chẳng sanh ngu si, chẳng còn đọa vào tà kiến ngoan không?

*(Kinh) Vân hà đương đắc宿命智，遍知去來故？*

**(經)云何當得宿命智，遍知去來故？**

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được Túc Mạng Trí, biết trọn khắp quá khứ và vị lai?)*

Túc Mạng Trí là biết rõ quá khứ, đối với chính mình và người khác đều đạt được phương tiện vô ngại, như năm nào, tháng nào, do vì lẽ nào mà sanh, vì đâu mà mất? Là người thì là người như thế nào? Là súc sanh thì là súc sanh như thế nào? Chúng sanh trong lục đạo do đâu mà an lập? An lập trong thế giới nào? Thọ mạng dài hay ngắn? Trí huệ cao hay thấp? Có hình dạng nam hay nữ? Những thứ như vậy đều biết rõ ràng, đó là Túc Mạng Trí thiện xảo. Túc Mạng Minh (Pūrva-nivāsānumrṭi-jñāna-sāksāt-kriya-vidyā) chính là có thể thông đạt vô ngại hết thảy hữu tình, tức là liễu giải quá khứ một đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hoặc một kiếp, hai kiếp, nhiều kiếp, nhiều đại kiếp, vô cùng đại kiếp của hết thảy hữu tình, thảy đều có thể biết rõ!

Rất nhiều vị Bồ Tát do hành Ban Châu mà có thể thấu hiểu như thế này: Họ cảm thấy [tới một nơi nào đó trước kia chưa hề tới] nhưng rất quen thuộc hoàn cảnh [của nơi ấy], có cảm nhận trước kia đã từng đi qua, rất thông thuộc đối với tướng trạng hoàn cảnh ấy, tợ hồ đã từng thấy qua v.v... Có loại cảm thọ như vậy đó. Điều này có thể gọi là Tương Tự thông đạt túc mạng, nhưng chẳng thể gọi là Túc Mạng Trí, mà cũng chẳng thể gọi là Túc Mạng Minh. Nếu đã chứng đắc tự nhiên trí, sẽ có phương tiện trí, trí vận dụng thiện xảo, trí vô ngại thiện xảo chiếu quán. Cái trí ấy chẳng phải là do chúng ta tự khoa trương, nó có thể sanh ra lực dụng thật sự!

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất ly phụng kiến chư Phật Thế Tôn, thỉnh văn chánh pháp, nãi chí mộng trung cố?*

**(經)云何當得不離奉見諸佛世尊，聽聞正法，乃至夢**

**中故?**

*(Kinh: Làm thế nào thì sẽ được chẳng lìa gặp gỡ chư Phật Thế Tôn để nghe nhận chánh pháp, thậm chí trong mộng?)*

Đây là một yêu cầu đặc biệt, riêng biệt của hành pháp Ban Châu, muốn khiến cho mọi người đều có thể thấy Phật, nghe pháp. Chẳng phải là thấy một vị Phật, hai vị Phật, mà là thấy vô lượng chư Phật, nghe giảng chánh giáo, xa lìa tri kiến bất chánh, thậm chí ở trong mộng [vẫn



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 1***

thấy Phật, nghe pháp]. Mọi người trong quá trình tu hành Ban Châu, sẽ có rất nhiều cảm nhận và sự thật bất đồng. Ngay trong quá trình tu tập niệm Phật, nghiệp lực biểu hiện cũng sai biệt hết sức to lớn. Do vậy, tuy có công đức và lợi ích như thế, nhưng đối với mỗi hành nhân, đều có sự biểu hiện riêng. Trong Ban Châu, tức môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền này, mục đích thấy Phật là để nghe pháp. Nghe pháp chính là một thứ thiện xảo để tiêu quy tự tánh<sup>21</sup>, nhận biết tự tánh, là phương tiện để nhận thức, là sự chọn lựa để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chúng ta phải nên thâm nhập quan sát pháp ích (lợi ích nơi pháp) này. Nói thông thường, “*thấy Phật*” có thể luận bàn theo bốn phương diện:

1) Hiện tiền thấy Phật: Ban Châu tam-muội chính là môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập. Trước kia, tôi đã niệm thánh hiệu Dược Sư Phật, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm chân ngôn của Văn Thù Bồ Tát, khi tu trì hơi dụng công đôi chút, sẽ được thấy hình tượng [của các vị tôn thánh ấy], hoàn toàn chẳng phức tạp. Nhưng nếu muốn có thể hỏi pháp, thì vẫn cần phải có mức độ tiến nhập nhất định. Thông thường, nói “*thấy Phật*” đã là một cơ chế tăng thượng rất lớn rồi, tức là quá trình thiện căn chín muồi. Vì tâm tịnh, cảnh tướng (tướng cảnh giới) sẽ tịnh; tâm thiện, cảnh tướng sẽ thiện. Trong tâm giác ngộ bèn có tướng cảnh giới kỳ diệu của chư Phật Như Lai; nhưng nếu chẳng thể nghe pháp, phần nhiều là do thiện căn chẳng thể thật sự chín muồi. Trước kia, có một vị sư phụ xuất gia bảo tôi: “Ôi chao! Tôi niệm Phật, niệm chân ngôn, niệm tới mức hết sức mệt mỏi, sẽ thường xuyên thấy tượng Phật bằng đá, tượng Phật bằng đất sét, tượng Phật vẽ, đều là Phật chẳng thể nói năng!” Đó là do thiện căn chưa chín muồi. Khi tu tập thâm nhập bi, trí và phương tiện của Phật và cơ chế quan sát chưa chín muồi, sẽ có thể thấy Phật như thế. Không chỉ là chẳng thể nghe pháp, vẫn chỉ là trông thấy rồi thôi! Nếu chúng ta tu tập cẩn thận, tu tập đúng như lý, tu tập không đắm nhiễm, tu tập với khát vọng được nghe pháp, sẽ có thể thấy Phật. Nếu chúng ta thấy A Di Đà Phật hoặc chư Phật ở phương khác, nhất định phải có pháp để có thể hỏi. Nhưng nếu chúng ta bình thời chẳng tư duy đúng như pháp, chẳng có khát vọng nghe pháp, chẳng có nguyện vọng hỏi đáp, thì làm sao có thể hỏi pháp cho được? [Nếu là như vậy] thì dầu thấy Phật, vẫn có thể mê

---

<sup>21</sup> Có thể tạm hiểu “*tiêu quy tự tánh*” là vượt khỏi các chấp trước, thấy rõ các pháp hư huyền, tìm ra được bản chất của chúng (thấy được tự tánh).

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

mất tự tâm, cũng có thể đánh mất nguyện vọng thừa hồi, đánh mất tánh cách chủ động thừa hồi. Vậy thì cũng có thể là Phật sẽ nhanh chóng biến mất.

Ngày hôm qua, có một vị Bồ Tát hỏi tôi: “Hành Ban Châu, đi tới, đi lui, đi lui, đi tới, dấu thấy Phật, Phật vẫn phải ra đi, hãy nên làm như thế nào?” Thật ra, nếu chẳng đi, sẽ xảy ra chuyện, hoặc là quý vị diệt độ, hoặc Ngài nhập diệt. Tối thiểu là quý vị xả báo, sẽ chẳng tiếp tục ở trong cõi này. Nếu chẳng như vậy, đức Phật ấy nhất định sẽ buông xả quý vị, vì sao vậy? Trong hành pháp, Ngài trợ duyên nhất thời, oai đức chiếu soi, niệm Phật chiếu kiến, do sức thiện xảo của Phật chiếu kiến, [hành nhân] đã thấy Phật rồi bèn hỏi. Hễ hỏi liền đáp, đáp xong thì biến mất, Ngài chẳng thể ở lại chỗ của quý vị. Chúng ta phải liễu giải rõ ràng thứ tự sử dụng của pháp này, chớ nên mê mất ở chỗ này. Có vị Bồ Tát đến đây thực hành Ban Châu vừa bắt đầu, đã hỏi: “Nếu tôi thấy Phật, Phật vẫn rời khỏi, tôi còn chịu đựng vất vả ngàn ấy để thấy Ngài làm gì chớ?” Chủ yếu là do quý vị chẳng thấy! Nếu đã được thấy, quý vị sẽ biết là chẳng nhọc nhằn!

“*Hiện tiền thấy Phật*” là chẳng sanh về cõi của Ngài, chẳng xả báo, Phật cũng chẳng đến, ta cũng chẳng đi. Vì có sao? Do nương vào sức niệm Phật, nương vào sức thần thông gia bị của Phật, nương vào nguyện lực nhiếp hóa của Phật, nương vào sự tương ứng với công đức của bồn hạnh, mà trong hiện tiền có thể thấy Phật. Đối với chuyện này, chúng ta chớ nên chần chừ, ngờ vực. Hết thấy những ai hướng về pháp, vui thích pháp, bằng lòng tu tập, sẽ đều có cơ hội như vậy, cũng sẽ đều có thành tựu như vậy.

2) Thấy Phật trong Định: Nếu ai có các thứ Thiên Định thiện xảo, đối với Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên xuất nhập tự tại, kiến lập đủ thứ phương tiện thiện xảo du hí thần thông, như thế thì sẽ thấy Phật trong Định chẳng khó. Người có công phu Thiên Định khá tốt, đối với chuyện thấy Phật trọn chẳng bận tâm cho lắm. Vì một khi có Thiên Định, đối với chánh kiến và trí huệ, sẽ có thể chọn lựa khá rõ ràng. Đó gọi là “*do Định sanh Huệ*”. Huệ ấy sẽ chẳng sanh nghi, sẽ chẳng bị chao đảo, sẽ chẳng bị ngoại cảnh làm cho mê loạn. Bởi lẽ, người ấy có rất nhiều thiện xảo, chẳng bị tướng cảnh giới che lấp. Cho nên đối với chuyện có thấy Phật hay không, đâm ra còn lập bày rất nhiều phương tiện.

3) Thấy Phật trong mộng: Kẻ bình phàm dễ có chuyện này. Trước kia, tôi ở một ngôi điện đường, do [các hành nhân] mấy chục năm niệm

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Phật tại đó như một ngày; cho nên hễ ai tiến vào niệm Phật, rất dễ dung nhập vào đó. Cứ khoảng ba ngày, lại có rất nhiều mộng cảnh. Chẳng hạn như mộng thấy thế giới Cực Lạc trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm, hoặc thiên cung trang nghiêm, hoặc là thấy Bồ Tát, chư thiên, rất nhiều cảnh giới thù thắng. Đương nhiên cũng mộng thấy người chết, hoặc ác mộng có cảnh tượng rất hắc ám, rất tàn khốc. Tuy là như vậy, nhân duyên như nhau, đều do được sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của niệm Phật gia trì mà chiếu soi, nhận biết chúng đều là hết thấy các nghiệp tướng.

Thiện Đạo đại sư có một đoạn văn tự nói về phương pháp rất tốt để tu Tịnh Độ trong mộng. Nếu có Bồ Tát khéo tu trì, phương pháp này mười phần thuận tiện: Thông thường là buổi tối, trước khi ngủ, hãy chấp tay niệm Phật. Khi cảm nhận thân thể đã mệt mỏi, chẳng thể gắng gượng được nữa, bèn chấp tay nằm theo tư thế cát tường, niệm mấy câu như sau: *“Đệ tử tên là... đang là phàm phu sanh tử, tội chướng sâu nặng, nay nghe thiện tri thức dạy bảo, nghe nói bốn nguyện và công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, xưng niệm Phật hiệu. Do con bị nghiệp chướng ngu si che lấp, chẳng thể thấy quốc độ trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, nguyện Phật, Bồ Tát gia bị cho con, khiến cho con thấy thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, khiến cho được thấy diệu tướng như thế. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...”* Thông thả niệm cho đến khi chìm vào giấc ngủ, [trong mộng sẽ] rất dễ xuất hiện diệu tướng cát tường, trọn đủ, thanh tịnh. Đây là trong mộng thấy Phật. Phương pháp tu trì này rất hay, xưa nay những người tu hành pháp môn Tịnh Độ đã lâu, ban ngày niệm Phật, trước khi ngủ, nhất định sẽ làm như thế. Như chúng tôi trước kia niệm Phật trong chùa, buổi tối vào lúc đại hồi hương, sẽ quỳ trước Phật, niệm đoạn văn tự ấy. Sau đó, quay về nghỉ ngơi.

Trên thực tế, đây là một loại niệm Phật liên tục, vì trong lúc hôn mê, vô ký, nghiệp lực chín muồi, chúng ta không thuận theo nghiệp lực, đã đem nguyện vọng niệm Phật du nhập vào thời gian chính mình sắp nghỉ ngơi, điều chỉnh thời gian của chính mình, chẳng bỏ lỡ. Đó gọi là *“dạ mạc không quá, tồn niệm Tam Bảo”* (chẳng bỏ lỡ ban đêm, luôn nhớ đến Tam Bảo). Tức là trong mộng chúng ta cũng có thể tu tập, thực hành pháp tắc niệm Phật. Đó là một phương thức tu hành mười phần có ý nghĩa. Từ xưa tới nay, nhất là sau khi Thiện Đạo đại sư truyền bá pháp môn này, có rất nhiều người tu theo, đạt được diệu tướng, cảm ứng khó thể thuật trọn. Điều cơ bản là pháp này có tánh chất khá phổ biến; cũng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

có nghĩa là chỉ cần dựa theo cách tu như vậy, hoặc một ngày, hai ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, tu tập chẳng giải đãi, chẳng gián đoạn, trong mộng sẽ rất dễ thấy Phật, Bồ Tát, cho đến thấy được các cảnh tượng trong thế giới Cực Lạc.

4) Trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, khi lâm chung, ắt sanh về trước Phật. Do vậy mới có “*mạng chung, xả báo thấy Phật*”.

Bốn loại thấy Phật này đều là chân thật, chẳng giả. Vì có sao vậy? Do thật sự có tướng phàm phu, mà cũng có tướng chư Phật. Do thật sự có nghiệp của phàm phu, mà cũng có nghiệp của chư Phật. Thật sự có cõi ô trược, mà cũng có Tịnh Độ của chư Phật. Thật sự có nghiệp lực của chúng sanh, mà cũng có công đức thù thắng trang nghiêm của chư Phật. Bởi lẽ, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia chẳng thể hiển hiện. Chúng ta nhất định phải khéo quan sát: “*Chư Phật do nhân duyên sanh*”. Do duyên theo pháp tắc của các Ngài, Tu Đức có sai biệt, nhưng đối với công dụng và lợi ích của việc niệm Phật, mọi người đều có thể sử dụng được.

Pháp tu Ban Châu Tam Muội khiến cho bốn loại thấy Phật ấy đều dễ phát lộ trong hiện tiền. Tác dụng chủ yếu của pháp tu này là hiện tiền thấy Phật. Nếu cơ chế “*hiện tiền thấy Phật*” của chúng ta chẳng chín muồi, thì cũng có thể thấy Phật trong Định, hoặc trong mộng thấy Phật, cho đến kết quả rốt ráo là lâm chung thấy Phật. Do vậy mới nói pháp môn Niệm Phật này đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Rất nhiều người hỏi: “Tôi hành trì pháp này thì thiện căn có chín muồi hay không?” Tôi cảm thấy hoặc là một ngày một đêm, hoặc một ngày hai đêm, chúng ta có thể tu hành siêng ròng, cẩn thận, thâm nhập, sẽ chẳng một ai bị tổn thương! Trong nhiều năm qua, tôi mười phần cẩn thận đối với điều này. Đại khái là bắt đầu từ năm 1995, hễ tôi có thời gian, bèn tu tập đi nhiều niệm Phật [theo phương pháp Ban Châu], chẳng dám tổn hại [thân thể của] chính mình. Nếu phước đức, nhân duyên chẳng đủ thì hành trì thông thả. Đủ nhân duyên bèn kinh hành niệm Phật. Cơ bản là một ngày kinh hành niệm Phật khoảng mười lăm tiếng đồng hồ. Nếu lúc ấy có thời gian, bèn dành ra bảy ngày, hoặc dành thời gian một tháng, hoặc là nửa năm, hễ có cơ hội bèn đi kinh hành mỗi ngày mười lăm tiếng đồng hồ. Chẳng coi là tu Ban Châu, mà gọi là “*kinh hành niệm Phật*”. Có khá nhiều khi hoặc là ba ngày, bảy ngày, cho đến rất nhiều ngày đi kinh hành cũng đều có cảm nhận nhân duyên trong khi ấy. Có lần vào dịp cuối năm của một năm nọ, kể từ ngày Rằm tháng Mười Một, tại chùa Phóng Quang núi Kê Túc, chúng tôi tổ chức Phật thất kéo dài một trăm ngày. Sau khi hoàn tất,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

có mấy vị Sa-di bèn đi kinh hành Ban Châu bảy ngày. Trong thời gian ấy, cũng có tỳ-kheo hành Ban Châu, nhưng đều là hai ngày, ba ngày, bốn ngày. Trong quá trình ấy, mọi người tu hành cảm nhận khác biệt rất lớn. Trên thực tế, Ban Châu vốn là một hành pháp rất thông thường, đương nhiên là vẫn cần tới thiện căn chín muồi. Gặp được pháp này rất khó, trọn chẳng phải là khoa trương, bản chất và nội dung thực chất của nó là như thế!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thù đặc đoan chánh thượng diệu sắc thân, cụ túc oai nghi, chúng sanh nhạo kiến cố?***

**(經)云何當得殊特端正上妙色身，具足威儀，衆生樂見故？**

***(Kinh: Làm thế nào thì sẽ đạt được sắc thân thượng diệu đặc biệt đoan chánh, trọn đủ oai nghi, chúng sanh thích thấy?)***

“Thượng diệu sắc thân”: Thân chúng ta thô kệch, nặng nề. Có lúc người niệm Phật sắc thân đích xác là trọn đủ quang tướng, trọn đủ tác dụng tự tại. Ở đây, đâm ra chẳng nói nhiều thì tốt hơn. Chúng ta hãy tự mình tu tập, cho đến khi thật sự đạt được quả báo thì cũng sẽ giống như thế.

***(Kinh) Vân hà đương đắc thường sanh đại tánh chi gia, tôn quý chi vị, kiến giả cung kính cố?***

**(經)云何當得常生大姓之家，尊貴之位見者恭敬故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ thường được sanh trong thế gia vọng tộc, địa vị tôn quý, người khác trông thấy sẽ cung kính?)***

Phần lớn mọi người ở đây đã đều hành Ban Châu. Do hành pháp mà sắc thân và tâm lý đều thay đổi, mọi người đều cùng nhận biết. Đối với quả báo trong vị lai, nếu chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh vào gia đình thế gia vọng tộc là chuyện chắc chắn, chẳng thể nghi ngờ. Vì lẽ nào vậy? Do hành vi đơn giản nhất, tôn trọng, đầy đủ phước đức và nhân duyên.

***(Kinh) Vân hà phục đắc phụ mẫu, huynh đệ, tông thân, quyến thuộc, cập dĩ tri thức, tả hữu vi nhiều, hằng vô biệt ly cố?***

**(經)云何復得父母兄弟，宗親眷屬，及以知識，左右圍繞，恆無別離故？**

*(Kinh: Như thế nào để lại được cha mẹ, anh em, dòng họ, quyến thuộc, cùng với tri thức quây quần vây quanh, thường chẳng chia lìa?)*

Đại gia tộc trước kia là “ngũ thế đồng đường” (năm thế hệ sống cùng một nhà), hoặc “tứ thế đồng đường” rất nhiều. Một nhà có đến hai ba chục người, hoặc ba bốn chục người rất bình thường. Hiện thời, mười phần khó thấy, dẫu nhà có ba người cũng rất khó gìn giữ, do vì lẽ nào? Sự tín nhiệm và đạo đức của con người sai khác quá lớn. Hiện thời, dẫu giữa người thân với nhau, cũng chẳng bằng lòng, hoặc rất khó hòa hợp rành rẽ; dần dần chẳng đủ tín nhiệm lẫn nhau, chẳng đủ bảo vệ và tôn trọng lẫn nhau!

“Tả hữu vi nhiều” ý nói quyến thuộc quyến luyến và che chở lẫn nhau. Thiếu thốn quyến thuộc thì thân tâm cô quạnh, yếu ớt, trên thực tế là tướng trạng cô quạnh. Do vậy, khi Thích Ca Mâu Ni Phật vừa chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ-kheo thường theo Ngài. Vua Tịnh Phạn bèn nói: “Vì sao lại hiện tướng trạng nghèo xơ xác ấy? Sao những người theo Phật lại vừa đen vừa còm cõi như thế này?” Do đó, vua yêu cầu mỗi gia đình trong dòng họ Thích Ca phải chọn ra một nam tử đẹp đẽ nhất theo Phật xuất gia, để làm quyến thuộc trang nghiêm của đức Phật, cũng nhằm khích lệ mọi người để họ biết tới lợi ích nơi y báo và chánh báo, tự lợi và lợi tha rộng lớn, liên tục chân thật trong Phật pháp.

*(Kinh) Vân hà đương đắc quảng đạt bác thông, sở vi thù dị, diệc chung vô khuyết giảm ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm cố?*

**(經)云何當得廣達博通，所爲殊異，亦終無缺減於阿耨多羅三藐三菩提心故？**

*(Kinh: Làm như thế nào để sẽ thông đạt rộng lớn, việc làm đặc biệt khác lạ, và cũng trọn chẳng khuyết giảm tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?)*

Nội hàm thực chất của pháp Ban Châu là có thể khiến cho người ta thông đạt rộng lớn. Có người vặn hỏi: “Một câu Phật hiệu sao có thể

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

khiến cho con người thông đạt rộng lớn cho được?” Chúng ta cứ thật sự tu tập sẽ biết. Nếu thật sự tu tập tới mức rõ ràng, thông hiểu, xem lại hết thấy các kinh điển, [sẽ nhận biết các kinh ấy] vốn xuất phát từ cái tâm của chính mình. Nếu chúng ta có thể thật sự chứng đắc tam-muội, xem lại hết thấy các giáo ngôn, [sẽ thấy] vốn là giáo ngôn của chính mình! Nhìn lại hết thấy các pháp tắc, [sẽ biết] vốn là pháp tắc ta sẵn trọn đủ! Tuyệt đối là chẳng hai, như thế thì chúng ta sẽ chẳng bài xích. Do vậy, giáo ngôn Tịnh Độ có cơ chế thành tựu, tức là nó ngầm gồm thâm tam thừa, ngầm bảo vệ tam thừa, [tu Tịnh Độ] là ngầm hành cả ba thừa.

Trước kia, tôi là một kẻ tiếp xúc phiến diện giáo ngôn của A Di Đà Phật, là kẻ niệm Phật thọ giới theo hình thức, cũng có nghĩa là niệm Phật thì phải nên gìn giữ giới đức, ắt cần phải niệm Phật. Trong đó, có ba điều thuộc về tam-muội-da giới. Giới ấy có hai cách truyền trao: Một là truyền trao trong cảnh giới. Cách kia là truyền trao nơi Mạn Đà La, tức là truyền giới trong đàn tràng Mạn Đà La. Sau khi được nghe ba điều tam-muội-da giới ấy, tức là ba điều thệ nguyện, tôi vẫn một mực niệm Phật, nhưng tâm trạng niệm Phật đã khác hẳn. Chẳng phải là vì mong đạt tới một trạng thái chi đó, hoặc chứng đắc kết quả chi đó mới niệm Phật, nhưng do ba điều thệ nguyện ấy mà niệm Phật, chẳng hạn như dùng cái tâm chẳng tranh chấp để niệm Phật, chẳng tranh chấp chính là thệ nguyện. Lại như vì hộ trì hết thấy các hành nhân tu pháp mà niệm Phật, cũng tức là rất nhiều người đang tu hành các loại pháp, Mật pháp, Hiền pháp, Thiên Tông, Giáo Hạ, Tông Hạ, vì hộ trì các hành pháp thiện xảo cho tới khích lệ người tu hành thành tựu mà niệm Phật. Đây gọi là *“bình đẳng cùng đường mà niệm Phật”*. Chẳng vì cầu cho chính mình mà niệm Phật. Từ căn bản là chẳng vì cầu cho chính mình. Hiện thời, rất nhiều người cơ bản đều là vì chính mình được vãng sanh mà niệm Phật, vì công phu của chính mình mà niệm Phật, vì bản thân mà niệm Phật, vì miễn trừ tai nạn cho chính mình mà niệm Phật, vì ta sẽ chứng đắc thánh đạo, thoát khỏi phiền não mà niệm Phật. Các kiểu niệm Phật ấy chẳng có cùng một duyên khởi!

Chúng ta thật sự niệm Phật, có thể thông đạt ba thừa, rất ráo vô ngại, từ trong hết thấy các nghĩa, sanh ra sức phương tiện tự tại, có thể thấy thông suốt hết thấy các pháp chẳng vướng mắc, chẳng sợ hãi. Đó là điều chắc chắn chẳng thể nghi ngờ. Vì thế nói là thông đạt rộng lớn nội điển và các sách vở ngoài Phật giáo. Hành vi chẳng giống kẻ phạm ngu, tất nhiên là thành tựu nhất vị, đạt được phương tiện thoát lìa các phiền hoặc đối đãi sanh tử và phiền hoặc phạm thánh đối đãi, phiền hoặc đối

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đài cao, thấp, lớn, nhỏ, vì cơ chế niệm Phật chính là cái Vô Thượng Bồ Đề. Hễ đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, sẽ biết: Ba bậc vãng sanh đều lấy tâm Vô Thượng Bồ Đề làm duyên khởi, dùng phương thức “*một mục chuyên niệm*”, rốt cục quy kết hết thảy công đức thiện xảo vào thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật để đạt thành tựu. Lời dạy ấy mười phần rõ rệt!

***(Kinh) Vân hà đương đắc chánh niệm, chánh hạnh, tiết độ bất di, tâm tri túc cố?***

**(經)云何當得正念正行, 節度不移, 心知足故?**

***(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được chánh niệm, chánh hạnh, chừng mực chẳng dời, tâm biết đủ?)***

Chánh kiến, chánh niệm, chánh hạnh, tâm hạnh chẳng tà. Nếu chúng ta nương theo thế nguyện, nương vào giới để thủ hộ mà tu tập Phật pháp, sẽ chẳng có tà nghiệp. Cái được gọi là “*ý thức, nghiệp lực, tập quán*” tức là có tri kiến chẳng chánh đáng, còn được gọi là tà niệm, tạp niệm, ác niệm. Nhưng nếu chúng ta nương vào giới luật, chẳng có tri kiến bất chánh, nếu chúng ta niệm Phật, dùng Nam-mô A Di Đà Phật làm tri kiến thuần chánh để gìn giữ giới đức chính mình, sẽ chẳng nảy sanh tà kiến. Đó cũng là điều tất nhiên! Tâm không có tà niệm, nghiệp chẳng có tà hạnh, sẽ biết chừng mực, xử sự sẽ đạt tới thích đáng!

Trong khoảng thời gian này, tôi có chút nghi ngờ đối với khả năng làm việc của chính mình. Trưa hôm nay, tôi chẳng gắng gượng nổi nữa. Buổi sáng thức dậy, đã tính tìm pháp sư duy-na xin nghỉ, nói “tôi không lên giảng buổi này được. Tôi xin nghỉ”. Sau đấy vẫn không xin nghỉ, vẫn cứ lên giảng. Giảng xong quay về, vẫn nghỉ, buổi chiều sẽ chẳng giảng, vì thân thể không ổn. Thật ra là do ý thức không theo kịp, nhưng cho tới khi lên đại diện thì lại cảm thấy có thể được. Sự nhận biết ấy chính là do căn cứ theo cảm giác của chính mình mà nảy sanh [ý niệm] chẳng liên tục. Thường là tri kiến và cảm nhận của chúng ta không ngừng biến hóa, không ngừng biến đổi cao hay thấp, rất khó duy trì. Như chúng tôi đã nói, bất luận như thế nào, ta đều phải gìn giữ pháp tắc này, nó sẽ chẳng đổi khác. Do vậy, ở đây là “*tiết độ bất di, tâm tri túc cố*” (vì chừng mực chẳng dời, tâm biết đủ), thiện xảo vận dụng cái tâm thanh thản, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm trí huệ, khéo vận dụng các tâm ấy, cho nên tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, chẳng bị ngoại cảnh xâm đoạt.



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Mỗi người chúng ta hãy nên chú ý cảm giác, sự nhận biết, và hành vi của chính mình, hãy ít ham muốn, hãy biết đủ, hồng tránh khỏi bị tà tri tà kiến ăn mòn!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thường sanh tâm quý, viễn ly sỉ nhục cố?***

**(經)云何當得常生慚愧，遠離恥辱故？**

***(Kinh: Làm thế nào để sẽ được thường sanh lòng hổ thẹn, xa lìa sỉ nhục?)***

Chẳng hổ, chẳng thẹn là thượng phẩm Tùy phiền não. Nếu ai cảm thấy “ta làm rất tốt”, đó là lời lẽ của kẻ chẳng hổ thẹn. Người ấy phần nhiều có trạng thái gì? Vô ký, buông lung, hai thứ ấy cũng là biểu hiện của thượng phẩm Tùy phiền não. Tham đắm vô ký, hôn trầm, kẻ ấy chẳng biết tâm quý thiện xảo, tâm phần nhiều chẳng hổ thẹn, chẳng thể tinh tấn đối với pháp tắc, tu hành phần nhiều chẳng thể đắc lực, phần nhiều chẳng thể tăng thượng. Nay chúng ta có cơ hội tu tập pháp tắc như thế, hãy nên quý trọng. Có thể thâm nhập tu tập thì mới thật sự có thành tựu!

Trong tu tập Phật pháp, do pháp hổ thẹn, xa lìa tử nhục. Xa lìa tử nhục nhả là điều đặc biệt quan trọng. Xa lìa là vì trong khi hổ thẹn, cảm thấy đối với người khác ta làm chẳng đủ, đối với chính mình cũng chẳng thực hiện trọn đủ, thường sanh lòng hổ thẹn, thường xuyên sám hối, thường xuyên tự mình phản tỉnh, tự tâm sẽ đúng như thật quan sát hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) của chính mình. Biết hổ thẹn, sẽ chẳng hứng chịu sự vũ nhục. Nếu là kẻ chẳng biết hổ thẹn, luông tuồng, chẳng kiêng dè, cũng là kẻ tự nghĩ mình rất tốt, kiêu mạn, tà kiến, chẳng hổ, chẳng thẹn, phần nhiều là vô ký, kẻ như vậy ham ngủ, ham ăn uống, Tùy Phiền Não thô nặng, dần dần sẽ rơi vào căn bản phiền não. Những cái được gọi là “*tri kiến bất chánh*”, tức “*tham, sân, si, mạn, nghi*” sẽ tự nhiên biểu lộ!

Vì thế, đối với những lời giảng dạy của đức Thế Tôn về phiền não, Tùy phiền não, vi tế Tùy phiền não, chúng ta hãy nên xem xét. Chúng ta đều biết học Phật nhằm đoạn phiền não, trừ khử sanh tử, vận dụng bi trí để lợi ích thế gian rộng lớn, thành tựu Bồ Đề. Đoạn phiền não mười phần trọng yếu, nhưng nếu chẳng biết phiền não là gì, đoạn như thế nào đây? Rất nhiều người cứ ở mãi trong sân tâm, mạn tâm, nghi

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tâm, chẳng hổ thẹn, ở trong hôn trầm, kiêu mạn, tà kiến, mà mong tu pháp, sẽ chẳng thể có cách nào thành tựu, luôn bị phiền não chìm lấp, làm sao tu tập Phật pháp cho nổi? Các vị thiện tri thức hãy nên chú ý chỗ này!

Chẳng biết tự xấu hổ là “*vô tâm*”, đùn đẩy lỗi lầm của chính mình sang người khác, nói người này sai trái, quở kẻ kia sai trái, cuối cùng người chung quanh ta đều bất hảo, xã hội bất hảo, gia đình bất hảo, toàn bộ đều bất hảo, chỉ mình ta tốt đẹp! Kẻ chỉ thấy “một mình ta tốt đẹp” như thế sẽ chẳng thể sửa lỗi, thường nảy sanh những chuyện nhục nhã, tự mình cũng ô nhục chính mình, tức là dùng sự thống khổ để làm nhục chính mình. Trong pháp tắc của tỳ-kheo, hổ thẹn là điều trọng yếu nhất. Đối với sự tu trì của tại gia cư sĩ, cũng là như thế.

Chẳng xấu hổ đối với người khác là “*vô quý*”, thường nói là “*vô quý u nhân*” (chẳng xấu hổ đối với người khác). Cổ nhân nói “*ngã ngưỡng chi vô quý*” (ta ngẩng lên chẳng thẹn) là nói đã thật sự thực hiện được pháp tắc ấy. Có người như vậy hay không? Đó là các vị thánh nhân, bậc trí giả, hoặc các hữu tình đã xa lìa tập khí và nghiệp lực. [Người như vậy sẽ] có thể nói là “*ngưỡng phủ vô quý*” (ngửa lên hay cúi xuống đều chẳng hổ thẹn), còn kẻ bình phàm, trong khi cúi ngửa, đều phải nên biết hổ, biết thẹn!

Kẻ chẳng hổ, chẳng thẹn, tự chuốc lấy nhục. Làm người mà nếu kiêu mạn, cho rằng chính mình là chánh xác, chẳng hổ, chẳng thẹn, ưa chỉ trích kẻ khác, người như thế ắt gặp phải tủi nhục, đó là bị Tùy phiền não tổn hại! Loại người này thường tự cảm thấy mình rất tốt đẹp, nói chính mình cũng chẳng tham, mà cũng chẳng mạn, cũng chẳng sân, cũng chẳng si, cũng chẳng ngu. Thật ra, chẳng phải vậy! Thông qua không hổ, không thẹn, kẻ đó đã biểu lộ tham, sân, si, mạn, ngu, các căn bản phiền não ấy được nối tiếp, cho đến nảy sanh tà kiến, chẳng thể thâm nhập Phật pháp. Do vậy nói, “*thường sanh hổ thẹn, sẽ xa lìa hai loại si nhục đối với chính mình và người khác*”. Cũng có nghĩa là tâm ta chẳng hứng chịu si nhục, mà người khác cũng sẽ chẳng si nhục ta, vì sao? Chính mình biết tự phản tỉnh. Trong tư tưởng Nho gia Trung Hoa có câu: “*Ngô nhật tam tỉnh ngô thân*” (Mỗi ngày, ta ba lượt tự xét bản thân), “*tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư*” (ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta), cũng có nghĩa là coi người khác đều là thiện tri thức. Chúng ta phải thường tự phản tỉnh.

Nhưng người thời Mạt Pháp toàn là điên đảo, thường phản tỉnh người khác, gây phiền não cho người khác, bôi mốt lỗi lầm của kẻ

khác, chứ ta luôn đúng! Kẻ khác sai be bét! Ương bướng, khó giáo hóa như thế đó, gặp nhiều nổi sĩ nhục. Sĩ nhục là do chẳng thể tự phản tỉnh chính mình, chẳng thể nắm vững tự tâm. Chúng ta đều biết: Nếu gây phiền toái cho kẻ khác, cưỡng chế kẻ khác, có mấy ai chịu thuận phục kẻ khác? Cần phải hao tổn tâm huyết cỡ nào? Lãng phí tinh lực nhiều cỡ nào? Chẳng bằng đúng như thật liễu giải tự tâm. Do vậy, đúng như thật liễu giải tự tâm, tu pháp thật thuận tiện, sửa đổi lỗi lầm rất thuận tiện, liễu giải cội nguồn của lỗi lầm cũng rất thuận tiện. Hãy mau quay đầu, chủ động mạnh mẽ, chúng ta cũng sẽ chẳng bị các nhân duyên khác gây sĩ nhục.

*(Kinh) Vân hà đương đắc chánh trí khiêm cung, hàng phục ngã mạn cố?*

**(經)云何當得正智謙恭，降伏我慢故？**

*(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được chánh trí khiêm nhường, cung kính, hàng phục ngã mạn?)*

Đôi với điều này, mọi người đều khá thông hiểu. “Chánh trí” là đúng như thật biết tự tâm. “Khiêm cung” là một pháp tắc người Hoa ưa thích nhất. Trong kinh điển được tuyên chọn đứng đầu truyền thống văn hóa Trung Hoa, tức kinh Dịch, có quẻ Khiêm, sáu hào đều tốt lành<sup>22</sup>. Dấu quẻ tốt nhất là quẻ Càn và quẻ Thái, cũng như rất nhiều quẻ cát tường khác, cũng đều chẳng được như thế. Quẻ Khiêm cả sáu hào đều tốt lành, cũng chính là như người Hoa hay nói: “Mãn tao tổn, Khiêm thọ ích” (Tự mãn thì bị hao tổn, Khiêm thì được lợi ích). Nhưng người thời Mạt Pháp tự đại cuồng vọng, phần nhiều bị tâm trí của chính mình bức bách, tức là chính mình bức bách cái tâm của chính mình, chịu đủ mọi nổi khổ nơi tâm trí. Người trong thời đại này, kẻ điều phục, nhu thuận càng ít, kẻ hợm mình kiêu ngạo càng nhiều. Do vậy, đức Thế Tôn đã thọ

---

<sup>22</sup> Quẻ Địa Sơn Khiêm bao gồm quẻ Khôn (ba vạch đứt) chồng lên quẻ Cấn (một vạch liền trên hai vạch đứt). Trong lời giải thích của kinh Dịch đối với mỗi Hào (mỗi vạch của quẻ này) đều là ý nghĩa tốt lành, nên nói là “lục hào giai kỳ” (sáu hào đều tốt lành). Lời giảng chung là: “Khiêm, hanh, quân tử hữu chung. Tượng viết: Địa trung hữu sơn, khiêm, quân tử dĩ biểu đa ích quả, xứng vật bình thí”. Câu này được chú giải như sau: “Quẻ Khiêm, thông thuận, tốt lành, gieo được quẻ này, bậc quân tử sẽ có thành tựu. Lời Tượng Từ giảng: Quẻ này biểu thị trong đất có núi, trong cao ngoài thấp, ở địa vị cao mà chẳng kiêu ngạo. Bậc quân tử nhìn vào quẻ tượng này, luôn giữ đức khiêm cung, lấy chỗ dư dật bù đắp chỗ thiếu sót, cân nhắc tài vật nhiều ít để ban bố công bằng”.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

ký người thời đại này là “ít trí, ít phước, ương bướng, khó giáo hóa, chuộng đấu tranh”.

Vì sao giáo ngôn Tịnh Độ được truyền bá rộng rãi trong thời đại này? Vì giáo ngôn ấy là duyên khởi thanh tịnh bình đẳng. “Hết thấy chúng sanh đều có thể vãng sanh” là thanh tịnh, bình đẳng. Duyên khởi thanh tịnh, bình đẳng là duyên khởi yêu thương, từ bi trí huệ thật sự, mà cũng là duyên khởi thanh tịnh của tôn giáo. Lợi ích của tôn giáo là an ủi thế gian; thanh tịnh bình đẳng thì mới có thể an ủi thế gian. Quý vị có nói chính mình cao cả cỡ nào đi nữa, chẳng thể an ủi thế gian. Hạ thấp mình cỡ nào đi nữa, cũng chẳng thể an ủi thế gian. Phàm hay thánh, bất luận chúng ta đứng ở góc độ nào, đều chẳng thể an ủi thế gian. Chỉ có bình đẳng thanh tịnh, hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật, đều có thể vãng sanh, như thế thì mới có thể đúng như thật an ủi thế gian, mang lại lợi ích chân thật cho hữu tình trong thế gian. Đối với điều này, chúng ta có thể tư duy, và cũng có thể quan sát được!

“Hàng phục ngã mạn cố” (Do hàng phục ngã mạn): Chúng ta nêu hơi chẳng chú ý, sẽ sanh khởi cái tâm ngạo mạn, tức là tự đề cao chính mình, khinh rẻ kẻ khác. Đó là tướng trạng trong đời mạt. Hữu tình trong thưở chánh pháp và thời mạt, phần nhiều ương ngạnh. Trong kinh điển, đức Phật đã nhiều lượt thọ ký như thế. Tuy cái tâm của chúng ta vĩnh viễn giống như tâm Phật, nhưng do biểu hiện của nghiệp lực, bèn có Chánh Pháp và Mạt Pháp.

***(Kinh) Vân hà đương đắc sách cần tinh tấn, viễn ly giải đãi cố?***

**(經)云何當得策勤精進，遠離懈怠故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ siêng gắng, tinh tấn, xa lìa giải đãi?)***

Đọc đến câu “sách cần tinh tấn”, thấy dễ dàng; thật ra, chẳng dễ thực hiện! Thiện Đạo đại sư dạy: Nếu có kẻ ngày đêm sáu thời gấp rút tu trì, như cứu đầu cháy, nhưng do tạp niệm lòng lầy, chẳng thể thành tựu chánh nhân vãng sanh. “Tinh tấn” được nói ở đây là gì? Chư Phật Như Lai đã dạy: Sức trí huệ chẳng đắm nhiễm, sức phương tiện lợi ích hữu tình, thường xuyên thủ hộ, chẳng hề gián đoạn; đó là “tinh cần” (精勤, siêng năng chuyên ròng). Đối với chánh niệm, thệ nguyện chẳng có lúc nào đánh mất chánh niệm, thường liên tục siêng năng, thường siêng thủ hộ. Đó là thiện xảo tinh tấn thật sự. Nếu chúng ta hằng ngày chẳng ngủ nghê, cứ đứng tại đó mà phát sanh cái tâm kiêu mạn, tự mình tăng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

trường cái Tôi, cưỡng chấp cái Ta, tốt nhất là đừng nên tu trì! [Bối lễ], tu trì như vậy sẽ càng tu càng khổ, càng tu càng xa, càng tu càng khó! Chuyện này chúng ta đều có thể trông thấy, đều nhận biết!

“*Viễn ly giải đãi*”: Sự tinh tấn này ứng với chánh tinh tấn. Kẻ tà tinh tấn phần nhiều có cái tâm tăng thượng mạn, lừa dối, si nhục chính mình lẫn người, cho mình là tôn quý, lẩn hiếp, si nhục kẻ chưa hành. Như thế thì không chỉ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp, mà còn nảy sanh đại kiêu mạn. Do cái tâm tăng thượng mạn, bèn “chưa đắc mà nói đã đắc”, phần nhiều lẩn hiếp, si nhục thế gian, rơi vào quyền thuộc của ma, dầu niệm Phật cũng đánh mất cam lộ vị. Dầu hằng ngày niệm Phật, nhưng do dùng cái tâm tăng thượng mạn để tu trì, sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Nhất định phải chú ý chỗ này!

***(Kinh) Vân hà đương đắc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, bình đẳng dĩ lạc cố?***

**(經)云何當得大慈大悲，大喜大舍平等與樂故？**

***(Kinh: Làm thế nào để sẽ đắc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, bình đẳng ban vui?)***

Đúng là chúng ta phải nên đặc biệt chú ý tu trì Tứ Vô Lượng Tâm. “Từ, bi, hỷ, xả” Tứ Vô Lượng Tâm đều duyên theo chúng sanh, bình đẳng hóa độ. Cái gọi là Từ chính là ban vui cho chúng sanh. Ở đây, “*ban vui cho chúng sanh*” chẳng thể nói là quý vị đối với tôi thân thiết, tốt đẹp, tôi sẽ ban vui cho quý vị; đấy chẳng phải là từ bi. Phải nên là ban vui cho hết thảy chúng sanh, bất luận kẻ đối nghịch với quý vị, làm hại, hủy báng, tán dương, báng bỗ, làm nhục quý vị, đều ban vui cho các chúng sanh như vậy, khiến cho hạng hữu tình ấy đạt được pháp lạc, đạt được niềm vui do lìa khổ, tâm trí an lạc, niềm vui Bồ Đề, niềm vui chánh pháp, niềm vui do xa lìa tập khí nặng nề. Đó là thật sự thủ hộ Phật pháp. Nếu không, chúng ta chọn lựa để ban vui cho chúng sanh: Kẻ nào đối xử tốt với ta, cung kính ta, tán thán ta, ta liền thuyết pháp cho hắn, độ hắn. Trong rất nhiều kinh điển, đức Phật đã phê phán loại người như thế đã dùng cái tâm quyền thuộc của ma, tăng trưởng nghiệp lừng lẫy, tức là nghiệp luân hồi. Như thế gọi là “*lôi kéo quyền thuộc*”.

Quý vị đối xử với tôi rất tốt, chúng ta sẽ tụ họp. Sau đó, tôi sẽ hóa độ quý vị, thuyết pháp cho quý vị. Quý vị đối xử với tôi chẳng tốt, tôi liền bài xích, thương tổn quý vị. Đấy chẳng phải là Từ tâm. Từ tâm trọn

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

khấp, chân thật nhất như, ban bố rộng rãi, khiến cho chúng sanh đạt được yên vui, khiến cho hết thảy hữu tình dù thiện hay ác, đều có thể bình đẳng an lạc. Đây là đại Từ tâm thật sự. Khiến cho cừu nhân của chính mình, kẻ tánh tình độc ác, kẻ tổn hại ta đều được sống ở nơi như ý, tốt lành, đạt được thiện báo. Đó là vun bồi cái tâm Từ. Nếu nói “ngươi đối xử với ta tệ bạc, ngươi rơi vào chỗ xấu ác, hãy hứng chịu quả báo đi, vào địa ngục đi!” Đó là sân tâm, hại tâm, nghịch tâm! Chư vị thiện tri thức hãy rất khéo quan sát!

Cái gọi là “*đại bi*” chính là sức tự tại và nghiệp duyên tự tại dẹp trừ nỗi khổ trầm luân của chúng sanh, khiến cho chúng sanh an trụ nơi vui sướng, thoát khỏi khổ duyên.

Nói tới Hỷ thì là cái tâm làm cho chúng sanh vui mừng. Trong giáo ngôn của đức Phật, khiến cho chúng sanh vui sướng, khiến cho chúng sanh an lạc, chính là khiến cho chư Phật an lạc, tức là nói “*chúng sanh an lạc, chư Phật an lạc. Chúng sanh hoan hỷ, chư Phật hoan hỷ*”. Vì lẽ nào vậy? Hết thảy sự bố thí và giữ gìn Bồ Đề tâm của chư Phật Như Lai đều do chúng sanh làm nhân duyên mà hiển lộ. Nếu không, chúng ta học tập Phật pháp sẽ trở thành đi ngược đường!

Nói tới Xả thì là dùng cái tâm bình đẳng, lìa bỏ hết thảy đối đãi khác biệt, lìa bỏ oán đối, lìa bỏ cao thấp, lìa bỏ phàm thánh. Xả biểu lộ triệt để tâm trí bình đẳng tạo lợi ích. Xả khác biệt, xả đối đãi, xả nghi ngờ, xả thiện ác, như thế thì sẽ có các thứ thiện xảo, có thể bình đẳng tạo lợi ích rộng lớn cho hết thảy chúng sanh. Điều này được vận dụng nhiều nhất trong pháp môn Tịnh Độ.

***(Kinh) Vân hà đương đắc văn thuyết thậm thâm chân không, vô tướng, vô nguyện pháp thời, nhất thiết vô hữu kinh bố, thoái một cố?***

**(經)云何當得聞說甚深真空無相，無願法時，一切無有驚怖，退沒故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được khi nghe nói pháp rất sâu như chân không, vô tướng, vô nguyện, hết thảy sẽ chẳng bị kinh sợ, lui sụt?)***

Đối với hết thảy phàm phu hữu tình, đây là một sự cảm nhận chân thật. “*Không, vô tướng, vô nguyện*” chính là ba pháp môn giải thoát, là pháp môn giải thoát mà hết thảy người học Phật đều phải nên hành trì. Chúng ta đều biết đến sự nhiếp hóa của ngũ phần Pháp Thân, tức là Giới,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 1***

Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. “*Không, vô tướng, vô nguyên*” là thiện xảo giải thoát. Khi nghe pháp môn như thế, “*nhất thiết vô hữu kinh bố, thoái một*” (hết thấy chẳng có kinh sợ, lui sụt). Tu pháp gì thì sẽ có thể đạt được lợi ích như thế? Hành pháp Ban Châu đích xác là một trăm hai mươi hai câu hỏi, tức là lợi ích có thể đạt được từ một trăm hai mươi hai góc độ.

Ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyên là các môn tam-muội riêng biệt, đặc thù của Phật giáo, giống như Niệm Phật tam-muội, Ban Châu tam-muội, Pháp Hoa tam-muội. Đó là một pháp tu trì trong vô lượng vô biên môn tam-muội. Tu trì tam-muội chính là công đức Chánh Thọ trong Phật pháp. Nếu chẳng vận dụng tam-muội, công đức và lợi ích hiện tiền đều là hư giả, tương tự, chẳng chọn lựa. Nhập Hoan Hỷ Địa Bồ Tát, sẽ có vô lượng tam-muội cùng lúc hiện tiền, tự đạt được, tự trọn đủ, đạt được oai đức tự tại, vượt xa kẻ bình phàm. Chúng ta từ trong hành vi bình phàm, từ trong tư duy và ý thức bình phàm mà nảy sinh sự hay biết. Sức mạnh hiểu biết thông qua khả năng hiểu biết và đối tượng nhận biết mà nảy sinh tác dụng nối tiếp. Thế nhưng sức tam-muội chẳng phải là sức tướng tượng, mà là sức cảnh giới, sức phước đức, sức thiện xảo, sức công đức, sức trí huệ, sức từ bi, sức phương tiện, sức lợi ích hữu tình chẳng thể nghĩ bàn, sanh ra một thứ hiện thực. Chỉ có người đắc tam-muội mới nhận biết hiện thực ấy. Chư Phật Như Lai cũng có thể phương tiện lập bày giáo pháp, chỉ bảo, hướng dẫn, nêu ra các thí dụ, bao gồm nhân dụ và pháp dụ để dẫn dắt chúng sanh khế nhập pháp tắc ấy. Nay chúng ta học tập Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập tam-muội thì cũng là như thế.

Nghe “*không, vô tướng, vô nguyên*”, hết thấy phàm phu đều sanh tâm sợ hãi. Nếu chẳng sợ hãi, là do chẳng tư duy rất sâu. Nếu đã tư duy mà chẳng sợ hãi, thì đều là người có thiện căn đã chín muồi. Vì sao? Đã an trụ nơi giải thoát. Nếu là kẻ chẳng an trụ, ắt sẽ sanh lòng sợ hãi. Đối với điều này, chúng ta thường có thể suy xét kỹ càng. Đối với ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, nếu là tương tự tùy thuận, sẽ chẳng sanh sợ hãi, người ấy đạt được phương tiện giải thoát. Vì hết thấy các pháp hữu vi, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian rồ ráo như huyền, chẳng có thực chất, loạn khởi, loạn diệt (rối loạn dấy lên, rối loạn diệt mất), do nhân duyên mà sanh. Tánh của chúng vốn là Không, ắt sẽ chẳng có gì để đạt được. Hết thấy bậc thiện tri thức chọn lựa từ chỗ này, đích thân chứng đắc ba môn tam-muội ấy, đạt được giải thoát an lạc. Đó gọi là “*chân thật tánh Không*”, chẳng phải là Đoạn Diệt Không, cho nên

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nó có thể dung nạp trọn vẹn vạn pháp, chẳng nhiễm mảy trần. Do trong vạn pháp chẳng có mảy trần, người ấy đạt được giải thoát rốt ráo. Nếu từ trong ba môn tam-muội ấy, đích thân chứng pháp tánh không nhiễm trần, sẽ đạt được giải thoát rốt ráo. Cho nên nói “*đắc nhập tam-muội nghĩa*” chính là tâm trí chẳng nhiễm trần an trụ trong hết thảy các pháp, đạt được giải thoát rốt ráo. Sự giải thoát chính là khi sự việc hiện tiền, sẽ hiểu rõ pháp tánh, có thể chọn lựa. Sự chọn lựa ấy chân thật, chẳng hư dối, trọn chẳng phải là giả thiết, chẳng phải là lý luận, chẳng phải là tư duy, chẳng phải là điều trông thấy, được gọi là “*tam muội lực*”, tức là sức Đẳng Thọ.

Chư vị thiện tri thức cùng tu tập Ban Châu tam-muội như nhau, chúng ta phải nên thâm nhập tu tập. Không, Vô Tướng, Vô Nguyên chẳng phải là nói suông, chẳng lý giải. Thật ra, nó là chứng đắc như thế, tâm trí như thế, cảm nhận như thế, nghiệp tướng như thế, liên tục tiếp nối như thế! “*Chẳng sanh sợ hãi*” đối với chuyện này thì chỉ có hành giả đang tu tập Ban Châu mới có thể chọn lựa tâm trí ấy. Trong quá trình chúng ta tu hành pháp Ban Châu, sẽ có thể lãnh hội. Nếu chẳng lãnh hội được điểm này, thì hoặc một ngày một đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm, hoặc chín mươi ngày chín mươi đêm, cho tới thời gian lâu hơn, thậm chí kéo dài đến tận tương lai, khó thể thành lập, khó thể tiếp tục duy trì, khó thể gìn giữ. Vì sao? Do quý vị chìm đắm nặng nề, mang nhiều gánh nặng, bị đủ loại vọng tưởng lừa gạt, khinh nhục, cho nên chẳng thể đạt được tam-muội. Tam-muội là trong tâm phát sanh sự khinh an (nhẹ nhàng, an lạc), thật sự tương ứng, thật sự đạt được công đức như thế. Đối với Không và Vô Tướng chẳng mong cầu, đối với Không và Vô Tướng chẳng đạt được gì. Do đó, nhập Vô Nguyên tam-muội. Môn tam-muội ấy được gọi là giải thoát tam-muội chân thật, chẳng lui sụt, chẳng đắm nhiễm, chẳng sợ hãi!

Đây là điều “*vân hà*” thứ mười lăm. Một trăm hai mươi hai câu hỏi được đặt ra trong kinh này đều nhằm nói về công đức lợi ích của [môn tam-muội] Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền. Hỏi các vị thiện tri thức! [Hiền Hộ Bồ Tát] lập ra các câu hỏi là vì công đức và lợi ích [của pháp Ban Châu] mà đặt bày, vì hết thảy các pháp vốn “không có gì để đạt được”, hết thảy các pháp vốn “không có gì để lập bày”, nhưng nương vào sự đặt bày để khiến cho chúng sanh được thấy, được nghe! Giống như chúng ta vốn chẳng có căn nhà này, bèn tụ tập một đồng gỗ đá, qua sự lắp ghép, sơn phết của thợ thuyền mà hình thành một căn nhà như thế đó. Do vậy, hư không vốn chẳng có gì, mà tạo lập đủ mọi thứ pháp ích



thiện xảo, bản chất của chúng cũng là Không. Nếu là có, làm sao kiến lập cái Không cho được?

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhạo lãn nọa, nhiếp thọ chánh pháp cố?*

**(經)云何當得不樂懶惰，攝受正法故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng ưa thích lười nhác, nhiếp thọ chánh pháp?)*

Chúng ta đều biết: Công đức chân thật của hết thầy chánh pháp là an lập, tiêu trừ hết thầy các phiền não, vi tế phiền não, và Tùy phiền não. Trong hết thầy các phiền não, vi tế phiền não và Tùy phiền não bị tiêu trừ triệt để. Hữu tình phạm phu vận dụng sanh mạng của chính mình như thế nào? An trụ chẳng nghi ngờ trong phiền não, vi tế phiền não, và Tùy phiền não, như tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng chánh kiến. Chúng sanh như thế là chúng sanh thô ác. Lại như [các phiền não] vô ký, giải đãi, buông lung, chẳng hổ, chẳng thẹn. Đó là hạng hữu tình bị thâm nhiếp bởi Tùy phiền não thô nặng, chẳng thể tăng trưởng thiện pháp, chẳng thể đạt được oai đức lợi ích thế gian rộng lớn. Hữu tình thuộc loại trước là hữu tình ác nặng nề, hữu tình thuộc loại sau là hữu tình giải đãi, hữu tình vô ký, phần nhiều chuyên theo dòng nghiệp, an trụ trong dòng nghiệp. Thoạt nhìn nghiệp lưu ấy thông dong, nhưng thật ra, nó cũng là nghiệp luân hồi.

Như thế nào thì sẽ chẳng ưa thích giải đãi? Do được Chánh Thọ cổ vũ, khích lệ, do Chánh Thọ tiếp nối, do tiến hướng Chánh Thọ. Ví như đối với nguyện vọng mong cầu Ban Châu tam-muội của chúng ta, nếu chẳng có nguyện vọng như thế, chúng ta sẽ rất dễ đọa vào giải đãi. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã nêu dạy: *“Hết thầy chư Phật Như Lai đều dùng tinh tấn để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hết thầy phạm ngu hữu tình đều do giải đãi, buông lung mà trầm luân!”* Hành pháp Ban Châu cũng lại như thế, có thể khiến cho hết thầy chúng sanh từ trong sự an lạc của Chánh Thọ mà gạt bỏ lười nhác. Về cơ bản, lười nhác thuộc về thượng phẩm Tùy phiền não. Món Tùy phiền não này khá phổ biến trong các Tăng chúng và những người chuyên môn tu trì, còn hữu tình tại gia thì phần nhiều là ác tánh phiền não thô nặng, tức tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh. Hàng xuất gia thì phần đông lười nhác, vô ký, hôn trầm, không hổ thẹn. Lại còn có thói tự mãn, chẳng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thể siêng rông tu tập Phật pháp, chẳng thể thâm nhập sự thiện xảo rộng lớn.

Chúng ta nói “*Như Lai Chí Chân đấng Chánh Giác*” thì “*Đẳng*” quả thật là do Nhất Chân hiện ra, do bản chất của pháp giới hiện ra. Hết thấy các tam-muội sẽ tự bình đẳng lãnh nhận công đức, tức là công đức thuộc về bản chất. Tôi nhớ ông Đại Hùng trong khóa tu pháp Ban Châu chín mươi ngày, đã viết cho tôi vài chữ: “*Hôn trầm trụ ám xứ*” (Hề hôn trầm bèn trụ trong chỗ tối tăm). Trong thực tế, đó chính là Đẳng, đã có lãnh hội đôi chút đối với “*chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*” (các pháp trụ nơi địa vị vốn có của nó, tướng thế gian thường trụ). Nếu tiếp tục, sẽ có thể nhập thiện xảo Đẳng Thọ. Nếu chẳng thể tiếp tục, sẽ lui sụt thành tập khí, lui sụt thành phương tiện thiện xảo. Đây là sự nhận biết tương tự, nhưng sự nhận biết ấy cũng rất có ý nghĩa. Khi tu tập hành pháp Ban Châu, rất dễ dàng nhận biết Đẳng Chánh Giác. Do Như Lai là bậc Chí Chân đấng Chánh Giác, cho nên “*chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”. “*Thường trụ*” chính là các pháp ở đúng nơi pháp vị của chúng, hết thấy thiện tri thức đích thân chứng pháp “*dứt bật đối đãi*”, dựa vào địa vị Thập Trụ Bồ Tát, quyết định có thể nhận biết “*hết thấy đều dứt bật đối đãi*”. Vì đối với sự đích thân chứng đắc và nhận biết pháp, chúng ta nghe nói thì nhiều, chứ tu tập thì ít, cho nên chẳng thể hưởng thụ pháp vị của chư Phật, chẳng thể yêu thích pháp vị của Phật. Nếu có thể thật sự thâm nhập pháp vị của Phật, pháp vị ấy cũng vô cùng. Thiện xảo cũng là vô cùng, bi trí cũng vô cùng, phương tiện thiện xảo vô cùng, sẽ đem lại cho chúng ta phước đức, thiện xảo, phương tiện và oai đức vô cùng. Oai đức là gì vậy? Chính là trong lúc bình thời, chúng ta sẽ vận dụng không vướng mắc, không trở ngại, chẳng sợ hãi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẳng giả cố?***

**(經)云何當得智慧通達，明了一切無與等者故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy, không ai sánh bằng?)***

Đây là vấn đề thứ mười bảy, cũng là nói về lợi ích do trạch pháp (擇法, chọn lựa pháp), mà cũng là hiệu quả tất nhiên sanh khởi bởi sức tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền. Hiệu quả gì vậy?

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tức là “*trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẵng giả*” (trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy, không ai sánh bằng). Phần này nhằm tiếp nối phần trước: Nếu là người chẳng thích lười nhác, nhiếp thọ chánh pháp, tất nhiên sẽ tiến nhập trí huệ thông đạt, tất nhiên sẽ tiến nhập “*hết thấy chẳng có gì sánh bằng*”. Nếu chẳng trừ khử giải đãi, Đẳng sẽ chẳng thể thành lập được, chỉ là tướng hôn trầm, tướng vô ký, tướng buông lung, tướng chẳng thẹn, chẳng hổ, là tướng tầm thường chết lặng. Tướng ấy sẽ chẳng thể lợi ích thế gian, chẳng thể lợi ích bản thân, chẳng thể lợi ích hữu tình. “*Trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẵng*” (trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy chẳng thể sánh bằng) chính là tâm trí nguồn cội của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do hết thấy đều chẳng sánh bằng, cho nên chư Phật Như Lai có thể liễu đạt “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, không cần nhờ vào tạo tác, trực tiếp thấu đạt cội nguồn. Khi chúng ta đọc Đại Phương Đăng Như Lai Tạng Kinh, sẽ có thể nhận biết điểm này. Trong đó, có chín loại tỷ dụ<sup>23</sup>. Mỗi tỷ dụ đều nói đến thực chất và tướng trạng biểu lộ: Tướng được biểu lộ là vô nhiễm, còn thực chất thì chẳng thể nghĩ bàn, bằng với chư Phật. Chỉ có Phật và Phật mới đích thân chứng chữ Đẳng này; chỉ có người thiện xảo là nhận biết, còn kẻ hủ bại sẽ mờ mịt. Nếu nhận biết điều này, sẽ đắc trí huệ thông đạt, hiểu rõ tâm Vô Thượng Bồ Đề ở chỗ nào, hiểu rõ Vô Thượng Bồ Đề ở nơi đâu. Kẻ giải đãi sẽ chẳng thể vận dụng Vô Thượng Bồ Đề. Kẻ buông lung, kẻ vô ký, kẻ vô minh, kẻ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sẽ chẳng thể vận dụng. Vì sao vậy? Họ bị tà kiến tham, sân, si, mạn, nghi, cho đến các loại Tùy phiền não che lấp, cho nên cũng bị biến dạng, giống như tấm gương biến dạng [ở khu vui chơi]. Tuy Như Lai Chí Chân đẳng Chánh Giác thiện xảo, tuy được quang minh của tự tánh chiếu sáng rực, nhưng bị cái gương biến dạng soi bóng mà trở thành vụn vẹo, diện mạo sẵn có ngay lập tức bị vụn vẹo, chẳng thể trông thấy, tâm sanh sợ hãi, điên đảo.

***(Kinh) Vân hà đương đắc w nhất thiết Phật sát tùy ý đắc sanh cố?***

---

<sup>23</sup> Chín loại tỷ dụ về Như Lai Tạng như sau: Tỷ dụ trong hoa héo có Phật, tỷ dụ về mật ong nơi cây mọc trên vách đá, tỷ dụ về chất cốt lõi trong vỏ bọc cứng chắc, tỷ dụ về vàng ròng ẩn trong thứ bất tịnh, tỷ dụ về kho báu giấu trong nhà nghèo cùng, tỷ dụ về hạt quả Am Ma La, tỷ dụ về tượng vàng ẩn trong đồ vật tầm thường, tỷ dụ người con gái nghèo mang thai đứa con quý hiếm, tỷ dụ về tượng vàng còn nằm trong khuôn.

**(經)云何當得於一切佛刹隨意得生故?**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được tùy ý sanh vào hết thấy các cõi Phật?)*

Lập ra một trăm hai mươi hai câu hỏi này, toàn bộ đều [nhằm phơi bày] lợi ích và hiệu quả của Ban Châu tam-muội, tức là công đức chân thật do tu hành pháp Ban Châu là ở chỗ nào; cũng tức là một trăm hai mươi hai công đức đều do tu trì tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập mà đạt được. Điều thứ mười tám chính là tùy ý đối với mười phương cõi Phật, hoặc là thấy trong mộng, hoặc thấy trong Định, hoặc do sức tam-muội mà trông thấy, hoặc do xả báo mà thấy, sẽ đều trông thấy. “*Thấy*” có nghĩa là “*sanh vào hết thấy các cõi Phật*”. Trong cõi này, chúng ta thấy Phật, chẳng hạn như hiện tiền thấy Phật, sẽ là công đức vãng sanh. Tức là chẳng lìa khỏi chỗ ngồi, chẳng xả bỏ nguyện, mà được sanh trong mười phương cõi nước. Vì lẽ nào? Chúng ta vốn cùng mười phương cõi nước cũng chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta không thể biết, không thể hiểu, không thể thấy, đều là do bản thân chấp trước mạnh mẽ và nghiệp duyên dị thực nhất thời che lấp.

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất vị nhất thiết ngoại đạo sở tồi hoại cố?*

**(經)云何當得不爲一切外道所催壞故?**

*(Kinh: Như thế nào sẽ được chẳng bị hết thấy ngoại đạo hủy hoại?)*

Chúng ta đều biết, ngoại đạo đều dựa trên sự tướng để an lập. Họ dùng Ngã, bất luận hành xử nơi Tiểu Ngã, Chân Ngã, Giả Ngã, Bồn Tế Ngã, Vô Trước Ngã, Trí Huệ Ngã, cho tới Diệu Dụng Thiện Xảo Ngã, đều là chấp trước. “*Chấp*” có nghĩa là tìm kiếm nơi sự tướng, cho là ngoài tâm có pháp. Chẳng hạn như truy ngược về Bồn Tế, bèn cho rằng có một cái Thần Ngã<sup>24</sup>, cho rằng tất cả tâm tánh biến dạng của chúng ta

---

<sup>24</sup> Thần Ngã (Puruṣa) là quan điểm phát xuất từ kinh Vệ Đà, cho rằng trong vũ trụ có một cái Tự Ngã trọn khắp, là bản thể của vũ trụ, là nguyên lý phổ quát. Phái Số Luận cho rằng Thần Ngã bất động, thanh tịnh, bất biến, vĩnh hằng, khi nó kết nối với vật chất, sẽ sanh ra sự sống. Nó còn được gọi là Đại Ngã. Từ Đại Ngã mà sanh ra các tiểu ngã, tức linh hồn của mỗi cá nhân. Quan điểm này khá giống như quan điểm

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

trong hiện tại là Giả Ngã, dùng Giả Ngã để chứng Chân Ngã. Đó là quan điểm lập luận của ngoại đạo, chẳng liên quan gì với Phật pháp. Lại như Vô Trước Ngã, tức là tướng cái tâm chẳng vương mắc là Ngã. Đây cũng là quan điểm của ngoại đạo. Kinh Lăng Nghiêm đến cuối cùng bác bỏ vô trước ngoại đạo. Trong chín mươi sáu loại ngoại đạo, nếu chúng ta chẳng thật sự chọn lấy chánh tri chánh kiến của Phật pháp, [các tri kiến khác] đều là đắm nhiễm. Do vậy, Phật giáo nói “*tánh Không duyên khởi*”, dạy vô ngã, vô thường, khổ, tịch tĩnh Niết Bàn. Nếu không thể chọn lựa bốn pháp ấn, chúng ta sẽ chẳng thể nhận thức Phật pháp, thường bị đánh lừa bởi tri kiến của ngoại đạo. Tri kiến của ngoại đạo đều có chỗ y cứ, có chỗ thuận theo, đều có chỗ nắm giữ, đều có chỗ dính mắc, chỉ có giáo ngôn thanh tịnh “*vô ngã, không, khổ, vô thường, tịch tĩnh Niết Bàn*” của chư Phật là chân thật thủ hộ, phơi bày thấu triệt vô tự tánh, gột sạch hết thảy trần cấu. Nơi Thật Tế Lý Địa, chẳng thể lập một pháp nào. Do vậy, hóa độ hết thảy chúng sanh. Đối với điều này, nếu chẳng dùng cái tâm oai đức, tâm trí huệ, tâm thiện xảo thành thực, sẽ thường bị mê mất tự tâm, phần nhiều tương ứng với tâm ngoại đạo, phần nhiều thích đắm nhiễm. Nếu chúng ta thật sự hành trì Phật pháp, chẳng hạn như ngay lập tức tu pháp Ban Châu, hành ngay lập tức, sẽ có thể cắt đứt, vượt thoát hết thảy đắm nhiễm, cho nên chẳng bị lay động bởi ngoại đạo.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như hải, năng thọ nạp chúng vân nghi thích nạn vô giảm, vô tận cố?***

***(經)云何當得如海，能受納衆問疑釋難無減無盡故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như biển, có thể nhận lãnh, dung nạp các nghi vấn, giải quyết các vấn nạn chẳng giảm, chẳng tận?)***

Chúng ta hành Ban Châu, đích xác là từ Tổng Trì mà giải quyết, là pháp môn Tổng Trì. Trí Nghiễm đại sư<sup>25</sup> đề ra thuyết Lục Tướng Viên

---

trong Đạo Giáo và các nhóm tôn giáo theo quan điểm tam giáo đồng nguyên, cho rằng Thần Ngã là chân tánh của Thượng Đế, mỗi cá nhân là một điểm linh quang của Thượng Đế, phải tu tập để trở về với cái nguồn linh quang.

<sup>25</sup> Trí Nghiễm đại sư (602-668) là tổ thứ hai của tông Hoa Nghiêm, sống vào thời Tùy - Đường. Ngài họ Triệu, quê ở huyện Tần An, Thiên Thủy. Năm Đại Nghiệp thứ chín (613), do pháp sư Pháp Thuận thỉnh cầu, cha mẹ Ngài đồng ý cho Sư theo ngài Pháp Thuận xuất gia. Ngài thọ Cụ Túc Giới năm hai mươi tuổi, đi khắp nơi tham

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

Dung<sup>26</sup>, từ tổng tướng mà giải quyết hết thảy các vấn đề, tức là Tổng Trì Đà La Ni giáo có thể giải thích hết thảy. Vì sao là Tổng Trì? Nói theo tâm duyên, nói theo tâm địa, nói theo pháp giới duyên khởi, sẽ có thể giải quyết hết thảy nghi hoặc, cũng là như chúng ta nương vào một niệm hiện tiền để chọn lựa pháp giới, chẳng phải là nương theo nhiệm duyên của pháp giới để chọn lựa pháp giới. Đó là tế tướng, cũng rất phức tạp. Như vậy thì sẽ có thể đạt được trí huệ như biển, hết thảy các nghi vấn sẽ đều gột sạch. Vì sao? Vốn chẳng có một pháp nào an lập mà có thể giải quyết hết thảy vấn đề, hết thảy các duyên vấn nạn. Thông thường, chúng ta bị một sự tướng gây khó khăn, bị nghi vấn gây khó dễ, vì lẽ nào? Do tâm có trần cấu. Hễ người khác tạo duyên gây khó dễ, chúng ta tự nhiên bị mờ mịt. Nếu trong tâm sạch lầu, chẳng có một vấn đề nào để đạt được, chẳng có một pháp nào để có thể nhiệm, như thế thì vấn đề đưa đến, tự nhiên sẽ có thể giải quyết, tự nhiên có sự thiện xảo giải trừ nó, có thể phương tiện giải trừ nghi hoặc, chẳng tăng giảm nơi pháp tắc, cho nên là “*vô giảm, vô tận cố*”. Chẳng tăng, chẳng giảm tâm trí, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc.

*(Kinh) Vân hà đương đắc như nguyệt mãn, bạch tịnh pháp cụ túc cố?*

**(經)云何當得如月滿，白淨法具足故？**

---

học, nghe giảng luật Tứ Phần, Thành Thật Luận, Thập Địa, Địa Trì, Niết Bàn v.v... Tổ học kinh Hoa Nghiêm từ ngài Tĩnh Lâm, bèn quyết chí nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Sau đó, Ngài theo học với pháp sư Đệ Tâm Đễ Thuận (sơ tổ tông Hoa Nghiêm), dung thông giáo nghĩa Lục Tướng để giải thích kinh Hoa Nghiêm và dạy Nhiếp Đại Thừa Luận. Ngài trụ tích tại chùa Vân Hoa, chuyên hoằng dương kinh Hoa Nghiêm, tông phong cực thịnh. Ngài Pháp Tạng (tức ngài Hiền Thủ) nghe danh xin làm môn hạ, trở thành tổ thứ ba của tông Hoa Nghiêm. Người đương thời tôn xưng ngài Trí Nghiễm là Vân Hoa tôn giả, hoặc Chí Tướng đại sư. Trước tác của Ngài rất nhiều, nhưng hiện thời chỉ còn giữ được Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sư Huyền Phần Tế Thông Trí Phương Quỹ (thường gọi tắt là Hoa Nghiêm Kinh Sư Huyền Ký), Hoa Nghiêm Nhất Thừa Thập Huyền Môn, Hoa Nghiêm Ngũ Thập Yếu Vấn Đáp, Hoa Nghiêm Kinh Nội Chương Môn Đẳng Tạng Không Mục, Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Lược Sớ, Vô Tánh Nhiếp Luận Sớ. Các đệ tử xuất sắc của Ngài là Nghĩa Tương, Pháp Tạng, Huệ Hiểu, Đạo Thành, Bạc Trần, Hoài Tế...

<sup>26</sup> Lục Tướng là tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

***(Kinh: Như thế nào để sẽ được như trăng tròn, đầy đủ pháp trắng sạch?)***

Có người nói: “Niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật có phải là trọn đủ hết thầy công đức hay không?” Bạc thiện xảo nói “*vạn đức hoành danh*” (万德宏名, danh hiệu to lớn có vạn đức), tức là trọn đủ, vừa nêu ra pháp giới, sẽ toàn thể đảm đương, chẳng hề thiếu sót! Do vậy, đức Thế Tôn dạy: “*A Dật Đa! Nhữ văn Vô Lượng Thọ Phật danh, ngô trợ nhĩ hỷ*” (Này A Dật Đa! Ông được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, ta mừng cho ông). Vì lẽ nào? Do nghe danh hiệu Phật, sẽ trọn đủ công đức vô thượng. Kinh A Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức và nhân duyên mà được sanh về nước ấy). Chúng ta nghe danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Phật, trọn đủ công đức, trọn đủ nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như nhật sơ xuất, phá chư ám minh cố?***

***(經)云何當得如日初出，破諸闇冥故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như mặt trời mới mọc, phá tan các tối tăm?)***

Trải qua suốt đêm tối tăm, mặt trời vừa mọc lên ở phương Đông, chúng ta sẽ cảm thấy một sức mạnh sôi nổi, gạt bỏ trần lao của cả đêm, tràn ngập hỷ duyệt và an lạc. Trong Ban Châu Nhất Nhật Nhất Dạ Hành Pháp Nghi Quỹ (nghi thức hành trì Ban Châu một ngày một đêm), có đề nghị khi mặt trời vừa mới mọc bèn xuất quan, sẽ có tướng trạng hưng phấn, tướng tăng thượng, tướng quang minh chiếu rọi, dùng những điều ấy để khích lệ quang minh nơi tự tâm được tiếp nối, tăng cao quang minh. Hành pháp Ban Châu có câu “*như nguyệt sơ xuất, phá chư ám minh*” (như mặt trời mới mọc, phá tan các tối tăm), công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, hãy lập tức tu, tu ngay trong mỗi niệm, trong một niệm đều là một vàng mặt trời trọn đủ ánh sáng thanh tịnh, thanh tịnh chiếu soi thế gian, có thể phá trừ hết thầy tối tăm, tức là sự tối tăm do bị Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng che lấp từ vô thủy tới nay!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như đăng cự, quang minh chiếu liễu cố?*

**(經)云何當得如燈炬，光明照了故。**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như đèn đuốc, quang minh chiếu tỏ?)*

Hết thấy pháp tắc là chủ động, tự do. Trong Phật pháp gọi là Vô Tận Đẳng, dùng đèn để thắp đèn, ánh sáng được truyền từ ngọn đèn này sang đèn khác. Chư Phật Như Lai dùng tâm để ấn tâm; do ấn bị nát mà nét khắc thành hình. Tuy thật sự không có gì để có thể thành, vẫn cần phải dùng pháp để ấn pháp, dùng tâm để ấn tâm. Đó là giáo ngôn đúng như thật!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như hư không tánh, vô hữu quái ngại cố?*

**(經)云何當得如虛空性，無有掛礙故？**

*(Kinh: Làm thế nào để sẽ được như tánh hư không, chẳng có vướng mắc?)*

Đức Thế Tôn từ đầu đến cuối đều tuyên thuyết quang minh thiện xảo và phương tiện trí huệ chẳng tạp nhiễm, chẳng có trần cấu. Ở đây nói “*hư không tánh*”, tức là nói tâm trí như không, dung nạp vạn vật, chẳng bị nhuộm bản bởi vạn vật. Đây là tu trì tâm trí, mà cũng là sự quan sát trọng yếu nhất khi tu hành Ban Châu. Nếu quý vị hơi có chút đắm nhiễm, sẽ có chướng ngại. Chẳng hạn như quý vị đi tới, đi lui (kinh hành niệm Phật), người khác nói “đi ngủ”, quý vị suy tưởng: “Người ta đang ngủ mà mình còn đang kinh hành Ban Châu”. Kết quả là vướng mắc lên chướng nổi, bắt đầu sanh phiền não. Hoặc là đi tới, đi lui, nghe người khác nói nhà Trương Tam như thế này, nhà Lý Tứ như thế kia, quý vị lại bắt đầu nghĩ tới nhà mình, trong tâm bồn chồn: “Ta khi nào thì sẽ được ra ngoài, hãy mau xuất quan thôi!” Hoặc vừa nghe đánh mộc bản báo giờ cơm, bèn nghĩ: “Ái chà! Ta ăn bữa sáng không nổi!” Đó là vướng mắc! Tâm trí chẳng thể như hư không, điều gì chúng ta chấp trước sẽ ngay lập tức vọt ra, nảy sanh chướng ngại, tức là đắm nhiễm. Hễ đắm nhiễm, sẽ câu nệ nghiệp tướng, đi tới, đi lui chẳng nổi! Nếu tâm trí như hư không, dung nạp hết thấy nghiệp tạo tác của hết thấy hữu tình, chẳng nhuộm bản, bị lực và trí lực sẽ tự nhiên sanh khởi. Vì thế, Ban Châu dễ kích



phát hai phương tiện Bi và Trí của con người. Nếu có kẻ khác nói gì, làm gì, quý vị chẳng bận lòng, trước hết hãy bao dung, sau đó bèn hỏi thí, khiến cho họ được lợi ích, sẽ thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nói “trước” và “sau” thật ra là nói miển cưỡng! Pháp chẳng có trước hay sau, chỉ là sử dụng cách nói miển cưỡng này!

*(Kinh) Vân hà đương đắc vô sở trụ trước, tâm như hư không cố?*

**(經)云何當得無所住著，心如虛空故？**

*(Kinh: Như thế nào sẽ được chẳng chấp trụ, tâm như hư không?)*

Điều này nối tiếp điều trước. “*Như hư không*” là nói về đặc tánh bản chất, còn “*vô sở trụ*” là nói theo đặc tánh hiện duyên. Nay chúng ta trong tánh hiện duyên, chẳng hạn như đụng phải tường, chúng ta phải tìm cửa thì mới có thể đi ra ngoài; đó chính là thứ bị chấp trụ. Quý vị hãy nói xem, tâm trí của quý vị như hư không, tôi muốn bay qua, nhưng chẳng bay được, bị bức tường ấy ngăn trở. Như thế thì phải nên làm như thế nào? Tâm chẳng trụ! Tâm quý vị có chẳng trụ hay không? Nếu tâm có thể chẳng trụ, tôi thiếu là nói theo Lý, theo Pháp, quý vị bắt đầu có thiện xảo. Do vậy, phần trước nói về bốn tánh, còn phần này giảng về sự tương: Tâm như hư không, dần dần tu tập pháp tác. Nếu chẳng tu tập, những lợi ích sau đó sẽ chẳng thể tiếp nối được!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như kim cang, xuyên triệt, thông đạt nhất thiết pháp cố?*

**(經)云何當得如金剛穿徹，通達一切法故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như kim cang, xuyên thấu, thông đạt hết thảy các pháp?)*

Nếu tâm địa có thể như hư không, đúng như lý, chân thật lựa chọn để hành trì, người ấy sẽ đi vào đá mà chẳng bị ngăn ngại, vào lửa chẳng bị đốt, vào nước chẳng chìm, vào không trung chẳng rỗng rang, có thể dùng sức tự tại mà tùy ý vận dụng Tứ Đại. Cho nên “*đương đắc như kim cang*” (sẽ được như kim cang). Tôi nghe người hành Ban Châu trước kia đã nói: “Trong một trạng thái nào đó, thân thể người ấy có thể tự do, hoặc di động tự do, hoặc tự do vượt qua các chướng ngại”. Đương nhiên

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

những lời ấy có đôi chút lạ lùng, chẳng thích hợp lắm, nhưng quả thật là có những bậc thiện xảo như thế đó!

“*Đương đắc như kim cang, xuyên triệt, thông đạt nhất thiết pháp cố*” (Sẽ được như kim cang, xuyên thấu, thông đạt hết thảy các pháp), tức là đối với hết thảy thức xứ và vô thức xứ, đều có sức tự tại. Đây là dần dần thành tựu, nói theo bản tánh, nói theo sự tướng, nói theo sự chứng đạo nơi đạo nghiệp. Thoạt đầu, các vị cư sĩ tại chùa Bảo An (tại Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh) hành Ban Châu, lúc ấy, tôi nảy sinh lòng băn khoăn, sợ họ sẽ hoảng hốt vượt tường chạy mất, cho nên kết giới. Trước kia, trong số các vị thiện tri thức trì giới siêng ròng, tỉ mỉ khác, khi tu hành pháp này, đã từng phát sanh chuyện ấy. Một ý niệm có thể vượt ra ngoài mấy trăm dặm, mấy ngàn dặm, vượt ra khỏi quốc độ, vượt ra ngoài thế giới. Chuyện này chẳng phải là dọa người đâu nhé, quý vị phải cẩn thận. Phật pháp cách biệt chúng ta chẳng xa, nhưng cũng lại cách biệt chẳng gần. Vì sao vậy? Nếu chẳng thanh tịnh, chẳng tế nhị, chẳng chân thật, chúng ta sẽ chẳng làm được.

Rất nhiều người hành Ban Châu, như các vị đại thiện xảo từ xưa, đều đã đích thân chứng đắc pháp tắc như vậy. Như Trí Giả đại sư là vị thật sự thành tựu Ban Châu tam-muội, lại như Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn), lịch sử đều có ghi chép. Lại như Thừa Viễn đại sư, Thiện Đạo đại sư đều thành tựu thâm nhập pháp Ban Châu. Lại như Đạo Tuyên luật sư, khi Ngài hành Ban Châu, có vị trời đến trực tiếp cúng dường, đến tán thán, đến cúng rường Phật cho Ngài. Vậy thì chúng ta có xa cách pháp này hay không? Nếu chẳng thật sự phát thệ nguyện, vẫn bị tập khí nghiệp chướng, thế tục, tham, sân, si, mạn, nghi lôi kéo, không chế, vậy thì chúng ta vẫn đúng là chẳng có duyên! Nếu chúng ta tự mình buông xuống những thứ ấy, thì mới là có duyên với pháp này. Nếu chẳng buông xuống, tức là chẳng có cơ duyên và cơ chế này. Chư vị thiện tri thức! Đây chẳng phải là lời nói tùy tiện, pháp tắc này nói như thế đó, được ghi chép như thế đó, truyền đạt như thế đó!

**(Kinh) Vân hà đương đắc như Tu Di sơn, bất khả động dao cố?**

**(經)云何當得如須彌山，不可動搖故？**

**(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như núi Tu Di, chẳng thể lay động?)**

Núi Tu Di là chỉ dấu của một tiểu thế giới. Hai vầng nhật nguyệt là tướng sáng của một tiểu thế giới. Núi Tu Di là tướng an trụ. Bốn biển nước thom lón là tướng của sự sống. Các tướng ấy đại diện cho một thế giới. Núi Tu Di là rốt ráo an ổn. Nếu núi Tu Di lay động, thế giới sẽ bị hư hoại. “*Vân hà đương đắc như Tu Di sơn, bất khả động dao*” (Như thế nào thì sẽ được như núi Tu Di, chẳng thể lay động) chính là nói tới đạo đức, trí huệ, thiện xảo, phương tiện, và chọn lựa đều giống như núi Tu Di. Nếu chúng ta lựa chọn dựa trên chánh tri kiến, tâm trí quyết định như núi Tu Di; đạo đức và pháp ích cũng như núi Tu Di, thì sẽ lợi ích thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian cũng như núi Tu Di, khiến cho hữu tình trong một thế giới được an lạc, khiến cho hữu tình trong nhiều thế giới được an lạc, được nương cậy. Cho nên chẳng thể nghiêng ngã, lay động. Người trong thế gian hiện thời khổ sở vì bị bức bách bởi dao động, thay đổi, chọn lựa, được mất!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như môn khốn, nhất thiết chánh trụ cố?*

**(經)云何當得如門闥，一切正住故？**

*(Kinh: Làm thế nào để sẽ được như gạch cửa, hết thấy chánh trụ?)*

Trong thứ tự hành trì của một pháp tắc, luôn có những tiêu chí, giống như tiến vào một cánh cửa sẽ có bảng chỉ dẫn cho biết sẽ tiến vào một gian phòng nào. Hành Ban Châu cũng có các dấu hiệu, có nhân tam-muội, có quả tam-muội, có thứ tự tam-muội. Như trong Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh đã có thứ tự rất rõ ràng: Âm cảnh hiện tiền, chẳng nhiễm đắm mà lướt qua. Cảnh quang minh hiện tiền, không đắm nhiễm mà lướt qua. Cảnh trang nghiêm hiện tiền, chẳng đắm nhiễm mà lướt qua. Chư Phật đã hiện tiền, bèn thanh tịnh hồi pháp; sau đó không đắm nhiễm mà lướt qua. Tự tánh lưu lộ, chẳng đến, chẳng đi. Tự tánh rốt ráo thanh tịnh chiếu kiến, hiểu rõ tự tánh để chọn lựa. Pháp tắc ấy “*như môn khốn*”, [vượt qua] một tầng cửa, hai tầng cửa, ba tầng cửa, bốn tầng cửa, quý vị tiến vào nhà trong rồi tới hậu viện. Mỗi chỗ đều biết. Vì sao nói như vậy? Vì khiến cho quý vị chánh an trụ, chẳng bị mê hoặc, phiền loạn. Chẳng hạn như một ngôi chùa chia ra rất nhiều chỗ, quý vị đi qua một cửa, sẽ tới một điện đường. Lại vượt qua một cửa nữa, vào trong một tòa viện. Quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng, có thể an trụ trong pháp tắc ấy!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Lại chẳng hạn như quý vị tiến vào cái cửa này, sẽ đến nhà tôi; tiến vào cái cửa kia, sẽ là nhà của người khác. Đó là “*môn khỏn*”, khiến cho hữu tình cảm nhận phân biệt rõ ràng họ đã tiến nhập pháp tắc nào.

Trong Tứ Hướng Tứ Quả của Thanh Văn Thừa, hướng vị và quả vị có sai biệt. Hướng vị là còn chưa chọn lựa, giống như chẳng bước vào cửa. Quả vị là đã vào trong cửa, an trụ trên pháp tòa, chân thật chẳng dối, chẳng lay, chẳng động! Hành Ban Châu cũng giống như thế, thứ tự rất rõ ràng. Có người nói chính họ đã hành Ban Châu đến mức độ nào; thật ra, chẳng cần phải nói, biểu hiện của quý vị đã dọn sẵn ra đó! Tôi thấy có mấy vị cư sĩ hành Ban Châu, tôi rất tán thán họ, tán thán điều gì? Bọn họ đã hành Ban Châu, hành một lần bèn có một lượt biến hóa, người nhẹ nhàng, thông dong. Hành một lần Ban Châu, lời ác bớt đi! Hành Ban Châu một lần, cái tâm phiền bực nóng nẩy ít đi. Kinh hành Ban Châu một lần, trạng thái thân tâm đổi khác. Chúng ta không cần phải nói, cũng chẳng cần quan sát, họ biểu hiện ra như thế đó, rất an trụ, rất sáng suốt. Họ chẳng cần phải nói năng gì, người khác vẫn bị ảnh hưởng. Có người nói “ta như thế này, như thế nọ”; dẫu quý vị nói kiểu nào đi nữa, nhưng người khác nhìn vào sẽ thấy chẳng phải là như thế, sẽ cảm nhận chẳng phải là như thế, [biết ngay] nội dung thực chất của quý vị hoàn toàn chẳng phải là như vậy! Như thế thì chẳng có ý nghĩa chi hết, chỉ có tánh chất cưỡng chấp, hư giả, chẳng tương ứng với pháp. Do vậy, hãy đứng như thật mà tự thọ dụng chân thật, chẳng hư dối. Chẳng cần phải kể lể, phô phang trong thế gian. Ví như mặt trời vừa mới mọc, tự nhiên có thể chiếu tỏ, có thể phá trừ tối tăm. Nhưng nếu chẳng có lợi ích chân thật, phải cậy vào lời lẽ [khoe khoang], sẽ hết sức bất tiện! Phần nhiều sẽ đọa vào vô ký, gây khó khăn, bức bách lẫn nhau. Trong lần tu hành pháp Ban Châu tại Thái Sơn, các vị cư sĩ sau khi trở về nhà đều có biến hóa rất lớn. Biến hóa như thế nào? Chính họ nhận biết, mà người chung quanh cũng đều trông thấy. Sự biến hóa ấy chính là vui sướng, nhẹ nhàng, thông dong, an lạc, Ngã Chấp dần dần mỏng ít. Hãy nên chú ý điểm này!

***(Kinh) Vân hà đương đắc như miêu, cẩu, thú đẳng, tâm nghiệp thành tựu cố?***

**(經)云何當得如貓狗獸等，心業成就故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ như mèo, chó, các loài thú, tâm nghiệp thành tựu?)***

Đừng nên hiểu lầm điều này! Quý vị nói “con người làm sao có thể giống như chó, mèo cho được?” Chẳng phải vậy, [chánh kinh] có ý nói: Tâm nghiệp của chúng nó đã điều phục. Chúng ta nói mèo có tác dụng của mèo, chó có tác dụng của chó, tức là nghiệp của chúng nó đã thành thực, đã điều phục nhu thuận, ôn hòa, thuận thảo, có bản chất từng phục, dịu hiền như thế. Đây là nói tỷ dụ. “*Tâm nghiệp thành tựu cố*” (Do tâm nghiệp đã thành tựu). Tâm nghiệp của những người đã [thật sự] hành Ban Châu cũng điều phục, mềm mỏng, ai nấy làm đúng bổn phận, thật sự là một nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Vân hà đương đắc vô vi, nhất thiết chư pháp trung cố?*

**(經)云何當得無爲，一切諸法中故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô vi trong hết thảy các pháp?)*

Chúng ta đều biết: Hết thảy các hữu tình đắm nhiễm thế gian đều coi trọng hữu vi, cũng tức là [luôn coi trọng] “hiệu quả là gì? Quý vị đạt được điều gì?” Chẳng coi vô vi là pháp tắc. Ở đây nói “*đương đắc vô vi*” (sẽ đắc vô vi), tức là vô sở đắc, diệu dụng vô cùng. Vô sở đắc lợi ích thế gian rộng lớn. Vô sở đắc tự lợi, lợi tha. Vô sở đắc, đích thân chứng các thứ pháp ích. Vô sở đắc trong hiện duyên. Vô sở đắc tức là trong hết thảy các pháp đều nên thủ hộ, thực hiện. Hành pháp Ban Châu Tam Muội mà nếu tâm có sở đắc, người ấy sẽ đọa lạc trong trạng thái kiêu mạn, giải đãi, buông lung, trầm luân; bất luận trong trạng thái nào, người ấy đều đã đọa vào giải đãi. Thật sự phải nên chú ý, phải nên quan sát điều này!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như phi điều, tùy ý nhi khứ cố?*

**(經)云何當得如飛鳥，隨意而去故？**

*(Kinh: Như thế nào sẽ được như chim bay, tùy ý mà đi?)*

Tùy ý đến quốc độ ở phương khác. Tâm nghiệp, ý nghiệp, và thân nghiệp cũng đều như thế, giống như ngài Mục Kiền Liên. Các câu hỏi này đều nói theo thứ tự. Khởi đầu là nói theo tánh Không, các hiện duyên của tánh Không, cùng với các thành tựu do tu tập hiện duyên, tức là “*xuyên triệt, thông đạt*”. Tiếp đó là như núi Tu Di an trụ. Lại còn điều

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phục, mềm mỏng, tùy thuận như chó, mèo, kiên lập vô vi, được tự tại trong hết thảy các pháp. Tiếp đó là “*đương đắc như phi điều, tùy ý nhi khứ*” (sẽ được như chim bay, tùy ý mà đi), tức là được như ý thông đạt thiện xảo, đến phương khác, xứ khác vô ngại, còn nhanh chóng hơn máy bay. Máy bay còn phải có phi trường, còn phải ấn định mấy giờ, mấy phút mới được cất cánh. Ở đây chẳng cần, hễ tiến nhập thiện xảo liền được thành tựu. Ban Châu Tam Muội chân thật đã thành lập, bèn có thể kiên lập sự thiện xảo này. Trong Hán truyền Phật giáo, từ xưa tới nay, các vị đại thiện tri thức dùng đủ mọi phương tiện, diệu dụng hiện duyên, nhưng chẳng tỏ lộ. Nếu tỏ lộ, sợ thế gian sẽ kinh hãi, [chê trách] là những điều quái dị, mê hoặc cõi đời. Trong Tạng truyền Phật giáo, có một số nơi ắt cần phải dùng [đến thần thông], tức là sử dụng thần thông nhiếp hóa trong Tứ Nhiếp Pháp.

***(Kinh) Vân hà đương đắc thôi chiết kiêu mạn, như Chiên Đà La tử cố?***

**(經)云何當得摧折驕慢，如旃陀羅子故？**

***(Kinh: Làm thế nào để dẹp tan kiêu mạn như con của kẻ Chiên Đà La?)***

Trong bốn chủng tánh tại Ấn Độ, Chiên Đà La (Caṇḍāla) là chủng tánh thấp nhất, là chủng tánh hạ tiện nhất. Các đứa trẻ thuộc chủng tánh này sanh ra đều rất tự ti. Vì sao? Do chủng tánh thấp hèn, sanh ra đã là như thế, vốn phải biết thân biết phận. Chúng ta có thể dẹp tan, chế ngự cái tâm kiêu mạn của chính mình như đứa trẻ thuộc chủng tánh Chiên Đà La gìn giữ tâm trí khiêm hạ của chính mình hay không? Hành Ban Châu, sẽ nhất định có thể dẹp tan, chế ngự cái tâm kiêu mạn của quý vị. Người thật sự hành Ban Châu mới biết hết thảy chấp trước, hết thảy ngã mạn, hết thảy ngã tướng, ngã kiến của chính mình chắc chắn là ti tiện, đáng nên vứt bỏ, chẳng nên có, sẽ bị chiết phục. Do vậy, hữu tình ngã mạn ở nơi ấy chắc chắn sẽ bị chiết phục. Nếu chẳng bị chiết phục, sẽ xuất hiện vấn đề to lớn. Hiện thời, có người nói: “Quý vị có thấy quý vị là những người đang hành Ban Châu đều rất kiêu mạn”. Tôi nói chẳng phải vậy, kẻ đó chẳng phải là do hành Ban Châu mà kiêu mạn, khẳng định là do nghiệp tập của chính kẻ đó hiện ra, chứ không phải là do tu Ban Châu mà biểu lộ. Vì người hành Ban Châu, công đức điều phục nhu thuận, tâm trí điều hòa, nhu thuận, thiện xảo điều hòa, nhu thuận, hành vi tạo tác

đều có tướng điều phục nhu thuận. Người càng có công đức, càng chẳng dám xằng bậy, ăn nói lớn lối. Kẻ ăn nói lớn lối sẽ phá hoại thế gian, gây thương tổn rất lớn!

*(Kinh) Vân hà đương đắc trụ A Lan Nhã, như chư thú, di hầu đặng, bất nhạo thành ấp, tụ lạc, nhất thiết xuất gia, tại gia bất tương tham loạn cố?*

**(經)云何當得住阿蘭若，如諸獸獼猴等，不樂城邑聚落，一切出家在家不相參亂故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được trụ trong A Lan Nhã như các loài thú, khi vườn v.v... chẳng thích thành ấp, xóm làng, hết thầy xuất gia và tại gia chẳng thể tạp loạn?)*

Vì sao nói “khi vườn chẳng thích thành ấp?” Chúng ta đều biết, nếu đem khi vườn bỏ vào thành ấp, nhốt trong vườn bách thú (sở thú), chắc chắn sẽ có trời buộc. Khi chúng tôi đến Tân Đức Lý (New Delhi), thấy chung quanh thành phố Tân Đức Lý, kẻ cả trong thành thị đều có khi, vì nơi ấy chúng quá tự do. Nhưng xét theo tình huống thông thường, loài khi, vườn sẽ chẳng thích vào trong thành ấp. Động vật và người chẳng tạp loạn. “*Xuất gia, tại gia bất tương tham loạn*” (Xuất gia và tại gia chẳng xen tạp) rất thuận tiện. Nếu xen lẫn quá mức, như kẻ xuất gia thích la cà với hàng bạch y, phần nhiều sẽ bị trầm luân, đọa lạc, bụng lung, thậm chí ăn nói nhảm nhí. Lại như kẻ tại gia, nếu chẳng kính ngưỡng pháp tắc của người xuất gia, chẳng thật sự thành thực nhân duyên xuất gia, cứ trà trộn với người xuất gia, phần nhiều sẽ sanh ra ngờ vực đối với người xuất gia, nghi ngờ pháp. Đó là chẳng tương ứng.

Người thật sự hành Ban Châu chẳng thấy lỗi của kẻ khác, chẳng xen tạp bừa bãi, bởi pháp ấy là pháp tịch tĩnh, phần nhiều trụ trong chốn A Lan Nhã, lìa khỏi hai chúng tự và tha. Vì sao trong đạo Ban Châu, [tốt nhất] là một người hành? Nếu mọi người cùng đi kinh hành, thì phải niệm Phật tập thể, sẽ có sai biệt nhất định với pháp Ban Châu. Có người viết lách cho rằng: “Người đang hành Ban Châu hiện thời đều chẳng phải là tu pháp Ban Châu, chẳng qua là kinh hành niệm Phật đó thôi!” Nói theo kiểu như vậy thì cũng được, nhưng có một điểm là nếu chúng ta chẳng sử dụng cái tâm phóng dật, mà dùng tâm tịch tĩnh, tâm hướng vọng mười phương chư Phật hiện tiền để thỉnh giáo, tâm muốn liễu sanh

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tử, đi kinh hành chẳng nghỉ ngơi, hành theo lời kinh dạy, thì đó là Ban Châu. Chúng hay không chúng tam-muội là hai chuyện, hễ hành đúng như lời dạy thì là người tu tập Ban Châu tam-muội. Nay chúng ta cực lực hành trì pháp Ban Châu trong một ngày một đêm, một ngày hai đêm, hoặc bảy ngày tám đêm, nhưng chẳng nói là “*hành pháp Ban Châu tam-muội*”, vì hai chữ “*tam-muội*” là chúng hay không chúng, tương ứng hay chẳng tương ứng, chẳng thể bịa đặt được, chẳng thể nói xằng được, mà cũng chẳng thể cưỡng chấp chính mình được! Có lúc có kẻ dối gạt người khác mà nói như thế, sẽ có thể gây ra thương tổn.

“*Bất nhạo thành áp*” (Chẳng ưa thích thành áp): Vốn hành pháp Ban Châu là phải buông bỏ hết thấy thì mới có thể thâm nhập. Trước kia, có mấy vị cư sĩ đến hành Ban Châu, tôi hay nói đùa: “*Chẳng chúng tam-muội thì đừng xuống núi*”. Thật ra, chẳng phải là nói đùa! Vì đây là sự chọn lựa rất trịnh trọng. Nếu không, quý vị cứ đi kinh hành lung tung, tâm trí chẳng tương ứng, cho nên chẳng thể thâm nhập pháp tắc. Người hiện thời vì sao chẳng thể chúng đắc tam-muội? Do tâm trí chẳng thể chọn lựa. Nói chung là vẫn chưa cái đuôi lại! Cái đuôi gì vậy? Có thể hành, có thể chẳng hành! Hoặc là hành, hoặc chẳng hành. Vậy là chẳng tương ứng với pháp tắc này, đó là tạp loạn. Pháp thành áp và pháp A Lan Nhã chẳng thể xen tạp lẫn lộn được, pháp xuất gia và pháp tại gia chẳng thể tạp loạn được, cũng có nghĩa là nhất định phải lựa chọn rõ ràng!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thống lãnh đại chúng, giáo chiếu đạo thị cố?***

**(經)云何當得統領大眾，教詔導示故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thống lãnh đại chúng, dạy dỗ, hướng dẫn, chỉ bày?)***

“*Thống lãnh đại chúng*” là như các vị xuất gia nơi chùa miếu, hoặc các vị hữu tình duy trì và truyền bá Phật pháp. Nay chúng ta là kẻ phàm phu, chẳng thể thống lãnh đại chúng, nhưng có thể học Tứ Nhiếp Pháp. Tứ Nhiếp Pháp là [pháp môn mà] hết thấy chúng sanh đều có thể tu tập. Khi chúng ta hành Ban Châu, pháp này vốn thống lãnh đại chúng. Một câu Phật hiệu rõ ràng, rành rẽ, chẳng được, chẳng mất mà niệm, quý vị chẳng cần chào hỏi người khác mà đã là chào đón, đã là thống lãnh đại chúng, đích xác là có thể khiến cho các hữu tình chung quanh yêu thích, hướng về, chân thật nương cậy.



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Sự tu hành của chúng thường trụ tại Hằng Dương Am ảnh hưởng tới các công nhân đang xây cất tại tự viện. Có cư sĩ tới nói: “Công nhân Hằng Dương Am muốn quy y, có được hay không?” Tôi nói: “Được chứ! Nhất định là chuyện tốt! Chuyện này so ra có công đức, có ý nghĩa hơn xây dựng Hằng Dương Am, có ý nghĩa hơn xây dựng phòng ốc nhiều! Dầu tốn một ngàn vạn đồng chẳng mua được, hãy để cho toàn thể họ đều quy y!” Ngày các công nhân ấy đến quy y, trời đổ mưa to, tuy thân họ toàn mùi mồ hôi và mùi thuốc lá nồng nặc, nhưng họ đúng là rất tuyệt diệu, phước đức và nhân duyên rất lớn, rất chẳng thể nghĩ bàn! Ngay lúc đó, tôi có cảm giác vui sướng hơn kiến thiết mấy gian nhà, thật sự là vượt xa hơn xây dựng rất nhiều thứ, có ý nghĩa rất nhiều. Vì sao vậy? Quy y khiến cho thiện căn của các hữu tình thô kệch ấy được chín muồi! Chính là vì các vị nữ cư sĩ thường ngày luôn niệm Phật, hành Ban Châu, cứ đi tới đi lui như thế đã cảm động, ảnh hưởng họ. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Khi họ tới quy y, tôi nói: “Kiến lập đạo tràng này đáng giá lắm, vì sao? Cảm động các hữu tình thô thấp hết sức khó khăn. Chúng ta do một câu Phật pháp, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật đã cảm động họ!”

***(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhạo sanh nhất thiết chúng sanh trung, bất động u nhất thiết chúng sanh cố?***

**(經)云何當得不樂生一切衆生中，不動於一切衆生故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng ưa thích sanh trong hết thảy chúng sanh, bất động đối với hết thảy chúng sanh?)***

Nếu có các thiện tri thức phát ra thệ nguyện “vĩnh viễn chẳng luân hồi”, sẽ vì hết thảy chúng sanh đang luân hồi mà mở ra một vùng đất rộng lớn, khiến cho hết thảy chúng sanh có sức tự tại mà chẳng xâm đoạt thế gian. Quý vị nói “ta chẳng muốn luân hồi nữa”, bèn giống như đưa chúng sanh tới một không gian khác. Tức là giống như quý vị nói “ta chẳng cần thứ này”, sẽ chẳng chiếm hữu thứ ấy nữa, giống như bỏ thí vậy. Không sát sanh giống như phóng sanh. Chúng ta chẳng muốn sanh trong chúng sanh nữa, vậy thì chẳng thể khuấy động chúng sanh, nhất định sẽ an lập thế gian này. Người hành Ban Châu hãy nên lập thệ nguyện như thế, chẳng đến, chẳng đi, thủ hộ thanh tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chân thật thủ hộ, tâm trụ trong pháp giới, dùng công dụng

của pháp giới để lợi ích các hữu tình trong pháp giới. Như thế thì quý vị sẽ có thiện xảo.

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất vị nhất thiết ngoại đạo hàng phục, thiên ma hoặc loạn cố?*

**(經)云何當得不爲一切外道降伏，天魔惑亂故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng bị hết thầy ngoại đạo hàng phục, thiên ma mê hoặc?)*

Trong hành pháp Ban Châu, đã tiến nhập thanh tịnh thì thiên ma chẳng thể lừa dối, mê hoặc, ngoại đạo chẳng thể xâm phạm. Nếu chẳng như thế, chúng ta rất khó vượt thoát ngoại đạo và thiên ma. Khi chúng tôi đã Phật thất, đã có một lần gặp phải thiên ma quấy nhiễu. Trước kia, đối với các cơ chế truyền thừa, tôi chẳng hiểu rõ lắm. Chẳng hạn như nói “các chỗ điện đường, thiền đường, nơi bệ quan đều phải có ba tầng màn. Khi đã thất, cũng phải kéo màn xuống để bảo vệ, che chắn, sợ trong tâm mọi người có điều bận lòng”, nhưng để che chắn điều gì, tôi cũng chẳng hiểu cho lắm! Có một ngày, niệm Phật miết, mà mọi người đều chẳng thể niệm, tôi nhìn xem vì sao đại chúng ở phía dưới đều chẳng niệm? Chính tôi muốn niệm mà cũng chẳng thể niệm được! Một bầu thỉnh lặng, là chuyện gì thế? Tôi nhìn thì ra lớp màn ngoài cùng không kéo xuống. Vì sao một tầng màn không kéo xuống mà bị trở ngại như thế? Vì “thiên chúng bất quá tam”, [tức là] có một tầng trở ngại, họ còn có thể lướt qua; đến tầng trở ngại thứ ba, họ sẽ chẳng vượt qua. Đây là do phước báo của họ, họ chẳng phải đón nhận khó khăn. Kéo đón nhận khó khăn thì chẳng phải là phước báo, mà là khổ báo. Vì lúc đó chỉ có hai lớp màn, họ vượt qua lớp thứ nhất rồi lại vượt qua lớp thứ hai, thấy chúng tôi đang niệm rồi lại niệm, thân họ có quang tướng quá lớn, khiến cho mọi người bị soi trúng, tâm nín hết. Cho đến khi buông màn ngoài rồi, mọi người lại bắt đầu niệm được. Đó là bị thiên ma gây khó dễ. Vị trời ấy chưa chắc là ma, nhưng sức mạnh của vị ấy lớn hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể vượt thắng vị ấy, vị ấy sẽ giống như ma. Lúc đó, chủ yếu là sức mạnh ngoài ý muốn, mọi người đều khá mệt mỏi. Trong tình huống chí nguyện chẳng rõ ràng, bị họ làm khó, buông màn xuống là được rồi. Do vậy, nhất định phải biết: Lịch đại tổ sư, thiện tri thức chế định nghi quỹ, đều có nội hàm riêng, chân thật chẳng dối. Đối với người thật sự hành Ban Châu, những thứ đó sẽ chẳng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

gây khó khăn hay quấy nhiễu họ được! Vì một câu Nam-mô A Di Đà Phật là vạn đức hoành danh (萬德宏名, danh hiệu rộng lớn có vạn đức), là danh hiệu trọn đủ công đức lợi ích hữu tình trong chín pháp giới, lợi ích chúng sanh trong mười phương, bao gồm chư thiên, ngoại đạo, bao gồm hết thầy Thanh Văn, Bồ Tát, hết thầy người có trí. Đương nhiên là hết thầy phàm ngu hữu tình cũng được bao gồm trong ấy. Vì thế nói là “*lợi ích trọn khắp hữu tình trong chín pháp giới mười phương*”, do một câu danh hiệu đều hồi thí viên mãn, an ủi thanh tịnh, lợi ích chân thật, quý vị chẳng có gì phải sợ hãi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc đại biện tài, u nhất thiết pháp quyết liễu tri cố?***

**(經)云何當得大辯才，於一切法決了知故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc đại biện tài, quyết định biết rõ hết thầy các pháp?)***

Người hiện thời niệm Phật đều niệm rất trọn tru, nhưng điều đó và biện tài chẳng ăn nhập gì với nhau! Biện tài có thể tiêu trừ lo ngại cho chúng sanh, trừ nghi hoặc cho chúng sanh, kiến lập pháp ích, ban thiện xảo cho chúng sanh. Hành pháp Ban Châu quyết định là như thế, đối với hết thầy các pháp, sẽ quyết đoán, sẽ có thể chọn lựa, có thể biết rõ, có thể ban cấp sự thiện xảo cho chúng sanh.

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết Phật pháp, bất tùy tha hành cố?***

**(經)云何當得一切佛法，不隨他行故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được trong hết thầy Phật pháp, chẳng ngã theo người khác?)***

Trong sự chọn lựa để học Phật của chúng ta, chẳng xuôi theo ý của người khác. Người niệm Phật có thể bị kẻ khác dao động hay chẳng? Người tu hành các pháp môn khác cũng có thể chẳng bị người niệm Phật lay động, nhưng có một điều: Thâm nhập một môn hết sức trọng yếu! Thay đổi hạnh tu là nghiệp chướng của chúng sanh, là tướng trạng thiện căn chẳng chín muồi, là tướng do dự, băn khoăn, là tướng chọn lựa

chẳng dứt khoát, phước đức chẳng trọn đủ. Do vậy, thâm nhập một pháp là thiện căn đã chín muồi!

*(Kinh) Vân hà đương đắc đại kiên cố tín, vô khả thôi hoại cố?*

**(經)云何當得大堅固信，無可摧壞故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin vững chắc to lớn, chẳng thể phá hoại?)*

Đối với hành pháp Ban Châu, công đức và lợi ích ấy là chuyện tất nhiên.

*(Kinh) Vân hà đương đắc đại từ lực tín, bất khả động cố?*

**(經)云何當得大慈力信，不可動故？**

*(Kinh: Như thế nào sẽ đạt được niềm tin đại từ lực chẳng thể động?)*

Vì hành pháp Ban Châu “lập một niệm, đoạn các tướng”, trong tu trì Định Ý tam-muội, “bất khả động” (chẳng thể lay động) là chuyện tất nhiên trong loại tín lực chẳng thể hủy hoại này, trong pháp tắc chẳng thể dao động này.

“Bất khả động” có khá nhiều phương tiện: Phương tiện tri kiến, phương tiện hành pháp, phương tiện lợi ích, phương tiện chọn lựa pháp môn, phương tiện vận dụng Bi và Trí v.v... đều có sức chẳng thể nghĩ bàn.

*(Kinh) Vân hà đương đắc thâm nhập tín, vô sở hành cố?*

**(經)云何當得深入信，無所行故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin thâm nhập, chẳng có sở hành?)*

Ở đây là nói về pháp tùy thuận, thực hiện mà chẳng có dấu vết.

*(Kinh) Vân hà đương đắc nhuận trạch tín, ư nhất thiết pháp trung, đa hoan hỷ cố?*

**(經)云何當得潤澤信，於一切法中，多歡喜故？**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được niềm tin nhuần thấm, nhiều hoan hỷ trong hết thảy các pháp?)*

Nhuận trạch chúng sanh là pháp phương tiện, hành pháp tuyệt đối là lợi ích thế gian. Tôi hỏi rất nhiều người: “Vì sao hành Ban Châu?” Có người nói: “Ồi chao! Chân tôi bị phong thấp. Tôi mong hết bệnh phong thấp”. Có được hay không? Được chứ! Trong hai loại lợi ích tự lợi và lợi tha đều có thể đạt được, đích xác là tôi cũng thấy chân người ấy khỏi bệnh phong thấp, nhưng như thế thì cũng quá đáng thương, sẽ giống như thí dụ “*năng mậu ngư u hồ*” (có thể đổi lấy trâu hay không) trong kinh Ban Châu, tức là thắc mắc có thể đổi báu ma-ni lấy một con trâu hay không? Nếu ai chỉ vì mong thân thể khỏe mạnh hơn mà hành pháp [Ban Châu], sẽ giống như dùng báu ma-ni để đổi lấy trâu, chẳng cần báu ma-ni nữa!

Trong khi chúng ta tu pháp, Tín rất trọng yếu, lợi ích thế gian rất trọng yếu. Sanh hoan hỷ đối với hết thảy các pháp rất trọng yếu. Bất luận hành pháp Ban Châu, hay hành hết thảy các pháp khác, vui sướng, hoan hỷ rất quan trọng. Rất nhiều người nói vì chính mình rất khổ, cho nên mới đến hành pháp. Có được hay không? Điểm xuất phát của cái tâm có vấn đề! Do chính mình đau khổ, buồn thương mà hành pháp, như vậy thì sẽ khá khổ sở. Nếu biết “*chẳng có khổ để tìm được, chẳng có lạc để có thể đạt được*”, do hành pháp sẽ có thể đạt được tâm trí Vô Thượng Bồ Đề thanh tịnh, có thể đổi trị khổ, có thể sanh khởi các thứ lạc. “*Lạc*” ở đây chẳng phải là lạc trong “*tham lạc*” (niềm vui sướng vì thỏa mãn lòng tham), mà là niềm vui chẳng đắm nhiễm, là niềm vui chẳng đối đãi, dầu trong khổ cũng được vui.

Thọ giác (受覺, sự nhận biết, cảm nhận) chẳng có thực chất, quý vị coi nó như một loại lạc thì sẽ là lạc, coi nó là khổ thì sẽ thành khổ. Quý vị kêu: “Rành rành là khổ mà!” Chẳng phải vậy! “Rành rành là khổ” là một thứ nhận biết của quý vị. Nếu nói “ta sợ nỗi khổ này”, sẽ là khổ càng thêm khổ, tức là bị Khổ Khổ bức bách. Nói “tôi mong cho nỗi khổ này chấm dứt”, cũng là bị Khổ Khổ bức bách. Khổ đã hiện tiền, quý vị nhận biết nó, đó là lạc trong khổ, là sự thọ dụng trong khổ, là thiện xảo trong khổ. Trong khổ bèn có thiện xảo, nhưng mọi người thường chẳng biết. Chẳng hạn như kẻ đặc biệt khổ, từ trong khổ có thể sanh ra đại thiện xảo, vì khổ cũng là của cải chẳng thể thay thế được! Trước kia, có người nói với tôi: “Pháp sư ơi! Tôi thấy thầy quá khổ”. Tôi nói: - Tôi cũng biết khổ, nhưng người khác chẳng thể thay thế được. Quý vị đã

chẳng thay cho tôi được, mà tôi cũng chẳng thay cho quý vị được. Mỗi người có “của cải” riêng, có của cải khổ, mà cũng có của cải lạc. Chớ nên đánh mất “của cải” của chính mình!

*(Kinh) Vân hà đương đắc tối thắng tín, cúng dường, thừa sự nhất thiết chư Phật vô yếm túc cố?*

**(經)云何當得最勝信，供養承事一切諸佛無厭足故？**

*(Kinh: Làm thế nào để đạt được niềm tin tối thắng, cúng dường, phụng sự hết thảy chư Phật chẳng chán đủ?)*

Hành Ban Châu rất dễ kích phát điều này. Nếu không, chúng ta vẫn chưa tu đạo, chẳng có sức tam-muội chân thật! Thật sự thành tựu, quý vị sẽ ưa thích hết thảy cơ hội cúng Phật, hết thảy cơ hội lợi ích chúng sanh; đây là điều chân thật, chẳng dối. Nếu vẫn còn ở trong buông lung, giải đãi, hoặc còn vướng trong phân biệt, lấy bỏ, quý vị chẳng phải là hành giả của pháp Ban Châu, chẳng phải là người thật sự chứng pháp ích, chẳng phải là người bình đẳng an trụ.

*(Kinh) Vân hà đương đắc chủng chủng nhập tín, chủng chủng thiện căn cố?*

**(經)云何當得種種入信，種諸善根故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được các thứ nhập tín, gieo các thiện căn?)*

“Chủng chủng nhập tín” (Các thứ nhập tín): Trong các thứ tín, có sự sai biệt quá lớn. Chúng ta ở trong tham, sân, si, mạn, nghi, trong vô ký, khi Tam Độc sanh khởi, lúc ba nghiệp thân, khẩu, ý sanh khởi, nếu nhận biết tự tánh, tín lực sẽ nhanh chóng sanh khởi. Nếu chẳng nhận biết tự tánh, trôi nổi theo dòng nghiệp, sẽ nhanh chóng bị vô minh bức bách. Chẳng hạn như sân tâm sanh khởi, hễ nhận biết tự tánh của sân tâm, sẽ lập tức sanh lòng tin đối với Phật, chánh tín hiện tiền, tự biết “sân chẳng có tự tánh”, liền đạt được phương tiện. Trong giáo ngôn của Mật giáo, từ trong tham, sân, si, mạn, nghi, sẽ ngay lập tức chọn lựa năm loại trí<sup>27</sup>.

---

<sup>27</sup> Ngũ Trí trong Mật giáo:

1. Pháp Giới Bình Đăng Tánh Trí, được biểu thị bằng Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana), tức là chuyển biến Si thành trí. Cũng có thể hiểu là trí này do chuyển biến Sắc Uẩn mà thành tựu.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Ở đây là sự chọn lựa nơi tự tánh, tức là sự chọn lựa nơi tổng tướng, tốt bậc thuận tiện. Một khi tiến vào phân tích tỉ mỉ, người ta sẽ dễ hỗn loạn. Tham sanh khởi, [nhận biết nó] chẳng có tự tánh, chánh tín sẽ sanh khởi. Lúc các thứ sân, mạn, nghi, tà kiến sanh khởi, quý vị chớ lưu chuyển theo chúng nó, sẽ lập tức sanh khởi chánh tín. Chẳng cần trừ khử tham, sân, si, mạn, nghi, chúng ta nói “*gieo các thiện căn*”, các thiện căn ấy ở nơi đâu? Sanh khởi từ ngay trong sát-na tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng. Đó là thiện căn, thiện căn gì vậy? Hiểu rõ tự tánh, hiểu rõ tự tánh của tham, sân, si, mạn, nghi, thiện căn sẽ chín muồi! Vì sao? Lập tức tu. Hành Ban Châu chính là tu ngay lập tức trong hiện tiền. Tu gì vậy? Hiểu rõ tự tánh! Ở đây là chân thật chẳng dối, cho nên nói “*chủng chủng nhập tín*”. Vì các thứ nhân duyên hiện tiền, tất nhiên sẽ sanh khởi chánh tín. Chánh tín gì vậy? Ngay trong lúc tham, sân, si, mạn, nghi, cho tới buông lung, vô ký, chẳng hổ, chẳng thẹn, hôn trầm sanh khởi, do các duyên ấy mà hiểu rõ các pháp chẳng có tự tánh, tức là khi thiện căn đã chín muồi. Đó là thiện căn thật sự. Chúng ta nói “*hoa sen mọc từ bùn lầy mà chẳng nhuộm bẩn*”. Nếu quý vị gạt bỏ bùn lầy, hoa sen sẽ sanh từ đâu? Từ tham, sân, si, mạn, nghi, sanh trưởng hoa sen thanh tịnh. Hoa sen tồn tại nơi bùn nhơ nước đục “*tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến*”, bản chất của nó là thanh tịnh vô nhiễm! Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

***(Kinh) Vân hà đương đắc chân diệu tín, tăng trưởng vô hư ngụy hạnh cố?***

***(經)云何當得真妙信，增長無虛僞行故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin chân thật, mau nhiệm, tăng trưởng hạnh chẳng hư ngụy?)***

- 
2. Thành Sở Tác Trí, được biểu thị bằng Bát Không Thành Tụ Phật (Amoghasiddhi), chuyển biến ghen ty thành trí, hoặc chuyển Hành Uẩn thành trí.
  3. Diệu Quán Sát Trí, được biểu thị bằng A Di Đà Phật (Amitabha), do chuyển biến chấp trước thành trí, hoặc chuyển Tướng Uẩn thành trí.
  4. Bình Đẳng Tánh Trí được biểu thị bằng Bảo Sanh Phật (Ratnasambhava), do chuyển biến tham thành trí, hoặc chuyển Thọ Uẩn thành trí.
  5. Đại Viên Kính Trí, được biểu thị bằng A Súc Bệ Phật (Akṣobhya), do chuyển sân thành trí, hoặc chuyển Thức Uẩn thành trí.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Thông thường, đối với hư ngụy và chân thật, chúng ta có nghi ngờ. Thật ra, mười phương hết thấy hữu tình, không ai chẳng phải là liên tục hư ngụy! Hết thấy người thủ hộ công đức Tam Bảo, không ai chẳng an lập trong nghiệp chân thật. Đối với chuyện này, chúng ta phải xác định vị trí của chính mình. Nếu chẳng xác định vị trí [của chính mình], sẽ nảy sinh vấn đề. Do vậy, người học Phật chúng ta khuyên hết thấy chúng sanh: “Muốn hành Phật pháp, trước hết phải thọ Tam Quy Y”. Tam Quy Y là duyên khởi của nghiệp chân thật, là thủ hộ nghiệp chân thật, là an trụ trong nghiệp chân thật. Trong Lục Niệm Trụ<sup>28</sup>, đều phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đó là đối tượng được niệm của nghiệp chân thật, nhất định chớ nên hàm hồ! Trong tình huống hàm hồ, chúng ta có thể tưởng là trong tâm của chính mình vẫn có thể sanh khởi nghiệp chân thật, nhưng thật ra, nếu chẳng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, chúng ta sẽ chẳng đạt tới, chẳng thể thành tựu nghiệp chân thật được!

“*Vân hà đương đắc chân diệu tín*” (Như thế nào để đạt được diệu tín thật sự): Cũng là chọn lựa diệu tín. Chọn lựa gì vậy? Thân, khẩu, ý tam nghiệp của hết thấy phàm phu không gì chẳng phải là nghiệp hư ngụy! Quý vị phải vứt bỏ [các nghiệp hư ngụy ấy]! Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là sanh khởi nghiệp chân thật, an lập nghiệp chân thật, tùy thuận nghiệp chân thật. Đây là “*tăng trưởng vô hư ngụy hạnh*”. Nhất định phải chọn lựa [nghiệp hạnh chân thật]. Nếu chẳng chọn lựa, chân diệu tín sẽ chẳng thể sanh khởi.

Rất nhiều kẻ trẻ tuổi hay nói: “Tôi học Phật chẳng tin vào hình thức, chỉ tin tưởng tâm địa”. Tôi nói: “Quý vị lấy tâm địa ra cho tôi xem là gì đi? Là màu vàng, màu trắng, hay là màu lam?” Họ chẳng nói rõ được, rất mơ hồ. Một khi chọn lựa Tam Quy Y, sẽ rõ ràng, Phật, Pháp, Tăng, chân thật chẳng dối. Tăng là “*lợi ích thế gian rộng lớn, hòa hợp hữu tình*”. Pháp là gột sạch thế gian, nhuần thấm thế gian, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc. Phật là từ bi lợi ích rộng lớn, làm chỗ nương cậy chân thật cho chúng sanh. Nhất Chân pháp giới cũng thế, chân thật chẳng tăng giảm cũng thế, tâm địa viên mãn cũng thế, cũng đều giống như vậy. Đó là hạnh nghiệp chân thật. Bồ Tát nhất định phải xem xét kỹ ở chỗ này, chớ nên chân chờ. Có khi chúng ta vẫn giả thiết chính mình có thể có chút bản lãnh, vậy thì nhất định sẽ đi làm đường, đọa lạc trong

---

<sup>28</sup> Lục Niệm Trụ (sad anusmrtayah) chính là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thích, niệm Giới, và niệm Thiên.



**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

ngã mạn, ngã kiến, ngã chấp. Chẳng tin thì hãy tự phân tích chính mình thử xem! Ngoài các nghiệp hư ngụy, sẽ là ngã nghiệp. Ngoài ngã nghiệp ra thì ương ngành chấp chặt, giữ gìn nghiệp vô thường. Như thế là khổ đầy các vị Bồ Tát và thiện tri thức ạ!

**(Kinh) Vân hà đương đắc tịnh hỷ tín, trừ diệt nhất thiết kỳ đồ cầu cố?**

**(經)云何當得淨喜信，除滅一切忌妒垢故？**

**(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin hoan hỷ thanh tịnh, trừ diệt hết thảy cầu uế ghen ghét?)**

Tâm đồ kỳ tức là phàm phu chẳng có cái tâm tùy hỷ, chính là tâm trí đấu tranh Ngã Chấp, Ngã Kiến. Trong thời Mạt Pháp, tâm trí ấy mạnh mẽ nhất. Cái tâm Tu La chính là tuyệt đối chẳng cho phép kẻ khác mạnh mẽ hơn ta. Người mạnh hơn ta, ta vĩnh viễn chẳng chịu thua! Đó là cái tâm đồ kỳ, cho nên Tu La tranh chấp, giết chóc vô cùng, mãi cho tới khi sanh mạng kết thúc, chẳng hề nghỉ ngơi! Còn nhân loại chúng ta thì sao? Trong mười đại nguyện vương, phải “*tùy hỷ công đức*”. Đức Phật dạy “*hôi hương công đức*”, “*hôi thí công đức*”. Tu trì cái tâm tùy hỷ mười phần quan trọng đối với hữu tình.

Trong khi hành trì Ban Châu, cái tâm tùy hỷ cũng thường sanh khởi, sẽ xa lìa đồ kỳ, cho nên đạt được niềm tin hoan hỷ thanh tịnh. Nếu có cái tâm tùy hỷ, tâm sẽ rất an lạc, rất sạch lâu, rất đơn giản, quý vị chẳng cần phải dụng công! Hễ người khác có chuyện tốt lành, chuyện vui sướng, quý vị tự nhiên sanh hoan hỷ, tự nhiên sanh khởi trợ duyên, sẽ chẳng do dự, lại càng chẳng muốn khiến cho họ đau khổ. Nếu muốn tạo duyên gây khó khăn cho họ, đó là chẳng tương ứng. Vì thế, tâm trí tùy hỷ sanh khởi vui sướng, trụ trong an lạc. Nhân duyên như thế được gọi là “*tịnh hỷ tín*”, trừ diệt hết thảy cầu uế đồ kỳ.

**(Kinh) Vân hà đương đắc thanh tịnh tín, đắc Nhất Thiết Chủng Trí quang minh cố?**

**(經)云何當得清淨信，得一切種智光明故？**

**(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin thanh tịnh, đạt được quang minh Nhất Thiết Chủng Trí?)**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Nhất Thiết Chung Trí là một danh từ riêng trong Phật giáo. Người thành tựu Tứ Quả A La Hán là người thành tựu Nhất Thiết Trí, Bồ Tát thì có Đạo Chung Trí. Chư Phật Như Lai thì có quang minh Nhất Thiết Chung Trí (Sarvathājñāna). Nhất Thiết Trí là tổng tướng trí, Đạo Chung Trí là phân biệt trí. Hai loại này được gọi là hai đại trí tướng trong Phật giáo, tức là nói theo hai phương diện Tổng và Biệt. Chư Phật Như Lai trọn đủ Nhất Thiết Chung Trí, tức là hết thảy tổng tướng trí và biệt tướng trí đều trọn đủ. Hành Ban Châu sẽ có thể đạt được thiện xảo như vậy. Từ tự tánh thanh tịnh lưu xuất cái được gọi là “*thanh tịnh tín*”, cũng là quang minh Nhất Thiết Trí lưu xuất từ tự tánh. Quang minh lưu xuất từ tự tánh là chẳng thể nghĩ bàn. Hành Ban Châu có thể khơi gợi, phát khởi loại quang minh tâm trí này, tổng tướng lẫn biệt tướng đồng thời đều trọn đủ. Hành pháp Ban Châu đồng hành với sự thiện xảo của Bát Địa [Bồ Tát], thuộc về Bát Địa Bồ Tát, cho nên đạt được chẳng thoái chuyển. Rất nhiều người xem nhẹ Ban Châu. Sau khi chúng ta học bộ kinh Ban Châu này, sẽ có thể thấy pháp Ban Châu vì sao khó có, khó nghe, khó gặp. [Được nghe pháp này], quả thật là đại phước đức chín muôi! Thoạt nhìn, tưởng chừng đơn giản, nhưng học tập, thực hiện pháp tắc này rất khó, hết sức chẳng dễ. Trong phần sau, chúng tôi sẽ nói, như khi đức Phật còn tu nhân, muốn nghe pháp này, phải trải qua bao nhiêu ngàn năm cúng dường Phật, vẫn là mong được nghe mà chẳng thể nghe, muốn hành trì mà chẳng thể hành trì được!

***(Kinh) Vân hà đương đắc hỷ lạc hạnh tín, trừ diệt chư cái chướng ác cố?***

**(經)云何當得喜樂行信，除滅諸蓋障惡故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hỷ lạc hạnh tín vì trừ diệt các Cái chướng ác?)***

Lợi ích thật sự của hành pháp Ban Châu là tiêu trừ cái chướng. Bản thân hành pháp hỷ lạc có sức chẳng thể nghĩ bàn, bản thân nó có sự thiện xảo trừ khử cấu chướng. Nếu quý vị chẳng ưa thích pháp, chẳng ưa thích hành pháp, tất nhiên sẽ ưa thích thế tục. Đối với chuyện này, chẳng cần phê phán, vì tâm nghiệp tiếp nối, quý vị chẳng thể phủ định. Đối với điều này, chúng ta hãy nên khéo quan sát: Quý vị chẳng ưa thích Phật pháp, tất nhiên sẽ ưa chuộng thế tục. Quý vị nói: “Ta không ưa thích Phật pháp, mà cũng chẳng ưa thích thế tục”, vậy thì tất nhiên là quý vị

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

ưa thích vô ký, giải đãi, buông lung, vẫn là thế tục, khó thoát khỏi lưới rập! Ưa thích hành trì giáo ngôn của chư Phật, ưa thích hành trì pháp, hết thấy ác duyên tự nhiên tán hoại, hữu ý hay vô ý tức duyên của chúng ta tiếp nối, chẳng thể cắt đứt, phá tan sự liên tục của Dị Thục Quả<sup>29</sup>. Đương nhiên, chúng tử ác vẫn thúc đẩy quý vị, nhưng trong khi hành pháp Ban Châu, niệm Phật và tu tập Phật pháp đã phá tan rất nhiều ngoại duyên có tánh ác. Đồng thời, tuy ngoại duyên có tánh chất ác bị phá hoại, vẫn còn có rất nhiều nhân duyên của Dị Thục Quả có tánh chất ác đã chín muồi, nhưng chỉ cần quý vị chẳng thuận theo chúng, trong khi niệm Phật, trong khi tu pháp, trong yêu mến pháp, trong ưa thích pháp, sẽ phá tan nghiệp duyên của Dị Thục Quả. Thế nhưng nghiệp duyên của Dị Thục Quả vẫn tiếp nối, chúng ta gọi chúng là “*hành khổ tương tục*” (hành khổ tiếp nối), Bồ Tát đều chẳng thể trốn khỏi, đừng mong chúng ta có thể trốn thoát được!

Đối với những cái gọi là “*tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, là năm cái rễ của địa ngục*”, hành trì Ban Châu sẽ khiến cho quý vị giảm bớt ăn uống, [vì pháp Ban Châu] chẳng cho phép quý vị ngủ nghỉ, cứ đi tới, đi lui (kinh hành) như thế, danh gì cũng chẳng có, lợi gì cũng chẳng có, sắc gì cũng chẳng có, chân thật, chẳng dối, trọn đủ viên mãn. Do vậy, có thể phá trừ các chướng, các Cái; [hay nói cách khác] Cái lẫn Chướng đều trừ. “*Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ*” được gọi là Ngũ Cái. Chướng thì Thân Chướng (chướng ngại nơi thân), Sở Tri Chướng, Phiền Não Chướng v.v... quá nhiều! Quý vị thấy một người khi phiền não vừa mới dấy lên, chuyện gì cũng đều chẳng quản. Tình tự vừa dấy lên, chuyện gì cũng đều chẳng hỏi tới. Vừa xoa mặt, chuyện gì cũng đều chẳng thấy, chẳng phải là chướng ư? Chướng ngại ai vậy? Chẳng có gì có thể gây chướng ngại thì sẽ chẳng chướng. Hễ có thứ gì có thể gây chướng ngại, thì sẽ là Kế Tục Chướng (chướng ngại liên tục, tiếp nối).

***(Kinh) Vân hà đương đắc trí hỷ tín, nhiếp thọ chư Phật cảnh giới cố?***

---

<sup>29</sup> Dị Thục Quả (Vipāka) là danh từ để chỉ quả báo do nương vào thiện hay ác trong quá khứ mà thành. Theo Thành Duy Thức Luận Thuật Ký, Dị Thục có ba nghĩa:

1. Dị Thục Thời (chín muồi khác thời): Quả chín muồi ắt sẽ cách một đời so với nhân.
2. Biến Dị Thục: Quả chín muồi khác với nhân.
3. Dị Loại Thục: Quả và nhân khác loại, nhưng quả do nhân mà chín muồi.

**(經)云何當得智喜信，攝受諸佛境界故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc trí hỷ tín để nhiếp thọ cảnh giới của chư Phật?)*

Trong mười phương pháp giới, cảnh giới của chư Phật là Nhất Chân bình đẳng, viên mãn, Nhất Chân rộng lớn, Nhất Chân thanh tịnh, Nhất Chân như thật. Cho nên trong Nhất Chân pháp giới, chúng ta nói là Phật pháp trí. Chúng ta đọc phẩm Nhập Bát Tư Nghị Cảnh Giới của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Nếu thật sự thường xuyên đọc, chẳng cầu cảnh giới của chư Phật mà quý vị thường có cảnh giới của chư Phật. Do vậy, năm nay chùa Phóng Quang tụng kinh Hoa Nghiêm, tôi cảm thấy mười phần vui mừng, an ủi, vì đã gia bị khiến cho sơn thần, thổ địa, long thiên, hộ pháp cả một vùng này, cũng như các vị thiện tri thức đến và đi đều được hưởng sự gia trì từ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật.

Trước kia, tôi đã gặp một số vị thiện xảo sau khi đã hành pháp, có chứng ngộ, ắt đều đọc Hoa Nghiêm. Vì sao? Họ đã tiến nhập cảnh giới tam-muội rất sâu, rõ ràng, an lạc, rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Khi đó, họ sẽ sợ nhận sai đường lối, cho nên bèn tiến nhập cảnh giới chư Phật để xem xét: “Ồ! Hết thấy chứng ngộ vốn chẳng qua là tướng sai biệt nơi cảnh giới đó thôi! Thật ra, chẳng có cảnh giới rộng lớn, rốt ráo, trang nghiêm của chư Phật”. Do vậy, chính họ sẽ sanh khởi cái tâm khiêm hạ và tâm điều phục, nhu hòa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, sẽ giống như Long Thọ Bồ Tát. Chúng ta đều biết Long Thọ Bồ Tát dùng chín mươi ngày để đọc tụng trọn hết văn tự trong Diêm Phù Đề, cảm thấy trong thiên hạ chẳng có gì lỗi lạc! [Tự cho rằng] “đức Thế Tôn cũng bất quá chỉ là như thế, chính mình cũng có thể lập giáo, có thể chế giới, sửa đổi”. Khi đó, Long Vương Bồ Tát bèn mời Ngài đến long cung. Ngài vừa tụng thượng, trung, hạ phẩm của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh bèn trở thành kẻ thật thà. Vì sao vậy? Vì cảnh giới của chư Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói năng, chẳng thể trái nghịch, chẳng thể giữ lấy, rộng lớn rốt ráo. “*Bát tư nghị, bất khả ngôn*” (Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói), trong kinh Hoa Nghiêm, các ngôn từ như vậy rất nhiều. Chẳng có hạn lượng, sẽ đạt được đại phương tiện. Đối với cảnh giới có thể nghĩ bàn, cảnh giới hữu lượng, người đã hiểu “không có hạn lượng” sẽ chẳng nghĩ các cảnh giới ấy là đúng. Nhưng

đôi với người chỉ biết hữu lượng, sẽ câu nệ trong sự hạn lượng ấy. Câu nệ ở chỗ nào vậy? Câu nệ là vì tự cho mình là đúng!

*(Kinh) Vân hà đương đắc trang nghiêm hạnh tín, thắng nhất thiết thế gian anh lạc trang nghiêm, Phật quốc thanh tịnh thành tựu cố?*

**(經)云何當得莊嚴行信，勝一切世間瓔珞莊嚴，佛國清淨成就故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt niềm tin được trang nghiêm bởi các hạnh, hơn hẳn hết thảy các sự trang nghiêm bởi các chuỗi anh lạc trong thế gian, thành tựu sự thanh tịnh nơi cõi Phật?)*

Chúng ta đều biết: Hành Ban Châu có thể khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền. Những điều được nói ở đây đều là nội hàm thực chất của tam-muội “mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền”. “Thắng nhất thiết thế gian anh lạc trang nghiêm” (Hơn hẳn sự trang nghiêm bởi hết thảy các chuỗi anh lạc trong thế gian): Trong pháp của chư Phật, anh lạc (các chuỗi đeo kết bằng châu báu) biểu thị sự sám hối. Trong quá khứ, người giảng kinh ngực đeo chuỗi anh lạc, tay cầm anh lạc hoặc như ý<sup>30</sup>, nhằm biểu thị Phật pháp trang nghiêm, tôn quý, khiến cho tâm trí của chúng sanh chiếu kiến. Anh lạc chẳng phải để trang nghiêm tự thân, tự thân dùng gì để trang nghiêm? Cái thân xú uế, thân vô thường, thân Tứ Đại tụ tập, thân suy bại trong mỗi lúc, do vì trang nghiêm Phật pháp hồng biểu thị pháp, cho nên phải đeo chuỗi anh lạc. Thật ra, trước khi giảng kinh, sẽ có các thứ vật trang nghiêm để cúng dường. Các thứ vật trang nghiêm cúng dường ấy nhằm biểu thị lòng

---

<sup>30</sup> Như Ý ở đây là một vật phẩm trang trí được làm bằng ngọc, ngà, sừng tê, hay đá quý, có nhiều kích cỡ khác nhau. Đôi khi chúng được làm bằng gỗ quý, sơn mài, chạm trổ tinh xảo, nhưng thường có hình dáng gần như chữ S, phần đầu cong lên thường chạm trổ thành hình đám mây, hoặc nắm linh chi, chạm trổ các chữ mang ý nghĩa tốt lành. Giải thích nguồn gốc của Như Ý, có hai thuyết: Đây là một loại pháp trượng (có tên gọi là Anuruddha) của Ấn Độ được sử dụng bởi các nhà sư Ấn Độ. Thuyết khác nói là biến thể của dụng cụ gãi lưng vì Như Ý hàm nghĩa có thể giúp người ngựa lưng chạm đến các chỗ mà tay không chạm tới sau lưng. Thoạt đầu, Như Ý được sử dụng như biểu tượng thể hiện người cầm nắm nó đóng vai trò chủ đạo trong các cuộc thảo luận, nhất là khi các pháp sư đăng đàn thuyết pháp. Về sau, Như Ý thường dùng như vật phẩm biểu thị sự tốt lành, thuận lợi, mang ý nghĩa chúc phúc.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

mong cầu pháp như thật, thủ hộ pháp như thật, nhận thức, vâng giữ pháp như thật, chẳng nhằm trang nghiêm một người nào, mà là [để biểu lộ] lòng kính ngưỡng, lễ kính, tán thán, thuận tòng của mọi người. Chẳng hạn như trong Tạng truyền Phật giáo, hễ mở một pháp hội lớn, sẽ phải xếp đặt rất nhiều thứ vật cúng dường trang nghiêm, để làm gì? Muốn cho bậc thiện xảo, bậc thiện tri thức sẽ ban bố sự hoan hỷ, ban bố Tất Địa (Siddhi, thành tựu) cho chúng ta, khiến cho mọi người được trụ trong an lạc. Do vậy, trên thực tế, [trang nghiêm bằng vật phẩm cúng dường] chẳng phải là vì mọi người coi trọng một người hay không, mà là để biểu thị mọi người nhận biết pháp ấy có trọng yếu hay không.

“*Phật quốc thanh tịnh cố*” (Vì thanh tịnh cõi Phật): Chúng ta hành Ban Châu, thấy quốc độ trang nghiêm, mười phần như ý, hoặc là trong hiện tiền, hoặc là trong Định cảnh, hoặc trong mộng, hoặc lúc xả báo, chẳng khó! Đích xác là chẳng khó. Người nói tới cảnh giới rất nhiều, nhất là người niệm Phật; chớ nên vì cái tâm tăng thượng mạn mà kể lễ cảnh giới này nọ! Nếu do nương vào sức thanh tịnh mà được thấy [các cảnh giới ấy] thì hữu dụng. Đó là do sức thiện xảo và sức phước đức nhân duyên chín muồi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thanh tịnh giới hạnh, vĩnh diệt nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm cố?***

**(經)云何當得清淨戒行，永滅一切聲聞、辟支佛心故?**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được giới hạnh thanh tịnh, vĩnh viễn diệt hết thầy cái tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật?)***

“*Thanh tịnh giới hạnh*”: Đức Phật tán thán quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, quả trách tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật. Quả trách là để ngăn chặn. Chúng ta hành Ban Châu cũng nhằm ngăn trở cái tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật như thế, tán thán lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của quả đức. Trong giáo ngôn Đại Thừa, nếu [hành nhân đã chứng quả địa Thanh Văn, tức là] chứng Thật Tế Lý Địa, bị chư Phật quả trách chính là quả trách cái tâm [chấp trước an trụ trong quả địa ấy, chẳng phát nguyện rộng độ chúng sanh] như vậy, chứ chẳng phải là quả trách cái quả như thế. Vì quả Thanh Văn hay Bích Chi Phật thật sự là tự lợi viên mãn chẳng thể nghĩ bàn. Tuy đức Phật nói theo sự so sánh, thì

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

[các quả vị ấy] chẳng có thiện xảo lợi tha, nhưng đã tự lợi viên mãn. Chúng ta nhất định chẳng dám khinh rẻ, chê trách quả Thanh Văn, chỉ có thể chê trách tâm Thanh Văn. Nếu chính mình đã phát tâm Thanh Văn, sẽ phải quở trách. Vì sao? Tâm Thanh Văn hạn hẹp, đắm chìm trong tự lợi, sa vào chấp giữ Diệt Độ, sa vào chấp trước Thật Tế, đáng nên bị quở trách.

“*Vĩnh diệt Bích Chi Phật tâm*” (Vĩnh viễn diệt trừ cái tâm Bích Chi Phật): Trước kia, tôi đã đọc thấy Long Thọ Bồ Tát có nói: “*Thà đọa địa ngục một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, chẳng sanh một niệm tâm Thanh Văn*”, tôi cảm thấy rất khiếp sợ! May mắn là tôi chẳng phát tâm Thanh Văn. Thuở ấy, tôi thật sự nghĩ: Chính mình có thể chứng đôi chút lợi ích là đã tuyệt diệu lắm rồi, còn mong tưởng chi nữa? Do vậy, sanh cái tâm kém cỏi, vì lợi ích của chính mình, vì tránh né sanh tử mà cầu Niết Bàn. Thuở đó, [cái tâm hèn kém ấy] rất mạnh mẽ. Về sau, bị thiện tri thức quở trách, lại do xem các kinh điển, biết cái tâm đó thật sự là lợi ích hẹp hòi. Quả thật cảm kích tâm trí rộng lớn của Long Thọ Bồ Tát đã khích lệ tôi thành thực [cái tâm Đại Thừa]. Vì nếu quý vị thật sự có cái tâm Thanh Văn, Ngài sẽ khích lệ quý vị [dũng mãnh tiến cao hơn]. Nếu quý vị chẳng có cái tâm Thanh Văn, Ngài sẽ khiến cho quý vị thấy thấu suốt cái tâm Thanh Văn.

***(Kinh) Vân hà đương đắc trang nghiêm đại thệ, nhất thiết sở tác giai cứu cánh cố.***

**(經)云何當得莊嚴大誓，一切所作皆究竟故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được đại thệ trang nghiêm, hết thấy việc làm đều rốt ráo?)***

Chúng ta thường nói Thanh Văn Bồ Đề tâm, Bồ Tát Bồ Đề tâm, và Vô Thượng Bồ Đề tâm. “*Trang nghiêm đại thệ*” được nói ở đây chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì “*nhất thiết sở tác giai cứu cánh cố*” (hết thấy việc làm đều rốt ráo) cũng chính là huân tập Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng nhờ vào đến, đi, chẳng nhờ vào tu chứng, biểu đạt bằng cách nào? Vì thế nói “*quả địa giác, nhân địa tâm*”, có thể vận dụng thích đáng Vô Thượng Bồ Đề tâm. Do nương vào nguyện lực của chư Phật nơi quả địa, chúng ta có thể tùy thuận Vô Thượng Bồ Đề tâm, có thể thanh tịnh thành tựu, cho nên nói là “*trang nghiêm đại thệ*”. Thệ nguyện của chư Phật Như Lai không gì chẳng phải

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

là đại thệ nguyện, “*độ tận chúng sanh, phương thành Phật đạo*” (độ hết sạch chúng sanh thì mới thành Phật đạo), rộng lợi ích hữu tình, chân thật chẳng dối, như “*văn ngã danh hiệu, cầu lai ngã sát*” (nghe danh hiệu của ta, đều sanh về cõi ta). Đây đều là lời chân thật, lời thành thật. Nếu nói A Di Đà Phật phát nguyện là “*văn ngã danh hiệu, nhược lai ngã quốc, nhược bất lai ngã quốc*” (nghe danh hiệu của ta mà có thể sanh về cõi ta, hay chẳng sanh về cõi ta), ta sẽ chẳng tin tưởng. Đây chẳng phải là lời thành thật, chẳng phải là lời chân thật, chẳng phải là lời dứt bật đối đãi. Vì thế, đức Phật dùng lời chân thật để nhiếp thọ rộng khắp hữu tình.

***(Kinh) Vân hà đương đắc vi nhất thiết chúng sanh trung thượng thủ, dục hành chư thiện pháp cố?***

***(經)云何當得爲一切衆生中上首，欲行諸善法故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được là bậc thượng thủ trong hết thầy đại chúng vì muốn hành các thiện pháp?)***

Trong Phật giáo, “*thượng thủ giáo ngôn*” tức là lời dạy của bậc Bồ Tát trụ thế. Trong cơ chế của giáo ngôn ấy, thường là dùng các vị thị giả thân cận chư Phật Thế Tôn làm đại biểu cho thượng thủ của chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền làm thượng thủ trong đại chúng. Hoặc trong thế giới Cực Lạc, Quán Âm và Thế Chí làm thượng thủ của đại chúng. Dược Sư Như Lai thì có Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát làm thượng thủ của đại chúng. Bậc thượng thủ như thế hướng dẫn hữu tình tiến hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, phụ trợ đức Thế Tôn, tạo thành cơ chế giáo ngôn không khiếm khuyết, ban bố sự thanh tịnh rộng lớn. “*Chúng trung thượng thủ*” (Bậc thượng thủ trong đại chúng) là vì muốn hành các thiện pháp. “*Thiện*” ở đây chẳng phải là điều thiện tương đối trong thế gian, mà bao hàm điều thiện do đối ứng với ác trong thế gian, khiến cho hết thầy chúng sanh tán nhập, hoàn thiện rốt ráo A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do vậy, nói hai thiện pháp xuất thế gian và thế gian cùng lúc trọn đủ, làm bậc thượng thủ dẫn dắt, mong thực hiện. Muốn hành cái pháp ấy, bậc Bồ Tát làm thượng thủ của đại chúng dùng bi, hoặc dùng trí, hoặc dùng oai đức, hoặc dùng thệ nguyện để lập các thứ thiết chế, khiến cho hết thầy kẻ hữu duyên do thiết chế thanh tịnh ấy bèn được hướng dẫn tăng thượng sự thành tựu.



*(Kinh) Vân hà đưong đắc vô hữu bì quyện, vị dục giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học chư Ba La Mật cố?*

**(經)云何當得無有疲倦，爲欲教授一切菩薩所學諸波羅蜜故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng mệt mỏi vì muốn dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy Bồ Tát đã học?)*

Vì thành tựu Ban Châu tam-muội sẽ gồm thâu hết thầy các chuyện thuộc Bát Địa, đối với vô công dụng, sẽ đạt được thiện xảo rộng lớn, chọn lựa tâm trí của hết thầy Bồ Tát, không sợ hãi gì. Do đó, chẳng chán ngán, mệt mỏi đối với pháp. Chúng ta có thể thấy sự sai biệt trong tạo tác nghiệp giữa phàm và thánh: Phàm phu hữu tình vì tâm lượng hữu hạn, rất dễ dàng mệt mỏi, chán ngán. Thoạt đầu thì nảy sanh cảm giác hiếu kỳ, mới mẻ, hấp dẫn, bị lôi cuốn, sẽ tiến nhập pháp tắc. Nhưng thường là đã quen thuộc rồi, sẽ nảy sanh cảm giác mỏi mệt, chán chường, buông bỏ, chán lia. Các vị Bồ Tát dùng đủ mọi thiện xảo để lợi ích thế gian trọn khắp, do mong mỏi nhiếp hóa nên chẳng có mệt chán. Cho nên nói “*chúng sanh vô tận, phiền não vô tận*”, tạo tác các nghiệp để ban bố lợi ích cho hữu tình trong thế gian, dạy bảo các hữu tình trong thế gian chẳng hề chán mệt. Tâm trí như thế, tác dụng như thế, hành pháp như thế, lợi ích thế gian như thế, công đức chân thật ấy chẳng phải là nói suông, mà thật sự là hành vi chân thật, tương ứng với cái tâm.

“*Dục giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học chư Ba La Mật*” (Muốn dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy các Bồ Tát đã học): Tại đất Hán, chúng ta thường nói tới Thập Ba La Mật<sup>31</sup>, Nam truyền Phật giáo có ba mươi môn Ba La Mật. Vô lượng vô biên Ba La Mật đều thuộc vào môn trí huệ thiện xảo, có thể tiếp độ chúng sanh thành tựu tâm trí Vô Thượng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tại đất Hán, chúng ta phần nhiều dùng Ba La Mật môn làm thiện xảo để nhiếp hóa chúng sanh, trong hết thầy mọi lúc, hết thầy mọi nơi, đều như huyền quán sát, như huyền liễu tri, như huyền đích thân chứng đắc. Ví như làm việc trong mộng chẳng vướng mắc, thiết lập phương tiện, do chẳng có được mắt, cho nên khéo léo cân nhắc, thủ hộ tự tâm. Đó là đại oai đức thiện xảo tự nhiên chiêu cảm thành thực, cho nên “*giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học*

<sup>31</sup> Thập Ba La Mật là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực và Trí.

chư Ba La Mật” (dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy các Bồ Tát đã học) chẳng hề chán mệt.

Trong hai pháp mê và chán của hữu tình, hai pháp giải đãi và buông lung, hai pháp hôn trầm và vô ký là tùy phiền não, tất nhiên chúng sẽ tiếp tục chín muồi. Tuy xa lìa tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, nhưng vì chán mê, hôn trầm, vô ký, vô lực, cho nên [hành giả] chẳng đắc lực nơi các tam-muội, chẳng thể thủ hộ thanh tịnh, do tác dụng trí huệ thần thông thiện xảo rộng lớn chẳng thể trọn đủ, đã tiến nhập thì sẽ phần nhiều sanh chán mê. Đó là chuyện chẳng ngờ chi nữa! Mang thân phận phàm phu hữu tình, chúng ta đều nhận biết và quan sát sâu đậm chuyện này!

**(Kinh) Vân hà đương đắc bất thoái chuyển, đa cầu nhất thiết Phật pháp cố?**

**(經)云何當得不退轉，多求一切佛法故？**

**(Kinh: Như thế nào thì sẽ được bất thoái chuyển, cầu nhiều hết thầy Phật pháp?)**

Bất luận chúng ta đã tiếp xúc rất nhiều tài liệu về Ban Châu cũng thế, hoặc trong các cách nói theo sự truyền thừa trong lịch sử cũng thế, hoặc người cận đại quan sát thực tiễn cũng thế. Nói chung, nội hàm được thâm nhiếp trong hành pháp Ban Châu là “*bất thoái ngay trong một đời*”, cũng có nghĩa là công đức của bậc Bát Địa Bồ Tát. Do các địa vị thấp hơn Bát Địa Bồ Tát vẫn còn có khả năng bị thoái chuyển. Nói theo giáo ngôn Tịnh Độ là pháp môn tu nơi quả địa, nếu hết thầy chúng sanh duyên theo pháp này, trong một đời, chắc chắn đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề! Đối với chuyện này, đức Thế Tôn đã từng chuyên biệt thọ ký, thọ ký rộng khắp, thọ ký đúng như thật. Đối với hết thầy các vị Bồ Tát có thể thật sự liễu giải, tiếp xúc, tu tập, thủ hộ pháp môn Tịnh Độ, sự thọ ký ấy là thọ ký như thật. Nếu là [cái nhân] như thế, ắt sẽ đắc cái quả như thế, nguyện như thế, thành tựu như thế!

“*Vân hà đương đắc bất thoái chuyển*” (Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng thoái chuyển) ư? Nếu chúng ta nương vào tự lực để kiên trì mà hành trì, thì từ ngữ “*bất thoái chuyển*” sẽ rất khó tuyên nói, càng chẳng cần nói tới sự thành tựu nơi pháp ích. Nhưng nếu dựa theo sức phước đức thù thắng của Phật, khi hiện duyên chín muồi, sẽ thấy chư Phật, Bồ Tát, cho tới được chư Phật đích thân đến dạy bảo. Như thế thì “*bất thoái chuyển ngay trong một đời*” chẳng phải là chuyện khó! Vì cơ

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

duyên và pháp chẳng đồng nhất, giáo pháp bèn thiết lập Quyền và Thật. Do vậy, trong pháp Vô Thượng Thừa, căn cơ to lớn, tác dụng to lớn, thành tựu ngay trong một đời, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! “*Đa cầu nhất thiết Phật pháp cố*” (Vì cầu nhiều hết thầy Phật pháp): Ở đây, trong việc thủ hộ tông tướng của pháp môn, tức là trong giáo ngôn về quả địa, đã bao hàm, dung nạp hết thầy các pháp, ngầm hộ trì hết thầy các pháp, duyên theo, thành tựu hết thầy các pháp. Đó là vạn đức trọn đủ.

***(Kinh) Vân hà đương đắc bất khả hoại, bất vị nhất thiết ngoại đạo, tà sư sở phá cố?***

**(經)云何當得不可壞，不為一切外道，邪師所破故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng thể hoại, chẳng bị hết thầy ngoại đạo và tà sư phá hoại?)***

Nói theo hành pháp Ban Châu, tất cả các cầu nguyện và hành pháp của chúng ta, chỉ có Phật và Phật là có thể biết, chỉ có Phật và Phật là có thể thấy. Chỉ dựa vào thấy Phật làm phương tiện tăng thượng, vứt bỏ hết thầy các tạp duyên, cho nên hết thầy ngoại đạo, tà sư chẳng thể đụng chạm, chẳng thể hủy hoại được! Vì có sao? Do chẳng có cái duyên ấy! Khi chúng ta tu pháp Ban Châu, lập một niệm, đoạn các tướng, niệm một phương, do nguyện lực và công đức thù thắng của A Di Đà Phật gia trì, do sức thần thông gia trì, do sức nguyện lực nhiếp hóa, khiến cho sức công đức sẵn có của chúng sanh được thành tựu, được đích thân chúng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền, nghe giáo pháp thù thắng, chọn lựa giáo huấn tối thượng của chư Phật Như Lai, quán tự tánh của các pháp “chẳng đến, chẳng đi”, đích thân chúng tự tánh chân thật, xa lìa hết thầy sự quần quanh trong sanh tử và nghi lự đắm nhiễm!

“*Tà sư*” là kẻ chẳng nói giáo pháp rốt ráo, chẳng rộng ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, chẳng thể khiến cho hữu tình đạt được bất thoái chuyển ngay trong một đời. Trong các pháp đối đãi, phần nhiều thuộc về tà sư. Nói là “*tà*” tức là chẳng thể khiến cho chúng sanh nhập chánh tri, chánh kiến, chánh nghiệp, chánh mạng, thành tựu chánh trí, chánh định, cho đến rốt ráo thành tựu Bồ Đề. Thậm chí rơi vào sự tướng, quần quanh nơi nhân địa. Trong kiếp giảm, các hữu tình phần nhiều chẳng thể sanh vui thích nơi pháp, chẳng thể sanh lòng tin đối với pháp, cho nên phần nhiều bị tri kiến bất chánh xúi giục, sai khiến, rơi vào tà lưu ác kiến, trầm luân trong thế gian, chẳng thể tự thoát ra được, nhưng

công đức của hành pháp Ban Châu tam-muội tuyệt đối chẳng thể phá hoại, dẫu ngoại đạo lẫn tà sư cũng đều chẳng thể phá được!

*(Kinh) Vân hà đương đắc thâm tín nhất thiết chư Phật, bất xả thủ niệm, thường kiến chư Phật cố?*

**(經)云何當得深信一切諸佛，不捨此念常見諸佛故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ tin sâu hết thấy chư Phật, chẳng bỏ niệm ấy, thường thấy chư Phật?)*

Tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập được gọi là tu trì Định Ý tam-muội, tức là thủ hộ và tiếp nối ý niệm “*định ý*” do sự gia trì và thuận thực của Phật lực, Phật nguyện, sức thần thông, sức công đức, mà có thể chẳng bỏ thân hạnh này, được thấy chư Phật. Tu hành pháp Ban Châu mà nếu chẳng bỏ tạp duyên, tức là tri kiến của ngoại đạo, tri kiến của tà sư, hoặc các thứ tri kiến chẳng như thật, sẽ bị các thứ tri kiến và các thứ tư tưởng nhiễu loạn, như thế thì Định Ý tam-muội sẽ khó thể thành tựu được!

Mấy năm qua, rất nhiều người tu tập hành pháp Ban Châu hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bảy ngày, hoặc thời gian lâu hơn, đối với chuyện này đều có quan sát, nhưng người có thể giữ nhất quán Định Ý tam-muội từ đầu đến cuối rất ít. Thậm chí người có thể nhất quán trong một ngày một đêm rất hiếm hoi, tột bậc hiếm hoi! Có người thiện căn đã chín muồi, có thể nhất quán trong một ngày một đêm như thế, thân tâm biến hóa khó thể diễn tả, thí dụ được, phước đức và nhân duyên chín muồi khó thể diễn đạt được! Nếu trong một ngày một đêm giữ được định ý nhất quán từ đầu đến cuối, người ấy chẳng thể nghĩ bàn, được mười phương chư Phật thủ hộ, tán thán, hứa khả, được hết thấy Bồ Tát yêu mến, tôn trọng, cúng dường. Thật đấy, chẳng giả! Trong pháp tắc này, chúng ta hãy nên như thật quan sát tâm trí của chính mình, trọn chớ nên có cái tâm viển có che đậy, hư ngụy, dối lừa. Nếu thật sự trong một ngày một đêm chẳng đánh mất niệm, chẳng đánh mất chánh niệm, không có ý niệm sai lầm, hành trì pháp tắc như thế, sẽ sanh ra tâm trí thiện xảo cực lớn, khó thể thí dụ và diễn nói được.

Do Định Ý tam-muội thì có thấy Phật hay không? Nếu là “*tin sâu hết thấy chư Phật, chẳng bỏ niệm này*”, tức là chúng ta là người thật sự tin Phật, nhất quán từ đầu đến cuối, giữ gìn định ý, đoạn trừ các tướng, nhưng do niệm một phương, do được gia trì bởi nguyện lực, sức thần

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thông, súc vô ngại của Phật và do công đức vốn có của chúng ta chín muồi, sẽ nhất định có thể thấy Phật, nghe lời dạy thù thắng của chư Phật, giải trừ hết thảy nghi ngờ lo lắng, giải trừ những thứ phòng ngự và gánh nặng trầm trọng. Đó gọi là thật sự đặc đại tự tại, đích thân chứng quang minh nơi tự tánh, hiểu tách bạch bản chất của tự tánh, lìa hết thảy che đậy, lấp liếm, tỏ lộ diện mục chân thật, nhập Thật Tế Lý Địa, an trụ trong pháp tắc chân thật.

Đối với điều này, chúng ta hãy nên quan sát; hiện thời, pháp tắc này được tu tập rất rộng, rất phổ cập trong nước. “*Phổ cập*” ở đây chẳng thể nói là phổ cập như các hành pháp niệm Phật đơn giản khác, nhưng người hành trì cũng đông, đã được hữu tình tiếp nhận trong thực tế. Thoạt đầu, mọi người không chấp nhận hành trì pháp Ban Châu, nhiều kẻ phỉ báng, nghi ngờ, hủy báng; nhưng qua sự tu tập và quan sát của mọi người trong mấy năm qua, nhất là do nương theo giáo pháp, nương theo kinh điển để tu tập đúng như thật, đã dần dần có thể quan sát thấy: Căn tánh của hữu tình trong hiện thời là kém cỏi; điều xuyên suốt từ đầu đến cuối là thiện xảo chẳng thể thành thực. Do vậy, không ngừng tu tập pháp này. Như các vị cư sĩ thường trụ tại Hằng Dương Am đã hành trì liên tục pháp tắc này hơn một năm qua, một ngày một đêm, hoặc một ngày hai đêm, hoặc thời gian dài hơn đôi chút, nhưng có thể trong một ngày một đêm “*lập một niệm, đoạn các tướng*” nhất quán từ đầu đến cuối, chẳng thất niệm, chẳng đánh mất ý niệm, người thủ hộ thanh tịnh như thế có được mấy người? Đối với điều này, những người tu tập ai nấy tự có thiện căn chín muồi, tự vận dụng, tự được chư Phật Như Lai thủ hộ.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như phụ tướng, thiệu long nhất thiết Phật pháp cố?***

**(經)云何當得如父想，紹隆一切佛法故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ tướng như cha, để tiếp nối hưng thịnh hết thảy Phật pháp?)***

“*Phụ*” (Cha) có nghĩa là “người thúc đẩy sanh khởi hết thảy công đức”. Vì thế, trong trước tác của Long Thọ Bồ Tát, Ngài đã tán thán hành pháp Ban Châu là “*cha của hết thảy chư Phật*”, Bát Nhã là mẹ của hết thảy chư Phật. Hành pháp Ban Châu là cha của hết thảy chư Phật, vì có thể thúc đẩy sanh khởi công đức “*nhập thế gian, rộng độ hết thảy*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*hữu tình*” của hết thầy chư Phật. Bát Nhã là mẹ ấp ủ, nuôi nấng hết thầy công đức, dưỡng dục pháp tắc của hết thầy chư Phật, chứa đựng thế gian rộng khắp.

“*Thiệu long nhất thiết hành pháp*” (Tiếp nối hưng thịnh hết thầy các hành pháp): Hành pháp Ban Châu thật sự trọn đủ oai đức này, trọn đủ thiện xảo này, trọn đủ nội hàm chân thật này. Nếu có người thành tựu biết, nếu người thiện xảo biết, nếu người tu tập như thật biết, nếu là người chọn lựa như thế thì sẽ quyết định thủ hộ, thủ hộ không ngờ vực. Vì hữu tình trong thời đại này mê hoặc, lẫn lộn trong sự cảm nhận dựa trên tri kiến của chính mình. Từ trong ngoại duyên hư vọng, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ mà họ đã cảm nhận, họ chẳng thể chọn lựa một pháp tắc, chẳng thể tu tập thanh tịnh, chẳng thể bỏ lìa hết thầy tạp duyên để tu tập một pháp tắc, cho nên cơ hội thành thực thiện căn như thế lại càng ít ỏi. Do vậy, chúng tôi không ngừng dựa theo pháp tắc để cổ vũ, khích lệ, khuyến hóa, hướng dẫn, tăng thượng, xúc tiến thành lập một cơ chế ngoại vi, nhưng cơ chế nội tại thì vẫn đích xác là mỗi hữu tình cần phải phát tâm.

***(Kinh) Vân hà đương đắc Phật lực gia trì, u nhất thiết Phật pháp quang minh trung sanh cố?***

**(經)云何當得佛力加持，於一切佛法光明中生故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được Phật lực gia trì để sanh trong hết thầy quang minh của Phật pháp?)*

Đây là một cơ chế riêng biệt của hành pháp Ban Châu. Trong giáo ngôn về quả địa của pháp môn niệm Phật, nương theo nguyện lực của Phật để trực tiếp tiến nhập quang minh tạng, thanh tịnh bình đẳng, hết thầy chúng sanh đều được vãng sanh trong tâm trí quang minh bình đẳng, đạt được sự thủ hộ thanh tịnh. Do duyên khởi niệm Phật, cho nên hễ khởi lên, đều là quang minh. Quang minh bình đẳng, chẳng hề vương mắc, đều được vãng sanh, chẳng có đối đãi. Chọn lựa mười hai thứ quang minh [của A Di Đà Phật], tức là Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đối Quang, Diễm Vương Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Huệ Quang, Bát Đoạn Quang, Nan Tư Quang, Vô Xung Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang. Dùng hết thầy các loại quang minh chẳng thể diễn nói chiếu rạng thế gian để tiêu trừ hết thầy tình chấp đối đãi, tình chấp thánh phàm. Hành pháp Ban Châu cũng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

giống như thế, do được Phật lực chẳng thể nghĩ bàn gia trì, tức là do được Phật quả đức lực gia trì, sẽ diệt trừ tâm trí sai biệt của hết thảy chúng sanh, nhập quang minh tạng bình đẳng, quang minh tạng chẳng thể nghĩ bàn, miến trừ hết thảy quang minh tạng đối đãi. Ở trong quang minh tạng như thế, có thể thúc đẩy sanh khởi hết thảy công đức, tức là các thứ trang nghiêm quốc độ, các thứ trang nghiêm cho bậc đương cơ trong hiện tại, cho nên nói là “*ban bố cho chúng sanh lợi ích tối thượng thừa*”, khiến cho hết thảy các chúng sanh đều bình đẳng giác ngộ.

Hành pháp Ban Châu đích xác là chẳng thể nghĩ bàn như thế. Khi ám cảnh hiện tiền, đúng là dịp bố thí sự thủ hộ bình đẳng. Trong hành pháp Ban Châu, đa số hữu tình chẳng thể tự thoát khỏi ám cảnh, cũng có nghĩa là đọa lạc, trầm luân trong sự tướng, chẳng thể giác ngộ. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi đã biết rất nhiều người tu hành, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày trong khi thực hành pháp này, có nhiều ám cảnh, nhiều người bị ám cảnh vây hãm, chiết phục, lôi kéo, khống chế, chẳng thể tự thoát ra được, bèn chấp giữ ám cảnh. Vì có sao? Do chưa thoát khỏi mộng, chưa thoát khỏi tri kiến và giác thọ của chính mình, chưa cậy nhờ trí bình đẳng, trí quang minh, trí vô ngại, và sự gia trì và hồi thí thanh tịnh viên mãn của đức Phật, chỉ dựa trên sự cảm nhận về sự tướng của chính mình, tức là do trần nhiễm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh ra giác, thọ, tưởng, hành, thức, quán quanh mơ màng trong ám cảnh, nhận biết sai lầm tâm trí của chính mình, nhận biết sai lầm pháp tắc, chẳng có sức để nhất quán từ đầu đến cuối đối với “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, chẳng niệm, chẳng chấp, không vướng, không mắc, trực tiếp chọn lựa thấy Phật, cho nên phần nhiều rơi vào ám cảnh, chẳng đạt được quang minh. Vì nếu thật sự được Phật lực gia trì, sẽ có thể khiến cho hết thảy ngăn chướng nơi hết thảy ám cảnh bị tiêu trừ.

Các vị thiện tri thức! Nếu dùng tâm trí chẳng đối đãi làm bước khởi đầu để tu tập hành pháp này, tức là thủ hộ Định Ý tam-muội, nương theo tâm trí nơi vô ngại quả đức của Phật, tâm trí Vô Thượng Bồ Đề, tâm trí chẳng mong mỏi, chỉ cầu thấy Phật, lập một niệm ấy, tất nhiên sẽ tiến nhập quang minh tạng. Ở trong biển quang minh tạng ấy mà gột rửa vô minh, hắc ám, trần cấu vốn là những thứ chẳng thể đạt được, hòng được thấy chư Phật Như Lai. Hãy nên biết Phật lực! Hãy nên niệm phương ấy (phương vị của đức Phật được chọn làm bản tôn trong hành pháp Ban Châu)! Hãy nên biết nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của Phật! Sự hồi thí nơi quả địa của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Nhân duyên giáo hóa

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

rất sâu của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây, giải thích mười phần rõ ràng. “*Tại Phật pháp quang minh trung sanh*” (Sinh trong quang minh của Phật pháp), thúc đẩy sanh khởi các công đức. Nhưng phàm phu hữu tình phần nhiều tăng ích đạo đức và thiện căn nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp qua sự cảm nhận của chính mình, cho nên đâm ra phần nhiều chẳng tương ứng khít khao với pháp tắc này, chẳng có duyên tương ứng. Quả thật hãy nên nhờ vào sự gia trì của Phật lực, từ trong quang minh của Phật mà xúc tiến sanh khởi Pháp Thân huệ mạng và các thứ thiện xảo của chính mình. Phải mười phần chú ý điều này!

Do thứ tự đặt câu hỏi ở đây là “*đương như phụ tướng*” (hãy nên nghĩ như cha), tức là tiếp tục thúc đẩy công đức sanh khởi. “*Phật pháp quang minh*” cũng là hiển thị “*trí Bát Nhã là mẹ của công đức, là mẹ của chư Phật*”. Đừng coi thường những lời này! Nếu quý vị nhận biết đúng mực, sẽ biết chọn lựa chân thật trong hết thảy các nghiệp duyên như huyền, sẽ trụ trong phương tiện thiện xảo rộng lớn. Nếu chúng ta thật sự nhận biết hết thảy các pháp hữu vi như mộng, như huyền, ở trong huyền duyên, trong mộng duyên, chúng ta sẽ làm gì? Ai nấy đều có thể chọn lựa; trong cái nhân duyên mộng huyền hiện thời, chọn lựa cái tâm, nghiệp, và duyên của chính mình như thế nào? Chúng ta còn cần tô son, trát phấn, cần trang điểm chi nữa? Còn cần những thứ hư giả, chúng gì, thành tựu gì nữa ư? Như thế thì chúng ta sẽ thật sự đối diện tâm địa của chính mình để chọn lựa, an bài sanh mạng và khát vọng của chính mình.

***(Kinh) Vân hà đương đắc vô chướng ngại, nhất thiết Phật pháp tất hiện tại tiền cố?***

**(經)云何當得無障礙，一切佛法悉現在前故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng chướng ngại, hết thảy Phật pháp đều hiện ra trước?)***

“*Đương đắc vô ngại*” (Sẽ được vô ngại): Trong quá trình học tập Phật pháp, sẽ có những gì chướng ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài được hay mất. Thứ gì sẽ chướng ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài thánh hay phàm. Điều gì có thể trở ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài hết thảy đôi đũa lấy hay bỏ. Ngã Chấp, Ngã Kiến chướng ngại hữu tình. Có nghĩa là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng khiến cho chúng sanh mê mất tự tâm, do mỗi thứ chướng pháp ấy mà chẳng đạt được thiện xảo, chẳng đắc lực. Như thế thì pháp của chư Phật chẳng thể hiện tiền!



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Nhưng hành Ban Châu chính là tu ngay trong mỗi niệm hiện tại, tu ngay trong mỗi niệm hiện tiền, tức là khi các chuyện, các nhân, các duyên hiện tiền, sẽ nương vào sức vô ngại, nương vào sức báo đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật để quan sát, cũng tức là nương theo tự tánh vô nhiễm, tự tánh không chấp trước, sức vô tự tánh [mà chính mình] vốn sẵn có để quan sát ngay trong mỗi niệm, cho đến nương vào sức công đức của danh hiệu Phật để nhanh chóng thành tựu quang minh của tự tánh, chiếu rõ, nhận biết hết thấy các pháp vốn đã trọn đủ, hết thấy các pháp vốn sẵn trang nghiêm, hết thấy chư Phật vốn sẵn an lập, hết thấy sự trang nghiêm trong biển pháp giới thanh tịnh an lập vốn chẳng rời lìa trong khoảng sát-na, thành tựu vô lượng pháp tác thiện xảo!

***(Kinh) Vân hà đương đắc như huyễn nhân, ư nhất thiết pháp vô tư niệm cố?***

**(經)云何當得如幻人，於一切法無思念故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như kẻ huyễn hóa, trong hết thấy các pháp, chẳng suy nghĩ?)***

Tại Ấn Độ, có các huyễn sư có thể dùng các thủ đoạn như chú thuật, phù lục (bùa phép) v.v... khiến cho các chúng sanh tiến nhập huyễn cảnh, sanh ra đủ loại mừng sợ, [trông thấy] đủ loại trang nghiêm. Hiện thời, chúng ta là huyễn nhân, hay là người như thật? Nếu hiểu rõ “*pháp chẳng có tự tánh*”, có nhân duyên của hữu tình nào chẳng phải là nhân duyên nhất thời hòa hợp biến hiện? Có thực chất gì vậy? Quý vị từ vô thủy đến nay, thiện ác, lớn nhỏ, đúng sai, có thứ gì để có thể đạt được? Đều là các thứ nhân duyên tụ hợp, quả thật chẳng sanh, mà cũng chẳng hiện, chỉ là do cưỡng chấp duy trì, sẽ nảy sanh các thứ lực và tác dụng. Lực và dụng ấy không gì chẳng phải là tác dụng của pháp tánh, nhưng khi mê mất, chấp trước, sẽ nảy sanh tướng nghiệp lưu hư vọng. Nếu từ trong hết thấy được, mất, chúng ta thấy thấu suốt bản chất của chúng, há còn đắm nhiễm nơi được, mất ư? Vì thế, huyễn nhân chẳng cầu được, mất, chẳng sợ được, mất; có ai chẳng phải là huyễn nhân? Có gì là biết như thật? Chúng ta tu hành pháp Ban Châu, nhất định sẽ có sự quan sát như thế.

Có các vị xuất gia và cư sĩ tu hành pháp Ban Châu, sanh ra cảm nhận được gọi là “*hư huyễn*”. Nếu trong tình huống thông thường, sẽ bị tổn thương rất lớn; nhưng khi hành trì Ban Châu, nó chẳng gây tổn giảm

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

cho người ấy. Hễ khôi phục thái độ bình thường thì chẳng sao cả! Tôi nhớ khi mọi người hành trì pháp này ở vùng Đông Bắc<sup>32</sup>, do nhân duyên khác, tôi bèn rút lui, muốn đến Bản Nạp (Sipsong Panna)<sup>33</sup>. Khi ở trạm xe và phi trường, cảm thấy rất yếu ớt, chẳng phải là không biết rõ, nhưng chẳng có cách nào dùng ý niệm để điều khiển nhân duyên của chính mình, vì bất cứ tâm niệm nào cũng đều chẳng đắc lực. Khi đó, nếu nói là bị thất niệm thì quả thật chẳng thất niệm, chỉ là chẳng thể dùng sức. Thông thường, sau khi hành Ban Châu ba ngày, tư duy muốn dùng sức sẽ rất khó. Thật sự tu tập, sẽ rất khó thể dùng những cái gọi là “ý nghĩ, ý niệm” của chính mình. Ý nghĩ và ý niệm đều là hư vọng tạo tác, cơ bản là đã tiến nhập một trạng thái nghỉ ngơi đặc biệt; đó là một hiện tượng khá phổ biến. Đương nhiên là nếu “*niệm trong một kỳ hạn, niệm một phương*”, chẳng mê muội cái tâm đã phát ban đầu của chính mình, nhất quán từ đầu đến cuối, người như vậy nếu có thể hành một ngày, hai ngày, ba ngày, nhân duyên ấy cũng khó thể diễn tả, chỉ có hành giả biết, theo đúng pháp mà ẩn khế.

Giữa nhiều người tu tập như vậy, vì sao có người tương ứng, có người chẳng tương ứng, kết quả sai lệch bất đồng? Đó là do nguyện vọng và tâm trí của mỗi cá nhân [khác biệt]. Rất nhiều người hành pháp trong khi kinh hành, cũng như trong quá trình kinh hành, phần nhiều nảy sanh tâm lý muốn nghỉ ngơi, tránh né, chẳng muốn đi nữa, hoặc là cuồng vọng, tự đại, cho nên tinh thần sa sút, chẳng mong hành trì nữa, bèn hôn trầm, nghỉ ngơi. Loại người ấy là kẻ tránh né, chẳng thể tương ứng với pháp, mà kẻ tâm trí cuồng vọng, hợm mình, sôi nổi cực độ giống như mắc chứng cuồng tưởng cũng chẳng thể tương ứng. Do vậy, nếu tri kiến có thể đúng như thật nhất quán từ đầu đến cuối, liền gặp Phật, nghe pháp, tin sâu Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tin sâu công đức gột rửa của danh hiệu Phật thanh tịnh và quang minh thanh tịnh, người ấy sẽ có thể trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bảy ngày đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Có lợi ích như vậy hay không? Thật sự là người tu tập thì sẽ biết. Nội hàm thực chất của hành pháp Ban Châu thật sự chẳng thể nghĩ

---

<sup>32</sup> Đây là chuyện trong tháng Giêng năm 2003, tại chùa Bảo An thuộc Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh. Từ cuối năm 2002, pháp sư Từ Pháp bắt đầu vì các vị cư sĩ các nơi thỉnh cầu mà mở năm lần khóa tu Ban Châu bảy ngày tám đêm (chú thích của người ghi lại lời giảng).

<sup>33</sup> Đây là khu tự trị của người Dai (Thái) tại tỉnh Vân Nam, giáp ranh biên giới Lào và Miến Điện, có thủ phủ là thành phố Cảnh Hoàng. Tên gọi Sipsong Panna (còn viết là Sibsongbanna) trong tiếng Thái có nghĩa là “*một vạn hai ngàn thửa ruộng*”.

bàn! Có người nói: “Chúng ta chẳng sanh ra lợi ích trong hiện thời, vậy thì lợi ích trong vị lai rốt cuộc là như thế nào?” Lợi ích của hành pháp Ban Châu trong vị lai đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng thể dùng lợi ích để dụ dỗ hữu tình, nhưng trong hơn một trăm hai mươi hai câu hỏi được đặt ra ở đây, quả thật [đã diễn tả] nội dung thực chất của lợi ích do hành trì Ban Châu. Nội dung ấy chính là lời thành thật, lời chân thật của đức Phật ban bố cho chúng sanh.

*(Kinh) Vân hà đương đắc như hóa giả, quán nhất thiết pháp vô sanh diệt cố?*

**(經)云何當得如化者，觀一切法無生滅故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được như hóa, quán hết thấy các pháp chẳng sanh diệt?)*

Trong hành trì Ban Châu, có thể là có các hữu tình hành pháp đối với cảm giác “như hóa” đã có sự nhận biết sâu sắc. “*Quán nhất thiết pháp vô sanh diệt cố*” (Vì quán hết thấy các pháp chẳng sanh diệt): Pháp vốn chẳng sanh diệt, nhưng nương vào các thứ hiện duyên và các thứ nhân duyên tiếp nối mà hiện lộ rành rành các thứ vật chất như huyễn, cho nên là “không, vô sở hữu”. Các loại hữu tình trong các loại pháp giới cho rằng pháp giới là có thật, nhưng thật ra, chẳng có pháp nào để có thể đạt được! Trong pháp chẳng thể được, chúng sanh vẫn tiếp tục duy trì các thứ cảm nhận, các thứ tri kiến, các thứ sanh mạng, và các thứ thiện ác của chính mình, sáng lập Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, cho tới mười pháp giới. Mỗi giới đều phô bày công đức, đều hiện lộ tác dụng của pháp tánh. Vì thế, đức Phật nói “*pháp giới duy tâm*”, thật sự chẳng sanh diệt, nhưng do nương theo tâm trí tạo tác, tâm trí mạnh động, tâm trí nhân duyên mà liên tục xuất hiện các chọn lựa và các thứ tác dụng.

Hết thấy các pháp thật sự chẳng sanh diệt. Trong khi hành trì Ban Châu, chúng ta có thể quan sát rõ ràng: Khi lập một niệm, các thứ âm cảnh, các thứ cảm giác, đau, ngứa, ấm cảnh, cho đến cảnh quang minh, cho đến cảnh thấy Phật, cảnh hỏi pháp cũng đều là chẳng thể được, cũng là chẳng có sanh diệt, nhưng do tâm trí trôi buộc, nguyện lực nêu bày, hành pháp sẽ hiện hiện tương ứng. Sự hiện hiện ấy như huyễn, như hóa, chẳng có thực chất. Hành giả sẽ đạt được diệu dụng, còn người nhiễm đắc sẽ trầm trọng, sẽ vương mắc hệ lụy.

*(Kinh) Vân hà đương đắc như mộng, quán sát tam thế vô lai khứ cố?*

**(經)云何當得如夢，觀察三世無來去故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như mộng, quán sát ba đời chẳng đến, đi?)*

Đối với loại cảm nhận này, có lẽ rất nhiều người đã tu hành pháp này, đọc tới đây, sẽ cảm thấy rất thân thiết. Thông thường, đối với người đã hành [Ban Châu] từ bảy ngày trở lên, đối với hết thấy hiện duyên và hiện cảnh, phần nhiều chẳng sanh sợ hãi. Tôi đã thấy khá nhiều người tu hành pháp này từ bảy ngày trở lên, nếu chẳng mê mất trong ám cảnh của chính mình, có thể dựa theo giáo lý để thanh tịnh quán sát cận kề, đối với những ngôn từ như “ba đời như mộng”, “ba đời như huyễn”, “tam thế nhất niệm”, “ba đời bình đẳng”, đều có thể cảm nhận. Thoạt đầu, trong khi tu hành pháp này, nhất là ở vùng Đông Bắc, có rất nhiều người hành Ban Châu, sau khi xuất quan đều nói: “Cảnh giới ấy tôi đã sớm từng thấy. Rất lâu trước kia, tôi đều đã biết quang cảnh ấy, đều đã thể nghiệm tinh thần ấy” v.v... Quả thật là nhất niệm chuyển dùng lẫn nhau!

“Ba đời” là do chúng sanh hư vọng tự ấn định, trọn chẳng phải là như thật. Vì vậy, người có trí huệ, do có Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lưu Tận Minh, sẽ có thể chuyển đổi giữa ba đời, hoán chuyển diệp dụng, nương vào lúc sức công đức thành tựu để chuyển hoán tới lúc túc duyên của chính mình chưa thành tựu, hồng lợi ích các hữu tình trong thế gian thuở chưa thành tựu, khiến cho họ được an lạc. Hoặc trước hết tiến nhập công đức thành Phật hồng bố thí cho thế gian đang trầm luân, khiến cho những kẻ trầm luân trong hiện duyên của đời quá khứ nơi thế gian đều được độ thoát. Ba đời dùng lẫn cho nhau, vốn chẳng có chướng ngại. Trong sự tu chứng của Phật pháp, nếu đối với cái gọi là Bản Tôn<sup>34</sup> Quán, hoặc Bản Tôn Thí Giáo mà đích thân chứng đắc

---

<sup>34</sup> Bản Tôn (Iṣṭa-devatā) tức là vị Phật, Bồ Tát, hay các vị thánh nhân chánh yếu trong một pháp môn nào đó. Chẳng hạn đối với người tu Tịnh Độ thì A Di Đà Phật là Bản Tôn, người tu Đâu Suất Tịnh Độ thì Di Lặc Bồ Tát là Bản Tôn, đối với người trì chú Đại Bi thì Quán Thế Âm Bồ Tát là Bản Tôn, người tu chú Chuẩn Đề thì Chuẩn Đề Bồ Tát là Bản Tôn. Nhưng trong truyền thống Phật giáo Nhật Bản thì Bản Tôn còn có nghĩa là bức tượng hay tranh vẽ của vị Phật hay Bồ Tát được thờ chánh yếu trong một ngôi chùa. Khái niệm này được mở rộng thành Gohonzon (ngự bản tôn) để

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

giáo nghĩa, sẽ có thể nương theo tâm trí của Bản Tôn, giáo ngôn của Bản Tôn, và pháp tắc của Bản Tôn để lợi ích trời, người rộng lớn, nhưng Bản Tôn thật sự chẳng có lúc trước hay lúc sau. Do vậy, “*tam thế vô lai khứ*” (ba đời chẳng đến đi), đến hay đi là do chúng sanh sử dụng, cũng như để cho bậc thiện xảo sử dụng. Bậc thiện xảo vào trong ba đời, “*một niệm nhập ba đời, ba đời làm một niệm*”, ai nấy đều đạt được phương tiện. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, trong cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, quả thật chẳng có pháp nào để có thể đạt được, đúng là như huyền, như hóa, thật sự là đạt được sức tự tại trong huyền hóa. Thật sự là kẻ trí thì sử dụng, còn kẻ ngu thì mê muội!

***(Kinh) Vân hà đương đắc như kính tượng, nhất thiết thế giới tu hiện thân trung cổ?***

**(經)云何當得如鏡像，一切世界斯現身中故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hình tượng trong gương, để hiện thân trong hết thảy các thế giới?)***

Trong việc tu trì môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên này, chiếu soi, nhận biết hết thảy thế gian, hiện ra các thứ phương tiện trong sát độ thế giới, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Đây chẳng phải là sở chứng của bậc thánh, mà cũng chẳng phải là pháp tắc nào khác, mà là sở chứng của người có mong muốn thanh tịnh, do được chư Phật, Bồ Tát gia trì, sanh ra sự thiện xảo nơi tâm trí giống như tấm gương có thể chiếu soi thế gian.

Trước kia, trong quá trình trì chân ngôn Dược Sư, tôi đối với chuyện này có cảm xúc mười phần to lớn. Muốn vào địa ngục giới, muốn vào súc sanh giới, muốn vào quỷ pháp giới, nhân pháp giới, thiên pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác pháp giới, đều có thể đạt được sức tự tại. Sức tự tại ấy chính là nương nhờ sức của chân ngôn Dược Sư, có thể chuyên vận cảm giác từ tâm trí vào trong các loại thế giới, thấy các phương tiện. Nếu thủ hộ đầu gối (chú tâm quán chủng tử của chân ngôn hiện ra nơi đầu gối), sẽ có thể khéo vào súc sanh pháp giới. Trong quá trình trì chân ngôn Dược Sư, nhanh chóng tiến nhập súc sanh pháp giới,

---

chỉ vị được thờ chủ yếu trong một nhóm các tượng Phật, Bồ Tát trên cùng một bàn thờ. Đặc biệt trong Nhật Liên Tông (Nichiren Shu) của Nhật Bản, Gohonzon được dùng để chỉ các bức vẽ mô phỏng bản viết tay đề mục (o-daimoku) Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh do sư Nhật Liên viết.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

trông thấy đủ loại súc sanh, đủ loại luân hồi, đủ loại sanh mạng tiếp nối, đủ loại nguồn cội, cho đến đủ loại mong cầu, đủ loại khát vọng, đủ loại khổ nạn. Trong nhất thời, muốn biết sự thù hận của quỷ thần, bèn quán nơi rốn, dùng chân ngôn Dược Sư gia trì, sẽ tiến nhập tâm giới của các loại quỷ thần, trông thấy nhu cầu, tác dụng, thành tựu, sự đến đi, khát vọng, nỗi sợ hãi, và tránh né của đủ loại quỷ thần. Đó là then chốt, là đàn tràng, và mấu chốt của quỷ thần. Nếu muốn quán nhân pháp giới, bèn quán nơi ngực, phần nhiều là quán sát thanh tịnh nơi ức, dùng sức chân ngôn để gia trì, sẽ có thể tiến nhập các thứ nhân loại, các thứ tâm trí, khát vọng, nhu cầu, bản khoãn, chọn lựa, sanh đây chết kia, chết đây sanh kia của con người. Đó là phương tiện. Nếu quán nơi lông mày, có thể trông thấy các thứ thiện xảo, vui chơi, hưởng đến, trở về, trầm luân của chư thiên. Điều này chẳng khó, cũng có nhiều phương tiện. Nếu quán cảnh tướng địa ngục, hãy quán sát nơi bàn chân cho nhiều, nương theo chân ngôn thúc đẩy, sẽ thấy các thứ lửa, các thứ băng, các thứ gió, các thứ nạn, các thứ hành hình tàn khốc, các thứ gào khóc áo não, các thứ nạn duyên chẳng thể nghĩ bàn cùng lúc hiện tiền. Các thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ nương vào sức thúc đẩy của chân ngôn mà đều có thể cảm nhận, biết rõ!

Thật sự là hết thảy thế gian rớt ráo như huyễn, đủ loại gương, cùng với điều then chốt và thực tiễn, đã được truyền thừa lâu đời từ xưa, cũng có vị thí giáo, cũng có người tu tập. Trong hành pháp Ban Châu, chúng ta muốn đạt được phương tiện thiện xảo này, cũng có thể khéo nhập để tu trì trong một luân ấy (tức các chỗ vừa nói trong phần trên, như ngực, bụng, đầu gối v.v...) để làm thiện xảo. Quý vị nói: “Tôi tu pháp trong sự vui chơi, tôi chẳng thấy Phật”. Cũng có thể tu trì như thế, bất quá như thế thì là đắm đầu vào ngõ rẽ, khiến cho người ấy sợ hãi mà đọa lạc, hoặc nói “*chẳng thể [chứng đắc] ngay trong một đời*”, cho đến sân hận, hoặc nảy sanh kiêu mạn. Nếu đã đạt được sức tự tại thì có thể hành trì pháp này.

“*Vân hà đương đắc như kính tượng, nhất thiết thế giới tư hiện thân trung cố*” (Như thế nào thì sẽ được như hình tượng trong gương để hết thảy thế giới đều hiện thân trong ấy): Đối với chuyện này, mọi người có thể tự chứng thực. Tôi chẳng cần phải giới thiệu phương pháp cho mọi người, chỉ nêu ra với mọi người, mỗi chỗ trong thân luân đều có phương tiện, đều có thể tiến nhập. Chẳng hạn như muốn thấy chư thiên, hãy quán nơi lông mày, sẽ rất dễ trông thấy. Nhưng nơi ấy cũng rất dễ gây ra thương tổn chẳng thể nghĩ bàn đối với sanh mạng, vì nếu đối với

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

các thứ tu trì mà đắm nhiễm, sẽ có thể thậm chí đánh mất sanh mạng, hoặc sanh ra bệnh tật. Do đó, đối với các pháp tắc như thế, hãy hết sức chớ nên coi thường, dễ dãi vận dụng. Ở đây, tôi chỉ nhằm thuyết minh câu kinh văn này mà thôi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc như hưởng thanh, nhất thiết pháp vô tác, vô vi, nhân duyên sanh cố?***

**(經)云何當得如響聲，一切法無作無爲，因緣生故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như tiếng vọng, hết thảy các pháp vô tác, vô vi, do nhân duyên sanh?)***

Chúng ta chọn lựa như thế nào? Giáo ngôn của tam thừa đều công nhận các pháp nhân duyên. Vì sao vậy? Do nó hiển hiện trong thế gian mà chẳng hoại Tục Đế, có thể tạo lợi ích và lợi lạc cho chúng sanh, có thể khiến cho chúng sanh trông thấy và sử dụng. Vì thế, “*chư pháp nhân duyên sanh, duyên tạ pháp hoàn diệt, ngã sư đại sa-môn, thường tác như thị thuyết*” (các pháp nhân duyên sanh, duyên hết, pháp cũng diệt, thầy ta đại sa-môn, thường nói như thế đó), điều này được các hữu tình tiếp nhận. Nói “*pháp sanh bởi nhân duyên*”, có thể trừ sạch hai pháp Đoạn và Thường, cũng có nghĩa là Thường Kiến và Đoạn Kiến có thể cùng lúc tiêu mất!

Bởi lẽ, hết thảy các pháp vô tác, vô vi, do nhân duyên mà hiển hiện, đó gọi là “*từ trong cái vốn chẳng sanh diệt, do nhân duyên mà hiển hiện*”. Nhân duyên ấy từ đâu đến? Đi về đâu? Thật sự chẳng có nhân duyên để có thể được! Chúng sanh do đắm nhiễm, chúng sanh do nhất niệm mê muội chân tánh xúc động mà tướng động hiện tiền, Năng và Sở được kiến lập, kiến lập thế giới hải<sup>35</sup>. Cho nên các thứ sát-độ (các

---

<sup>35</sup> “*Thế giới hải*” là một khái niệm trong kinh Hoa Nghiêm nhằm chỉ chung các quốc độ để các vị Bồ Tát nương vào an trụ, hoặc là từ ngữ để chỉ khu vực giáo hóa của một đức Phật. Thế giới hải được chia thành ba loại:

1. Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, còn gọi là Liên Hoa Tạng Thế Giới, hay Hoa Tạng Giới. Tuy nơi quả vị Phật, chẳng còn phân chia cảnh giới, giống như lưới trời của Đế Thích, các quốc độ trong ấy trùng trùng vô tận, có vô hạn chủ và bạn. Đây là cảnh giới của địa vị Chứng Nhập Sanh.

2. Thập Trùng Thế Giới Hải, tức là ngoài tam thiên đại thiên thế giới, lại có mười loại thế giới, tức là thế giới tánh, thế giới hải, thế giới luân, thế giới viên mãn, thế giới phân biệt, thế giới toàn (xoay tròn), thế giới chuyển, thế giới liên hoa, thế giới

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

cõi Phật) do vậy mà sanh, tức là do chân tánh mạnh động, bèn liên tục xuất hiện các thứ sát-độ. Các sát-độ ấy là vô tác, vô khởi, tất nhiên là loạn khởi, loạn diệt, chẳng có thực chất, vì đều là do nhân duyên mà sanh.

Hành Ban Châu sẽ nhất định có cơ chế thiện xảo như vậy. Chư vị thiện tri thức nếu có thể khéo quan sát, sẽ có thể chọn lựa pháp nhân duyên. Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) dung thông, từ trong pháp Thắng Nghĩa Đế chẳng có tự tánh mà có thể chọn lựa an trụ, có thể an lập, trụ trong hết thấy các pháp nhân duyên thuộc Tục Đế, quan sát rất sâu, thật sự là vô sanh, vô diệt. Các loại nhân duyên sanh ra các loại pháp, từ trong các loại pháp mà hư huyền dấy lên hay tiêu diệt, chẳng có thực chất, trở lại quy nạp trong Thắng Nghĩa Đế chân thật.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như hình ảnh, ư nhất thiết sanh pháp, tự vô tâm thủ xả cố?***

**(經)云何當得如形影，於一切生法，自無心取捨故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hình ảnh, trong hết thấy các pháp sanh khởi, tự chẳng có tâm lấy bỏ?)***

“*Như hình ảnh*”: Chúng ta sẽ chẳng nắm bắt sự được mất nơi hình bóng, nhưng có nhiều hữu tình ngu si từ trong hết thấy các pháp tác duyên duyên như hình bóng, lại hư vọng chấp giữ thiện ác, hư vọng chấp giữ được mất, hư vọng chấp giữ ta người, trầm luân trong thế gian. Nếu thật sự biết “*hết thấy các pháp ví như hình bóng, chẳng mất, chẳng được*”, há có đắm nhiễm? Hữu tình tất nhiên không lấy bỏ, từ “*không lấy bỏ*” mà đạt được Bình Đẳng Trí, Diệu Quán Sát Trí, Đại Viên Mãn Trí, Pháp Giới Thể Tánh Trí. Bốn loại trí bản sanh ấy cùng lúc chín muồi, quan sát thế gian chẳng hề sợ hãi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc không, vô sở hữu, viễn ly nhất thiết chư vật tướng cố?***

---

Tu Di, thế giới tướng. Đây chính là các quốc độ tương ứng với mỗi địa vị trong Thập Địa Bồ Tát mà hiển thị. Đây là cảnh giới của địa vị Giải Hạnh Sanh.

3. Vô Lượng Tạp Loại Thế Giới Hải, còn gọi là Tạp Loại Thế Giới, tức các thế giới có hình dạng như núi Tu Di, như con sông, có hình dạng như một vật đang xoay chuyển, có hình xoắn vòng, hình bánh xe, hình như cây cối, hình như lầu gác, hình như đám mây, cho đến có hình dạng như chúng sanh trọn khắp pháp giới. Đây là cảnh giới của địa vị Kiến Văn Sanh.



**(經)云何當得空，無所有，遠離一切諸物想故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được “không, vô sở hữu”, xa lìa hết thảy các ý tưởng về mọi vật?)*

Đối với mỗi vật chất trong thế gian, chúng ta đều nhận biết. Nếu dùng Thất Tướng ấn để nhận biết, giữ lấy, sẽ mười phần thuận tiện. Đó gọi là “*sự nhận biết và chọn lựa đối với pháp vô tự tánh*”, nhưng chúng ta thường dễ mê mất điều này. Quan sát như thế nào? Có thể thấy sắc tướng và nhân duyên của vật chất. Chẳng hạn như tấm vải là do các sợi bông vải (cotton) dệt thành. Nay treo tại đó, nếu bỏ nó vào lửa, vải sẽ chẳng còn. Đối với vạn sự, vạn vật, chúng ta đều có thể quán như thế. Lại như bức tượng bằng đồng này, sau khi bỏ vào lò nung chảy, sẽ chẳng gọi là tượng nữa! Lúc Kiếp Hỏa thiêu đốt, đại thiên thế giới nhất loạt bị lửa đốt trụi. Khi Thủy Đại thành thực, tức là lúc Thủy Kiếp, lại nhất loạt bị nước nhấn chìm, mênh mông không bờ mé! Vạn sự, vạn vật đều không ngừng nghỉ, do vô tự tánh mà biểu hiện thành các thứ nhân duyên. Vì thế, các pháp đều do sức nhân duyên mà hiển hiện.

Vì sao nói “*không, vô sở hữu, viễn ly nhất thiết chư vật tưởng*” (không, vô sở hữu, xa lìa suy tưởng về hết thảy các vật): Bản dịch này ghi là “*chư vật*” (các vật), tôi thấy có bản dịch khác ghi là “*viễn ly nhất thiết chư Phật tưởng*” (xa lìa ý tưởng về hết thảy chư Phật). Trên thực tế, chư vật và chư Phật vốn chẳng khác biệt! Tuy là du hí nơi văn tự, nhưng nói về thực chất, chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời, và các vật ứng hiện trong thế gian, đều do nhân duyên mà hiện. Thật sự là pháp nhất như! Hoàn toàn chẳng có một vật tồn tại trong thế gian, đều là do các thứ pháp tác, các thứ nhu cầu mà tạo tác các thứ biểu đạt đó thôi! Ở đây, các thứ ấy rất khéo léo xuất hiện sự sai biệt, một bản kinh mà có hai cách dịch [khác nhau], chúng tôi bèn dựa theo “*chư vật*” để nói. Chúng ta có thể quan sát trong lúc chính mình giơ tay, giở chân, đụng chạm các vật, xem xét các vật, cảm nhận các vật, quả thật chẳng có tự tánh. Nếu quan sát cận kề, chẳng có một vật thật sự nào có thể thường tồn tại, cho nên nói “*về bản chất cũng là không, chẳng có gì*”, do nhân duyên tụ hợp mà hư vọng biểu hiện, tạm thời biểu hiện. Đối với sự biểu hiện ấy, người khéo dùng sẽ đạt được thiện xảo, đạt được an lạc, đắc lực. Kẻ một mực chấp trước, sẽ trở thành trầm trọng, bị bức bách, bị khổ nạn. Các thứ pháp không gì chẳng là như thế!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Nói “*viễn ly nhất thiết chư vật tướng*” (xa lìa ý tưởng về hết thảy các vật), trong phần trước là quan sát cận kề các pháp tắc “*như huyễn, như hóa, như mộng, như hình bóng trong gương*”, chúng ta có thể thấy thấu suốt “*vạn sự, vạn vật chẳng có tự tánh*”, có thể chọn lựa tánh “*vô tự tánh*”. Như thế thì sẽ có thể đúng như thật mà ẩn khế vạn sự, vạn pháp trong thế gian, đương nhiên là kể cả chư Phật! Quý vị đừng sợ hãi! Mùi hương uế độ như mộng, như huyễn, mùi hương Tịnh Độ cũng lại như mộng, như huyễn. Nói như vậy chẳng phải là khiến cho chúng sanh chẳng có chỗ nương cậy ư? Chẳng phải vậy! Nếu chúng ta chẳng quán kỹ càng triệt để như mộng, như huyễn, sẽ chẳng đạt được trí huệ thiện xảo, chẳng có xuất ly thiện xảo, chẳng có hữu lực thiện xảo, chẳng có thiện xảo triệt để vượt thoát sự lấy bỏ, tức là chẳng thể thúc đẩy sanh khởi các thứ công đức, chẳng thể nhập Ba La Mật môn. Đối với “*viễn ly nhất thiết chư vật tướng*” (xa lìa ý tưởng về hết thảy các vật), do hành pháp Ban Châu, chúng ta sẽ có thể đạt được thiện xảo và phương tiện như thế.

***(Kinh) Vân hà đương đắc vô tướng, quán nhất thiết pháp vô hữu nhị cố?***

**(經)云何當得無相，觀一切法無有二故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô tướng, quán hết thảy các pháp chẳng có hai?)***

Pháp tắc này thẳng thừng đoạt hết tâm trí đối đãi của chúng sanh, [khiến cho họ] nhập pháp môn Bất Nhị. Các tướng thật sự chẳng có tướng, chỉ do nhân duyên mà hiển hiện các tướng. Như căn nhà này của chúng ta là do gỗ thông chất chứa lại, thông qua người thợ dẫn chặt, cưa xẻ, ghép mộng mà thành. Trước khi dẫn chặt thì nó là một cây thông. Cây được xẻ thành tám ván; sau đấy, trở thành hình dạng như hiện thời. Cho đến khi nhân duyên đã tận, cũng có thể biến thành một nhúm lửa, hoặc một nhúm tro, chẳng có thực chất. Chỉ có thể nói theo nhân duyên mà mọi người hiện thời đang sử dụng, nó hiển hiện thành một căn nhà để chúng ta tránh nắng, đụt mưa, khiến cho mọi người an trụ trong ấy mà tu hành.

“*Vân hà đương đắc vô tướng, quán nhất thiết pháp vô hữu nhị cố*” (Như thế nào để được vô tướng, quán hết thảy các pháp chẳng có hai): Hết thảy các pháp chẳng có đối đãi, chẳng có tánh chất tồn tại liên tục. Chúng là bất sanh, bất diệt. Từ trong cái chẳng sanh diệt ấy, do nhân

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

duyên mà hiện. Căn nhà này là như thế, cái đệm chúng ta đang ngồi cũng lại giống như thế, cái y chúng ta đang đắp cũng là như thế. Cái y này đắp lên thân, thị hiện màu đỏ, màu vàng, nhằm biểu hiện tướng trạng của pháp. Nhưng nếu quăng nó vào đồng lửa, nó sẽ hóa thành một nắm tro, chẳng phải là màu đỏ, màu vàng chi hết, thật sự chẳng có thực chất, thật sự chẳng có tướng để có thể đạt được, do nhân duyên mà có, do nhân duyên mà hiện. Cho nên bản chất của nó là bất nhị.

Đối với sự chọn lựa tâm trí vô nhị, hành Ban Châu sẽ dễ nảy sanh [tâm trí] ấy nhất. Vì lẽ nào? Nếu có đối đãi, sẽ dễ bị nặng nề, mệt chán, khó thể hành trì! Chúng ta đi tới đi lui, đi lui đi tới, hễ hơi có [ý niệm so đo] được mát, hễ hơi có đối đãi, [sẽ cảm thấy] nặng nề, khó thể chịu nổi, khó thể duy trì hành vi đơn giản suốt một ngày một đêm. Suốt một ngày một đêm lập một niệm gì vậy? Ý niệm chẳng đối đãi, ý niệm như huyền, ý niệm vô tướng.

***(Kinh) Vân hà đương đắc pháp giới biên tế, Bồ Đề tâm vô hạn lượng cố?***

**(經)云何當得法界邊際，菩提心無限量故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được bờ mé của pháp giới, do tâm Bồ Đề chẳng có hạn lượng?)***

Cái tâm Bồ Đề ở nơi đây là cái tâm Bồ Đề chẳng tạo tác, chẳng đối đãi, chẳng đến, chẳng đi, chẳng có đầu, chẳng có cuối, chẳng phải phạm, chẳng phải thánh. Chọn lựa tâm tánh rộng lớn như thế thì Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng có hạn lượng, là vô lượng trong vô lượng, chẳng thể nói năng, chẳng thể đề cập, chẳng thể biểu đạt. Nương vào các thứ nhân duyên để biểu đạt chính là tạo tác Bồ Đề tâm phần, như cổ nhân đã nói năm phần Pháp Thân, tức Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến có thể biểu đạt Bồ Đề tâm phần. Lại như cổ nhân nói “*phát Bồ Đề tâm, hiểu rõ Bồ Đề tâm, quy phục Bồ Đề tâm, cho đến chứng Bồ Đề tâm, trọn đủ Bồ Đề tâm, các thứ Bồ Đề tâm*”, thì vẫn là các phần của Bồ Đề tâm. Có người nói Bồ Đề tâm thuộc vào đại nguyện, đại bi, đại trí, hễ trọn đủ sẽ là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Đây chính là tướng của Bồ Đề tâm. Tướng ấy vô tướng, cưỡng lập một tướng, khiến cho chúng sanh được thấy công đức đại lực, đại trí, đại bi vô hạn. Thông qua ngôn thuyết để biểu đạt nội dung ấy [để chúng sanh] có thể tiến nhập. Do đó, pháp giới chẳng có ngăn mé, chẳng có hiện lượng. Bồ Đề tâm

chẳng có ngăn mé, mà cũng chẳng có hiện lượng. Cái tâm ấy chẳng phải là tâm tạo tác, mà cũng chẳng phải là tâm lìa tạo tác. Trong tâm phân của tâm tạo tác, nếu chẳng cưỡng chấp, cũng khó thể dùng ngôn ngữ để suy lường, khó thể nói trọn!

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất khởi trước, nhất thiết thế giới tánh vô sai biệt cố?*

**(經)云何當得不起著，一切世界性無差別故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng dấy lên chấp trước, do tánh của hết thảy các thế giới chẳng sai biệt?)*

“*Đương đắc bất khởi trước*” (Sẽ chẳng dấy lên chấp trước): Điều này lại dung nhập về chuyện tự tánh chẳng khởi tác dụng, tự tánh chẳng tạo tác. Tự tánh là cội nguồn sáng suốt, tự tánh an lạc, tự tánh vốn trọn đủ tánh chất liễu đạt, liễu thoát hết thảy nỗi khổ sanh tử, kiến lập thiện xảo trong hết thảy các thế giới hải. “*Bất khởi*” ở đây chính là pháp giới chân tế<sup>36</sup>, là tướng mạo của Thật Địa (Thật Tế Lý Địa), là sự chân thật của tâm trí bất động, là sự trang nghiêm nơi Nhất Chân pháp giới. Nhưng trong các thứ cơ chế, tâm trí của phàm phu hữu tình sẽ mạnh động đối với các nhân duyên, đó gọi là “*tướng động hiện tiền*”, tâm sẽ thường xuyên lay động. Động như thế nào? Bị gió nghiệp thổi lay động, vọng duyên thổi rung động, bị cảm giác thổi lay động, mà thổi bùng lên ý niệm đờc mắt, thổi lên ý niệm thiện ác, thổi lên ý niệm về công đức lợi ích. Hễ động thì Năng và Sở bèn được kiến lập. Năng và Sở đã được kiến lập, sẽ có các thứ sai biệt trong thế giới lượng nhiều như biển. Tuy là hư vọng, nhưng mỗi chúng sanh đều chấp lấy để sử dụng, lưu chuyển, an trụ, đều cho có thật. “*Bất khởi trước*” (Chẳng dấy chấp trước) thật ra chính là tiêu quy về Thật Tế, là tướng mạo vốn sẵn có. Ở đây, có sự lưu xuất và tác dụng của tự tánh quang minh. Tác dụng ấy là vô công dụng mà có thể rộng lợi ích thế gian, chẳng đờc, chẳng mất.

Do “*chẳng chấp trước*” nên “*nhất thiết thế gian tánh vô sai biệt*” (tánh của hết thảy thế gian chẳng khác biệt). Đối với bản chất của hết thảy thế gian cho đến bản chất của mười pháp giới, nương theo thế tánh

---

<sup>36</sup> Chân Tế (真際) có thể hiểu theo hai cách:

1. Bản chất thật sự của vũ trụ, của pháp giới, là cảnh giới của Phật.
2. Chân nghĩa, hoặc Chân Đê.

trí của pháp giới để quan sát sâu xa, chúng sẽ hiện tiền rạng ngời, nhưng chẳng có một vật nào để có thể đạt được. Do vậy, tâm trí Nhất Chân chân thật đã được chư Phật đích thân chứng rõ ráo, có thể hiện hiện biến các chủng tử trong mười phương, biến các cõi nước trong các thế gian khắp mười phương, [những điều ấy được] gồm thâu trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có thể khéo quan sát. Tuy nhập thế, thật sự chẳng có thế gian sai biệt nào để có thể đạt được, hoặc có thực chất tồn tại. Nếu nương theo pháp nhân duyên, có thể diễn đạt bằng vãng sanh thế giới Cực Lạc, đạt được các an vui. Nếu nương theo pháp nhân duyên, có thể hiện tạo các thứ nghiệp, chìm đắm, tiêm nhiễm trong các loại thế gian trược ác, chịu đủ mọi nỗi khổ. “Hữu” ấy là cái ắt có, chân thật chẳng dối, chẳng phải là cái Hữu thường hằng, mà cũng chẳng phải là cái Vô đoạn diệt. Vì thế, nói “*nhân duyên sanh*” thì sẽ xa lìa đoạn diệt và thường kiến.

Nhất định phải nhận biết rõ ràng pháp nhân duyên, xa lìa tri kiến của ngoại đạo. Nếu là người trong Phật pháp, xa lìa phương tiện của ngoại đạo, sanh khởi sự chọn lựa đối với pháp nhân duyên, dung thông Nhị Đế, trừ bỏ hai thứ Biên Kiến, tức Đoạn Kiến và Thường Kiến. Chúng ta đều biết, tứ cú bách phi chẳng thâu nhiếp Phật pháp; nhưng Phật pháp tuyệt đối thâu nhiếp tứ cú bách phi, thành tựu trọn khắp thế gian, rộng lợi ích hữu tình.

“*Bất khởi trước*” (Chẳng dấy lên chấp trước) ở đây chính là nơi Thật Tế Lý Địa chẳng có mây trần, chẳng nhiễm trước, chẳng tạo tác. Vô sắc, vô tướng, chẳng đến, chẳng đi như thế, quang minh trong cái tâm chân thật chiếu sáng rực thế gian!

***(Kinh) Vân hà đương đắc vô ngại hạnh, biến du nhất thiết chư Phật sát trung cố?***

**(經)云何當得無礙行，遍遊一切諸佛刹中故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc vô ngại hạnh, dạo chơi trọn khắp hết thấy các cõi Phật?)*

“*Vô ngại hạnh*”: Người hành Ban Châu hết sức dễ biết hai chữ Vô Ngại này, vì pháp Thường Hành Đạo niệm nào cũng đều là như thế, niệm nào cũng chẳng nhiễm, niệm nào cũng chẳng chấp. Do chẳng chấp mà đạt được sự vô ngại này. Vì thế, từ trong “*bất khởi trước*” (chẳng dấy lên chấp trước) mà đạt được thiện xảo chẳng dụng công, xa lìa hết thấy tạo tác sanh diệt và đối đãi, an trụ trong Thật Tế Lý Địa chân thật,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tức là được chiếu rạng ngời bởi tâm trí Vô Thượng Bồ Đề, xa lìa hết thảy sự xâm đoạt của sanh diệt, xâm đoạt của phàm thánh, xâm đoạt của được mất. Chẳng dấy lên chấp trước chính là cơ sở của hạnh vô ngại. Đạo chơi trọn khắp các cõi Phật, chính là diệu dụng tánh chẳng sai biệt của hết thảy thế giới. Quán thấu triệt một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” (như thế nào) này, sẽ thấy mỗi điều đều được sử dụng hỗ trợ, nhằm nêu tỏ trọn đủ hết thảy các pháp công đức và lợi ích rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của pháp Ban Châu, trọn đủ Nhất Thiết Trí, trọn đủ hết thảy Đạo Chung Trí, và rốt ráo thành tựu an trụ trong Nhất Thiết Đạo Chung Trí.

Vì tánh của biển “*hết thảy các cõi nước của chư Phật*” là vô sai biệt, cho nên có thể dạo chơi tự tại. Bậc A La Hán trong Thanh Văn Thừa như tôn giả Mục Kiền Liên đạt được phương tiện dạo khắp một đại thiên thế giới, nhưng chưa có phương tiện dạo chơi trong biển vô tận tam thiên đại thiên thế giới khắp mười phương. Đó gọi là quả Thanh Văn có phương tiện để chọn lựa trong một đại thiên thế giới. Nếu dùng sức thần thông để lìa bỏ tam thiên đại thiên thế giới này, đều phải dựa theo sức nhiếp thọ từ công đức nơi danh hiệu đức Bổn Sư để quay về [thế giới Sa Bà]. Nếu không như thế, họ sẽ bị lạc lối trong vô tận cõi nước, chẳng thể quay về. Nếu chúng ta lấy quốc độ của A Di Đà Phật làm quốc độ của bổn sư, làm bổn quốc của chính mình, xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ tất nhiên vãng sanh quốc độ ấy. Vì lẽ nào? Như con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, mẹ con chẳng trái nghịch nhau, như trở về quê nhà, chẳng còn mê mất, chọn lựa chẳng nghi, tâm trí an trụ, xa lìa sợ hãi. Kẻ bị lạc đường sẽ sợ hãi. Vì sao lại lạc mất quê nhà, lạc mất nước mình, sao không sợ hãi cho được? Do vậy, nếu trì danh hiệu có công đức thù thắng của từ phụ A Di Đà Phật nơi thế giới Cực Lạc, khi xưng niệm chính là lúc chọn lựa vãng sanh, chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Đã nhận biết quê nhà, nước mình. Do đã nhận biết, sẽ như chúng ta trở về nhà của chính mình, chẳng có gì mê mất nữa, chẳng có gì nghi hoặc, chẳng có gì bàng hoàng, băn khoăn, cũng chẳng có điều kiện gì, đã trọn đủ rồi! Bất luận nhà của quý vị xa xôi cách nào đi nữa, dầu ngàn dặm, vạn dặm, quý vị luôn nhận biết nhà mình, chẳng có nỗi sợ hãi “không có nhà!” Thế giới Cực Lạc là quê nhà, là bổn quốc của hết thảy chúng sanh. Nếu nhận biết, nguyện vãng sanh, sẽ nhất định vãng sanh. Vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ rất thuận tiện sanh vào các cõi nước trong mười phương. Do vậy nói: “*Xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật có thể dạo chơi các cõi nước trong mười phương, chẳng ngăn ngại gì!*”

*(Kinh) Vân hà đương đắc chư Đà-la-ni, văn nhất tri vạn, thiện đạt nhất thiết văn tự phân biệt thuyết cố?*

**(經)云何當得諸陀羅尼，聞一知萬，善達一切文字分別說故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc các Đà-la-ni, nghe một, biết vạn, khéo thông đạt hết thấy văn tự để nói phân biệt?)*

Thành tựu Đà-la-ni, có thể trọn đủ giáo ngôn thiện xảo của hết thấy các tông trì, phân biệt ngôn từ thiện xảo, ngôn từ sai biệt thiện xảo, tông tướng ngôn từ thiện xảo, vô dụng công văn tự thiện xảo, hữu dụng công văn tự thiện xảo. Đà-la-ni như thế tông trì hết thấy các pháp, an ủi chúng sanh, thuần thực chúng sanh, thiện xảo bố thí chúng sanh.

Đối với cái gọi là “*thiện đạt nhất thiết văn tự phân biệt thuyết*” (khéo thông đạt hết thấy văn tự để nói phân biệt), hết thấy văn tự thật sự chẳng nói phân biệt. Kiến lập “*nói phân biệt*” chỉ nhằm tạo thuận tiện cho chúng sanh. Vì lẽ nào? Hết thấy các pháp vốn chẳng phân biệt, do thiện xảo mà kiến lập phân biệt. Được kiến lập là do thiện xảo mà kiến lập, chẳng phải là chấp trước cái được kiến lập. Hễ chấp trước thì sẽ chẳng có gì để kiến lập, phần nhiều bị mê mờ bởi sự tướng. Cho nên chẳng thể nào tự tại kiến lập được!

Hành pháp Ban Châu, đối với hết thấy các giáo ngôn Đà-la-ni, chắc chắn sẽ sanh khởi sự chọn lựa, như trong các thệ nguyện của A Di Đà Phật có nguyện: “*Hữu tình ở phương khác được nghe danh hiệu của Ngài, đều nhập Đà-la-ni môn, cũng là đắc Tổng Trì Môn*”. Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nói đến nguyện này. Chư Phật là đấng nói lời thành thật, nói đúng sự thật, đích thân chứng đắc công đức và lợi ích, đạt được lợi ích như thật. Cho nên chúng sanh nghe danh hiệu của các Ngài, đều nhập hết thấy Đà-la-ni môn, đạt được thiện xảo, ngoại trừ kẻ ngờ vực, bần khoản, báng pháp, nghi pháp. “*Ngoại*” có nghĩa là trừ lợi ích ra, trừ chẳng được hồi thí công đức ra. Tuy là [chư Phật] bình đẳng bố thí công đức, nhưng quý vị chẳng dùng được. Tuy chẳng dùng được, Phật vẫn nhiếp thọ kẻ nghi pháp, báng pháp, khiến cho họ cũng được lợi ích.

*(Kinh) Vân hà đương đắc như chư pháp sư, thiện tri nhất thiết Phật pháp cố?*

**(經)云何當得如諸法師，善知一切佛法故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như các pháp sư khéo biết hết thầy Phật pháp?)*

Chư Phật Như Lai thành tựu viên mãn Tam Minh, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông, mười tám pháp Bất Cộng, Thập Lực, Tứ Vô Úy, các thứ chọn lựa thiện xảo, là bậc pháp sư. Pháp sư trong thế gian hiện thời phần nhiều là pháp sư dựa hơi, hoặc là danh tự pháp sư! Pháp sư đúng thực chất chỉ có Phật Thế Tôn mới xứng danh, [do Phật] trọn đủ hết thầy đại thiện xảo, tự tại trong hết thầy các pháp, đạt được phương tiện, rộng truyền dạy hết thầy các pháp, lợi ích hết thầy chúng sanh, không sợ hãi, chẳng bỏ sót thời cơ để khiến cho chúng sanh đều được giải thoát, thành tựu. Nếu chúng ta muốn thành pháp sư giống như chư Phật Như Lai, trọn đủ phương tiện thiện xảo, biết hết thầy các pháp, sử dụng hết thầy các pháp, thành tựu hết thầy các pháp, truyền bá hết thầy các pháp, chân thật an trụ trong hết thầy các pháp, chẳng đắm nhiễm các pháp ích, lợi ích trời, người rộng khắp, thì hành Ban Châu sẽ đạt được lợi ích và thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn như thế!

*(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết chư Phật sở hộ niệm, nhất thiết Phật oai đức gia trì cố?*

**(經)云何當得一切諸佛所護念，一切佛威德加持故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hết thầy chư Phật hộ niệm, oai đức của hết thầy chư Phật gia trì?)*

Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, được hết thầy chư Phật khéo hộ niệm. Hết thầy chư Phật dùng thần quang, dùng hào quang chiếu nhiếp người ấy, khiến cho người ấy tăng trưởng thiện căn, thành tựu phước đức, nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành tựu viên mãn ngay trong một đời. Pháp Tịnh Độ chọn lựa như thế, trong một đời, chắc chắn các thứ thiện căn sẽ chín muồi, công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn đều được oai thần của chư Phật gia bị mà chín muồi, đều do tự tâm chân thật ẩn khế mà chín muồi, tức là công đức trong bốn tánh sẽ chín muồi. Nếu chẳng chọn lựa pháp thích hợp căn cơ to lớn, có tác dụng to lớn, mà muốn thành thực Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, đúng là rất khó thành công. Vì sao vậy? Căn cơ nhỏ, pháp nhỏ, sẽ khó thể thành tựu! Phát khởi cái tâm Thanh Văn, Duyên Giác,



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

cho đến cái tâm cầu phước báo nhân thiên, sẽ khó thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm trí chẳng tương ứng, vì chẳng ấn khế chư Phật. Do đó, ai nấy đều nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, dùng cái quả của Vô Thượng Bồ Đề tâm để đích thân chứng, ấn chứng chư Phật Như Lai trong khoảng sát-na, sẽ biết các pháp thật sự chẳng đến, chẳng đi, thật sự chẳng có người chứng, mà cũng chẳng có được hay mất, hết thảy chúng sanh vốn sẵn đủ. Như khi chúng ngộ, đức Phật Thích Ca đã nói: “*Lành thay! Chúng sanh trong đại địa đều sẵn có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, ấn khế cái tâm Vô Thượng Bồ Đề của hết thảy chúng sanh như thế đó!

Chúng sanh do vọng tưởng, chấp trước mà mê muội tự tâm, chẳng thể ấn chứng, chẳng thể nhận biết, chẳng thể sanh khởi hết thảy diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật Như Lai phát khởi Tu Đức rộng lớn để chứng thực cho loại hữu tình ấy, khiến cho loại hữu tình ấy có chỗ nương cậy, có tác dụng. Chư Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp, hành đủ loại công đức lợi ích, dùng Tu Đức và Tánh Đức để nhiếp hóa hữu tình, đều là thuận theo chúng sanh. Quả thật, chẳng có một pháp nào có thể kiến lập. Do đó, hết thảy chư Phật hộ niệm hết thảy chúng sanh niệm Phật, nhiếp thọ chẳng bỏ, ấn chứng, hứa khả hết thảy chúng sanh niệm Phật. Đối với kẻ báng Phật, nghi Phật, Ngài vẫn nhiếp thọ. Kẻ phỉ báng là do chẳng biết, giống như kẻ đang ngủ mê, dầu vàng mặt trời chiếu trọn khắp, vẫn chẳng thấy quang minh. Do kẻ đó ở trong hôn ám, chẳng thể sử dụng được, nhưng quang minh [của vàng mặt trời] vẫn chiếu thấu thân người ấy.

Do vậy, “*nhất thiết Phật oai thân gia bị*” (oai thân của hết thảy chư Phật gia bị). Khi chúng ta niệm danh hiệu A Di Đà Phật, [đó là danh hiệu] có công đức thù thắng, A Di Đà Phật là vua trong các vị Phật, quang minh tôn quý nhất, có oai đức thiện xảo, sẽ đồng thời tập trung công đức của chư Phật nơi một thân, chiếu trọn khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh được thấy công đức của chư Phật. Vì thế, mười phương chư Như Lai nhiều như cát sông Hằng đều cùng tán thán oai thân và công đức thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật. Oai thân và công đức thiện xảo ấy quả thật trọn đủ oai thân và thiện xảo của hết thảy chư Phật. Do vậy, khi chúng ta lập một niệm, đoạn các tướng, xưng niệm danh hiệu quý báu ma-ni công đức thanh tịnh của A Di Đà Phật, sẽ được trọn khắp oai thân của hết thảy chư Phật gia bị, được hết thảy chư Phật thủ hộ, nhiếp thọ, có thể khiến cho thiện căn chín muồi, thấy rõ tự tâm.

*(Kinh) Vân hà đương đắc hùng mãnh, bất khiếp nọa, xuất thanh như đại ngưu vương, đại sư tử vương bộ cổ?*

**(經)云何當得雄猛，不怯懦，出聲如大牛王，大獅子王步故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hùng mãnh, chẳng hèn nhát, phát ra tiếng như trâu chúa, hay sư tử chúa bước đi?)*

Trong pháp Ban Châu, hễ hơi sợ hãi, người ấy sẽ khó hành trì, sẽ khó thực hiện. Do vậy, đích xác là người có tâm trí ôm ấp chí nguyện “đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi”. Người khâm ngưỡng, người quy y, người tùy thuận thì mới có thể hành pháp này! Người thiện căn chín muồi nghe pháp này, bèn có thể siêng năng hành trì, chẳng báng bỏ, chẳng ngờ vực, người như vậy rất hy hữu, được chư Phật hộ niệm, gia trì. Cho nên sẽ oai mãnh, chẳng nhát sợ. Kẻ chẳng nhát sợ là do tự tâm đã an lập, vì nhát sợ đều là do [tâm trạng] được mất, đối đãi, chọn lựa lầy bở của chúng sanh tạo thành.

“*Như đại ngưu vương*” (Như trâu chúa lớn): Trâu chúa lớn là tướng sức mạnh to lớn, có sức mạnh, thiện xảo, oai mãnh. Người Ấn Độ coi trâu là thần ngưu, mọi người đều kính ngưỡng, tránh né, chẳng thể xâm phạm.

“*Như đại sư tử vương bộ*” (Như sư tử chúa to lớn bước đi): Sư tử chúa ra khỏi hang, chắc chắn chẳng có bầu bạn. Người hành Ban Châu không nương dựa, không nhờ vào phương tiện mà chỉ thẳng A Di Đà Phật trong tâm mình! Hành công đức to lớn, đúng là trọn đủ. Chẳng nhờ vào gia trì mà được chân thật gia trì, Chẳng nương cậy mà quyết định được nương cậy, chẳng phải là dựa hơi, quyết định trở về [quê nhà Cực Lạc sẵn có], như sư tử chúa chẳng có bầu bạn, tâm trí chọn lựa dứt khoát, phá tan hết thầy các trói buộc khiếp sợ, nhút nhát, kiến lập thành tựu sự tu trì vô thượng chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Vân hà đương đắc vô úy, linh nhất thiết thế giới hoan hỷ cố?*

**(經)云何當得無畏，令一切世界歡喜故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô úy, khiến cho hết thầy thế giới hoan hỷ?)*

Trong khi hành pháp này, đã khiến cho hết thầy thế gian được an ủi, an ủi hết thầy hữu tình. Nếu tu ngay, hành ngay, thường hành đạo này, chẳng bỏ lỡ thời cơ, ví như chư Phật Như Lai, hoặc ví như hết thầy bậc hiền thánh, hay bậc trọn đủ công đức lợi ích thế gian rộng khắp, chẳng sợ hãi, vì lẽ nào? Tâm thanh thản, tâm an nghỉ, chẳng phải dụng tâm. Cái tâm ấy do trọn đủ, chẳng phải là tạo tác, chẳng phải là tu hay không tu. Do vậy, lợi ích trời, người rộng khắp, chẳng sợ hãi, khiến cho hết thầy chúng sanh được hoan hỷ, khiến cho hết thầy thế gian được hoan hỷ. Đây là tu ngay trong mỗi niệm hiện tại, thường xuyên tu, tu cho đến hết thọ mạng, chân thật như ý mà tu. Sự tu tập ấy trong hết thầy nhân duyên chẳng bỏ lỡ thời cơ, chẳng sợ hãi, chẳng vướng mắc, chẳng đón ý nói hòa, chẳng siểm khúc, như thế thì hết thầy hữu tình chắc chắn sanh hoan hỷ. Vì có sao? Đây là người bố thí, người nương cậy cho thế gian, là người tạo lợi ích rộng rãi, là người thiện xảo thành tựu, là người bố thí pháp ích, là trông mắt của chúng sanh.

Hành pháp Ban Châu thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Các thứ công đức, các thứ phương tiện, các thứ nhân duyên trong một trăm hai mươi hai câu hỏi này, đều đề cập tới tâm trí của chúng ta, khiến cho chúng ta thấy rõ, chọn lựa tâm trí, hành pháp thành tựu. Công đức và lợi ích nhiều ngàn ấy, nêu chẳng hành, pháp ích sẽ chẳng hiện tiền, giống như bày một bữa ăn ngon trước mặt, nếu chẳng ăn, sẽ chẳng thể biết vị ngon được! Đức Thế Tôn nói các phương tiện thiện xảo nhiều ngàn ấy, muốn khiến cho hết thầy hữu tình hữu duyên thâm nhập, tu tập pháp này, khiến cho họ thành tựu Ban Châu tam-muội, có thể an trụ trong các thứ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, đúng như thật mà an trụ. Nếu chẳng phải là người tu tập, sẽ chẳng thể dùng được!

*(Kinh) Vân hà đương đắc vô nghi hoặc, u nhất thiết Phật bình đẳng vô nhị cố?*

**(經)云何當得無疑惑，於一切佛平等無二故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng nghi hoặc, đối với hết thầy chư Phật bình đẳng chẳng hai?)*

Trong phần trước đã nói tới “vô nhị”, vì sao ở đây lại nói “vô nhị”? Có khi thoát nhìn dường như trùng lặp vấn đề; thật ra, chẳng lặp lại! Trong hết thầy các Phật pháp, chọn lựa Vô Nhị là để khiến cho

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

chúng sanh xa lìa đối đãi, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo bình đẳng, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo an lạc, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo giải thoát. Tâm trí chẳng đối đãi tất nhiên là trọn đủ hai pháp Bi và Trí.

“*Vô nghi hoặc*”: Chúng ta đều biết có Kiến Tư Hoặc, có Trần Sa Hoặc, có Vô Minh Hoặc. Trong ba loại mê hoặc ấy, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc chúng sanh chẳng có phần, hai loại Hoặc ấy hàng Bồ Tát hoặc thánh giả phải thủ hộ, nhận biết, quan sát, chứ phàm phu hữu tình chỉ nghe danh. Kiến Hoặc và Tư Hoặc là thứ chúng sanh chấp giữ, không lúc nào chẳng dùng tới. Như tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh chính là các danh tướng thuộc vào Kiến Tư Hoặc. Trong hai pháp Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chúng sanh phần nhiều sợ hãi. Để đoạn Kiến Tư Hoặc thì thuận tiện nhất chính là trí bình đẳng, thuận tiện nhất là Diệu Quan Sát Trí, thuận tiện nhất là Pháp Giới Thể Tánh Trí, thuận tiện nhất là Đại Viên Mãn Kính Trí, thuận tiện nhất là A Di Đà Phật, thuận tiện nhất là lập một niệm, thuận tiện nhất là chẳng đến đi, thuận tiện nhất là đúng như pháp mà hành, thuận tiện nhất là lập tức chọn lựa, thuận tiện nhất là thường kinh hành, thuận tiện nhất là Ban Châu!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thông đạt Như Như, diệt trừ nghi hoặc, bất trước chư pháp cố?***

**(經)云何當得通達如如，滅除疑惑，不著諸法故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thông đạt Như Như, diệt trừ nghi hoặc, chẳng chấp các pháp?)***

Hết thấy các pháp vốn chẳng chấp trước. Do các thứ đắm nhiễm của các loại chúng sanh tạo thành cái gọi là “*nghi hoặc*”. Vì thế nghi hoặc là do chấp tướng. Chúng ta dùng cái tâm Như Như<sup>37</sup>, tâm bình đẳng, tâm bất nhị, đúng như các cách nói trong phần trước, chẳng dấy lên cái tâm chấp trước, tâm thông đạt hết thấy các pháp chẳng có tự tánh, chẳng sợ hãi, sẽ thấu đạt sâu xa thiện xảo “*chẳng chấp các pháp*” này. Hành pháp Ban Châu sẽ tiếp tục quyết định là như thế, thâm nhập, tu tập, quan sát từng điều một.

---

<sup>37</sup> Như Như là một trong năm pháp của kinh Lăng Già. Lý Thể của pháp tánh bình đẳng bất nhị, cho nên gọi là Như. Các pháp đều là Như, cho nên nói là Như Như. Tịnh Nguyên Sớ giảng: “*Do cùng là Không nên nói là Như, thông hiểu hết thấy vạn pháp đều Như, nên gọi là giải Như Như*”.

*(Kinh) Vân hà đương đắc chứng thâm pháp giới, thiện năng giải thích sở vấn nghĩa cố?*

**(經)云何當得證深法界，善能解釋所問義故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ chứng pháp giới sâu xa, có thể khéo giải thích các nghĩa được hỏi?)*

Pháp giới khác biệt rành rành trước mắt, chúng sanh mỗi người tự chấp giữ. Như chúng ta tuy cùng ở trong căn nhà này, nhưng sự nhận biết đối với pháp tắc, đối với sự nhận biết về cảm giác, nhận biết về tri kiến, quan điểm về sanh mạng, mỗi người mỗi khác. Sự sai khác ấy khó thể nói năng, thí dụ được! Chư Phật Như Lai dùng pháp tắc thanh tịnh để soi tỏ, thấu hiểu các thứ sai biệt. Do vậy, khéo nói phương tiện, khéo nói pháp sai biệt mà vô sai biệt cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh tiến nhập trí bình đẳng, trí thanh tịnh, trí chẳng thể nghĩ bàn! “Thâm pháp giới” là pháp giới rộng lớn, hết thảy các pháp giới. Các thứ nghi vấn, các loại đặt bày, hết thảy các pháp giới đều thuộc về trần nhiễm, chấp trước, hư vọng chấp giữ của chúng sanh, mà cũng chính là do những cái được gọi là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc tạo nên. “Hoặc” (惑) có nghĩa là sanh khởi. “Hoặc” có nghĩa là ngưng trệ, “Hoặc” có nghĩa là “tưởng nó là thật”.

*(Kinh) Vân hà đương đắc sư lợi ích tha, cụ túc đại từ cố?*

**(經)云何當得師利益他，具足大慈故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được làm thầy lợi ích người khác, trọn đủ lòng đại từ?)*

Trong pháp Tịnh Độ, nếu có thể thật sự đúng như pháp thực hành một ngày, hai ngày, chín mươi ngày, cho đến thường hành pháp này mãi cho rốt ráo thuở vị lai, đều nương vào pháp lợi ích người khác để thành tựu. Vì sao? Do thật sự chẳng có pháp nào để đạt được, do chẳng đảm nhiệm, do chẳng thể chấp giữ, cho nên nói “đại từ cố” (do đại từ). Chúng ta nói “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, “vô duyên” có nghĩa là thật sự chẳng có pháp nào để có thể đạt được, không có duyên nào có thể sanh. Pháp nhân duyên thuộc về Thế Tục Đé, bởi trong Thắng Nghĩa Đé chẳng có một pháp nào để có thể được, chẳng có duyên nào để có thể sanh, chẳng có duyên nào để có thể diệt. Trong trần duyên, hư vọng sanh

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

ra nhân quả. Trong Tục Đệ, mỗi thứ đều hiển lộ “được, mất”. Muốn lợi ích loại hữu tình này, cho nên dùng “đại từ” để lợi ích hữu tình rộng lớn. Trong Tạng truyền Phật giáo, có cách tu “hoán vị từ tâm”, tức là tự thân gánh lấy tội ác của hết thảy chúng sanh, hồi thí sự thọ dụng thanh tịnh vô nhiễm của chính mình cho hết thảy hữu tình trước ác, khổ nạn, khiến cho họ trụ trong an lạc, trụ trong trí huệ, trụ trong trang nghiêm, trụ trong niềm vui sướng rộng lớn.

**(Kinh) Vân hà đương đắc diệt trừ lãn nọa, hằng nhạo thuyết pháp cố?**

**(經)云何當得滅除懶惰，恆樂說法故？**

**(Kinh: Như thế nào để diệt trừ lười biếng, luôn thích thuyết pháp?)**

“Diệt trừ lãn nọa” (Diệt trừ lười biếng): Chẳng hạn như lần này, cùng với mọi người học tập kinh Ban Châu, quả thật là nhờ vào phước đức của mọi người, nhờ chư Phật gia trì, nhờ các cư sĩ ở Hằng Dương Am hành trì đúng pháp, nhờ vào đại chúng hành trì an lạc tăng thượng hướng dẫn, cho nên chúng ta có pháp hội lần này. Đương nhiên là cũng nhờ vào Tăng chúng an cư tại Phóng Quang Tự ban bỏ từ bi, ban bỏ pháp, mọi người cùng góp sức, bằng lòng tới đây nghe pháp. Quả thật là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, vì chúng tôi khiến cho đại chúng nhọc nhằn, tới lui lên xuống<sup>38</sup>, đúng là vất vả. Nhưng nói theo pháp, quả thật là đáng nên làm, thật sự là cơ hội để cúng dường pháp, mà cũng là trao đổi<sup>39</sup> để cúng dường pháp, là thiện xảo để thực hành pháp, chúng ta cũng chỉ nên coi chuyện lên xuống ấy đều là đang hành Ban Châu. Vậy thì lười nhác chỉ là nhân duyên của cá nhân tôi, một mực thoái thác, đối với kinh điển một mực rất ít xem, mà cũng rất ít đọc, rất ít tu tập. Chúng thường trụ một mực đọc kinh điển này, do thầy Đức Viên đã cho in văn tự [trong bộ kinh này ra], tôi mới quyết định cùng mọi người học tập phẩm Hiền Hộ của kinh Đại Tập.

---

<sup>38</sup> Hằng Dương Am là hạ viện của chùa Phóng Quang. Vì thế, Tăng chúng chùa Phóng Quang và các cư sĩ mỗi ngày phải lên xuống núi để nghe pháp (chú thích của người ghi lại lời giảng).

<sup>39</sup> Do pháp sư Từ Pháp khiêm tốn, không coi mình là đang giảng kinh, mà chỉ là thảo luận sự hiểu biết về kinh văn của chính mình với đại chúng, nên nói là “trao đổi”.

## *Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Trước kia, tôi cứ một mục bản khoả giữa mấy loại bản dịch, hoặc là một quyển, hay ba quyển, để so sánh coi giảng bản nào sẽ tiện lợi hơn. Các bậc thiện xảo, các vị đại thiện tri thức từ xưa như Viễn công đại sư, Trí Giả đại sư, Đạo Tuyên luật sư, phần nhiều y chỉ kinh Ban Châu Tam Muội bản ba quyển. Bản năm quyển này phân lượng khá lớn, các vị thiện tri thức từ xưa đến nay phần nhiều chẳng nghiên cứu kinh này, do [bản dịch này] ngôn từ giản dị, thông dong, vừa đọc liền biết ngay, chẳng cần phải nghiên cứu, cầm lấy đã có thể sử dụng rồi. Do nỗi bản khoả ấy, chẳng biết học tập bản nào sẽ thuận tiện hơn. Vì thế, cứ một mục bất định. Pháp sư Đức Viên đã tạo thiện xảo cho tôi, trực tiếp đem bản năm quyển in ra, phân phát. Tôi bèn thuận duyên. Một là [bản dịch này] văn tự khá suông sẻ, ngôn từ khá lưu loát, mọi người có thể đọc tụng. Hơn nữa, tôi không có sức để giảng, không có sức để tuyên thuyết, phần nhiều ôm lòng lười nhác. Vì sắc thân do nhiều ác nghiệp từ vô thỉ tới nay đã chín muồi, thân thể mệt chán, niềm vui nơi pháp thù thắng chẳng thể hiện tiền, không chuộng thuyết pháp. Vì thế, thường sanh lòng hổ thẹn. Người thật sự hành Ban Châu sẽ tiêu trừ loại lười nhác này, vì lẽ nào? Do ngày đêm đi kinh hành. Đối với các vị Bồ Tát ngày đêm kinh hành tại Hàng Dương Am, tôi thật sự muốn quỳ sụp xuống đất đánh lễ các bà, vì trong khi tôi ngủ, các bà vẫn đi kinh hành. Mỗi lần xuống đây, tôi đều ôm lòng kính ngưỡng, mới có thể bước xuống đây. Nếu chẳng có tâm kính ngưỡng, tôi tuyệt đối chẳng dám xuống. Vì sao? Người kinh hành, người niệm Phật chính là đang thuyết pháp, là đang trừ khử lười nhác, ở ngay trong thế gian thay Phật tuyên nói cho hết thảy hữu tình, khiến cho pháp trụ thế lợi ích rộng khắp trời, người, hữu tình trong chín pháp giới do vậy mà đạt được lợi ích to lớn! Quý vị chẳng kính ngưỡng, tôi kính ngưỡng. Tôi hy vọng mọi người ai nấy đều kính ngưỡng, yêu mến, tôn trọng những người thật sự tu tập Phật pháp. Họ chẳng phải là những kẻ thủ hộ Phật pháp bằng cách nói suông, thủ hộ bằng cái tâm hư vọng, tự cao tự đại, tự lợi.

“*Hàng nhạo thuyết pháp*” (Luôn ưa thích thuyết pháp): Ngay trong khi niệm Phật là đã tuyên nói giáo ngôn tổng trì, lợi lạc rộng khắp hết thảy hữu tình trong thế gian dù phàm hay thánh, mười pháp giới đều được bình đẳng nhiếp thọ. Trì bảo hiệu quang minh oai đức A Di Đà Phật, đúng là trông mắt của trời, người, là sứ giả của chư Phật, chớ nên coi thường! “*Hàng nhạo thuyết pháp*” (Thường thích thuyết pháp): Pháp ấy là pháp như thật, pháp chân thật, pháp chẳng tăng, chẳng giảm, có thể lợi lạc hữu tình, chẳng đả nhiễm. “*Nam-mô A Di Đà Phật*” thanh tịnh

chân thật, oai đức tự tại, lợi ích rộng khắp trời, người. Do vậy, hành pháp Ban Châu sẽ đạt được công đức và lợi ích như thế đó!

*(Kinh) Vân hà đương đắc như pháp trụ, bất xả nhất thiết chúng sanh cố?*

**(經)云何當得如法住，不捨一切衆生故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đứng pháp mà trụ, chẳng bỏ hết thầy chúng sanh?)*

Hành giả như thế, ngày này qua ngày khác, năm này sang năm khác, đi tới, đi lui (kinh hành), tán thán Phật đức, hồi thí chúng sanh, tán thán sanh mạng trọn đủ đức tướng của Như Lai. Đó là trụ trong Như Như, trụ trong như pháp, chẳng xả hết thầy chúng sanh. Người niệm Phật chẳng xả hết thầy hữu tình, chẳng xả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, quyết định nhiếp thọ, hộ trì thánh đạo tam thừa, khiến cho họ đạt tới rốt ráo Bồ Đề. Đối với ba thiện đạo, tức nhân, thiên, Tu La, quyết định khiến cho kẻ buông lung tránh khỏi tai ương do buông lung, kẻ đấu tranh tránh khỏi hoạn nạn do đấu tranh, người chọn lựa sẽ tránh khỏi nỗi khổ bản khoãn. Vì sao vậy? Do chẳng xả chúng sanh, siêng gắng, tích cực niệm Phật, khiến cho hết thầy chúng sanh có thể trụ trong an lạc bình đẳng. Các vị Bồ Tát ơi! Niệm Phật đứng là chẳng thể nghĩ bàn! Đối với thánh đạo, thiện đạo còn có công đức này, mà đối với tam ác đạo, tam đồ hữu tình, đứng là công đức to lớn, đại quang minh an ủi! Do vậy, người niệm Phật nhiếp trọn khắp chín giới, lợi lạc trọn khắp hết thầy hữu tình. Người hành Ban Châu cũng có công đức này, đại bi huân tập, oai đức huân tập, chân thật trọn đủ.

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất siểm khúc, tánh thuần trực cố?*

**(經)云何當得不諂曲，性淳直故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng siểm khúc, tánh thuần thẳng thẳng?)*

Người niệm Phật tâm địa thuần hậu, lợi ích khắp thế gian, chân thật chẳng dối, xa lìa tạo tác, chúng ta lúc nào cũng có thể trông thấy. Quý vị nói xem, người ấy hiện thời đang hành đạo Ban Châu mà buồn ngủ là do nghiệp tập hiện ra, chẳng phải là quang minh nơi tâm tánh hiển hiện, chẳng phải do công đức của A Di Đà Phật hiển hiện. Nếu do bản



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chất Nhất Như hiển hiện, hiển hiện như thế, sẽ thấy Phật. Vì thế, chúng ta phải thật sự thấy Phật, đừng thấy huyễn tướng nghiệp lực của chúng sanh, đừng nghĩ nghiệp duyên của chúng sanh là điều chính mình trông thấy. [Nếu chấp nghiệp duyên của chúng sanh chính là điều chính mình trông thấy], kiến giải kiêu đó sẽ bị rơi vào tà kiến.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như nhãn mục, vi nhất thiết thế gian đặng minh cố?***

**(經)云何當得如眼目，爲一切世間燈明故？**

***(Kinh: Như thế nào để sẽ được như mắt, là đèn sáng của hết thảy thế gian?)***

Người niệm Phật nương vào pháp để chọn lựa, giống như con mắt của hết thảy chúng sanh. Vì sao? Vì mở to mắt trí huệ, do chẳng lầy, chẳng bỏ. Các thứ được tuyên nói, các thứ ngôn thuyết trong phần trước đều như con mắt, lợi ích thế gian. Vì sao chúng sanh hôn ám, mê muội trụ trong chỗ tối tăm? Những cái được gọi là “tối tăm” trong thế gian đều do nương theo Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc. Trong Vãng Sanh Luận có nói: “*Hóa Phật, Bồ Tát nhật, trừ thế si ám minh*” (Vàng mặt trời hóa Phật và hóa Bồ Tát trừ tối tăm do ngu si trong cõi đời). Ai đến làm hóa Phật? Ai đến trừ tối tăm do ngu si cho cõi đời? Kẻ tối tăm vì ngu si chỉ bao gồm [chúng sanh trong] chín pháp giới, chẳng phải là vàng mặt trời hóa Phật, Bồ Tát. Vì sao bao gồm chín pháp giới? Chẳng có Phật nhật luân, dùng gì để chiếu soi hồng trần bỏ tối tăm do ngu si trong chín pháp giới? Do vậy, khi chúng ta niệm bảo hiệu vạn đức quang minh “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, sẽ soi tỏ pháp giới, ban tròng mắt cho chúng sanh.

Nếu có mắt mà chẳng có ánh sáng, dùng gì để thấy? Vì thế nói “*tác dĩ thế gian đặng minh*” (làm đèn sáng cho thế gian). Trong tối tăm, mắt có tác dụng gì? Do đó, hữu tình trong chín pháp giới đều dựa vào quang minh nơi vàng mặt trời của chư Phật để chiếu rọi, hướng dẫn mà thành tựu Bồ Đề. Từ địa vị Sơ Tín Bồ Tát mãi cho đến Đẳng Giác, đều nương vào niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng để tăng thượng mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Các vị Bồ Tát ơi! Đừng coi rẻ niệm Phật!

Vì vậy, hành Ban Châu có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế, làm đèn sáng cho thế gian, rộng lợi ích hữu tình. “*Đèn sáng*” là nói tỷ dụ,

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

thật sự là vàng mặt trời. Vàng mặt trời vẫn là nói tỷ dụ! Pháp quang minh oai đức của chư Phật chiếu khắp thế gian, vàng mặt trời sao có thể sánh ví cho được? Chỉ đều là nói tỷ dụ đó thôi.

**(Kinh) Vân hà đương đắc bất khả khinh miệt, thắng xuất nhất thiết tam giới cố?**

**(經)云何當得不可輕蔑，勝出一切三界故？**

**(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng thể khinh miệt do thù thắng vượt khỏi hết thảy tam giới?)**

Trong cõi này (thế giới Sa Bà) có tam giới, thế gian ở phương khác cũng có tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Cõi này là một tiểu thế giới, trung thế giới, đại thế giới, đại thiên thế giới, là quốc độ tồn tại các loại thế giới. Trong các loại tam giới, làm thế nào để “thắng xuất nhất thiết tam giới” (thù thắng vượt khỏi hết thảy tam giới). “Bất khinh miệt” (Chẳng khinh miệt) thù thắng hơn hẳn, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, đối với hết thảy chúng sanh, chớ nên khinh miệt, hủy báng, chớ nên chửi bới. Đối với hết thảy pháp thế gian, chớ nên khinh mạn, chớ nên coi rẻ, hãy nên tôn trọng hết thảy. Cái tâm “tôn trọng hết thảy” là tâm bình đẳng. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm vui sướng thù thắng. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm chân thật. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm tri ân. Cái tâm tôn trọng hết thảy là Phật tâm! Thắng thùng vượt thoát tam giới, không nhờ vào phương tiện, tự tâm hiện tiền diệu dụng. Chúng ta tu ngay trong hiện tiền, vận dụng trong hiện tiền, ngay trong lúc tu hành, đã thù thắng vượt thoát tam giới, tức là ngay trong một niệm phương tiện hiện tiền, liền có thể chọn lựa. Nếu mở rộng đến vị lai, sẽ thành tựu an trụ, lợi ích thế giới rộng khắp, tự lợi lẫn lợi tha.

“Bất khả khinh miệt” (Chẳng thể khinh miệt) hết sức quan trọng. Có nhiều vị hành pháp do kiêu mạn mà lấn hiếp người khác. Có nhiều vị hành pháp do kiêu mạn mà rơi vào tà kiến. Có nhiều vị hành pháp do tự cho là chẳng đúng pháp, nẩy sanh cái tâm ti tiện, khinh miệt mình lẫn người. Có nhiều người hành pháp do chẳng biết “*pháp chẳng có tự tánh*”, bèn vọng nhiễm, vọng chấp, vọng thức, cho rằng có được, có mất, làm lạc sanh lòng lấn hiếp. Từ trong pháp vô sở đắc, hư vọng cho là có cái để đắc, phần nhiều trở thành kẻ tăng thượng mạn, dầu có thái độ siêng khổ [tu hành], vẫn chẳng thể thân cận pháp ích, chẳng có bi trí

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thiện xảo, diệt mất phương tiện, chấp trước mạnh mẽ đối với thế giới, bị các nỗi khổ của chính mình lẫn người khác bức bách. Những kẻ đọa lạc như thế là các chúng sanh đọa chur Phật, Bồ Tát thương xót, [bởi họ đã] đánh mất cam lộ vị trong niệm Phật. Do vậy, họ đều là những người đáng nên gấp rút cứu vớt, vì họ chẳng thuận theo pháp, phá hoại pháp. Chúng ta phải khéo tư duy, khéo quan sát điều này, chớ nên hủy nhục người khác. Các vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta hành pháp, nhất định phải tôn trọng hết thầy hữu tình, hết thầy cơ chế, hết thầy nhân duyên. Tôn trọng như thế, sẽ có thể vượt thoát tam giới, lợi ích tam giới!

***(Kinh) Vân hà đương đắc vô tránh luận, như giáo thuyết hành cố?***

***(經)云何當得無諍論，如教說行故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được không tranh cãi, đúng như lời dạy mà hành?)***

“Vô tránh luận” là căn bản của pháp Tịnh Độ, là cội rễ của giáo ngôn chur Phật, là căn bản để lợi ích trọn khắp hữu tình. Căn bản ấy chính là tướng trọn đức, chẳng tạo tác, là trí bình đẳng bất nhị, vốn như thế đó. Vốn chẳng thể tranh chấp, do chúng sanh phân biệt, chấp trước, mà tạo lập đủ loại kiến giải tranh chấp, nghị luận tranh chấp, các pháp tranh chấp, [những thứ hư vọng ấy đều] do thế gian sốt sắng tạo nên. Khi A Di Đà Phật tu nhân địa, đã lập ba thế nguyện. Điều được thế nguyện căn bản gìn giữ duy trì chính là “vô tránh nguyện”, được Vô Tránh tam-muội nhiếp trì, thủ hộ, ban bố “không tranh chấp” cho hết thầy chúng sanh, khiến cho hết thầy chúng sanh đạt được trí thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng giác cũng là nơi an trụ của Vô Lượng Thọ Phật. Đây chính là bố thí thuốc để cứu chữa chúng sanh, cứu chữa cái tâm vô thường sanh diệt và cái tâm tạo tác sanh tử đối đãi của chúng sanh. Do vậy, vô tránh là cội rễ của pháp Tịnh Độ, mà cũng là chỗ quy kết của các thiện xảo trong hết thầy Phật pháp. Nếu nầy sanh đối đãi, tất nhiên sẽ dấy lên tranh chấp. Nếu dấy lên tranh chấp, tất nhiên là bối rối vì sanh tử hiện tiền, [khi đó], dầu nương theo giáo pháp để tu hành, sẽ không có chỗ để nương cậy. Do vậy, trong ba thế nguyện bí mật do A Di Đà Phật đã lập ra, lợi ích căn bản là “chẳng tranh chấp”. Nếu nhận biết căn bản “chẳng tranh luận”, sẽ thấy trí thanh tịnh bình đẳng của A Di Đà Phật, sẽ thấy sự liên tục của Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Trong thời đại này, có thể là mọi người khá khốn đốn vì thói xấu “*thuyết pháp nhiều, hành pháp ít*” như thế đó! Pháp tắc được thực hiện trong một đạo tràng, phần nhiều là chẳng thể đạt đến mười phần đúng mức thật sự tương ứng, thường sẽ nảy sinh các tranh luận do chấp trước nơi tình kiến. Nhưng nếu y theo giáo pháp để hành, sẽ có thể tiêu trừ các so đo tình chấp của chính mình, đạt được sự thực hiện đúng như pháp, thành tựu mình lẫn người, lợi ích thế gian. Nói theo giáo ngôn Tịnh Độ, dùng “*diệt tránh*” (diệt trừ tranh chấp, cãi cọ) làm phương tiện tối thắng. Người đời do tạo tác tranh luận, nảy sinh thói quen tạo nghiệp trái nghịch, tàn hại, thậm chí còn khá hào hứng làm chuyện đó. Trong một đạo tràng, hoặc trong quá trình tu pháp, nếu mỗi người đều nói chuyện thị phi, sẽ dễ sanh lòng vui thích; nhưng nếu bàn tới các nhu cầu để đạt tới vô sự, an tịnh, thì người ta thường chẳng cảm thấy yên vui cho lắm. Đó là cái tâm của phàm phu, mà cũng là tâm phân biệt, tâm chấp trước. Trong khi hành Ban Châu, tức là pháp Thường Hành đạo, đích xác là hãy nên đối trước mỗi chuyện, mỗi thời khắc quan trọng, mỗi nhân duyên xảy đến với chúng ta, tâm trí đều biết rõ như thật, chẳng tranh chấp, tâm trí bình đẳng, tiêu trừ kiến giải luôn phân biệt những thứ vốn chẳng cần thiết phải phân biệt mà lại dấy lên phân biệt, xa lìa các nỗi khổ vô ích. Người đời đã quen tranh luận và tranh chấp, nhất là trong thời đại này, [lắm kẻ] coi đấu tranh như một thứ lạc thú. Đấu với trời, đấu với đất, đấu với người, nói chung là vui thú khôn cùng! Trên thực tế, chẳng phải là như thế, [nếu ưa thích tranh chấp] như vậy thì đủ loại nghiệp khổ trong hiện tại, nghiệp khổ trong vị lai, nghiệp rớt ráo cũng là khổ. Nếu nghiệp hiện tại của chúng ta thanh tịnh, mỗi khi đấu tranh, ngờ vực, lo ngại, phiền não vừa sanh khởi, bèn tiêu trừ lập tức, giải quyết lập tức, nhận biết lập tức, thì quả báo trong hiện tại, quả báo trong vị lai, quả báo rớt ráo tất nhiên là thanh tịnh, bình đẳng, chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tu hành pháp Ban Châu ngay trong hiện tiền, đừng quên đằng sau các danh từ ấy chính là các chuyện, các tướng, các nhân duyên mà chúng ta đã gặp. Ngay trong sát-na gặp gỡ những chuyện ấy, phải kịp thời giải quyết ngay, đừng để cách một niệm, một thời, hay để cách ngày! Nếu quý vị có thể giải quyết chẳng chậm một ngày nào, dẫu hành pháp Ban Châu phát triển chậm chạp, trúc trắc đôi chút, vẫn đạt được lợi ích do hành pháp Ban Châu. Như thế thì “*chẳng cách thời*” (giải quyết mọi phiền não ngay khi chúng vừa khởi lên ngay lập tức, đừng chần chừ), có thể nói là sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nếu thật sự chẳng để cách

niệm, niệm niệm nối tiếp, người ấy đối với sức tam-muội sẽ chẳng cần nhờ tới ngôn thuyết, mà đã có thiện xảo cùng công đức chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Vân hà đương đắc vô gian nan hạnh, vô trụ trước cố?*

**(經)云何當得無艱難行，無住著故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được hạnh chẳng khó khăn, vì chẳng chấp trước?)*

“Vô gian nan hạnh” thật ra là sự khinh an, thiện xảo trong hành pháp. Người thật sự học Phật chẳng cảm thấy có gánh nặng, chẳng cảm thấy nặng nề, chẳng cảm thấy đau khổ. Nặng nề, đau khổ tức là biểu hiện của sự chẳng đạt được lợi ích từ Phật pháp ngay trong hiện tiền. Người thật sự có hai pháp Bi và Trí, chẳng đắm nhiễm pháp, có gì là gian nan, trức trặc? Nếu tâm trí bị nhiều sự tướng che lấp, các nạn duyên kích phát lẫn nhau, tức là sai mất rồi, sẽ nảy sinh các nỗi khổ chẳng cần thiết! Chẳng hạn như hiện thời học tập pháp này, mọi người sẽ dần dần tiến đến giai đoạn bình ổn, chúng ta cũng chẳng cần phải hưng sư động chúng. Trong quá trình này, mỗi người chúng ta trong hiện tiền đều chẳng được khích lệ, vẫn chẳng thoái thác trách nhiệm học tập Phật pháp, thực hành Phật pháp nhằm tự lợi. Tại chúng ta thường nghe đặc nghệt [những lời lẽ phê phán] kẻ khác như thế nào, đạo tràng như thế nào, kẻ nọ như thế nào, những kẻ phục vụ như thế nào... Nếu nói “chính mình phải nên làm như thế nào” thì [những lời phê phán] ấy sẽ ít đi. Có các vị Bồ Tát chẳng nói nhiều cho mấy, như thế thì sẽ đơn giản hơn. Trên thực tế, mỗi khi chúng ta gặp chuyện khó khăn phát sanh, trức trặc, hãy quan sát nó sanh khởi từ tự tâm của chính mình, nó sẽ ngay lập tức chẳng gây trở ngại nữa. Như thế là đích xác tu pháp Ban Châu, đó là đạo thường hành. Nếu có chuyện nào dẫn đến trức trặc, gian nan, tức là chúng ta chẳng hành đạo, là phi đạo (trái đạo, nghịch đạo), ác đạo. Nếu đích xác là chẳng thể hướng dẫn hữu tình tiến nhập Bồ Đề, vận dụng pháp tắc, vậy thì pháp tắc mà chúng ta đang học tập còn có tác dụng chi nữa? Chẳng phải là rơi vào hình thức rỗng tuếch ư?

Trong mỗi thời khắc chúng ta học tập, đích xác là phải tôn trọng cái tâm và duyên của chính mình, tôn trọng nghiệp tướng ngoại tại của chính mình. Sự tôn trọng ấy khiến cho tâm trí người khác khinh an, chẳng đắm nhiễm, thường hành đạo nghiệp trong hiện tiền, trọn chẳng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

có nghĩa là chúng ta học thuần thực rồi mới “*thường hành đạo*”. Cái gọi là “*tu Ban Châu*”, tức là trong khi chúng ta nghe pháp, lúc nghỉ ngơi, lúc giao tiếp, lúc gặp phải nạn duyên (các duyên gây khó khăn), lúc gặp phải khốn khó, lúc nảy sinh nhân ngã thị phi, sẽ đều “*vô trước trụ*” (không chấp trước). “*Vô trước trụ*” là gì? Chớ nên coi sự tình là thật, chớ nên quá quan trọng hóa sự tình. Đối trước nghiệp duyên như huyễn, nghiệp duyên hiện tiền, chúng ta cần phải xử lý chúng, hãy đừng khẳng khẳng chấp đó là sự thật. Nếu cưỡng chấp là sự thật, sau đó phải sám hối, lại còn phải trừ sạch, lại còn phải sửa đổi, như thế thì sẽ rất tốn công sức! Giống như đã dựng xong một căn nhà rồi phá sập nó. Cưỡng chế chấp trước, chấp trước những trúc trắc, sẽ cưỡng chế kiến lập nghiệp tướng của ác nghiệp, sau đó toan lay động nó, sẽ mười phần tốn sức. Nếu trong sát-na khó khăn, nghiệp duyên và mâu thuẫn sanh khởi, chúng ta hãy lập tức tu, lập tức hành pháp Ban Châu để quan sát cẩn thận, đó cũng là “*hành vô gian nan*”.

Mỗi người chúng ta trong khoảnh khắc gặp chuyện, chuyện đó có thể là nguồn gây ô nhiễm, mà cũng có thể là nguồn thanh tịnh. Nếu đúng pháp duy trì, nó sẽ là nguồn thanh tịnh. Nếu truyền bá sự ô nhiễm của nó thì sẽ là ngọn nguồn ô nhiễm, là thứ gây họa. Các vị Bồ Tát ơi! Chuyện này chẳng cần phải nói, mỗi người chúng ta đều có thể trông thấy, mà cũng đều có thể lý giải. Do vậy, chúng ta đối với cơ chế và khái niệm học pháp, vận dụng pháp, nhất định phải thuần thực ngay trong mỗi niệm hiện tiền, ngay nơi mỗi sự, ngay nơi mỗi người! Các vị Bồ Tát ơi! Đó là duyên khởi tốt nhất của hạnh Ban Châu, là duyên khởi bình thường nhất, là duyên khởi chân thật nhất, mà cũng là hành pháp Ban Châu dễ hành nhất. Trong Phật giáo, như tông Thiên Thai đã phán định: “*Trong hết thảy tam-muội, có bốn loại tam-muội*”. Tùy Ý tam-muội tu trì từ chỗ này, tức là trong hết thảy ý niệm, lúc sự tướng hiện tiền, lúc mất chánh niệm, sẽ lập tức nhận biết, khiến cho tự tánh lưu lộ, hoặc là tự tánh được tiếp nối, sanh khởi tác dụng. Như thế thì sẽ chẳng mê mất nơi sự tướng thiện, ác, đúng, sai, có thể do Phổ Đẳng tam-muội, hoặc là Tùy Ý tam-muội mà tùy lúc tu hành. Thường hành đạo của Ban Châu cũng cần phải tu chúng ngay trong mỗi niệm.

***(Kinh) Vân hà đương đắc tri u Thật Tế, bất phân biệt chư pháp cố?***

**(經)云何當得知於實際，不分別諸法故？**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ biết Thật Tế, chẳng phân biệt các pháp?)*

Một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” đã bao gồm các lợi ích thực tế do hành pháp Ban Châu dẫn xuất, do Hiền Hộ Bồ Tát thay chúng ta khai vãn đức Thế Tôn, và do đức Thế Tôn tuyên nói cho đại chúng, khiến chúng ta có thể trụ trong an lạc, trụ trong chân thật, trụ trong quan sát lợi ích nơi pháp tu này. “*Vân hà đương đắc tri ư Thật Tế*” (Như thế nào thì sẽ biết Thật Tế). Thật Tế là gì? Trong nhân duyên hiện thực thì có hai loại Thật Tế: Một là cứu cánh Thật Tế, hai là hiện tiền sự tướng Thật Tế. Chúng ta thường nghe người khác nói: “Trên thực tế, có phải là tình huống ấy hay không?”, hoặc “đấy là tình huống thực tế ư?” Các sự tình phát sanh, nhân duyên đã hiện tiền, được gọi là hiện tướng thực tế (hiện tiền sự tướng Thật Tế), tức là thực tế trong hiện tại. Đương nhiên cũng có cứu cánh thực tế (thực tế rốt ráo), tức là thực tế do nương theo Lý để quan sát cẩn thận. Nếu dựa trên hai pháp Lý Quán và Sự Quán để quán Thật Tế, sẽ có thể đạt được thiện xảo. Chẳng hạn như chúng ta dùng tâm trí “chẳng phân biệt các pháp”, thì đó cũng là tâm trí của Ban Châu hạnh, mà cũng là tâm trí thường hành đạo. “*Đạo*” chính là chẳng phân biệt các pháp trong thực tế hiện tiền, mà “*các pháp*” chính là “*các tâm*”. “*Các tâm*” là các loại cảm giác, các loại nghiệp tướng. Nếu trong các nghiệp tướng, sẽ có các thứ sự tướng. Nếu dựa theo rốt ráo để nói, y theo Lý để nói, quả thật chẳng có gì để phân biệt, chẳng có gì để tạo tác, chẳng có gì để sanh diệt.

Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải dung nhập Phật pháp vào trong chỗ sâu thẳm nơi tâm linh của chính mình, dung nhập thực tế hiện tiền của chính mình, thật sự làm một vị trí giả, người có lòng bi, bậc tạo phương tiện, bậc đạt được Bồ Đề tâm, làm một hành giả trọn đủ đại bi, đại trí, đại nguyện trong Phật pháp, chẳng cô phụ chính mình! Đừng cho rằng điều này cách biệt chúng ta rất xa xôi. Nếu đúng như pháp thực hiện, nó sẽ chẳng xa xôi. Nếu đùn đẩy cho người khác, gán cho Phật, gán cho bậc hiền giả, gán cho thánh nhân, như thế thì sẽ chẳng liên can gì đến chúng ta. Điều này rất rõ ràng, “*tri ư Thật Tế*” (biết Thật Tế) có hai pháp Lý và Sự. Nói theo Lý, quả thật chẳng có phân biệt. Nói theo sự tướng, đối với chỗ phân biệt bèn vừa khéo dùng thiện xảo “chẳng phân biệt” để quan sát và vận dụng, thì sẽ là người hành pháp thanh tịnh, lợi ích chân thật. Chúng ta thấy nhất quán từ đầu đến cuối trong mấy chục câu hỏi, toàn bộ đều là nói đến hành pháp như lý, tâm trí như lý, thủ hộ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

như lý, xa lìa đắm nhiễm và tranh cãi, kiêu cao, xa lìa trúc trắc, xa lìa thị phi, xa lìa chấp trước [vạn pháp] là thật, biết [vạn pháp] là huyền hóa, biết chúng chẳng thể đạt được. Các vị Bồ Tát ơi! Chúng ta vứt bỏ nhân duyên gia đình, vứt bỏ hoàn cảnh sống quen thuộc của chính mình, đến nơi núi cao như thế này, phải nên có một mục đích duy nhất: “*Tới đây để tu tập Phật pháp, học tập Phật pháp*”. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, phải vứt bỏ các tạp niệm và tạp duyên chẳng liên can, vô ý nghĩa, chẳng cô phụ cơ chế và cơ duyên của công đức thù thắng nơi các hiện duyên của chính mình, cũng như các pháp tắc có công đức thù thắng mà ta đã được nghe. Nếu chẳng như thế, sẽ là khinh mạn chính mình, khinh mạn pháp tắc, khinh mạn hiện tại, khinh mạn sanh mạng được mười phương dưỡng dục của chính mình, làm sao có thể đạt được lợi ích như thế cho được?

Trong Phật giáo, mọi người đều đề ra “*sống với lòng biết ơn*”, nói “*hết thầy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, chỉ có ta là phàm phu*”, phải dùng tâm thái cảm ơn để đối đãi các hữu tình, phải đối đãi với hiện duyên bằng lòng cảm ơn, phải đối đãi với hữu tình có tánh chất xấu ác bằng lòng cảm ơn, phải đối đãi với các nhân duyên khổ nạn bằng lòng cảm ơn, do vì lẽ nào? [Các thứ ấy] đều là sự gia trì khiến cho đạo nghiệp tăng thượng và là các bậc thầy tốt lành hướng dẫn tạo lợi ích. Chúng ta há có thời gian để tạo tác các pháp tắc chẳng tương ứng nữa ư? Tôi nói những điều này, cũng vẫn là hy vọng mọi người hãy vận dụng giáo pháp, vận dụng kinh điển để xem xét kỹ càng khởi tâm động niệm của chính mình. Phải thấy rõ khởi tâm động niệm, nhận biết chuẩn xác, nhất định đừng bỏ qua. Đừng cho rằng ngoại trừ khởi tâm động niệm, còn có vật gì khác. Nếu có thể nắm giữ rõ ràng pháp tắc này, vận dụng thành thực, sẽ đúng là tròng mắt của thế gian, là bậc thiện xảo trong thế gian, là lìa khổ, là được vui, ban an lạc cho chúng sanh.

Do vậy, “*đắc tri ư Thật Tế, bất phân biệt chư pháp cố*” (được biết Thật Tế, chẳng phân biệt các pháp). Trong Thật Tế Lý Địa, đối với giá trị, chẳng nhiễm mảy trần, nương theo pháp mà quan sát. Như thế thì sẽ có các sự biến hóa trong sự tướng, các thứ đắm nhiễm, các loại thiện, các loại ác, thật sự đúng là chúng ta đang hành đạo, biết tâm, biết cơ hội thiện xảo của pháp và duyên tăng thượng, chẳng tạo duyên đọa lạc, chẳng tạo duyên buông lung, đừng đắm chìm trong sự hưng phấn và nghiệp lực của chính mình. “*Hưng phấn*” là gì vậy? Chúng ta đều biết, rất nhiều kẻ hút ma túy, biết rõ là độc hại, nhưng vẫn hút, vì nó khiến họ hưng phấn. Kẻ hút thuốc lá biết rõ thuốc lá độc hại, nguy hại cho sức



khỏe, nhưng vẫn cứ hút vì nó khiến cho họ hưng phấn. Kẻ uống rượu biết rượu không tốt cho con người, gây loạn tánh, vẫn cứ uống. Có kẻ đánh nhau, ẩu đả, biết là không tốt, vẫn cứ đánh nhau, ẩu đả, vì hưng phấn! Vì sao có rất nhiều người biết rõ là chuyện không tốt mà vẫn cứ làm? Đã bị trúng độc, tức là đánh mất sự thủ hộ đối với tâm trí ngay trong lúc ấy, đánh mất duyên khởi thanh tịnh ngay trong lúc đó. Duyên khởi đã chẳng thanh tịnh, các loại nghiệp tướng sẽ tiếp nối.

*(Kinh) Vân hà đương đắc thuyết nhất thiết ngữ ngôn trí, linh chư chúng sanh trụ u Đại Thừa cố?*

**(經)云何當得說一切語言智，令諸衆生住於大乘故？**

*(Kinh: Như thế nào thì đạt được trí nói hết thảy các ngôn ngữ, khiến cho các chúng sanh trụ trong Đại Thừa?)*

“*Nhất thiết ngữ ngôn trí*” (Trí biết hết thảy ngôn ngữ): Chúng ta đều biết, trong trí tổng tướng, Đà-la-ni giáo biểu đạt trí biết hết thảy ngôn ngữ. Đà-la-ni là trọn hết thảy các nghĩa, trọn hết thảy công đức, có đủ hết thảy thiện xảo, đủ hết thảy phương tiện, đủ hết thảy các pháp. Đà-la-ni còn gọi là Tổng Trì, nhưng thường là [từ ngữ này và nội dung của các Đà-la-ni đều] chẳng phiên dịch. Chẳng hạn như trong công khóa [sáng sớm] nơi đất Hán, chú Lăng Nghiêm là Đà-la-ni, mười tiểu chú là Đà-la-ni, chú Đại Bi là Đà-la-ni. Lại như chúng ta đọc kinh Viên Giác, trong ấy nói “*thử thị đại Đà-la-ni giáo*” (đây là đại Đà-la-ni giáo), tức là giáo pháp Tổng Trì.

Nay chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, có phải là Đà-la-ni giáo hay không? Có phải là trí hết thảy ngôn ngữ sẽ khiến cho chúng sanh ai nấy đều có thể sử dụng hay không? Chắc chắn là như thế. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hồi thí thanh tịnh bình đẳng giác, có thể khiến cho chúng sanh nhập Đại Thừa, an trụ trong Đại Thừa, tức là bình đẳng gánh vác. Lại còn như lay Vãng Sanh Lễ Tán, trong ấy, cuối cùng có một câu: “*Nguyện cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc*” (Nguyện cùng các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc). Đó là tâm trí Đại Thừa, pháp tác Đại Thừa, hiệu ứng Đại Thừa, lợi ích chân thật của Đại Thừa được hiển hiện, tức là nguyện cho pháp giới chúng sanh cùng lúc đều đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nguyện cho hết thảy chúng sanh đều cùng sanh về cõi Vô Lượng Quang Phật. Cõi của A Di Đà Phật là cõi Phật Vô

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Lượng Quang, nguyện vãng sanh liền vãng sanh, tâm làm Phật, tâm là Phật. Do công đức của A Di Đà Phật mà thành tựu Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đẳng Quang, Trí Huệ Quang, đó là tướng quả đức trong công đức, chiếu trọn khắp pháp giới. Nếu ai tín thuận, sẽ liền được vãng sanh. Đó gọi là “*thập vạn ức sát độ, nhất niệm tín tức thị*” (mười vạn ức cõi nước, một niệm tin là được). Tín là tri kiến hiện thời của chính mình ngay lập tức dung nhập cõi Phật Vô Lượng Quang, chẳng nhiễm, chẳng đắm, nhất thời dùng quả đức trí huệ quang minh của Phật để dung nhập tự tâm, tự tâm ẩn khế, chẳng hai, chẳng khác, sẽ ẩn chứng và chứng thực lợi ích vãng sanh ngay trong hiện tiền. Nếu tiếp nói như thế, người ấy sẽ đắc trí quang minh, vô ngại, và giải thoát, trọn đủ hết thảy các thiện xảo, gánh vác và lợi ích hết thảy chúng sanh.

“*Trụ u Đại Thừa*” (Trụ trong Đại Thừa): Tất cả ngôn thuyết của chúng ta chẳng đều lợi ích trọn khắp hữu tình ư? Sự thuyết giáo của Thanh Văn là có đối đãi. Chẳng hạn như nói hàng xuất gia và tại gia nếu phạm năm giới, tám giới, mười giới, hành bất tịnh pháp, sẽ đọa trong các loại khổ báo của ác nghiệp. Đó là cách nói đối ứng căn cơ, chẳng phải là giáo ngôn rốt ráo, rộng lớn của Đại Thừa. Nhưng giáo ngôn đối ứng căn cơ ấy là sự quở trách và khuyến hóa dành cho các loại hữu tình chẳng trì giới, phạm giới. Chúng ta nói “*Nam-mô A Di Đà Phật*” chiếu khắp hết thảy hữu tình thiện ác trong mười phương. Đây là sự hồi thí bình đẳng của Đại Thừa, bình đẳng lợi ích rộng khắp hết thảy hiện duyên hữu tình, khiến cho hết thảy hữu tình nghe xong, sẽ đều được lợi ích bình đẳng, giống như chiếc thuyền lớn chuyên chở. Giống như một căn nhà lớn này của chúng ta, giả sử hiện thời biến thành chiếc thuyền “*A Di Đà Phật số Một*” để mọi người đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nhưng nếu chúng ta nói “người xuất gia thì đi, còn hàng tại gia lui ra” thì sẽ trở thành đối đãi căn cơ. Hoặc “đàn ông đứng lại, đàn bà lui ra ngoài”, đó là đối ứng căn cơ. Hoặc “thiện nhân đứng một bên, ác nhân đứng một bên”, lại thành có căn cơ, chủng loại khác biệt! Giáo pháp dựa theo căn cơ, có thể nói là nhập Đại Thừa, có thể nói là Thanh Văn Thừa, cũng có thể nói là phán định theo nhân thiên, hoặc phán định theo thiện ác, cũng có thể chẳng phải là Phật pháp. Chẳng hạn như nhân ngã thị phi có thể chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, ở đây hy vọng mọi người đều có thể thiện xảo tu tập pháp tắc Đại Thừa, sẽ có phương tiện để tiến nhập.

***(Kinh) Vân hà đương đắc chí vô úy xú, viễn ly khủng bố, vĩnh vô nhất thiết ma thú đẳng sự cố?***

**(經)云何當得至無畏處，遠離恐怖，永無一切毛豎等事故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt tới chỗ không sợ hãi, xa lìa sợ hãi, vĩnh viễn chẳng có hết thảy chuyện rồn lông tóc?)*

Người khác nhau sẽ có cảm nhận khác nhau. Có người hành Ban Châu, buổi tối trông thấy bóng tối cũng sợ rồn cả lông tóc, sanh khởi sợ hãi. Có người ở nơi đồng trống sẽ sanh khởi sợ hãi. Có người đọc kinh sợ rồn da gà, run rẩy. Có người thấy tướng ác bèn rồn cả lông tóc. Có người thấy tượng Phật sẽ rồn cả lông tóc, run rẩy. Có người nghe một câu nói sẽ rồn cả lông tóc, run rẩy. Đấy đều là do nghiệp quả chín muồi của mỗi người, do Dị Thục Quả tiếp tục kích phát biểu hiện ra.

“*Mao thụ tướng*” (毛豎相, tướng rồn lông tóc), trên thực tế là do sợ hãi. Một số vị cư sĩ trẻ tuổi tại gia thích xem phim kinh dị, tức là mong được sợ hãi rồn da gà. Đó là một nhân duyên. Ở đây, [chánh kinh] bảo chúng ta như thế nào thì sẽ có thể xa lìa nhân duyên như thế đó? “*Đắc chí vô úy xứ*” (Đạt tới chỗ không sợ hãi): Nếu chúng ta thường hành pháp Ban Châu, sẽ ngay lập tức xử lý sạch sẽ, chẳng đắm nhiễm, tâm chẳng vương mắc, không đầu, không cuối, chẳng thiện, chẳng ác, các đối đãi tan hoại, há có sợ hãi gì nữa ư? Do vậy, chỗ lợi ích công đức chân thật của hành pháp Ban Châu là chắc chắn xa lìa hết thảy sợ hãi. Nếu chúng ta đích thân chứng tam-muội, đích thân chứng tự tánh, còn sợ hãi chi nữa? Vì đối đãi còn chẳng sanh khởi, há có nỗi sợ hãi và kẻ sợ hãi ư? Há còn có cái người bị sợ hãi và chuyện đáng để sợ hãi nữa ư? Do đó, hành pháp Ban Châu chắc chắn có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế, có thể khiến cho hữu tình đạt tới chỗ chẳng sợ hãi.

Đây là một câu hỏi rất hay! Hiền Hộ Bồ Tát đến giúp chúng ta là những kẻ học Phật trong thời Mạt Pháp, tức là các hữu tình luôn suy nghĩ vô ích, quan sát vô ích, hoặc chẳng có sức để suy xét, hoặc chẳng có sức để quan sát. Người hiện thời nếu có vấn đề phải suy xét, thường là rất tạp loạn! Rất nhiều vị Bồ Tát hể mở miệng ra toàn là ác tri ác kiến của chính mình, chẳng liên quan gì tới Phật pháp! Các hữu tình khéo tu duy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Khổ, Tập, Diệt, Đạo, niệm tịch tĩnh Niết Bàn, niệm “vô ngã, vô thường”, tức là đã nương theo pháp để tư duy, nương theo pháp để trao đổi, nương theo pháp để tu tập. Từ điều “*vân hà*” thứ nhất cho đến điều “*vân hà*” chín mươi, mỗi điều đều

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhằm bảo chúng ta hãy tư duy đúng như lý, thực tập đúng như lý, quan sát đúng như lý, khái giáo (khái thỉnh giáo pháp) đúng như lý. Nhất định chớ nên xem thường những văn tự ấy. Chớ nên xem nhẹ kinh điển! Chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, đây cũng là chỗ quy y của chúng ta, giống hệt như đức Phật trụ thế chẳng nghi, an ủi chúng ta. Nếu có thể y giáo phụng hành, nhất định có thể đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thường nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, nhưng chỉ là nói ngoài miệng, hay là trong tâm nghiệp hành xử thật sự quy y? Khi chúng ta nói chuyện thị phi, khi đánh lộn, khi gây chuyện ồn náo, niệm nào cũng đều là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, sau đó mới cùng người khác đấu tranh. Khi trong tâm chúng ta phiền não, khi chẳng có cách nào giải quyết vấn đề, khi tư duy chẳng đúng pháp, niệm nào cũng đều là “*Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, tịch tĩnh Niết Bàn*”, sau đó sẽ cùng người khác biện luận đúng, sai, nói hay, nói dở. Như thế thì nhất định sẽ có ý nghĩa. Đây là tư duy đúng lý, phê phán đúng lý, trao đổi đúng lý, như thế thì chúng ta sẽ đều có thể lìa khổ, được vui. Nếu không, sẽ đều là thành chẳng đúng pháp, nói chẳng đúng pháp, trao đổi chẳng đúng pháp, lãng phí thời gian của chính mình, lãng phí tinh lực của kẻ khác, kết quả là còn rơi vào quả báo có tánh chất xấu ác, thật sự chẳng tương ứng. Đó là chỗ đáng sợ hãi.

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta thật sự phải nên suy xét chỗ chúng ta sợ hãi là gì? Nếu thật sự tư duy, hãy xét xem trong tâm ta có phải là có điều sợ hãi hay không? Có chỗ hoảng sợ hay không? Có người sợ cái này, có người sợ cái kia. Nỗi sợ hãi đúng là khác nhau! Tôi đã thấy có người sợ gia đình chẳng duy trì nổi, sợ chính mình chẳng có người yêu, sợ xuất gia... Thế nhưng, kẻ sợ đọa lạc rất ít, kẻ sợ chẳng có tham, sân, si đặc biệt nhiều! Dường như nếu chẳng có “*tham, sân, si, mạn, nghi*”, tợ hồ là chuyện rợn da gà! Tôi chẳng dám cười chuyện này, hy vọng mọi người thật sự tư duy đúng như lý để suy nghĩ xem chính mình sợ nhất điều gì? Người sợ đọa lạc đúng là rất ít; đây là chuyện rất đáng sợ. Người sợ xuất gia quá nhiều! Sợ xuất gia, sợ thoát khỏi tam giới, sợ chẳng đảm nhiệm! Đúng là chẳng thể khiến cho mọi người phải nghĩ lại, vì đảm nhiệm chính là mạng căn của chúng ta, mọi người đã quá quen thuộc, quen nết mất rồi, [luôn luôn] coi đó cũng là chuyện bình thường. Nhưng cái bình thường ấy lại đặc biệt bất thường, vì nó là cội rễ của luân hồi, có thể ngăn lấp đạo nghiệp thành tựu, là một thứ trần cấu đặc biệt sâu đậm!

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Đương đắc chí vô úy xứ*” (Sẽ đạt tới chỗ không sợ hãi): Rất ráo trong pháp ích, có thể nói Tứ Chánh Cần là chỗ không sợ hãi, tức là chúng ta an trụ trong thiện pháp cũng là chỗ không sợ hãi. Người xuất gia thủ hộ giới luật là chỗ không sợ hãi, mà phạm giới là chỗ sợ hãi. Hữu tình trong thế gian thủ hộ thiện pháp là chỗ không sợ hãi. Sợ có ác danh trong ác pháp, cũng sẽ sanh ra sợ hãi. Trong pháp xuất thế gian, có các thứ Thiên Định thiện xảo, thần thông tự tại, là một chỗ không sợ hãi. Có các thứ tán mạn, buông lung, không có sức tự khống chế, cũng là chỗ sợ hãi. Từ Bát Địa Bồ Tát trở xuống, thoái chuyển là chỗ sợ hãi. Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, bất thoái chuyển là chỗ không sợ hãi. Hữu tình mà chưa đạt đến địa vị Phật thì đều có Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc, đó là chỗ sợ hãi. Chư Phật Như Lai chứng thấu triệt A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, pháp tánh trọn khắp, chẳng sợ hãi gì. Đó là chỗ không sợ hãi. Các vị đại Bồ Tát vẫn có điều sợ hãi! Nói tương đối, ai nấy đều sợ hãi, chỉ có chư Phật xa lìa hết thảy sợ hãi. Chúng ta có thể vĩnh viễn chẳng sợ hãi hay không? Vậy thì phải thành tựu Bồ Đề rất ráo, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nương theo giáo ngôn trong tối thượng thừa để tu trì, cho đến tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, thật sự vĩnh viễn lìa khỏi hết thảy sợ hãi.

***(Kinh) Vân hà đương đắc tri Phật phương tiện thuyết, thiện đạt nhất thiết Tu Đa La đẳng cố?***

***(經)云何當得知佛方便說，善達一切修多羅等故？***

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ biết Phật nói phương tiện, khéo thông đạt hết thảy Tu Đa La bình đẳng?)*

Đức Phật thuyết pháp, đích xác là có Quyền Giáo và Thật Giáo, có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Đời Mạt Pháp có bốn ngọn đèn chiếu sáng thế gian, tức là pháp tắc Tứ Y. Đó là bốn cách nói quyết định để làm chỗ nương cậy cho thế gian, an ủi thế gian. Đó chính là “*y pháp, bất y nhân. Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa. Y trí, bất y thức. Y nghĩa, bất y ngữ*”. Bốn cách nói ấy là lời căn dặn của đức Thế Tôn dành cho hữu tình học Phật trong thời Mạt Pháp, tức là dạy chúng ta biết pháp tắc như thế nào để phán định sự học tập của chính mình? Phải nên dựa theo pháp, đừng dựa theo một cá nhân nào. Nương theo pháp liễu nghĩa, chẳng nương theo pháp bất liễu nghĩa. Nương theo trí, chẳng thuận theo thức. Nương

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

theo ý nghĩa, đừng nương theo từ ngữ. Dùng những điều này để khiến cho chúng ta thâm nhập, đạt được phương tiện hồi thí cho hữu tình.

Chúng ta hành pháp Ban Châu, có thể biết đức Phật nói phương tiện hay không?

Nói phương tiện thì có hai cơ chế để kiến lập:

1) Một là thuận duyên kiến lập.

2) Hai là nhằm thỏa thích bốn hoài của đức Phật, chiếu khắp, nhiếp trọn, rộng độ hữu tình mà kiến lập.

Tức là đối ứng căn cơ để thí giáo, khiến cho hết thảy các loại căn cơ sẽ do pháp tác tương ứng với căn cơ mà được độ thoát. [Đó là thuận duyên kiến lập]. Còn pháp kia nhằm thỏa thích bốn hoài của Phật, [tức hoài bảo vốn có của Phật là] phổ độ chúng sanh. Hai loại phương tiện này, loại sau là đại phương tiện, loại trước là phương tiện để tiến nhập căn cơ thích hợp, tức là đối với mỗi loại căn cơ, bèn nói một pháp nào đó. Nếu là vì tạo thiện xảo cho kẻ nương theo phước báo nhân thiên, bèn nói phước báo nhân thiên. Nếu là vì kẻ nương theo giáo pháp Thanh Văn đắc độ, bèn nói pháp Thanh Văn. Nếu là để người nương theo Bồ Tát Thừa đắc độ, bèn nói pháp Bồ Tát. [Đối với người] nương theo Đại Thừa đắc độ, bèn nói giáo ngôn Đại Thừa. Để độ người nương theo giáo ngôn về tự tánh rất sâu, bèn nói giáo ngôn Kim Cang Thừa về tự tánh, khiến cho chúng sanh đắc độ. Đây gọi là “*phương tiện nhiếp thọ, chế phục, tùy theo căn cơ mà thí giáo*”, nhưng đức Phật thuyết pháp bèn tự tại trong hết thảy các pháp. Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật thì sao? Thật sự là đại phương tiện! Cái được gọi là “*đại phương tiện*” chính là nhiếp thọ trọn khắp, lợi ích rộng khắp, chẳng bỏ sót. Một câu Nam-mô A Di Đà Phật dù phàm hay thánh, đều cùng được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ, chẳng bị bỏ sót. Đó chính là đại phương tiện giáo, là lời chân thật, là lời thành thật, là tướng công đức thỏa thích bốn hoài rộng lớn của Phật. Do đó nói: Phương tiện ở đây có hai loại xếp đặt, chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật chính là đại phương tiện trong hai loại xếp đặt ấy. Đó là có xuất xứ.

“*Thiện đạt nhất thiết Tu Đa La*” tức là khéo thông đạt hết thảy giáo ngôn Đại Thừa, giáo ngôn liễu nghĩa, chọn lựa cho chúng sanh, chẳng khiến cho hữu tình bị mê muội! Vì giáo ngôn bất liễu nghĩa có thể khiến cho hữu tình mê mờ, như nói “*hóa thành*” (tỷ dụ về cái thành được biến hóa ra [trong kinh Pháp Hoa], tức các pháp quyền biến), nói thiện và ác, lại như chúng ta nay nương theo các thứ giới pháp mà đui dút, yêu thương, che chở hữu tình. Đối với chuyện này, đều có thể sử

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

dụng cả ba thừa để phán định. Nếu là đối với kẻ đắm nhiễm sự được mất trong thế gian, hoặc đối với người có công đức, thì đây là phương tiện để nhiếp thọ, thủ hộ, là cách nói chẳng rốt ráo, do nói theo công đức và lợi ích, là nói tăng thượng, nhưng giới luật cũng có thể nói vô lậu, nói rốt ráo chân thật, trì giới có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Đây là nói theo Tu Đa La, nói theo liễu nghĩa!

“*Thiện đạt nhất thiết Tu Đa La đẳng cố*” (Do khéo thông đạt Khế Kinh bình đẳng): Chử Đẳng này [hàm ý] hết thấy các pháp do đức Phật đã nói chẳng có cao hay thấp, đều là tâm trí cội nguồn của hết thấy chúng sanh, khiến cho họ ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Do đó nói là “*pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, xa lìa tranh chấp, kiện tụng. Pháp ví như chiếc bè, độ thoát chúng sanh, thật sự chẳng có gì để đắc. Nếu Bồ Tát đã dựa vào Sơ Địa, sẽ biết hết thấy các pháp giống như ngón tay chỉ mặt trăng, ví như chiếc bè, chỉ là thiện xảo để tiếp dẫn, là phương tiện để tiếp dẫn, thật sự chẳng có pháp nào để có thể đạt được! Nhưng hữu tình ngu si đắm nhiễm trong cao, thấp, đắm nhiễm trong lớn, nhỏ, cho nên bươn bả trong cao thấp. Hiện thời, “*Giang Nam, Giang Bắc tìm kiếm Bồ Đề, quốc nội, quốc ngoại tìm kiếm Bồ Đề. Đất Hán, đất Tây Tạng tìm kiếm Bồ Đề*”, mọi nơi đều là như thế. Người như thế trong tâm chẳng công chánh, đối với pháp chẳng bình đẳng, nghe người khác nói pháp này to lớn bèn tu pháp này, người khác nói pháp kia mạnh mẽ, lại tu pháp kia. Dùng cái tâm tăng thượng bất bình đẳng, cái tâm tham lợi để cầu pháp, sẽ chẳng được yên vui. Vì sao? Chẳng biết nguồn cội của pháp và căn bản của tâm trí, mê mất mà phát tâm, cầu nơi cao, thấp, chạy ngược, chạy xuôi, chạy đến nổi thân thể mệt nhòai, chạy đến nổi một thân đầy phiền não, chạy thành một thân phỉ báng, chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Do đó, nếu tâm trí nương theo liễu nghĩa, nương theo tâm Vô Thượng Bồ Đề để quan sát hết thấy các pháp, [sẽ thấy] hết thấy các pháp bình đẳng một vị. Điều này chân thật, chẳng dối. Trong hết thấy mọi lúc, mọi thời, đều sanh khởi cái tâm cung kính to lớn, tôn trọng to lớn, yêu thích to lớn, cho nên “*thiện đạt nhất thiết Tu Đa La*” (khéo thông đạt hết thấy Khế Kinh). “*Hết thấy Tu Đa La*” chính là mỗi niệm hiện tiền, là nhân duyên trong hiện tiền của chúng ta. Đừng nên xem thường mỗi niệm hiện tiền trong hiện tại và cơ duyên trong hiện tại. Nếu không, sẽ thật sự đáng thương lắm! Chúng ta hằng ngày nghe những lời như thế, lại ngược ngạo nghĩ rằng rất xa xôi. Thật ra, chẳng phải vậy, nó giống như hư không dung nạp, gánh vác, dưỡng dục quý vị. Đừng nên bỏ mất pháp ích này!

**(Kinh) Vân hà đương đắc bất không sanh thế gian, hằng nhập nhất thiết chúng sanh hoạch lợi cố?**

**(經)云何當得不空生世間，恆入一切衆生獲利故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng lường lường sanh trong thế gian, luôn vào trong hết thấy chúng sanh mà đạt được lợi ích?)*

Nếu chúng ta nương theo Tứ Chánh Cần, nương theo tâm trí “*niệm A Di Đà Phật để lợi lạc trọn khắp hết thấy*” mà quan sát thế gian này, sẽ sanh trong thế gian mà chẳng rơi vào hư giả, chẳng rơi vào luân hồi, có lợi cho thế gian, mà thế gian cũng có lợi cho đời này. Chúng ta làm như thế nào để biến sanh mạng của chính mình trở thành có ý nghĩa đối với xã hội, đối với Phật pháp, đối với hữu tình? Tu trì vô ngã, chọn lựa vô ngã, phát tâm vô ngã, hết sức trọng yếu! Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, lập tức hành trì, thì có gì để được hay mất? Có gì để có thể thấy? Có gì để đảm nhiệm? Có gì là cao hay thấp? Do vậy, Không ở đây chính là Bất Không. Cái Không ấy chính là diệu dụng. Không là “*chẳng có tự tánh*”. Có thể sanh trong thế gian mà khéo lợi ích thế gian. Vào trong chúng sanh, hành các loại tự lợi và lợi tha. Vì trong lúc lợi tha, ắt có thể tự lợi; trong lúc tự lợi, ắt có thể lợi tha. Chẳng hạn như không sát sanh, không ăn thịt chúng sanh. Do vì chẳng sát sanh, xét theo nhân quả, quý vị có thể đạt được trường thọ. Do không sát sanh, quý vị yêu mến các sanh mạng khác, các sanh mạng khác sẽ được yên vui. Như thế thì đối với chính mình lẫn kẻ khác đều có lợi ích, đều có thể đạt được lợi ích. Chẳng sát sanh, về bản chất là chẳng có gì để có thể đạt được. Dẫu trường thọ, cũng chẳng thể đạt được. Tuy sanh ra các loại an ủi, cũng chẳng thể được. Thế nhưng, an ủi chúng sanh thì chính mình sẽ được an ủi, trường thọ thì tự được trường thọ, có sức thì chính mình tự được khỏe mạnh. Ở đây, đừng rơi vào sự trống rỗng, phù phiếm để rồi tự gạt mình, do nhân quả tiếp nối, do nghiệp duyên tiếp nối.

Các vị thiện tri thức ơi! Nói theo phía người học Phật chúng ta, dung thông Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) rất quan trọng, nhất định phải khéo suy nghĩ, suy nghĩ không ngừng, suy nghĩ chân thật. Một khi dung thông chỗ này, người ấy sẽ tâm khai ý giải, khéo quan sát pháp tắc thế gian và pháp tắc xuất thế gian. Đối với xuất thế và nhập thế, đều chẳng nầy sanh mâu thuẫn; đối với thế gian và xuất thế gian, đều đạt được phương tiện.



*(Kinh) Vân hà đương đắc vi Nhất Thiết Trí giả, u nhất thiết thế gian ung thọ cúng dường đại danh văn cố?*

**(經)云何當得爲一切智者，於一切世間應受供養大名聞故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được là bậc Nhất Thiết Trí, trong hết thảy thế gian đáng nhận cúng dường và tiếng tăm to lớn?)*

Đức Thế Tôn nói hết thảy hành nhân Ban Châu sẽ được hết thảy chư Phật thủ hộ, hết thảy Bồ Tát cung kính, hết thảy trời, người đáng nên cúng dường. Chúng ta đọc thấy trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm có nói: “*Nhược nhân tụng thử thập đại nguyện vương, ung thọ nhất thiết nhân thiên chi cúng dường*” (Nếu ai đọc tụng mười đại nguyện vương này, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường). Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Nhược nhân văn đắc Vô Lượng Thọ chi danh, chấp trì giả, ung thọ nhất thiết nhân thiên cúng dường, thường sanh tôn quý gia, cụ đại danh văn*” (Nếu ai được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ mà chấp trì, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường, thường sanh trong nhà tôn quý, có tiếng tăm to lớn). “*Danh văn*” ở đây và danh vọng trong thế tục khác biệt như thế nào? Danh vọng trong thế tục là do tích lũy mà đạt được, còn danh văn ở đây là do Phật gia bị, hồi thí mà đạt được. Trong hai thứ đạt được ấy, thứ sau là đạt được hết thảy thiện xảo mà chẳng có gì để đắc, còn thứ trước là do tích lũy mà đạt được. Do chấp trước mà đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, sẽ khiến cho kẻ đó bị đọa lạc, trầm luân! Vì thế, “*đại danh văn*” và lợi dưỡng ở đây thật sự được chư Phật chấp thuận, do chư Phật ban tặng.

Chúng ta hành Ban Châu, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường, là bạn bè của chư Phật, Bồ Tát; trong phần sau sẽ nói. Đối với điều này, quý vị chớ nên ủy khuất. Ở đây, chư Phật Như Lai cũng phụng sự, cúng dường người hành pháp, trọn chẳng ủy khuất. Vì sao? Vì chư Phật nghĩ đến nhau, vì niệm Phật ắt thành Phật. Các vị thiện tri thức ơi! Duyên gì sẽ thành quả đó, quý vị đừng nên sợ hãi! Trước kia, tôi đã nghe kể một câu chuyện cười, đúng là đối với chuyện “*duyên gì thành quả đó*” có thể giúp chúng ta quan sát đôi chút:

Có một người thợ rèn, kỹ thuật mười phần nổi tiếng xa gần. Mọi người hễ có chuyện gì cần đến sự tinh tế, đều tìm tới ông ta. Ông ta có một đứa đồ đệ, mười phần hiếu thuận. Mục đích duy nhất của sự hiếu

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thuận là mong học được tài khéo tuyệt học của thầy. Vị sư phụ ấy nói: “Tuyệt học có một khẩu quyết, nhưng chẳng thể dễ dàng dạy cho con!” Vì thế, đưa học trò vẫn đi theo thầy, chờ mãi đến khi thầy đã già, không được rồi! Cuối cùng, đồ đệ xin thầy: “Ôi trời ơi! Thầy ơi! Thầy chớ nên đem tuyệt học xuống mồ, thầy phải nói cho con biết!” Thầy bảo: “Đúng lúc rồi! Thầy phải nên nói cho con biết”. Sư phụ liền nói: “Trong nghề thợ rèn của chúng ta, có một câu khẩu quyết là sắt nung đỏ chẳng thể dùng tay cầm!” Đây thật sự là khẩu quyết! Chúng ta “*học Phật, duyên Phật*”, “*duyên Phật thành Phật*” cũng là khẩu quyết. Vì sắt nung đỏ, nếu lấy tay cầm, tay sẽ bị thiêu cháy, chẳng thể rèn sắt được nữa! Đây là khẩu quyết thật sự, đừng cho là lời của kẻ ngu si nói ra. Quả thật là kinh nghiệm giáo huấn từ suốt một đời rèn sắt của thợ rèn, là cảm nhận chân thật, rất trí huệ từ sự thể nghiệm mà ra! Vậy thì “*duyên Phật thành Phật*” có phải là rất trí huệ hay không? Các vị Bồ Tát ơi! “*Duyên Phật*” có phải là danh lợi to lớn hay không? Có phải là cúng dường to lớn hay không? Người niệm Phật có phải là đáng nên được hết thầy trời, người cúng dường hay không? Đối với chuyện này, quý vị chớ nên sanh tâm kiêu mạn, vì công đức niệm Phật là do chư Phật Như Lai hỏi thí cho quý vị. Quý vị tiếp nhận cúng dường dù hữu ý hay vô ý, trời, người đều hộ trì quý vị, long thiên đều hộ trì quý vị, hữu tình đều hộ trì quý vị.

Ở đây nói “*vi Nhất Thiết Trí giả*” (là bậc Nhất Thiết Trí). Vì sao? Vứt bỏ hý luận, chỉ phan duyên theo Phật. Trong phẩm Thập Hồi Hương của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, có một đoạn văn tự chuyên nói về chuyện phan duyên Phật: “*Các vị Bồ Tát và các hữu tình vứt bỏ các hý luận, phan duyên Phật mà thành Phật*”. Nghe danh hiệu của chư Phật, xa lìa hý luận, chân thật thủ hộ; đây là phương tiện trong hết thầy Phật pháp. Kẻ muốn thành Phật thì hãy niệm Phật thành Phật, đó là trực tiếp nhất, chẳng nhờ vào bất cứ phương tiện gì, xa lìa hết thầy ủy khuất! Ở đây chính là thiện xảo tự thọ dụng.

Khi chúng ta hành Ban Châu, niệm Nam-mô A Di Đà Phật nhất quán từ đầu đến cuối, dù đã chứng, hay chưa chứng tam-muội, hoặc sơ phát tâm, hoặc chưa phát tâm, hoặc liễu giải, hay chưa liễu giải, hành giả như thế, đáng nên cúng dường, đáng nên được hết thầy trời, người cúng dường. Quý vị hãy an lòng ăn cơm của quý vị là được rồi! Vì sao? Người niệm Phật thật sự có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong chín pháp giới thuộc mười phương. Do nương vào danh hiệu Phật mà lợi lạc khắp mười phương, không sợ, không hãi. Ở chỗ này, quý vị sợ hãi sẽ vô dụng, giống như một người chẳng thể phát ra điện, nhưng tay bật đèn pin

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thì sẽ có thể chiếu sáng, có thể phát ra quang minh y hệt! Quý vị chẳng thể nói chính mình không có năng lực, chiếc đèn pin này chẳng thể tự tỏa sáng! Tuy nó chẳng liên can gì với quý vị, nhưng quý vị có thể bật đèn. Chúng ta trì danh hiệu quang minh oai đức của chư Phật, là danh hiệu lợi ích trọn khắp thế gian, là ma-ni bảo hiệu, nhuần thấm hết thầy chúng sanh, là danh hiệu tuôn xuống hết thầy các báu công đức, có thể phát xuất vô tận quang minh phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, người xưng niệm có thể ứng cúng, tiêu hóa được [các phẩm vật cúng dường], đạt được danh và lợi to lớn, thiện xảo to lớn, liền “*ư nhất thiết thế gian ưng thọ cúng dường, đại danh văn cố*” (trong hết thầy thế gian, đáng nên nhận cúng dường và danh tiếng to lớn).

Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, quyết định danh rền mười phương, vì lẽ nào? Do pháp hiệu, danh hiệu ấy lưu truyền rộng khắp mười phương, chẳng bị ngăn chướng hay che lấp, thanh tịnh viên mãn. Chúng ta nói một câu tạp ngữ, một lời chẳng tương ứng, hoặc lời tham, sân, si, mạn, nghi, nếu lời ấy truyền khắp mười phương, sẽ rất khó tiêu trừ được. Nhưng chúng ta niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật là danh hiệu vô úy, lưu truyền rộng khắp thế gian không sợ hãi, truyền bá trong bất cứ sát-độ nào cũng chắc chắn là viên mãn, thanh tịnh, lợi ích, tịnh hóa! Chúng ta nói bất cứ câu nào, phát ra cái tâm nào, dù tương ứng, hoặc chẳng tương ứng, dù truyền bá nương theo pháp, hay chẳng nương theo pháp, dù có thể chọn lựa, hay chẳng thể chọn lựa, không gì chẳng phải là viên mãn, rõ ràng, chẳng sợ hãi. Do vậy, người niệm Phật rất khó có. Người niệm Phật rất chẳng thể nghĩ bàn, người hành Ban Châu rất chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Vô hà đương đắc vô biên tán thán công đức, vi nhất thiết chúng sanh phước điền cố?***

**(經)云何當得無邊讚歎功德，爲一切衆生福田故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được tán thán công đức vô biên, là ruộng phước của hết thầy chúng sanh?)***

Ở đây, trực tiếp chọn lựa cho chúng ta ngay lập tức tu hành hạnh Ban Châu, Giáo ngôn của Phật Di Đà xưa lẫn nay đều là an lập thanh tịnh. “*Vô biên tán thán công đức*” (Tán thán công đức vô biên), chúng ta biết: Trong tu nhân thuộc về Ngũ Niệm Môn của Tịnh Độ [được nêu ra trong Vãng Sanh Luận], môn tu trì thứ hai là Tán Thán Môn, [tức là] tán

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

dương quang minh và danh hiệu A Di Đà Phật, tán thán đúng như thật. Vì có sao? Khi chúng ta xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật, tức là quang minh chiếu rạng thế gian, chiếu rạng pháp giới, chiếu rạng hết thảy phàm thánh hữu tình, tức hữu tình trong chín pháp giới, chân thật chẳng dối. Do đại quang minh chiếu trọn khắp, cho nên đây thật sự là tán thán công đức của Phật. Một mực xưng niệm, đạt được thiện xảo do công đức tán thán Phật. Vì danh hiệu ấy có lợi ích, có thể nhiếp trọn khắp chín pháp giới trong mười phương đều tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề. Đây là chỗ công đức chân thật, mà cũng có nghĩa là quang minh và danh hiệu của A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng quang minh, vô lượng thiện xảo, vô lượng công đức và trí huệ. Phàm phu chẳng thể tán thán như thế, phải cậy vào Phật lực và Phật nguyện để thuận theo mà tán thán. Chư Phật Như Lai, Phật và Phật cùng tán thán, phàm phu thuận theo công đức của Phật, nương theo danh tướng để tán thán.

Khi chúng ta xưng tán bảo hiệu công đức thù thắng của A Di Đà Phật, sẽ có thể làm phước điền xuất thế và nhập thế thật sự cho hết thảy chúng sanh. Thường có kẻ nói: “Ôi chao! Phước điền nhập thế tôi không tin! Xuất thế phước điền chắc cũng có cơ hội gặp gỡ”. Chẳng hạn như tôi gặp một vị lão nhân gia, vì người khác nói “niệm Phật có thể phát tài”, khẳng định đây là phước điền nhập thế, ông ta rất tin tưởng. Do vậy, bèn mua một quyển vở, rất nghiêm túc, cứ niệm một câu bèn ghi một vạch. Niệm đến mười vạn tiếng, vạch được mười vạn dấu. Sau khi đã đánh dấu xong, chờ phát tài sẽ xảy ra. Kết quả, chẳng thấy phát tài đưa tới, tìm tôi, hung hăng nói: “Phật pháp gạt người! Ông X... nói niệm Phật có đại phước báo. Tôi niệm mười vạn tiếng, một xu cũng chẳng thấy!” Người ấy có đại phước báo, vì sao? Nói thành thật, quả báo trong đời vị lai sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Do nhân duyên vô minh, ông ta niệm mười vạn câu danh hiệu A Di Đà Phật, có công đức thù thắng. Tuy là cầu phước; trong vị lai, phước báo chắc chắn chín muồi. Cho nên nói phước đức và nhân duyên của người ấy trong vị lai sẽ là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện thời, Dị Thục Quả chưa thể chín muồi. Tôi rất tán thán ông ta, nói: “Ông tuyệt lắm. Ông đã tích góp mười vạn đồng khéo lắm, kẻ khác chẳng lấy được! Bỏ trong ngân hàng, có khi còn có thể xảy ra chuyện! Bỏ trong ấy (trong tạng thức), sẽ chẳng lấy ra được. Món của cải ấy đời đời kiếp kiếp đều theo sát ông”.

Các vị thiện tri thức ơi! Quý vị nhất định phải thực hiện. Lời ấy chính là lời nói thành thật về nhân quả, nhân quả chẳng lừa dối. Nhân quả sanh khởi từ trong cái tâm của chính mình. Kẻ nào chỉ hướng tới

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phát tài, tuy hiện tại chẳng có nhân quả như vậy, nhưng Phật là Đấng Nhất Thiết Trí, là Đấng có đại bi thiện xảo, là Đấng thỏa mãn nhu cầu của hết thảy chúng sanh, đều là Dị Thục Quả sẽ chín muồi đó thôi! Đời này chưa đạt được. Nếu đời này mà đạt được, kẻ đó sẽ trở thành cường đạo. A Di Đà Phật trở thành lưỡi đao của kẻ cường đạo! Đó là chẳng tương ứng với Phật pháp, làm lạc nhân quả. Do đó, trong nhập thế, nhập thế thiện xảo có nhân quả tuần hoàn, có quá trình chín muồi, chẳng phải là nhân quả đồng thời. Thiện xảo xuất thế gian là nhân quả đồng thời, chẳng hạn như nói: “Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ phiền não”. Quý vị lập tức nhận biết, có thể tiêu trừ phiền não, chân thật chẳng dối! Nói “*lập tức trọn đủ*”, quý vị có thể lập tức trọn đủ, chân thật chẳng dối! Nói “*ta niệm một câu A Di Đà Phật, trong tương lai, nhất định thành Bồ Đề*”, liền niệm một câu; quý vị hãy an tâm, có bảo đảm, đừng nên sợ hãi. Sợ hãi chỉ là vì quý vị có lo ngại. Nhân quả ấy nhất định chín muồi, như chúng tử kim cương Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng bị tan hoại!

“*Vi nhất thiết chúng sanh phước điền có*” (Làm ruộng phước cho hết thảy chúng sanh): “*Hết thảy chúng sanh*” bao gồm thánh đạo chúng sanh, thiện đạo chúng sanh, và ác đạo chúng sanh. Một câu Phật hiệu đối với họ đều là phước điền. Trong hành trì Ban Châu, chúng ta trọn đủ thiện xảo như vậy. Tôi còn chưa từng nghe nói có ai hành Ban Châu mà bị tổn hại, kẻ hối hận [bỏ cuộc] thì có, nhưng kẻ chịu thua thiệt [do hành trì Ban Châu] thì chẳng có; vì đó là phước điền của xuất thế và nhập thế. Vì sao có kẻ sau đó hối hận? Có kẻ đâm ra hối hận vì đi riết đau chân, đau lưng, [bèn nghĩ ngợi] “*hãy nên nghỉ sớm hơn một chút cho rồi!*” Người như thế trong vạn người chẳng có một. Phần lớn mọi người đều sanh khởi ý tưởng phước điền, sanh ý lạc tướng, có ý tưởng mong tiếp tục hành trì. Tôi đã gặp rất nhiều người chưa học Phật sau khi hành Ban Châu, quả thật đã rất nhanh chóng học Phật, thật sự thâm nhập Phật pháp! Đã tu hành hay không, rốt ráo đều thành tựu, nhưng điều then chốt là phải dẫn mình tu tập. Có kẻ vận dụng tri kiến chẳng tốt đẹp, như lão nhân gia [niệm Phật cầu phát tài] tôi vừa mới nêu. Ông ta chẳng đạt được lợi ích trong hiện tại, sanh khởi các phiền não. Nếu ông ta biết đạo lý này, thiện xảo và lợi ích tất nhiên sẽ hiện tiền.

***(Kinh) Vân hà đương đắc đại hoan hỷ, dũng được vô lượng, thường tại chư Như Lai sư tử tòa hạ cố?***

**(經)云何當得大歡喜，踊躍無量，常在諸如來獅子座**

**下故？**

(*Kinh*: Như thế nào thì sẽ được vô lượng hoan hỷ, hơn hở to lớn, do thường ở dưới tòa sư tử của Như Lai?)

“*Hoan hỷ dững dưng*” (Vui mừng, hơn hở): Mừng rỡ tràn ngập trong tâm. Chắc là các Bồ Tát có thể hành pháp Ban Châu đều nhận biết loại cảm thọ này. Tuy cảm thọ là vô thường, thay đổi, nhưng dấu sao nó mang đến cho người ta sự hoan hỷ, mang lại niềm vui sướng chẳng thể nghĩ bàn, mang lại niềm vui sướng chẳng thể thay thế được, mang đến niềm vui sướng tăng thượng. “*Dững dưng vô lượng*” (Hơn hở vô lượng): Hành Ban Châu đích xác là có thể khiến cho chúng ta buông xuống gánh nặng từ vô thủy tới nay, đích xác là có lợi ích như thế đó.

“*Thường tại chư Như Lai sư tử tòa hạ*” (Thường ở dưới tòa sư tử của các đức Như Lai): Nếu là chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội, đó sẽ là nói như thật. Nếu chưa chứng đắc, đấy cũng là nói như thật. Thực tế là hết thấy chư Phật chưa hề lìa bỏ bọn chúng ta, thường chiếu rạng chúng ta, nhiếp thọ chúng ta trọn khắp. Vì sao chúng ta chẳng thể thấy nghe? Chính là vì tham, sân, si, mạn, nghi che lấp tự tâm, che lấp nhục nhãn của chính mình, che lấp thiên nhãn của chính mình, che lấp pháp nhãn của chính mình, che lấp Phật nhãn của chính mình, cho nên chỉ thấy tham, sân, si, mạn, nghi trước mắt, bị chiếc lá che mắt.

Nói theo pháp ích, “*chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai), trông thấy Pháp Thân Như Lai chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị nói xem, ta muốn thấy Báo Thân của Như Lai, Ứng Hóa Thân của Như Lai, thấy tướng quang minh, thấy sắc thân trọn đủ của Như Lai, có được hay không? Pháp Ban Châu giải quyết vấn đề ấy. Công đức rất sâu của kinh Ban Châu Tam Muội là ở ngay chỗ này, khác biệt với các kinh điển khác cũng ở ngay chỗ này. Rất ít kinh điển đề ra pháp tắc như thế, khiến cho hữu tình thấy trong hiện tiền, thấy trong Định, thấy trong mộng, thấy rớt ráo trong vị lai, đủ loại trông thấy, nhất định thấy Phật. Công đức ấy rộng lớn trọn khắp, chân thật chẳng dối.

Trong Thiện Đạo Đại Sư Toàn Tập, có một câu chuyện như thế này: Thuở đức Phật tại thế, có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni nghiệp duyên sâu

nặng, có ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nghiệp duyên sâu nặng, có những kẻ phá giới, phạm giới nghiệp duyên sâu nặng, khi họ thấy đức Thế Tôn, có người thấy Ngài là một vị tỳ-kheo cao năm thước, mặt vàng, có người thấy hình dạng Ngài như than đen, nhưng A La Hán thấy đức Thế Tôn là kim thân cao trượng sáu, chư đại Bồ Tát thấy Phật là thân vi tế diệu sắc cao ngàn trượng, Pháp Thân đại sĩ có thể thấy thân Phật thù thắng trang nghiêm vô biên quang. Chúng ta thấy thân gì?

*(Kinh) Vân hà đương đắc thắng thượng biện tài, năng vấn nhất thiết Phật pháp cố?*

**(經)云何當得勝上辯才，能問一切佛法故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được biện tài thù thắng bậc thượng, có thể hỏi hết thấy Phật pháp?)*

“Thắng thượng biện tài”: Nếu hành pháp có thể thâm nhập, thì sẽ có ý nghĩa. Nếu hành pháp chẳng thể thâm nhập, chỉ là nói suông, cũng dẫn đến phiền toái. Chúng ta vốn là người đất Hán, có thể nói là “hiếu đạo”. Cho nên biện tài rất khéo, có thể phá trừ nghi hoặc cho người khác, thì là thiện xảo. Nếu tăng thêm tri kiến [chấp trước] cho người khác, sẽ là làm lỗi. Nếu có thể tăng thêm chánh tri kiến cho người khác, thì là thiện xảo. Nếu tăng thêm vốn liếng cho người ta tranh cãi thì sẽ là làm lỗi. Nếu chúng ta khéo biện định, nhận biết, sẽ “năng vấn nhất thiết Phật pháp” (có thể hỏi hết thấy Phật pháp). Trong hành trì Ban Châu, người tâm căn nhạy bén, thân căn nhạy bén, nhận biết nhạy bén, cho nên có thể hỏi rất nhiều câu nhạy bén. Đương nhiên hành Ban Châu thì vẫn thật sự mong mỗi mọi người hành nhiều, nói ít!

*(Kinh) Vân hà đương đắc ý bất khiếp nọa biện tài, ư nhất thiết đại chúng trung vô bố úy cố?*

**(經)云何當得意不怯懦辯才，於一切大眾中無怖畏故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được biện tài, ý chẳng hèn nhất, ở trong hết thấy đại chúng chẳng sợ hãi?)*

Chẳng hạn như giảng pháp ở đây, sợ hãi là không được, hèn nhất cũng chẳng được, vì có người sẽ chất vấn [những điều pháp sư hay giảng

sư vừa nói]. Nếu đối với pháp mà có chướng ngại, chẳng thể tiếp tục duy trì, điều họ chất vấn sẽ trở thành sự thật, quý vị sẽ sợ hãi. Như thế nào thì chúng ta mới có thể ở trong đại chúng biện tài chẳng sợ hãi, khiến cho chúng sanh trừ nghi hoặc, chẳng sợ hãi, trao đổi Phật pháp chẳng sợ hãi? Hành Ban Châu là phương pháp tốt nhất, trực tiếp nhất.

*(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết luận nghị biện, như sư tử vương, hàng phục nhất thiết ngoại đạo, nhiếp thọ chư đệ luận sư cố?*

**(經)云何當得一切論議辯，如獅子王，降伏一切外道，攝受諸異論師故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hết thảy luận nghị biện tài như sư tử chúa, hàng phục hết thảy ngoại đạo, nhiếp thọ các đệ luận sư?)*

Đây là đề cao hành pháp Ban Châu đến tột cùng trong pháp môn Tịnh Độ. Sau khi đã kinh hành Ban Châu một khoảng thời gian, khi tâm trí thanh lương, cùng người khác biện luận, sẽ chẳng có chướng ngại. Trừ phi nêu ra tri kiến của chính mình, chứ nếu bàn về tri kiến của chư Phật, sẽ chẳng chướng ngại tí nào! “*Đắc nhất thiết luận nghị biện, như sư tử vương, hàng phục nhất thiết ngoại đạo, nhiếp thọ chư đệ luận sư cố*” (Đạt được hết thảy luận nghị biện tài như sư tử chúa hàng phục hết thảy ngoại đạo, nhiếp thọ các đệ luận sư): “*Đệ luận sư*” có thể rất nhiều, đối với sự nhận thức về nội giáo và ngoại giáo, chúng ta đều có thể biết. “*Biện*” ở đây chẳng phải là phỉ báng pháp ấy, mà là nhiếp thọ loài hữu tình ấy, khiến cho họ tin phục pháp tắc.

Trước kia, Thiện Đạo đại sư thường đến tự viện của Tam Giai Giáo<sup>40</sup> để biện luận, vì giáo lý của Tam Giai Giáo phản đối niệm Phật.

---

<sup>40</sup> Tam Giai Giáo (三階教) còn gọi là Tam Giai Tông, Đệ Tam Giai Tông, hay Tam Giai Phật Pháp, do nhà sư Pháp Tạng Tín Hạnh sáng lập từ đời Bắc Tề. Tới thời Tùy - Đường, do triều đình coi chủ thuyết này là dị đoan, nên cấm chỉ hoạt động. Sư Tín Hạnh cho rằng Phật pháp có ba thời (Chánh, Tượng, Mạt), cho nên căn cơ của chúng sanh bất đồng. Từ đó, đề ra ba khái niệm thời, xứ, nhân. Thời tức là ba thời của Phật pháp (Chánh, Tượng, Mạt), Xứ thì thế gian được chia làm ba giới, tức tịnh giới là nơi thánh nhân cư ngụ, hai giới còn lại là uế giới, gồm chỗ Tăng nhân cư ngụ và tục nhân cư ngụ. Nhân thì chia thành ba bậc: Trì giới trì kiến (giữ đúng chánh kiến), trì giới phá kiến, phá giới phá kiến. Sư chủ trương tu nhẫn nhục khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Lại phỏng theo hạnh của Thường Bất Khinh Bồ Tát, gặp ai cũng lễ bái, tán thán, gọi đó là Phổ Kính (kính trọng trọn khắp). Sư kiệt lực đề xướng bố thí, chét ròi cứ quăng xác vào rừng hoang, chẳng cần phải ma chay làm chi. Sư lại chủ trương



***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tam Giai Giáo rất hưng thịnh vào đời Tùy - Đường, nó yêu cầu chịu khổ, có những yêu cầu riêng biệt như mặc xiêm không dài quá đầu gối, không ăn hơn một bữa v.v... Về sau, bị quốc gia ngăn cấm, nhưng giáo nghĩa của họ rất kiên cố, ảnh hưởng kéo dài cho đến hiện thời. Chẳng thể nói Tam Giai Giáo là tốt hay xấu, chỉ có thể nói là một thứ giáo nghĩa. Giáo nghĩa ấy được truyền bá sớm nhất tại chùa Bạch Tháp ở Tây An (Trường An), cực thịnh một thời, cũng có oai đức rất lớn, nhưng họ phản đối niệm Phật, Thiện Đạo đại sư phải đến biện luận. Khi Thiện Đạo đại sư biện luận cùng kẻ khác, miệng phóng quang minh, chúng ta nhả ra thứ gì? Chẳng phun ra lời thô ác là được rồi! Chẳng phun lời trái pháp, chẳng tổn thương người khác là đã rất tốt rồi! Vì sao Thiện Đạo đại sư có vô ngại biện tài như vậy? Do Ngài niệm Phật! Sách sử đã ghi chép rất nhiều về Thiện Đạo đại sư. Ngài không chỉ hành Ban Châu, mà còn trong lúc bình thường, hễ đến chánh điện, bèn quỳ trước Phật, chấp tay, niệm đến tâm kiệt lực suy mới chịu nghỉ ngơi. Bọn hậu nhân chúng ta làm sao sánh bằng Ngài cho được? Ngài là bậc đã chứng tam-muội, mà còn hành xử như thế, còn chúng ta lìa tam-muội quá xa. Nếu chẳng có cái tâm hướng vọng, tôn trọng, lại còn có cái tâm chẳng tinh tấn, cái tâm khen ngợi điều tốt lành, lại còn nói thị phi, lãng phí thời gian, sẽ lìa Phật pháp quá xa!

Hiện thời, các dị luận sư đang phá diệt Tịnh Độ. Người thủ hộ giáo ngôn Tịnh Độ lại phá diệt các pháp tắc khác. Phá diệt lẫn nhau càng nhiều hơn, lợi ích lẫn nhau thật sự ít ỏi! Trên thực tế, chúng ta hãy nên làm cho đối phương tin phục chân thật, ban cho lợi ích chân thật rất ráo, đừng khiến cho kẻ khác nghi hoặc, điên đảo, đó là chẳng tương ứng. Thật sự khiến cho người khác đạt được sự chọn lựa chân thật trong Phật pháp, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, không nghi ngờ, chẳng lo lắng. Đó là thật sự có ý nghĩa!

***(Kinh) Vân hà đương đắc bất hoại bốn thế trang nghiêm, dục  
thôi nhất thiết tà dị bằng đẳng cố?***

**(經)云何當得不壞本誓莊嚴，欲催一切邪異朋黨故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được bốn thế trang nghiêm bất hoại,  
muốn dẹp tan bè lũ tà dị?)***

---

ai nấy đều có Như Lai Tạng tánh, cực lực phản đối Niệm Phật tam-muội, chủ trương chỉ niệm Địa Tạng Bồ Tát. Điều bị công kích nhất là những người theo thuyết của sư Tín Hạnh chẳng tôn trọng hình tượng Phật, coi đó là gỗ, đá, bùn, đất mà thôi.

“*Bất hoại bốn thế trang nghiêm*”: Lành thay! Điều này quá trọng yếu! Các cư sĩ và pháp sư xuất gia đàm luận về pháp tắc, nhiều người có ý muốn thay đổi, tôi rất đau lòng. Đau gì vậy? Vì chẳng có thế nguyện, chẳng có tín ngưỡng, chẳng có trang nghiêm, thường xuyên là trạng thái “*sanh non*”, cũng có nghĩa là chuyện vừa sắp hình thành, nó đã bị phá hoại!

Ngày hôm qua, từ rất sớm, một vị cư sĩ gọi điện thoại tới, nói ông ta chẳng tu Tịnh Độ nữa, muốn tu Mật Tông. Tôi nói: “Được chứ! Chỉ là ông không có tín ngưỡng. Tu Mật cũng chẳng có gì là không đúng! Nhưng trong quá khứ, ông đã siêng khổ tu tập pháp tắc này, vì sao lại phản bội thế nguyện của chính mình?” Ông ta nói: “Con chẳng phản bội thế nguyện, chỉ là do Tịnh Độ chẳng có lợi ích!” Tôi nói: “Ông chớ nên phủ định pháp tắc! Chỉ vì ông chẳng tu tập thâm nhập, cho nên Tịnh Độ như ông đã nhận định chẳng phải là Tịnh Độ!”

Thế nguyện mười phân trọng yếu! Nó có thể khiến cho tín ngưỡng kiên cố, hành pháp kiên cố, đạo đức và thiện xảo được nhanh chóng chín muồi. Hiện thời, người học pháp lung lay quá mức! Cứ dựa theo tình tự, cảm giác, [so đo] được mất, dựa theo sự đánh giá của người khác đối với chính mình, nương theo “*gió thổi, cỏ động*” để tu tập pháp, kết quả là chẳng thể thâm nhập một môn, chẳng thể thật sự “*dầu trăm điều thử thách, vẫn hành trì chẳng bị nhiễu loạn*”, chẳng thể thủ hộ một pháp tắc từ đầu đến cuối, trước sau vẹn toàn hoàn thành thủ hộ và truyền bá một giáo nghĩa. Do vậy, chẳng thể trang nghiêm công đức, mà cũng chẳng đạt được lợi ích chân thật.

Vừa nghe nói người khác tán thán, hay hủy báng ta, nói tốt, nói xấu, nói hành pháp này đúng hay sai, bèn dao động. Phần lớn các vị Bồ Tát ấy chẳng thủ hộ thế nguyện, tâm trí chẳng có tín ngưỡng, phần nhiều dựa theo tình tự của chính mình, cảm nhận hư vọng tự nảy sanh, tự hư vọng phan duyên, nổi khổ ấy cũng chẳng có bờ bến! Vì luôn có đôi chút tương tự thành tựu bèn phá hoại, không ngừng nắm níu những thứ cao, lớn, mạnh mẽ, chẳng biết chọn lựa tâm trí thanh tịnh, chân thật, bình đẳng. Hiện thời, rất nhiều vị ác tri thức thuộc Tạng truyền Phật giáo có ác ý truyền bá những thứ kỳ quái tại đất Hán để mê hoặc hữu tình. Tôi đã nói chuyện với rất nhiều vị lạt-ma, cái được gọi là “*ác ý*” chính là dùng các thứ quái dị để mê hoặc, rối loạn thế gian, hồng chúc danh lợi, chẳng phải là cái tâm lợi ích thế gian, rất có tội ác. Bọn họ đã phá hoại toàn thể cơ chế của Tạng truyền Phật giáo để đổi lấy một chút lợi ích hư

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

giả trong hiện tiền cho chính mình. Chuyện này khiến cho người khác đau lòng. Những kẻ đó, miệng toàn rêu rao “pháp của ta vĩ đại cỡ nào, lạ-ma của ta vĩ đại cỡ nào”. Thật ra là cần người khác cúng dường, cần quyền thuộc, cần danh lợi, chẳng phải là tạo lợi ích chân thật cho người khác, tịnh hóa lòng người, cho nên làm nhiều chuyện lừa dối, si nhục! Đó là một mặt đen tối của Tạng truyền Phật giáo, là một phương diện chẳng đúng pháp, chẳng phải là nội dung chân thật của Tạng truyền Phật giáo, lại giống như nước lũ nhấn chìm thiện căn của rất nhiều người, rất tội tệ!

Do vậy, chúng ta học tập Phật pháp, nếu đi theo con đường chẳng chuẩn xác, nhận thức chẳng rõ ràng, sẽ không ngừng quẩn quanh trên đường. Tôi quen biết một vị Bồ Tát sống ở đất Tây Tạng mười một năm, cuối cùng chẳng ở đó nữa. Tôi hỏi lý do, ông ta nói: “Các vị lạ-ma ở đất Tạng tôi đã đều từng bái kiến, tôi mười phần kính ngưỡng, nhưng chẳng có pháp nào để có thể thật sự tu được!” Vì sao? Càng ngày càng cảm thấy chính mình có tâm so đo, tâm phân biệt, vọng tâm nặng nề. Ông ta thật sự đã lừa mình, hoàn toàn chẳng phải là khuyết điểm của Tạng truyền Phật giáo! Nếu là người thật sự hoằng pháp, họ đều nói pháp ấy (pháp họ đang hoằng truyền) là “to lớn” để cổ vũ, khích lệ, ban cho quý vị một con đường để rốt cuộc đạt đến thiện xảo; nhưng nếu vì cướp đoạt cách tu theo pháp hệ của người khác mà nói như thế, sẽ là phá pháp, chẳng tương ứng. Bọn họ cũng có giới luật không cho phép làm như vậy, cũng có nghĩa cơ chế của mỗi pháp hệ đều có sự thủ hộ, yêu thương và trang trọng của chính mình.

“*Bốn thế trang nghiêm*” rất quan trọng. Cả một đời này, chúng ta học Phật, niệm Phật, hành Ban Châu, nếu chẳng có thế nguyện, kể cả thế nguyện tùy thuận Phật, hoặc kiến lập thế nguyện của chính mình, chắc chắn là quý vị khó thể thành tựu. Chẳng hạn như nói “*nguyện vãng sanh*” cũng là một thế nguyện. “*Nguyện hết thấy chúng sanh đều vãng sanh*” là nguyện giống như nguyện của Phật. Nói chung, quý vị phải có thế nguyện. Nếu chẳng có thế nguyện, quý vị mong dẹp tan, chế phục bè đảng tà dị, sẽ tuyệt đối chẳng thể được! Đối phương tùy tiện lôi kéo, sẽ lôi quý vị theo. Tôi cũng thường gặp những kẻ tới lôi kéo đoàn đội của tôi: “Hãy đến chỗ chúng tôi, thượng sư của tôi tuyệt vời lắm, là vị Phật lớn nhất sẽ quán đánh cho quý vị”. Tôi nói: “Vị Phật lớn nhất tôi chưa từng thấy. Tôi học tập vị Phật bình đẳng nhất. Quý vị tu theo vị Phật lớn nhất của quý vị là được rồi, vì sao còn bàn đến chuyện này?” Do ảnh hưởng của Tạng truyền Phật giáo, tại đất Hán cũng xuất hiện rất nhiều

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhân duyên chẳng tương ứng. Chúng ta không thể nói sự truyền giáo ấy là nguy hiểm. Tạng truyền Phật giáo có rất nhiều điểm tốt lành, rất nhiều cơ chế rất thuận tiện, Hán truyền Phật giáo cũng như thế. Nam truyền Phật giáo cũng như thế, nhưng đồng thời [trong mỗi truyền thống] cũng có bùn nhơ, nước đục [xen tạp vào]!

Chúng ta biện định, nhận biết như thế nào? Quý vị nhất định phải lập một thệ nguyện. Trong hành trì Ban Châu, thệ nguyện mười phần trọng yếu, hành pháp như vậy thì mới có thể thành thực. Chẳng có thệ nguyện, sẽ chẳng thể thực hiện được! Làm gì cũng đều cần có thệ nguyện. Bài văn phát nguyện chính là muốn cho chúng ta hiểu rõ thệ nguyện của chính mình, thủ hộ sự trang nghiêm của chính mình. Sự trang nghiêm ấy chẳng phải là so đo thành hay bại, chẳng phải là so đo được hay mất, chẳng phải là so đo thánh hay phàm, chẳng phải là so đo thời gian dài hay ngắn, mà là gì? Quý vị có thệ nguyện hay không? Quý vị có nương theo thệ nguyện mà hành hay không? Điều này mười phần trọng yếu! Nếu chẳng chuyển được chỗ này, chúng ta sẽ so đo cao, thấp, nói lớn, nhỏ, nắm níu ưu, khuyết, so đo phàm, thánh, như thế là chẳng khéo hành trì pháp môn Tịnh Độ, sẽ chẳng thể thành tựu, chỉ biết có tướng quái dị! Do đó, nay chúng ta hành Ban Châu, chẳng phải vì kết bè kéo đảng, mà vì thành tựu Bồ Đề, vì tiêu trừ ngờ lo!

Rất nhiều người đã hành Ban Châu, lại đi học Tạng truyền Phật giáo. Tôi cũng cổ vũ họ học, nhưng có một điều: Bất luận Tạng truyền Phật giáo cũng thế, hay học bất luận truyền thống Phật giáo nào cũng thế, quý vị phát nguyện gì? Quý vị đừng nên dùng cái tâm ngạo nghễ để học là được rồi, đừng nên dùng cái tâm so đo lớn nhỏ để học, càng chớ nên dùng cái tâm thích chuyện quái lạ để học, [nếu dùng những cái tâm như thế để học] sẽ nảy sanh chuyện lớn! Rất nhiều kẻ dùng chuyện quái lạ để kéo bè kết đảng, đó là lỗi lầm rất lớn. Hiện thời, rất nhiều vị Kham Bồ<sup>41</sup> tại các nơi như Ngũ Minh Phật Học Viện<sup>42</sup> v.v... quan sát các nhân

---

<sup>41</sup> Kham Bồ (Khenpo) có nghĩa là tiến sĩ Phật học. Đây là danh xưng để dịch từ ngữ Upādhyāya (hòa thượng). Nhưng để đạt được danh hiệu này, vị tăng sĩ xuất gia ấy phải hoàn tất một chương trình giáo dục đặc biệt (tối thiểu là mười ba năm) tại các học viện nổi tiếng của Tây Tạng. Danh hiệu này chỉ được công nhận khi vị Tăng ấy đã được các vị giáo thọ nổi tiếng chứng nhận đã thông đạt năm môn Bát Nhã, Trung Quán, Hiện Lượng, A Tỳ Đạt Ma, và Luật Tạng.

<sup>42</sup> Ngũ Minh Phật Học Viện (Serta Larung Ngarik Nangten Loping) là một Phật học viện của phái Nyingmapa (Cổ Mật) tại huyện Serta (Sắc Đạt) thuộc khu tự trị Garze (Cam Tư), tỉnh Tứ Xuyên, do Kham Bồ Tấn Mỹ Bành Thổ (Khenpo Jigme

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

duyên ấy, bền thực hiện rất nhiều công tác chủ động tích cực. Chẳng hạn như học tập [Bồ Đề Đạo Thứ Đệ] Quảng Luận, mọi người tự chủ động học tập, thảo luận, học tập chánh kiến, chẳng nương theo chuyện thần quái. Cho nên tôi cảm thấy dần dần sẽ có những thứ tốt đẹp du nhập đất Hán, nhưng rất nhiều nơi vẫn rất hỗn loạn, rất nhiều kẻ gây tổn hại cái tâm. Không ít kẻ truyền pháp ở đất Tạng, hề thấy người khác bèn nói: “Người hãy làm đồ đệ của ta”. Trong ấy, tồn tại một vấn đề: Nếu thật sự là bậc thành tựu, người ấy đúng là một vị đại từ bi lỗi lạc. Nhưng nếu vì tiếng tăm, lợi dưỡng, chỉ có thể nói quý vị có nhiều bầu bạn luân hồi mà thôi! Giáo ngôn của Hán truyền Phật giáo là “*y pháp, bất y nhân*”, còn Tạng truyền Phật giáo là “*y pháp, y nhân*”. Họ dạy trước hết là y nhân, sau đó y pháp, cho nên còn có các điểm mù mờ, đôi lạp ở chỗ này!

***(Kinh) Vân hà đương đắc thiện xảo thuyết pháp, thường xử sự tử tòa, nhất thiết chư Phật ấn khả cố?***

***(經)云何當得善巧說法，常處獅子座，一切諸佛印可故？***

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thiện xảo thuyết pháp, thường ở trên tòa sư tử, được hết thấy chư Phật ấn khả?)***

Như thế nào để thuyết pháp thiện xảo, như thế nào sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian tâm khai ý giải, thường ngự trên tòa sư tử, dùng Phật ngữ để truyền bá Phật ngữ, dùng Phật tâm để truyền bá Phật tâm, dùng Phật giáo để truyền bá Phật giáo, dùng công đức của Phật để truyền bá công đức của Phật, chẳng tăng giảm Phật pháp, thủ hộ như thế nào? Đây thật sự là nguyện vọng của chúng ta. Hết thấy kẻ giảng pháp, nghe pháp chúng ta đều phải nên thủ hộ, đều phải nên xem xét kỹ càng nguyện vọng ấy!

***(Kinh) Vân hà đương đắc viễn ly nhất thiết thế gian vô nghĩa ngữ ngôn, dĩ thông đạt nhất thiết chánh giáo cố?***

---

Phuntsok) sáng lập vào năm 1980 với mục đích đào tạo Tăng tài để phục hồi Phật giáo Tây Tạng đã bị tổn thương nguyên khí nặng nề bởi cách mạng văn hóa và những cuộc thanh trừng, đàn áp của chính quyền Hoa Lục.

**(經)云何當得遠離一切世間無義語言，以通達一切正教故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được xa lìa hết thảy ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian, do thông đạt hết thảy chánh giáo?)*

Nói theo phía phàm phu hữu tình tu hành Phật pháp, xa lìa ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian mười phần quan trọng! Nay chúng ta không nghe lời ác rất khó, chẳng nghe lời điên đảo, lời hắc ám, lời nặng nề, lời phiền não càng khó hơn nữa! “Vô nghĩa ngữ” là gì vậy? Chẳng hạn như là hý luận chẳng tương ứng, khi pháp sư giảng kinh trao đổi Phật pháp sợ nhất là như thế. Tuy nói lời tương tự, nhưng là thuyết pháp vô ích, chẳng thể lợi ích hữu tình.

Trong niệm Phật, khi lập một niệm, đoạn các tướng, “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, tự nhiên sẽ phá tan lời lẽ vô nghĩa. Trong khi kinh hành, chúng ta chẳng có lời lẽ vô nghĩa gì, có lẽ là trong tâm điên đảo, nhưng khi niệm A Di Đà Phật, tự nhiên sẽ xa lìa khẩu nghiệp. Do vậy, câu hỏi đặt ra ở đây đã thật sự tương ứng. “*Viễn ly nhất thiết thế gian vô nghĩa ngữ ngôn, dĩ thông đạt nhất thiết chánh giáo cố*” (Xa lìa hết thảy ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian, do thông đạt hết thảy chánh giáo): Chúng ta thường muốn nói lời có nghĩa lý, lời như pháp, lời từ ái, lời thiện xảo, lời tăng thượng, đối với hết thảy chúng sanh nói lời chọn lựa, lời tiêu trừ nghi hoặc cho chúng sanh, như thế thì là “*có ý nghĩa*”. Đừng nên nói lời chẳng chứa đựng thiện ý, lời hướng dẫn con người tiến nhập khổ nạn. Đó là tạo ác. Hành pháp Ban Châu, trực tiếp tránh né vấn đề này! Trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, chúng ta không được phép nói năng, nhiều nhất cũng chỉ là trao đổi bằng văn tự. Như vậy thì trong vị lai, khẩu nghiệp tự nhiên được thuần thiện, mà người thật sự niệm Phật một thời gian, ác khẩu tự nhiên sẽ ít đi.

*(Kinh) Vân hà đương đắc thâm ái nhất thiết chư Phật pháp, ư chư Như Lai sanh xứ hành cố?*

**(經)云何當得深愛一切諸佛法，於諸如來生處行故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được yêu mến sâu xa hết thảy các Phật pháp, sẽ đi nơi chỗ sanh của các Như Lai?)*

“*Thâm ái nhất thiết chư Phật pháp*” (Yêu mến sâu xa hết thấy các Phật pháp): Trong kinh điển có ghi chép, một vị Bồ Tát nói thế gian này có đủ loại thuốc, một vị Bồ Tát khác nói: “Ông hãy đến thế gian tìm một thứ gì đó chẳng phải là thuốc”. Vị Bồ Tát ấy bèn tìm tới, tìm lui, tìm trọn khắp, kết quả chẳng tìm được vật nào không phải là thuốc. Ở trong thế gian này, nếu chúng ta dùng tâm trí giác ngộ, tâm trí thanh tịnh để quan sát, [sẽ thấy] vạn sự, vạn vật, không gì chẳng phải là Phật. Quý vị sẽ yêu thích sâu xa hết thấy Phật pháp, yêu thương, bảo vệ hết thấy hữu tình trong thế gian, lợi ích hữu tình trong thế gian.

“*Ư chư Như Lai sanh xứ hành cố*” (Đi nơi chỗ sanh của các đức Như Lai): Sanh vào nhà Như Lai, làm bè bạn của các đức Như Lai. Người niệm Phật là hoa Phân Đà Lợi (Puṇḍarīka, hoa sen trắng) trong loài người, sanh trong nhà Như Lai, chuyên diệu pháp luân, làm bạn lữ với Quán Âm, Thế Chí. Đây là một quả báo riêng biệt của người niệm Phật, những người hành trì các pháp môn đơn giản khác sẽ rất khó có tổng trì thiện xảo như vậy.

*(Kinh) Vân hà đương đắc nhạo dục chân pháp, tri chư Như Lai bất sanh cố?*

**(經)云何當得樂欲真法，知諸如來不生故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được ưa muốn chân pháp, biết các đức Như Lai bất sanh?)*

Chư Phật Như Lai quả thật chẳng có thành hay chẳng thành. Vì thế, các Ngài chuyên tịnh diệu pháp luân, rộng độ hữu tình. Hữu tình do căn cơ khác biệt, mà có sanh, có diệt, có kiến lập. “*Đương đắc nhạo dục chân pháp*” (Sẽ đạt được ưa muốn chân pháp): Chử Chân này [hàm nghĩa] “có lợi ích thực tế”, ban cho chúng sanh công đức chân thật. Nếu chúng ta dùng cái tâm siểm khúc, tâm hư giả để trao đổi, sẽ khó thể ban công đức chân thật cho người khác, sẽ chẳng thể thật sự vui thích Phật pháp.

*(Kinh) Vân hà đương đắc bất懈慢，善承事知識故？*

**(經)云何當得不懈慢，善承事知識故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng giải đãi, kính mạn, khéo thừa sự tri thức?)*

“*Bất giải mạn*” (Chẳng giải đãi, kiêu mạn) là một lời dạy rất quan trọng. Hiện thời, người học Phật chúng ta cực dễ sanh khởi tâm kiêu mạn. Hễ đạt được một chút lợi ích, liền coi thường thiên hạ, coi thường sư trưởng, coi thường hữu tình; đây là một lỗi lầm lớn nhất. Phật pháp tu trong cung kính, hành trong cung kính, thành tựu trong cung kính. Sự cung kính ấy thật sự là thiện xảo để xa lìa giải đãi, kiêu mạn. “*Cung kính*” là coi hết thầy chúng sanh đều là thiện tri thức, xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, nhưng kiêu căng là vì tự cho mình là thiện tri thức, người khác đều nên hướng theo ta học tập. Người như vậy rất khổ, khổ chẳng có bờ bến, rất dễ dàng chán chường, mệt ngán, rất dễ nảy sanh trần lao, rất dễ chịu khổ báo!

“*Bất giải mạn*” (Chẳng giải đãi, kiêu mạn), điều chủ yếu nhất là “*thiện thừa sự tri thức*” (khéo thừa sự thiện tri thức). Tôi gặp gỡ không chỉ một hai vị được mọi người công nhận là có thành tựu, trong khi cùng nhau trao đổi, qua lại, họ sốt sắng phục vụ tôi một số việc, hoặc nói là “*thừa sự*”. Chẳng hạn như khi các lạ-ma thừa sự tôi, tôi rất cảm động. Chẳng phải là cảm động vì họ làm gì, mà do nhìn từ pháp tắc, họ đã tiêu trừ sự kiêu mạn của chính mình. Tôi cũng gặp các vị sư phụ xuất gia thuộc Nam truyền, chẳng hạn như nói “tôi y chỉ sư trưởng”, họ thừa sự ngược lại, dùng Tăng pháp, hoặc đối đãi với quý vị giống hệt như họ là thị giả của quý vị. Khi đó chỉ khiến cho người ta có một loại cảm nhận, cảm nhận gì vậy? Chúng ta được tiếp nhận giáo huấn thanh tịnh. Giáo huấn gì vậy? Xa lìa kiêu mạn và giải đãi!

Những người ở đất Hán chúng ta, hễ tu được đôi chút pháp, tâm ngạo mạn nảy sanh tràn trề, coi thường người khác, coi rẻ sư trưởng, coi rẻ pháp tắc, nảy sanh nhiều sự siểm khúc. Tôi đã gặp chuyện như thế này: Một vị cư sĩ tiếp xúc tôi vài ngày. Ngày đầu tiên bèn đánh lễ trịnh trọng, dập đầu xuống đất côm cốp. Tôi nói: “Bồ Tát! Xin hãy khoan đã, có gì hãy thông thả nói!” Ông ta thưa: “Sư phụ ời! Con ở nơi rất xa được nghe đại danh của thầy”. Tới ngày thứ hai, chẳng còn dập đầu lễ nữa, nói: “Sư phụ! Tôi ngồi được chứ?” Tôi nói: “Cứ ngồi!” Tới ngày thứ ba, nói: “Pháp sư! Kể như tôi quen biết thầy”. Tôi đáp: “Chắc chắn là quen biết! Vì tai nghe chẳng bằng mắt thấy mà!” Chuyện như vậy đâm ra rất có phổ biến! Chung quanh tôi thường có pháp sư như vậy, theo quý vị học tập đôi chút, thoạt đầu, rất tôn trọng, do vì có pháp để có thể học, nhưng dần dần cảm thấy quý vị có đáng kể chi đâu? Vừa yếu đuối, vừa lảm bẻm, phiền não lại to ngằn ấy: Hôm nay nổi nóng, ngày mai chửi



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

người khác. Dẫu đánh lễ, vẫn chẳng có cách nào, cái tâm siểm khúc, chẳng phải là cung kính!

Cung kính là gì? Sư trưởng thì vĩnh viễn là sư trưởng. Gì là sư trưởng? Kiên thành. Hoàn toàn chẳng phải là nói “người ấy là sư trưởng của quý vị”. Các vị thiện tri thức ơi! Kiên thành là chỗ công đức chân thật tồn tại. Thừa sự thiện tri thức, chẳng phải người nào đó là thiện tri thức, mà cái tâm cung kính là thiện tri thức. Y báo nghiệp duyên bên ngoài chỉ là sự tô đậm thêm mà thôi! Tạng truyền Phật giáo nói Tứ Quy Y<sup>43</sup>, mãi cho đến khi thành Phật, đều là Tứ Quy Y, nơi đất Hán chẳng phải là như vậy. Tôi cũng đã từng gặp người vừa học nửa ngày, đã đến dạy tôi: “Thầy phải nên làm như thế này, như thế nọ”. Tôi nói: “Quý vị chẳng đủ tư cách! Vì sao? Cái tâm kiên thành chẳng đủ! Những thứ khác đều đủ. Tôi có thể hướng theo hết thầy mọi người để học tập, nhưng khi quý vị chẳng đủ tâm kiên thành, tôi sẽ không hướng theo quý vị học tập, vì quý vị là nguồn ô nhiễm”. Hy vọng mọi người có thể tư duy. Hành pháp Ban Châu có thể miễn trừ các lỗi làm như thế đó.

***(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian cố?***

**(經)云何當得不染著，遊行一切世間故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng đắm nhiễm, du hành trong hết thầy các thế gian?)***

Trong Phật pháp, chẳng đắm nhiễm là một pháp tắc thanh tịnh duyên khởi, cũng là chỗ y chỉ cho khởi tâm động niệm, cũng là một pháp tắc để thủ hộ đức tướng. Phật pháp vốn chẳng rườm rà, nó ở ngay trong khởi tâm động niệm của chúng ta trong hiện tại. Trong giáo ngôn Đại Thừa, điều này được vận dụng mười phân thuận thực, mà hành pháp Ban

---

<sup>43</sup> Tức là ngoài Quy Y Tam Bảo, còn quy y Thượng Sư (tức là vị thầy dạy Mật Pháp cho mình, hay nói chung là các vị tổ sư, thánh nhân hoằng truyền Mật giáo). Thậm chí, trong một số công khóa của họ, thường đánh lễ Thượng Sư trước khi đánh lễ Tam Bảo. Họ đề cao vai trò thượng sư đến nỗi trong chánh điện thường để tòa ngồi và ảnh của sư trưởng chính giữa đại điện, trước tượng Phật chính. Chẳng hạn như trong các tự viện của phái Gelugpa, luôn bày một tòa ngồi rất to để ảnh của Đại Lai Lạt Ma trước bàn Phật. Có nơi còn để luôn ảnh của Đại Lai Lạt Ma chính giữa, tượng Phật và Bồ Tát xếp hai bên. Trong một số tự viện của dòng Kargyupa, thậm chí ảnh của Karmapa còn treo phía trên tượng Phật.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Châu lại càng trực tiếp hơn, nêu rõ ràng cái gọi là “*tu ngay trong hiện tiền*”. Thường hành đạo, tu ngay trong hiện tiền, cũng là nội hàm phiên dịch của danh từ Ban Châu. Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội là nội dung thực chất và tướng công đức chín muội của nó. Do vậy, “*bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian*” (chẳng đắm nhiễm, du hành trong hết thảy các thế gian), thật sự là duyên khởi trong mỗi thời khắc của hành pháp Ban Châu, nhưng trong mỗi thế gian, không gì chẳng nương theo vô tự tánh chẳng nhiễm đắm! Thế gian được kiến lập từ tánh Không, cũng có nghĩa là thuận theo duyên mà được thấy vô lượng sát-độ, thuận theo cơ nghi mà du hóa trong mười phương cõi Phật. Trong hết thảy hiện duyên, nếu nhận biết bản chất ấy, sẽ đều chẳng lìa cõi nước trang nghiêm màu nhiệm thù thắng của chư Phật. Vì bị tham, sân, si, mạn, nghi che lấp mà các thứ cõi đời ô trược và xấu ác được liên tục tồn tại. Do vậy nói “*vạn pháp chẳng rời nhất tâm*”. Đừng coi đó là một kiểu thuyết giáo, hãy nên coi nó như một pháp tắc thực tiễn để tham chiếu, y chỉ, cũng như là giáo ngôn thật sự để ẩn khế tự tâm nơi khởi tâm động niệm. Chuyện như thế sẽ biến thành đơn giản hơn!

***(Kinh) Vân hà đương đắc nguyện hạnh cụ túc, vị giáo hóa nhất thiết chúng sanh cố?***

**(經)云何當得願行具足，為教化一切衆生故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được nguyện hạnh trọn đủ vì giáo hóa hết thảy chúng sanh?)***

Truyền bá hành pháp Ban Châu tại đất Hán có cội nguồn rất sâu xa. Bất luận Giáo Hạ, Luật Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, cho đến các vị thiện tri thức các phương, sau khi đã chứng lượng nhất định, ắt sẽ hành trì pháp Ban Châu. Chuyện này đã có một số lớn tài liệu văn hiển ghi lại, chúng ta có thể thâm nhập khảo cứu. Đương nhiên, pháp này cũng là một pháp tắc mà hết thảy hữu tình bình phàm, ngu muội, dù thiện hay ác đều có thể hành trì, vì chúng ta học tập bản kinh Ban Châu Tam Muội này, ngay từ đầu đã biểu lộ: Chẳng phải là hành pháp của riêng một loại hữu tình nào!

Hạnh nguyện trọn đủ là tiền đề để giáo hóa chúng sanh. Chúng ta hành Ban Châu, nếu hạnh nguyện chẳng trọn đủ, chắc chắn là lợi ích thế gian cũng chẳng có sức, chẳng có ý nghĩa! Hành pháp Ban Châu này “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, bản thân trọn đủ hết thảy các hạnh nguyện, vì “*nguyện hạnh trọn đủ*” là nội hàm thực chất nơi quả đức của

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

A Di Đà Phật, mà cũng là nội hàm hồi thí nơi nguyện lực của A Di Đà Phật, cũng như là nội hàm thực chất của pháp tắc để thành tựu pháp môn này. Thường là chúng ta đối với một pháp môn, vì chẳng thể chọn lựa hoàn chỉnh, chân thật, rốt ráo, cho nên chẳng thể bình đẳng quan sát đối với pháp ấy, chẳng thể thâm nhập một pháp. Đây là một khó khăn khá lớn trong sự tu tập của người hiện thời. Do mê mờ trong đủ loại pháp tắc, bèn tạo đủ loại xem xét, mong ngóng bản khoản, thường là chẳng thể tu tập thâm nhập một pháp, phần nhiều là lo được, lo mất. Cái tâm lo ngờ ấy đã tiêu hao một lượng lớn sanh mạng, thời gian và trí huệ của chúng ta!

Trọn đủ nguyện hạnh lợi ích thế gian, cũng là vì khiến cho chúng sanh đạt được an lạc, tức gọi là “*đản vị chúng sanh đắc an lạc, bất vị tự cầu*” (chỉ vì chúng sanh đạt được an lạc, chẳng vì cầu cho chính mình). Chẳng vì cầu cho chính mình chính là một yêu cầu rõ ràng trong Phật pháp. Nói theo tâm trí của phàm phu trong thế gian, cầu cho chính mình chính là trạng thái thông thường, cũng tức là chuyện thường tình của con người, khiến cho vô lượng chúng sanh sanh tử luân hồi, chẳng ngừng, chẳng tận! Do vậy, vì giáo hóa hữu tình, hạnh nguyện trọn đủ. Như vậy thì mới có thể thật sự dính kết với pháp Ban Châu, tu tập pháp Ban Châu. Người thiện căn chín muồi như thế mới có thể thâm nhập pháp Ban Châu. Nếu thiện căn chẳng chín muồi, đối với pháp này, rất khó thể thật sự thiết thực sanh khởi nguyện vọng tu tập, nguyện vọng học tập, cho đến cơ hội được nghe còn chưa thể đạt được! Hoàn toàn chẳng phải là pháp này hữu duyên với chúng ta, chúng ta liền nói nó rất tôn quý. Thật ra, nương theo trí huệ của Phật pháp, nương theo lợi ích trong Phật pháp, nương vào hiện duyên để xem xét, cơ hội của chúng ta đích xác là rất trân quý, rất khó có, rất hy hữu, nhất là cơ hội gặp gỡ Phật pháp. Vì trong đồng hoang sanh tử luân hồi, gặp được các thứ nhân duyên chẳng phải là việc khó, nhưng trên con đường sanh tử, được gặp gỡ Phật pháp, gặp cơ hội tu trì, học tập Phật pháp, đúng là chẳng dễ, đúng là do đại thiện căn, đại nhân duyên xui khiến!

Hành trì pháp Ban Châu nếu vô nguyện, sẽ không có sức để khích lệ, thành tựu, hạnh và nguyện mười phần thiết thực cùng hành. Nếu chẳng phối hợp kiểu ấy, nguyện chẳng hướng dẫn hạnh, hạnh chẳng có nguyện dẫn đường, rất khó thâm nhập tu tập! Hiện thời, trong hành pháp Ban Châu, mọi người dần dần có nhận thức: Chúng ta phải thật sự vì hóa độ hết thảy chúng sanh mà lập thế nguyện rộng lớn. Đó gọi là “*chẳng chứng tam-muội, chẳng đích thân thấy Phật*” thì chẳng thể buông tay!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Đó là một thế nguyện. Nếu có thiện căn chín muồi như thế, sẽ thấy Phật, nghe pháp. Thật ra, chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, vãng sanh cõi Phật ở phương khác, mục đích cũng chẳng ngoài “*thấy Phật, nghe pháp, đích thân chứng Bồ Đề, dùng các thứ thiện xảo chứng Vô Sanh Pháp Nhân, rộng lợi ích thế gian, chẳng bị thoái đọa*”.

Vì chúng ta thuộc địa vị phàm tình, cho nên rất khó thật sự lợi ích hữu tình. Do vậy, từ địa vị này tiến lên địa vị khác, người thật sự lợi ích hữu tình chỉ có Phật và Phật có thể gọi là “*bạc lợi tha*”. Hạnh của hết thảy các vị Bồ Tát, hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác, cũng như những gì hết thảy hữu tình dù phàm hay thánh đã làm, đều là tự lợi tăng thượng. Chẳng cần phải hoài nghi điều này! Chỉ có Phật Thế Tôn là giác rốt ráo viên mãn, có thể lợi tha, sanh ra công đức chân thật. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tiến nhập viên mãn. Cho nên nói là “*tu trì tự lợi*”. Trong cơ chế tu trì lợi tha, kiến lập tự lợi dần dần hoàn thiện, thật sự hoàn thiện, mãi cho đến khi thành tựu Bồ Đề. Nhưng các loại phàm phu tự hại mình thì có thừa, tự lợi lẫn lợi tha vẫn chưa thể nghe, vẫn chưa thể đạt được. Nếu không phải là như thế, sẽ chẳng thể gọi là Phàm. Phàm thánh khác biệt ở chỗ “*tự lợi và lợi tha có đặc lực hay là không*”, chẳng phải là ăn nói hư giả! Ở đây, thật sự có lợi, thật sự có hại. Do vậy, nơi phàm phu hữu tình, có nhiều thứ khổ não, điên đảo, nhiều thứ Kiến Tư Hoặc. Nơi các bậc thánh, bậc trí, phần nhiều là bị Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc mê hoặc. Tuy là như thế, các vị ấy đã thoát ly các loại phiền não bức bách, chỉ là giác ngộ viên mãn thuần tịnh, thuần thực, hướng đến hoàn thiện, thậm chí rốt ráo. Chúng ta chớ nên không biết sự khác biệt giữa phàm và thánh, chớ nên không suy nghĩ, chớ nên không quan sát. Nếu chẳng phải là như thế, cứ dùng tâm trí bình phàm, kiêu mạn, tự phụ, tự cho là đúng, sẽ chẳng thể thành tựu thiện xảo chân thật rộng lớn. Có lúc, chúng ta sẽ nảy sanh những thứ tương tự thiện xảo, tương tự cảm nhận, nhưng thật sự giáo hóa và lợi ích chúng sanh thì vẫn chẳng đặc lực.

Trong pháp môn Tịnh Độ, khi hành trì và truyền bá một câu bảo hiệu Nam-mô A Di Đà Phật, có thể hữu ý hay vô ý tự lợi và lợi tha, hai điều lợi đầy đủ. Có những kẻ nói suông, chẳng thật tâm có thể lợi ích mười phương hữu tình, cho nên chẳng đạt được tự lợi. Khi các hữu tình truyền bá bảo hiệu thù thắng Nam-mô A Di Đà Phật, thủ hộ nguyện tự lợi và lợi tha, sẽ có thể trong khi lợi tha mà đạt được tự lợi chân thật, đích thân chứng được tự lợi và lợi tha. Chư Phật Như Lai viên mãn chân thật tự lợi và lợi tha, cho nên chỉ có thiện xảo lợi tha, chẳng cầu tự lợi, vì vốn đã trọn đủ. Đã đích thân chứng như thế, chẳng có bất cứ lo ngại nào,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chẳng có bất cứ cái Ngã nào, Ngã Chấp, Pháp Chấp, hết thấy các thứ gây mê loạn đã gột trừ hết sạch. Khi chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, có thể vô tình hay hữu ý đạt được tự lợi và lợi tha, lợi ích hữu tình. Nếu trong tác ý, nếu dùng Phật nguyện làm bản mạng của chính mình, như pháp sư Đàm Loan đã tuyên nói, thì trong hết thấy các hành pháp, sẽ hết sức đắc lực, có thể nhanh chóng đạt được lợi ích và thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Trong pháp môn Niệm Phật, xác thực là rất dễ dàng thấu hiểu pháp ích hiện tiền vượt xa lẽ thường, chẳng thể nghĩ bàn! Cái gọi là “vượt xa lẽ thường” là vượt qua các sở hành thông thường, tức là hành công đức của ngài Phổ Hiền, nương vào công đức lợi tha chân thật để an trụ trong tự lợi chân thật. Người niệm Phật chắc chắn sẽ có thể lợi tha, vì lẽ nào? Làm sứ giả của Phật, hồi thí Phật đức, rộng lợi ích nhân thiên. Chúng ta có thể cảm nhận và quan sát điều này.

Tại Trung Quốc, Phật giáo thật sự được [nhà nước] nói lỏng quản chế hơn hai mươi năm qua. Do vì Phật giáo [chân chánh] có một khoảng thời gian bị gián đoạn, trong thế gian đã xuất hiện rất nhiều hữu tình ngoại đạo ăn bám Phật giáo, nhiễu loạn hữu tình. Vì sao như thế? Chẳng huân tập may mắn Bồ Đề tâm, chỉ dựa vào các kỹ xảo thế gian để thực hành Phật pháp. Chẳng hạn trị bệnh<sup>44</sup> cho người khác, xem Phong Thủy, tiên đoán chuyện chi đó, hoành hành trong thế gian, khiến cho hữu tình mông muội, mê hoặc hữu tình, áp chế hữu tình, thậm chí khiến cho họ điên cuồng. Nhiều năm qua, trong Phật giáo Trung Hoa [hiện tượng đáng buồn ấy] đã mười phần rộng khắp. Là một người học Phật, chúng ta chớ nên mê mất Bồ Đề tâm của chính mình, hãy nên duy trì Pháp Thân huệ mạng của chính mình. Nếu không, rất dễ bị các mảnh khước mê hoặc, bị các thứ ngôn từ, bị những thứ quý vị tưởng là hay khéo trôi buộc, đến nỗi mê mất nguyện vọng của chính mình, mê mất chánh hạnh Phật pháp. Lúc tôi mới đến vùng Đông Bắc, đã gặp các vị sư phụ xuất gia phần nhiều dọa dẫm các hữu tình, cứ mở miệng ra là “quá khứ của quý vị như thế nào, hiện tại như thế nào, vị lai sẽ là như thế nào?” Do họ có thủ đoạn ấy, quý vị chẳng có mảnh khước ấy, Bồ Đề tâm của quý vị chẳng kiên cố, sẽ bị dao động. Dao động như thế nào? Sanh khởi tâm sợ hãi, đánh mất sự tiến nhập của chính mình đối với Phật pháp.

---

<sup>44</sup> “Trị bệnh” ở đây là dùng bùa chú của ngoại đạo, thậm chí các kỹ xảo ảo thuật để lường gạt, thường mượn mỹ danh là “pháp Mật Tông” để bắt ma, đuổi quỷ, trục vong, giải thần trùng, độ người âm, cắt kết giải oan, trả nợ âm tào v.v...

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Hành trì pháp Ban Châu cũng rất dễ bị những thứ như âm cảnh lôi kéo, chế ngự, bị các thứ thô, tế, lớn, nhỏ, nóng, lạnh v.v... cho đến thấy hư huyền, nghe hư huyền, cảm nhận hư huyền, và các thứ tướng cảnh giới lừa gạt. Hành Ban Châu là để “*thấy Phật, nghe pháp*”. Nếu gặp loại hữu tình như thế, chúng ta hãy dùng công đức của Phật để hồi thí, độ thoát hết thấy chúng sanh, giáo hóa hết thấy chúng sanh đừng sợ hãi! Nếu chẳng như vậy, đối với đạo nghiệp Bồ Đề chúng ta sẽ chẳng có cách nào thật sự tiến nhập, sẽ bị tạp duyên xâm đoạt rất nhanh chóng. Bao nhiêu năm qua, cách đây mười ngày hay nửa tháng vẫn còn có người, nhất là thầy lang, nói với tôi: “Ồi chà! Thầy có vấn đề này nọ?” Tôi nói: “Tôi không biết! Sắc thân này chẳng thuộc về thầy thuốc như ông, mà cũng chẳng thuộc về tôi. Nó chiếu theo một pháp tắc, một nhân duyên, chẳng liên quan gì đến lời ông nói!” Vì nếu dễ dãi khư khư noi theo nó, tâm trí của quý vị sẽ mê mât trong cảnh giới hiện duyên, trong hiện duyên lượng, vô ích đối với sự tiến nhập Phật pháp. Vì thường xuyên nghe người khác nói này, nói nọ, tôi cũng quen rồi! Nhưng đối với người học Phật trong hiện thời, nếu như tâm trí Bồ Đề, tâm trí hành pháp chẳng rõ ràng, chỉ qua đôi ba câu nói, họ sẽ trói buộc quý vị. Tôi gặp không ít vị sư phụ xuất gia bị người khác nói mấy câu liền rơi vào tròng, suốt đời cũng chẳng thoát ra được!

Thật sự là một người học Phật, chúng ta nhận thức con đường của chính mình như thế nào? Phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, chẳng sợ hãi điều này. Nếu chẳng như vậy, sẽ rơi vào tình cảnh đáng thương, mà cũng bị âm cảnh hiện tiền, ngôn từ, sự tướng, khó khăn, thậm chí bị một nghiệp tướng bức bách, che lấp. Như thế thì quý vị chẳng có phần với Vô Thượng Bồ Đề, rơi vào đầm lầy hiện duyên. Trong ấy, chỗ nào cũng đều là hầm hố lớn, hầm hố ấy sâu cỡ nào? Chỉ cần tùy thuận nó, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có thuở thoát khỏi! Chúng ta là người học Phật, hãy nên đối diện chuyện này như thế nào? Tôi cảm thấy phát tâm là quan trọng nhất, phát tâm quan trọng hàng đầu. Nhận biết cái gọi là “*tâm xuất ly*” quan trọng nhất. Tâm xuất ly là trong hết thấy ngôn từ, cảnh sắc, trong đối đãi, đều một đường thoát ra, quyết định chẳng nhiễm. Cho nên nói “*đương đắc bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian*” (sẽ được chẳng đắm nhiễm, du hành hết thấy thế gian). Nếu chẳng phải vậy, nó sẽ xếp đặt quý vị trong một thế giới, chẳng để quý vị thoát ra, sẽ xếp đặt quý vị trong một pháp giới, khiến cho quý vị hoang mang. Như thế thì quý vị dạo chơi trong mười phương cõi nước sẽ chẳng được tự tại.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Năm trước, cũng có một thầy lang có sức thần thông đến bảo tôi: “Ôi trời! Thân thể thầy thế này, thế nọ. Thầy sẽ như thế này, sẽ như thế nọ...” Tốt lẫn xấu đều có! Tôi nói: “Như thế nào” là trong mắt của ông, là chuyện trong tâm lượng của ông! Sự tướng trong mắt của ông xét theo lời dạy “*vạn pháp duy thức*”, sẽ như cá thấy nước sông là nhà cửa, người thấy nước sông là thứ để giặt giũ, nước uống, hoặc để sử dụng, Tu La thấy nước có thể dùng làm vũ khí, chư thiên thấy nước là đất báu lưu ly, ngựa quý thấy nước là lửa cháy rực. Do vậy, đó là Từ Pháp trong mắt ông. Nếu tôi duyên theo điều đó, sẽ là duyên theo nghiệp lực của ông, sẽ chẳng gọi là Từ Pháp, mà là Từ Pháp nói theo dòng nghiệp! Như thế mà thôi!

Bởi lẽ, chúng ta là người học Phật, chớ nên mê muội bởi ngôn thuyết, chớ nên mê muội nơi hiện lượng, đừng mê muội bởi nhân duyên, chớ nên mê muội bởi tướng cảnh giới, chớ nên mê muội bởi các thứ nhiễm duyên hiện tiền, mà hãy nên như thế nào? Phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Tối thiểu là phải có tâm xuất ly, tức là trong hết thảy đối đãi, tâm trí đều chẳng đắm nhiễm, bình đẳng quan sát, đừng nên chấp giữ nó, mà cũng đừng nên xả nó. Nó chẳng liên quan gì đến quý vị. Đó chỉ là Kiến Phần của chúng sanh đầy thôi! Những kẻ có tiếng tăm sẽ nói: “Người thấy đó! Nói với người mà người vẫn chẳng chịu nghe theo”. Tôi nói: “Trước nay, tôi chẳng từng phục thứ đó. Nếu thuận theo những thứ đó, tôi đã chẳng xuất gia! Tôi chẳng nghe theo khuôn sáo của quý vị. Nghe theo khuôn sáo đó, tôi sẽ là thứ bỏ đi! Vì tôi là người học Phật, tôi là kẻ tự biết mình, tôi là người vâng theo lời dạy của đức Phật mà hành trì”. Đối với điều này, chư vị thiện tri thức nhất định phải có sự liễu giải và nhận biết rõ ràng.

***(Kinh) Vân hà đương đắc san hô chi tướng, đắc chư tướng cố?***

**(經)云何當得珊瑚之相，得諸相故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được tướng san hô, do đạt được các tướng?)***

“*San hô chi tướng*” (Tướng san hô): San hô là một món báu trong bảy báu. Có bạch san hô, hoàng san hô, hồng san hô, tử san hô (san hô màu tím)... Tướng mạo của san hô thật sự là so le, không đồng đều, nhưng phần lớn là bạch san hô. Vì san hô ở dưới đáy biển sâu, thời cổ rất khó thu thập [cho nên được coi là quý]. Hiện thời có tàu ngầm, có thể

thu hoạch một lượng lớn san hô, nhưng san hô có màu sắc rực rỡ như hồng san hô thì vẫn rất ít.

Nói “*đắc chư tướng*” (đạt được các tướng) là nói về của báu tâm trí. Ở đây là nói tỷ dụ. Vì nó vốn là pháp bảo, vốn là thiện xảo, vốn vô sở đắc, vốn có thể lấy dùng trong các thứ tướng. Tuy lấy mà chẳng đảm nhiệm, tự đạt được phương tiện. Kẻ đảm nhiệm tất nhiên có gánh nặng; “gánh nặng” là sẽ tạo thành dòng nghiệp mới. Cái gọi là “*dòng nghiệp*” tức là dòng nghiệp đảm nhiệm. Dùng mà chẳng nhiệm, đạt được phương tiện; giống như chúng ta cầm đèn pin soi đường, buổi tối mang theo thì được. Nếu có đèn điện thì có thể chẳng cần tới nó. Nếu mặt trời mọc thì cũng không cần mang theo đèn pin, nhưng kẻ đảm nhiệm cho rằng “ta cần mang theo đèn pin”. Vì thế, thời thời khắc khắc đều cầm theo món vật ấy. Nếu thứ gì cũng đều mang theo, đồ vật này, đồ vật kia đều giắt trên người, mang theo lâu ngày, kẻ đó sẽ bị đồ vật này nọ trì kéo, nghiệp lực cũng lại như thế.

***(Kinh) Vân hà đương đắc như hư không, nhất thiết pháp vô đắc tướng cố?***

**(經)云何當得如虛空，一切法無得相故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hư không, đối với hết thảy các pháp đều chẳng có tướng?)*

Trong phần trước đã nói “*đắc chư tướng*” (đạt được các tướng), dùng báu san hô để tỷ dụ, khiến cho các hữu tình hành pháp Ban Châu có thể tiếp tục an trụ trong sự ổn định liên tục và nghiệp tiếp nối. Ở đây, nói “*vô đắc tướng*”, “*như hư không*” là đối với các loại ổn định liên tục, chẳng bị vướng mắc, chẳng có gì để đạt được, vì dẫn phát sự khinh an liên tục, cho đến đủ loại pháp ích hiện tiền. Nếu đảm nhiệm khinh an, người ấy ắt đọa lạc. Do đó, chẳng đảm nhiệm trong việc tiến thú đại lợi vô thượng, tức là chẳng đảm nhiệm các pháp.

Khi chúng ta hành Ban Châu, nếu đảm nhiệm tướng khinh an, người ấy sẽ đọa lạc. Nếu đảm nhiệm tướng quang minh, tướng trang nghiêm, sẽ xuất hiện vấn đề. Cho đến đảm nhiệm Phật tướng, cũng sẽ xuất hiện vấn đề. Quý vị nói: “Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, đi tới, đi lui (kinh hành) để cầu thấy Phật, đó chẳng phải là đảm nhiệm tướng ư?” Chẳng phải vậy! Vì chẳng thấy tướng thì sẽ chẳng có gì để đảm nhiệm! Quý vị chẳng có tướng để thấy, lấy gì để đảm nhiệm? Đừng nên tự dối



mình! Giống như người đối trước hư không nói: “Ta chẳng mê tiền tài!” Tài sản chất đống trước mặt quý vị, thuộc về quý vị, nhưng quý vị chẳng đắm nhiễm, thì mới thật sự là chẳng mê tiền tài. Hành pháp cũng giống như thế. Thật sự đạt được lợi ích nơi pháp mà quý vị chẳng đắm nhiễm, thì mới là thật sự chẳng đắm nhiễm. Sự tỉnh hiện tiền mà chẳng đắm nhiễm thì mới là công đức chân thật. Khi chúng ta nghèo rớt mòng toai, khi chẳng có vật gì hết, quý vị nói “ta chẳng yêu mến thứ này, chẳng tham đắm thứ kia”. Đó là lời lẽ tự dối gạt mình!

Do vậy, kinh văn ở đây là câu sau tiếp nói ý nghĩa của câu trước. Trong phần trước là “*đắc như san hô, đắc chư tướng cố*” (được như san hô, vì đắc các tướng), tức là trong các pháp trân bảo, hưởng thụ các thứ thọ dụng rõ ràng, thọ dụng khinh an, thọ dụng trang nghiêm, cho đến thọ dụng đoạn trừ phiền não. Sự thọ dụng ấy thật sự chẳng thể nhiễm, thật sự chẳng thể đạt được, tức là nói “*đương đắc như hư không, nhất thiết pháp vô đắc tướng cố*” (sẽ được như hư không, do chẳng đạt được tướng của hết thảy các pháp) trong phần sau. Các pháp sanh bởi nhân duyên, pháp tánh vốn là Không; hết thảy chúng sanh đều phải nên hiểu rõ chỗ này. Nếu chẳng biết pháp không, tánh không, các nhân duyên tất nhiên bị ngăn trở. Do vậy, “*tánh Không duyên khởi*” là quan sát thiện xảo. Biết các pháp, nhất định biết tánh Không. Người biết tánh Không, nhất định được thọ dụng nơi tướng bản chất của các pháp. Do vậy, pháp là không có gì để có thể đạt được, pháp tánh vốn Không, sanh ra các pháp, pháp thật sự vô sanh. Nếu chẳng thiện xảo quan sát pháp tác thế gian và xuất thế gian như thế, chúng ta sẽ mê mất trong cái được gọi là vô pháp và hữu pháp. “*Vô pháp*” là không có gì để nương theo. “*Hữu pháp*” là cho rằng thật sự có cái để đạt được, [chấp trước vào hai điều ấy], sẽ đều chôn vùi công đức lợi ích rộng lớn.

*(Kinh) Vân hà đương đắc như Bồ Tát, bất đoạn Phật chủng cố?*

**(經)云何當得如菩薩，不斷佛種故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như Bồ Tát, chẳng đoạn Phật chủng?)*

“*Bất đoạn Phật chủng*” (Chẳng đoạn Phật chủng) tức là nhập chủng tánh Phật, tín thuận lời dạy của Phật. Khi đạt được hay hiển lộ Tín Nhân và Thuận Nhân, thành tựu chủng tánh Như Lai. Trong khi chúng ta

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

học tập Phật pháp, nếu chẳng thuộc vào chủng tánh Như Lai, thì sẽ là ngoại đạo, gọi là “*danh tự học Phật*”.

Trong giáo ngôn thù thắng của A Di Đà Phật, hữu tình độn căn nghe danh hiệu Nam-mô A Di Đà Phật có công đức thù thắng, đều đắc hai loại Nhân, tức là Pháp Nhân của Bồ Tát, cũng thuộc vào chủng tánh Như Lai. Điều này quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Tại đất Hán, bất luận nội hay ngoại đạo, người học Phật rất nhiều, khá nhiều hữu tình chẳng tự giác mà học Phật, chẳng cần phải đeo danh xưng là “*Phật giáo đồ*”! Vì sao? Do chủng tánh Như Lai gia trì. Nay chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, tức là không ngừng thúc giục tâm trí của chúng sanh, khiến cho họ có thể thành tựu hai môn Nhân ấy. Thông thường, nghe một hai lần, chủng tử đã gieo xuống, nhưng chưa thành thực, cho nên hành trì Ban Châu có thể khiến cho Phật chủng chẳng đoạn.

Tu hành trong Phật giáo, tiếp nối huệ mạng của Phật mười phần quan trọng. Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, có thể khiến cho Phật chủng chẳng đoạn, vì công đức của danh hiệu là ở đây, nội hàm thực chất ở đây, quý vị chẳng cần phải lo lắng! Rất nhiều người bận tâm vì sao vị Bồ Tát này chẳng khéo học Phật? Vì sao người kia chẳng khéo học Phật? Quý vị cứ chăm chú niệm Nam-mô A Di Đà Phật, thanh tịnh, bình đẳng hồi hướng, chẳng cần phải băn khoăn! Hãy yên lòng về chúng sanh, yên lòng đối với Phật, hãy yên lòng đối với nguyện lực của Phật, hồi thí pháp mà quý vị đã hành trì, hãy yên tâm triệt để hồi thí, chẳng lưu giữ gì!

***(Kinh) Vân hà đương đắc bất hưu tức, hành chư Bồ Tát đạo, vị tăng viễn ly Đại Thừa cố?***

**(經)云何當得不休息，行諸菩薩道，未曾遠離大乘故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng ngưng nghỉ, hành các đạo Bồ Tát, chưa từng xa lìa Đại Thừa?)***

Pháp Ban Châu đích xác là chuyên chở rộng lớn, chuyên chở bình đẳng, chuyên chở không ngăn ngại! Chuyện khá khó thực hiện trong học tập Tịnh Độ là gì? Chẳng có oán đối. Điều khá khó thực hiện hơn nữa là gì? Chẳng có lây hay bỏ. Điều khó thực hiện hơn nữa là gì? Chẳng bỏ hết thấy hữu tình khổ não, tội ác. Điều khá khó thực hiện hơn nữa là gì? Bình đẳng gánh vác hết thấy. Điều khó thực hiện hơn nữa là gì? Nói như

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thế nào, cũng làm đúng như thế ấy. Điều này khó khăn hơn. Vì sao? Cái tâm của chúng sanh lấy hay bỏ, yêu ghét, phân biệt mười phần rõ ràng, mười phần mạnh mẽ, mười phần thuần thực, mà tâm bình đẳng, tâm chẳng lấy bỏ, tâm lợi ích người khác rộng lớn, tâm yêu thích tạo lợi lạc cho hữu tình khổ nạn, ngược lại khá lợt lạt, xa cách, thậm chí chẳng đặc lực. Dầu siêng khổ vun bồi, chẳng thể sanh lòng tin! Thường là đã vun bồi được một khoảng thời gian, hễ gặp cái duyên trái nghịch, liền muốn bỏ pháp ấy, cảm thấy chẳng thể chịu đựng nổi. Nhất là đối với chuyện “*chẳng xả hết thảy hữu tình khổ nạn, bình đẳng bố thí, an trụ vô nghi*”. Đó là chỗ khó nhận biết nhất của pháp này.

Giống như khi chúng ta hành trì Ban Châu, khôn đốn đưa đến, khổ sở đưa đến, duyên gây khó khăn đưa đến, duyên trái nghịch đưa đến, tức là tướng cảnh giới ác đưa đến, đều là các thứ huyễn hiện của hết thảy hữu tình khổ não, đều là các tướng cảnh giới hư huyễn diễn ra, nhân duyên duy nhất của quý vị là thật sự hồi thí lợi ích cho họ, khiến cho họ an lạc. Làm như thế nào? Tức là chẳng bài xích, mà cũng chẳng thuận theo, cứ thanh tịnh niệm Phật, cứ một đường mà đi. Hành trì như vậy, chưa từng xa lìa Đại Thừa. Nói “*bát hưu tức*” (chẳng ngưng nghỉ) tức là trong khi đối diện các thứ nhân duyên và khó khăn, đều chẳng sợ hãi. Khi tôi xuất gia, tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ trong vòng mười năm qua, [đã nhận thấy] đây là chỗ khiến cho người ta bị thoái đọa nhiều nhất. Đối với kẻ thương tổn quý vị, kẻ không ngừng thương tổn quý vị, kẻ ô nhục quý vị, kẻ chửi bới nhân cách của quý vị, quý vị cảm thấy phải lợi lạc kẻ đó, phải có tâm chẳng xả niệm Phật hồi thí cho người ấy. Thoạt đầu, sẽ rất khó sanh khởi [cái tâm ấy]. Thường là sẽ tránh né chuyện tạo lợi lạc cho kẻ đó, tâm mong cho đối phương chẳng bị ác báo là được rồi, đã cảm thấy mình chúc phước cho đối phương. Còn như mong mọi đối phương thiện xảo, thành tựu, thậm chí thành tựu còn sớm hơn ta, có lợi ích công đức còn to hơn ta, thù thắng, chân thật, nhanh chóng đều hơn ta, các nguyện vọng như vậy rất khó vun bồi! Vì chúng tách trong cái tâm của phàm phu là như thế đó! Tức là yêu ghét phân minh, đúng sai phân minh, lấy bỏ phân minh, nhưng sự phân minh ấy chỉ mang lại các thứ khôn khó, khôn khó gì vậy? Hẹp hòi, tự lợi, cái tâm Tiểu Thừa, hoặc nói là cái tâm tịch diệt, hoặc là một thứ tâm chán lìa.

Đoạn văn tự này đã cho chúng ta biết: Giống như Bồ Tát chẳng nghỉ ngơi, tâm phàm phu luôn cần nghỉ ngơi. Nhất là khi có tâm trí đối đãi sanh khởi, nghiệp tướng đối đãi sanh khởi, bèn mong lảng tránh, chẳng mong tiếp xúc nữa; cảm thấy quá mệt mỏi, quá khổ sở, quá vô ý

nghĩa! Thật ra, chẳng phải vậy! Chư Phật Như Lai siêng gắng chẳng bỏ ở chỗ này, thường hành chẳng bỏ. Từ bao kiếp lâu xa đến nay, các Ngài chẳng bỏ chúng ta. Chúng ta đích xác đều là hữu tình báng pháp, hữu tình nghi pháp. Hoặc có thể nói là các hữu tình sợ hãi Phật pháp, hoặc có thể nói là hữu tình phá diệt, chôn vùi Phật pháp. Nếu không, chúng ta đã không sanh trước Phật, hay sau Phật, lọt vào tám nạn. Ở đây, quý vị chớ nên quá mức tự tôn. Nhưng trong pháp môn Niệm Phật, nhất là hành pháp Ban Châu, chẳng có ngưng nghỉ, chẳng lìa Đại Thừa. Nói đến “*Bồ Tát đạo*”, chẳng thể lìa đạo ấy trong phút chốc, mà cũng không có gì để lìa. Do không có gì để lìa, tức là hành Bồ Tát đạo. Do chẳng ngưng nghỉ thì chính là hành Bồ Tát đạo. Do thường hành đạo, cho nên “*chẳng bỏ hết thấy chúng sanh, chẳng xả hết thấy các hạnh nguyện*”. Những lời này mười phần dễ nói, nhưng thực hiện nếu tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận Phật trí, tùy thuận Phật hạnh, sẽ rất hoan hỷ, rất vui sướng, sẽ là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nếu tùy thuận nghiệp lực của chính mình, tùy thuận tâm trí phân biệt, chấp trước của chính mình, sẽ mười phần đau khổ, mười phần khó chịu đựng, mười phần chẳng tương ứng! Chúng ta nói: “*Chẳng xả hết thấy chúng sanh khổ não, hồi hướng công đức rất sâu của chư Phật, khiến cho chúng sanh nhanh chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, đạt được bất thoái chuyển*”. Quý vị đem lợi ích do pháp tác của chính mình hồi thí cho hết thấy những kẻ hữu duyên trong hiện tiền, dù là thuận duyên, hay ác duyên, đều bình đẳng hồi thí như thế, sẽ thật sự là bậc thường hành đạo, chẳng xả đạo nghiệp, hành Bồ Tát đạo. Lời này hết sức dễ nói, nhưng tâm trí phàm phu cần phải có một lượng chịu đựng nhất định, cần phải có sự nỗ lực nhất định của chính mình, kiên trì và cố vũ, hoặc có thể nói là “*tùy thuận*”.

Chúng ta đều biết, giáo ngôn Đại Thừa muốn độ hết thấy chúng sanh thành tựu Bồ Đề. Nêu nguyện “*hết thấy chúng sanh sẽ thành Phật trước tôi*”, đó là một thệ nguyện mạnh mẽ trong Đại Thừa. Nếu nguyện “*cùng với hết thấy chúng sanh cùng thành Phật*”, đó là một tâm nguyện tùy thuận. Nếu nguyện “*ta thành Phật trước rồi mới độ chúng sanh*”, đó là tâm nguyện của bậc Đại Thừa Bồ Tát nhuyển tâm. Trong ba loại tâm nguyện ấy, [tâm nguyện] “*khiến cho hết thấy chúng sanh thành Phật trước ta*” là do cái tâm mạnh mẽ tạo thành. Như vậy thì quý vị sẽ yêu thích, tôn trọng hết thấy thân duyên, sơ duyên, và các thứ nhân duyên trong phần trước. Quý vị sẽ thật sự tôn trọng, bảo vệ nó. Vì lẽ nào? Do hết thấy chúng sanh đều thành Phật trước quý vị, cũng có nghĩa là hết thấy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, chỉ có ta là phàm phu. Ngày hôm

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

qua, có một đứa bé, khi gặp mặt chúng tôi, nó đã khóc âm lên, trào nước mắt. Nó nói: “Hôm nay con thật sự biết hết thấy chúng sanh là Phật, Bồ Tát. Thật sự là một cơ hội đáng nên tôn trọng hết thấy”. Ngay khi ấy, quả thật mọi người đều rất cảm động, rất nhiều người ứa nước mắt, vì đứa bé ấy chưa hề học Phật, vừa mới tiếp xúc Phật giáo, đã nảy sanh trạng thái tâm lý ấy, khiến cho mọi người rất cảm động. Lời nó nói là lời lẽ thành khẩn, cảm kích. Khi nó cảm nhận được điều ấy, tâm linh thoải mái và an lạc. Niềm xúc động rộng lớn, bình hòa và chân thật ấy đã cảm động chính mình, mà cũng cảm động người khác. Đó thật sự là tâm Đại Thừa mạnh mẽ, nhạy bén, mọi người đều thị hiện cho ta các thứ ác tướng, thiện tướng, tướng thù thắng, tướng yếu ớt, để làm gì? Mong cho ta sẽ xuất ly!

Chúng ta niệm “*nguyện cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc*” (nguyện cùng các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc). Đó là giáo ngôn về Đại Thừa Ba La Mật Môn, quán thấu triệt hết thấy chúng sanh như huyễn, hết thấy chúng sanh thiện ác như huyễn, hết thấy phàm thánh như huyễn, hết thấy các pháp là rốt ráo không, không có gì để được hay mất, rốt ráo vãng sanh quốc độ của A Di Đà Phật, ngay lập tức thành tựu! Đây gọi là “*đồng sanh đồng Tây*” (cùng sanh về Tây Phương), dùng trí Văn Thù để nhìn thấu triệt, quan sát hết thấy huyễn duyên là rốt ráo chẳng thể được. Ở đây là “*độ tận chúng sanh, phương thành Phật đạo*” (độ hết chúng sanh rồi mới thành Phật đạo), tức là “*tâm Đại Thừa độ trọn hết chúng sanh chẳng ngưng nghỉ*”. Trong khi hành pháp Ban Châu, cũng giống như thế. “*Chẳng ngưng nghỉ*” là một pháp tắc hành pháp, tự mình nhắc nhở “*chẳng thể nghỉ ngơi*”. Thông thường, tâm người hành Ban Châu sợ hãi chỗ này, nói [tu pháp Ban Châu] vốn mệt nhọc lắm. Nếu chẳng nghỉ ngơi, còn tu tập nổi ư? Thật ra, hành pháp chính là thật sự nghỉ ngơi! Trong chẳng nghỉ ngơi mà thật sự nghỉ ngơi. Vì sao vậy? Đạt được tự tại nơi pháp, đạt được tự chủ chẳng đắm nhiễm sự nghỉ ngơi chân thật, cùng lúc vứt bỏ sự đắm nhiễm nghỉ ngơi và [ý niệm] đối đãi [cần phải] nghỉ ngơi của chúng sanh, thường luôn hành đạo nghiệp!

***(Kinh) Vân hà đương đắc trước đại khải giáp, chư Phật quảng đại giới trung quyết định trụ cố?***

***(經)云何當得著大鎧甲，諸佛廣大戒中決定住故？***

***(Kinh: Như thế nào sẽ được mặc giáp trụ lớn, quyết định trụ trong giới rộng lớn của chư Phật?)***

“*Quảng đại giới*” (Giới rộng lớn): Vì trong hành pháp Ban Châu, thế nguyện thuộc địa vị bậc nhất. Niệm Phật trong một kỳ hạn mong thấy Phật, hoặc lợi ích hữu tình v.v... đều do nương vào đại thế nguyện mà kiến lập. Đại thế nguyện là đại giới, là đại hiệu thuận. “*Đại hiệu thuận*” là chí đạo hiệu thuận, là giới. Do vậy, tùy thuận là giới. Đại tùy thuận là giới! Giới ấy là giới rộng lớn, giới thanh tịnh, giới chân thật. Tuy là vô ngôn thuyết, nhưng là “*lược giới*”. “*Lược*” là nhờ vào ngôn thuyết đơn giản, bao gồm hết thấy thiện xảo lợi tha, tâm trí lợi tha, chọn lựa lợi tha, quyết định trụ trong giới, tức là dùng chuyện lợi lạc chúng sanh để quyết định trụ, dùng tùy thuận công đức thù thắng trong các pháp để quyết định trụ, dùng tán thuận (tán thán và tùy thuận), dùng hiệu thuận chư Phật, Bồ Tát, thánh nhân, và hết thấy hữu tình để quyết định trụ. Đó cũng gọi là “*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ). Mọi người rất quen thuộc kiểu nói này, nhưng trong pháp tắc thực tiễn, chúng ta hãy nên quan sát cận kề chính mình có tương ứng với cách nói ấy hay không? Trên thực tế, thủ hộ thế nguyện sẽ có thể bảo vệ chúng ta chẳng hứng chịu những tổn thương do biến đổi trong khi hành pháp, chẳng bị các nhân duyên đổi khác xâm đoạt. Nếu chúng ta học tập, tu tập pháp Ban Châu, sẽ có thể chân thật sanh khởi cái tâm “*chẳng bị thoái đọa*”, rốt ráo an trụ, chẳng bị tổn thương, tùy thuận lợi ích thế gian, tùy thuận công đức rất sâu của chư Phật, thuận theo thế nguyện rộng lớn của A Di Đà Phật, tùy thuận chọn lựa an trụ trong thế nguyện lợi ích chúng sanh rộng lớn. Đó là một động lực lớn nhất để hành pháp, cũng là bi trí song tu, mà cũng là nơi công đức chân thật hiện diện.

Cơ chế tâm lý của người hành pháp muôn ngàn sai khác. Tôi đã thấy mấy trăm bài văn phát nguyện, khác biệt hết sức to lớn. Có người viết ngắn gọn, có người phức tạp, có người tự lợi, có người nói về lợi tha, có người nghi pháp, có người là pháp thù thắng, cho đến có người cầu cảm ứng, có người cầu xuất ly, người thì cầu của cải, có người cầu oai đức to lớn, có người cầu thiện xảo, có người cầu chế ngự, ước thúc kẻ khác, có người cầu lợi ích người khác, có người cầu tăng thêm phước báo cho xã hội. Hạng người nào cũng đều có, lời nguyện gì cũng đều có; nhưng có một điều: Một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” thật sự là công đức và lợi ích chân thật của Ban Châu!

Pháp Ban Châu là do Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói ở Trúc Lâm Tinh xá tại thành Vương xá trong thế giới Sa Bà. Sau khi kinh

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

điển được kết tập, bản kinh này được phiên dịch, truyền bá sang Trung Hoa trong thời Tùy - Đường, một mực truyền bá đến tận bây giờ. Đương nhiên là có rất nhiều kẻ nghi ngờ, phỉ báng pháp này. Đức Thế Tôn vì che chở hạng người ấy, trước tiên đã nói: “Đừng báng pháp này, kẻ phải hứng chịu khổ báo to lớn, hứng chịu luân hồi xấu ác”. Trong đoàn thể này của chúng ta, cũng có kẻ phỉ báng pháp này, nói pháp này là giả, là pháp bất chánh, là tà pháp: “Ngồi ở chỗ này nghe giảng thì là chuyện chẳng tương ứng. Tôi cảm thấy chẳng thích hợp, là chẳng công bằng, là chẳng có ý nghĩa chi hết!” Nói theo phía quý vị, sở dĩ [quý vị chê trách] pháp này chẳng công bằng là vì chúng ta thuộc vào tình huống ngờ vực pháp tắc này, phỉ báng pháp tắc này. Cho nên [nhận thấy pháp tắc này] chẳng công bằng đối với chính mình. [Hãy nên có tâm thái] *“thà nguyện chính mình bị vứt bỏ, cũng chẳng bằng lòng nghi ngờ, phỉ báng”*. Nghi ngờ, phỉ báng sẽ khiến cho chính mình bị rất nhiều thương tổn, giống như dùng trứng gà phang đá cuội, kết quả cứ nghĩ liền biết. Đối với chuyện này, trong kinh điển, đức Thế Tôn đã có thọ ký, trong phần sau sẽ nói tới.

Nhưng trong xã hội, kẻ trực tiếp quả mắng, chửi bới kinh điển này, chửi bới hành pháp này rất hung hăng thì giống như trong kinh điển đã ghi chép. Trong chúng thường trụ hiện tiền, tôi cảm thấy làm như thế đối với bản thân quý vị, sẽ là bất công, chẳng thích hợp. Nếu có kẻ như thế, hãy nên lập tức sám hối. Nếu không, hãy nên lia bỏ nơi này, có thể hành trì pháp tắc khác, sẽ chẳng đến nỗi báng pháp, mà cũng chẳng đến nỗi bị thương tổn. Vì đây là một đạo tràng Ban Châu, nếu quý vị ngờ vực, hủy báng pháp tắc này, thì hãy nhanh chóng sám hối, hoặc mau chóng rời đi. Cả hai cách ấy đều được, sẽ có lợi, công bằng, tương ứng. Pháp tắc mà chúng ta hành trì trong đạo tràng này có ý nghĩa. Tán thán một pháp tắc là có ý nghĩa, còn ngờ vực, hủy báng pháp tắc là do tâm ngờ vực, tâm hủy báng của quý vị sanh khởi! Không chỉ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, mà còn có thể tổn thương chính mình. Nhất là vẫn ở lý trong đạo tràng này thì sẽ là chẳng thích hợp, phạm lỗi gây rối loạn đại chúng và hủy diệt đạo tràng. Đừng nói là ai có thể cứu độ, chính mình cũng chẳng thể tha thứ cho chính mình! Vì sao nói như vậy? Đó cũng là chẳng xả hết thảy hữu tình, chẳng tổn hại hết thảy hữu tình, vì quý vị có thể nói là chính mình vô duyên đối với pháp này. Như thế thì cơ bản là chẳng báng pháp, chẳng ngờ vực, hủy hoại pháp, cho nên chẳng sanh ra lầm lỗi, mà cũng chẳng khiến cho hữu tình bị tổn thương. Ở đây, thừa dịp học Phật, học pháp này, tôi trình trọng nêu ra [những

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

điều cảnh tỉnh ấy], hy vọng mọi người hãy khéo tư duy nhân duyên của chính mình để chẳng đến nỗi bị tổn thương không cần thiết!

“*Quảng đại giới trung quyết định trụ*” (Trụ quyết định trong giới rộng lớn): Trong thực tế, hiếu thuận là chí đạo. Nếu kiến lập thế nguyện, nếu tùy thuận thế nguyện, chúng ta đều nên tùy thuận pháp. Trong tùy thuận, sẽ có giới, giới đức, hộ trì pháp tắc mà chúng ta đã hành. Trong kinh điển, đức Thế Tôn đã nói giới ở chỗ nào? Ở nơi hiếu. Hiếu là chí đạo. Hiếu là gì? Hiếu là giới. Hiếu thuận là giới. Đây chẳng phải là nô dịch chúng ta. Bản thân của giới có thể bảo vệ chúng ta, mang lại lợi ích không chi lớn bằng cho chúng ta. Nhưng trong thời đại này, lòng người dễ phản nghịch, thường nói là hay rối loạn “*tánh giới*”, dĩ hạ phạm thượng. “*Thượng*” ở đây chẳng phải là thượng trong “*thượng hạ*” (trên dưới), mà [thượng] là chỗ đáng nên cung kính, chỗ đáng nên thủ hộ, chỗ đáng nên yêu thích. Nếu như chửi bới, lay động, va chạm những nơi ấy, sẽ sanh ra thương tổn. Vì thế, hiếu thuận là chí đạo (đạo cùng tốt). Người Hoa đặc biệt nói tới hiếu, nhưng hữu tình trong thế gian hiện thời phần nhiều chẳng chuộng hiếu đạo, phần nhiều thích làm các hạnh ngang ngược, trái nghịch, nói lời chẳng dễ nghe, làm các chuyện chẳng thuận thảo, thỏa đáng, kết quả là khổ sở. Vì vậy, do niềm vui tùy thuận, từ niềm vui do giữ giới, có thể đạt được niềm an lạc nơi pháp, niềm vui hiếu kính, có thể đạt được niềm vui được che chở.

Hành Ban Châu cũng giống như thế. Nếu dùng cái tâm đối kháng, tâm chẳng tùy thuận để hành pháp Ban Châu, sẽ rất khó hành. Thông thường, người thật sự hành pháp Ban Châu sẽ rất điều phục, mềm mỏng. Phàm là kẻ chẳng điều phục, mềm mỏng, đều là do tập khí chẳng điều phục, mềm mỏng. Tất cả các thứ chẳng điều phục, mềm mỏng nơi thân người hành Ban Châu đều là do sau khi đã hành Ban Châu, sức mạnh của việc hành trì Ban Châu chèn ép tập khí, cho nên sự chẳng điều phục, chẳng nhu thuận mới nảy sanh sức mạnh to lớn như thế. Trong thực tế, luôn có những trường hợp như vậy. Nhưng nếu là người một mực tùy thuận hành pháp Ban Châu, sẽ rất điều phục, nhu hòa, sẽ đạt được an lạc nơi “*quảng đại giới*” như đang nói ở đây. Tức là lợi lạc trọn khắp thế gian, tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận bi trí, tùy thuận phương tiện, tùy thuận hữu tình, ban bố an lạc. Tâm trí ấy tất nhiên được kiến lập, vì được nguyện lực của Phật gia bị, được sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật gia bị, được sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật Như Lai gia bị, dưỡng dục tâm linh và đạo đức của chúng ta. Khi chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, âm thanh công đức ấy và thế nguyện của



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đức Phật sẽ dưỡng dục cảm giác của chúng ta, gia bị quá trình tự tánh biểu hiện chín muồi của chúng ta. Những kẻ tự đại kiêu mạn cũng sẽ dần dần được mài giũa trong ấy, khiến cho sự kiêu mạn và tự đại của chính họ bị tiêu trừ. Vì lẽ nào? Hành Ban Châu một thời gian, sẽ biết sự tự đại của chính mình là vô ích, chẳng có ý nghĩa gì hết! Kẻ càng tự đại, trong khi kinh hành Ban Châu, sẽ rất nhanh chóng điều chỉnh. Nhưng chủ yếu là kẻ tự đại sẽ chẳng bằng lòng kinh hành Ban Châu, vì lẽ nào? Do khinh thường! Một là ta chẳng chịu khổ, hai là ta chẳng thể chịu khổ. Chẳng chịu khổ là mạn tâm, chẳng thể chịu khổ là cái tâm sợ hãi. Kẻ như vậy tất nhiên là tự đại, cho nên trong phần sau, đức Thế Tôn có nói về những kẻ tuy nghe mà chẳng thể hành pháp này!

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết chư Phật sở tán quán đánh, trụ w chư Như Lai Thập Lực địa trung cố?***

**(經)云何當得一切諸佛所贊灌頂，住於諸如來十力地中故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chư Phật khen ngợi, quán đánh, trụ trong địa vị Thập Lực của chư Như Lai?)***

Chư Phật Như Lai có Thập Lực, mười tám pháp Bất Cộng, Tứ Vô Úy, chính là các pháp mà chư Phật Như Lai chẳng có chung với chúng sanh. “*Quán đánh vị*” (Địa vị quán đánh): [Quán đánh] là một pháp tác riêng ở Ấn Độ. Trong quá khứ, khi ban vương vị, dùng nước của bốn đại dương để làm nghi thức rưới nước lên đỉnh đầu (quán đánh), nhằm tượng trưng cho sự tôn quý. Hiện thời, tại một số quốc gia ở Đông Nam Á, trong quá trình tiếp nhận vương vị, vẫn dùng cách quán đánh này. Như khi Tây Cáp Nỗ Khắc (Sihanouk) truyền ngôi vua cho vương tử [Tây Cáp Mạc Ni (Sihamoni)], cũng cầm một vò nước rưới lên đầu vương tử. Quán đánh là trụ trong pháp vị. “*Vị*” nghĩa là có thành tựu, có sức nhiếp hóa.

Trong hành pháp Ban Châu, đích xác là có thể khiến cho chúng sanh tiến nhập tâm trí chẳng sợ hãi, an ủi thế gian, chẳng vương mắc, đạt được các loại sức thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là do tự lực trong các hành pháp thông thường mà có thể thành thực được! Pháp Ban Châu có giáo ngôn mười phần bất cộng, tức là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập. “*Lập*” có nghĩa là thuyết pháp, người nghe bèn nghe pháp. Sau khi nghe pháp, sẽ tiến nhập, đích thân chứng tự tánh,

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

chẳng có gì sợ hãi, chọn lựa Vô Sanh Pháp Nhân. Đây thật sự là một pháp tắc rất khó có trong các hành pháp hiện thời. Pháp tắc như vậy vẫn là nói với các phàm phu chưa đoạn dục, cũng có nghĩa là phàm phu có phần trong pháp tu tam-muội này. Nói theo quy củ thông thường, người trong hiện thời tuy có thể thấy mười phương chư Phật, nhưng phàm phu chẳng thể thấy. Vì lẽ nào? Chưa thanh tịnh lòng dục! Chúng ta có thể tra duyệt rất nhiều kinh điển, [sẽ thấy] trong rất nhiều pháp, nếu muốn thấy Bốn Tôn, sẽ rất khó, phải cần rất nhiều gia hạnh tu trì thì mới có thể thành thực. Nhưng trong pháp Tịnh Độ, chẳng phải là như vậy. Tiễn nhập thẳng thừng ngay trong hiện tại, thiện xảo đích thân chứng tam-muội đều là ngay trong hiện tiền. Cái “*hiện tiền*” này dù thấy hay không thấy, đều thanh tịnh thủ hộ. Do vậy, người thấy sẽ hỏi, hỏi thì sẽ được đáp ngay. Đáp rồi liền biết, biết gì vậy? Giống như được quán đánh, tức là Phật đích thân tự quán đánh, [hành nhân] đích thân tới trước chư Phật nhận quán đánh. Đó là “*đắc nhất thiết chư Phật sở tán quán đánh*” (Được hết thấy chư Phật khen ngợi, quán đánh). Nói “*sở tán quán đánh*” là đích thân ban cho pháp chân thật, khiến cho quý vị trụ trong bất thoái chuyển. Sự gia trì của pháp này đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Nay trong đại chúng hiện tiền, có ai được chư Phật quán đánh như thế hay chẳng? Thật ra, chuyện này chẳng phải là chuyện khó, tùy thuộc chúng ta có siêng năng hành trì pháp tắc này hay không? Có thật sự tin tưởng quyết định hay chẳng? Có thật sự yêu thích, chẳng ngại vực mà tu tập hay không? Khó hay dễ chẳng ở nơi pháp tắc! Khó hay dễ căn bản ở nơi [hành nhân] phát tâm. Nếu phát tâm khó khăn, hành pháp sẽ khó khăn. Nếu phát tâm dễ dàng, hành pháp bèn dễ dàng. Quý vị nói xem, có phải chính mình cảm thấy dễ dàng là được rồi hay không? Chẳng phải! Quý vị phát tâm càng rốt ráo, càng triệt để, càng thuần tịnh, càng đơn nhất, sẽ đạt được dễ dàng. “Dễ” là càng trực tiếp, càng liễu đạt, càng triệt để, càng chân thật. Do đó, pháp chẳng có khó hay dễ. Phán định phàm hay thánh cũng chẳng nói gì đến khó hay dễ, chỉ là chúng ta tự xếp đặt quá nhiều chướng ngại cho chính mình.

“*Trụ u chư Như Lai Thập Lực địa trung cố*” (Do trụ trong địa vị Thập Lực của các đức Như Lai): Pháp Ban Châu này là cha của mười phương chư Phật, sanh ra tướng công đức oai lực to lớn, hàm nhiếp các chuyện thuộc địa vị Bát Địa Bồ Tát, tức là quyết định đạt được bất thoái chuyển ngay trong một đời. Do đó, pháp như vậy chẳng cho phép ai phỉ báng. Thật ra, chẳng phải là không cho phép, mà là sợ quý vị bị thương tổn. [Bởi lẽ], trên thực tế cũng chẳng có gì để sợ, quý vị cũng chẳng có

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

gì để có thể phỉ báng. Chỉ là chính mình [hễ phỉ báng], sẽ tự mình bị thương tổn đó thôi! Nhất định phải chú ý điều này! Đối với loại pháp tắc này, thường là những kẻ chẳng hành trì thành tựu, chẳng có tiền nhập, bèn dựa vào nghiệp lực của chính mình, dùng tâm lượng của chính mình để đánh giá rồi phỉ báng. “*Báng*” thì sẽ mê mờ, che lấp thiện căn của chính mình, tán hoại thiện nghiệp của chính mình, thậm chí mê loạn người hành pháp thanh tịnh hoặc người phát tâm. Lỗi lầm này rất khó thấy thấu suốt! Người ở đất Hán hiện thời báng pháp, hủy pháp chẳng hề sợ hãi; chứ trong Tạng truyền Phật giáo, rất nhiều người chẳng dám. Ngay cả tội xả pháp cũng đều chẳng dám phạm. Họ nhận biết pháp, trao đổi rất cẩn thận, nhất là đối với pháp tắc tu hành được truyền bá rõ ràng. Chúng ta phải nên chú ý sâu xa điều này. Có những kẻ nhiệt não, phiền não, thốt ra những lời chính mình chẳng chịu trách nhiệm. Đối với người khác thật sự là chẳng có gì, quý vị cũng chẳng tổn hại người khác, nhưng rất dễ tạo thành nghi hoặc nhất thời cho kẻ khác, lung lạc nhân duyên hành pháp của người khác trong một lúc. Tức là nói theo căn bản thì chẳng thể thương tổn người khác, nhưng trong hiện duyên, quý vị có thể làm khổ chính mình, nhất định sẽ rất khổ. Tôi nêu ra ở đây, vẫn mong mọi người hãy tự yêu thương, bảo vệ chính mình.

***(Kinh) Vân hà đương nhất thiết sở tưởng, thông đạt nhất thiết chư pháp hạnh cố?***

**(經)云何當一切所想，通達一切諸法行故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ trong hết thấy suy tưởng, thông đạt hết thấy các pháp hạnh?)***

Chư vị thiện tri thức! Khi hành pháp, chúng ta sẽ thấy cách nghĩ của chính mình rất rõ ràng. Trước kia, khi tôi ở một nơi, trong cơ chế “hết thấy suy tưởng tương ứng với pháp”, đã nói ra bốn chuyện. Tôi nói đó là chuyện trong tưởng tượng của tôi, kết quả là tôi chẳng nói, mọi người đều thấy là đúng! Thật ra, các chuyện ấy đều đã sớm có kết quả, vì lẽ nào? Trước khi làm, đã suy nghĩ một phen. Sau khi suy tưởng, bèn xếp đặt, vẫn lệch về một bên. Kết quả là sau khi đã đi đường vòng, bốn chuyện ấy mỗi chuyện đều thành thực. Vì sao cách suy tưởng và sự thật có thể tương ứng? Điều quan trọng nhất ở đây chính là chữ Tưởng trong “*nhất thiết sở tưởng*”, nó là gì vậy? Nếu đúng như thật thấu đạt trước

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

sau chẳng khác biệt, sẽ có thể hình thành sức mạnh “*hết thấy các pháp hạnh*” và tướng ngang hàng!

Như vậy thì quý vị có thể làm cho tướng và pháp hành tương ứng hay không? Chẳng cần phải sợ hãi. Nếu muốn tương ứng, quý vị nhất định phải có sức nhìn thấu suốt, tức là thấy thấu suốt tiền tế và hậu tế chẳng tách rời. Đó gọi là “*một niệm làm ba đời*”, “*ba đời làm một niệm*”, “*một niệm là tam tế*” (quá khứ, hiện tại, vị lai). “*Tế*” (際, bờ mé, giai đoạn) thật sự chẳng có ngăn mé. Thường là chúng ta do nẩy sanh sự chọn lựa chẳng chân thật ở nơi đây, bèn nói “đó là chuyện thuộc về vị lai”. Chuyện vị lai là như thế nào? Quý vị nói: “Nay quý vị có thể tướng chỗ này thành thứ gì đó hay không?” Chẳng phải vậy, tôi chẳng cần tướng. Tám năm trước, nếu tôi nói với mọi người về năm chỗ đang xây dựng<sup>45</sup> trong hiện thời tại chùa Phóng Quang, chẳng có ai không cười nhạo, quở tôi bị bệnh thần kinh ư? Vì trước kia Phóng Quang Tự chừng bằng bàn tay, khắp nơi đều là gai góc. Năm chỗ trong hiện thời chẳng phải do tôi xây dựng. Đây chẳng phải là một thứ cô ý khoa trương, những người thường trụ sớm nhất tại chùa Phóng Quang đều biết: Đã bàn đến chuyện này, nhưng mọi người chẳng sanh lòng tin, cho rằng chẳng tương ứng: “Đó là cách suy nghĩ chẳng có ý nghĩa”. Nếu muốn cách suy nghĩ và pháp hành tương ứng, phải tướng như thế nào? Đây là một cơ chế tu pháp của phàm phu rất có ý nghĩa. Đầu óc của phàm phu đều là ái tướng (suy tướng về những điều yêu thích), suy tướng không ngừng, nhưng phần lớn là vọng tướng, chẳng tương ứng với pháp, chẳng tương ứng với pháp hành. Có người suy tướng đen tối, suy tướng điên đảo, suy tướng ngu si, suy tướng tự đại, suy tướng lừa dối người khác, suy tướng kiêu mạn, cuối cùng khẳng định là chẳng có ý nghĩa. Có Bồ Tát còn đoán cho tôi một quẻ, bảo: “Ái chà! Sáu tháng cuối năm thầy sẽ bị thế này, thế nọ?” Tôi nói: “Nếu quý vị đoán chuẩn xác, chiều hôm nay tôi sẽ quẩy ba lô về nhà, Phật pháp chẳng liên quan gì đến tôi! Vì sao? Nếu quý vị có thể đoán chuẩn xác cho tôi, tính ra lúc nào tôi sẽ chết. Quý vị có thể tính xem chính mình lúc nào sẽ chết hay không?” Lời ấy trên thực tế là lời tương ứng, tương ứng với gì vậy? Hy vọng mọi người đối với pháp và tướng, phải có cơ chế tương ứng. Sau đó, nửa năm sau, tôi gặp lại vị Bồ Tát ấy, liền hỏi: “Quẻ bói của quý vị có chuẩn hay không?” Ông ta nói: “Ồi giờ ơi! Phật pháp có thể thay đổi vận mạng của

---

<sup>45</sup> Năm chỗ ấy là Phóng Quang Tự, Bàn Đà Thạch, tháp viện, Hằng Dương Am, Liên Hoa Tự (chú thích của người ghi lại lời giảng).

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

con người”. Tôi nói: “Phật pháp chẳng thể thay đổi vận mạng của con người. Con người đích xác là có vận mạng, nhưng nếu có thể hành trì đúng pháp, sẽ thật sự là không có pháp nào để có thể đắc, không mảy trần nào để có thể nhiễm!” Các vị thiện tri thức ơi! Phật pháp cách chúng ta chẳng xa, ở ngay trong mỗi niệm hiện tiền, đích xác là trong mỗi nhân duyên hiện tiền thật sự trọn đủ hết thảy công đức, lợi ích, mà cũng là trọn đủ tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh, quý vị có thể vận dụng hay không?

“*Vân hà đương đắc chư pháp sở tướng, thông đạt nhất thiết chư pháp hạnh cố*” (Như thế nào để trong suy tưởng các pháp, thông đạt hết thảy các pháp hạnh): Đối với chuyện này, tôi có kinh nghiệm thực tiễn. Trước kia, tôi gặp một vị Bồ Tát bảo tôi: “Su phụ! Vào năm nào đó, thầy sẽ như thế này, như thế nọ. Thầy cứ xem đi!” Tôi suy nghĩ, cân nhắc đôi chút, sau đó nói: “Rất xin lỗi Bồ Tát! Trong tâm tôi chẳng có chủng tử ấy!” Nếu có chủng tử ấy, tôi nhất định giống như lời người ấy nói. Nhưng do chẳng có chủng tử ấy, nó chẳng chín muồi. Cũng có nghĩa là chúng ta có thể quan sát kỹ chủng tử nhân duyên nơi chỗ sâu thẳm trong tâm của chính mình, tức là đối với chỗ ấy, quý vị có sợ hay không? Có hoảng hốt hay không? Là nhiễm hay chẳng nhiễm? Là đạt được hay không? Nếu quý vị có thể cảm nhận, biết rõ; sau đó, hành pháp sẽ rất rõ ràng. Do vậy, hiện thời rất nhiều người sợ thầy tướng số, sợ những người có sức thần thông nói cho họ biết những thứ này nọ. Vì sao sợ hãi? Do có chủng tử. Hễ có chủng tử, khi người khác xếp đặt cho quý vị các chủng tử ấy, chúng sẽ tương ứng, sẽ chín muồi, như thế thì sẽ bị trời chặt. Đó là trong hành pháp Ban Châu, hoàn toàn có thể thuận thực cơ chế “*tướng và pháp hạnh tương ứng*”.

(*Kinh*) *Vân hà đương đắc nhất thiết toán số, xảo phương tiện tri cố?*

**(經)云何當得一切算數，巧方便知故？**

(*Kinh*: *Như thế nào thì sẽ biết hết thảy toán số, phương tiện hay khéo?*)

“*Toán số*” phải nhận biết như thế nào? Chính là [các pháp] có tánh chất trật tự, chân thật, liên tục theo thứ tự. Nếu trong năm môn theo thứ tự của hành pháp Ban Châu, chúng ta có thể phá trừ âm cảnh, có thể thấy tướng quang minh, có xuất hiện tướng trang nghiêm của các cõi

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Phật, có thể đích thân thấy tướng chư Phật thuyết diệu pháp, có thể đích thân chứng pháp tánh chân thật chẳng nhiễm, chẳng chấp trước tướng “chẳng đến, chẳng đi”. Trong các thứ tướng ấy, chúng có thứ tự rõ ràng, tự do xuất nhập trong thứ tự sai, thứ tự đúng, thứ tự thuận, thứ tự đảo. Đó là thật sự thành tựu nơi pháp ấy. Như có người hành Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, xuất nhập tự tại, nhập mỗi pháp Thiên bèn đạt được phương tiện tự tại, nhập mỗi môn Định bèn đạt được phương tiện tự tại, có nghĩa là người ấy đã thuần thục pháp tắc như thế. Trong hành pháp Ban Châu, nếu có thể thiết lập như thế, sẽ có thể đạt được phương tiện tự tại giống như thế, đạt được sức tự tại Xảo Tri Nhất Thiết Pháp (khéo biết hết thấy các pháp). Đối với loại bói toán này, tức là lại xét kỹ các tướng thế gian, tức các tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, tướng “*ta, người, kẻ khác*”, tướng Phật giáo, tướng tự viện, mỗi tướng đều vận dụng thuận tiện.

Tôi đặc biệt tán thán những người có sức thần thông, đặc biệt phản đối những kẻ giả vờ có sức thần thông. Tôi cũng đã từng gặp các vị Bồ Tát có sức thần thông khá tốt, “*tốt*” hiểu theo nghĩa nào vậy? Họ thuần túy thiện lương, cái tâm trong sáng, có thể thấy một pháp mười phần rõ ràng, bảo cho quý vị biết trình tự, nhân duyên để tiếp tục duy trì pháp ấy mười phần thiện xảo. “*Toán*” (Bói toán, dự đoán) của họ là “*toán*” gì vậy? Dùng sức thần thông để thấy. Có người dùng thuật số để tính toán, dùng bấm đốt ngón tay, [đếm] Giáp, Ất, Bính, Đinh, Tý, Sửu, Dần, Mão... Có người dùng bốc phệ<sup>46</sup> [để tính quẻ bói]. Các thứ bói toán kiểu đó cũng là phương tiện thế gian, có thể thấy phương tiện xuất thế gian hay không? [Những thứ đó] cũng có thể làm trợ duyên; nhưng nếu đắm nhiễm vào đó, kiêu mạn nơi đó, tà kiến nơi đó, chú trọng kiếm lợi nơi đó, sẽ bị đọa lạc! Cho nên nói phương tiện để “*bói toán*” thì có khi dựa vào sức thần thông, cũng có thể dựa vào đồ hình, quẻ tượng, có khi bói bằng âm thanh, tức là do dựa vào âm thanh nghe được mà bói, cũng có khi dùng bốc phệ để bói, cũng có thể là điều động quỷ thần để

---

<sup>46</sup> Bốc phệ (卜筮) là từ ngữ dùng để chỉ các cách bói toán để dự đoán cát hung. Trong nghĩa gốc, Bốc là các cách bói toán dựa vào mu rùa, vết nứt trên xương thú khi hơ qua lửa, xem chân gà, xem bộ đồ lòng của gà đã luộc v.v... Hoặc như Đông Phương Sóc dùng các con cờ để tiên đoán, viết ra bộ Linh Kỳ Kinh, cũng như các cách gieo quẻ bằng đồng tiền hay rút quân bài v.v... đều có thể gọi là Bốc. Còn Phệ là cách bói bằng cỏ Thi. Thi là một loại cỏ, có tên khoa học là *Achillea Wilsoniana*, thuộc họ Cúc Vạn Diệp. Từ Bốc Phệ mà hình thành những học thuyết bói toán như Hồng Phạm Cửu Trù, Châu Dịch v.v...

bói. Các phép bói toán đó thật sự đều nhằm vào một mục đích: Phương tiện nhằm lợi ích hữu tình. Nếu dùng nó vì kiêu mạn, tà kiến, tự đại, sẽ có nguy hại, tuy là cùng một sức mạnh. “*Vân hà đương đắc nhất thiết toán số, xảo phương tiện tri cố*” (Như thế nào thì sẽ được trong hết thầy toán số, biết phương tiện khéo): Trong khi hành Ban Châu, sẽ có cảm giác rõ ràng và sự thiện xảo. Hành trì pháp Ban Châu tất nhiên sẽ trọn đủ thiện xảo như vậy. Thật ra, đối với người thật sự hành pháp [Ban Châu] này, đâm ra những kỹ xảo ấy chẳng phải là chuyện khó.

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết thành hoại, viễn ly nhất thiết chướng ngại cố?***

**(經)云何當得善知一切成壞，遠離一切障礙故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được khéo biết hết thầy thành hoại, xa lìa hết thầy chướng ngại?)***

Nếu người nào khi đã đạt được phương tiện do sức thần thông, phương tiện tính toán, cho đến phương tiện quan sát, phương tiện trí huệ, có thể dùng toán số, và sức hay khéo để biết chuyện quá khứ, hiện tại, và vị lai. “*Quá khứ, hiện tại, vị lai*” thật ra là một thứ xếp đặt hư giả, trong một niệm có thể biết thấu triệt. Chỉ là chúng ta đối với một niệm nhận biết ấy, thường câu nệ nơi nhân duyên hiện tại, chẳng dám triển khai, chẳng dám tiếp nối, chẳng dám suy diễn đến quá khứ và vị lai. Vì sao vậy? Do chẳng có sức thiện xảo và thấy thấu suốt như thế! Trong khi chúng ta hành Ban Châu, nhất định sẽ có thể dẫn phát loại sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn này. “*Thiện tri nhất thiết thành hoại*” (Khéo biết hết thầy các thành hoại), tức là có thể quan sát duyên khởi, quá trình và kết quả của hết thầy mọi chuyện, thấy thấu triệt hết thầy nhân duyên quá khứ, hết thầy nhân duyên hiện tại, hết thầy nhân duyên vị lai, cũng như quá trình và kết quả của chúng.

Thật ra, nói “*quá, hiện, vị lai*” đúng là rất miễn cưỡng; nhưng đối với tâm trí phàm phu, nếu chẳng nói “*quá khứ, hiện tại, vị lai*”, họ sẽ bị mê mất, sẽ mê ngay trong hiện tiền, chẳng biết an trụ trong một niệm hiện tiền như thế nào. Do vậy nói “*vị đắc Lậu Tận Minh, bất tri đương hạ trụ*” (chưa đắc Lậu Tận Minh, chẳng biết an trụ trong một niệm hiện tiền), quý vị sẽ lập tức một mực mê muội, thảng thốt, chẳng biết làm gì, quan sát gì, vận dụng gì, hướng đến gì, thủ hộ điều gì! Nếu chúng ta có thể khéo vận dụng “*nhất thiết tướng, thông đạt nhất thiết pháp hành*”

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

(hết thấy các tướng, thông đạt hết thấy các pháp hành), vậy thì sẽ đối với những cái gọi là mộng thiện xảo, hiện duyên thiện xảo, ác thiện xảo, thiện thiện xảo, cảnh tướng thiện xảo, pháp tác thiện xảo, đều có thể dần dần thuần thực, vận dụng rõ ràng. Vận dụng điều gì? Biết hết thấy các pháp, hết thấy thành hoại, xa lìa hết thấy các hạnh chướng ngại.

Trong chướng ngại mà vô ngại, thật sự là vô ngại hạnh, thật sự là giải thoát hạnh, thật sự là thành tựu hạnh, thật sự là chọn lựa hạnh. Hạnh của phàm phu hễ hành trì sẽ có chướng ngại, gây trở ngại cho sự hành trì. Trong chướng ngại, chúng ta có thể tiến nhập vô ngại hạnh hay không? Trong Tịnh Độ Thập Yếu, có nêu ra mười loại vô ngại hạnh<sup>47</sup>, nhập cảnh vô ngại. Phàm phu trong chướng ngại mà hành vô ngại, đúng là rất hy hữu! Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, vì “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, trong các thứ tướng ấy đều là ngăn ngại: Chướng ngại vì mệt mỏi, chướng ngại vì khốn khó, chướng ngại vì buồn ngủ, chướng ngại vì đói, chướng ngại vì lạnh, chướng ngại vì nóng, chướng ngại vì đau, chướng ngại vì phiền bức, chướng ngại vì nhàm chán... Trong đủ loại chướng ngại, sẽ đều hành vô ngại, cứ thẳng thừng mà tiến! Cho nên trong chướng ngại mà hành vô ngại, sẽ tự đạt được phương tiện, tự được giải thoát, tự đạt được thành tựu!

Các vị thiện tri thức ơi! Hành pháp này đích xác là rất có ý nghĩa. Khéo quán các chướng ngại, chẳng chấp trước nơi hạnh, tức là đạt được vô ngại hạnh. Hết thấy các chướng ngại vốn vô ngại, cho nên xa lìa chướng ngại. Chúng ta thường coi chướng ngại như một thứ đáng nên tránh né, coi khó khăn như một thứ có thể tránh né. [Nếu có thái độ như vậy], quả thật chẳng phải là hành giả Ban Châu, chẳng phải là hành nhân niệm Phật. Như thế thì trong khi chúng ta hành pháp, pháp tác để thấy thấu suốt “*trong chướng ngại mà hành vô ngại*” là như thế nào? Thật ra, câu này rất thuận tiện, vì trong mười loại vô ngại hạnh, đề ra cho bọn phàm phu hữu tình chúng ta sự chọn lựa “*trong chướng ngại mà hành vô ngại*”. Nếu từ trong chướng ngại mà quý vị nảy sanh trở ngại, trốn tránh

---

<sup>47</sup> 1) Nghĩ đến thân, chẳng cầu không bệnh. 2) Ở trong cõi đời, chẳng cầu không có hoạn nạn. 3) Xét cái tâm, chẳng cầu vô chướng. 4) Lập hạnh, chẳng cầu không bị ma chướng. 5) Mưu sự, chẳng cầu thành công dễ dàng. 6) Giao thiệp với người khác, chẳng cầu họ lợi ích mình. 7) Chẳng cầu người khác thuận thảo, tốt đẹp với mình. 8) Thi ân, chẳng cầu báo đáp. 9) Thấy lợi, chẳng cầu có phần. 10) Bị chèn ép, chẳng cầu được giải bày nỗi oan. Đó là mười hạnh vô ngại trong tác phẩm Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chi của Diệu Hiệp đại sư. Tác phẩm này được ngài Ngẫu Ích xếp vào Tịnh Độ Thập Yếu (mười tác phẩm trọng yếu của Tịnh Độ).



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chươngng ngại, chươngng ngại ấy sẽ trở thành sự thật, thật sự là chươngng ngại, hoặc chươngng ngại trong hiện tại, hoặc chươngng ngại trong vị lai, ắt đều là chươngng ngại, sẽ thật sự ngăn ngại quý vị! Phạm phu hữu tình phần nhiều sanh tâm chươngng ngại, cũng như đối diện chươngng ngại, sẽ lui sụt, sẽ tránh né. Hành pháp Ban Châu khiến cho chúng ta trong chươngng ngại mà hành vô ngại, trong chươngng ngại mà hành giải thoát, trong chươngng ngại mà hành thành tựu, trong chươngng ngại mà hành chân thật, hành gì vậy? Hành niệm Phật.

Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng bỏ lỡ duyên thù thắng của chính mình khi chươngng ngại hiện tiền. Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng bỏ qua trân bảo của mình khi chươngng ngại hiện tiền. [Hễ có quyết tâm như thế], chươngng ngại ấy thật sự vô ngại. Ngay trong lúc đang hành pháp, ngay nơi chỗ đắc lực, chính là chỗ “*biết hết thấy thành hoại*”. Thành và hoại đều là tướng sai biệt, thật sự chẳng có tự tánh, hãy chọn lựa để sử dụng. Do vậy, ngại và vô ngại là do người hành pháp chọn lựa. Nếu chẳng thoái, nếu chẳng đọa, thẳng thừng tiến lên, “*ngại*” sẽ thật sự là vô ngại! Hành pháp Ban Châu có biểu hiện đặc biệt đột xuất do pháp tác này, công đức này, lợi ích này, sự thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn này. Tức là trân quý một niệm hiện tiền của chính mình, dù là thuận duyên, hay nghịch duyên, ác duyên, duyên chống trái, duyên đau đớn, duyên ngứa ngáy, duyên tổn thương, duyên lợi ích, thậm chí lúc tám gió gột rửa, đều là duyên thù thắng. Duyên thù thắng là gì? Cái duyên vô ngại! Trong “*thành hoại*”, “*thành*” là thành tựu Bồ Đề; còn “*hoại*” là phá tan các chươngng ngại ngăn chươngng, như vậy thì sẽ có thể tự nhiên đạt được giải thoát.

Hành pháp Ban Châu được chúng ta tu tập khá nhiều, nhưng đối với chỉ đạo nơi lý luận cơ sở và kỹ thuật vận dụng vào thực tế, qua một trăm hai mươi hai câu hỏi này, đích xác là chúng ta quen thuộc với nó, đáng nên liễu giải rõ ràng nó, đáng nên thận trọng thực hiện nó, nhận thức nó. Như thế thì sẽ có thể thật sự nhanh chóng thành tựu sức tam-muội, hoặc thành tựu các thiện xảo để tiến nhập hành pháp này.

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết, bất trụ hành, bất thủ, bất xả cố.***

**(經)云何當得一切，不住行不取不捨故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ đối với hết thấy, đạt được các hạnh chẳng trụ, chẳng lấy, chẳng bỏ?)***

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“Ngại trung vô ngại hành” (Trong chướng ngại mà hành vô ngại) như trong phần trước cũng chẳng thể đạt được, cũng chẳng thể lấy, mà cũng chẳng thể bỏ! Ở đây, nếu lấy hay bỏ, sẽ đều là chướng ngại. Do vậy, trong “*chướng ngại mà hành vô ngại*”, [nếu chấp trước chính mình “ở trong chướng ngại mà hành vô ngại”] sẽ dễ nảy sanh kiêu mạn và đắm nhiễm, cho là có cái để đạt được. Như thế thì sẽ chẳng thể tiến nhập thiện xảo rộng lớn, đích thân chứng tam-muội, đích thân thấy chư Phật. Nhất định phải thấy thấu suốt rõ ràng ở chỗ này! Thông thường, chúng ta vượt qua tầng chướng ngại thứ nhất là Ngã Chấp. Sau đó, sẽ nảy sanh Pháp Chấp. Nếu chúng ta có thể trừ bỏ Ngã Chấp, trừ bỏ Pháp Chấp, thẳng thừng tiến lên, quang minh chiếu rọi, sẽ thấy chư Phật, không vướng mắc gì, chẳng có được hay mất gì! Đó gọi là “*nhất thiết bất trụ hạnh*” (hạnh chẳng trụ trong hết thảy), là thiện xảo để tu trì hồng thâm nhập Nhất Tướng tam-muội, là sự thủ hộ có công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn để tiến nhập Nhất Hạnh. Trong hành trì Ban Châu, cũng giống như thế, sự thiện xảo này trọn đủ; đó gọi là “*bất thủ, bất xả*” (chẳng lấy, chẳng bỏ). Chẳng lấy, chẳng bỏ rất trọng yếu. Đại thủ, đại xả rất trọng yếu. Chẳng lấy, chẳng bỏ chính là đại thủ, đại xả! Xả là xả triệt để, thủ (取, giữ lấy) là thủ triệt để. Xả lìa đối đãi, nhập thiện xảo “chẳng lấy, chẳng bỏ” chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết đại thí chủ, năng thí vô hồi cố?***

**(經)云何當得一切大施主，能施無悔故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hết thảy đại thí chủ bố thí chẳng hối tiếc?)***

Hành pháp Ban Châu chẳng có hồi hận. Đây là pháp tắc được mười phương chư Phật trân quý, là pháp tắc trân quý, là pháp tắc được hết thảy Bồ Tát tốt bậc cung kính lãnh thọ, là pháp tắc đáng được hết thảy trời, người cúng dường. Trước kia, có một vị sư phụ xuất gia từ bên ngoài đến quải đơn<sup>48</sup> tại đây, đã chất vấn tôi: “Cả đồng cư sĩ và người

---

<sup>48</sup> Đơn tức là một tấm ván dài sáu thước, rộng ba thước, vừa đúng một người nằm, kê trong Tăng phòng tập thể cho chúng Tăng trong một tòng lâm. Đó là chỗ ngủ hoặc ngồi thiền cho các vị Tăng. Khi một vị vân thủy Tăng (Tăng đi hành cước tham học) xin ngủ nhờ, hoặc nhập chúng tu học. Nếu được chấp thuận, vị Tăng ấy sẽ đem y bát treo vào chỗ đơn nào chưa có người để đồ, nên gọi là Quải Đơn. Khi số người đã đủ,

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

xuất gia kinh hành Ban Châu như thế, cần phải có chúng thường trụ phục vụ họ. Họ có công đức gì, dựa vào đâu mà phải phục vụ họ chứ?” Tôi hỏi thầy ấy: “Đây là thầy chất vấn, hay là thảo luận?” Thầy ấy nói thầy ấy nhìn như thế có chút không quen! Trong quá khứ, bé quan đều là có yêu cầu. Chẳng hạn như người bé quan muốn chúng thường trụ phục vụ trong bao lâu, vì tín thí của mười phương khó thể tiêu hóa. Có sao ai đến đây cũng có thể hành Ban Châu, lại còn được mọi người chăm sóc? Tôi nói: “Nếu thầy xem kinh Ban Châu, nhất định sẽ chẳng nói như vậy!” Chủ yếu là rất nhiều người chẳng tiếp xúc lời dạy của đức Phật, cứ dựa theo ý nghĩ của chính mình để phán đoán, dựa vào cách suy nghĩ của chính mình để lượng định, dựa vào pháp mình đã biết để đánh giá. Trước kia, cũng có sư phụ xuất gia tại chùa Phóng Quang đã hỏi về chuyện này, nói “những thứ cúng dường dành cho người xuất gia và Tăng chúng, làm sao cư sĩ có thể sử dụng được?” Tôi nói: “Người xuất gia hay cư sĩ, không cần biết họ là gì, họ làm gì mới là quan trọng nhất!” Trong cơ chế hành pháp này, gì là Tăng, gì là cư sĩ, ai đáng nhận cúng dường, ai chẳng đáng nhận công đức, chúng ta dùng góc độ nào để cân nhắc? Đối với chuyện này, hãy khéo quan sát, khéo nhìn thấu suốt. Đây thật sự là một vấn đề lớn. Nếu chúng ta chẳng khéo chọn lựa ở chỗ này, cũng chẳng dám dễ dãi tạo ra nhân quả chẳng tương ứng cho mọi người. Sau khi đã học xong bản kinh này, mọi người nhất định có thể nhận biết: Người hành pháp Ban Châu quả thật được hết thầy chư Phật cúng dường, là người quyết định được hết thầy các vị Bồ Tát cúng dường, là người được hết thầy trời, người nhất định cúng dường.

“*Vân hà đương đắc đại thí chủ*” (Như thế nào thì sẽ được đại thí chủ): Đại thí chủ là nói theo kiểu nào? [Kinh Vô Lượng Thọ đã chép] “*ngã u vô lượng kiếp, bất vi đại thí chủ, phổ tế chư quần khổ, thế bất thành Chánh Giác*” (ta trong vô lượng kiếp, nếu chẳng làm đại thí chủ, giúp khắp chúng sanh khổ, thế chẳng thành Chánh Giác). A Di Đà Phật là đại thí chủ, đại thí chủ theo kiểu nào? Bồ thí pháp, bồ thí vô úy, tài bồ thí, hết thầy đều bồ thí, muốn gì bồ thí nấy. Trong hành pháp Ban Châu, thực tế là thân, tâm, thế giới đều cúng dường đức Thế Tôn, cúng dường Tam Bảo, cúng dường pháp giới hữu tình, thì mới có thể tiếp tục hành trì

---

không thể tiếp nhận hành cước Tăng ở lại thì gọi là Chi Đơn. Khi từ biệt ra đi thì gọi là Khởi Đơn hoặc Trừ Đơn (rút đơn). Nếu một vị Tăng xin quai đơn lâu ngày, mà tư cách, oai nghi, giới hạnh, phẩm đức không có vấn đề gì, có thể xin nhập chúng thường trụ thì gọi là An Đơn. Nếu vi phạm quy củ hay giới đức có vấn đề, bị trục xuất thì gọi là Thiên Đơn (dời đơn).

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

được. Do đó, hành pháp này quả thật là hạnh của bậc đại thí chủ, là hạnh không vướng mắc, hạnh triệt để hồi thí, hạnh không giữ lại bất cứ gì. Hành Ban Châu đã lâu, đích xác là có thể cảm “khéo thí vô úy, khéo thí pháp tắc vô úy”, cùng lúc chọn lấy tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí. Người thật sự hành pháp này, tâm sẽ chẳng vướng mắc, tâm không đắm nhiễm. Người thật sự tùy thuận, an trụ trong pháp tắc này, sẽ khéo bố thí, sẽ biết chọn lựa. Đó là một công đức thực tế của hành pháp Ban Châu, giống đại thệ nguyện “*phổ vi đại thí chủ, phổ tế chư quần khổ*” của A Di Đà, tạo sự thù hộ rộng lớn như thế. Do đó, khi hành Ban Châu cũng là tài bố thí, vô úy bố thí, mà cũng là pháp bố thí, tam đàn (ba sự bố thí) đều trọn đủ, lợi lạc trọn khắp hữu tình, không có gì sợ hãi!

***(Kinh) Vân hà đương đắc nhập chư pháp hải, năng thí thắng thượng pháp bảo tạng cố?***

**(經)云何當得入諸法海，能施勝上法寶藏故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vào trong các biển pháp, có thể bố thí kho báu pháp thù thắng, thượng diệu?)***

“*Vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*” (Vị đại chúng mà mở kho pháp, rộng thí báu công đức): Đây là tâm trí xuất thế của hết thầy chư Phật, là tâm nguyện thù hộ hết thầy giáo ngôn thù thắng. Ở đây, “*nhập chư pháp hải, năng thí thắng thượng pháp bảo tạng*” (vào trong các biển pháp, có thể thí tạng pháp bảo thù thắng, bậc thượng). Hỏi thí một câu Nam-mô A Di Đà Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, vì có thể làm cho hết thầy chúng sanh đích thân thấy chư Phật, nghe pháp, mở kho pháp cho đại chúng. Nghe pháp nhập pháp tạng, nghe pháp nhập pháp hải. Phật là đáng tự tại thù hộ hết thầy các pháp, là đáng tự tại thành tựu hết thầy các pháp, là đáng tự tại hồi thí hết thầy các pháp, là đáng giáo ngôn tự tại nơi hết thầy các pháp, có thể khiến cho hết thầy chúng sanh được tự tại nơi pháp. Nếu chúng ta có thể thấy Phật, nghe pháp, sẽ quyết định có thể vào trong các biển pháp, rộng tu tập hết thầy các pháp, vào hết thầy các pháp tạng, tự tánh tạng, công đức tạng, cho đến hết thầy hạnh nguyện tạng, cùng lúc nhìn thấy hết thầy các pháp tạng. Tức là khi hành Ban Châu, sẽ thấy nhân duyên thành thực hiện tiên của Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền Lập.

“*Năng thí thắng thượng pháp bảo tạng cố*” (Có thể thí kho pháp bảo thù thắng bậc thượng): Hành trì pháp môn Tịnh Độ, kể cả hành trì

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

hành pháp Ban Châu, đều là chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thời, hành pháp Ban Châu bị quy kết thành một pháp thuộc vào Đường Mật Tịnh Độ, [cho rằng] hành pháp Ban Châu chẳng thể là hành pháp đại biểu cho Tịnh Độ, mà là một pháp môn kèm theo của hành pháp Tịnh Độ, tức chỉ là một pháp tu nhánh rẽ, chẳng phải là toàn thể của hành pháp Tịnh Độ, nhưng nó có công đức thiện xảo to lớn chẳng thể nghĩ bàn, có sức gia trì to lớn chẳng thể nghĩ bàn, có sức và pháp thành thực thiện căn chẳng thể nghĩ bàn! Phạm phu hữu tình thật sự khó thể suy lường được, vẫn chỉ có hành giả [Ban Châu] thấu hiểu [công đức ấy] mà thôi, chứ người nói suông sẽ chẳng biết. Vẫn hy vọng mọi người hành pháp, thâm nhập một pháp, chân thật thực hiện, thì mới có thể thật sự đạt được an lạc. A Di Đà Phật nói: “*Vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*” (Vì đại chúng mở kho pháp, rộng thí báu công đức). Người niệm Phật chúng ta nương cậy nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, lúc thấy chư Phật, thấy A Di Đà Phật cũng là thiện xảo thật sự thực hiện “*vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*”. Đó là lợi ích chân thật chẳng dối sẽ hiện tiền.

***(Kinh) Vân hà năng đắc nhất thiết thế gian hành, năng xả thế gian chư tướng cố?***

**(經)云何能得一切世間行，能捨世間諸相故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đi trong hết thấy thế gian mà có thể bỏ các tướng thế gian?)***

“*Đắc nhất thiết thế gian hành*” (Đi trong hết thấy thế gian) và “*xả thế gian chư tướng*” (bỏ các tướng thế gian), hai câu này có phải là mâu thuẫn hay không? Thật ra, chúng là lời tiếp nối. Đi trong hết thấy thế gian, mà có thể bỏ hết thấy các tướng thế gian. Đây thật sự là công đức lợi ích thế gian to lớn, là thiện xảo tịnh hóa thế gian. Người thường hành đạo tất nhiên là như thế. Người thường hành đạo tất nhiên chọn lựa như thế. Người thường hành đạo tất nhiên thủ hộ như thế. Người thường hành đạo tất nhiên giáo hóa như thế. Như vậy thì sẽ có thể đi trong hết thấy thế gian, có thể xả hết thấy các tướng thế gian, vì chẳng đắm nhiễm hết thấy thế gian. Chẳng nhiễm như thế nào? Vì hóa độ các hữu tình trong thế gian mà xếp đặt đủ loại phương tiện, thực hiện đủ loại pháp, chẳng bị đắm nhiễm thế gian mà độ thoát hữu tình trong thế gian, cho nên sẽ sanh ra sự hóa độ thiện xảo. Nếu chúng ta biết hết thấy các pháp

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thế gian và xuất thế gian đều nương theo nhân duyên huyễn hóa mà sanh, chẳng có thực chất. Như thế thì chúng ta quyết định lợi ích thế gian, chẳng đảm nhiệm, chẳng chấp trước, cho nên nói “*năng xả thế gian chư tướng*” (có thể xả các tướng thế gian) vì hóa độ thế gian, chẳng yêu đắm thế gian. Người thật sự chẳng yêu đắm thế gian sẽ thật sự chẳng có gì để có thể yêu đắm. Dầu quý vị truy cầu một món gì, ắt nó sẽ chẳng có tự tánh, đó chỉ là chuyện do vọng tưởng, chấp trước nầy sanh kích phát đó thôi. Chuyện ấy thật sự là khổ và hư vọng! Trong bộ kinh đầu tiên, tức kinh Sơ Chuyển Pháp Luân của đức Thế Tôn, tôi vẫn đề xướng mọi người có cơ hội hãy đọc, [đã dạy] hết thấy hữu tình đều nên biết “*nhãn, thức, trí, ngộ, quang đều là khổ*”. Lời giáo huấn ấy của đức Thế Tôn rất sâu chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng biết điều ấy, luôn cho rằng có một thứ tốt đẹp đang chờ đợi quý vị, quý vị sẽ không ngừng dấy lên vọng tưởng. Vọng tưởng ấy sẽ chẳng ngừng kiềm chế quý vị, đúng là lãng phí, hao tổn sanh mạng trí huệ của quý vị. Đó cũng là sanh mạng vô nhiễm!

***(Kinh) Vân hà đương đắc quảng đại thần thông, tùy thuận chư Phật thần thông mãn túc hoan hỷ cố?***

**(經)云何當得廣大神通，隨順諸佛神通滿足歡喜故？**

***(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thần thông rộng lớn, tùy thuận thần thông của chư Phật, trọn đủ hoan hỷ?)***

Đối với “*thần thông*”, chúng tôi chẳng dám tùy tiện nói, vì chẳng có sức thần thông, chẳng dám nói tới thần thông, nhưng chúng tôi giải thích đôi chút về danh từ, danh tướng “*Thông*”. Phật giáo thường nói tới Lục Thông, người thế gian nói Ngũ Thông. Lục Thông tức là Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thân Như Ý Thông (Thần Túc Thông), và Lưu Tận Thông. Đó là chỗ căn bản để xét đoán giữa Phật giáo và hết thấy các pháp khác. Có kẻ nói: “*Lưu Tận Thông trong Phật giáo của bọn người tức là chẳng có năng lực sanh dục!*”, chẳng phải là nực cười ư? Thậm chí có khá nhiều Phật giáo đồ cũng cho là như thế: Nam nhân lưu tận là như thế này, như thế nọ, nữ nhân lưu tận là như thế này, như thế nọ. Nhưng thật ra [những kiểu hiểu lầm ấy] chẳng liên quan gì đến Phật giáo. Đó là hiện tượng sanh lý, chẳng liên quan gì với Phật giáo! Trong Luật Tạng, đã ghi chép về phương diện ấy rất nhiều. [Dựa theo lời dạy trong Luật Tạng], những

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

kiểu nói ấy (những kiểu hiểu lầm vừa nói trên đây) quyết định chẳng thể thành lập được, vì chẳng có mảy may quan hệ nào với Phật pháp. Đó là dùng tri kiến thế tục để nhận thức Phật pháp, sanh ra rất nhiều truy cầu và chấp trước nực cười, cách nghĩ và vọng tưởng nực cười, sanh ra sự cảm giác và mê mât đáng cười. Lậu Tận Minh, Lậu Tận Trí, và Lậu Tận Thông đều chẳng phải là như thế. Nói như thế chỉ là một thứ thăng hoa về mặt sanh lý, đối khác về mặt sanh lý, chư thiên chẳng có các thứ như bản [nơi thân tâm] như nhân loại chúng ta. Lên trời Đạo Lợi, nghe tiếng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, bèn trọn đủ cái tâm ái nhiễm. Quý vị nói xem, họ có phải là Lậu Tận hay không? Quý vị nói xem, họ đã thoát luân hồi hay chưa? Họ vẫn thuộc trong Dục Giới Thiên.

Rất nhiều người đối với Lục Thông của Phật giáo, hoặc đối với Lậu Tận, nẩy sanh hiểu lầm cực lớn. Loại hiểu lầm này thậm chí khiến cho rất nhiều hữu tình lầm lạc. Nếu chính mình đã hiểu lầm thì đã sai mất rồi, lại còn hướng dẫn người khác sai lầm, rất đáng thương, vì không thoát khỏi nỗi khổ trong tam giới, chẳng có mảy may quan hệ với Phật pháp. Đó là hiện tượng tăng thượng về thiện duyên sanh lý mà thôi. Nếu coi đó là Phật pháp, quả thật là sai lầm to lớn. Trong Lục Thông, Lậu Tận Thông quan trọng nhất, năm món thần thông trước đó là phương tiện. Lậu Tận Thông là Thể, là chỗ căn bản, là chỗ tu chứng cần thiết căn bản xác định sự khác biệt giữa Phật pháp và các ngoại đạo.

Người thế gian nói “*thông lục*” là như thế nào? Ai có thể đạt được thông lục (sức thần thông). Ai có thể đạt được phương tiện đại thông lục? Thực hiện thông lục như thế nào? Đây là nêu ra một vấn đề cho mọi người đó thôi! “*Vân hà đương đắc quảng đại thần thông, tùy thuận chư Phật thần thông mãn túc hoan hỷ*” (Như thế nào thì sẽ đạt được thần thông rộng lớn, tùy thuận thần thông của chư Phật, trọn đủ hoan hỷ). Hành Ban Châu có thể đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế hay không? Môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập này thỏa mãn hữu tình phàm phu, mà cũng thỏa mãn hữu tình thánh nhân, thật sự là trọn đủ hạnh. Cho nên “*tùy thuận chư Phật thần thông, mãn túc hoan hỷ*”, quả thật là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Phàm phu hành pháp này, dầu dục chưa thanh tịnh, vẫn có thể biết Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền Lập, do được ba lực cùng gia trì, tương ứng với công đức nơi bốn hạnh, bèn sanh ra sự thật. Do đó, mỗi hữu tình hiện tiền đều có cơ hội như thế!

*(Kinh) Vân hà đương đắc nhất sát-na thời gian hành, tức năng biến chí nhất thiết chư Phật tiền cố?*

**(經)云何當得一剎那時間行，即能遍至一切諸佛前故？**

*(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đi trong khoảng thời gian một sát-na mà có thể đến trước khắp hết thấy chư Phật?)*

Trong hơn một trăm hai mươi câu hỏi ở đây, dần dần thâm nhập đến các cõi Phật. “*Biến chí nhất thiết chư Phật tiền*” (Đến trước khắp hết thấy chư Phật): Những gì chúng ta thấy trong Nam Diêm Phù Đề là tướng trược ác trong ngũ trược ác thế. Nhất là trong lúc kiếp giảm, ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu hừng hực trong thế gian, hữu tình khô não suy hoại trong thế gian. Chúng ta thấy di ảnh của đức Phật Thích Ca và đức tướng của A Di Đà Phật, cho đến các thứ đức tướng của quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật đều là hình vẽ, hoặc tượng đúc bằng kim loại, tượng gỗ, tượng thêu. Các loại tượng ấy tuy cũng “*ứng giáo thí hóa*” (thuận theo giáo pháp thích hợp mà ban bố sự hóa độ) trong thế gian, nhưng chẳng có ngôn từ thuyết pháp, chỉ có hình tượng lặng thinh. Im lặng thí giáo, khiến cho chúng sanh đắc ngộ. Nay chúng ta đối với các vị Phật bằng đồng, bằng gỗ, hoặc các bức “*đường kha*” (thangka)<sup>49</sup> vẽ tượng Phật để thừa hỏi pháp, các Ngài cũng đích xác nói các thứ pháp cho chúng ta, nhưng sự thuyết pháp ấy thật sự là vô ngôn thuyết. Tuy triệt để hiển lộ giáo huấn của chư Phật, nhưng phàm ngu hữu tình chẳng đạt được phương tiện thiện xảo, sẽ khó thể triệt để liễu giải. Cho nên vẫn phải nhờ vào [các thân Phật] báo thân, thân ứng hóa của đức Thế Tôn, thuận theo căn tánh và nhu cầu của chúng sanh, diễn nói đủ loại pháp

---

<sup>49</sup> Thangka (còn viết là tangka, thanka, hoặc tanka) là các hình vẽ tôn giáo trên vải, miêu tả các vị Phật, Bồ Tát, hộ pháp, các vị bôn tôn, các vị thánh giả, tổ sư các tông phái, hoặc hệ thống truyền thừa trong một tông phái (loại này thường gọi là Refuge Tree). Thậm chí thangka dùng như hình minh họa các huyệt vị hoặc được thảo để dạy học trong y học cô truyền Tây Tạng. Thông thường, thangka được vẽ trên vải bố. Màu vẽ thường là năm màu, đôi khi có pha bột vàng. Sau khi hoàn tất, các bức vẽ ấy sẽ được khâu viền bằng các loại lụa hay gấm nhiều màu, gắn trục, và có một lớp lụa hay vải mỏng che trước mặt để bảo vệ. Thangka được sử dụng phổ biến tại các nước theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng như Tây Tạng, Mông Cổ, Nepal, Bhutan, Tuva, Buryatia, Kalmykia... Trong các truyền thống vẽ Thangka, truyền thống vẽ tranh của Newari tại Nepal được đánh giá là sắc sảo, đẹp đẽ, và hoàn thiện nhất.



tắc, khiến cho họ tâm khai ý giải. Do vậy, chúng ta cần tới công đức và lợi ích “trong khoảng một sát-na, có thể đi đến trước chư Phật” này. Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, khiến cho chúng sanh có cơ hội nghe pháp, liền trông thấy chư Phật. Được thấy chư Phật, nhất định phải tiến đến trước Phật. Rất nhiều vị Bồ Tát đã hành trì Ban Châu có thể trông thấy diệu tướng vi tế, diệu tướng trang nghiêm, diệu tướng quang minh, thân trọn đủ diệu tướng, cho đến diệu tướng vi tế của chư Phật, có nghe pháp hay không? Đó là nói tới vấn đề tiến nhập.

*(Kinh) Phục vân hà đương đắc trụ thử Phật sát, biến kiến nhất thiết thập phương chư Phật, thính văn chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Phi dẫn vị đắc xuất thế Lục Thông, nhi thật vị đắc thế gian Ngũ Thông, nhi diệc vị xả thử thế gian thân, diệc vô sanh bỉ chư Phật quốc độ, duy trụ thử độ, kiến dư thế giới chư Phật Thế Tôn, tất văn chư Phật sở tuyên chánh pháp, nhất thiết thính thọ, như thuyết tu hành?*

**(經)復云何當得住此佛刹，遍見一切十方諸佛，聽聞正法，供養衆僧。非但未得出世六通，而實未得世間五通，而亦未舍此世間身，亦無生彼諸佛國土，惟住此土，見餘世界諸佛世尊，悉聞諸佛所宣正法，一切聽受，如說修行？**

*(Kinh: Lại như thế nào thì sẽ được trụ trong cõi Phật này, thấy khắp hết thấy mười phương chư Phật, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Không chỉ là chưa đắc Lục Thông xuất thế gian, mà thật sự chưa đắc Ngũ Thông của thế gian, cũng chưa xả thân trong thế gian này, mà cũng chẳng sanh trong quốc độ kia của chư Phật, chỉ trụ trong quốc độ này mà thấy chư Phật Thế Tôn trong các thế giới ở phương khác, đều nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, hết thấy đều nghe nhận, tu hành đúng như lời dạy?)*

Do phần trên là “vân hà biến chí nhất thiết chư Phật tiền cố” (như thế nào thì sẽ đến trước khắp hết thấy chư Phật), cho nên câu hỏi cuối cùng là xếp đặt “phục vân hà đương đắc trụ thử Phật sát, biến kiến nhất thiết thập phương chư Phật, thính văn chánh pháp, cúng dường chúng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*Tăng, phi đản vị đắc xuất thế Lục Thông, nhi thật vị đắc thế gian Ngũ Thông, nhi diệc vị xả thủ thế gian thân, diệc vô sanh bỉ chư Phật quốc độ, duy trụ thủ độ, kiến dư thế giới chư Phật Thế Tôn, tất văn chư Phật sở tuyên chánh pháp, nhất thiết thính thọ, như thuyết tu hành”* (Lại như thế nào thì sẽ được trụ trong cõi Phật này, thấy khắp hết thầy mười phương chư Phật, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Không chỉ là chưa đắc Lục Thông xuất thế gian, mà thật sự chưa đắc Ngũ Thông của thế gian, cũng chưa xả thân trong thế gian này mà cũng chẳng sanh trong quốc độ kia của chư Phật, chỉ trụ trong quốc độ này mà thấy chư Phật Thế Tôn trong các thế giới ở phương khác, đều nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, hết thầy đều nghe nhận, tu hành đúng như lời dạy). Điều “*vân hà*” này chính là quy kết lợi ích thực tế của một trăm hai mươi một câu hỏi trước đó, cũng nhằm mục đích cuối cùng là tổng kết công đức của một trăm hai mươi một tướng công đức trước đó, tức là “*thấy Phật, nghe pháp, như thật tu hành, thấy hết thầy chư Phật, nghe hết thầy chư Phật tuyên dương chánh pháp nhãn tàng, khiến cho tâm khai ý giải*”. Đó gọi là “*như thuyết tu hành*”.

Do một trăm hai mươi hai câu hỏi về Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập tam-muội cho tới chỗ này đã biểu hiện triệt để lợi ích thực tế của hành pháp Ban Châu. Từ một trăm hai mươi hai góc độ mà xiển thuật, khiến cho chúng sanh nghe nói sẽ sanh ra yêu mến, hướng tới, chọn lựa chân thật, chọn lựa lợi ích, chọn lựa niềm hoan hỷ do nghe pháp, thật sự là nội dung rộng lớn của sự chọn lựa sự nhiếp hóa, cho đến nói lợi ích rất ráo nhằm lay tỉnh tự tâm. Nếu đối với lợi ích rộng lớn, rất ráo, chân thật của một pháp mà chẳng thể dính líu chút nào thì phàm phu hữu tình rất khó có cơ hội và nguyện vọng nghiêm túc tiến nhập.

“*Xuất thế Lục Thông*” tức Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thân Như Ý Thông (Thần Túc Thông), và Lưu Tận Thông, đều có hai loại pháp tác biểu hiện là xuất thế và nhập thế. Trong Phật pháp, chỉ có A La Hán hiện chứng Lưu Tận Thông, mà cũng chỉ Phật pháp mới có món thần thông này. Xuất thế Lục Thông thì là thập quả thánh nhân, thuộc địa vị Ứng Cúng, đã phá Kiến Tư Hoặc, đã hết sạch Phần Đoạn Sanh Tử mới có. Trong nghiệp sanh tử, có hai loại Tử lớn:

1) Nương vào Kiến Tư Hoặc, sanh ra cái gọi là Phần Đoạn Sanh Tử.

2) Nương vào Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc, thúc đẩy sanh khởi Biến Dịch Sanh Tử.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Trong hai thứ Tử ấy, một thứ thì hữu tình luân hồi trong sanh tử bèn có. Thứ kia thì các vị Bồ Tát, hiền thánh có. Nếu hết sạch hai món Tử ấy, sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, thật sự trông thấy. Trong Thanh Văn Giáo, A La Hán đích thân chứng Lưu Tận Thông; đó chính là cực quả trong xuất thế thánh nhân. Trước hết, chúng ta chẳng bàn đến giáo ngôn về Bồ Tát, chỉ nói tới cực quả của Thanh Văn. Loại thánh nhân này vĩnh biệt sanh tử luân hồi, vĩnh viễn đoạn dứt Phần Đoạn Sanh Tử. Phần Đoạn sanh tử là biểu hiện của lục đạo luân hồi, chứa đủ Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới hữu tình. “*Thế gian Ngũ Thông*” chính là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, và Thân Như Ý Thông, hết thấy người hành đạo trong thế gian đều có thể thành tựu. Không phải là chỉ riêng Phật pháp mới có, cho nên gọi là Thế Gian Ngũ Thông Nhân, Ngũ Thông Tiên Nhân, Ngũ Thông Tự Tại Giả. Loại hữu tình này vẫn còn Phần Đoạn Sanh Tử.

Chúng ta niệm A Di Đà Phật, hành theo pháp Ban Châu, đối với xuất thế Lục Thông và thế gian Ngũ Thông đều chưa đắc, như thế nào thì sẽ có thể thấy A Di Đà Phật và mười phương chư Phật? Đây là điều được khai vấn trong đoạn kinh văn này. Lời khai vấn ở đây mười phần rõ rệt, tức là loại hữu tình này chưa lìa khỏi cõi này, cũng chẳng sanh về cõi kia, nhưng ở ngay trong thế gian này mà thấy chư Phật Thế Tôn, nghe pháp, như pháp tu hành. Điều này đúng là tướng công đức to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Lợi ích của hành pháp Ban Châu tam-muội rộng nhất. Nội dung chẳng thể nghĩ bàn là: Đối với người đã tịnh dục hay chẳng tịnh dục, có sức thần thông hay không, đều do được oai đức và nguyện vọng của đức Thế Tôn gia trì, cùng với sức công đức vốn có tương ứng, sẽ được thấy mười phương chư Phật, nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, khiến cho họ như thật tu hành. Đây là một pháp tác đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn!

Trong các kinh điển khác, ít tuyên nói pháp tác này. Do đó, trong Hán truyền Phật giáo, bộ kinh này rất hy hữu, trân quý, khó có! Trước khi Quán Kinh được truyền vào Trung Hoa, pháp kinh hành Ban Châu đúng là mười phần trọng yếu. Nó chỉ dẫn, thành tựu rất nhiều vị đại thiện tri thức chọn lựa lợi ích và công đức chân thật trong Phật pháp, không chỉ về phương tiện ngôn thuyết, mà còn là phương tiện tâm trí huệ. Cũng có nghĩa là trong sự thành tựu do hành trì pháp Ban Châu, không chỉ ban cho chúng sanh phương tiện văn tự, phương tiện ngôn ngữ tâm trí, mà còn ban cho chúng sanh sức thiện xảo thần thông to lớn, và đại phương tiện vượt xa sự thiện xảo của sức thần thông, liền được thấy chư Phật,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đích thân nghe lời dạy, tu hành như thế đó. Thật ra, thực chất của lợi ích siêu thắng là ở chỗ “*phàm và thánh đều có thể cùng tu, cùng chứng*”. Chỉ có trong pháp Tịnh Độ mới tuyên nói pháp “*phàm thánh đồng tu*” như thế. Nếu chẳng có kinh Ban Châu Tam Muội chứng thực, và do oai thần của chư Phật Như Lai gia bị khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể thấy Phật, thì cái thuyết “*phàm thánh đồng tu*” sẽ trở thành lập bày rỗng tuếch, chẳng lợi ích gì cho cõi đời, hữu tình trong thế gian sẽ phân nhiều sanh ra mê muội nơi ngôn ngữ, chẳng thể sanh khởi niềm tin quyết định đối với pháp, nhất là bọn hữu tình phàm ngu!

Văn tự trong đoạn “*vân hà*” cuối cùng này quả thật là chỗ lợi ích căn bản của hành pháp Ban Châu tam-muội, là chỗ thù thắng riêng biệt chẳng giống các hành pháp khác, là chỗ trông mắt chân thật, là khích lệ chân thật đối với hữu tình, là chỗ gia trì hữu tình sanh khởi tín tâm quyết định đối với hành pháp. Nếu chẳng có điều lợi ích hồi thí và tuyên nói này, bản thân chúng ta sẽ chẳng có sức mạnh và tín tâm để chọn lựa tu tập pháp Ban Châu tam-muội. Vì sao? Phàm phu há có tín tâm để có thể bàn bạc ư? Nếu có tín tâm để có thể bàn, sẽ là Bồ Tát, sẽ là bậc trí, sẽ là bậc thật sự đại thành tựu. Nếu phàm phu do nương vào công đức lợi ích như thật để hồi thí, khiến cho họ được thấy, được nghe, sẽ có tâm trí chọn lựa, chọn lựa thệ nguyện thì mới có thể thâm nhập, tu tập pháp tắc, cảm nhận pháp tắc, chứng thực pháp tắc. Vì thế, một trăm hai mươi hai câu hỏi này thật sự là vị đạo sư dẫn đường cho chúng sanh, là pháp ích thực chất của bậc đại thiện xảo dẫn dắt [chúng sanh] quy nhập hành pháp Ban Châu tam-muội. Nếu chẳng có một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” hỏi về công đức và lợi ích, tất cả tín tâm của chúng ta trong hiện tiền đều thành sự lập bày hư giả! Nếu chẳng thật sự liễu giải hoàn thiện, quý vị làm sao có thể xác định, chẳng ngờ vực mà tu tập pháp tắc này? Nhất là đối với các hữu tình trọn đủ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, làm thế nào để thúc đẩy họ bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, kiến giải bất chánh để tiến nhập pháp tắc này, đạt tới thấy Phật, nghe pháp? Do vậy, một trăm hai mươi hai câu hỏi “*vân hà*”, nhờ Hiền Hộ Bồ Tát thưa hỏi để khai giáo, khiến cho bọn hữu tình chúng ta tâm khai ý giải, liễu giải đúng như thật tạng công đức chân thật của hành pháp Ban Châu tam-muội, nhập công đức tạng này, mở ra công đức tạng, khiến cho mọi người nhìn vào, sẽ được nhận biết, sẽ có ý nguyện và lòng ưa thích tiến nhập.

Hiền Hộ Bồ Tát nương vào sức oai thần của đức Thế Tôn gia bị, khai vấn nội hàm công đức chân thật của Ban Châu tam-muội, khiến cho các hữu tình chưa chứng tam-muội được thấy, được nghe, khiến cho

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

người chẳng biết Ban Châu tam-muội được thấy, được nghe, khiến cho kẻ chẳng liễu giải mà muốn liễu giải Ban Châu tam-muội được thấy, được nghe, thật sự có phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để hỏi thí. Vì lẽ nào? Nếu chẳng có Hiền Hộ Bồ Tát thay cho các hữu tình thời Mạt Pháp phát khởi các câu hỏi đúng lý ấy, sẽ chẳng có lời giải đáp súc tích của đức Thế Tôn về một trăm hai mươi hai lợi ích của hành pháp Ban Châu, hữu tình trong thời Mạt sẽ rất khó dính dáng đến Ban Châu tam-muội, sẽ rất khó liễu giải toàn bộ, cụ thể pháp này. Dầu đạt được lợi ích tương tự, cũng rất khó từ văn tự và ngôn giáo mà tiến nhập hoàn chỉnh và rõ ràng thực chất của lợi ích chân thật. Vì thế, Hiền Hộ Bồ Tát thật sự là một vị đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, do muốn lợi ích chúng ta mà phát khởi cơ hội nêu ra thắc mắc thù thắng, khó có như thế cho pháp hội. Chúng ta là bọn phàm phu lè tè sát đất, muốn liễu giải hành pháp Ban Châu, cho đến đích thân chứng nội dung thực chất của Ban Châu tam-muội, khoảng cách ấy rất xa! Nếu chẳng có giáo ngôn hướng dẫn, pháp tắc để hướng dẫn, thật sự chẳng dễ gì bén mảng liễu giải nổi! Thông qua việc học tập, nhận thức một trăm hai mươi hai câu hỏi này, chúng ta sẽ có cơ hội dần dần tiến nhập, liễu giải, tu tập pháp này, quả thật là thiện xảo hỏi thí công đức rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật! Nói theo phía bọn phàm phu sát đất chúng ta, nếu chẳng có sự hỏi thí thiện xảo rộng lớn của chư Phật Như Lai, danh tự Ban Châu còn chẳng được nghe, huống hồ đích thân chứng nhập ư? Do vậy, chư Phật Như Lai lập giáo truyền dạy trong cõi đời, rộng lợi ích trời, người, khiến cho kẻ chẳng có duyên sẽ dần dần đạt được nhân duyên chín muồi; kẻ hữu duyên sẽ có thể thành tựu trong pháp này, [các Ngài đã] kết duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn với hết thầy kẻ hữu duyên.

***(Kinh) Thế Tôn! Thí như kim thời thánh giả A Nan.***

**(經)世尊! 譬如今時聖者阿難。**

***(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ví như thánh giả A Nan trong hiện thời).***

“Thánh giả A Nan” là thánh nhân Sơ Quả. Trong giáo ngôn Thanh Văn, Tứ Quả và Tứ Hướng là tám bậc thánh nhân. Địa vị Sơ Quả là bậc thiện xảo chứng đắc thánh quả đầu tiên.

***(Kinh) Ư Thế Tôn tiền, thân văn pháp dĩ, giai tất thọ trì, như thuyết phụng hành.***

**(經)於世尊前，親聞法已，皆悉受持，如說奉行。**

*(Kinh: Đối trước đức Thế Tôn, đích thân nghe pháp xong, thấy điều thọ trì, phụng hành đúng như lời dạy).*

Ở đây, nêu thí dụ ngài A Nan là bậc đa văn bậc nhất. Khi chúng ta hành pháp Ban Châu, nếu đạt được tam-muội Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập như thế, sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Có thể là nghe điều này, quên mất điều kia hay không? Ở đây, [ngài Hiền Hộ] nêu ra một điều lợi ích để an ủi, khiến cho chúng ta sanh lòng tin quyết định, tức là [người chứng đắc Ban Châu] sẽ giống như ngài A Nan, nghe rồi chẳng quên, nghe xong bèn hành trì chánh đáng, nghe rồi bèn thọ trì.

*(Kinh) Bĩ chư Bồ Tát, thân cư thử độ, bất chí bỉ giới, nhi năng biến đồ chư Phật Thế Tôn, thính văn pháp dĩ, tất năng thọ trì, như thuyết tu hành, diệc phục như thị. Nãi chí mộng trung, hàm nhược tư dã.*

**(經)彼諸菩薩，身居此土，不至彼界，而能遍睹諸佛世尊，聽聞法已，悉能受持，如說修行，亦復如是。乃至夢中，咸若斯也」。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy thân ở trong cõi này, chẳng đến cõi kia, mà có thể thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn, được nghe pháp xong, đều có thể thọ trì, tu hành đúng như lời dạy, cũng giống như vậy. Thậm chí trong mộng, cũng đều như thế).*

Đây là nêu câu hỏi về lợi ích cũng giống như thế. Pháp như thế nào thì sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Trong phần sau, đức Thế Tôn sẽ bố thí quyết định, thật sự ban bố sự an ủi không chi lớn bằng cho hết thấy hữu tình dù thánh hay phàm. Nhất là đối với phàm phu hữu tình chưa chứng công đức Lục Thông xuất thế, chưa chứng Ngũ Thông thế gian thiện xảo, cho đến những kẻ thuộc địa vị phàm ngu muốn hành pháp, Phật đều ban sự an ủi tội bậc to lớn, khiến cho họ tiến nhập pháp này. Đối với lợi ích và công đức của pháp tắc này, dù là liễu nghĩa hay bất liễu nghĩa, dù là chân thật hay chẳng chân thật, dù là rộng lớn hay chẳng rộng lớn, cho đến thù thắng hay không thù thắng, tâm trí phàm

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phu chẳng thể liễu giải. Tồi đa là suy đoán, [tức là] nhờ vào sự tri kiến mà chính mình có thể thấy biết để suy đoán pháp tắc này, rất khó liễu giải hoàn thiện, hoàn chỉnh được, khó thể thấy toàn thể. Trong lời giải đáp của đức Thế Tôn đối với một trăm hai mươi hai điều “vân hà” (như thế nào) ấy, hoặc có thể nói là một trăm hai mươi hai câu hỏi của Hiền Hộ Bồ Tát đã hoàn toàn tỏ lộ lợi ích và công đức chân thật của pháp tắc này, tỏ rõ pháp này được phạm thánh đồng tu. Dầu là kẻ hữu tình còn chưa đạt được công đức xuất thế, hay công đức nhập thế, hễ tiến nhập pháp này, cũng đều có thể thấy Phật, cũng đều có thể nghe pháp, cũng đều có thể tu hành đúng như thật. Đây chính là mở cho chúng ta một con đường rộng rãi để tiến thẳng vào Niết Bàn. Nếu một trăm hai mươi hai câu hỏi này chẳng được tuyên nói, chúng ta làm sao có thể hiểu biết thực chất của công đức Ban Châu tam-muội cho được? Do vậy, Hiền Hộ Bồ Tát đúng là đại sư của chúng ta, đúng là bậc ban ân huệ cho chúng ta, có ơn dưỡng dục chúng ta, ban cho chúng ta tư lương hành pháp Ban Châu, ban cho oai đức, ban cho cơ duyên!

Dưới đây, đức Thế Tôn sẽ trả lời một trăm hai mươi hai điều “vân hà” của Hiền Hộ Bồ Tát về công đức, lợi ích, thiện xảo, tức là đối với pháp tắc như thế nào, thì sẽ có thể đạt được công đức và lợi ích thù thắng, khó thể diễn nói như thế ấy? Đức Thế Tôn đều giải đáp.

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:***  
***- Thiện tai! Thiện tai! Hiền Hộ! Nhữ kim nãi năng thỉnh vấn Như Lai như thị diệu nghĩa. Nhữ vị lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố, diệt vị an lạc chư chúng sanh cố. Phục vị lân mãn chư thiên nhân cố. Phục vị nhiếp thọ vị lai thế trung chư Bồ Tát cố. Hiền Hộ! Nhi nhữ vãng tích dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, chủng chư thiện căn, thỉnh văn chánh pháp, thọ trì chánh pháp, ái nhạo chánh pháp, kính trọng chánh pháp. Nhữ kim đản dĩ Ma Ha Ca Diếp giáo hóa hạnh cố, thiếu dục, tri túc, hằng nhạo nhàn tịnh A Lan Nhã xứ, hoặc cư trung gian, hoặc tại thụ hạ, diệt lộ địa tọa, thường tọa bất ngọa. Nhất phu bất di, thọ khát thực pháp, nhất thực bất tái, hoặc nhất tọa thực, hoặc duy nhất đoàn, duy súc tam y, cập phần tảo y, tán thán Đầu Đà, khuyến thỉnh chư Bồ Tát, giáo Bồ Tát hành pháp, linh chư Bồ Tát hỷ, ha trách chư Bồ Tát, giáo thị chư Bồ Tát, thành tựu chư Bồ Tát, năng vi lợi ích hành đại từ bi. Ư chư chúng sanh, sanh bình đẳng tâm, hàm đắc tự tại đáo ư bỉ ngạn, tùy ý đắc kiến nhất thiết chư Phật, phát quang đại nguyện, hành thâm diệu hạnh, nhạo Nhất***

*Thiết Trí Bồ Đề lương trụ, thiện năng tùy thuận Như Lai chủng tánh. Phát Bồ Đề tâm, do như kim cương. Thông đạt thế gian chúng sanh sở niệm. Quảng đại diệu hạnh bất khả giáo toán, bất khả xưng lượng, thường tại nhất thiết chư Phật mục tiền. Hiền Hộ! Ư như công đức trung, vị thuyết thiếu phần đã!*

**(經)爾時，世尊告賢護菩薩摩訶薩言：「善哉！善哉！賢護！汝今乃能請問如來如是妙義。汝為利益一切世間諸衆生故，亦為安樂諸衆生故。復為憐愍諸天人故。復為攝受未來世中諸菩薩故。賢護！而汝往昔已曾供養無量諸佛，種諸善根，聽聞正法，受持正法，愛樂正法，敬重正法。汝今但以摩訶迦葉教化行故，少欲知足。恆樂閒靜阿蘭若處，或居家間，或在樹下，亦露地坐，常坐不臥。一敷不移，受乞食法，一食不再，或一坐食，或唯一搏，唯畜三衣，及糞掃衣，讚歎頭陀，勸請諸菩薩，教菩薩行法，令諸菩薩喜，訶責諸菩薩，教示諸菩薩，成就諸菩薩，能為利益行大慈悲。於諸衆生，生平等心，咸得自在到於彼岸，隨意得見一切諸佛，發廣大願，行深妙行，樂一切智菩提樑柱，善能隨順如來種性。發菩提心，猶如金剛。通達世間衆生所念。廣大妙行不可校算，不可稱量，常在一一切諸佛目前。賢護！於汝功德中，未說少分也！」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Nay Hiền Hộ! Ông nay có thể thưa hỏi Như Lai diệu nghĩa như thế. Ông vì lợi ích hết thảy các chúng sanh trong thế gian, cũng vì khiến cho các chúng sanh yên vui. Lại vì thương xót các vị trời. Lại vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát trong đời vị lai. Nay Hiền Hộ! Trong quá khứ, ông đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo các thiện căn, lắng nghe chánh pháp, thọ trì chánh pháp, yêu thích*



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*chánh pháp, kính trọng chánh pháp. Ông nay chỉ hành theo sự giáo hóa của Ma Ha Ca Diếp, ít ham muốn, biết đủ, thường thích chốn A Lan Nhã thanh vắng, hoặc ở nơi mồ mả, hoặc ở dưới gốc cây, cũng ngồi nơi đất trống, thường ngồi chẳng nằm. Hết trải tọa cụ ra, sẽ chẳng dòi chỗ, lãnh nhận pháp khát thực chỉ xin một bữa, hoặc chỉ ăn một bữa, ăn duy nhất một nắm cơm, chỉ chứa ba y và y phẩn tảo, tán thán hạnh Đầu Đà, khuyến thỉnh các Bồ Tát, dạy Bồ Tát hành pháp, khiến cho các Bồ Tát vui mừng, quở trách các Bồ Tát, chỉ dạy các Bồ Tát, thành tựu các Bồ Tát, có thể vì lợi ích mà hành đại từ bi. Đối với các chúng sanh, sanh tâm bình đẳng, [khiến cho họ] đều được tự tại, đạt tới bờ kia, tùy ý được thấy hết thấy chư Phật, phát nguyện rộng lớn, hành hạnh sâu mâu, vui thích nơi rường cột của Nhất Thiết Trí Bồ Đề, khéo có thể tùy thuận chủng tánh của Như Lai. Phát Bồ Đề tâm ví như kim cương. Thông đạt ý niệm của chúng sanh trong thế gian. Diệu hạnh rộng lớn chẳng thể so lường, chẳng thể đếm kể, thường ở trước mắt hết thấy chư Phật. Nay Hiền Hộ! Trong công đức của ông, chưa thể nói chút phần được!*

Vì sao gọi là Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát? Hiền Hộ Bồ Tát thật sự là bậc đại Bồ Tát. Vì lẽ nào? Ngài lợi ích thế gian rộng khắp, nhiếp thọ thế gian rộng khắp, nhuần thấm chúng sanh hữu duyên trong thế gian rộng khắp, khiến cho họ đạt được lợi ích chân thật. Đức Thế Tôn tán thán rằng: “*Thiện tai! Thiện tai! Hiền Hộ! Nhữ kim nãi năng thỉnh vấn Như Lai như thị diệu nghĩa. Nhữ vị lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố, diệt vị an lạc chư chúng sanh cố. Phục vị lân mãn chư thiên nhân cố. Phục vị nhiếp thọ vị lai thế trung chư Bồ Tát cố*” (Lành thay! Lành thay! Nay Hiền Hộ! Ông nay có thể thưa hỏi Như Lai diệu nghĩa như thế. Ông vì lợi ích hết thấy các chúng sanh trong thế gian, cũng vì khiến cho các chúng sanh được yên vui. Lại vì thương xót các vị trời. Lại vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát trong đời vị lai). Lời dạy này mười phần trọng yếu. Hết thấy các lời khái thỉnh về giáo pháp của Hiền Hộ Bồ Tát cũng như hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều là nương vào oai thần của chư Phật gia bị, khiến cho các Ngài từ chỗ ngồi đứng lên, vì phát khởi lợi ích cho hết thấy chúng sanh mà khái vấn. Nếu chẳng như thế, ngài Hiền Hộ cũng khó thể khái vấn. Vì sao? Công đức và lợi ích do chư Phật đã chứng, tạc công đức của chư Phật, chỉ có Phật và Phật có thể biết, hết thấy các Bồ Tát chẳng thể hiểu biết!

“*Vì lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố*” (Vì lợi ích hết thấy các chúng sanh trong thế gian): [*“Chúng sanh”* ở đây] là hết thấy

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phàm thánh hữu tình. Pháp Tịnh Độ rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn là ở chỗ này: “*Phàm thánh đồng tu*” là một giáo ngôn đặc biệt của pháp Tịnh Độ. Tuy hành pháp Ban Châu là một pháp tắc phụ thuộc của pháp Tịnh Độ, nhưng nó có thể hiển lộ rõ rệt chỗ quy kết của tâm tủy và tâm trí trong pháp tắc Tịnh Độ, tức là [phô bày] chỗ then chốt và trọng yếu ở nơi nào! Dựa theo sự chỉ dạy của kinh Vô Lượng Thọ đối với chúng sanh, chúng ta học tập giáo ngôn của A Di Đà Phật, nương theo nguyện lực của Phật mà được độ thoát. Ở đây, do nương theo hành pháp Ban Châu tam-muội mà được thành tựu, tuy sở hành và sở nhiếp<sup>50</sup> vẫn có khác biệt, nhưng thật ra, tướng công đức và lợi ích [của pháp Ban Châu so với pháp Trì Danh trong hai kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà] vẫn là chân thật y hệt. Hiền Hộ Bồ Tát nêu ra một trăm hai mươi hai câu hỏi, [nội dung của] mỗi câu hỏi đều là lợi ích thực chất của hành pháp [Ban Châu], đều là nội hàm chân thật mà mỗi hành giả thật sự tu tập sẽ có thể đạt được. Vì thương xót hữu tình dù phàm hay thánh, kể cả trời, người chưa được tiếp xúc công đức và lợi ích chân thật của Ban Châu tam-muội mà chân thật bố thí, khiến cho họ sanh khởi sự lựa chọn lợi ích. Do đó, Ngài tuyên thuyết như thế. Hễ tuyên thuyết thì không chỉ nhiếp hóa (nhiếp thọ, hóa độ) các hữu tình phàm phu ngu muội, mà còn nhiếp hóa các vị Bồ Tát trong đời vị lai. “*Phàm thánh đều cùng tu*” được hiển hiện toàn vẹn ở nơi đây. Trong các hành pháp, có pháp chỉ thân nhiếp phàm phu, có pháp nhiếp thọ thánh nhân, nhưng hành pháp Tịnh Độ, thậm chí hành pháp Ban Châu, nhiếp trọn phàm và thánh, đúng là đại công đức tạng! Pháp này là pháp tạng, là công đức tạng của Như Lai. Trong đoạn kinh văn này, đã biểu đạt mười phần rõ rệt cái được gọi là “*lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh*” (lợi ích các chúng sanh trong hết thảy các thế gian), bất luận là phàm phu hay thánh nhân, bất luận là nhân loại hay thiên chúng.

“*Đản y Ma Ha Ca Diếp tôn giả giáo hóa hạnh cố*” (Chỉ nương theo hạnh giáo hóa của tôn giả Ma Ha Ca Diếp): Mọi người hãy quan sát. [Đức Phật] căn dặn Hiền Hộ Bồ Tát ở đây, thật sự là căn dặn hết thảy đại chúng hiện tiền. Hiền Hộ Bồ Tát là tại gia Bồ Tát. Dù tại gia, hay xuất gia, đều dùng thân Bồ Tát để biểu đạt. Cũng có nghĩa là phàm thánh cùng tu, xuất gia hay tại gia, xuất thế hay nhập thế, nội dung thiện xảo chân thật chẳng thể nghĩ bàn, nhiếp thọ trọn khắp, bình đẳng trọn

---

<sup>50</sup> Có thể tạm hiểu là cách hành trì và đối tượng thích hợp cho một pháp tu.

khắp. Vì sao chúng ta có thể học tập kinh điển này ở dưới cửa Hoa Thủ<sup>51</sup> của núi Kê Túc, là nơi tôn giả Ma Ha Ca Diếp gìn giữ y [ca-sa của đức Phật], nhập Định [chờ Phật Di Lặc xuất thế]? Nhất định là có cơ chế phước đức và nhân duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn gia bị. Cũng có người hỏi chúng tôi vì sao hành Ban Châu ở đây? Tôi đáp: “Tôi cũng không hiểu cho lắm! Phải nên hỏi tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Phải nên thỉnh Ngài xuất Định [để thưa hỏi] do cái duyên mạnh mẽ nào mà nhiếp hóa chúng ta hành trì Ban Châu? Vì sao mọi người tới nơi này để hành Ban Châu?” Vì trong các đệ tử của đức Thế Tôn, tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã thành tựu pháp này. Trong đời Mạt Pháp này, Ngài dùng công đức Thiên Định chẳng thể nghĩ bàn để gìn giữ áo ca-sa kim sắc của đức Thế Tôn, giữ gìn y bát để truyền lại cho Di Lặc Phật là vị sẽ chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vào năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trong vị lai, hồng lợi ích rộng khắp nhân thiên trong ba hội Long Hoa. Cơ chế truyền bá như thế do tôn giả Ma Ha Ca Diếp thủ hộ.

Nay chúng ta đến dưới chân tôn giả Ca Diếp, đến tu hành pháp này, dường như là lẽ đương nhiên, dường như là nhân duyên chín muồi, dường như là dấu hiệu trọng yếu chứng tỏ thiện căn và thiện duyên đã chín muồi. Có phải là như thế hay không? Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát, khéo suy nghĩ. Vì một pháp tác chẳng thể một mình tự đáy lên được, phải đều là do các duyên hòa hợp mà triển hiện trong hiện duyên của chúng ta, hoặc chẳng chín muồi! Chúng ta tới dưới cửa Hoa Thủ là nơi tôn giả Ca Diếp gìn giữ y, nhập Định. Phóng Quang Tự và Hằng Dương Am đều được oai đức của tôn giả Ca Diếp che chở, nhiếp thọ. Ngài gia bị chúng ta, thúc giục chúng ta tu hành để thiện căn chín muồi. Nếu không như vậy, tôi cảm thấy sẽ rất khó được nghe danh tự “*hành pháp Ban Châu*”, nội hàm công đức và lợi ích của pháp ấy càng khó được nghe hơn. Đối với công đức và lợi ích hoàn thiện, trọn đủ, sâu đậm, rộng

---

<sup>51</sup> Hoa Thủ (華首) là một vách đá hiểm trở ở phía Tây Nam ngọn Thiên Trụ trong rừng Kê Túc. Vách đá thẳng đứng như dao cắt, chính giữa vách đá ấy, các gờ đá lõm vào có hình dáng như một khung cửa lớn. “*Khung cửa*” ấy có chiều cao 40 mét, rộng 20 mét, chính giữa “*khung cửa*” lại có vết cắt thẳng đứng trông như hai cánh cửa đá khép chặt. Núi Kê Túc thuộc huyện Tân Xuyên, thành phố Đại Lý tỉnh Vân Nam. Do rừng núi này gồm bốn quả núi, ba ngọn núi phía trước chia ra thành ba nhánh, một nhánh núi kéo dài về phía sau, khiến cho toàn thể rừng núi có hình dáng giống như chân gà, cho nên người Hán thời cổ cho rằng đây chính là núi Kê Túc (Kukkatapadagiri) trong kinh Phật. Núi Kê Túc ở Vân Nam được coi là thánh địa của Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Bắc Tông, và Phật giáo Nam Truyền.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

lớn, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể diễn tả như thế, đúng là chẳng dám léo hánh, mà cũng chẳng dám tưởng tượng. Nhưng chúng ta có phước đức và nhân duyên thù thắng như thế, đến cuộc đất thù thắng của Phật giáo là núi Kê Túc này, ở ngay dưới ánh mắt từ ái của tôn giả Ca Diếp để hành Ban Châu, chẳng phải là có đại nhân duyên ư? Chư vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo suy nghĩ tinh tế, quan sát tinh tế, đừng để luống qua!

“*Thiếu dục tri túc*” (Ít ham muốn, biết đủ): Dưới đây là tham chiếu hành pháp của tôn giả Ma Ha Ca Diếp để phô bày nội hàm của pháp Ban Châu. “*Hằng nhạo nhàn tĩnh A Lan Nhã xứ*” (Luôn ưa thích chỗ A Lan Nhã thanh vắng): Xa lìa các ồn náo đối với thân tâm, xa lìa ồn náo đối với chính mình và kẻ khác, đến A Lan Nhã (Aranya), tức là chỗ tịch tĩnh để giữ gìn sự an lạc. Người học Phật hiện thời chuộng ồn ào, náo nhiệt, đúng là đáng thương! Quý vị nói xem, [ham chuộng ồn ào, náo nhiệt như thế], ta ở trong pháp tắc Đại Thừa, hoặc trong các công đức thù thắng, dùng ý nhạo để tu pháp có được hay không? Như thế thì sẽ có chỗ chẳng tương ứng hành pháp Ban Châu tam-muội. Đối với hành pháp này, trụ nơi tịch tĩnh nhất định là phương tiện tăng thượng. Chúng ta vào rừng rậm nguyên thủy, hoặc đến các cuộc đất khá rộng rãi, thông thoáng, nguyên sơ, mộc mạc, có hoàn cảnh tương đối tịch tĩnh, tức là hoàn cảnh y báo [thanh vắng] như thế. Sau đó, quý vị điều chỉnh tâm trí của chính mình, khiến cho nó tịch tĩnh, xa lìa các ồn náo do tham, sân, si, mạn, nghi, và tri kiến chẳng chánh đáng từ vô thủy đến nay đem lại. Các thứ ấy quấy nhiễu chúng ta, khiến cho tâm trí ta phiền bức. Đó là một loại thiện xảo để tiến nhập tịch tĩnh và an lạc, được thấy chư Phật.

“*Hoặc cư trung gian, hoặc tại thụ hạ, diệc lộ địa tọa, thường tọa bất ngọa. Nhất phu bất di, thọ khát thực pháp nhất thực bất tái, hoặc nhất tọa thực, hoặc duy nhất đoàn. Duy súc tam y, cập phần tảo y, tán thán Đầu Đà*” (Hoặc ở trong nơi mờ mịt, hoặc dưới gốc cây, cũng ngồi nơi đất trống, thường ngồi chẳng nằm. Hễ trải ngọa cụ ra, bèn chẳng dời chỗ. Nhận lãnh pháp khát thực chỉ đi khát thực một bữa, hoặc chỉ ăn một bữa, hoặc chỉ ăn một vắt cơm. Chỉ chứa ba y và y phần tảo. Tán thán hạnh Đầu Đà): Ở đây, nêu ra mười hai pháp tắc thuộc về hạnh Đầu Đà. Chúng ta biết tôn giả Ca Diếp là vị hành giả Đầu Đà bậc nhất. Trong giáo hóa của đức Thế Tôn về pháp Đầu Đà, chữ Đầu Đà (Dhūta) có thể phiên dịch thành rất nhiều danh từ. Đầu Tẩu (抖擻) là một danh từ [phiên âm của Dhūta] được biết đến khá nhiều. Chẳng hạn như khi chúng ta

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

giữa trưa hôn trầm, bèn vực dậy tinh thần, phấn chấn thể xác, mở to mắt, chà xát tai, cũng là để tỉnh táo, chẳng ngủ gục. Nếu chúng ta thêm vào một ý niệm như: “Ôi chao! Sao lại chóng mặt thế này?” Vừa cúi đầu xuống, sẽ ngủ ngay. Hai chữ **Đầu Tầu** hàm nghĩa trên thân chúng ta có tro bụi thì phải giữ, lắc đôi chút, [hàm nghĩa] phải phấn chấn lên. Từ ngữ **Đầu Đà** còn được phiên âm là **Đỗ Đa**, thường là rất ít dịch nghĩa trực tiếp, cơ bản đều là phiên âm thành hai chữ **Đầu Đà**, dùng như một danh từ chuyên biệt trong Phật giáo. Có mười hai hạnh **Đầu Đà**, chúng tôi nêu ra đôi chút, hy vọng mọi người sẽ có tri kiến lý giải:

1) **Trụ A Lan Nhã**: [A Lan Nhã (Aranya)] dịch là **Nhàn Tĩnh Xứ** (閒靜處), hàm nghĩa “*thân lià ồn náo, tâm lià Dục Cái*”. Chúng ta đều biết: **Dục** gồm có năm món **Dục**, tức là đắm nhiễm đối với **Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc**, Pháp, được gọi là “*niềm vui ngũ dục*”. “**Cái**” có năm món **Cái**, tức là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, và ngủ nghỉ.

2) **Thường khát thực**: Nghĩa là lià các tham cầu. Chẳng nhận lời thỉnh [tới nhà thọ trai, hay cúng dường riêng] của người khác. Chẳng phân biệt thức ăn ngon dở, chẳng ngại đói khát, thiếu thốn. Ôm bát khát thực là một phương pháp thù thắng để xa lià tham cầu. Người học Phật nếu lãng phí quá nhiều thời gian đối với chuyện ăn uống thì chẳng thích đáng. Nhưng nếu chẳng ăn uống theo lẽ thường thì cũng chẳng thích đáng. Khát thực, dầu xin được hay không, được bổ thí đầy đủ hay không, do nhân duyên mà có sai biệt rất lớn. Tức là do túc duyên chín muồi, dị duyên chín muồi, [mà có] các thứ sai khác như trong kinh điển nhà Phật đã ghi chép: Có vị **A La Hán** đi khát thực thường được cúng dường phong phú. Có vị **A La Hán** chẳng xin được, thường xuyên là bụng rỗng, bát không! Ở đây, [đối với người trì hạnh **Đầu Đà**], dù đủ hay chẳng đủ, đều chẳng sao hết, đều dùng đó để tăng thượng đạo nghiệp!

3) **Khất thực theo thứ tự**: Tức là chẳng đắm chấp mùi vị, chẳng chọn lựa nhà giàu hay nghèo, bình đẳng theo thứ tự mà khát thực. Khất thực thì chớ nên chọn lựa [nhà thí chủ] giàu hay nghèo. Nếu nói “người vùng này giàu có, ta đến chỗ này khát thực. Vùng kia nghèo mạt rệp, ta tránh xa”; đó là chẳng tương ứng.

4) **Ăn một bữa**: Tỳ-kheo vì tu đạo, dứt hẳn thói quen ăn nhiều lần, tuân theo quy định ăn một bữa. Trước kia, đã có người hỏi tôi vì sao chẳng thể ăn hai bữa? Tôi đáp: “Ăn hai bữa rất cực nhọc!” Do vậy, trước đó đã phát nguyện: Ăn một bữa để báo ân dưỡng dục của cha mẹ, học theo cách làm của các vị lão hòa thượng thuở trước, mà cũng học đòi các

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

vị tỳ-kheo trong bốn mươi chín năm giáo hóa của đức Thế Tôn đều dùng cách “ăn một bữa” để tăng thượng, xa lìa cách ăn nhiều lần. Vì ăn nhiều bữa sẽ lãng phí tinh lực của con người rất lớn.

5) ***An có chùng mực***: Tỳ-kheo có được thức ăn, chia thành ba phần: Một phần thí cho người đói kém, lại giảm một phần thí cho chim thú, còn một phần để tự ăn. Dầu không thấy người đói thiếu thì chỉ ăn hai phần ba thức ăn trong bát. Trong quá khứ, nếu xin được ba vắt cơm, trước hết sẽ thí một vắt cho “*đại bàng kim xí điều, khoáng dã quý thân, chúng La Sát, Quỷ Tử Mẫu, cam lộ hỷ sung mãn*” (chim đại bàng cánh vàng, quý thân trong chôn đồng trống, các La Sát, Quỷ Tử Mẫu đều được hưởng cam lộ, ngập tràn niềm vui). Đương nhiên là chuyện này có xuất xứ. Như Đại Bàng Kim Xí Điều (大鵬金翅鳥, Garuda, Ca Lô La) thân thể rất lớn. Nó sải cánh ra, có thể tách nước biển làm đôi để bắt rồng ăn thịt, giống như gà nuốt giun đất vậy. Long vương phải đến chỗ đức Thế Tôn, thưa: “Con cháu ngày càng giảm ít, khẩn thỉnh đức Thế Tôn bảo vệ sanh mạng chúng nó, kéo dài sanh mạng chúng nó”. Đức Thế Tôn liền bảo các vị tỳ-kheo: “Các thầy từ nay về sau, khát thực xong, hãy dùng một vắt cơm thí cho Kim Xí Điều v.v... để chúng nó xa lìa sát nghiệp”. Và [đức Phật] cũng truyền trao giới “*chăng sát sanh*” cho Đại Bàng Kim Xí Điều. Vì thế, người xuất gia trước khi ăn, nhất định phải thí một miếng cơm, dầu chỉ là một miếng thức ăn to bằng cái móng tay cũng phải bỏ thí, để Đại Bàng Kim Xí Điều có thức ăn, xa lìa cái duyên sát nghiệp<sup>52</sup>. Lại vì thân thể của chúng nó to lớn, phải niệm chân ngôn để chúng nó được ăn uống no đủ.

---

<sup>52</sup> Đây là nói về nghi thức Quá Đường (tức nghi thức cúng dường thập phương Tam Bảo trước khi dùng cơm trưa). Trong khi thọ trai, thường là vị trụ trì, hoặc vị đương gia, hoặc vị đứng đầu trường hạ, sẽ sót cơm trong chén, thềm chú nguyện: “*Pháp lực bất tư nghị, từ bi vô chướng ngại. Thất lạc biển thập phương, phổ thí châu sa giới. Quỷ tử mẫu khoáng dã, thân kim xí điều vương, tất giai linh bảo mãn, An độ lợi ích tóa ha*” (Pháp lực không nghĩ bàn, từ bi chẳng chướng ngại. Bảy hạt khắp mười phương, cho khắp vô lượng cõi. Mẹ con quý đồng nội, cánh vàng vua thần điều, hết thấy đều no đủ) rồi trao cho vị thí giả. Vị thí giả bung chén cơm ấy ra nơi đất trống (có nơi bày một cái bàn riêng để cúng, gọi là bàn Xuất Sanh), đọc bài kệ: “*Đại bàng kim xí điều....*” để thí thực. Trong các đạo tràng Trung Hoa, dù thọ trai hay không, dù có pháp sư hay không, mỗi ngày đều phải xuất thực ba lần: Công khóa sáng, giữa trưa, và trước công khóa tối. Thời sáng khóa và trưa dùng cơm hay thực phẩm cúng Phật để thí xuất sanh (thường gọi là nghi thức xuất thực), sử dụng bài kệ giống nhau. Buổi tối thì dùng một bài kệ khác, chỉ dùng bảy hạt gạo và nước để cúng thí.

Lại như mẹ của quỷ La Sát, Quỷ Tử Mẫu (Hārītī) đều ăn máu thịt của loài có sanh mạng. Trong Phật giáo, có câu chuyện về bà mẹ của các quỷ. Bà ta hằng ngày ăn thịt con nít của các hữu tình trong thế gian. Mỗi ngày ăn một đứa. Đức Thế Tôn bèn dùng sức thần thông, đem giấu đứa con bà ta yêu thích nhất ở một nơi. Bà ta liền giống như điên cuồng, tìm kiếm con mình khắp nơi. Tìm cách nào cũng chẳng thấy, liền quỳ tại đó, khẩn cầu: “Ai có thể tìm được con ta, bảo ta làm gì cũng đều được!” Lúc đó, đức Thế Tôn hiện ra, bảo: “Từ nay về sau, người phải giữ giới chẳng sát sanh, bảo vệ sanh mạng của hữu tình trong thế gian”. Bà ta thưa: “Con sống sót bằng cách nào đây? Chẳng sát sanh thì con ăn gì? Những đứa con này chẳng phải sẽ chết sạch ư?” Đức Thế Tôn lại bảo các tỳ-kheo: “Các thầy từ nay về sau, khi khát thực, phải nên chia một vắt cơm cho La Sát quỷ tử mẫu, khiến họ xa lìa sát nghiệp”. Do vậy, Tăng chúng xuất gia ở đâu cũng thường hành nghiệp từ bi, lợi ích trời, người rộng khắp, nhất định đừng khinh rẻ thân phận của chúng. Thông thường, khi niệm bài kệ cúng dường, rất nhiều người chẳng để tâm, không được rồi!

6) ***Sau giữa trưa, không được “uống các chất tương”***: “*Tương*” (漿) chính các thứ nước ép trái cây, mật ong v.v... Trong giáo pháp tỳ-kheo có yêu cầu như thế. Như trong tự viện Thiên Tông Trung Hoa cho phép ăn được thực<sup>53</sup>, thật sự là vì có bối cảnh lịch sử đặc biệt!

7) ***Mặc “tệ nạp y”***: (弊納衣, áo ca-sa chằm các mảnh vải rách nát): Chẳng tham phục sức, chính là y phẩn tảo. Người đời rất ít ai biết y phẩn tảo (糞掃) là gì? Đó chính là những thứ y phục bằng chất vải bị người đời vứt đi, như vải bọc thi thể, là những thứ vải mười phần dơ bẩn. Sau khi nhặt lấy, bèn giặt sạch, đập thẳng ra, chằm kết thành y.

8) ***Chỉ có ba y***: Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, ngoài ba y ca-sa ra, chẳng chứa y dư.

9) ***Ngồi nơi mồ mả***: Thường quán các phép Vô Thường, Khô, Không v.v... vì cầu xuất ly.

10) ***Ngồi dưới cội cây***: Như đức Phật đấng đạo cũng ngồi dưới cội cây.

---

<sup>53</sup> Dược thực (藥食, thức ăn như thuốc để chữa con đói). Từ ngữ này bắt nguồn từ chữ Dược Thạch, tức là theo truyền thống, các tỳ-kheo thường dùng một viên đá hấp nóng, đặt lên bụng cho khỏi sôi bụng vì đói. Về sau, do khí hậu lạnh, tại Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, bữa chiều là những thứ còn sót lại của buổi trưa, hay cháo loãng, một món mì trộn đơn giản, hay súp loãng cho khỏi đói dành cho người chưa quen chỉ ăn ngô.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

11) **Ngồi nơi đất trống**: Ngồi dưới cội cây gần giống như có nhà, sợ sanh lòng tham ái, cho nên ngồi nơi đất trống.

12) **Thường ngồi chẳng nằm**: Sợ tham ngủ nghỉ. Vì thế, hông chẳng chạm chiếu (chẳng nằm xuống).

Trên đây là mười hai hạnh Đầu Đà. Người thiếu dục tri túc sẽ hành Đầu Đà. Trong quá khứ, những người có trí, thánh nhân, người có oai đức, và người trọn đủ phương tiện thiện xảo sẽ gìn giữ hạnh Đầu Đà. Hiện thời, người hành như vậy rất ít. Mười hai pháp Đầu Đà thành tựu lẫn nhau, chẳng thể bại hoại, cũng có nghĩa là chẳng thể chăm chú điều này mà đánh mất điều khác. Hãy nên thủ hộ thanh tịnh.

“*Khuyến thỉnh chư Bồ Tát, giáo Bồ Tát hành pháp, linh chư Bồ Tát hỷ, ha trách chư Bồ Tát, giáo thị chư Bồ Tát, thành tựu chư Bồ Tát*” (Khuyến thỉnh các Bồ Tát, dạy Bồ Tát hành pháp, khiến cho các Bồ Tát vui mừng, quả trách các Bồ Tát, chỉ dạy các Bồ Tát, thành tựu các Bồ Tát): “*Ha trách chư Bồ Tát*” (Quả trách các Bồ Tát), vì sao lại nói đến chuyện quả trách? Nhằm cổ vũ, thúc giục. “*Giáo thị chư Bồ Tát*” (Chỉ dạy các Bồ Tát): Như hiện thời, chúng ta được nghe nội dung của một trăm hai mươi hai món lợi ích của Ban Châu, đó gọi là “*giáo thị phạm thánh hữu tình*”, [tức là] chỉ dạy chúng ta, khiến cho chúng ta được thấy, được nghe. Nếu chúng ta chẳng đích thân nghe nội hàm chân thật của giáo ngôn này, làm sao có thể suy nghĩ, quan sát công đức và lợi ích chân thật rộng lớn của hành pháp Ban Châu cho được? Đây là “*giáo thị*” (教示, chỉ dạy). “*Thành tựu chư Bồ Tát*” tức là nương theo pháp, khiến cho các Bồ Tát có thể thành tựu.

“*Năng vị lợi ích, hành đại từ bi. U chư chúng sanh, sanh bình đẳng tâm*” (Có thể vì lợi ích mà hành đại từ bi. Đối với các chúng sanh, sanh tâm bình đẳng): Trong tu trì Phật pháp, tâm từ bi và tâm bình đẳng rất quan trọng, là chỗ tốt bậc của Phật pháp.

“*Hàm đắc tự tại, đáo u bỉ ngạn. Tùy ý đắc kiến nhất thiết chư Phật*” (Đều được tự tại đạt tới bờ kia. Tùy ý được thấy hết thấy chư Phật): Tùy ý được thấy, hoặc là thấy trong mộng, thấy trong hiện tại, hoặc thấy trong cảnh giới, hoặc thấy khi xả báo, lúc nào, chỗ nào cũng đều được thấy. Bốn loại thấy Phật thật sự là thấy trọn khắp, tùy ý được thấy. Nếu chúng ta có thể tập luyện thuần thực, thường hành pháp tác như thế, sẽ chẳng có tâm trí buông lung, giải đãi, nầy sanh hối hận sau khi đã hành trì, và lãng phí thời gian oan uổng, sẽ tôn trọng sanh mạng và pháp tác của chính mình



***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Phát quang đại nguyện, hành thâm diệu hạnh, nhạo Nhất Thiết Trí Bồ Đề lương trụ*” (Phát nguyện rộng lớn, hành hạnh sâu màu, ưa thích rường cột Nhất Thiết Trí Bồ Đề): “*Bồ Đề lương trụ*” (Rường cột Bồ Đề) [là nói tỷ dụ], giống như một căn nhà phải có kèo cột.

“*Thiện năng tùy thuận Như Lai chủng tánh. Phát Bồ Đề tâm do như kim cang*” (Khéo có thể tùy thuận chủng tánh của Như Lai. Phát Bồ Đề tâm ví như kim cang): Bồ Đề tâm giống như kim cang. Bồ Đề tâm đã phát, chẳng ngại phát lân nữa, chân thật nhận biết. Độ chúng sanh, thành Bồ Đề, hễ phát tâm, sẽ thật sự thủ hộ cho đến hết đời vị lai, chẳng nhờ vào tăng giảm. Trong tâm nguyện như thế, hành hết thấy các pháp, tiêu hết thấy các nghiệp, hành hết thấy các duyên, lợi lạc hết thấy chúng sanh, như thế thì ắt sẽ đạt tới Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Thành tựu tâm trí như thế, sẽ là tâm trí kim cang, tâm nguyện như thế sẽ là tâm nguyện Bồ Đề.

“*Thông đạt thế gian chúng sanh sở niệm. Quang đại diệu hạnh bất khả giáo toán, bất khả xưng lượng, thường tại nhất thiết chư Phật mục tiền. Hiền Hộ! Ư nhữ công đức trung, vị thuyết thiểu phần dã*” (Thông đạt tâm niệm của chúng sanh trong thế gian. Diệu hạnh rộng lớn chẳng thể so lường, chẳng thể đếm kể, thường ở trước mắt của hết thấy chư Phật. Này Hiền Hộ! Trong công đức của ông, chưa thể nói chút phần được): Một trăm hai mươi hai câu hỏi ấy, tuy Hiền Hộ Bồ Tát đã mở mắt cho chúng ta, khiến cho chúng ta đều biết, đều nghe lợi ích rộng lớn rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của hành pháp Ban Châu. Nhưng đức Thế Tôn nói: Trong biển hạnh nguyện rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn ấy, những điều lợi ích như ông đã hỏi chỉ là chút phần, thậm chí còn chưa nói được chút phần, chỉ là nói được một phần bé như giọt nước vậy!

***(Kinh) “Hiền Hộ! Kim hữ Bồ Tát tam-muội danh viết Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nhược hữ Bồ Tát, cụ túc tu tập như thị tam-muội, đương đắc thành tựu như thượng sở vấn chư công đức đẳng. Hiền Hộ đương tri! Cánh hữ vô lượng vô biên thắng thượng công đức, thuyết bất khả tận”. Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: “Thiện tai Thế Tôn! Duy nguyện thuyết thử Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội, linh thử thế gian thiên, nhân, Phạm, Ma, sa-môn, Bà La Môn, chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, đa hoạch lợi ích, đa thọ an lạc cố. Diệc linh đương lai vô lượng chúng sanh đa đắc lợi ích, thọ an lạc cố. Hựu vị vị lai chư Bồ Tát bối,***

*tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố. Hựu nguyện hiện tại, vị lai chư Bồ Tát đẳng, phổ đắc văn thữ Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội. Bĩ ký văn dĩ, giai tất thọ trì. Ký thọ trì dĩ, nhất thiết giai đương như thật tu học, như giáo phụng hành. Ký học hành dĩ, đương linh đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiện tiền tức năng cụ túc thành tựu như thị công đức, cập dư thắng thượng công đức đẳng”. Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Hiền Hộ! Như nhữ ngôn giả, nhữ đương đế thính, thiện tư niệm chi, ngô kim vị nhữ phân biệt giải thoát”. Hiền Hộ phục ngôn: “Thiện tai, Thế Tôn! Ngã thâm nhạo văn Như Lai sở thuyết”.*

**(經)賢護! 今有菩薩三昧名曰思惟諸佛現前三昧。若有菩薩，具足修習如是三昧，當得成就如上所問諸功德等。賢護當知! 更有無量無邊勝上功德，說不可盡」。爾時，賢護菩薩復白佛言：「善哉世尊! 唯願說此菩薩念一切佛現前三昧，令此世間天、人、梵、魔、沙門、婆羅門、諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，多獲利益，多受安樂故。亦令當來無量衆生多得利益，受安樂故。又爲未來諸菩薩輩，作大光明，承佛威力故。又願現在未來諸菩薩等，普得聞此念一切佛現前三昧。彼既聞已，皆悉受持。既受持已，一切皆當如實修學，如教奉行。既學行已，當令得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。現前即能具足成就如是功德，及餘勝上功德等」。爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護! 如汝言者，汝當諦聽，善思念之，吾今爲汝分別解脫」。賢護復言：「善哉世尊! 我深樂聞如來所說」。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Nay có tam-muội của hàng Bồ Tát tên là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nếu có Bồ Tát tu tập trọn đủ tam-*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*muội như thế, sẽ được thành tựu các công đức như đã hỏi trên đây. Hiền Hộ hãy nên biết, lại có vô lượng vô biên công đức thắng thượng, chẳng thể nói hết được”. Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: “Lành thay Thế Tôn! Xin hãy nói môn tam-muội Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền ấy, khiến cho trời, người, Phạm vương, Ma, sa-môn, Bà La Môn, các loài rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... trong thế gian này đạt được nhiều lợi ích, hưởng nhiều an vui. Cũng khiến cho vô lượng chúng sanh trong đời vị lai được nhiều lợi ích, hưởng an lạc. Lại làm đại quang minh cho các hàng Bồ Tát trong vị lai, do nương vào oai lực của Phật. Lại nguyện các vị Bồ Tát trong hiện tại và vị lai đều được nghe môn Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội này, đã nghe xong, thấy đều thọ trì. Đã thọ trì rồi, hết thấy đều sẽ như thật tu học, phụng hành đúng như lời dạy. Đã học và hành rồi, sẽ khiến cho họ được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiện tiền liền có thể thành tựu đầy đủ các công đức như thế và các công đức thắng thượng khác”. Lúc đó, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Này Hiền Hộ! Như ông đã nói, hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy, ta nay sẽ vì ông phân biệt giải thoát”. Hiền Hộ lại thưa: “Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con ưa thích sâu xa được nghe lời dạy của đức Như Lai”).*

Lành thay! Thuận theo văn tự, chúng ta có thể thâm nhập, phân tích tâm trí hiện tiền của chính mình, ấn khế pháp tắc Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền, mở mang cái đạo nơi tâm địa của chúng ta, mở kho pháp tạng trong tâm địa của chúng ta, khai phát tâm trí Như Lai, cũng là tâm trí cội nguồn của hết thấy chúng sanh, khiến cho công đức tạng của hết thấy chúng sanh có thể thật sự nương cậy vào oai đức trong giáo ngôn của đức Phật mà chín muồi.

*“Kim hữu Bồ Tát tam-muội, danh viết Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội”* (Nay có môn tam-muội của hàng Bồ Tát, tên là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội). Hai chữ Tư Duy hết sức trọng yếu! Hành pháp Ban Châu cũng có khi được phiên dịch là Định Ý tam-muội. Chữ Tư Duy này khiến cho chúng ta có thể khá linh động cảm nhận chỗ y chỉ trong cách tu môn tam-muội này.

*“Nhược hữu Bồ Tát cụ túc tu tập như thị tam-muội, đương đắc thành tựu như thượng sở vấn chư công đức đẳng”* (Nếu có Bồ Tát tu tập trọn đủ tam-muội như thế, sẽ được thành tựu các công đức như đã hỏi trong phần trước), cũng có nghĩa là tam-muội như thế có thể trọn vẹn tất

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

cả các công đức được đề cập trong một trăm hai mươi hai câu hỏi do Hiền Hộ Bồ Tát đã nêu ra.

“*Hiền Hộ đương tri! Cánh hữu vô lượng vô biên thắng thượng công đức, thuyết bất khả tận*” (Hiền Hộ hãy nên biết! Cũng có vô lượng vô biên công đức thắng thượng, chẳng thể nói trọn hết được). Ở đây, đức Thế Tôn trả lời rõ ràng: Hiền Hộ! Ông nêu ra một trăm hai mươi hai câu hỏi về công đức thù thắng. Thật ra, đó chỉ là chút phần công đức của Ban Châu tam-muội, hoặc nói cách khác là Tư Duy Phật Hiền Tiền tam-muội, thậm chí chưa được một chút phần nữa! Pháp Ban Châu tam-muội quả thật có công đức chẳng thể diễn tả được, có ý nghĩa rộng lớn rất ráo, chỉ có Phật đích thân hay biết. Kinh này tuyên nói chút phần của một ít phần lợi ích rất ráo ấy để chúng ta được nghe, được biết.

“*Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thiện tai Thế Tôn! Duy nguyện thuyết thử Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền tam-muội*” (Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tam-muội Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền ấy): Có công đức và lợi ích rộng lớn như thế, xin đức Thế Tôn hãy tuyên nói cho chúng con.

“*Linh thử thế gian thiên, nhân, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà La Môn, chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đấng, đa hoạch lợi ích, đa thọ an lạc cố*” (Khiến cho trời, người, Phạm vương, Ma, Sa-môn Bà La Môn, các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... trong thế gian này, được hưởng nhiều lợi ích, hưởng nhiều yên vui): Đồng thời ban lợi ích chân thật rất ráo rộng khắp cho đủ loại sanh mạng khác biệt. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, chỉ do một đại sự nhân duyên: “Muốn khiến cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh”. Điều đó được diễn tả là “*viên thành Bồ Đề, lìa khổ, được vui*”. Thành tựu lợi ích chân thật, khiến cho lợi ích của sanh mạng được tiếp tục vận dụng nơi pháp tánh, pháp tánh tác dụng vào sanh mạng, xa lìa sự mờ mịt vì vô minh, khiến cho hết thảy chúng sanh đắc Vô Ngại Trí.

“*Diệc linh đương lai vô lượng chúng sanh đa đắc lợi ích, thọ an lạc cố*” (Vì cũng khiến cho vô lượng chúng sanh trong tương lai đạt được nhiều lợi ích, hưởng an lạc): Không chỉ hữu ích cho hữu tình hiện tại, tức hữu tình trong đời này, mà còn khiến cho hữu tình trong đời vị lai, trong đời mai sau, đều đạt được các sự yên vui.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Hưu vị vị lai chư Bồ Tát bối, tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố*” (Lại làm quang minh to lớn cho các hàng Bồ Tát trong đời mai sau, do nương vào oai lực của Phật): Tức là tạo duyên khởi thanh tịnh. Trong pháp Niệm Phật, bước khởi đầu là đại quang minh tạng bố thí như thế, đại trang nghiêm an trụ như thế, trọn đủ công đức thủ hộ, thuận tòng như thế. Tức là do duyên khởi đại quang minh tạng, xa lìa các nghiệp tướng sai biệt của hết thảy chúng sanh, trực tiếp tiến nhập quang minh tạng! Quang minh tạng ấy chính là trong sát-na khởi tâm động niệm, trong sát-na động tướng của pháp giới thể tánh vốn trọn đủ, động tướng ấy còn chưa bị nhuốm bẩn, cũng có nghĩa là duyên khởi ấy chính là duyên khởi thanh tịnh, chẳng phải là duyên khởi đấm nhiễm. Đối với tâm niệm của bọn phàm phu chúng ta trong hiện tiền, toàn thể khởi tâm động niệm nối tiếp trong dòng nghiệp, tiếp nối trong tri kiến mê muội, tiếp nối trong nghiệp tập (nghiệp chướng, tập khí) “tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến”, chẳng biết pháp tánh từ vô thủy tới nay chưa hề bị ô nhiễm, chẳng tạo, chẳng tác, nhưng tất cả tạo tác quả thật là hư giả, thật sự là vô thường, vô ngã. Trong các nghiệp vô thường, vô ngã hư giả ấy, oan uổng hứng chịu luân hồi, cưỡng chấp luân hồi, đúng là oan uổng! Chư Phật Như Lai thương xót hữu tình, ban cho lợi ích chân thật từ Phật pháp, khiến cho họ thấy tự tâm, lựa chọn sự an lạc rốt ráo. Vì thế, “*hưu vị vị lai chư Bồ Tát bối, tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố*” (lại làm quang minh to lớn cho các hàng Bồ Tát trong đời vị lai, do nương vào oai lực của Phật). Công đức nhân duyên thù thắng nhất của hết thảy Phật pháp chính là “*duyên Phật thành Phật*”. Đây là chỗ quy kết của công đức chủng tánh chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

Có nhiều chúng sanh hư vọng, kiêu ngạo, điên cuồng, tà kiến, cho rằng chính mình có pháp để có thể tu, có Phật để có thể thành, có lợi ích để tự đạt được, chẳng biết hết thảy công đức và lợi ích xuất phát từ sự bố thí chiếu kiến do chính chư Phật, Bồ Tát đã đích thân chứng đắc, khiến cho chúng tánh thành thực. Nếu chẳng như thế, sẽ mê mất trong sự đặt bày giả dối hư vọng của chính mình, chẳng thành tựu đạo nghiệp Bồ Đề. Trong Hán truyền Phật giáo, có nhiều hữu tình tự phụ, tự cho là đúng, chẳng nhận lãnh công đức. Vì có sao? Chẳng tùy thuận sự gia bị từ oai lực của chư Phật Như Lai, chẳng tiếp nhận sự hồi thí từ chúng tánh của chư Phật, chẳng tiếp nhận sự nhiếp hóa thanh tịnh của chư Phật. Đối với pháp chưa đạt được mà lại tự phụ là đã đạt được, cho nên đau khổ hứng chịu luân hồi. Trong nỗi khổ luân hồi, lại đeo thêm một nỗi khổ vì có

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

pháp đề có thể đạt được, cưỡng chấp là tự đạt được. Đây quả thật là một vấn đề khá lớn mà chúng ta cần phải cảnh giác trong học Phật.

*“Hưu nguyện hiện tại, vị lai chư Bồ Tát đẳng, phổ đắc văn thử Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền tam-muội”* (Lại nguyện trọn khắp các Bồ Tát trong hiện tại và vị lai đều được nghe môn tam-muội Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền này): Được nghe trọn khắp là vì môn tam-muội này bình đẳng hồi thí cho phàm lẫn thánh, hết thảy hữu tình đều được hành trì, chẳng chọn lựa căn tánh. Quý vị nói người thân thể không khỏe làm sao có thể hành trì hành pháp Ban Châu ư? Vừa khéo là tôi có thấy một số tài liệu nói ở Đài Loan, thường là những người thực tập kinh hành Ban Châu, phần lớn đều là những bệnh nhân nan y. Họ chẳng còn con đường nào khác, bèn hành trì pháp này. Vì thế, pháp này đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Bệnh nhân vẫn có thể hành trì, bệnh nan y mà vẫn có thể hành trì, chúng ta thuộc loại khỏe mạnh thì sao? Chúng ta là những người hướng đến Phật pháp thì sao? Chúng ta là những người đang còn trẻ tuổi, thân thể tráng kiện thì sao?

*“Bỉ ký văn dĩ, giai tất thọ trì. Ký thọ trì dĩ, nhất thiết giai đương như thật tu học, như giáo phụng hành. Ký học hành dĩ, đương linh đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền tiền tức năng cụ túc thành tựu như thị công đức, cập dư thắng thượng công đức đẳng”* (Họ đã nghe, thảy đều thọ trì. Đã thọ trì rồi, hết thảy đều sẽ được tu học như thật, phụng hành đúng như lời dạy. Đã học và hành rồi, sẽ được bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền tiền liền có thể thành tựu trọn đủ công đức như thế, và các công đức thắng thượng khác). Hành pháp Ban Châu cho đến hành pháp Tịnh Độ, chính là pháp thành tựu hoàn tất trong một đời, quả thật là giáo pháp rộng lớn rốt ráo thỏa thích bốn hoài xuất thế của chư Phật. Do vậy, chúng ta hãy nói đến Tịnh Độ, sẽ nói *“phổ độ chúng sanh là bốn hoài xuất thế của chư Phật, thỏa thích bốn hoài của Phật chỉ được hiển lộ qua pháp Tịnh Độ”*. Vì sao? Sự giáo hóa trọn khắp rộng lớn như thế, các pháp môn khác chẳng thể thâm nhiếp. Chẳng phải là tán thán thiên vị, ai nấy đều thủ hộ giáo pháp này.

*“Nhữ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát: - Như nhữ ngôn giả, nhữ đương đế thính, thiện tư niệm chi. Ngô kim vị nhữ phân biệt giải thoát”* (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát: - Như lời ông đã nói, ông hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy. Ta nay sẽ vì ông phân biệt giải thoát): *“Nhữ”* ở đây là đại chúng hiện tiền. Đừng nên bỏ lỡ nhân duyên, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. *“Nhữ”* được nói ở đây có

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phải là các vị Bồ Tát và thiện tri thức nhóm họp về Trúc Lâm Tinh xá thuở đức Thế Tôn tại thế hay chăng? Chẳng phải! Chính là đại chúng hiện tiền chúng ta!

“*Hiền Hộ phục ngôn: - Thiện tai Thế Tôn! Ngã thâm nhạo vãn Như Lai sở thuyết*” (Hiền Hộ lại thưa: - Lành thay, bạch Thế Tôn! Con ưa thích sâu xa nghe lời Như Lai dạy): Hiện tiền đại chúng nghe giáo pháp thù thắng, rất quan trọng!

***(Kinh) Phật phục cáo ngôn: - Hiền Hộ! Vân hà danh vi Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội?***

**(經)佛復告言：「賢護！云何名爲菩薩思惟一切諸佛現前三昧？」**

***(Kinh: Đức Phật lại bảo rằng: - Này Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội?)***

Vì sao nói “chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội là phân tích tâm địa”? Vì hết thấy các ngôn thuyết đều từ tâm địa của chư Phật, mà cũng là từ tâm địa của chúng sanh. Biện hết thấy các nghiệp phiền não do tâm địa của chúng sanh hiển hiện, do biện Chánh Biện Tri và tâm trí của hết thấy chư Phật hiển hiện, mà cũng là tự tánh tâm trí của chúng ta hiển hiện. Trong pháp môn tâm địa này, kinh giáo mà chúng ta đọc cũng phát xuất từ tâm địa, phân tích tâm địa, khiến cho tự được thọ dụng.

“*Phật phục cáo ngôn: - Hiền Hộ! Vân hà danh vi Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội*” (Đức Phật lại bảo rằng: - Này Hiền Hộ! Như thế nào là Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội): Nay chúng ta đang học phẩm Tư Duy. Hai chữ Tư Duy được đặt vào vị trí rất quan trọng, vì bước khởi đầu của hành pháp Ban Châu là do được oai thần của chư Phật gia bị, khiến cho chúng ta khéo tư duy, quan sát. “*Thiện*” là nương theo lời dạy của đức Phật, nương theo công đức từ oai thần của đức Phật, nương theo sự gia bị của Phật Như Lai để khéo quan sát, khéo tư duy, chẳng phải do nghiệp tập và sự suy lường vọng tưởng của chính mình mà quan sát, tư duy. Do vậy, hãy nên niệm Phật tư duy như thế. Nương theo công đức thù thắng của Phật để tư duy. Nương vào sự gia bị của công đức chẳng thể nghĩ bàn từ lời dạy của đức

Phật đề tư duy. Buông bỏ tâm niệm tạp nhiễm và bất bình đẳng của chính mình đề tư duy.

*(Kinh) Nhược hữu Bồ Tát cụ túc thành tựu thử tam-muội giả, tức hoạch như tiền chư công đức sự, diệc đắc kỳ dư thù dị công đức.*

**(經)若有菩薩具足成就此三昧者，即獲如前諸功德事，亦得其餘殊異功德。**

*(Kinh: Nếu có Bồ Tát thành tựu trọn đủ tam-muội này, sẽ liền đạt được các chuyện công đức như trên, và cũng đạt được các công đức thù thắng, lạ lùng khác).*

Do vậy, công đức và lợi ích được nêu trong một trăm hai mươi hai câu hỏi trên đây là chân thật, chẳng dối. “Kỳ dư thù dị công đức” (Các công đức thù thắng, lạ lùng khác): Chẳng phải chỉ bao gồm một trăm hai mươi hai công đức, mà là trong công đức rộng lớn vô tận, một trăm hai mươi hai công đức [như ngài Hiền Hộ đã hỏi] chỉ là chút phần, thậm chí còn chưa xứng là chút phần nữa!

*(Kinh) Sở vị tâm niệm chư Phật giai hiện tại tiền. Kỳ tâm bất loạn, bất xả tác nghiệp, cầu thắng thượng trí, dũng mãnh tinh cần, hà phụ trọng đảm, độ thoát chúng sanh.*

**(經)所謂心念諸佛皆現在前。其心不亂，不捨作業，求勝上智，勇猛精勤，荷負重擔，度脫衆生。**

*(Kinh: Có nghĩa là tâm nghĩ chư Phật đều đang ở trước mặt, tâm chẳng loạn, chẳng xả nghiệp đang tạo, cầu trí tối thượng thù thắng, dũng mãnh, siêng rông, gánh vác gánh nặng độ thoát chúng sanh).*

Hết thấy các pháp tắc trong lời dạy của đức Phật, không gì chẳng nhằm độ thoát chúng sanh, gánh vác gia nghiệp thật sự của Như Lai.

*(Kinh) Thừa sự, cung cấp chư thiện tri thức. Thường tu không tịch quảng đại tư duy.*

**(經)承事，供給諸善知識。常修空寂廣大思惟。**

*(Kinh: Thừa sự, cung cấp các vị thiện tri thức. Thường tu tư duy không tịch rộng lớn).*



“Không tịch quảng đại tư duy” và “thừa sự, cung cấp thiện tri thức” có mối nhân duyên gì? “Thừa sự thiện tri thức” là đối với hết thầy chúng sanh bèn sanh ý tưởng cung kính, sanh ý tưởng họ là thiện tri thức, sanh ý tưởng khó gặp gỡ. Đối với hết thầy các cơ duyên, sanh ý tưởng tôn quý, tức là thừa sự thiện xảo. Thường là chúng ta chọn lựa điều lành khi có cơ hội, chẳng biết điều lành ngay trong một niệm hiện tiền. Do vậy “điều thiện trong thiện tâm là hoàn thiện, là điều thiện chân thật của chúng ta”. Nếu phát khởi cái tâm cung kính, tôn trọng, thừa sự hết thầy thiện tri thức, tức là hết thầy đại chúng hiện tiền đều nên thừa sự. Sự thừa sự ấy chẳng phải là làm, hoặc chẳng làm, mà chỉ là dùng tấm lòng chân thành để nêu bày Phật pháp cho nhau, yêu mến, tôn trọng lẫn nhau. Sự thừa sự này mười phần trọng yếu. Đương nhiên cũng có thừa sự về mặt vật chất, thừa sự hình tượng, thừa sự bằng cách cung kính, lễ bái, nhưng các chuyện thừa sự ấy chỉ giả đặt ra, là một thứ phương tiện! Hãy như thật thừa sự; đó là lợi ích chân thật trong Phật pháp, là công đức tự lợi và lợi tha chân thật.

*(Kinh) Thân thiện tri thức, diệt trừ chư Cái.*

**(經)親善知識，滅除諸蓋。**

*(Kinh: Thân cận thiện tri thức, diệt trừ các Cái).*

Điều này mười phần trọng yếu. Trong hành pháp tại đất Hán, chuyện này bị bỏ mất khá nhiều. Chúng ta thường coi nó như một câu nói suông, chẳng biết đây chính là pháp tắc! Khi chúng ta nghĩ đến ân đức của cha mẹ đối với chúng ta lúc chính mình còn là trẻ thơ, sẽ thường đau lòng rơi lệ. Đau lòng rơi nước mắt có thể tiêu trừ khá nhiều chướng ngại nơi tâm lý. Thậm chí khi nghĩ nhớ sự gia bị của đức Phật đối với chúng ta, chúng ta sẽ đau lòng trào lệ, sẽ cảm ơn đội đức. Do vậy, cũng có thể tiêu trừ các Cái như hôn trầm, vô ký, cùng với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nhất thời [các món Cái bị] gột rửa hết sạch. Từ trong nỗi niềm cảm kích ấy, từ trong cái tâm thanh tịnh, có thể gột rửa Cái Chướng của chúng ta. Nếu nhờ vào các pháp khác [để gột rửa], sẽ rất khó khăn!

Vì lẽ đó mà nói “*thân cận thiện tri thức có thể trừ Cái Chướng*”. Đây là một kỹ xảo trong tu hành đã có từ xưa. Nói “*kỹ xảo*” thì có phải là chỉ chăm chú đạt được lợi ích, bất cần hậu quả hay chẳng? Chẳng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phải! Ất cần phải hành như vậy thì mới có thể trừ các Cái. Chẳng hạn như có kẻ do tâm kiêu mạn mà nhiều hôn trầm, hoặc do Tùy phiền não<sup>54</sup> lũng lầy mà nhiều hôn trầm; hoặc do chẳng hổ thẹn mà nhiều hôn trầm; hay do chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp mà nhiều hôn trầm. Nếu chúng ta dùng phương pháp để trừ khử hôn trầm, ngăn chặn sự hôn trầm, sẽ rất khó trừ, rất khó ngăn chặn. Nhưng nếu chúng ta sanh khởi một niệm tâm cung kính thật sự mạnh mẽ, sanh tâm khó được, khó gặp gỡ, thì sẽ có thể trừ [các Cái Chướng]. Giống như khi chúng ta mất công tốn sức rất lớn để xin gặp một ai đó, sẽ chẳng hôn trầm, cũng sẽ chẳng lao chao, cũng sẽ chẳng vô ký. Vì sao? Do tôn trọng, do yêu mến, do ngưỡng mộ, do quý trọng, do thủ hộ như thế, sẽ chẳng bị Hôn Cái (cái chướng hôn trầm) che lấp.

Trong tu pháp hiện tiền, nhất là trong Tăng chúng, dễ bị hôn trầm nhất! Vì sao? Đã lâu ngày, thiện tâm, tức cái tâm cung kính thiện tri thức, tâm cung kính thiện duyên, tâm tôn trọng sẽ dần dần đều bị tiêu mất. Kết quả, đa số trở thành hôn trầm, vô ký! Chẳng phải là người ấy không muốn tiến nhập pháp tắc, nhưng do có chỗ tiêu mất, cho nên Tùy phiền não sẽ bùng bùng! Hôn trầm là một món Cái. Ngủ nghệ trong “*tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghệ*” biểu hiện thành hôn trầm hiện tiền trong cái chướng, nhưng nếu quý vị sanh khởi cái tâm tôn trọng, khó gặp gỡ, hy hữu, sẽ chẳng hôn trầm. Giống như quý vị chuẩn bị suốt ba ngày, mong gặp mặt một người đã nhiều năm khát vọng gặp gỡ, dù là thiện tri thức cũng thế, mà thân nhân cũng thế, quý vị sẽ chẳng hôn trầm, buồn ngủ, mà cũng chẳng mê mất tự tâm.

Trong Tùy phiền não, lười nhác và cầu thả chính là cái tâm giải đãi. Tướng phiền não này dễ sanh khởi nhất. Thường là khó khắc phục nhất vào mùa Hạ. Trong mùa Hạ, nó dễ biểu hiện nhất: Đầu gục xuống, mắt nhòa đi, ngủ tít luôn. Ngày này qua ngày nọ, cứ thế mà qua đi. Đây là một hiện tượng rất phổ biến, bị cái chướng che lấp rồi! Tiêu trừ bằng cách nào? Hãy thân cận thiện tri thức, [sanh tâm] khó được, khó gặp,

---

<sup>54</sup> Tùy phiền não (Upakleśa) là các phiền não phụ thuộc so với căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến). Tùy phiền não bao gồm hai mươi món phiền não, tức phẫn, hận, phú (giấu giếm), não (làm kẻ khác khó chịu, khổ sở, quấy rối kẻ khác), tật (ghen ghét), xan (keo kiệt), cuồng (lừa dối), siểm (nịnh bợ), kiêu (kiêu căng), hại (làm hại, gây tổn hại cho kẻ khác), vô tầm (chẳng hổ), vô quý (chẳng thẹn), hôn trầm, điều cử (lao chao, xáo động), bất tín (chẳng tin tưởng), giải đãi, phóng dật (buông lung), thất niệm (đánh mất chánh niệm), tán loạn, bất chánh tri (tri kiến chẳng chánh đáng).

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

sanh lòng tôn trọng, quý vị sẽ chẳng bị [hôn trầm] như vậy! Giả thiết là vào thời đại đế vương trong quá khứ, vì các thứ nhân duyên, quý vị muốn gặp đế vương, vì chuyện ấy, phải chuẩn bị rất lớn, thông qua rất nhiều phương pháp thì mới có thể gặp. Nếu gặp đế vương mà quý vị bỏ toái ra đất rồi ngủ khì, chẳng thể nào có chuyện như thế được! Lại chẳng hạn như chúng ta đến chỗ rất xa xôi để cầu thiện tri thức, cầu pháp, [trải qua] ngàn vạn nỗi cay đắng, nhọc nhằn, trải qua lắm phen gian nan, [khi được gặp gỡ], quý vị sẽ chẳng ngủ. Vì sao? Do cái tâm cung kính thúc giục, cái tâm cảm nhận khó có thôi thúc, quý vị sẽ chẳng thể hôn trầm được!

Vì vậy, khi chúng ta hành pháp Ban Châu, phải thật sự sanh khởi ý tưởng như đối trước chư Phật, tưởng như Phật đang hiện tiền. Quý vị ngủ khì trước Phật là vì chẳng muốn gặp Phật! Một vị Bồ Tát đã bảo tôi: “Trời ơi! Tôi muốn hành Ban Châu, chuẩn bị kinh hành ba ngày ba đêm. Nay tôi đã ngủ suốt bốn ngày”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Người ấy nói: “Ngủ đầy giấc, ngủ đầy đủ rồi”. Tôi nói: “Quý vị có ngủ tám trăm năm cũng chẳng ngủ đủ! Cứ nghĩ ngủ đầy giấc ở nhà để đủ sức tới đây hành Ban Châu ư? Nếu nói ngủ đủ giấc sẽ bù đắp được thì là chẳng tương ứng!”

***(Kinh) Viễn ly ác hữu, tức thế ngữ ngôn.***

**(經)遠離惡友，息世語言。**

***(Kinh: Xa lìa bạn ác, dứt bật các ngôn từ thế gian).***

“*Ác hữu*” (Bạn ác) là kẻ dùng ngôn ngữ thế tục để bầu bạn, xâm hại lẫn nhau, ai nấy đều mê hoặc. Kẻ ăn nói thao thao, nhưng tâm trí phiền não, bộp chộp, thì chính là “*ác hữu*”; nhất định phải khéo xa lìa. Đó cũng là yêu thương, che chở đối phương, vì mọi người tụ lại, nói các chuyện thế tục, sẽ xâm đoạt lẫn nhau, khiến cho tâm trí mê hoặc. Tâm trí càng ngày càng khổ. Đó là bầu bạn với ác hữu!

Các vị thiện tri thức ơi! Phải nên thật sự hành trì pháp tắc! Hành pháp trong quá khứ, “*chỉ ngữ*” (止語, không nói chuyện) là quy định nhất định. Tới đạo tràng, ít nói năng, niệm Phật nhiều, có thể trao đổi về pháp tắc, đừng nói các ngôn luận thế tục, để khỏi chịu nhiều đau khổ, bị nhiều thương tổn! Càng nói nhiều, sẽ tạo ác càng nhiều, thương tổn càng to! Mai sau quý vị sám hối, quả thật khó thể sám trừ. Chẳng hạn như thốt ra một lời ác trước mặt mười người, dẫu đã sám hối trước chín người, khi chẳng sám hối đối với một người còn lại, ác nghiệp của quý vị vẫn

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

còn đó! Ác ngữ dễ tổn thương kẻ khác, dễ khiến cho kẻ khác xa cách, sợ sệt, do ác nghiệp sẽ tự phải hứng chịu [quả báo]. Một mình quý vị tạo ác nghiệp, làm thì đã làm rồi, quý vị tự làm, tự chịu, nhưng ác ngữ lưu truyền rộng khắp. Đó gọi là “*ác ngữ huân nhiễm*”, thương tổn mọi người, khó thể sám hối! Thốt ra một câu ác ngữ, nó sẽ được lan truyền rất rộng. Quý vị nói [câu ấy] rất khoái trá, nhưng sám trừ rất khó, vì kẻ nghe nói, kẻ truyền đạt, quý vị chẳng thể sám trừ với từng người được. Kẻ truyền đạt ác ngữ đông lắm, kẻ truyền đạt sự sám hối của quý vị ít ỏi, các Bồ Tát ơi! Vì thế, nhất định phải chú ý điều này!

*(Kinh) Tắc chư căn môn, sơ, trung, hậu dạ, giảm tổn thụy miên, bất tham y phục, ẩm thực, thang dược, đường, phòng, ốc vũ, sàng, tòa chúng cụ, hăng nhạo không nhân, trụ A Lan Nhã, bất ái kỷ thân, bất trọng ngã mạng, bất trước hình sắc, bất túng kỳ tâm.*

**(經)塞諸根門，初中後夜，減損睡眠，不貪衣服，飲食湯藥，堂房屋宇，牀座衆具，恆樂空閒，住阿蘭若，不愛己身，不重我命，不着形色，不縱其心。**

*(Kinh: Đóng lấp các căn, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, giảm bớt ngủ nghỉ, chẳng tham đắm y phục, thức ăn, thuốc men, tòa viện, nhà cửa, giường, tòa các vật, luôn thích thanh vắng, trụ trong A Lan Nhã, chẳng yêu mến thân mình, chẳng coi trọng mạng mình, chẳng chấp trước hình sắc, chẳng buông lung cái tâm).*

“*Bất trước hình sắc*” (Chẳng chấp trước hình sắc): Đừng nên tham đắm hình sắc của chính mình. Hình sắc của chúng ta rốt cuộc sẽ bị sanh, lão, bệnh, tử, rốt cuộc sẽ tan hoại, rốt cuộc là bất tịnh. Nhiều hữu tình tham đắm sắc tướng và sắc thân của chính mình. Hành pháp cũng thế, làm chuyện gì cũng thế, đều xoay chuyển quanh nó, xoay tới, xoay lui, chỉ rơi vào tà mạn, ngã chấp, khổ chẳng thể nói nổi. Đó gọi là “*dục đắc kỳ dung, phản thọ kỳ hại*” (muốn được hình dung đẹp đẽ, đắm ra mắc hại).

“*Bất túng kỳ tâm*” (Chẳng buông lung cái tâm): Đừng dung túng nghiệp tập (nghiệp chướng và tập khí) của chính mình. Hãy nên vâng theo pháp đề hành, đừng đắm nhiễm!

**(Kinh) Tu dĩ Từ tâm, huân dĩ bị hạnh.**

**(經)修以慈心，薰以悲行。**

*(Kinh: Dùng Từ tâm để tu, dùng bi hạnh để huân tập).*

Đừng coi các giáo ngôn ấy như lời nói suông, hãy biến chúng thành quang minh nơi tâm địa, thành âm thanh nơi tâm địa, thành cảm nhận nơi tâm địa, thành sự thuần thực nơi tâm địa, thủ hộ tâm địa của chính mình! Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có thể y giáo mà hành như thế. Lời ấy chẳng phải do đức Phật nói, mà là tâm địa nói. Chẳng phải do đức Phật dạy, mà là do tâm địa nẩy mầm, tâm địa thành thực. Các vị thiện tri thức ơi! Đừng coi đó là Phật nói. Nếu coi là Phật nói, đùn đẩy cho Phật, quý vị độ thoát sao được? Có liên quan gì đến quý vị đâu chứ? Nếu chẳng liên can gì đến quý vị, vậy thì quý vị ngồi ở đây để làm gì? Có ý nghĩa thực tế chi đâu? Do vậy, lời của chư Phật không gì chẳng phải là tiếng lòng của chúng sanh. Lời Phật dạy, không gì chẳng phải là quang minh chân thật trong tâm địa!

*(Kinh) Nhất thiết thời hỷ, thường hành xả tâm.*

**(經)一切時喜，常行舍心。**

*(Kinh: Vui mừng trong hết thấy mọi lúc, thường hành tâm xả).*

Hữu tình thời Mạt Pháp tham cầu các dục, ít chú trọng tịnh hạnh. Đây là sự hiển hiện do công nghiệp của chúng ta trong thời đại này, chẳng phải là lỗi của một ai. Quý vị cũng chẳng cần phải sợ hãi, vì hữu tình thời Mạt Pháp phước đức mỏng ít. Do đó, phải cậy vào vật tư, phải cậy vào hoàn cảnh, để khiến cho tự tâm được an lạc. Quả thật, [những thứ đó] chẳng đáng tin cậy, chẳng tương ứng! Trong quá khứ, hành pháp của tỳ-kheo là “ba y, một bát”, ít so đo những chuyện vật vãnh, an trụ trong pháp ích, trong các thứ tự tại thiện xảo, dùng các sức thần thông để rạng rỡ thế gian. Nhưng hiện thời, dùng đủ loại vật chất để “trang nghiêm chói lòa” thế gian: Hãy coi ta có bao nhiêu món đồ, có bao nhiêu của cải, có bao nhiêu căn nhà, bao nhiêu chiếc xe, có sự nghiệp gì, có thân thể trẻ trung chi đó, tướng mạo đẹp đẽ. Những thứ ấy vô dụng, chẳng có lợi ích thực tế, rốt cuộc chúng sẽ tan hoại, là vô thường, là nhân duyên tụ tập nhất thời, trọn chẳng phải là công đức an lạc to tát!

*(Kinh) Phá hoại phiền não, thành tựu chư Thiên.*

**(經)破壞煩惱，成就諸禪。**

*(Kinh: Phá hoại phiền não, thành tựu các môn Thiền).*

Thiện tri thức ơi! Chúng ta muốn đạt được công đức và lợi ích chân thật trong Phật pháp, nhưng các Thiền Định chẳng hiện tiền, đừng nên nói suông! Dầu chúng ta nói nhiều cách mấy, vẫn là ngày này qua ngày nọ như thế, luống uổng của tín thí, chẳng thể thâm nhập pháp tắc thiện xảo rộng lớn! Như thế thì có được hay chẳng? Được chứ! Nhưng sau đó, quý vị phải trả nợ! Trả nợ trong đời này, hoặc trả nợ trong đời khác. Đời đời kiếp kiếp nợ nần vô tận, khó sạch nợ được! Nay chúng ta thấy trâu, ngựa, lạc đà, lừa chở nặng; cát, đá, vôi vữa chúng nó đều phải chở. Ai chuyên chở? Cái tâm mắc nợ, tất nhiên phải trả nợ. Vì lẽ nào vậy? Mười phương tín thí mong cho chúng ta thành tựu đạo nghiệp, chọn lựa pháp tắc xuất thế, tạo thành phước điền thật sự thanh tịnh. Nguyện vọng tốt đẹp và công đức của tín thí đặt vào đấy, nếu chúng ta nhờ vào tín thí của kẻ khác để dưỡng dục tham, sân, si, mạn, nghi, và nghiệp lực của chính mình, tất nhiên sẽ là kẻ mắc nợ. Món nợ ấy là vì chẳng đảm đương cái nghiệp của tín thí vậy.

*(Kinh) U' trung tư duy, bất trước tư vị, quan sát sắc tướng, duy đắc không tâm, bất loạn chánh niệm.*

**(經)於中思惟，不着滋味，觀察色想，唯得空心，不亂正念。**

*(Kinh: Tư duy trong ấy, chẳng chấp trước mùi vị, quan sát sắc tướng, tâm chỉ là rỗng rang, chánh niệm chẳng loạn).*

Nếu chẳng nương theo các môn Thiền Định hoặc Niệm Phật để nhất tâm tu trì, các điều tư duy sẽ chẳng tương ứng. Có kẻ tư duy phiền não, có kẻ tư duy cố chấp, tức là cưỡng chấp cách nghĩ “ta luôn đúng”, “ta luôn chánh xác”. Có kẻ tư duy kiêu mạn, cho là chính mình có công đức. Do vậy, sẽ thuận theo công đức của chính mình mà quần quanh, lần quần, giống như con lừa đi lòng vòng kéo cối xay. Tuy đi rất đúng, bước nào cũng đều đúng, nhưng vĩnh viễn chẳng thoát khỏi cái vòng lần quần! Càng tự bào chữa, càng chịu khổ, chịu hại, chẳng thể sanh khởi lợi ích rộng lớn, tự xâm đoạt cái tâm của chính mình. Vì thế, chẳng thể chánh quán, chẳng thể như thật quán, chẳng thể như thật tư duy. Có các Bồ Tát tư duy hỗn loạn, tư duy cứng ngắc, tư duy hẹp hòi, tư duy tự phụ, rất

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đáng thương, giống như hữu tình mười phần ương bướng, ngu độn, ngồi xồm nơi góc tường, tự tung hô chính mình: “Ta luôn đúng”. Kẻ đó đối trước bức tường nói một vạn vạn năm, vẫn là “ta luôn đúng”, nhưng bất cứ hữu tình nào trong thế gian cũng đều chẳng đạt được lợi ích, đối với chính mình cũng chẳng có lợi ích!

Đối với những người hữu duyên hành pháp trong hiện tiền, hạng Bồ Tát như thế đặc biệt nhiều! Làm một tí sự tướng, liền tự cho là có công đức to đùng. Sau đây, đối trước góc tường, cũng là đối trước cái tâm của chính mình, tự mình mê muội, nói: “Ta luôn đúng! Ta làm chẳng ít chuyện”. Hằng ngày nghĩ tới chuyện ấy, nói ta làm được nhiều thứ lắm, hồi thí [công đức, phước đức cho người khác] ít ỏi, hoặc tự phụ về những thứ chết cứng! “Thứ chết cứng” là gì vậy? Vô ký, hôn trầm! Chẳng thể có thiện xảo tiến nhập Phật pháp, phần nhiều giữ lấy những thứ “*thiện xảo*” nhỏ nhặt! Còn Thường Tinh Tấn Bồ Tát từ các kiếp nhiều như cát sông Hằng đến nay thường tinh tấn, chẳng nghỉ ngơi! Ngài chẳng cho đó là công đức của chính mình, chỉ tán thán chư Phật gia bị. Nay chúng ta là bọn hữu tình căn cơ mỏng tanh, ít phước, đạt được một tí đã sướng ron, làm một tí đã nghĩ là được rồi, tự phụ chính mình đã chứng đắc. Kết quả là nhọc nhằn, bất an, hẹp hòi, yếu kém, chẳng thể phát khởi lợi ích rộng lớn. Đối với chuyện này, các vị thiện tri thức nhất định phải sốt sắng trừ khử tự ngã. Nếu chẳng trừ khử tự ngã, quý vị sẽ đối trước góc tường, tự phạt mình trong cái góc chết ấy! “Góc chết” gì vậy? Chính là giống như con lừa kéo cối xay vậy! Quý vị tự bịt mắt mình mà nói: “Ta đi đúng chóc, ta đi chánh xác”. Quý vị vĩnh viễn đi đúng lắm, nhưng vĩnh viễn chẳng đi ra khỏi cái vòng luân quần ấy! Vòng luân quần gì thế? Tự ngã! Tức cái vòng “tự cho chính mình là đúng”. Vòng càng tròn, quý vị càng chẳng thoát ra được! Đúng là rất đáng thương xót. Vì thế, người có mắt thanh tịnh trông thấy, hiểu biết, thương xót hạng hữu tình ấy. Loại hữu tình ấy thường là hai mắt bị bịt kín, chẳng thể tự thấy. Vì lẽ nào? Chẳng có con mắt trí huệ, chẳng có từ bi, chỉ vì mắt đã bị bịt kín bởi thói tự đại. Quả thật phải nên cảnh giác! Hiện thời, rất nhiều người hành pháp đã bị hạn chế, ước thúc ở chỗ này, đình trệ chẳng thể tiến lên được, hôn trầm, điều cử, vô ký, vô lực, chẳng còn tiến lên được nữa, chẳng có sức mạnh và nguyện vọng tăng tấn!

***(Kinh) Bất thủ chư Âm.***

**(經)不取諸陰。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

**(Kinh: Chẳng giữ lấy các Ám).**

Chẳng hạn như có người có thọ giác, cho đến có thần biến, có thiện xảo, mà cũng chấp lấy các cái nhân. Thật sự là chẳng có pháp nào để có thể đạt được, chỉ thẳng thừng tiến nhập, hành các pháp đạt được niềm vui, nhưng chẳng đắm nhiễm, chẳng vương bận, chớ nên quay lại! Hễ quay đầu lại, nói chung sẽ chẳng đạt được pháp ích. Những kẻ hành pháp mà lo trước ngại sau, sẽ giậm chân tại chỗ, hãy nên quở trách chính mình nặng nề, phải thoát khỏi chỗ ấy, muốn thoát khỏi chỗ ấy! Nếu chẳng thoát ra được, sẽ hãm nhập trong trạng thái nào đó. Năm này qua năm khác, ngày này qua ngày nọ như thế, thực tế là đọa trong giải đãi, chẳng hề hổ thẹn! Hiện thời, trong cơ chế chung quanh chúng ta, trạng thái như vậy khá phổ biến. Vì thế, siêng ròng, khích lệ sẽ là mười phần trọng yếu.

**(Kinh) Bất trước chư Nhập.**

**(經)不着諸入。**

**(Kinh: Chẳng chấp các Nhập).**

“Chư nhập”: Có mười hai Nhập pháp, hoặc có sáu Nhập pháp, đều có xuất xứ.

**(Kinh) Bất tư chư giới, bất tham sanh xứ.**

**(經)不思諸界，不貪生處。**

**(Kinh: Chẳng nghĩ các giới, chẳng tham chỗ sanh).**

Đối với tam hữu giới (tam giới), dù là trong Thiên Định, hay trong các pháp thiện ác, hoặc trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, chớ nên tham đắm các chỗ ấy. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng còn chớ nên tham đắm, các món Thiên Định mà còn chẳng thể tham đắm, huống hồ tham, sân, si, mạn, nghi ư? Huống hồ tri kiến bất chánh ư? Quý vị đắm chấp nơi đó, khổ và chẳng khổ, chính mình tự biết ngay!

**(Kinh) Điều phục mạn cao, bất đố tha tài.**

**(經)調伏慢高，不妒他財。**



**Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Điều phục tâm ngạo mạn, kiêu căng, không ghen ghét tài sản của kẻ khác).*

Quả thật, đây là chỗ người hành pháp trong thời đại này phải nên quan sát cận kề. Tôi đã gặp một vị Bồ Tát, là phụ nữ, sau ba mươi ngày hành pháp, rất mạnh mẽ. Từ ngàn dặm xa xôi tới đây, mười phần khiêm cung, lễ kính, thưa: “Bạch pháp sư! Con nghe đại danh của thầy đã lâu. Thầy tu pháp Ban Châu, chúng con từ chỗ X... đến tham bái thầy. Thầy có thể khai thị cho chúng con hay không?” Tôi thấy vị Bồ Tát ấy ăn nói khiêm nhường, trong tâm kiêu căng, bèn nói: “Thưa Bồ Tát! Quả thật tôi chẳng tu pháp Ban Châu, tôi niệm Phật một ngày một đêm thôi”. Vị Bồ Tát ấy đổi sắc mặt ngay lập tức, nói: “Ừ! Thầy chưa tu Ban Châu à?” Tôi đáp: “Quý vị cứ thông thả uống nước, chờ đôi chút. Ở đây chúng tôi có vị Bồ Tát Y... đã hành Ban Châu. Các vị có thể trao đổi với nhau”. Bà ta ngay lập tức lộ mặt liền, tâm trí gặp bậc tri thức và gặp phạm phu sai khác quá to! Vừa mới gặp thì thấy rất cung kính, thật ra, chẳng phải vậy! Trong tâm tràn ngập kiêu mạn. Sự kiêu mạn ấy được biểu hiện như thế nào? Do tri kiến tăng thượng của chính mình, trọn chẳng phải là thật sự đến cầu pháp, hoặc đến tiêu trừ ngạo mạn. Cuối cùng, tôi bảo bà ta: “Trước hết, bà hãy rót nước uống đi!” Vị Bồ Tát ấy nói: “Ừ! Thầy chẳng tu Ban Châu thì ngồi ở đây làm gì chớ?” Tôi đáp: “Mọi người cùng nhau học tập, cùng nhau thực hành Phật pháp!” Bà ta bắt đầu giáo huấn tôi, bảo thầy phải làm thế này thế nọ. Một là, hai là, ba là, bốn là... Chẳng thể nói bà ta kiêu căng, cao ngạo, bà ta cảm thấy gì? “Ta mạnh hơn người! Vì nhà người mới niệm một ngày một đêm, còn ta đã niệm ba mươi ngày rồi!” Nhưng lúc rời đi, bà ta bảo tôi: “Ồi trời ơi! Ban Châu khổ quá, tàn nhẫn quá!” Vì sao lọt vào tình trạng thân tâm bị bức bách, chẳng tăng trưởng pháp ích như thế? Do kiêu mạn!

Trong phòng tôi, có giữ một tấm hình lão hòa thượng Diệu Liên ở Đài Loan do người khác tặng. Chẳng biết Ngài bao nhiêu tuổi, hẳn là phải bảy tám mươi tuổi rồi, nhưng hề ai trông thấy bức hình ấy đều nói: “Đây là vị pháp sư nào vậy? Chắc ba bốn mươi tuổi?” Là vì trong suốt mười mấy năm, Ngài đều như một ngày mà hành Ban Châu, đạt được lợi ích và thiện xảo của hành pháp. Gần đây, tôi biết các vị hành Ban Châu, kể cả các vị lão nhân thường trụ trong các tự viện ở phương Nam, sau khi họ kinh hành Ban Châu, tuy đều đã bảy tám mươi tuổi, chín mươi tuổi, vẫn còn rất phong nhã, hào hoa, rất trẻ trung. Có các vị thiện tri thức, chúng tôi không dám nhắc đến, sợ thế tục kinh hãi. Có các vị thiện

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tri thức đích xác là trụ thế chẳng đời! Trước kia, tôi đã ở chung với một vị thiện tri thức. Có người từ nơi rất xa đến lễ kính vị ấy. Tôi nói: “Nếu mọi người yêu mến vị thiện tri thức này, hãy hỏi pháp với vị ấy cho nhiều, giảm bớt lễ kính. Lễ kính vị ấy nhiều quá, sợ rằng sẽ xui khiến vị ấy nảy sanh kiêu mạn. Xui khiến gì vậy? Tự cầu tăng thượng mạn, chẳng cầu pháp tắc”. Tăng thượng mạn là gì? Chẳng giải quyết vấn đề của chính mình thì gọi là tăng thượng mạn, chỉ tăng thêm kiến thức của chính mình, chẳng tăng thêm lợi ích cho chính mình. Lợi ích gì vậy? Lợi ích nơi pháp tắc, tức là tiêu trừ phiền não của chính mình, tiêu trừ nghi hoặc và chướng ngại nơi pháp tắc, chẳng phải là mong tăng thêm sự quen biết, khoe: “Tôi đã gặp vị nào đó”, “tôi đã lễ bái vị thầy nào đó”, chỉ tỏ tăng thêm kiêu mạn!

Có người hỏi: “Thầy đã gặp những vị thiện tri thức nào?” Tôi đáp: “Ai nấy đều là thiện tri thức”. Có những vị thật sự là bậc hành pháp thiện xảo rất chẳng thể nghĩ bàn trong thế gian, chúng tôi quả thật chẳng dám dễ dãi nói với người đời. Vì sao? Sẽ quấy nhiễu, xâm hại họ. Vì tâm địa của chúng ta hiện thời đã tự vun bồi sự kiêu mạn của chính mình quá nhiều, vun bồi danh phận của chính mình thì nhiều, mà giải quyết phiền não, nghiệp tập của chính mình thì ít, mười phần ít ỏi! Như thế đâm ra chẳng tương ứng. Rất nhiều vị Bồ Tát hành pháp đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, nhưng mười người thì có tới tám người do được kẻ khác đến cúng dường, tán thán, đề cao họ, kết quả là xong luôn! Bị chết tươi trong sự tán thán, ca ngợi ấy! Cũng có rất nhiều vị hành pháp có công đức và lợi ích đúng là rất chẳng thể nghĩ bàn, nhưng họ rất bình phàm. Cho nên tôi đặc biệt kính ngưỡng và quý mến loại thiện tri thức ấy!

Do đó, ở đây, [đức Thế Tôn] nêu ra “*điều phục cao mạn, bắt đổ tha tài*” (điều phục kiêu căng, ngạo mạn, chẳng ghen ghét của cải của người khác). Cái tâm đổ kỹ và tâm kiêu mạn là công nghiệp hiển hiện trong thời đại này. Các vị thiện tri thức ơi! Hành trì Ban Châu mà nếu chẳng sanh khởi sự chọn lựa và tùy thuận đối với pháp tắc tùy hỷ, sẽ khó thể hành trì Ban Châu! Vì cái tâm chẳng tịch tĩnh. Như thế thì quý vị sẽ ganh ghét hữu tình. Do cái tâm kiêu mạn, sẽ khiến cho chính mình nhiệt não, tâm trí chẳng đạt được cân bằng, chẳng thể thanh lương, chẳng tĩnh được, chẳng an ổn được. Chúng ta khéo tư duy, khéo quan sát, hãy nên khéo điều chỉnh, khéo xuất ly đối với công nghiệp trong thời đại này!

***(Kinh) Vị chư thế gian, đa tác nhiều ích.***

**(經) 爲諸世間，多作饒益。**

*(Kinh: Vì các thế gian, tạo nhiều lợi ích).*

Học tập kinh điển, thật sự là phân tích tự tâm, chẳng lìa ý niệm hiện tiền, chuyện trong hiện tại, người trong hiện tại. Chúng ta hãy như thật ẩn khế tự tâm có tương ứng với pháp tắc hay không? Có khế cơ, khế lý với Phật pháp hay chẳng? Có thể thật sự vận dụng mỗi niệm hiện tại của chính mình hay chẳng, khiến cho Phật pháp ẩn khế cuộc sống, cuộc sống ẩn khế tự tâm, tự tâm sẽ như Phật pháp tiếp nối trong thế gian, tiêu trừ lo ngại, lợi ích rộng rãi hữu tình hay không? Lợi ích và nội hàm thực chất của pháp Ban Châu đã được trần thuật khá nhiều trong một trăm hai mươi hai câu “vân hà”, ở đây, [đức Phật] lại chỉ dạy tổng quát, nhằm khiến cho hữu tình phát khởi ý nguyện ưa thích tu trì đối với hành pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội, cũng như nhận thức công đức này.

*(Kinh) Ư chư chúng sanh, khởi bình đẳng tâm.*

**(經) 於諸衆生，起平等心。**

*(Kinh: Khởi tâm bình đẳng đối với chúng sanh).*

Công đức sanh khởi từ cái tâm bình đẳng ắt có thể lợi ích rộng rãi các thế gian. Hết thấy hữu tình đều do mê muội tâm trí bình đẳng, cho nên dấy lên sự phân biệt cao, thấp, lấy, bỏ, tri kiến phàm thánh khác biệt, nhuôm bản tự tâm, khuất lấp tự tâm, phần nhiều đánh mất sự an trụ trong an lạc thanh tịnh, tạo thành sự nguy hại lẫn nhau, tức là bị phân biệt và chấp trước não loạn, mê hoặc. Sanh khởi tâm trí bình đẳng, tức là đối trước hết thấy các tướng sai biệt của hết thấy chúng sanh, bèn thủ hộ bình đẳng như thật, ban cho chúng sanh công đức thiện xảo chân thật. Tiếp đó, đức Thế Tôn nêu ra các thí dụ.

*(Kinh) Hựu ư chúng sanh, sanh phụ mẫu tưởng.*

**(經) 又於衆生，生父母想。**

*(Kinh: Lại sanh ý tưởng coi chúng sanh như cha mẹ).*

Hết thấy chư Phật Như Lai tưởng hết thấy hữu tình như cha mẹ, cảm ơn cuộc sống, cảm ơn mỗi niệm hiện tiền, cảm ơn hết thấy hữu

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

duyên; điều này chân thật, chẳng giả. Vì sao? Do thấu triệt cội nguồn, liễu giải tự tâm chẳng khác. Trong cuộc sống bình phàm, trong sự cảm nhận của chúng ta, nếu dựa theo phàm tình, nếu dựa theo nghiệp tập, nếu dựa theo tri kiến phân biệt, thường là chẳng thể sanh khởi tâm trí cảm ơn hết thầy chúng sanh, nhưng ở đây chư Phật Như Lai lựa chọn, đối với hết thầy hữu tình, “*sanh phụ mẫu tướng*” (sanh ý tưởng coi như cha mẹ). “*Sanh tướng*” tức là khởi ý niệm nghĩ như thế, hay là như thật mà tướng? Nếu dựa theo sự kiện từ vô lượng kiếp tới nay, đời đời kiếp kiếp luân hồi; như thế thì “*hết thầy hữu tình đều là cha mẹ lẫn nhau*” chính là lời thành thật. Nếu xét theo đời này, đời kia, nhiều đời, thì ở đây sẽ là nói theo sự tướng tượng, nói thí dụ, nói giả thiết, có thể khiến cho chúng sanh rất ráo an lạc. Thiết lập như thế sẽ có thể khiến cho chúng sanh đạt được an lạc rất ráo và thủ hộ tâm trí bình đẳng, báo đáp ân đức của hết thầy hữu tình như cha mẹ.

Do vậy, chư Phật Như Lai là người tri ân, người báo ân, thực hành ân đức, cho nên nói “*trọn đủ ân đức*”. Tam đức<sup>55</sup> trong công đức thù thắng trụ thế của chư Phật Như Lai, ân đức trọn đủ nhất. Khi tiếp xúc hết thầy hữu tình, đều chẳng bỏ lỡ thời cơ ban bố lợi ích chân thật cho chúng sanh, hồng báo ân chúng sanh. Vì sao vậy? Chư Phật Như Lai coi hết thầy chúng sanh như cha mẹ từ vô thủy đến nay, dùng nhân duyên ấy để báo đáp ân dưỡng dục lẫn nhau.

***(Kinh) Diệc u chúng sanh, sở tác nhất tử tâm.***

***(經)亦於衆生，所作一子心。***

***(Kinh: Tâm cũng coi chúng sanh như con một).***

Trong nhất tâm như thế, tôn trọng hết thầy, lợi lạc rộng rãi hết thầy hữu tình. Trong tâm trí phàm phu, do thường dùng sức biện định, nhận biết từ nghiệp tập để xem xét, sẽ cho chuyện này là lời lẽ quá lớn, hoặc ăn nói lớn lối, hoặc lời lẽ chẳng tương ứng, là lời lẽ khoa trương sự cao mình. Thật ra, chẳng phải vậy! Chư Phật Như Lai Thế Tôn đã chọn lựa như thế. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, nếu thuận theo cách suy nghĩ và nhìn nhận của chư Phật Như Lai để tư duy, nhìn nhận, thuận theo tri kiến của chư Phật để hiểu biết, thuận theo nhận thức của chư

---

<sup>55</sup> Tam đức là ân đức, trí đức, và đoan đức.

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Phật để nhận thức, dẫu tùy thuận trong khoảng sát-na, sẽ đạt được sự gia trì chẳng thể nghĩ bàn và sự biến đổi nơi tâm trí, ấn khế tâm trí.

Ở đây, cũng có thể coi là sự giả thiết, quý vị chẳng ngại thử xem, chẳng ngại quan sát, chẳng ngại vận dụng. Chỗ “chẳng ngại” tức là chỗ ấn tâm. Do đó, tiếp xúc, va chạm, in vào, quý vị sẽ liễu đạt “*tự tâm, Phật tâm, chúng sanh tâm, cả ba chẳng sai biệt*”.

Vì lẽ nào? Tự tâm, Phật tâm, chúng sanh tâm, tâm nào cũng đều vốn là nhất tâm, nhưng sử dụng hư vọng, sử dụng chánh đáng, sử dụng phân biệt, sử dụng viên mãn, sử dụng sai biệt, sử dụng tà vạy, sử dụng chân thật, sử dụng rốt ráo, mỗi cách dùng khác biệt. “*Khác biệt*” là vì chấp trước. Chư Phật Như Lai đã sớm nhận biết diệu dụng chân thật vô sai biệt, cho nên dùng cái tâm bình đẳng để lợi ích rộng khắp hết thảy chúng sanh.

*(Kinh) Nhất thiết pháp trung, vô hữu tranh tương.*

**(經)一切法中，無有爭想。**

*(Kinh: Trong hết thảy các pháp, chẳng có ý tưởng tranh chấp).*

Trong kinh điển, đức Thế Tôn đã dạy “*pháp này bình đẳng, pháp chẳng cao thấp*”. Chư Phật Như Lai ban bố các lời dạy, khiến cho hết thảy chúng sanh thấy thấu suốt hiện duyên như mộng, như huyễn, chẳng có thực chất, nhưng tự tánh trọn đủ các loại tác nghiệp có diệu dụng duy trì liên tục. Chúng sanh do nhận thức hư vọng, ngõ tưởng của nghiệp lưu là Ngã. Chư Phật Như Lai dùng các thứ tác dụng duy trì tiếp nối của bi trí và nguyện lực để lợi ích chúng sanh rộng rãi, nhưng chẳng có Ngã để có thể đạt được. Do đó, đạt được tự tại vô tránh, nhập Vô Tránh tam-muội để rộng lợi ích thế gian.

*(Kinh) Tuy niệm trì giới, nhi bất chấp trước.*

**(經)雖念持戒，而不執着。**

*(Kinh: Tuy nghĩ đến trì giới, nhưng chẳng chấp trước).*

Tâm trí của chư Phật Như Lai rộng lớn viên mãn rốt ráo. Hết thảy những người hành pháp cũng nên như thế, tức là trì giới mà chẳng chấp trước, tạo lợi ích cho hữu tình trọn khắp, nhưng thật sự chẳng có chúng sanh để tạo lợi ích. Đấy chính là khuôn phép và lợi ích của tâm trí bình

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

đăng trong cái tâm chẳng đắm nhiễm. Nếu người trì giới cho rằng chính mình thật sự trì giới, thì sẽ là phạm giới. Vì sao? Do tâm trí bị ô nhiễm, do tâm trí có cao, thấp, do có tướng ta, tướng người, kẻ đó sẽ trầm luân trong sanh tử mê muội, trong Ngã Kiến và Ngã Chấp.

*(Kinh) Thường tại Thiên Định, diệt vô đam nhiễm.*

**(經)常在禪定，亦無耽染。**

*(Kinh: Thường ở trong Thiên Định mà cũng chẳng đắm nhiễm).*

Phần văn tự dưới đây diễn tả sự thủ hộ vi tế và vô tạo tác đối với pháp tắc này. Nếu hơi có tạo tác, chắc chắn sẽ đắm nhiễm.

*(Kinh) Hảo nhạo đa văn, bất khởi phân biệt.*

**(經)好樂多聞，不起分別。**

*(Kinh: Ưa thích đa văn, chẳng dấy lên phân biệt).*

Tức là thanh tịnh vui sướng tiếp nhận đa văn, rộng tu tập các pháp, chẳng sanh tâm ngạo mạn. Hữu tình thời Mật Pháp phân nhiều trái nghịch đạo. Do vậy, chúng ta dùng kinh điển để gột rửa trần cấu nơi thân tâm của chính mình, ưa thích đa văn, nhưng chẳng kiêu mạn. Điều này rất trọng yếu. Nếu chẳng như thế, chúng ta sẽ sanh đắm nhiễm. Đối với các văn tự ấy, chúng ta có thể dùng để đối chiếu với tâm niệm hiện tiền của chính mình, đối chiếu với nghiệp do chính mình tạo tác trong hiện tiền. Đừng nghĩ tưởng chi khác. Chúng ta chớ đếm của báu giùm kẻ khác, cũng chẳng đem Phật pháp đùn đẩy cho người khác. Nếu đùn đẩy cho họ, nói chung là chẳng thể khế nhập, nói chung là chẳng khởi tác dụng, nói chung là chẳng liên can! Bánh vẽ nói chung chẳng thể no lòng, chẳng có cơ hội dung nhập.

*(Kinh) Giới tụ bất khuyết.*

**(經)戒聚不缺。**

*(Kinh: Giới tụ chẳng khuyết).*

“Giới tụ” là ba tụ giới, tức là Oai Nghi Giới, Thiện Pháp Giới, và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới. “Giới tụ bất khuyết” tức là trong ba giới tụ, chẳng hề bỏ sót giới nào. Trong nhận thức thông thường của chúng ta đối với giới pháp, ai nấy có cách gìn giữ khác biệt. Nếu là Thanh Văn

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

giới tụ thì chú trọng oai nghi. Nếu là Bồ Tát giới tụ thì chú trọng thiện pháp. Nếu đối với giáo ngôn vô thượng thừa thì chú trọng nhiều hơn nơi Nhiều Ích Hữu Tình. Chọn lựa như thế, trong ba giới tụ, chẳng có khiếm khuyết, chẳng phạm, chẳng nghi ngờ, chẳng báng bỏ lẫn nhau! “*Khuyết phạm*” là sanh khởi lăm nghi báng, vì tam tụ tịnh giới đều có chỗ dung thông. Kẻ phạm phụ xứng bậy chê trách. Có kẻ khi trì giới Thanh Văn thì bèn phạm giới Bồ Tát, khi trì giới Bồ Tát lại phạm giới Thanh Văn. Ở đây, [*“bất khuyết”*] là chẳng có chỗ nào sai phạm; nhưng vì lợi ích hữu tình, chỉ vì dùng oai nghi trụ thế, [cho nên] đều có thể trì giới, chẳng phạm. Hễ phạm bèn sám, [hễ đã sám trừ thanh tịnh thì] cũng là chẳng phạm, cũng có lợi ích, cũng thanh tịnh!

***(Kinh) Định tụ bất động.***

**(經)定聚不動。**

***(Kinh: Định tụ bất động).***

Trong các thứ pháp tắc Thiên Định thuộc về Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên, hữu tình thâm nhập pháp vị của Thiên pháp, vượt khỏi tất cả các đắm nhiễm của bọn hữu tình chúng ta trong Dục Giới, có sức tự tại đối với Sắc Giới. Tức là đối với thế gian thuộc Sắc Giới, phần nhiều được du hý tự tại, trang nghiêm tự tâm. “*Định tụ bất động*” có nghĩa là trong các môn Định cũng chẳng bị đắm nhiễm. Nói “*bất động*” tức là chẳng ra ngoài giới này, chẳng vào giới kia, chỉ trụ trong niềm vui sướng của pháp vị.

***(Kinh) Trí tụ bất vọng.***

**(經)智聚不妄。**

***(Kinh: Trí tụ chẳng vọng).***

Thông thường, Trí được quy nạp theo ba cách nói: Chư Phật đích thân chứng Nhất Thiết Chủng Trí, chư đại A La Hán đích thân chứng Nhất Thiết Trí, chư Bồ Tát phương tiện vận dụng Đạo Chủng Trí. Trong ba trí ấy, chớ nên làm loạn. Chẳng hạn như trong Nhất Thiết Trí, dùng Tổng Tướng để thấy, nhưng chẳng diệt mất trí phân biệt, [trí phân biệt] tức là Đạo Chủng Trí. Tâm trí an lạc như thế. Có kẻ dễ mê mất tự tâm nơi sự tướng, hư vọng sanh phân biệt, nói cao, nói thấp. Thật ra, Tổng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tướng và Biệt Tướng nói chung đều là tướng danh tự, chứ tâm trí chẳng khác, đều lưu xuất từ Như Lai Tạng Tánh, đều trọn đủ trang nghiêm. Mỗi trí đều là nói phương tiện.

***(Kinh) Chư pháp vô nghi.***

**(經)諸法無疑。**

***(Kinh: Chẳng nghi ngờ các pháp).***

Chúng ta tu tập Phật pháp, có ngờ vực hay không? Có chướng ngại hay không?

***(Kinh) Bất bối chư Phật.***

**(經)不背諸佛。**

***(Kinh: Chẳng trái nghịch chư Phật).***

Chư Phật Như Lai ban bố giáo ngôn rộng lớn, tám vạn bốn ngàn pháp tắc để đối ứng tám vạn bốn ngàn tâm trí của chúng sanh, mà cũng là đối trị tám vạn bốn ngàn loại chấp trước. Những điều này đều là danh từ, danh tướng. Các danh từ ấy nói thật ra, đều chẳng phải là thật sự có, cũng chẳng phải là cụ thể, nhưng nói thí dụ giả thiết. “*Tám vạn bốn ngàn*” nhằm biểu thị vô cùng, mà cũng có thể biểu đạt một niệm hiện tiền của chúng ta.

***(Kinh) Bất báng chánh pháp.***

**(經)不謗正法。**

***(Kinh: Chẳng phỉ báng chánh pháp).***

Thời đại Mạt Pháp, lắm kẻ báng pháp, vì sao? Do tâm trí ô nhiễm, xằng bậy tự phân biệt, lấy bỏ, xằng bậy tự cho là “đúng, sai”, diệt mất chánh kiến!

***(Kinh) Bất hoại chúng Tăng.***

**(經)不壞衆僧。**

***(Kinh: Chẳng phá hoại chư Tăng).***



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

“*Bất hoại chúng Tăng*” là hòa hợp với thế gian, chẳng cho chính mình là đúng, chẳng chê người khác sai bét. Vì sao phải thủ hộ như thế? Hòa hợp với thế gian, gánh vác cái nghiệp của chúng sanh. Dành chuyện tốt cho người khác, tự mình nhận lấy chuyện tệ ác, khen ngợi thiện đức của kẻ khác, sám hối làm lỗi của kẻ khác. Do vậy, chánh hạnh của Bồ Tát có thể khiến cho Tăng chúng hưng thịnh trong đạo tràng của thế gian.

*(Kinh) Bất háo quai ly.*

**(經)不好乖離。**

*(Kinh: Chẳng thích chống trái).*

“*Chống trái*” thì sẽ ruồng bỏ thiện duyên, phần nhiều sẽ trái nghịch đạo, buông lung pháp tắc.

*(Kinh) Thân cận chúng thánh, viễn ly ngu si.*

**(經)親近衆聖，遠離愚癡。**

*(Kinh: Thân cận chư thánh, xa lìa ngu si).*

Thường thân cận thiện tri thức, sẽ đạt được nhiều diệu dụng. Thường ở chung với kẻ ngu, sẽ mê mất tự tâm. Vì sao? Kẻ mê hướng dẫn kẻ mê, kẻ mù dắt dẫn người mù, ai nấy ví như kẻ mù sờ voi, tranh cãi với nhau, nhưng chẳng chính mắt trông thấy! Bậc trí, bậc thánh có thể hướng dẫn chúng ta, mở mang mắt ta, xa lìa ngu si, mở con mắt trí huệ, khiến cho chúng ta trông thấy toàn bộ con voi, ngay lập tức trọn đủ. Người đời tham cầu Phật pháp, cũng giống như kẻ mù sờ voi, chạm được một tí ti đã tự phụ, cứ nghĩ mình đúng. Kết quả, đánh mất toàn thể, chẳng đạt được công đức chân thật trong Phật pháp.

*(Kinh) Bất chí cầu xuất thế. Tuy văn ngữ ngôn, ý bất nhạo thính, diệc bất đam trước thế gian lục vị.*

**(經)不志求出世。雖聞語言，意不樂聽，亦不耽著世間六味。**

*(Kinh: Chí chẳng mong cầu xuất thế. Tuy nghe ngôn ngữ, ý chẳng chuộng nghe, cũng chẳng đắm nhiễm sáu vị của thế gian).*

Chẳng cầu xuất thế, mà chẳng nhập thế. Đó là phương tiện của định tâm, là phương tiện chẳng đắm nhiễm. Đó gọi là sức công đức trí huệ chân thật chẳng đắm nhiễm. Chẳng xuất thế, chẳng nhập thế, chẳng vào sanh tử, cũng chẳng chấp Niết Bàn, chẳng nhập phiền não, cũng chẳng chứng Bồ Đề, chân thật an trụ, trí huệ quang minh. Đây là thiện xảo để huân tập pháp ngũ giải thoát<sup>56</sup>.

*(Kinh) Tập cận huân tu, ngũ giải thoát pháp.*

**(經) 習近薰修, 五解脫法。**

*(Kinh: Tu tập thân cận, huân tu năm pháp giải thoát).*

Giải thoát và giải thoát tri kiến là do dùng Giới, Định, Huệ để thanh tịnh an lập. Chúng ta học tập Phật pháp, nếu chẳng tùy thuận năm pháp giải thoát, cũng như ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, sẽ khó thể tiên nhập.

*(Kinh) Trừ diệt Thập Ác, niệm tu Thập Thiện.*

**(經) 除滅十惡, 念修十善。**

*(Kinh: Trừ diệt Thập Ác, niệm tu Thập Thiện).*

Cái gọi là Thập Ác chính là giết, trộm, tà dâm, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, tham, sân, si. Thập Thiện thì tương phản, không giết, không trộm, không tà dâm, không ác khẩu, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói đôi chiều, không tham, không sân, không si. Những điều này thật sự là chỗ an ổn vui sướng cho cả thế gian lẫn xuất thế gian. Vì sao có thể nói thiện pháp là chỗ vui sướng? Xuất thế gian có thể vui với thiện pháp bằng cách nào? Chúng ta đều biết, trong Tục Đế có nói “do Ngũ Giới, Thập Thiện, sẽ sanh trong thiện đạo”. Nhìn từ đó, Thập Thiện và Thập Ác có thiện xảo xuất thế như thế nào? Chính là nói bốn tướng của hai Đế (Chân Đế và Tục Đế) dung thông, chỉ

---

<sup>56</sup> Ngũ giải thoát còn gọi là Ngũ Phần Pháp Thân (Pañca-dharma-skandhāḥ). Đó là năm pháp công đức (Guṇa-dharma) để thành tựu Pháp Thân của chư Phật, gồm Giới (Śīla), Định (Samadhi), Huệ (Prajñā, Bát Nhã), Giải Thoát (Vimukti), và Giải Thoát Tri Kiến (Vimukti-jñāna-darsana, tức là khéo thông đạt giải thoát, đúng như thật liễu tri phiền não, đoạn trừ phiền não).

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

là nói hư giả. Trong các thứ khổ, kẻ ngu hứng chịu, thánh nhân cũng hứng chịu, nhưng thánh nhân từ trong khổ mà đắc lạc. Lạc gì vậy? Ở trong khổ mà được giải thoát, ở trong khổ mà thành tựu Bồ Đề, nhưng chúng sanh khổ nạn bị Khổ Khổ bức bách, Khổ Khổ tiếp nối, mê muội trong khổ. Vì thế, chẳng được giải thoát. Do đó, khổ cũng là thiện xảo để xuất thế. Trong mười thiện pháp, cũng giống như thế. Pháp tắc Thập Thiện và Thập Ác chính là cơ sở an ổn trong cuộc đời. Khi nào mất đi cơ sở ấy, sẽ bị nhiều nỗi khổ sở bức bách, tăng thêm nhiều nguồn khổ. Bậc trí nương vào Khổ Khổ mà xuất ly, kẻ ngu nương theo Khổ Khổ mà trầm luân. Do vậy, trong khổ tất nhiên là khổ tướng, trong lạc tất nhiên là lạc tướng. Đó là chuyện tất nhiên, tức là Thọ thì chẳng thể thay thế. Các vị đại thánh, bậc trí, và bậc thiện xảo dạo chơi tự tại trong các khổ và lạc, diệu dụng ở chỗ này. Phàm nhân sẽ trầm luân ở nơi đây chẳng nghĩ, chẳng thể tự thoát ra được, như thế mà thôi!

***(Kinh) Đoạn diệt chúng sanh cứu chúng nã xứ.***

**(經)斷滅衆生九種惱處。**

***(Kinh: Đoạn diệt chín chỗ nã hại cho chúng sanh).***

Chín chỗ khổ nã là nhân duyên trong quá khứ của đức Thế Tôn. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật do nương vào sự nhiếp thọ của năm trăm lời nguyện, mới có thể thành Phật trong đời ác ngũ trược này, nhưng vẫn thị hiện chín loại nã hại.

1) Sáu năm khổ hạnh: Đức Thế Tôn bỏ trời Đâu Suất, giáng sanh trong vương cung, bỏ ngôi vị xuất gia, sáu năm khổ hạnh. Sáu năm khổ hạnh thật sự là khổ sở; đó là sự khổ nã thứ nhất. Vì sao có sự khổ nã này? Đức Phật nói: - Xưa kia, có hai thiếu niên, một người tên là Hỏa Man thuộc dòng Bà La Môn. Người kia tên là Hộ Hỷ, là con của thợ ngỗng, tức con trai của thợ nề. Hộ Hỷ rủ Hỏa Man cùng đến gặp Ca Diếp Như Lai. Chúng ta đều biết Ca Diếp Như Lai (Kāśyapa) là đức Thế Tôn thứ ba trong Hiền Kiếp. Bốn vị Phật trong Hiền Kiếp lần lượt là Câu Lưu Tôn (Krakucchanda), Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni), Ca Diếp, và Thích Ca Văn (Shakyamuni, Thích Ca Mâu Ni Phật). Khi Ca Diếp Phật xuất thế, con người thọ hai vạn tuổi. “Hỏa Man viết: - Hà dụng kiến thử thốc đầu đạo nhân? Hộ Hỷ cưỡng chi tái tam, thử cộng kiến Ca Diếp Như Lai. Hỏa Man kiến Phật tướng hảo, tâm sanh hoan hỷ, xuất gia học đạo. Phật ngôn: - Thời Hỏa Man giả ngã thân thị. Dĩ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*báng Phật nhân duyên, thọ khổ vô lượng. Kim lâm thành Phật, dư ương vị tận, phục thọ lục niên khổ hạnh”* (Hỏa Man nói: “Đến gặp đạo nhân trợ cầu ấy để làm gì?” Hộ Hỷ cưỡng ép đòi ba lượt, [Hỏa Man] mới cùng [Hộ Hỷ] đến gặp Ca Diếp Như Lai. Hỏa Man thấy tướng hảo của Phật, tâm sanh hoan hỷ, xuất gia học đạo. Đức Phật nói: “Hỏa Man khi ấy chính là thân ta. Do nhân duyên báng Phật, chịu khổ vô lượng. Nay sắp thành Phật, dư ương chưa hết, lại chịu sáu năm khổ hạnh”). Đó là nguyên do của sáu năm khổ hạnh, là điều khổ não thứ nhất.

Đức Thế Tôn tu hành, muốn khiến cho tất cả các Phật tử hữu duyên miễn trừ chín điều khổ não. Hiện thời có các hữu tình nói: “Thích Ca Mâu Ni Phật hứng chịu bao nhiêu khổ sở, chúng ta cũng hứng chịu bao nhiêu khổ sở!” Đây chẳng phải là nguyện lực xuất thế của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng phải là công đức xuất thế thực tế của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Nêu một tỷ dụ dễ hiểu. Ví như cha mẹ trong thế gian sanh nở con cái, muốn cho đứa con của chính mình tránh khỏi những nỗi khổ mà chính mình đã hứng chịu, bèn siêng năng, nhọc nhằn làm việc, kiến lập gia nghiệp. Chư Phật Như Lai cũng giống như thế, coi hết thấy hữu tình hữu duyên như con một, dùng tất cả phước đức, công đức, nhân duyên của chính mình để nhiếp thọ, thủ hộ đứa con một ấy, khiến cho nó lìa khỏi nỗi khổ ấy. Do đó, chư Phật Như Lai vì diệt trừ hết thấy khổ não cho chúng sanh nên xuất thế, tức là [diệt trừ] khổ não luân hồi, khổ não “sanh, lão, bệnh, tử”, khổ não vì Phần Đoạn Tử và Biến Dịch Tử, để rốt cuộc tiến nhập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hỏa Man do một lời báng bỏ Ca Diếp Phật mà chịu vất vả sáu năm. Đức Phật Thích Ca nói ra duyên khởi ấy, đúng là muốn khiến cho các hữu tình hữu duyên tránh khỏi nỗi khổ sáu năm ấy.

Tôi tới một tùng lâm, có người bảo tôi: “Thế Tôn làm gương cho chúng ta để chúng ta khổ tu”. Tôi đáp: “Đức Thế Tôn bố thí giải thoát cho chúng ta, bố thí Giới, Định, Huệ, bố thí trí huệ và từ bi để chúng ta xa lìa khổ não”. Rốt cuộc giáo ngôn ấy có phải là như thế hay không? Chúng ta hãy xem sự liên tục trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, sẽ thấy: Thật ra, sáu năm khổ hạnh chính là do đức Phật phương tiện thị hiện, chẳng phải là Ngài thật sự thọ báo. Tuy là như thế, khó tránh khỏi báo ấy, nhưng các vị đại Bồ Tát do nương vào công đức rất sâu bèn thấy đức Phật nhập định suốt sáu năm, chẳng có chuyện khổ. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, đã ở trong thế gian này tám ngàn lần, qua lại thế gian này độ thoát hữu tình hữu duyên, độ thoát hữu tình có phước đức nhân duyên chín muôi. Nếu [hữu tình nào] phước đức

### ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhân duyên chưa chín muồi, đức Thế Tôn chẳng thể độ thoát, chỉ tạo các thứ phương tiện gia trì cho tới thành thực thiện căn.

2) Hai là dâm nữ Tôn Đà Lợi (Sundarī) báng Phật. Đây là loại khổ não thứ hai. Đức Phật nói: - Xưa kia có người cờ bạc tên là Tịnh Nhãn, có dâm nữ tên là Lộc Tướng. Tịnh Nhãn dụ Lộc Tướng ra ngoài thành vui chơi. Khi đó, có vị Bích Chi Phật tu đạo trong rừng. Tịnh Nhãn giết chết Lộc Tướng, vu cáo Bích Chi Phật, đến nỗi Bích Chi Phật [bị bắt và bị tra khảo] gần chết. Sau đó, lương tâm của Tịnh Nhãn nổi dậy, liền tự nhận tội. Quốc vương giết chết Tịnh Nhãn. Đức Phật nói: “Tịnh Nhãn khi ấy chính là thân ta, còn Lộc Tướng là Tôn Đà Lợi. Ta do nhân duyên ấy, chịu vô lượng khổ. Nay tuy thành Phật, do dư ương ấy, vẫn bị kẻ nữ phỉ báng”. Đó là nói do từ vô lượng kiếp tới nay, do giết Lộc Tướng và vu báng Bích Chi Phật, do hai pháp ấy mà chịu vô lượng khổ. Khi đã thành Phật, vẫn thị hiện hứng chịu dư ương “bị nữ nhân phỉ báng”. Chư Phật Như Lai do mười tám pháp Bất Cộng, biết hết thấy chuyện quá khứ, vị lai, thấu suốt triệt để. Do vậy, trong Tam Minh và Tứ Trí có Lưu Tận Minh, Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh, có thể biết thấu đáo hết thấy, nhìn thấy hết thấy rõ ràng chẳng chướng ngại.

3) Bị cái giáo gỗ đâm vào chân. Đức Phật nói: - Xưa kia có hai người thủ lãnh các lái buôn vào trong biển thu nhật chất báu. Về sau, do nước lụt, tranh giành thuyền, chiến đấu với nhau. Người thủ lãnh thứ hai cầm mâu đâm người thứ nhất bị thương, người ấy liền mạng chung. Đức Phật bảo: “Người thủ lãnh lái buôn thứ hai khi đó chính là thân ta, còn người thủ lãnh lái buôn thứ nhất là Đề Bà Đạt Đa. Do nhân duyên ấy, hứng chịu các khổ báo. Nay tuy được thành Phật, nhưng do tàn duyên ấy, vẫn bị cái giáo gỗ đâm vào chân”. Đây là nhân duyên khiến cho đức Thế Tôn bị thương ở chân tại núi Linh Thứu (Gr̥dhrakūṭa, núi Kỳ Xà Quật). Chúng ta đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong thế giới Sa Bà, tuy thị hiện ứng hóa thân, vẫn đạt được sức vô ngại, vì có gì mà hứng chịu sự suy não này? Thật ra là khiến cho dư ương hiển nhiên trong thế gian, ngõ hầu chúng sanh được thấy, được nghe, cho đến biết chư Phật cũng có nhân quả tiếp nối. Do đó, có thể yêu mến Tu Đức, xa lìa nỗi kiêu mạn tầm thường. Nếu không, hết thấy phạm phu hữu tình sẽ đều chửi bới Như Lai: “Chư Phật Như Lai các ông là kẻ hóa hiện, là người biến hóa, chẳng phải là người thật sự, không cha, không mẹ”. Do vậy, họ sẽ đọa địa ngục, oan uổng hứng chịu nỗi khổ ấy, chẳng có cơ hội thân cận [Phật]!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Đây là điều khổ não thứ ba trong chín loại khổ não. Vì sao ở đây nói tới chín điều khổ não ấy? Đoạn chín điều khổ não cho chúng ta chính là nhân duyên xuất thế của đức Phật Thích Ca. Nếu chẳng như vậy, đức Phật Thích Ca xuất thế đúng là chẳng từ bi, đúng là chẳng có trí huệ. Nếu là bậc có trí, biết nghiệp của chúng sanh từ vô thủy tới nay, tuy có đủ loại khổ nghiệp, nhưng nương theo sự hồi thí của pháp tánh thanh tịnh, sẽ khiến cho chúng sanh trông thấy, trực tiếp thoát khỏi sự xâm hại của nghiệp lực. Như thế là cái tâm có trí huệ. Khiến cho chúng sanh chẳng hề lặp lại nỗi khổ hứng chịu nghiệp báo; điều đó được gọi là “*bi tâm*”. Nếu chẳng trọn đủ hai pháp Bi và Trí, Phật sẽ chẳng thể gọi là Phật. Chúng ta chớ nên dùng tâm trí của chính mình để suy lường Phật. Nếu Phật có thể suy lường được, sẽ chẳng gọi là Phật nữa!

4) Ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa. Đức Phật nói: “Xưa kia trong thời Tỷ Bà Diệp Như Lai cùng với các tỳ-kheo nhóm họp tại thành Bàn Đầu Ma Bạt. Vua Bàn Đầu cúng dường to lớn. Khi ấy, trong thành có Bà La Môn dẫn dắt năm trăm đứa bé trai, thấy Phật ứng cúng, đầy lòng ghen ty, nói: ‘Bọn sa-môn trọc đầu đáng phải nên ăn lúa mạch dành cho ngựa, chẳng nên ăn các món ngon lành’. Bà La Môn thuê đó chính là thân ta. Năm trăm đứa bé trai tức là năm trăm vị La Hán. Do nhân duyên ấy, chịu các khổ báo. Nay tuy đã thành Phật, do tàn duyên ấy, trong ba tháng An Cư, chẳng được cúng dường, chỉ ăn lúa mạch dành cho ngựa”. Bà Diệp Như Lai chẳng phải là vị Như Lai trong Hiền Kiếp, mà là vị Thế Tôn cuối cùng trong Trang Nghiêm Kiếp. Thích Ca Thế Tôn có quả báo ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa là vì có quốc vương nói: “Bạch Thế Tôn! Con sẽ dâng thực phẩm cúng dường trong ba tháng An Cư mùa Hạ”. Đức Thế Tôn im lặng [chấp thuận lời thỉnh]. Nhà vua ấy biết đức Thế Tôn đã đáp ứng tiếp nhận cúng dường trong ba tháng. Sau khi về cung, quên bẵng lời hứa ấy. Do đã chấp thuận [được nhà vua] cúng dường trong ba tháng ấy, [Tăng đoàn] chẳng có nhân duyên ứng cúng khác. Có kẻ lái buôn ngựa thấy đức Thế Tôn chẳng có ai cúng dường, bèn dùng lúa mạch dành cho ngựa ăn dâng cúng. Ngài A Nan sanh nghi, nói: “Đức Thế Tôn đã có thể thành thực, có thể thành tựu, có thể an trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì có gì lại chẳng có phước đức viên mãn?” Đức Thế Tôn bảo: “Đến đây!” Ngài A Nan bèn tiến đến. Đức Thế Tôn bảo: “Hãy lấy lúa mạch dành cho ngựa ăn”. Ngài A Nan liền bỏ lúa mạch dành cho ngựa ăn vào bát của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo A Nan ăn. A Nan liền ăn, suốt một tháng chẳng biết đói

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

khát, giống như uông cam lộ. Đây thật sự là công đức bí mật của chư Phật Như Lai.

Do đó, ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa, tuy là tướng khổ báo, nhưng thật ra là để khiến cho chúng sanh tăng thêm hiểu biết. Nếu chẳng hiểu biết, hữu tình trong thế gian sẽ cho rằng chẳng có nhân quả, mê mất cái tâm nhân quả, cho rằng chẳng có tự tánh, xằng bậy sanh Đoạn Diệt Kiến, hủy diệt pháp tắc thế gian, nầy sanh đại tà kiến, chịu khổ luân hồi. Vì tránh cho chúng sanh nầy sanh tà kiến, cho nên đức Thế Tôn vẫn giữ dư tập, dư báo, để khiến cho chúng sanh được trụ trong an lạc. Chúng ta thấy đức Thế Tôn còn có báo, tâm được an ổn. Quý vị đừng cho đó là hư giả. Nếu đức Thế Tôn chẳng thọ báo, quý vị sẽ chẳng có duyên để nắm nín, chẳng có pháp để thâm nhiếp, chẳng có gì để trao đổi, cho nên chín thứ khổ não này thật sự là do đức Phật đại bi trí huệ, thuận theo căn cơ mà thị hiện.

5) Vua Lưu Ly (Virūdhaka)<sup>57</sup> sát hại dòng họ Thích Ca. Đức Phật nói: - Xưa kia, tại thành La Duyệt (Rājagriha, Vương Xá), có thôn đánh cá. Nhằm lúc đói kém, trong thôn có cái ao nhiều cá, mọi người đều bắt cá ăn. Trong ao, có hai con cá [thủ lãnh], một tên là Phu, hai tên là Đa Thiệt, đều ôm lòng báo oán. Khi đó, có một đứa trẻ ở trên bờ, thấy cá nhảy lên, bèn dùng gậy đập đầu cá. Người ở La Duyệt thưở ấy nay là những người họ Thích. Con cá tên Phu nay là vua Lưu Ly. Cá Đa Thiệt nay là Phạm Chí Háo Khổ (ông ta xúi vua Lưu Ly giết dòng họ Thích Ca). Đứa nhỏ là thân ta. Do nhân duyên ấy, vua Lưu Ly giết họ Thích Ca, ta bị đau đầu. Đức Thế Tôn đập đầu cá ba lượt, về sau bị đau đầu ba

---

<sup>57</sup> Vua Lưu Ly gọi đầy đủ là Tỳ Lưu Ly, hoặc phiên âm là Tỳ Lô Trá Ca, là con trai của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) nước Kiều Tát La (Kosala, nay là vùng Awadh của tiểu bang Uttar Pradesh). Vua Ba Tư Nặc muốn cưới một công chúa của dòng họ Thích Ca. Nhưng dòng họ Thích Ca cao ngạo, cho là Ba Tư Nặc không xứng lấy công chúa của họ, bèn chọn một tỳ nữ xinh đẹp, nói dối cô ta là con gái của vương tử Ma Ha Nam, đặt tên là Phục Sa Bà Sát Ly (Vāsabhakhatiyā). Bà này trở thành vương phi, sanh hạ hoàng tử Tỳ Lưu Ly. Khi còn bé, Tỳ Lưu Ly về thăm quê ngoại ở thành Ca Tỳ La Vệ, bị người hầu của vương tộc Thích Ca khinh rẻ là con của kẻ hạ tiện. Tỳ Lưu Ly phẫn hận, thề sẽ báo thù. Lúc tròn hai mươi tuổi, Tỳ Lưu Ly đảo chánh, khiến vua cha phải lưu vong rồi chết nơi quê người. Ông ta giết chết anh ruột là thái tử Kỳ Đà (Jeta), tự lên ngôi vua. Sau khi ổn định tình hình trong nước, Tỳ Lưu Ly xua quân tấn công Ca Tỳ La Vệ, đức Phật ba lần xuất hiện ngăn trở, khiến Tỳ Lưu Ly phải rút quân. Lần cuối cùng, vẫn tiếp tục tấn công, tàn sát thành Ca Tỳ La Vệ. Sau đó, vua hoang dâm tử sắc, say rượu ngủ vùi bên sông, bị nước lụt cuốn trôi. Nước Kiều Tát La bị vua A Xà Thế nước Ma Kiệt Đà thôn tính, xóa tên trên bản đồ.

ngày. Vua Lưu Ly diệt dòng họ Thích Ca, đức Thế Tôn ngăn trở ba lần chẳng được. Đây là chỗ khổ não thứ năm. Chúng ta đừng cho rằng thật sự có quả báo này. Nếu đức Thế Tôn chẳng thị hiện như thế, dùng đại oai đức che chở dòng họ Thích Ca, khiến cho nhân quả ấy chẳng tiếp nối, tuy ai nấy đều được thoát lìa, nhưng Phật pháp sẽ bị diệt mất trong thế gian! Do vậy, tuy ngài Đại Mục Kiền Liên chẳng nở lòng thấy tội Thích Ca nhất thời bị diệt chủng, bèn chứa năm trăm người thuộc họ Thích Ca trong bát, ngõ hầu vua Lưu Ly chẳng thể sát hại họ. Sau khi vua Lưu Ly tàn sát thành trì, ngài Mục Kiền Liên đổ những người ấy từ bát ra. Kết quả là họ đều hóa thành máu loãng! Vì sao nhân quả tiếp nối như thế? Muốn cho hữu tình chưa thoát khỏi đời đời, sẽ sanh tri kiến quyết định. Tri kiến quyết định ấy hoàn toàn chẳng phải là nhân quả quyết định, mà là “*tin sâu nhân quả, chẳng làm lạc nhân quả*”. Chẳng làm lạc nhân quả, tiến hướng pháp tánh, trực tiếp thoát khỏi sanh tử. Nhưng nếu chẳng tin nhân quả, chúng sanh sẽ sanh tử không nơi nương tựa! Thậm chí thuyết pháp cũng chẳng có chỗ y cứ. Do vậy, đây là mấu chốt trong việc diệt trừ chín điều khổ não.

6) Khất thực, bát trống rỗng: Đức Phật từng vào làng xóm Bà La Môn khất thực mà chẳng được gì, ôm bát trống trở về. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi khất thực trong một thôn xóm Bà La Môn. Một ngày, hai ngày, ba ngày chẳng xin được thức ăn, ôm bát trống trở về. Có một tỳ-kheo tự bán cái bát, nói: “Đức Thế Tôn là đáng Nhất Thiết Trí, do lẽ nào mà chẳng có thức ăn? Tôi thà nguyện bán y bát để đổi lấy thức ăn, khiến cho đức Thế Tôn chẳng bị suy yếu, khổ não vì thức ăn!” Do đó, thầy ấy dâng một bát cơm cúng dường đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói: “Này tỳ-kheo! Ta chẳng tiêu nổi thức ăn này. Thầy hãy nên cúng dường thức ăn này lên cha mẹ thầy. Vì sao? Do cha mẹ sanh dưỡng thân thầy”. Vị tỳ-kheo ấy nói: “Đức Thế Tôn là đáng Nhất Thiết Trí, là đáng thủ hộ hết thảy các công đức, là trông mắt của trời, người, là đạo sư của trời, người, đầy đủ hết thảy các phước đức, lẽ nào chẳng thể tiêu nổi thức ăn này?” Đức Thế Tôn bảo: “Ta thúc đẩy sự sanh thành Pháp Thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh, chẳng xuất sanh sắc thân của thầy như thế. Cho nên hãy nên dâng cúng cha mẹ. Nếu sau khi đã khiến cho cha mẹ thầy thọ Tam Quy thì có thể dùng thức ăn này”. Đây là nỗi khổ não ba ngày bát trống không của đức Thế Tôn. Các tỳ-kheo chúng ta trong hiện thời, trong nhân duyên thông thường, sẽ chẳng bị cái ăn bức bách. Đức Thế Tôn sức trí đức đã viên mãn, là đạo sư của trời, người, là trông mắt của thế gian, là đáng đáng được trời, người cúng dường, vì sao có ba ngày



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

bát rỗng như thế? Thật ra, chẳng phải là như thế. Ngài thật sự vì muốn khiến cho hữu tình thật sự trông thấy nhân quả có tác dụng tiếp nối như thế, cho nên dùng phương tiện để chỉ dạy.

7) Cô Chiên Trà (Ciñca Mānavika)<sup>58</sup> báng Phật. Khi đức Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, có Đa Thiệt đồng nữ buộc cái bát vào bụng, báng Phật rằng: “Sa-môn vì sao chẳng nói đến chuyện nhà, mà cứ nói chuyện khác? Ông trước đã ăn nằm với ta, nay cần phải lo liệu bơ, dầu để nuôi con thơ chứ!” Đức Phật tự thuật chuyện bốn sanh như sau: - Xưa kia có đức Phật tên là Tận Thắng. Có hai tỳ-kheo, một vị tên là Vô Thắng, vị kia tên là Thường Hoan. Khi ấy, tại thành Ba La Nại có vợ của ông trưởng giả Đại Ái tên là Thiện Huyền. Hai tỳ-kheo cùng đến nhà ông ta để nhận cúng dường. Tỳ-kheo Vô Thắng do đã đoạn hữu lậu, cho nên được cúng dường chẳng thiếu khuyết. Tỳ-kheo Thường Hoan chưa đoạn kết sử, cúng dường có thiếu sót. Thường Hoan dấy lòng ganh tỵ, vu báng Vô Thắng lẹo tẹo với Thiện Huyền. Thường Hoan khi đó là thân ta, còn bà Thiện Huyền nay là Chiên Trà. Do nhân duyên ấy, chịu các khổ báo. Do dư ương ấy, bị đồng nữ phi báng”.

8) Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) đả đá. Đức Phật nói: - Xưa kia tại thành La Duyệt, có trưởng giả tên Tu Đàn, có con tên là Tu Ma Đề. Sau khi cha chết, Tu Ma Đề có đứa em cùng cha khác mẹ tên là Tu Da Xá. Tu Ma Đề sợ phải chia tài sản cho em, lừa em lên núi Kỳ Xà Quạt, đẩy cho rơi xuống vách đá, lấy đá phang chết. Trưởng giả Tu Đàn [hiện thời] là phụ vương ta. Tu Ma Đề là thân ta. Tu Da Xá là Đề Bà Đạt Đa. Do tàn duyên ấy, Đề Bà Đạt Đa dùng đá gieo xuống đầu ta, sơn thần dùng tay đón lấy đá, có mảnh đá nhỏ làm ngón chân ta bị thương”.

9) Gió lạnh đập y. Đức Thế Tôn ở trong rừng A La Bà Già, đêm lạnh, từng phải đập ba y chống lạnh. Đối với tỳ-kheo thì dùng cái y nào để chống lạnh? Đầu đêm thì dùng y năm điều sẽ có thể chống lạnh. Giữa đêm dùng y bảy điều. Cuối đêm có cảm giác rét mướt thì dùng đại y (y tăng-già-lê). Ba loại y để chống lạnh. Do vậy, đức Thế Tôn nói ba y của

---

<sup>58</sup> Cô này còn được phiên âm là Chiên Giá Ma Na, hoặc Chiên Xà, hoặc Giá Ma Na, dịch nghĩa là Đa Thiệt (lắm lưỡi). Theo Hưng Khởi Hạnh Kinh, cô ta nhét một cái bát sắt vào bụng buộc lại, giả vờ có mang. Khi đến vu cáo đức Phật, đức Phật trả lời: “Chuyện này chỉ có ta biết và cô biết rõ, chẳng cần phải nhiều lời!” Đại chúng xôn xao, Đề Thích đang đứng hầu quạt cho Phật, bèn hóa ra hai con chuột chui vào áo cô ta, cắn đứt dây buộc, bát sắt rơi đánh choang xuống đất, khiến cô ta xấu hổ, phải tháo chày trong nhục nhã.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tỳ-kheo đủ để tránh giá lạnh, đủ để hành đạo. Cho nên hành trì pháp “ba y, một bát”.

Chín chỗ khổ não ấy là sở chứng của đức Thế Tôn, do nhân quả hiển hiện, tức là tướng nhân quả hiển hiện sau khi chứng đắc Bồ Đề. Nếu phạm phu hữu tình chúng ta chẳng tin nhân quả, sẽ chẳng thể siêng năng hành các pháp. Như đối với pháp Ban Châu, sẽ nói “biết đạo lý là được rồi, chẳng thể hành trì”, nhưng nhân quả chẳng sai mảy may. Do đó, chúng ta thường hành một đạo, tâm niệm chư Phật, đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, được nghe chư Phật dạy bảo, hiện tiền sẽ chẳng thoái chuyển đối với Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Do đích thân thấy tự tánh, chọn lựa pháp tắc, do thấy Phật ngộ Vô Sanh, do được Phật đích thân thọ ký.

***(Kinh) Tâm thường bất ly Cửu Tướng Quán Môn.***

**(經)心常不離九想觀門。**

***(Kinh: Tâm thường chẳng lìa Cửu Tướng Quán Môn).***

Cửu Tướng chính là một thứ thiện xảo trong pháp tu của tỳ-kheo, là một loại thiện xảo để quán Bất Tịnh, muốn trừ cái tâm tham dục của hết thảy chúng sanh, tiêu trừ các nghiệp. Nghiệp gì vậy? Nghiệp đắm nhiễm, nghiệp tham dục. Vì tham dục mà sanh ra hai nghiệp sân và ngu. Trong Cửu Tướng, một là tướng trương phình, hai là tướng xanh bầm, ba là tướng hư nát, bốn là tướng máu tóe tràn lan, năm là tướng rửa nát, sáu là tướng giòi trùng đục khoét, bảy là tướng tan nát, tám là tướng [thịt đã rửa hết, chỉ còn] xương, chín là tướng bị đốt cháy. Đây là chín loại phép quán bất tịnh, người xuất gia trong Phật giáo Nam truyền tất nhiên sẽ tu pháp như thế. Các hành giả Du Già tại Tây Tạng cho đến các hành giả thật sự, phần nhiều tu pháp này ở chỗ rét mướt để cái tâm xuất ly có thể thật sự thành tựu, nhưng Tăng nhân nơi đất Hán ít hành trì pháp này, hư vọng xưng là Đại Thừa, ai nấy đều trưng ra giáo ngôn Đại Thừa, nhưng trong tâm chẳng có sự thiện xảo của Đại Thừa. Lợi ích trong Thanh Văn Thừa còn chưa thể đạt được, hư giả lập bày Đại Thừa. Đây chính là biểu hiện của nghiệp tướng phần nào rộng tuếch nơi đất Hán!

***(Kinh) Thường tư khí quyên bát chủng giải đãi.***

**(經)常思棄捐八種懈怠。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Thường nghĩ vứt bỏ tám thứ giải đãi).*

Trong Phật pháp có Bát Chánh Đạo, tức Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Niệm, Chánh Định, Chánh Trí. Có thể nói Bát Chánh Đạo là một pháp siêng ròng. Chẳng thủ hộ pháp này, tức là chẳng thích tu trì Bát Chánh Đạo, sẽ sanh ra tám thứ giải đãi.

*(Kinh) Nhất tâm tu tập bát đại nhân giác.*

**(經)一心修習八大人覺。**

*(Kinh: Nhất tâm tu tập tám điều giác ngộ của bậc đại nhân).*

Có một bản kinh là kinh Bát Đại Nhân Giác, kinh rất ngắn. Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân: Một là thiếu dục, hai là biết đủ, ba là xa lìa, bốn là tinh tấn, năm là chánh ức niệm, sáu là định tâm, bảy là trí huệ, tám là chẳng hý luận. Thiếu dục và tri túc có gì khác biệt? Vì sao nói như thế? Người thiếu dục tự có pháp dụng thiếu dục, người tri túc tự có pháp dụng tri túc. Thường là bọn phàm phu hữu tình chúng ta do có phiền não thô trọng, Kiến Tư Hoặc thô trọng nhiều loạn, phần nhiều chẳng biết chỗ vi tế! Nói theo chỗ vi tế thì là sự giác ngộ của bậc đại nhân, là sự giác ngộ của người trí, Bồ Tát phải nên thủ hộ, phàm phu thường mê mất ở chỗ này!

*(Kinh) Bất trước Thiên vị.*

**(經)不著禪味。**

*(Kinh: Chẳng chấp trước Thiên vị).*

Nếu là người có các Thiên Định thiện xảo, chớ nên đắm chấp Thiên vị. Trong thực tế, pháp vị dễ khiến người hành trì mê đắm nhất. Trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, theo các kinh điển ghi chép, vì điều này mà các tỷ-kheo đọa lạc trong sự vui sướng, hoan lạc của thế tục rất nhiều. Cận đại, có một câu chuyện rằng có một sa-di theo Nam truyền. Vị sa-di ấy có thần thông thiện xảo rộng lớn, do Thiên Định mà đạt được. Về sau, do nhiễm đắm mà đọa lạc vào thế tục, thậm chí khi đủ tuổi bèn xả giới hoàn tục. Vị sa-di ấy đại khái là người Thái Lan, rất nổi tiếng. Sức thần thông của ông ta to cỡ nào? Có lần, sư phụ của ông ta

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

nói: “Ngày mai là thánh đàn của đức Thế Tôn, chúng ta nên cúng dường”. Ông ta bèn dùng sức thần thông đến một hang núi bên Ấn Độ hái rất nhiều hoa, khiến cho đạo tràng khắp nơi tràn ngập các lẵng hoa. Sức thần thông rất lớn, tự tại trong không gian. Sư phụ chẳng có thần thông, nhưng tin sâu nhân quả, có sức quan sát rất khéo léo. Hòa thượng nói: “Sa-di ơi! Chỉ thủ hộ tự tâm, đừng đắm nhiễm Thiên vị”. Ông ta chẳng nghe lời thầy dạy, đại khái là vào lúc hai mươi tuổi, vì đắm nhiễm Thiên vị, thậm chí do sức thần thông, tham đắm đủ loại vui sướng Tự Thọ Dụng, có cái tâm đắm nhiễm. Trong sát-na tâm đắm nhiễm sanh khởi, nghiệp duyên Dị Thục Quả chín muồi, người nữ hữu duyên trong đời trước bèn xuất hiện trước mặt ông ta, thoáng đến, thoáng đi, ông ta chẳng thể kiềm chế chính mình bèn xả giới hoàn tục. Đây là một câu chuyện rất nổi tiếng!

*(Kinh) Bất thị đa văn.*

**(經)不恃多聞。**

*(Kinh: Chẳng cậy đa văn).*

Có nhiều kẻ kiêu mạn, do tu hành mà kiêu mạn, do đa văn mà kiêu mạn, do có các thứ thiện xảo mà kiêu mạn, lừa dối tự tâm, khinh rẻ người khác.

*(Kinh) Tồi phục ngã mạn.*

**(經)摧伏我慢。**

*(Kinh: Dẹp tan ngã mạn).*

Có kẻ do đa văn mà sanh tâm kiêu mạn, có người do tu hành nhiều mà sanh tâm kiêu mạn, có kẻ do có nhiều tài sản mà sanh tâm kiêu mạn, có kẻ do có quyền thế mà sanh tâm kiêu mạn. Do có chủng tánh ngã mạn, cho nên phải đập tan ngã mạn.

*(Kinh) Nhất tâm thính thọ, cầu pháp ân trọng, tu đạo chứng tri, lân mẫn chúng sanh, ly ngã phân biệt, cầu thọ mạng trường, tất cánh nan đắc.*

**(經)一心聽受，求法殷重，修道證知，憐愍衆生，離我分別，求壽命想，畢竟難得。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Nhất tâm nghe nhận, ân cần, trân trọng cầu pháp, tu đạo chứng biết, thương xót chúng sanh, là sự phân biệt vì chấp ngã, có ý tưởng mong cầu thọ mạng, rất cuộc khó được).*

Thọ mạng khó được vì vô thường, vô ngã. Trong kiến địa quy y, vô thường, vô ngã, khổ, không là các pháp ắt phải tu, mà cũng là các pháp ắt phải hành đối với hết thảy mọi người trong Phật pháp. Ân khế tự tâm như thế thì là Tam Quy Y, mà cũng là kiến địa quy y, hoặc nói là trí địa quy y, giải địa quy y, thuận địa quy y. Sự quy y ấy là bất hoại quy y. Danh tự quy y là như cầm lấy một tờ điệp quy y chi đó. Ta xuất gia làm sa-môn v.v... thì có phải là quy y hay không? Nếu chẳng dùng bốn pháp ấn<sup>59</sup> để ấn khế tự tâm, chẳng thể coi là quy y. Do đó nói: Trong kiến địa, phải nên quy y. “*Cầu thọ mạng tưởng, tất cánh nan đắc*” (Tưởng cầu thọ mạng, rất ráo khó được). Điều này rất quan trọng, do chúng ta phần nhiều vì trường thọ, hy vọng sống lâu, cứ ngỡ sắc thân bất hoại, hoặc muốn cho sắc thân này bất hoại, nào có biết hết thảy chúng sanh chẳng ai tránh khỏi sanh, lão, bệnh, tử; rất công bằng!

*(Kinh) Quán sát chư Ám, vô hữu vật tưởng, bất trụ Niết Bàn, bất trước sanh tử.*

**(經) 觀察諸陰，無有物想，不住涅槃，不著生死。**

*(Kinh: Quán sát các Ám, chẳng có ý tưởng là “có sự vật”, chẳng trụ trong Niết Bàn, chẳng chấp sanh tử).*

Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng chấp trước sanh tử, hành nhân Đại Thừa phải nên thủ hộ điều này.

*(Kinh) Chư hành phiền não, luân phát đại khủng bố tưởng.*

**(經) 諸行煩惱輪，發大恐怖想。**

*(Kinh: Phát khởi ý tưởng sợ hãi to lớn đối với các hành phiền não luân).*

Đối với phiền não luân, sanh sợ hãi to lớn; đối với sanh tử luân, sanh lòng sợ hãi to lớn. Hiện thời, rất nhiều phàm phu hữu tình, phiền

---

<sup>59</sup> Tứ pháp ấn là các hành vô thường, các lậu là khổ, các pháp vô ngã, và Niết Bàn tịch tĩnh.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

não hữu tình chẳng sợ phiền não, chẳng sợ sanh tử, đúng là kẻ lỗ mãng! Khi sanh tử bức bách, đúng là chẳng thể tự dẹp trừ được. Lúc phiền não bức bách, quả thật không thể xuất ly. Do vậy, trong lúc bình thời, trọn đủ các nhân duyên, hãy nên đoạn phiền não, trừ sanh tử. Đó là nhiệm vụ trọng yếu, tức nhiệm vụ trọng yếu của hết thảy người học Phật. Quý vị nói: “Tôi cầu phước báo nhân thiên, chuyện ấy chẳng trở thành nhiệm vụ trọng yếu!” Nhưng chúng ta là người học Phật thì phải khéo chọn lựa lợi ích trong Phật pháp.

***(Kinh) Chư Âm oán gia tưởng.***

**(經)諸陰怨家想。**

*(Kinh: Tưởng các Âm như oán gia).*

Âm (陰), dịch theo lối cũ (cách phiên dịch trước thời ngài Huyền Trang) là Âm, dịch theo lối mới là Uẩn (蘊). Nói “*Ngũ Uẩn giai Không*” (năm uẩn đều là không), bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức [đều là Không]. “*Chư Âm oán gia tưởng*” tức là tưởng Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là oán gia. Hết thảy phàm phu không ai chẳng mê muội trong ấy. Đối với các Âm hay các Uẩn, đều chẳng thể tự kiềm chế được!

***(Kinh) Chư Nhập không trạch tưởng, chư Giới độc xà tưởng.***

**(經)諸入空宅想，諸界毒蛇想。**

*(Kinh: Tưởng các Nhập như nhà trống, tưởng các Giới như rắn độc).*

“*Chư giới*”: Giới là gì? Nếu thuộc vào một địa vị mà cho đó là thật, thì sẽ có giới (giới hạn). Giới bao gồm mười tám giới, tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức diễn bày, huyền hóa thành mười tám giới. Hãy nên coi mười tám giới như rắn độc, đừng nên đắm chấp!

***(Kinh) Tam giới suy não tưởng.***

**(經)三界衰惱想。**

*(Kinh: Tưởng tam giới là suy bại, khổ não).*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Có hữu tình nói: “Ta chẳng trụ trong Dục Giới”, tức là nói phải dùng Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng để nhập Vô Sắc Giới. Trong thế gian có cách tu tập như thế. Tôi đã gặp một số pháp môn [tuyên truyền] kết ấn chi đó, niệm một chân ngôn đặc biệt chi đó, vào Mạn Đà La thọ quán đánh, sẽ rất nhanh chóng tiến nhập cái được gọi là “*Thiên Định thiện xảo*”, thậm chí nói là sẽ đạt được đại phương tiện. Đối với những điều ấy, chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước, vẫn bị tam giới suy bại, khô não bức bách y hết. Chúng ta ở trong Dục Giới, còn chưa thoát lìa thiện ác, vẫn còn nhiễm thị phi, cho nên chẳng thể đắc Thiên Định, cũng có nghĩa là chưa thể tiến nhập Sắc Giới! Vì Sắc Giới là nương vào các tầng trời Thiên Định mà kiến lập. Các loài hữu tình thiện ác, các loài hữu tình trì giới hay phạm giới sẽ chẳng thể nhập. Hữu tình chấp trước thị phi, tâm sanh phân biệt, khó thể nhập được! Hiện thời, có rất nhiều người học Phật, đối với Thiên Thiên (các tầng trời thuộc Tứ Thiên Thiên) còn chẳng ưa thích, đắm nhiễm thị phi, chấp trước đối đãi, cho nên chẳng đắc Thiên Định. Do đó, người tu pháp trong hiện thời khá đáng thương, khá khổ sở, khá hẹp hòi!

***(Kinh) Niết Bàn lợi an tưởng.***

**(經)涅槃利安想。**

***(Kinh: Tưởng Niết Bàn là lợi ích, an ổn).***

Chư Phật Như Lai đích thân chứng các thứ thiện xảo. Trong các thứ thiện xảo ấy, giải thoát, trí huệ, và Niết Bàn là ba pháp tồn tại theo thể chân vạc. “*Thể chân vạc*” là gì? Chính là toàn thể Phật pháp. Nếu thiếu một pháp [trong ba pháp trên đây], sẽ là Niết Bàn của ngoại đạo. Nếu thiếu một pháp, sẽ là trí huệ của ngoại đạo. Nếu thiếu một pháp, sẽ là giải thoát của ngoại đạo. Các thứ ngoại đạo ấy, tức là trong chín mươi sáu loại ngoại đạo tại Ấn Độ đều có [các pháp ấy, nhưng chẳng đồng thời trọn đủ ba pháp]. Trọn đủ ba pháp (trí huệ, giải thoát, và Niết Bàn) chính là chánh hạnh của Phật pháp. Đối với ba điều ấy, chẳng thể phé bỏ điều nào, giống như ba chân của cái đỉnh; bỏ một, sẽ hoàn toàn hỏng. Do đó, trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Thế Tôn đã bảo: Giải thoát, trí huệ, Niết Bàn, như ba chân của cái đỉnh, chống đỡ Phật pháp.

*(Kinh) Quán chư dục ác, do như thóa thế, thâm nhạo xuất gia, bất vi Phật giáo. Ư chúng sanh sở, khuyến hành công đức. Ư chư thế giới, vô phục nhiệm tâm, kiến nhất thiết Phật, giai tất hiện tiền.*

**(經) 觀諸欲惡，猶如唾涕，深樂出家，不違佛教。於衆生所，勸行功德。於諸世界，無復染心，見一切佛，皆悉現前。**

*(Kinh: Quán các dục ác ví như đờm rãi, rất thích xuất gia, chẳng trái lời Phật dạy. Đối với các chúng sanh, khuyên hành công đức. Trong các thế giới, chẳng còn tâm đắm nhiễm, thấy hết thấy Phật thấy đều hiện tiền).*

Đối với chuyện hành trì Ban Châu tam-muội, các thứ hướng dẫn này đều quy kết về công đức to lớn Kiến Nhất Thiết Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền (thấy hết thấy chư Phật thấy đều hiện tiền) nhằm thành thực thiện căn.

*(Kinh) Thọ nhất thiết thân, giai nhược huyễn mộng. Nhất thiết chư tướng, quán sát diệt trừ.*

**(經) 受一切身，皆若幻夢。一切諸相，觀察滅除。**

*(Kinh: Thọ hết thấy các thân đều như huyễn mộng. Quan sát, diệt trừ hết thấy các tướng).*

[Nếu thấy] các tướng chẳng phải là tướng, sẽ thấy diệu dụng của trí huệ, sẽ thấy diệu dụng của Như Lai. Biết hết thấy các nghiệp đều là huyễn hóa, biết hết thấy các thân đều là huyễn hóa, chẳng có thực chất. Chúng ta hiện thời có phải là huyễn tướng hay không? Do huyễn duyên như thế sanh ra huyễn tướng, kết cục hư huyễn, chẳng có thực chất.

*(Kinh) Tư duy vãng lai, bất kiến tam thế.*

**(經) 思惟往來，不見三世。**

*(Kinh: Tư duy qua lại, chẳng thấy tam thế).*

Do một niệm ba đời, một niệm chân tâm chớm nảy, chẳng mê mất



tướng cảnh giới nơi pháp giới, chính là “*hồi quy*”. Khi mê mất, Năng và Sở kiến lập, sanh ra các thứ thế giới, các cảm giác thô nặng đều kiến lập, tam hữu, tam giới cùng lúc sanh khởi.

*(Kinh) U tín thanh tịnh, thâm tín chân diệu, niệm nhất thiết Phật, tam thế bình đẳng.*

**(經)於信清淨，深信真妙，念一切佛，三世平等。**

*(Kinh: Tín tâm thanh tịnh, tin sâu lẽ chân diệu, niệm hết thấy chư Phật, ba đời bình đẳng).*

Quá khứ, hiện tại, vị lai, một niệm có thể tỏ lộ. “*Tam thế vi nhất niệm, nhất niệm vi tam thế*” (Một niệm là ba đời, ba đời là một niệm), chẳng cần nói cặn kẽ, chỉ nên quan sát.

*(Kinh) Vô hữu động chuyển, nhi năng trì chư thiện căn, nhất thiết chư Phật tam-muội tự tại, chung bất nhiễm trước chư Phật tướng thân.*

**(經)無有動轉，而能持諸善根，一切諸佛三昧自在，終不染著諸佛相身。**

*(Kinh: Chẳng có động chuyển mà có thể trì các thiện căn, hết thấy chư Phật tam-muội tự tại, trọn chẳng đắm nhiễm thân tướng của chư Phật).*

Vì trong sự tu trì hết thấy các tam-muội, thấy các tướng hết sức thiện xảo, hết sức an lạc. Sự thiện xảo an lạc ấy có thể khiến cho hết thấy chúng sanh thấy chư Phật, muốn thấy bèn thấy. Do sức tam-muội. muốn xuất bèn xuất, [tức là] xuất các Thiên Định. Chớ nên đắm nhiễm chỗ này, mà cũng chớ nên hủy hoại. Vì sao? Chẳng có đến, đi, chẳng có pháp thật sự, chẳng có Thật Tướng, do nhân duyên mà tu, tâm tịnh bèn thấy. Người hiện thời dùng các loại thuốc gây huyền tưởng (hallucinogen) rất mạnh mẽ, có kẻ đắm nhiễm Thiên vị cũng bị trúng độc giống như dùng thuốc gây huyền tưởng vậy. Hễ dùng thuốc gây huyền tưởng, tưởng gì bèn thấy đó. Những người thiện xảo trong Thiên Định tam-muội cũng giống như thế, muốn thấy gì bèn thấy điều đó, do sức Chánh Thọ, sức bình đẳng, sức vô ngại cùng gia trì, sẽ nảy sanh

thành sự thật. Nếu đắm nhiễm các duyên ấy, người ta sẽ trúng độc, đọa vào niềm vui thế tục.

*(Kinh) U nhất thiết pháp, giai tất bình đẳng, bất dữ nhất thiết thế gian cộng tránh. Sở khả ưng tác, bất tương vi bội, thông đạt thậm thâm Thập Nhị Nhân Duyên.*

**(經)於一切法，皆悉平等，不與一切世間共諍。所可應作，不相違背，通達甚深十二因緣。**

*(Kinh: Trong hết thấy các pháp thấy đều bình đẳng, chẳng tranh chấp cùng hết thấy thế gian. Chẳng chống trái các chuyện đáng nên làm, thông đạt rất sâu mười hai nhân duyên).*

Do trong hết thấy các tam-muội, nói theo quả thì quả là tướng thành thực, hễ động tâm bèn thấy. Nói theo nhân, cái nhân là siêng năng, phán chán tư duy. Chẳng có nhân, sẽ chẳng thấy quả. Khéo lập thì nhân quả đồng thời, thiện căn chín muồi, nhanh chóng đạt được diệu dụng. Kẻ thiện căn mỏng ít, nhân quả sai khác rất lớn, sức tiếp nối sẽ kéo dài. Nói là “kéo dài” thật ra là một huyễn giác (cảm nhận hư huyễn), thật sự chẳng phải là thật, do huyễn hóa nối tiếp như thế, tiếp nối liên tục như thế.

“*U nhất thiết pháp, giai tất bình đẳng, bất dữ nhất thiết thế gian cộng tránh. Sở khả ưng tác, bất tương vi bội, thông đạt thậm thâm thập nhị nhân duyên*” (Trong hết thấy các pháp thấy đều bình đẳng, chẳng tranh chấp cùng hết thấy thế gian. Chẳng chống trái các chuyện đáng nên làm, thông đạt rất sâu mười hai nhân duyên): Mười hai nhân duyên được tu trì rộng khắp trong Phật pháp, nhưng tại đất Hán, chúng ta khá ít bén mảng tới.

Nhiều người cho rằng: “Đó là pháp đề riêng hàng Duyên Giác ngộ, chẳng phải dành cho người có tâm Đại Thừa như chúng ta”. Thật ra, đó là hiểu lầm! Nếu muốn trừ phiền não, ngoại trừ dùng tâm trí hiện tiền, thì mười hai nhân duyên rất thuận tiện. Tuy nói Nam truyền Phật giáo là Thanh Văn Phật giáo, hoặc Tiểu Thừa Phật giáo, nhưng họ có rất nhiều thiện xảo, chúng ta tuyệt đối có thể suy xét để nương cậy, có thể vận dụng, đừng nên tự xưng xằng bậy [ta là kẻ tu học] Đại Thừa, [không cần biết đến pháp Tiểu Thừa].

Do vậy, nếu có nhân duyên, mọi người cần phải nên học tập pháp Mười Hai Nhân Duyên. Nếu quý vị nói, ta hành pháp Ban Châu, sẽ

chẳng học pháp ấy, có được hay không? Nếu nghe nhiều pháp này, chẳng đắm chấp, chẳng sanh kiêu mạn, đa văn cũng là phương tiện, đa văn cũng là thiện căn chín muồi!

*(Kinh) Cùng tận nhất thiết Như Lai đạo địa, đắc thắng thượng nhân, nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới.*

**(經)窮盡一切如來道地，得勝上忍，入真法界，見衆生界。**

*(Kinh: Cùng tận hết thấy các địa vị thuộc đạo Như Lai, đắc nhân thắng thượng, nhập pháp giới chân thật, thấy chúng sanh giới).*

“*Nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới*” (Nhập pháp giới chân thật, thấy chúng sanh giới). Vì lẽ nào? Do chư Phật Như Lai nhập Pháp Giới Thể Tánh Trí, mười pháp giới rạng ngời. Nay chúng ta nhìn vào thế giới này, do mỗi giới cách biệt với các giới khác, chúng ta nhìn vào thế giới của loài người, chín giới kia sẽ mất đi. Quý vị nói: “Ta có thể thấy súc sanh giới”, nhưng quý vị thật sự chẳng thấy súc sanh giới, chỉ thấy sanh mạng của súc sanh, chẳng biết tâm của súc sanh, cho nên nói “chẳng thấy giới ấy”. Có người nói: “Tôi có thể biết quý giới, thiên giới”. Quý vị chỉ nghe danh tự, chẳng thấy hình sắc của họ. Do vậy, một pháp giới hiển, chín pháp giới mất, mất trong điều gì? Mất trong vô trí. Chư Phật Như Lai hiển lộ triệt đề nơi bốn đức (thường, lạc, ngã, tịnh) mà hết thấy chúng sanh đều cùng có, chúng ta cũng trọn đủ trí câu sanh (trí bảm sanh, trí sẵn có) ấy, nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm. Pháp giới đã có sẵn trong trí câu sanh của chúng ta, nhưng phàm phu chẳng dùng được. “*Nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới*” (Vào chân pháp giới, thấy chúng sanh giới): Vì mười pháp giới chỉ do tâm sanh. Nếu câu sanh trí hiện tiền, sẽ có thể liễu đạt, giác tri cái tâm ấy. Nếu không, ắt là một giới hiển, chín giới mất. Nếu quý vị nói: “Nhập Thanh Văn giới, có thể thấy người, trời, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”, do Thanh Văn đã vượt thoát tam giới, có thể thấy tam giới như huyễn, biết tam giới như huyễn, cho nên chẳng bị xâm nhiễu. Nhập Niết Bàn, hữu dư lẫn vô dư đồng thời tiến nhập. Người ấy sẽ có thể lìa bỏ thế gian, nhưng vẫn là một pháp giới hiển lộ, chín pháp giới mất đi.

*(Kinh) Tánh vô sanh diệt, kiến Niết Bàn giới.*

**(經)性無生滅，見涅槃界。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Tánh chẳng sanh diệt, thấy Niết Bàn giới).*

“Tánh vô sanh diệt”, nhất tâm tịch tĩnh. Thủ hộ như thế, tịch diệt hiện tiền.

*(Kinh) Bản lai hiện tiền, huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp vô nhị.*

**(經)本來現前，慧眼清淨，觀法無二。**

*(Kinh: Vốn sẵn hiện tiền, huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp chẳng hai).*

“Huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp vô nhị”: Trong thế giới này, nỗi khổ lớn nhất của bọn phàm phu chúng ta là “nhị nguyên đối đãi”, nhất là nhân loại hữu tình, vì Tu La lo đấu tranh, chẳng quản được họ. Chư thiên buông lung, cũng chẳng quản được họ. Chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, [súc sanh] đang chịu khổ, đang ở trong tối tăm, không có sức tự thoát. Như chúng sanh trong địa ngục đang chịu hình phạt, súc sanh đạo đang bị xua đuổi, bị giết chóc, ngạ quỷ đang bị đói khát bức não, bọn họ chẳng có thời gian nào khác. Chỉ có nhân đạo vốn nhiều tinh lực để làm gì vậy? Đối đãi nhị nguyên, lẫn lộn trong ấy, được, mất, thiện, ác, đúng, sai, trì giới, phạm giới, nam, nữ, lớn, nhỏ, vô lượng vô biên nhị nguyên như thế đó! Đó là chỗ lẫn lộn, khổ não, loanh quanh của nhân loại hữu tình, siêng khổ trong đó. Nhưng huệ nhãn thanh tịnh, quán các pháp chẳng hai, thì sẽ vĩnh viễn đoạn dứt mệt nhọc, xuất ly đối đãi nhị nguyên ấy. Ở trong đối đãi mà chẳng thấy có đối đãi để có thể đạt được, liền ngay lập tức thanh lương, ngay lập tức an trụ!

*(Kinh) Bỉ Bồ Đề tâm, vô trung, vô biên.*

**(經)彼菩提心，無中無邊。**

*(Kinh: Tâm Bồ Đề ấy chẳng ở chính giữa, chẳng ở bờ mé).*

Tâm Bồ Đề rộng lớn, chẳng tạo tác, quả thật là bản tâm sáng suốt lâu lâu, do bản tâm ấy chẳng lay động, chẳng tăng giảm.

*(Kinh) Nhất thiết chư Phật thể vô sai dị, nhập u vô ngại thanh tịnh trí môn, minh kiến Bồ Đề tự nhiên giác trí. Ư thiện tri thức, khởi chư Phật tướng.*

**(經)一切諸佛體無差異，入於無礙清淨智門，明見菩提自然覺智。於善知識，起諸佛想。**

*(Kinh: Thể của hết thầy chư Phật chẳng sai khác, nhập vào trí môn thanh tịnh vô ngại, thấy rõ giác trí Bồ Đề tự nhiên. Đối với thiện tri thức, dấy lên ý tưởng coi họ như là Phật).*

Hết thầy thiện tri thức và chư Phật khác biệt ở chỗ nào? Chẳng có sai khác! Do thiện tri thức có thể hướng dẫn tâm trí của chúng sanh, nên gọi là “*thiện tri thức*”. Thiện tri thức vô danh, vô tướng, dùng danh tướng để an lập. Chúng ta nói người nào đó là “*đại thiện tri thức*”, [là vì người ấy] có chứng ngộ, đích thân chứng pháp tắc, có các thiện xảo, có các bi tâm, lợi ích hữu tình rộng khắp. Nếu chúng sanh được gặp gỡ, sẽ tạo thành sự hướng dẫn tăng thượng nơi Vô Thượng Bồ Đề, có thể an trụ trong pháp. Vậy thì hết thầy hữu tình thì sao? Cũng là thiện tri thức. Nói “*thiện tri thức*” là [nói theo phương diện] thấu triệt bản chất, thiện tri thức trông thấy [bản chất của các pháp]. Chẳng thấu triệt bản chất, chúng ta nói có ác hữu tình, thiện hữu tình, có ác tri thức, có thiện tri thức. Nếu nhìn từ cái tâm bình đẳng, sẽ thấy hết thầy chúng sanh đều là thiện tri thức.

*(Kinh) Ư Bồ Tát sở, bất niệm quai ly, dĩ w sanh tử, phá hoại ma quân. Nhất thiết chúng sự, giai tất như hóa.*

**(經)於菩薩所，不念乖離，已於生死，破壞魔軍。一切衆事，皆悉如化。**

*(Kinh: Đối với Bồ Tát, chẳng nghĩ chống trái, do trong sanh tử, phá hoại ma quân. Đối với hết thầy các sự, thấy đều như hóa).*

Trong tu pháp ở đất Hán, tư tưởng chủ thể để mọi người y chỉ là tư tưởng Bát Nhã, tức là tu trì như huyền. Trong hành pháp Ban Châu, nếu siêng năng, sốt sắng tu trì, chẳng nghĩ ngại, sẽ rất dễ đạt được như huyền. Điểm cốt lõi, trọng yếu trong hành pháp Ban Châu là “*chẳng ngưng nghỉ*”, cho nên chẳng để cho bản thân mong mỏi ngại nghỉ. Nếu nghĩ ngại, tức là chúng ta tránh né hiện duyên, chẳng thể xuất ly. Trong chướng ngại mà hành vô ngại, sẽ thấy chư Phật. Chướng ngại gì vậy? Bị mệt mỏi chính là chướng ngại. Đau đớn là chướng ngại. Đói bụng là chướng ngại. Bị lạnh là chướng ngại. Khổ sở là chướng ngại. Từ trong

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

các chướng ngại ấy mà hành vô ngại. Chẳng có ý niệm nghỉ ngơi! Vì hề có ý niệm nghỉ ngơi, hành nhân sẽ ngay lập tức ngưng nghỉ. Nếu là như thế, khó lòng dẹp tan ma quân, khó thể tiến nhập như huyễn, như hóa.

Nói thông thường, nếu thật sự nghiêm khắc, chẳng nghỉ ngơi hành Ban Châu ba ngày, tri kiến đều chẳng dấy lên, sẽ có đôi chút giống như si, như say. Vì dốc sức nhả nại vào đó, chỉ cần hành trì như thế, ngày hôm sau, ý thức sẽ lập tức trống rỗng, vô lực. Hiện thời, người hành pháp sợ hãi điều này, chẳng thể buông xuống chuyện nghỉ ngơi, cho nên ma quân sẽ quấy nhiễu, [dấy lên tâm niệm] mong được an nhàn. An nhàn chính là chất dinh dưỡng ma quân ban cho quý vị. Chân đã mỏi rồi, đứng lại, mệt thì ngủ một giấc, đói thì bỏ sung chất gì đó, lạnh thì mặc thêm áo. Hãy đừng nghĩ tới những điều đó, [nếu nghĩ tới], sẽ chẳng đánh bại mỗi tên ma quân được! Trong chướng ngại bèn có chướng ngại, chướng ngại sẽ liên tục tiếp nối. Vì sao? Quý vị không chỉ có chướng ngại, mà còn khiến cho chướng ngại chín muồi. Đã mệt bèn ngủ, đói thì ăn thứ gì đó, lạnh thì mặc thêm áo; đó chính là trong chướng ngại bèn sanh thêm chướng ngại. Như thế thì sẽ khó phá ma quân, khó nhập như huyễn. Đói có phải là như huyễn hay không? Chúng ta thường nghe nói: “Đói quá sức, chẳng thể ăn nổi”, còn nói: “Vì sao chẳng ngủ được? Ôi chao! Buồn ngủ quá!” Dầu bình thường chẳng hành Ban Châu, chúng ta luôn có cảm giác như thế. Cảm giác như huyễn, cảm giác như hóa. Nếu chúng ta đói bụng, sẽ ăn; mệt nhọc sẽ ngủ. Đó là chướng ngại trong chướng ngại. Nếu trong chướng ngại mà sợ chướng ngại thì vẫn là cái tâm phàm phu. Trong chướng ngại mà chẳng bị ngăn ngại, tự đạt được giải thoát. Trong chướng ngại mà chẳng ngăn ngại, tự đạt được pháp lạc. Pháp lạc chẳng thể chọn lựa từ đâu khác, phải từ ngay trong chướng ngại. Vì thế, chúng tôi nói “*vô ngại trong chướng ngại*” rất quan trọng!

***(Kinh) Kiến chư Như Lai, như kính trung tượng. Ứng đương cầu bỉ Bồ Đề chi tâm.***

**(經)見諸如來，如鏡中像。應當求彼菩提之心。**

***(Kinh: Thấy các Như Lai như hình bóng trong gương. Hãy nên cầu cái tâm Bồ Đề ấy).***

Thấy Như Lai để làm gì? Chẳng vì sắc tướng trang nghiêm mà cầu, chẳng vì diệu dụng mà cầu, chẳng cầu thần thông, chỉ cầu Bồ Đề tâm, cho nên có thể hỏi pháp. Điều này rất quan trọng. Chúng ta thấy

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chư Phật, mà nếu chẳng hỏi pháp, đúng là đáng tiếc! Có người hành Ban Châu, thấy Phật liền hoan hỷ, chỉ lo cười, chẳng biết hỏi pháp! Như thế là đã mê mất chánh nhân hành pháp của chính mình. Thiện căn chín muồi là do hỏi pháp. Thiện căn chín muồi là do tu pháp. Thiện căn chín muồi là do ấn khế tự tâm, đó chính là quán đánh. Quý vị có thể nói như thế này: “Đức Thế Tôn ơi! Hãy quán đánh cho con, truyền dạy pháp cho con, thọ ký con khi nào sẽ xả báo, khi nào thành tựu?” Quý vị phải yêu cầu. Nếu chẳng yêu cầu, thiện căn của quý vị sẽ chẳng chín muồi. Có người thấy Phật, chỉ lo mừng, chỉ lo khóc, chỉ lo cười, có kẻ đến nổi trợn mắt, cứng họng, kết quả là đã đánh mất pháp ích.

Trước kia, khi niệm chân ngôn Dược Sư, tôi đã nảy sinh sự sợ hãi to lớn. Lúc ấy, tôi niệm Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, kết quả là bảy đức Thế Tôn<sup>60</sup> theo thứ tự xuất hiện. Tôi sợ rợn cả lông tóc, sợ hãi, trốn

---

<sup>60</sup> Theo Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyên Công Đức Kinh (do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường), phương Đông lần lượt có bảy vị Phật cũng vì chúng sanh mà phát nguyện tiêu tai, diệt thọ, trừ bệnh khổ, nên gọi chung là Dược Sư Thất Phật. Danh xưng của các vị ấy như sau:

1. Thiện Danh Xung Cát Tường Vương Như Lai trong thế giới Vô Thắng, cách thế giới Sa Bà bốn Hằng hà sa quốc độ, phát ra tám đại nguyện.
2. Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai ở thế giới Diệu Bảo, cách thế giới Sa Bà năm Hằng Hà sa quốc độ, cũng phát tám đại nguyện.
3. Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai ở thế giới Viên Mãn Hương Tích, cách thế giới Sa Bà sáu Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
4. Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai ở thế giới Vô Ưu, cách thế giới Sa Bà bảy Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
5. Pháp Hải Lô Âm Như Lai trong thế giới Pháp Tràng cách thế giới Sa Bà tám Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
6. Pháp Hải Thắng Huệ Du Hỷ Thân Thông Như Lai trong thế giới Thiện Trụ Bảo Hải, cách thế giới Sa Bà chín Hằng hà sa quốc độ, phát bốn đại nguyện.
7. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (Bhaiṣajya-guru-vaidūrya-prabhā-rāja), trong thế giới Tịnh Lưu Ly (Vaiḍūryanirbhāsa), cách thế giới Sa Bà mười Hằng hà sa quốc độ, phát ra mười hai đại nguyện.

Xét ra, phần cuối quyển thượng và quyển hạ của Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyên Công Đức Kinh đại đồng tiểu dị so với bản kinh Dược Sư do ngài Huyền Trang dịch.

Trong các bức vẽ thangka của Phật giáo Tây Tạng, thường là vẽ Dược Sư Phật ở trung tâm, màu xanh dương đậm (màu ngọc lưu ly, tay cầm bát, trong bát có quả Ha Lê Lạc (Haritaki), và nhánh cỏ thuốc chiêu liêu (Myrobalan, ha tử), vây quanh là sáu vị Phật trên đây. Đôi khi, phía trên Phật Dược Sư, vẽ thêm Thích Ca Mâu Ni Phật, gọi là Bát Dược Sư Phật. Đôi khi họ chỉ vẽ Dược Sư Phật đơn lẻ, hay vẽ Dược Sư Phật có hai vị Nhật Quang và Nguyệt Quang Bồ Tát đứng hầu hai bên.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

vào phòng đi ngủ, chẳng dám niệm nữa. Vì niệm một vị Phật Dược Sư, có sao bảy vị Phật xuất hiện? Sanh khởi lòng sợ hãi. Thật ra là do phước đức và nhân duyên chẳng chín muồi. Đã chín muồi, sẽ vui thích đức Thế Tôn, thấy Phật, nghe pháp. Chẳng thành thực thì sao? Sẽ ngay lập tức sanh tâm sợ hãi! Khi ác tánh của tôi chín muồi, có lần niệm A Di Đà Phật, thấy tướng sắc thân màu nhiệm của Dược Sư Phật, tâm sanh phiền não. Tôi nói: “Con chẳng cầu thấy Ngài, vì sao con lại thấy?” Tuy có nhân duyên thấy Phật, nhưng chẳng có thiện căn thấy Phật, cũng chẳng có ước muốn thấy Phật. Lúc ấy, tôi đang tưởng niệm A Di Đà Phật, vì sao Dược Sư Phật đến làm gì? Đấy quả thật là trong tâm trí có lẩn tri kiến mờ muội. Do vậy, lúc bình thời, chúng ta phải làm sao cho tri kiến rõ ràng. Nếu không, quý vị tu pháp, sẽ nẩy sanh nhiều chướng ngại. Chẳng hạn như có một lần tôi ở trong tòa nhà hiện thời tôi đang dùng, đi tới, đi lui (kinh hành), bỗng dưng thế giới xuất hiện tướng quang minh. Quang minh ấy khó thể diễn tả, thí dụ được. Tầng tầng lớp lớp đều là quang minh. Lúc đó, tâm sanh sợ hãi, sợ mất đi, sợ tiến vào, ngay lập tức đứng đờ ra đó, chẳng dám động đây! Tâm niệm chẳng dám động, thân thể chẳng dám động, thậm chí thế giới đều ngưng lặng trong trạng thái ấy. Đó là sự sợ hãi cực lớn, vì tri kiến bất chánh. Nếu nương theo cái tâm chẳng đắm nhiễm, tâm cảm ơn, tâm niệm Phật, há có gì đáng kể đâu? Do đó, tri kiến rất quan trọng. Thông qua thực tiễn của một số pháp, tôi mới biết tri kiến là quan trọng nhất, là sự dẫn đường. Các vị Bồ Tát ơi! Gặp chuyện mà hoảng hốt, gặp chuyện mà mê muội, gặp chuyện mà điên đảo. Thật ra, chuyện này và chuyện bình thường giống nhau, quả thật chẳng sai biệt. Chẳng có chút sai biệt nào! Do vậy, “*ung đương cầu bi Bồ Đề tâm*” (hãy nên cầu Bồ Đề tâm ấy), cầu Bồ Đề tâm của ai? Cầu Bồ Đề tâm của Phật!

***(Kinh) Chư Ba La Mật mạc bất bình đẳng, Thật Tế vô tận, tập Phật công đức. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội.***

**(經)諸波羅蜜莫不平等，實際無盡，集佛功德。賢護！是為菩薩思維諸佛現前三昧。**

***(Kinh: Các Ba La Mật không gì chẳng bình đẳng, Thật Tế vô tận, tu tập công đức của Phật. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).***



Tư Duy tam-muội hết sức trọng yếu. Nay chúng ta đang học phẩm Tư Duy. Nếu chúng ta chẳng siêng năng tư duy, chẳng thể nào thấy được cái quả tam-muội. Vì trước đó, chẳng có nhân duyên tư duy đúng lý, tôi đã bị mấy lần chấn động to lớn, thiếu chút nữa là điên rồi! Mấy lần bé quan, vừa thấy cảnh giới to lớn, thần kinh gằn đứt luôn, tâm trí sẽ trở thành điên mất. Do đó, sau đây chẳng chú trọng siêng ròng tu trì, mà chú tâm huân tu tri kiến, đặc biệt coi trọng tri kiến. Vì sao? Chẳng nắm vững tri kiến, dễ gặp phải đại cảnh giới, con người sẽ trở thành điên cuồng, tiến vào trạng thái điên cuồng. Nguy hiểm quá! Trong lúc ấy, có một chiêu cứu mạng là ngưng dứt nhân duyên đó. Nếu không, người ấy sẽ thật sự bị điên, thậm chí giết chết sanh mạng của chính mình. Trước kia, thầy đương gia chùa Kim Đảnh [tại núi Kê Túc] có kể với tôi. Họ có một vị xuất gia sư phụ, siêng năng tọa Thiền, xuất hiện cảnh giới rất lớn. Sau đó, [thầy ấy] từ Hoa Thủ Môn nhảy xuống. Tôi cảm thấy thầy ấy thấy tướng cảnh giới diệu sắc. Nhảy xuống thì kết quả là gì? Người khác cho là thầy ấy tự gieo mình xuống vách đá. Thật ra, thầy ấy chuộng ngòi Thiền, thấy tướng cảnh giới xuất hiện, bèn theo tướng cảnh giới mà đi! Trong hành pháp Ban Châu, [những trường hợp] bị chuyển theo âm cảnh, chúng tôi đã thấy quá nhiều. Chẳng hạn như một lần, có vị cư sĩ hành pháp ở Lư Sơn, hộ pháp quả thật chẳng thể ngăn trở âm cảnh của người hành pháp. Nói như thế nào cũng đều chẳng được, quý vị nói với kẻ đó một đặng, kẻ đó trả lời quý vị một nẻo. Bởi lẽ, một đặng nói theo âm cảnh, một đặng nói theo hiện thực. Hai đặng chẳng thể trao đổi với nhau! Tôi đọc kinh ở đó, tôi nói hai người ấy đang diễn tuồng, tuồng gì vậy? Một người diễn tuồng âm cảnh. Người kia diễn cảnh hiện duyên, chẳng thể trao đổi với nhau, ai nấy giữ riết cái lý của chính mình! Các cảnh ấy thật ra đều là như thật. Gọi là “*như thật*” vì mỗi đặng đều trọn đủ nhân quả báo ứng. Kẻ kia là âm cảnh báo ứng, còn quý vị là hiện duyên báo ứng. Nếu cho là có thật, sẽ chẳng thể trao đổi. Do vậy, nếu có chánh kiến, sẽ lập tức có thể trao đổi, lựa chọn.

Trong pháp tắc Ban Châu, huân tập chánh kiến rất quan trọng! Trong phần trước, chúng ta đã học một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*”, đều là huân tập chánh tri kiến. Nay học tập tất cả các giáo ngôn trong phẩm Tư Duy, [những giáo ngôn ấy] đều nhằm sanh khởi tư duy chánh tri kiến, tư duy chánh quán sát, đừng lọt vào trong âm cảnh, thấy chư Phật, gặp Phật nghe pháp, thiện căn chín muồi! Nhất định phải nhớ kỹ khẩu quyết này: “*Thấy Phật, nghe pháp*”. Đừng nên thấy Phật mà sanh

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

ý tưởng khác, đừng sanh ý tưởng tội ác giống như tôi, sanh ý tưởng sợ hãi. Ở đây, tôi chẳng dám gạt găm mọi người.

Trước kia, tôi niệm A Di Đà Phật, thấy Dược Sư Phật, liền sanh sân tâm, nói: “Chẳng mong thấy Ngài. Ngài tới làm gì?” Có nghĩa là: Tôi mong thấy A Di Đà Phật, Ngài (Phật Dược Sư) tới làm chi? Đây là tà kiến. Do vậy, ngày Ba Mươi tháng Chín là thánh đản của Phật Dược Sư. Có người đưa tôi đến chùa Long Hưng tại huyện Chánh Định, tỉnh Hà Bắc để triệu yết Phật Dược Sư, vì tượng Dược Sư Phật và A Di Đà Phật cùng một thân thể, cùng hiện hai tướng. Vì thế, tôi biết khi đó là báng Phật, trực tiếp báng Phật, phá hoại thiện căn nhiều kiếp của tôi. Vì sao? Chẳng có chánh kiến. Gặp Phật chẳng khó, chánh kiến khó lập! Thiện căn thành thực cũng rất dễ dàng, nhưng nếu quý vị chẳng vận dụng thiện căn, cũng sanh ra tà kiến. Đối với chỗ này, nhất định phải chánh tư duy, chánh quán sát, chánh kiến, Bồ Đề tâm, tư duy tỉ mỉ, quan sát tỉ mỉ, tư duy chọn lựa, quan sát chọn lựa! Như thế thì chúng ta do tam-muội thành thực, sẽ thấy chư Phật rất thuận tiện. Khi rất nhiều người nói “khó gặp Phật”, tôi cảm thấy đích xác là người như vậy rất ngu si, hư vọng tự đặt ra chướng ngại. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta cách Phật chẳng xa, vì lẽ nào? Do Phật nhiếp trọn hữu tình trong pháp giới, hết thấy chúng sanh đều trụ trong quang minh của Phật. Hết thấy chư Phật Như Lai đều hàm nhiếp hết thấy chúng sanh, phóng đại quang minh trong tâm trí của hết thấy chúng sanh.

Chúng ta dựa theo văn tự để ẩn khế tự tâm, phân tích pháp tắc, tùy thuận nhân duyên để thâm nhập quán sát A Di Đà Phật, cho đến pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập như thế. Kinh điển cũng chẳng phải là lời lẽ ngoài tâm. Sở chứng của chư Phật đều chẳng phải là lời nói ngoài tâm. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có nhân duyên học tập, nhận biết kinh điển này, hoặc nói tới pháp tắc này, đều là do thiện căn trong tâm địa chín muồi. Do chín muồi, cho nên chiêu cảm tướng cảnh giới hiện tiền. Cảnh ấy và tâm trí nơi bản tâm của chúng ta chẳng hai, chẳng khác. Đừng nhận sai nhân duyên. Mỗi ngôn từ đều có vô lượng ý, tùy theo tâm duyên của chính mình mà chọn dùng, tức là dùng kinh Ban Châu Tam Muội, hay kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ để nói, những điều được khai hiển [trong các kinh ấy] không gì chẳng ngoài “*khiến cho hiện tiền hữu tình nhập tri kiến của Phật*”, hoặc có thể đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế. Nói là “*tam-muội*” thì đó chính là tên gọi khác của Chánh Thọ. Đó cũng là “*giác thọ*” (nhận biết, cảm nhận) như thật chân chánh trong

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tâm địa của chúng ta, chẳng bị che lấp, là giác thọ như ý chẳng bị lừa dối, hoặc là giác thọ được thuần thực bởi sức tự tại, nguyện thấy Phật sẽ thấy Phật, nguyện thấy mười phương Phật sẽ thấy mười phương Phật, nguyện nghe pháp thì sẽ được nghe pháp. Vì sao? Nương vào pháp tắc này để tu trì, thâm nhập thực tiễn!

Có người sẽ nêu ra nghi vấn như thế này: “Chúng tôi tu tập hành pháp Ban Châu đã có một thời gian nhất định rồi, vì sao chưa thấy Phật?” Đây quả thật là một vấn đề cần phải xem xét kỹ càng! Hoặc có thể nói là một vấn đề cần phải xem xét thẳng thừng. Nhân duyên và thiện căn nghe pháp chín muồi thì chẳng thể nghĩ bàn, nhưng nghe pháp có tương ứng với thiện căn đã chín muồi hay không, quả thật vẫn phải do các vị thiện tri thức tự mình thông qua hành pháp để nghiệm chứng, người khác chẳng thể làm thay được! Nếu chúng ta chẳng thể như thật quan sát pháp tắc mà chính mình được tiếp xúc, tu tập thâm nhập, sẽ khó thể thật sự nhanh chóng tương ứng. Vì tự tánh tuy bình đẳng nhất vị, tức là như chúng ta thường nói: “*Nơi Phật chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm*”. Nhưng nói theo Tu Đức, nói theo sự vận dụng, sẽ là muôn ngàn sai khác! Trong ngàn vạn sai biệt ấy, tuy không có một vật để có thể đạt được, nhưng do đã huân tập từ vô thủy đến nay, chúng ta thường cho là thật sự có sai biệt. Khi thật sự có ý thức sai biệt ấy, sẽ khó vượt qua, nó sẽ hạn chế mức độ cảm nhận, hay biết của chúng ta trong hiện tại, khiến cho chúng ta thường lẫn lộn trong nhân duyên của sự hay biết, chẳng thể tự dẹp trừ được, thường cho nó là có thật, thường cho là nó chân thật. Thông qua học tập và tu tập kinh Ban Châu, chúng ta có thể lột bỏ sự mê muội ấy, [có thể trừ khử] sự mê muội của chính mình lẫn người khác!

***(Kinh) Nhược hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, dục cụ thành tựu như thị tam-muội, đương tiên thành tựu như thị công đức.***

**(經)若有菩薩摩訶薩，欲具成就如是三昧，當先成就如是功德。**

***(Kinh: Nếu có Bồ Tát Ma Ha Tát muốn thành tựu trọn đủ tam-muội như thế, hãy nên trước hết thành tựu công đức như thế).***

Công đức như thế, tức là thủ hộ một trăm hai mươi hai công đức như đã tuyên thuyết trong phần trước, cũng tức là như đức Thế Tôn đã

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

tuyên nói: Công đức và lợi ích được nêu ra trong một trăm hai mươi hai câu hỏi về Ban Châu tam-muội, hay gọi cách khác là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền, vẫn chưa nêu được chút phần thật sự, chỉ là nêu ra chút phần cho mọi người được thấy, được nghe.

**(Kinh) Hiền Hộ! Đương tri cánh hữu vô lượng công đức, nhiên diệt duyên thử tam-muội nhi sanh.**

**(經)賢護! 當知更有無量功德, 然亦緣此三昧而生。**

**(Kinh: Nay Hiền Hộ! Hãy nên biết còn có vô lượng công đức cũng do tam-muội này mà sanh).**

Chúng ta học Phật, đều biết câu nói: “*Các pháp do nhân duyên sanh*”. “*Các pháp do nhân duyên sanh*” có thể khiến cho hết thảy hữu tình đều có pháp để duyên theo, nương tựa. Đã do nhân duyên sanh, hễ duyên mất, pháp sẽ diệt. Cho nên chẳng đắm nhiễm, tự tánh vốn là không. Trong pháp tắc duyên khởi tánh Không, hữu tình có thể thật sự sanh khởi diệu dụng nhưng vô nhiễm, trong vô nhiễm thường sanh diệu dụng, chẳng sợ hãi nhân duyên vị lai, hiện tiền, chẳng sợ hãi nhân duyên quá khứ, đối với nhân duyên giải thoát sạch lầu, tâm chẳng vướng mắc. Do vậy, “*diệt duyên thử tam-muội nhi sanh*” (cũng do tam-muội này mà sanh), sanh ra gì vậy? Như dưới đây [sẽ nói].

**(Kinh) Phật phục cáo Hiền Hộ ngôn.**

**(經)佛復告賢護言。**

**(Kinh: Đức Phật lại bảo Hiền Hộ rằng).**

[Nghe đức Phật dặn dò] Hiền Hộ, đừng đùn đẩy cho Bồ Tát. Thật ra, Ngài tượng trưng cho mỗi người nghe pháp và tu tập pháp trong hiện tiền!

**(Kinh) Thị trung, hà đẳng tam-muội năng sanh như thị chư công đức hạnh? Sở vị Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, năng sanh như thị chư công đức pháp. Phục thứ, Hiền Hộ! Vân hà danh vị Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dã? Hiền Hộ! Nhược hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thanh tịnh trì giới, cụ túc chư hạnh, độc xử không nhân, như thị tư duy: Ư nhất thiết xứ, tùy hà phương sở, tức nhược Tây Phương A Di Đà Như Lai,**

*Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Thị nhân nhĩ thời, như sở văn dĩ, tức ưng tự tác như thị tưởng niệm: Như ngã sở văn, bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim tại Tây phương, kinh đồ khứ thử quá bách thiên ức chư Phật quốc độ, bỉ hữu thế giới, danh viết An Lạc. Như thị Như Lai, kim hiện tại bỉ, vị chư Bồ Tát châu tấp vi nhiều, xử đại chúng trung, thuyết pháp giáo hóa. Nhiên nhi thị nhân y sở văn cố, hệ niệm tư duy, quán sát bất dĩ, liễu liễu phân minh, chung hoạch kiến bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã.*

**(經) 「是中，何等三昧能生如是諸功德行？所謂菩薩思惟諸佛現前三昧，能生如是諸功德法。復次，賢護！云何名為菩薩思惟諸佛現前三昧也？賢護！若有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷清淨持戒，具足諸行，獨處空閒，如是思惟：於一切處，隨何方所，即若西方阿彌陀如來、應供、等正覺。是人爾時，如所聞已，即應自作如是想念：如我所聞，彼阿彌陀如來、應供、等正覺，今在西方，經途去此過百千億諸佛國土，彼有世界，名曰安樂。如是如來，今現在彼，為諸菩薩周匝圍繞，處大眾中，說法教化。然而是人依所聞故，繫念思惟，觀察不已，了了分明，終獲見彼阿彌陀如來、應供、等正覺也。」**

*(Kinh: Trong ấy, tam-muội như thế nào thì sẽ có thể sanh ra hạnh công đức như thế? Đó là nói Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội có thể sanh ra các pháp công đức như thế. Lại này, Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội? Này Hiền Hộ! Nếu có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì giới thanh tịnh, trọn đủ các hạnh, ở một mình nơi thanh vắng, tư duy như thế này: Trong hết thảy các chốn, ở bất cứ phương nào, đều như [đối trước] Tây Phương A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó, người ấy đứng như những điều đã được nghe, liền tự tưởng niệm như thế này: Như con được nghe A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay đang ở Tây phương, cách nơi đây trăm ngàn ức các cõi Phật. Nơi đó có thế giới*

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*tên là An Lạc. Đức Như Lai như thế, nay đang ở đó, được các vị Bồ Tát vây quanh, ở trong đại chúng, thuyết pháp giáo hóa. Người ấy nương theo điều đã được nghe mà hệ niệm, tư duy, quán sát chẳng thôi, rành rẽ, phân minh, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác).*

Đoạn văn tự này chỉ dạy chúng ta, pháp tắc trong ấy có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức là một pháp dành cho tứ chúng tu tập, chẳng riêng hiền thánh, chẳng riêng tại gia hay xuất gia, mà là dù tại gia hay xuất gia, mọi loài phàm thánh đều có thể an trụ, hành theo, đều có thể hành trì như thế, nhưng có một phương tiện tiền đề<sup>61</sup>! Đó chính là “*thanh tịnh trì giới, cụ túc chư hạnh, độc xử không nhân, như thị tư duy*” (trì giới thanh tịnh, đầy đủ các hạnh, ở một mình chỗ thanh vắng, tư duy như thế). Ở nơi tư duy như thế, lúc ở một mình như thế, trên thực tế là xa lìa tâm địa ồn náo, cũng như sự ồn náo nơi y báo và chánh báo.

Xa lìa ồn náo mười phần quan trọng đối với hành pháp tam-muội. Dẫu cho chúng ta tĩnh lặng, xa lìa ồn náo dù chỉ một phút, tịch tĩnh đọc đoạn kinh văn này, quán sát chỉ trong một phút đồng hồ, quý vị đã gieo chủng tử chẳng thể nghĩ bàn. “*Xa lìa ồn náo*” tức là lìa hết thảy cái tâm nắm níu, tâm xả duyên, tâm ở trong tịch tĩnh. “*Tâm xử tịch tĩnh*” (Tâm trụ trong tịch tĩnh) là ở trong chỗ ồn náo mà chẳng có ồn náo để có thể thấy, ở chỗ tịch tĩnh mà chẳng có tịch tĩnh để có thể thấy. Nếu ở chỗ tịch tĩnh mà thấy có tịch tĩnh thì chẳng gọi là [người trụ trong] A Lan Nhã, mà là kẻ buông lung. Vì lẽ nào? Chúng ta thường thấy có người đến rừng sâu núi thẳm để tu trì. Nếu tham tịch tĩnh, sẽ chẳng phải là người tu trì trụ trong A Lan Nhã, dẫu hành pháp mà chẳng đạt được lợi ích to lớn. Quý vị hãy khéo quan sát! Nếu người sống trong đời hiện tại mà tâm nhàn tĩnh, thủ hộ pháp tắc, dẫu ở trong chỗ ồn náo mà chẳng nhiệt náo, ở trong chỗ nhàn tĩnh mà chẳng nắm níu, sẽ là người thật sự đạt được tịch tĩnh, thâm nhập và quán sát pháp, ắt sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đây là tư tưởng Trung Quán trong tu hành Phật pháp, hoặc có thể nói là tư tưởng chánh quán!

Người tu hành hiện thời thích hướng đến ồn náo. Vì lẽ nào? Do chẳng đạt được lợi ích nơi pháp tắc tịch tĩnh. Hoặc là hướng tới tịch tĩnh để xa lìa ồn náo, tham cầu tịch tĩnh. Kẻ tham cầu nhiệt náo, kẻ tham cầu nhiệt náo phần nhiều là hạng người sợ hãi tịch tĩnh, sợ đọa vào đoạn diệt

---

<sup>61</sup> Có thể hiểu như điều kiện cần phải có để tu tập thành công pháp này.

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tịch tĩnh. Còn kẻ hướng đến cuộc sống tịch tĩnh, là do hy vọng xa lìa ồn náo, tham cầu cảnh tĩnh lặng. Những hạng người ấy đều bị ma biến đổi, chẳng thuộc vào [hạng người được hưởng] lợi ích trong Phật pháp. Nếu chẳng quan sát như thế, phần nhiều sẽ sanh ra tự ngã phiền não. Rất nhiều người tìm cầu khắp nơi một đạo tràng tịch tĩnh, thần thánh, hy hữu, nhưng do tâm địa chẳng tương ứng, cho nên tới một đạo tràng như thế, cũng sẽ thường nảy sanh ý kiến, cho rằng đạo tràng ấy chẳng phải như người ta nói, vì chẳng tương ứng. Nếu tâm địa chẳng tương ứng, tâm địa ồn náo, sẽ ở nơi tịch tĩnh mà chẳng tịch tĩnh. Nếu tâm địa tịch tĩnh, sạch lâu, chẳng có một chuyện gì, dấu ở trong ồn náo, nhưng chẳng bị ồn náo hay nhiệt não bức bách. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo quan sát.

Một mình ta có thể ngồi lặng lẽ nơi thanh vắng. Chỗ thanh vắng ấy xa lìa hết thấy nắm níu, xa lìa hết thấy các duyên tụ tập. Chỗ thanh vắng ấy chẳng có dấu vết, chẳng có gì để đạt được, có phải là yêu cầu quá cao hay không? Chỗ ấy không cao! Nếu làm như thế, sẽ đạt được phương tiện. Quan sát như thế liền đạt được thanh tịnh. Tùy thuận như thế liền được an lạc. Thực tập như thế, tất nhiên thành tựu. Có nhiều vị tri thức tìm Bồ Đề khắp Giang Nam, Giang Bắc, truy tìm đạo tràng, tìm kiếm tri thức, nào có biết đã đánh mất tri thức thật sự, đạo tràng thật sự, pháp tắc thật sự, tịch tĩnh thật sự ngay trong hiện tiền! Tìm nhiều nơi chốn, nắm níu nơi chốn khá nhiều, có nhiều điều lấy bỏ, kết quả là tu pháp càng ngày càng xa, chẳng đạt được lợi ích, sanh khởi hoạn nạn phiền não, do chẳng lập chánh kiến, hư vọng vun đắp tâm trí phân biệt, chấp trước. Muốn đạt được pháp tắc thanh tịnh an lạc, pháp tắc bình đẳng, pháp tắc thiện xảo trong tâm trí chấp trước, cũng giống như nấu cát mong thành cơm hay cháo vậy! Chúng ta học giáo ngôn Bát Nhã Ba La Mật, sự tịch tĩnh trong núi rừng chẳng phải là tịch tĩnh thật sự. Có thể coi sự tịch tĩnh nơi núi rừng là tịch tĩnh, [cũng như quán] các thứ ồn náo chẳng phải là ồn náo. Có thể gây nên ồn náo là vì chúng chẳng có tự tánh. Thấy “chẳng có tự tánh” chính là thủ hộ tịch tĩnh, xa lìa nắm níu, xa lìa duyên sợ hãi, chẳng sợ hãi nhân duyên cũng chính là “*trụ trong an lạc tịch tĩnh*”. Thoạt nhìn lời này dường như rất cao, thật ra là yêu cầu rất bình thường. Hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

*“U nhất thiết xứ, tùy hà phương sở, tức nhược Tây Phương A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác. Thị nhân nhĩ thời, như sở văn dĩ, tức ưng tự tác như thị tướng niệm”* (Trong hết thấy mọi nơi, ở bất cứ phương nào, đều như đối trước Tây Phương A Di Đà Như Lai,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Khi đó, người ấy đúng như những gì đã được nghe, hãy nên tưởng niệm như thế này). Chúng ta thấy văn tự trong phẩm này toàn là hướng dẫn mọi người vận dụng tư duy chánh đáng, quan sát bình thường, chẳng có gì là “pháp tắc đặc thù, chẳng thể nghĩ bàn, huyền diệu”, mà toàn là tốt bậc bình thường, chánh quán tư duy thật thà, chánh quán quan sát.

*“Nhu ngã sở văn, bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim tại Tây Phương”* (Như con được nghe, đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay ở phương Tây): Đối với phương Tây, Quán Kinh đã chép mười phần cụ thể, đó là phương hướng mặt trời lặn. Chúng tôi đến núi Linh Thứu, nơi đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ, nơi giảng đài Linh Thứu, phương hướng đối trước đại chúng chính là phương hướng mặt trời lặn. Đức Thế Tôn đối diện phương Đông. Thiện Đạo đại sư miêu tả phương Tây càng tiêu chuẩn hơn! Chẳng hạn như Ngài nói: Trong hai mùa Đông và Hè, mặt trời chên về hướng Nam hay hướng Bắc, chẳng thể coi là hướng chánh Đông hay chánh Tây. Nhưng tại Trung Hoa vào hai mùa Xuân và Thu, quỹ tích quỹ đạo của mặt trời cũng khá đúng tiêu chuẩn. Lúc đó, coi phương vị của mặt trời lặn chính là phương Tây. Đấy thật sự vẫn là vì khiến cho mọi người đặt ý niệm nơi đó. Vì thế, các vị thiện tri thức và người niệm Phật trong quá khứ, chẳng xoay lưng về phía Tây.

Giữ ý niệm đối diện như thế, dùng làm phương tiện để tư duy tu hành, dù đắc tam-muội hay chẳng đắc tam-muội. Ví như người xuất gia chúng ta lúc từ biệt thân nhân, sắp xuống tóc, thọ giới sa-di, hãy nên lễ kính cha mẹ. Nếu cha mẹ hiện tiền, bèn lễ kính ngay trong hiện tiền. Nếu [cha mẹ] chẳng hiện tiền, liền hướng về phương hướng nơi cha mẹ đang ở mà lễ kính từ biệt. Sự từ biệt ấy rất có ý nghĩa. Lễ kính hướng vọng về phương hướng ấy cũng là mười phần có ý nghĩa. Vì lễ nào? Do là nơi nghiệp báo. Do cái này có mà cái kia có, chân thật chẳng dối. Nếu quý vị tưởng là hư vọng, sẽ chẳng được tương ứng. Nếu tưởng là hư vô, tưởng là đoạn diệt, sẽ chẳng có công đức chân thật. Giống như hiện thời chúng ta thấy Dược Sư Phật, hay thấy A Di Đà Phật, quý vị phải có cái gọi là “*phương hướng, đối tượng để quan sát*” thì mới có thể khiến cho quý vị được thấy, được biết, chẳng phải là sử dụng tâm trí vọng tưởng. Như vậy thì khi quý vị thấy, sẽ chẳng phải là vọng tưởng, sẽ có thể như thật được thấy, được nghe nơi hiện duyên. Tuy bản chất [của các cảnh giới được thấy] là vô tự tánh, nhưng khi quan sát, liền sanh diệu dụng. Khi tương ứng, chắc chắn nghe pháp. Khi được gia trì, chắc chắn sẽ đạt được



***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

phương tiện vô úy, và sức thần thông tự tại rộng lớn. Ở đây, trọn chẳng thể lường tuồng, qua quít, chẳng có mảy may nào mê mờ. Có nhiều kẻ dùng “*tánh Không*” để phê phán giáo ngôn Tịnh Độ, thật sự là [những ngôn luận] vô ý nghĩa! Vì sao? Chúng sanh trong thế gian, báo đức có sai khác.

Tịnh độ và trược độ (uế độ) rốt cuộc là do các nghiệp [sai khác] mà hiện hiện sai biệt. Sự sai biệt ấy tuy xét theo bản chất thì chẳng khác, nhưng khởi dụng (dấy lên tác dụng), ắt cũng có khác biệt. Do vậy, khiến cho chúng sanh ai nấy đều xả trừ nghiệp khổ não, tiến hướng pháp tắc thanh tịnh an lạc, quốc độ an lạc, chọn lựa pháp như thế, thành tựu Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời. Các vị thiện tri thức ơi! Phải như thật tư duy, như thật quan sát, nương theo lời dạy của đức Thế Tôn, đừng nương theo vọng tưởng, đừng vâng theo lời của ai khác! Nếu chúng ta chẳng tùy thuận kinh điển để chánh tư duy, quan sát, sẽ nương theo cách nghĩ của chính mình mà tư duy, quan sát. Nhưng chúng ta từ vô thủy đến nay, tư duy phần nhiều là bị tham, sân, si, mạn, nghi, và tri kiến chẳng chánh đáng sai khiến, bị che lấp bởi tập khí của chính mình, tức là tư duy trong nghiệp tướng của Ngũ Cái, Nhị Chương, và Tam Chương<sup>62</sup>, chẳng thể sanh khởi lợi ích thật sự thanh tịnh trong học Phật.

*“Kinh đồ khừ thử quá bách thiên ức chư Phật quốc độ. Bỉ hữu thế giới, danh viết An Lạc. Như thị Như Lai, kim hiện tại bỉ, vị chư Bồ Tát châu táp vi nhiều, xử đại chúng trung, thuyết pháp giáo hóa”* (Cách đây trăm ngàn ức các cõi Phật, nơi đó có thế giới tên là An Lạc. Đức Như Lai như thế nay đang ở đó, được các vị Bồ Tát vây quanh, ở trong đại chúng, thuyết pháp giáo hóa). Đây đều là nội dung quan sát thực tế. Quán Kinh mô tả càng cụ thể hơn. Ở đây là đức Thế Tôn nói kinh giáo để chúng ta tư duy. Chúng ta tùy thuận lời dạy của đức Phật để chánh tư

---

<sup>62</sup> Nhị Chương là Sở Tri Chương và Phiền Não Chương. Tam Chương là Phiền Não Chương, Nghiệp Chương và Báo Chương (đây là giáo nghĩa được nói trong kinh Đại Bát Niết Bàn). Tuy vậy, sách Hoa Nghiêm Khổng Mục (tức sách Hoa Nghiêm Kinh Nội Chương Môn Đăng Tập Khổng Mục Chương của ngài Trí Nghiễm) lại phán định ba loại Phiền Não Chương như sau, và cũng gọi chúng là Tam Chương:

1. Bỉ Phiền Não Chương (phiền não chương ngoài da), tức là Tư Hoặc trong tam giới như tham, sân, si... do đối ứng với lục trần mà sanh khởi phiền não.
2. Nhục Phiền Não Chương (phiền não chương trong thịt), tức Kiến Hoặc, như các kiến chấp đoạn, thường v.v... đều do nội tâm sanh khởi phân biệt.
3. Tâm Phiền Não Chương tức là căn bản vô minh. Do mê chân tâm mà có loại phiền não này, nên gọi là Tâm Phiền Não Chương.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

duy. Tư duy như thế rất trọng yếu. Trong việc tu trì tam-muội, do tu trì tam-muội, dấu chưa thấy Phật, nhưng đã gieo chủng tử thấy Phật, đã an lập thanh tịnh, chẳng khác gì thấy Phật. Người quán như thế thì sẽ được an lạc.

“*Nhiên nhi thị nhân y sở văn cố, hệ niệm tư duy*” (Nhưng người ấy do nương theo điều đã được nghe mà hệ niệm, tư duy): Đây là từng bước hướng dẫn chúng ta tư duy đúng như lời dạy. Hiện thời, thiện tri thức tư duy đúng như giáo pháp càng ngày càng ít. Vọng tưởng toi bời! Nói cái gì mà “tôi niệm Phật, nhưng tôi không tin thế giới Cực Lạc, cũng chẳng hướng đến thế giới Cực Lạc”. Chẳng biết nỗi khổ luân hồi trong thế giới Sa Bà, chẳng biết nỗi khổ khăn đien đảo trong thế giới Sa Bà này. Giống như tòa điện đường này, chúng ta không ngừng trang nghiêm nó, nhưng bất luận trang nghiêm như thế nào đi nữa, sử dụng một khoảng thời gian, tất nhiên nó sẽ bị suy hoại, tất nhiên sẽ mất đi. Cũng giống như vậy, sanh mạng của chúng ta có thể là rất trẻ trung, khỏe mạnh, nhưng sẽ già đi rất nhanh, chết đi. Tướng vô thường ấy trong cuộc sống của ai cũng đều luôn luôn biểu hiện, đừng nghĩ là có cái thường hằng. Nếu người nào chẳng cho là thường hằng, tất nhiên sẽ hướng đến một pháp tắc, pháp tắc gì vậy? Liễu giải pháp tắc bản chất của hết thảy vạn sự vạn vật, tức là tiên hướng đạo nghiệp Bồ Đề. Đối với đạo nghiệp, sẽ phần nhiều chọn lựa. Như thế thì sẽ trọn chẳng tham nhiễm thế giới Sa Bà, hoặc là sẽ sợ hãi thế giới Sa Bà này mà sanh về Cực Lạc. Vì lẽ nào? Do có thể độ thoát hữu tình trầm luân trong thế giới Sa Bà. Chúng ta cầu vãng sanh cũng thế, chính mình và người khác cùng vãng sanh cũng thế, hoặc khiến cho chúng sanh vãng sanh trước, còn bản thân sẽ vãng sanh cuối cùng cũng thế, hoặc khiến cho hết thảy chúng sanh vãng sanh thành Phật trước, bản thân ta thành Phật cuối cùng cũng thế, trong các thứ pháp tắc, đều là lợi ích chân thật, lợi ích như thật, như đức Thế Tôn đã tuyên nói trong khắp các kinh.

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã đối trước Hiền Hộ Bồ Tát tuyên nói một phương pháp chánh tư duy quan sát, cũng là một pháp tắc để mong đạt được Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Pháp tắc này mười phần đơn giản, giống như pháp tắc để tu trì hồng thấy Phật trong mộng do Thiện Đạo đại sư đã dạy. Tôi gặp rất nhiều vị xuất gia và tại gia học tập Tịnh Độ, nhưng coi thường pháp tắc ấy! Khéo sao, pháp tắc ấy lại là một pháp tắc rất then chốt! Tư duy như thế, quán sát cặn kẽ như thế, mười phần trọng yếu! Thông thường, các vị Bồ Tát học Phật ở đất Hán đa số tôn sùng tri kiến cao thượng, tức là cái được gọi là Không

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Kiến, hay giải thoát tri kiến v.v... Thật ra, chính mình chẳng thể thiết lập một pháp tắc cao thượng, lại chẳng thể có một pháp tắc như thật để rành rẽ quan sát kỹ càng, chẳng thể như thật thâm nhập để quán sát chánh đáng, vi tế, thuần thực!

“*Quán sát bất dĩ, liễu liễu phân minh, chung hoạch kiến bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác dã*” (Quán sát chẳng ngại, rành rẽ phân minh, rốt cuộc thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác): Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn ân cần dặn dò đại chúng, tức hiện tiền đại chúng, quý vị hãy nên chọn lựa như thế nào? Vẫn là phải nên từ bỏ lối tư duy tạp loạn, chẳng rõ ràng của chính mình. Đừng tư duy về chuyện huyền diệu hay chẳng huyền diệu, tư duy cao thấp, tư duy thiện ác, tư duy tương ứng hay chẳng tương ứng. Hãy nương theo giáo ngôn của đức Thế Tôn mà tư duy, sẽ rất thuận tiện, trực tiếp. Đó gọi là do y giáo mà đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Do tín thuận giáo, cho nên công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do tùy thuận Phật lực nên trừ khử các chướng hiện tiền. Hiện thời, chúng ta có chướng gì vậy? Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng.

Hơn nữa, người Hán có chấp trước Sở Tri Chướng tốt bậc sâu dày, ngoan cố, rất nặng nề! Vì nhân duyên giao thiệp của người Hán mười phần rộng khắp, nhất là trong tình trạng hiện thời, Nam Bắc xuyên suốt, tùy ý di chuyển, tham học chẳng trở ngại, học pháp chẳng trở ngại. Tuy là chẳng trở ngại, nhưng khắp nơi chẳng hiển hiện công đức và lợi ích! Chỉ là học tạp, học cho có vào, chẳng thể thâm nhập, tâm trí rã rời, giống như nước lũ, chẳng thể đắc lực trong ấy. Vì thế, tham học càng rộng mà nếu chẳng thể tập trung vào một pháp môn, tức là có vấn đề về sự thâm nhập, tu tập, quan sát. Kết quả là tự tâm rời rã, lãng phí nhân duyên sanh mạng. Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải tư duy sâu xa, tinh tế điều này!

***(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như thế gian, nhược nam, nhược nữ, u thuy mộng trung, kiến chủng chủng sự. Sở vị kim, ngân chúng bảo, trân tài, thương khổ, hoặc kiến bằng hữu, chư tri thức bối, hoặc kiến giác thời, tâm bất lạc giả. Thị nhân mộng trung, sở đối cảnh giới, hoặc vi, hoặc thuận, hoặc ưu, hoặc hỷ. Hữu thời ngữ ngôn, hoan hân Cự Lạc. Hữu thời thăm thích, tận ý bi ai. Thị nhân ngu dĩ, tư duy ức niệm, như mộng sở kiến, vị tha quảng tuyên, truy niệm mộng trung, tiện sanh ưu hỷ. Như thị Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, đoan tọa hệ niệm, chuyên tâm tưởng bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng***

**Cúng, Đẳng Chánh Giác, như thị tướng hảo, như thị oai nghi, như thị đại chúng, như thị thuyết pháp.**

**(經)復次, 賢護! 譬如世間, 若男若女, 於睡夢中, 見種種事。所謂金銀衆寶, 珍財倉庫, 或見朋友, 諸知識輩, 或見覺時, 心不樂者。是人夢中, 所對境界, 或違, 或順, 或憂, 或喜。有時語言, 歡欣極樂。有時慘感, 盡意悲哀。是人寤已, 思惟憶念, 如夢所見, 爲他廣宣, 追念夢中, 便生憂喜。如是賢護! 彼善男子善女人, 端坐繫念, 專心想彼阿彌陀如來、應供、等正覺, 如是相好, 如是威儀, 如是大衆, 如是說法。**

*(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Ví như trong thế gian, dù nam hay nữ, trong khi mơ ngủ, thấy đủ mọi chuyện, như là vàng, bạc, các thứ báu, của cải quý báu, kho lẫm, hoặc thấy bạn bè, những kẻ quen biết, hoặc khi gặp họ trong lúc tỉnh thức, tâm chẳng vui vẻ, thì người ấy trong mộng đối với cảnh giới, hoặc trái nghịch, hoặc thuận theo, hoặc lo, hoặc mừng. Có lúc nói năng, vui thích tốt bậc. Có lúc buồn thảm, tốt bậc bị ai. Người ấy thức giấc, suy nghĩ, nhớ lại những gì đã thấy trong mộng, nói cặn kẽ với người khác, tưởng nhớ chuyện trong mộng, bèn sanh buồn, vui. Đây Hiền Hộ! Như thế đó, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy ngồi ngay ngắn, chăm chú, chuyên tâm tưởng A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tướng hảo như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế, thuyết pháp như thế).*

Đoạn văn tự này mười phần rõ ràng, xác đáng, dùng giấc mộng làm tỷ dụ để nói. Trong mộng, dù vui hay buồn, dù thuận duyên hay nghịch duyên, sau khi tỉnh giấc, lúc kể nói, sẽ sanh lòng vui hay buồn. Lúc nói tới duyên gây buồn, bèn sanh lòng buồn. Lúc nói tới duyên gây vui vẻ, bèn sanh lòng hoan hỷ. Quán Phật cũng giống như thế.

**(Kinh) Như văn hệ niệm, nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ. Như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ, như tiên sở văn, cụ túc niệm cố. Thị nhân tất đố A Di Đà Như**

*Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã. Nhược w trú thời, bất năng kiến giả, nhược w dạ phần, hoặc thụy mộng trung, A Di Đà Phật tất đương hiện đã.*

**(經)如聞繫念，一心相續，次第不亂，或經一日，或復一夜。如是或至七日七夜，如先所聞，具足念故。是人必睹阿彌陀如來、應供、等正覺也。若於晝時，不能見者，若於夜分，或睡夢中，阿彌陀佛必當現也。**

*(Kinh: Hệ niệm đúng như những gì đã được nghe, nhất tâm tiếp nối, theo thứ tự chẳng loạn, hoặc trải qua một ngày, hoặc là một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm, đúng như đã nghe từ trước, do niệm đầy đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu vào lúc ban ngày chẳng thể thấy, thì hoặc là trong ban đêm, hoặc khi nằm mộng, A Di Đà Phật ắt sẽ hiện ra).*

“*Thứ đệ bất loạn*” là liên tục chẳng loạn, tư duy theo thứ tự, hoặc là liên tục nhất tâm. Lời dạy “*thứ đệ bất loạn*” mười phần quan trọng. Trong pháp môn Tịnh Độ, như kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ do pháp sư Huyền Trang dịch. Đó là bản kinh “*trực dịch*” (dịch sát từng chữ một), nhất định có sai biệt với bản kinh A Di Đà do La Thập đại sư dịch ý. Tuy cùng một bản tiếng Phạn, nhưng lượng chữ sai khác cũng khá lớn. Vì là bản kinh trực dịch, cho nên bản tiếng Phạn có bao nhiêu câu, liền dịch ra tương ứng [bấy nhiêu câu], chẳng tăng, chẳng giảm, nhưng dịch ý thì chẳng phải vậy. Như La Thập đại sư do “*Tần nhân háo giản*” (người đất Tần chuộng đơn giản), có nghĩa là người Trung Hoa thích đơn giản. Ngài từ nước Quy Tư (Kutsi, Kucina, Kuche) vào đất Trung Hoa nhằm triều đại Diêu Tần, cho nên Ngài gọi người Trung Hoa là “*Tần nhân*”. Do người đất Tần chuộng đơn giản, cho nên Ngài phần nhiều dịch ý. Rõ rệt nhất là khi Ngài dịch bộ Đại Trí Độ Luận của Long Thọ Bồ Tát, đã tóm gọn [nguyên tác] bộ Đại Trí Độ Luận gồm một ngàn quyển thành một trăm quyển. Nay chúng ta thấy Đại Trí Độ Luận là năm bộ; nếu trực dịch cả một ngàn quyển của Đại Trí Độ Luận, sẽ thành năm mươi bộ. Cũng có nghĩa là đối với tác phẩm Đại Trí Độ Luận, La Thập đại sư đã giản lược chín phần mười, chừa lại một phần mười thí cho đại chúng chúng ta, nhưng Ngài có thể tuyên nói [ý chỉ chú giải kinh Đại Bát Nhã của Long Thọ Bồ Tát] rõ ràng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Tâm lực chẳng thể nghĩ bàn! Văn tự của La Thập đại sư rất ngắn gọn, thuận tiện, chẳng tăng giảm nội dung, nhưng đã rút gọn một lượng lớn văn tự. Vì thế, đa số người có trí khen ngợi, nhưng kẻ tâm trí tầm thường, hoặc tâm lực chẳng đủ, nhìn vào sẽ sanh ra lầm loạn, hoặc thốt ra các cách suy nghĩ chẳng tương ứng! Pháp sư Huyền Trang là một vị Tam Tạng pháp sư theo lối tân dịch lỗi lạc thời ấy, một lần nữa lại sang Ấn Độ thỉnh kinh bằng tiếng Phạn để dịch sát theo nguyên văn, nhằm tránh khuyết điểm trong lối dịch ý.

Trong bản kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ theo lối trực dịch của pháp sư Huyền Trang có nói: *“Nhược nhất nhật dạ, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc tứ, hoặc ngũ, hoặc lục, hoặc thất, hệ niệm bất loạn”* (Nếu một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hệ niệm bất loạn). Trong kinh A Di Đà được dịch theo lối dịch ý, La Thập đại sư viết: *“Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn”* (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn). Bốn chữ *“nhất tâm bất loạn”* ấy xưa nay đã khiến cho nhân duyên của bao nhiêu người bị ngắc ngứ. Bởi lẽ, nhất tâm bất loạn, bất luận là Lý nhất tâm, hay Sự nhất tâm bất loạn, quả thật bọn phàm phu tầm thường chẳng dễ gì léo hánh được! Do đó, đối với vấn đề pháp tắc ấy, pháp sư Huyền Trang đã thấy khuyết điểm ấy, bèn dịch lại một bản mới theo lối trực dịch, tức Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Vừa mở đầu, đã khiến cho mọi người có cảm giác mới mẻ. Trong ấy có nói: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc là một ngày đêm, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm chẳng loạn. Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng sẽ hiện ra trước mặt. Sự sai biệt giữa *“nhất tâm bất loạn”* và *“hệ niệm bất loạn”* là nhìn theo văn tự. Dùng tâm địa để án khế thì *“hệ niệm bất loạn”* thuộc vào phạm thánh, *“nhất tâm bất loạn”* là nói riêng biệt, đặc biệt. Nói theo kiểu riêng biệt, đặc biệt, thì kẻ tương ứng sẽ hoan hỷ, kẻ chẳng tương ứng sẽ vứt bỏ pháp ấy. Nếu là người siêng gắng nơi pháp này, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm bất loạn, sẽ thuận tiện lắm! Đối với phàm hay thánh, đối với kẻ tương ứng, hay chẳng tương ứng, cách nói ấy đều có pháp tắc để tư duy và hệ niệm, hoặc nói cách khác là có một cơ chế dung dị hơn.

Ở đây, lại càng nổi bật là đức Thế Tôn nêu ra cho chúng ta thấy sự tư duy và tu trì trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

muội. Toàn bộ phẩm này và phẩm sau đều nhằm làm cho chúng ta tu duy đúng như lý. Phẩm này có tên là Hiền Hộ Phần Tư Duy phẩm đệ nhất (phần Hiền Hộ [của kinh Đại Tập], phẩm thứ nhất Tư Duy). Cũng có nghĩa là đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, chỗ thực hiện đầu tiên là hướng dẫn chúng ta về thứ tự của chánh tư duy. Trong Phật giáo, Tư Duy mười phần quan trọng. Đạt Ma tổ sư của nhà Thiên từ phương Tây sang, truyền bá phương tiện “*bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*” (chẳng lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo) tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) để ngăn trở, bảo vệ giới Phật giáo Trung Hoa phần nhiều mê mải trong văn tự, ngôn thuyết, chẳng thể trực tiếp thấu đạt lòng người, đối ứng với trạng huống như thế mà sư tử hồng. Đây là nhân duyên trong thưở đó.

Nếu chúng ta chấp vào một phương diện nào đó, chẳng khéo tư duy, hư vọng lập ra một cái gọi là Tâm, tâm địa, hoặc là pháp tắc thuộc về Không, sẽ chẳng thể thâm nhập, thọ dụng an lạc, hoặc nói tới các cảnh giới diệu dụng được. Trong sức tu trì của các thứ pháp tắc, như trong các pháp tắc do cổ nhân đề ra, thì có Tứ Lực Thuyết, hoặc Ngũ Lực Thuyết. Trong Tứ Lực Thuyết, có tâm lực, duyên lực, cảnh giới lực, và quán tập lực. Chúng ta phải vận dụng thỏa đáng quán tập lực, cảnh giới lực, và duyên lực. Nếu chẳng vận dụng thỏa đáng, tự tâm sẽ chẳng thể tương ứng, tức là chẳng thể lìa khổ, được vui, tiêu trừ Phiền Nã Chướng, tiêu trừ Sở Tri Chướng, chẳng thể thúc đẩy xuất sanh công đức như thế. Do vậy, nhiều người hành pháp tắc “*nước lạnh ngâm tảng đá*”<sup>63</sup>, thoạt nhìn dường như tu trì, nhưng chẳng thể tăng trưởng công đức. Thoạt nhìn dường như tu trì, nhưng chẳng có thực chất thọ dụng của việc theo thứ tự thâm nhập các pháp tắc, tức là [chẳng thâm nhập] công đức tạng, an lập trong sự xếp đặt hư giả của chính mình, hoặc có thể nói là sự xếp đặt ấy rỗng tuếch. Chính là như chúng ta từ các nơi tìm đến nơi đây, đối với phong cảnh trên đường, nếu quý vị lưu luyến chẳng dứt được một chỗ nào, sẽ chẳng thể thấy mục đích cuối cùng. Nếu chúng

---

<sup>63</sup> “*Lãnh thủy phao thạch đầu*” (冷水泡石頭, nước lạnh ngâm tảng đá) là thuật ngữ của Thiên Tông nhằm đả phá cách tu hành sai lầm, chấp trước. Thiên sư Thánh Nghiêm đã giải thích như sau: “*Thiên Tông có một thuật ngữ gọi là ‘nước lạnh ngâm tảng đá’. Nếu dùng nước lạnh ngâm đậu, đậu sẽ có thể dấy lên biến hóa, nhưng dùng nước lạnh ngâm tảng đá cả trăm năm, cả ngàn năm, cả vạn năm, nước lạnh vẫn là nước lạnh, đá vẫn là đá. Do vậy, dùng Thiên pháp Khán Thoại Đầu để tu hành, chẳng phải là giữ cho tâm không có gì, mà là trong tâm chỉ có một câu thoại đầu*” (trích từ ngữ tắc 123 trong bộ Thánh Nghiêm Pháp Sư Giáo Thoại Đầu Thiên).

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

ta chẳng nhìn phong cảnh chung quanh, tức là cứ mò mịt mà đi, có thể đạt tới mục đích hay không? Cũng có thể đạt tới mục đích. Nhưng nếu [có thể nhìn ngắm] phong cảnh trên đường, lại có thể đạt tới mục đích, người ấy [đi đường] rất thuận tiện, đã chẳng đánh mất phong cảnh trên đường đi, lại còn chẳng ngưng lại, vẫn đạt tới mục đích. Chúng ta thấy Phật, tức là đạt tới mục đích. “*Quang cảnh trên đường*” hàm ý: Chánh tư duy mười phần trọng yếu. Vì thế, “*nhược kiến bất kiến, giai thị chánh kiến*” (nếu thấy mà giống như chẳng thấy, sẽ đều là chánh kiến), “*nhược nhiệm bất nhiệm, giai thị tán thú*” (nếu đối với nhiệm ô mà chẳng bị nhiệm ô, sẽ đều là tiến nhập). Nói tới “*tán thú*” thì thấy Phật là mục đích, thấy Phật là thành thực. [Pháp tắc đang được nói] ở đây là một pháp tắc rất thuận tiện.

Chúng ta học tập phẩm Tư Duy, trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn, đốc thúc chúng ta “*nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ. Như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ, như tiên sở văn, cụ túc niệm cố, thị nhân tất đắc A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã*” (nhất tâm liên tục, chẳng loạn thứ tự, hoặc trải qua một ngày, hoặc lại một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm, đúng như những điều đã nghe trước đó. Do niệm trọn đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác). Ở đây, đức Thế Tôn đã dùng các kinh để ấn chứng lẫn nhau. Những điều được nói ở đây hoàn toàn phù hợp với Quán Kinh, kinh A Di Đà, và kinh Vô Lượng Thọ. Các giáo ngôn ấy đều tuyên nói đúng thật như thế!

Trong Tạng truyền Phật giáo, chúng ta thấy họ bố trí đàn tràng mười phần nghiêm cẩn. Vì sao? Họ lấy đàn tràng ấy làm mục tiêu, dùng làm chỗ để quan sát thuần thực tâm địa, làm chỗ để tư duy, cúng dường, thủ hộ, ngày đêm siêng gắng. Tôi đã đến một nơi gọi là Thiên Phật Động, trong ấy, có một đàn tràng của A Di Đà Phật. Một bức tượng A Di Đà Phật đứng rất cao, trọn đủ diệu tướng. Đàn tràng mười phần trang nghiêm, cụ thể. Hoa văn và màu sắc miêu tả các thứ trang nghiêm trong quốc độ của A Di Đà Phật rất đẹp đẽ. Vì sao phải bố trí một đàn tràng? Để khiến cho tâm trí của ta dần dần đạt đến an lạc, thâm nhập, đạt tới tinh tế, trang nghiêm, thành thực. Đó là một quá trình mười phần quan trọng. Quá trình ấy cũng là ngoại duyên để sanh khởi pháp ích. Nhiều lượt tập luyện trong ấy, ắt sẽ có thể khiến cho người tu tập có thể đạt được sự an lạc trong pháp tắc. Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng khinh mạn tướng ấy, do tướng ấy vô tướng. Đừng coi rẻ tướng ấy, tướng ấy chính là



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

cơ chế giáo ngôn trọng yếu hàng đầu trong bốn pháp độ chúng sanh của đức Thế Tôn. Tức là *“nuông theo thân tướng diệu sắc để cảm hóa thế gian, độ thoát chúng sanh, tiêu trừ nghiệp chướng cho chúng sanh, thuận thực thiện căn của chúng sanh”*.

Do tại Trung Hoa, giáo ngôn của Thiên Tông được truyền bá rất mạnh, dần dần khiến cho mọi người hiểu lầm đối với tướng và tướng giáo, sanh ra rất nhiều điều chẳng tương ứng! Tướng ấy chứng minh sự thiện xảo của oai đức vô tướng. Do đó, dùng đủ loại tướng trang nghiêm và oai đức để lợi ích thế gian, thành thực thế giới, đừng nên sợ hãi! Các tướng vô tướng, nào ngại các tướng có tướng, hoặc tướng nào cũng là vô tướng ư? Đừng nên sợ hãi chỗ này! Đó gọi là hành pháp của Bồ Tát chẳng phá hoại Sắc, nhưng chẳng nhiễm Sắc, chẳng sợ Sắc, dùng các thứ sắc pháp để lợi ích thế gian. Do chẳng nhiễm cho nên đắc lực nơi pháp này. Nếu đắm nhiễm, sẽ mờ mịt, mê mất tự tâm.

Đoạn văn tự này mười phần rõ ràng, cùng một mạch truyền thừa với kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ, đều do Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đứng như lý tuyên nói, khiến cho hữu tình đang ở trong phiền não và vọng tưởng sẽ có chỗ nương cậy để chánh tư duy và chánh quan sát. Đoạn văn tự này cũng đề cập *“như văn hệ niệm, nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ, như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ”* (hệ niệm đúng như đã được nghe, nhất tâm liên tục, chẳng rời loạn thứ tự, hoặc trải qua một ngày, hoặc lại qua một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm). Kinh điển thường nói *“một ngày một đêm, bảy ngày bảy đêm”*, rốt cuộc là cách nói như thế nào? Đại chúng nhất định đừng dễ dãi đọc lướt qua nhé!

*“Như tiên sở văn, cụ túc niệm cố, thị nhân tất đố A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã. Nhược ư trú thời, bất năng kiến giả. Nhược ư dạ phân, hoặc thụy mộng trung, A Di Đà Phật tất đương hiện dã”* (Do đúng như những điều đã được nghe trước đó mà niệm đầy đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu lúc ban ngày, chẳng thể trông thấy, thì hoặc là vào ban đêm, hoặc trong giấc mộng, A Di Đà Phật ắt sẽ hiện ra). Đó là đối trước hữu tình tư duy, quán sát như thế, quán tưởng như thế mà thốt lời an ủi. Đây cũng là lời như thật. Nếu là như thế mà ban ngày chẳng thấy, trong mộng nhất định sẽ thấy. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn gia trì, sẽ như chúng ta ở trong đêm đen, bỗng trông thấy ngọn đèn chiếu sáng vậy, [khiến cho] chúng ta được thấy, sẽ có cảm nhận. Vì thế, tâm trí mê mất của chúng ta

sẽ được hướng dẫn. Lúc đang đi trong đêm tối đen kịt, nếu bỗng dung có vầng thái dương mọc lên, hoặc là có một thứ gì đó chiếu sáng tỏ, trong tâm chúng ta sẽ dấy lên niềm hy vọng và cảm kích. Trong đêm đen luân hồi mờ mịt, trong thế giới đen kịt vì bị Phiền Nảo Chướng và Sở Tri Chướng phủ lấp, bỗng dung nhìn thấy vầng nhật luân quang minh vô ngại là A Di Đà Phật, tâm trí chúng ta nhất định sẽ dâng lên niềm vui sướng và hướng về. Chúng ta có thể xem xét kỹ càng đúng như thật hay không?

Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn còn hướng dẫn chúng ta.

*(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như thế gian, nhược nam, nhược nữ, viễn hành tha quốc, u thụy mộng trung, kiến bản cư gia thất thời, thật bất tri vi trú, vi dạ, nhi diệc bất tri vi nội, vi ngoại. Thị nhân nhĩ thời, sở hữu nhân căn tường, bích, thạch, sơn, chung bất năng chướng, nãi chí u minh, hắc ám, diệc bất vi ngại dã. Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát tâm vô chướng ngại, diệc phục như thị.*

**(經)復次，賢護！譬如世間，若男若女，遠行他國，於睡夢中，見本居家室時，實不知爲晝爲夜，而亦不知爲內爲外。是人爾時，所有眼根牆壁石山，終不能障，乃至幽冥黑暗，亦不爲礙也。賢護！菩薩摩訶薩心無障礙，亦復如是。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như dù nam hay nữ trong thế gian, đi xa sang nước khác, trong khi mơ ngủ, thấy nhà cửa mà mình đang ở, quả thật chẳng biết là ngày hay đêm, cũng chẳng biết là trong hay ngoài. Khi đó, nhân căn của người đó tất cả tường, vách, núi, đá trọn chẳng thể chướng ngại, cho đến u minh, tối tăm cũng chẳng trở ngại được. Này Hiền Hộ! Tâm Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chướng ngại cũng giống như thế).*

Chúng ta tư duy, quan sát thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật như quê nhà, hoặc nhà cửa của chính mình, giống như vật quen dùng của chính mình, thuần thực như thế, quan sát như thế, tư duy như thế, vậy thì hết thảy cũng vô ngại. Đó gọi là “*mười vạn ức Phật độ chẳng bị trở ngại*”. Một niệm tín quyết định là được, sẽ liền vượt qua. Núi, sông, đại

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

địa, hết thấy vật chướng ngại trọn chẳng thể ngăn trở. Vì sao? Tâm chẳng tồn tại chướng ngại. Giống như thí dụ do đức Thế Tôn nêu ra ở chỗ này: Hàng tại gia cư sĩ chúng ta, bất luận tới nơi nào, cũng đều có gia đình. Hễ quý vị nghĩ tới nhà của chính mình, hết thấy các chướng ngại đều chẳng tồn tại. Vì lẽ nào? Quý vị có cảm giác thân thuộc đối với nhà của mình. Nhà của quý vị ở Bắc Kinh cũng thế, ở Thượng Hải cũng thế, ở nơi nào cũng thế. Hễ quý vị nghĩ ngợi, tất cả nhân duyên trong gia đình đều rành rành trước mắt, núi, sông, đại địa chẳng thể chướng ngại. Chúng ta nghĩ tới thế giới Cực Lạc cũng giống như thế. Nếu thuận thực, sẽ nhìn thấy. Nếu quyết định, sẽ nhìn thấy. Chẳng vướng mắc, sẽ nhìn thấy! Hết thấy khoảng cách, hết thấy núi, sông, đại địa, hết thấy các loại chướng ngại đều cùng lúc vô ngại!

Quý vị tư duy như thế, nương theo các trường hợp thiện xảo về nhân duyên trong thế tục để tư duy. Đức Thế Tôn không chỉ nêu thí dụ như thế, trong phần trước là nói về mộng; ở đây, nói về nhà ở. Đối với tất cả các gia cụ (vật dụng trong nhà), dụng cụ, màu sắc của dụng cụ, người nhà, phương vị trong nhà mình ở, quý vị nhắm mắt, sẽ ngay lập tức nghĩ thấy, cảm giác thấy. Dẫu cách xa ngàn núi vạn sông, nhưng quý vị nhắm mắt liền thấy. Hết thấy núi, sông, đại địa, các thứ xa xôi chẳng hề cách ngăn. Vì sao? Do thuận thực, do trong tâm chẳng có ngăn ngại, chỉ tồn tại những thứ có trong nhà, chẳng thấy hết thấy ngăn ngại là ngăn ngại. Quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật cũng giống như thế, công đức của mười phương chư Phật cũng giống như thế. Nếu tâm địa mạnh mẽ, gìn giữ ý niệm thuận thực, khiến cho chúng ta đối với các tướng cảnh giới quen thuộc, trong hết thấy chướng ngại sẽ quyết định chẳng ngăn ngại! Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải tư duy thuận thực, khéo quan sát chỗ này, chớ nên qua quít!

Phần nhiều kẻ chẳng đạt được lợi ích trong pháp môn Tịnh Độ là vì lảng tránh chỗ này! Rất nhiều người nói “thấy tướng chẳng có ý nghĩa gì hết”. Chẳng phải vậy! Nêu một thí dụ đơn giản nhất, thời xưa có cách nói “*vọng mai chỉ khát*” (望梅止渴, nhìn quả mơ đỡ khát)<sup>64</sup>. Vì sao nhìn

---

<sup>64</sup> Thành ngữ này phát xuất từ một câu chuyện trong sách Thế Thuyết Tân Ngữ, chương Giả Duật: “*Ngụy Vũ hành dịch, thất cấp đạo, quân giai khát, nãi lệnh viết: ‘Tiền hữu đại mai lâm, nhiêu tử, cam toan, khả dĩ giải khát’. Sĩ tốt văn chi, khẩu giai xuất thủy, thừa thử đắc cấp tiền nguyên*” (Ngụy Vũ Đế (Tào Tháo) hành quân gấp rút, quân sĩ đều khát nước, liền truyền lệnh: ‘Phía trước có rừng mai to, lắm trái, vừa chua vừa ngọt có thể giải khát’. Quân lính nghe nói đều chảy nước miếng, nhờ đó [đỡ khát] mà đến được chỗ có nguồn nước). Về sau, từ ngữ lại có một ý nghĩa mở

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

quả mơ mà có thể đỡ khát? Trong thế gian này, không pháp tắc nào chẳng do nhân duyên xuất sanh. Khổ hay lạc không gì chẳng phải do ngoại duyên giúp thành. Loài phàm phu hữu tình chắc chắn là như thế! Chúng ta gặp gỡ giáo ngôn của kinh Ban Châu có công đức rất sâu chẳng thể nghĩ bàn như thế này, đúng là do phước đức hồi thí, khiến cho chúng ta có được phương tiện vận dụng thuần thực để thấy quê nhà thế giới Cực Lạc sẵn có. Vì vậy, đức Thế Tôn khổ tâm ban bố, hướng dẫn đi, hướng dẫn lại, dùng đủ mọi ngôn thuyết khuyến hóa chúng ta chánh tư duy, chánh quan sát, như lý tư duy, như lý quan sát, đừng nên dùng vọng tưởng của chính mình để quan sát. Nếu [quan sát bằng vọng tưởng của chính mình] như thế, sẽ chẳng ngừng mê mất tự tâm, lãng phí tinh lực của chúng ta!

*(Kinh) Đương chánh niệm thời, u bỉ sở hữu Phật sát trung gian, phàm thị nhất thiết Tu Di sơn vương, cập Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, nãi chí tự dư hắc sơn đẳng, bất năng dĩ thủ nhân căn vi chương, nhi diệc bất năng phú tế thủ tâm. Nhiên thị nhân giả, kỳ thật vị đắc Thiên Nhân, năng kiến bỉ Phật, diệc vô Thiên Nhĩ, văn bỉ pháp âm. Phục phi thần thông, vãng bỉ thế giới. Hựu diệc bất u thủ thế giới một, sanh bỉ Phật tiền, nhi thật đản tại thủ thế giới trung.*

**(經)當正念時，於彼所有佛剎中間，凡是一切須彌山王，及鐵圍山，大鐵圍山，乃至自餘諸黑山等，不能與此眼根爲障，而亦不能覆蔽此心。然是人者，其實未得天眼，能見彼佛，亦無天耳，聞彼法音。復非神通，往彼世界。又亦不於此世界沒，生彼佛前，而實但在此世界中。**

*(Kinh: Ngay trong lúc chánh niệm, trong tất cả các cõi Phật ấy, phàm là hết thảy núi chúa Tu Di, và núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, cho đến các hắc sơn khác v.v... chẳng thể chương ngại nhân căn ấy, mà cũng chẳng thể che lấp tâm này. Nhưng người ấy thật sự chưa đắc Thiên Nhân mà có thể thấy đức Phật ấy. Cũng chẳng có Thiên Nhĩ mà nghe pháp âm của Ngài. Lại chẳng có thần thông để tới thế giới ấy, lại cũng*

---

rộng mang dụng ý phê phán những kẻ mơ tưởng dùng giải pháp viên vông để giải quyết vấn đề cấp bách trước mắt.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*chẳng mất đi nơi thế giới này, sanh về trước đức Phật ấy, mà thật sự chỉ ở trong thế giới này).*

Đoạn văn tự này có thể nói thật sự là sự tử hống trong pháp môn Tịnh Độ, tiêu trừ hết thấy chướng ngại nơi tâm trí và cảm giác của chúng ta! Có cảm giác chướng ngại là do chẳng thuần thực, do tạp duyên quá nhiều. Chẳng thuần thực là do tự đặt ra chướng ngại, chẳng phải là thật sự có chướng ngại hay không chướng ngại. Chướng ngại và không chướng ngại là sự lựa chọn của chúng ta, do lựa chọn mà hiển hiện. Chư vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát, khéo thể nghiệm, khéo biến thành thực tiễn!

Ở đây, đức Thế Tôn đã trực tiếp kéo phàm phu vào trong pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội. Cũng có nghĩa là quý vị chẳng đắc Thiên Nhân, mà cũng chẳng có Thiên Nhĩ, nhưng có thể thấy đức Phật ấy, [mà cũng có thể nghe đức Phật ấy]. Như chúng ta đã quá quen thuộc với căn nhà mình cư ngụ, hễ nhắm mắt lại, nghĩ đến nhà của chính mình. Hễ nhắm mắt lại, nghĩ tới hoàn cảnh sống quen thuộc nhất của chính mình, chướng ngại gì cũng chẳng thể chướng ngại được. Do quý vị chẳng có chướng ngại gì, do quý vị tiến thẳng đến mục đích quen thuộc. Do vậy, hết thấy chướng ngại vốn chẳng có chướng ngại, chẳng bận tâm vướng mắc, chẳng thành lập, chẳng xếp đặt! Vậy mà có lúc chúng ta tự xếp đặt chướng ngại.

*“Diệc bất ư thử thế giới một, sanh bỉ Phật tiền, nhi thật đản tại thử thế giới trung”* (Cũng chẳng mất trong thế giới này, sanh trước đức Phật kia, nhưng thật sự ở trong thế giới này): Chúng ta có thể thân chẳng rời bỏ vị (vị trí sẵn có) mà thấy chư Phật, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng rời thế giới Sa Bà này mà thấy mười phương chư Phật. Chẳng tới mười phương cõi nước, mà trông thấy mười phương cõi nước. Đó chính là nội dung và lợi ích thù thắng nhất trong giáo ngôn bất cộng của pháp Niệm Phật [nói chung] và pháp Ban Châu [nói riêng].

Kế đó, đức Thế Tôn còn hướng dẫn chúng ta về pháp tắc để tiến nhập.

***(Kinh) Tích niệm huân tu, cứu quán mình lợi cố, chung đắc đồ bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Tăng chúng vi nhiều, Bồ Tát hội trung, hoặc kiến tự thân tại bỉ thánh pháp, văn dĩ ức niệm, thọ trì, tu hành, hoặc thời phục đắc cung kính, lễ bái, tôn thừa, cúng***

*dường bĩ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác dĩ. Thị nhân nhiên hậu khởi thủ tam-muội,*

**(經)積念薰修，久觀明利故，終得睹彼阿彌陀如來、應等正覺，僧衆圍繞，菩薩會中，或見自身在彼聽法，聞已憶念，受持修行，或時復得恭敬，禮拜尊承，供養彼阿彌陀如來、應等正覺已。是人然後起此三昧。**

*(Kinh: Đã tích lũy ý niệm huân tu, đã quán sáng suốt, nhay bèn lâu ngày, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Tăng chúng vây quanh, ở trong hội của Bồ Tát, hoặc thấy thân mình ở đó nghe pháp. Nghe xong, nghĩ nhớ, thọ trì, tu hành, hoặc có lúc lại cung kính, lễ bái, tôn trọng, thừa sự, cúng dường đức A Di Đà Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác xong. Sau đấy người đó mới khởi tam-muội này).*

Trong đoạn văn tự này, thông qua phương thức chánh tư duy, từng bước hướng dẫn chúng ta thâm nhập cách quan sát thiện xảo như thế: Hoặc là lễ bái, hoặc cúng dường, hoặc thừa sự A Di Đà Thế Tôn. Nếu gặp Thanh Văn, Bồ Tát trước sau vây quanh A Di Đà Như Lai, thấy Phật, nghe pháp, thấy Phật, bèn cúng dường, thủ hộ, cũng đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Vì lẽ nào? Do đúng như lời dạy: “*Tích niệm huân tu, cứu quán minh lợi cố, chung đắc đố bĩ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác*” (Đã tích lũy ý niệm huân tu, đã quán sáng suốt, nhay bèn lâu ngày, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác).

Đoạn văn tự này nhằm khiến cho chúng ta thuận thực tư duy và quán sát. Chúng ta đều biết, Thiện Đạo đại sư là bậc đại thiện xảo thật sự lập tông, lập phái của pháp môn Tịnh Độ. Viễn công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) và một trăm hai mươi ba người nguyện vãng sanh cõi ấy, ảnh hưởng rất rộng. Đàm Loan đại sư hoằng truyền Tịnh Độ ở phương Bắc; thậm chí cảm vờn quốc chúa thuận theo. Do có chim loan thần diệu châu về chỗ Ngài lễ kính, cho nên có nhiều người ngả theo giáo pháp ấy, tu tập pháp môn Tịnh Độ. Tuy là như thế, giáo nghĩa chưa lập. Thiện Đạo đại sư xuất thế, đã thật sự triệt để hiển lộ cơ chế giáo ngôn của pháp môn Tịnh Độ. Xưa nay, chẳng ai không chọn lựa như thế, thừa nhận Thiện Đạo đại sư là vị thiện tri thức thật sự kiến lập tông nghĩa của pháp môn

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Tịnh Độ. Đương nhiên, Ngài chẳng lia kinh giáo, chẳng lia các giáo ngôn và giáo căn (căn bản để lập giáo) được chư tổ sư các đời dần dần hoàn thiện và kế tục các pháp tắc. Thiện Đạo đại sư mười phần coi trọng chuyện tư duy và quán tưởng. Suốt đời, Ngài đã vẽ khá nhiều bức Cục Lạc Thế Giới Thần Biến Đồ (tranh vẽ về sự trang nghiêm, mô tả Phật và thánh chúng trong thế giới Cục Lạc). Chẳng thể nói là [những bức vẽ ấy đúng] như thật biểu hiện thế giới Cục Lạc được, nhưng chúng ta có thể cảm nhận thế giới Cục Lạc qua sự miêu tả [trong các bức họa ấy]. Ngài dùng nhân duyên như vậy để khích lệ mọi người thâm nhập tu tập, quan sát như lý, tức là “*đồ quán thành thực*” (nhìn, quán thành thực), hoặc nói là “*cửu quán minh lợi*” (quan sát sáng suốt, nhạy bén đã lâu), hoặc nói là “*cửu huân tập*” (huân tập đã lâu), khiến cho chúng ta khế nhập pháp tắc này. Thiện Đạo đại sư cũng thường tự mình tạc tượng, vẽ tượng. Vì sao? Để thuần thực pháp tắc cho chính mình, chân thật duy trì pháp tắc này. Người nơi đất Hán phải nên chánh tư duy chỗ “tư duy, hệ niệm” ấy, thường phải nên đổ công dốc sức vào đó. Quý vị chẳng đổ công dốc sức nơi ấy, lại đổ công dốc sức nơi những chuyện rỗng tuếch, nhọc nhằn tạo vọng tưởng, hết sức đau khổ. Nếu chúng ta tư duy và quán sát Phật cho nhiều, thủ hộ Phật, ắt sẽ sanh lòng vui sướng, an lạc to lớn. Quý vị đừng nên chấp trước điều này, chỉ nên siêng gắng ở chỗ này. Quả thật là chẳng thể nghĩ bàn!

Đoạn văn tự này bảo chúng ta: “Thấy Phật thì phải nên nghe pháp. Thấy Phật thì phải nên cúng dường, thừa sự”. Như thế thì thiện căn sẽ nhanh chóng chín muồi! Do trong công án của Thiền Tông Trung Hoa thường có thuyết “*Phật đến bèn chém Phật. Ma đến bèn chém ma*”, cho nên người học Phật tại đất Hán cứ hờ ra là “*Phật đến bèn chém Phật. Ma đến bèn chém ma*”. Ở đây, quý vị chẳng trăm Phật được, mà nhất định phải thấy Phật! Đó có phải là mâu thuẫn với giáo ngôn của đức Phật hay không? Chẳng phải. Trong giáo pháp của đức Thế Tôn, đích xác là có lời dạy dùng tướng hảo để hóa độ chúng sanh. Đức Phật dùng thân tướng kim sắc, thân tướng diệu sắc, thân tướng quang minh, thân tướng oai đức, thân tướng trọn đủ các đức, khiến cho chúng sanh trông thấy bèn đắc độ. Chẳng hạn như tôn giả A Nan vì sao xuất gia? Khi tôn giả A Nan thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, đã hỏi: “Vị này do đâu mà được diệu tướng như thế? Vị này vì lẽ nào mà trọn đủ thân chẳng cấu uế? Ta phải nên theo Ngài, nên xuất gia, nên làm Sa-môn”. Tôn giả A Nan do thấy thân tướng diệu sắc của đức Thế Tôn mà xuất gia. Tôn giả La Hầu La cũng vì cảm xúc vi diệu từ cánh tay Đa La Miên của đức Thế Tôn mà

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

xuất gia. Khi đó, La Hầu La được gặp đức Thế Tôn, đã thắc mắc vì sao cánh tay đức Thế Tôn thon dài, bèn dùng tay sờ. Vừa chạm vào, cảm thấy giống như nắm lấy một thứ tốt bậc mềm mịn, chẳng nở buông! Đức Thế Tôn nói: “Sao không cho đứa bé này xuất gia?” Tăng thượng duyên như thế đó, chúng ta chẳng thể phủ nhận. Trước kia, đôi với cách nói như thế, tôi nảy sinh nhiều nỗi ngờ vực, nhưng mấy năm trước, tôi đã gặp hai vị lão nhân gia, chân tay mềm mại, khiến cho kẻ khác vĩnh viễn chẳng thể quên được! Chớ nên tham đắm những thứ ấy, nhưng nếu đã chạm vào, quý vị sẽ chẳng thể quên được! Nó sẽ tạo thành một phương cách kêu gọi tâm linh của quý vị yêu thích và ngưỡng vọng rất lâu. Vì sao vậy? Vì sao người ấy mềm mỏng đến thế? Vì sao khiến cho người khác vui sướng đến thế? Vì chạm vào một chút, quý vị sẽ cảm thấy mười phần hoan hỷ. Vì sao? Mềm mại như không xương! Thật đấy, chẳng phải là chuyện giả. Chúng ta đừng nên cố chấp vào chuyện này, nhưng chuyện này quả thật đã cảnh tỉnh tâm trí của chúng tôi về sức mạnh lôi cuốn chẳng thể nghĩ bàn [của thân tướng vi diệu].

Vì thế, đức Thế Tôn dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để rộng lợi ích hữu tình trong thế gian. Chúng sanh do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trầm luân trong ấy, chẳng thể tự thoát ra được! Đức Thế Tôn dùng diệu tướng để lợi ích rộng khắp thế gian. Đó là pháp “*dùng thân tướng diệu sắc để rộng độ hữu tình*” trong bốn pháp độ chúng sanh, chớ nên mê mất. Vì đức Thế Tôn thuyết pháp, tám vạn bốn ngàn pháp, pháp nào cũng để độ chúng sanh, pháp nào cũng đều vô ngại. Chớ nên nương theo pháp mà chướng ngại pháp. Nương theo pháp mà báng pháp, nương theo pháp mà nghi pháp. Như thế thì quý vị sẽ phá pháp, phá hoại pháp, chẳng thể đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Đối với chuyện này, trong phần sau, chúng ta sẽ thông thả xem kỹ. Đối với đoạn văn tự này, hy vọng mọi người thật sự có thể đọc nhiều lượt, tư duy cho nhiều!

*(Kinh) Kỳ xuất quán dĩ, thứ đệ tư duy, như sở kiến văn, vị tha quảng thuyết. Phục thứ, Hiền Hộ! Như thử Ma Già Đà quốc, hữu tam trượng phu. Kỳ đệ nhất giả, văn Tỳ Da Ly thành, hữu nhất dâm nữ, danh Tu Ma Na. Bĩ đệ nhị nhân, văn hữu dâm nữ, danh Am La Ba Ly. Bĩ đệ tam nhân, văn hữu dâm nữ, danh Liên Hoa Sắc. Bĩ ký văn dĩ, các thiết phương tiện, hệ ý cần cầu, vô thời tạm phế. Nhiên bĩ tam nhân, thật vị tăng đồ như thị chư nữ. Trục dĩ dao văn, tức hưng dục tâm, chuyên niệm bất tức. Hậu nhân mộng dĩ tại Vương Xá thành, dĩ bĩ nữ nhân, cộng hành dục sự. Dục sự ký thành, cầu tâm diệt tức, hy*



*vọng ký mãn, toại tiện giác ngu. Ngu dĩ, truy niệm mộng trung sở hành, như sở văn kiến, như sở chứng tri, như thị ức niệm.*

**(經)其出觀已，次第思惟，如所見聞，爲他廣說。復次，賢護！如此摩伽陀國，有三丈夫。其第一者，聞毗耶離城，有一淫女，名須摩那。彼第二人，聞有淫女，名庵羅波離。彼第三人，聞有淫女，名蓮華色。彼既聞已，各設方便，系意勤求，無時暫廢。然彼三人，實未曾睹如是諸女。直以遙聞，即興欲心，專念不息。後因夢已在王舍城，與彼女人，共行欲事。欲事既成，求心亦息，希望既滿，遂便覺寤。寤已，追念夢中所行，如所聞見，如所證知，如是憶念。**

*(Kinh: Đã xuất quán (ra khỏi phép quán), bèn theo thứ tự tư duy, đúng như những gì thấy nghe mà kể rộng khắp với người khác. Lại này, Hiền Hộ! Như trong nước Ma Già Đà này có ba trượng phu. Người thứ nhất nghe thành Tỳ Da Ly có dâm nữ (gái làng chơi) tên là Tu Ma Na. Người thứ hai nghe có dâm nữ tên là Am La Ba Ly. Người thứ ba nghe có dâm nữ tên là Liên Hoa Sắc. Họ đã nghe xong, mỗi người lập phương tiện, chú tâm siêng cầu, không lúc nào tạm bỏ. Nhưng ba người ấy thật sự chưa từng gặp các cô gái như thế. Chỉ là nghe đồn, bèn dấy lòng dục, chuyên nghĩ đến chẳng ngơi. Về sau, do họ mộng thấy đã ở thành Vương Xá cùng với các nữ nhân đó cùng làm chuyện dâm dục. Dục sự đã thành, cái tâm mong cầu cũng dứt, niềm mong mỏi đã được thỏa, bèn tỉnh giấc. Tỉnh giấc, bèn nhớ lại chuyện đã làm trong mộng, đúng như thấy nghe, đúng như chứng biết, đúng như nghĩ nhớ).*

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ. Vì hữu tình trong Dục Giới, dục nhiễm nam nữ là một điểm đặc sắc nổi bật, chúng ta khá dễ cảm nhận được!

*(Kinh) Lai nghệ nữ sở, cụ vị nữ thuyết giả.*

**(經)來詣汝所，具爲汝說者。**

*(Kinh: Tới chỗ ông, kể cận kề với ông).*

“*Lai nghệ như sở*” (Tới chỗ ông): “*Nhữ sở*” (Chỗ của ông) là tới chỗ của Hiền Hộ Bồ Tát để nêu bày. Ba người bọn họ tìm đến Hiền Hộ Bồ Tát, đến hỏi phương tiện như vậy, hỏi rốt cuộc là chuyện gì mà có nhân duyên như thế? Trên thực tế, [thí dụ này] nhằm hướng dẫn phạm phu hữu tình trong Dục Giới, dùng phương cách nói về chuyện rõ thấy nhất là dục tình nam nữ, khiến cho tâm trí chúng ta sẽ thuận theo kinh văn mà nhập quán.

*(Kinh) Nhữ ưng vị bỉ phương tiện thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, linh kỳ trụ bất thoái chuyển địa, cứu cánh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bỉ u đương lai, tất đắc thành Phật, hiệu viết Thiện Giác Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.*

**(經)汝應爲彼方便說法，隨順教化，令其住不退轉地，究竟成就阿耨多羅三藐三菩提。彼於當來，必得成佛，號曰善覺如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。**

*(Kinh: Ông hãy nên vì họ phương tiện thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, khiến cho họ trụ nơi địa vị bất thoái chuyển, rốt ráo thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Họ trong tương lai, ắt được thành Phật, hiệu là Thiện Giác Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).*

Ba người như thế, do hệ niệm, cho nên thành tựu điều ham muốn của chính mình. Còn người niệm Phật chúng ta thì sao? Do hệ niệm A Di Đà Phật, cũng có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề! Cùng là thủ hộ ý niệm mong muốn và hướng tới. Dục niệm trong nhân gian mà còn có thể thành tựu, do niệm niệm tiếp nối. Vậy thì chúng ta vì liễu sanh tử, vì độ thoát các thứ nghiệp duyên và nghiệp chướng phiền não từ vô thủy tới nay mà ức niệm Phật, chắc chắn có thể thành tựu. Tỷ dụ như thế, thiện xảo như thế đó!

*(Kinh) Ký đắc nhẫn dĩ, hoàn phục ức niệm vãng tích chư sự, liễu liễu phân minh dã.*

**(經) 既得忍已，還復憶念往昔諸事，了了分明也。**

*(Kinh: Đã đạt được môn Nhẫn ấy, lại nghĩ nhớ các chuyện xưa kia, rành rẽ, phân minh).*

Nói cách khác, dẫu thành Phật, người ấy nghĩ nhớ chuyện cũ cũng sẽ rành rẽ, phân minh. Do vậy, chỗ vô nhiễm này chỉ do túc duyên hiển hiện, do tướng cảnh giới kiến lập, chẳng phải là thật sự có. Chẳng có một pháp để có thể thật sự đạt được, chẳng có một thực chất để có thể kiến lập, nhưng có chuyện cảnh tướng ấy! Chúng ta thấy Phật cũng như thế. Vì vậy, tu hành chân chánh, siêng năng thấy Phật, siêng năng tu pháp mười phần trọng yếu, mười phần có ý nghĩa!

*(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, nhược dục thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, diệc phục như thị.*

**(經) 賢護！彼善男子善女人等，若欲成就菩薩摩訶薩思惟一切諸佛現前三昧，亦復如是。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nếu muốn thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội thì cũng lại như thế).*

Trong phần trước là thí dụ, phần sau là dẫn dắt, phát khởi hết thấy thiện nam tử, thiện nữ nhân hãy tư duy đúng như lý, tư duy như trong thí dụ, tức là cổ vũ, khích lệ sự tư duy ý nhạo của chính mình, đừng bỏ phí sức lực dục mà chúng ta sẵn có ấy, tức là sức hướng tới [mong cầu đạt được mục đích]. Nếu dùng sức ấy vào sự nhiễm dục của thế tục, sẽ có thể đạt được mục đích. Còn nếu dùng [sức mạnh ấy] để thấy Phật, nghe pháp, cũng có thể đạt được mục đích giống hệt. Trong hai pháp [thế gian và xuất thế gian], quý vị chọn lựa pháp gì? Trong phần trước, đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ; sau đó, Ngài hướng dẫn chúng ta thấy Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. “Dục” như vậy mười phần quan trọng. Trong phần trước là “ham muốn gặp dâm nữ như thế” chính là [ham muốn] của kẻ thế tục, vận dụng cái tâm thế tục, dùng phương pháp thế tục. Chúng ta là người học Phật, muốn thấy chư Phật,

muôn chúng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thì cũng như thế. Vì lẽ nào? Vận dụng pháp tắc Dục, giữ ý niệm tiếp nối, tư duy chẳng ngừng, thuần thực, ắt có thể trông thấy, mà cũng chẳng có chướng ngại!

*(Kinh) Kỳ thân thường trụ thử thế giới trung, tạm đắc văn bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác danh hiệu, nhi năng hệ tâm.*

**(經)其身常住此世界中，暫得聞彼阿彌陀如來、應供、等正覺名號，而能繫心。**

*(Kinh: Thân ấy thường trụ trong thế giới này, tạm được nghe danh hiệu của A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mà có thể chú tâm).*

Tâm buộc chặt vào danh hiệu (chuyên chú nghĩ tưởng danh hiệu), do A Di Đà Phật dùng danh hiệu để nhiếp hóa mười phương chúng sanh, tức là như Quán Kinh đã nói: “*A Di Đà Phật dùng quang minh vô ngại chiếu sáng mười phương cõi nước, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ*”. Chúng sanh niệm Phật tức là người xưng danh hiệu, nhớ tưởng quang minh thanh tịnh trang nghiêm của đức Phật. Pháp tắc niệm Phật trong Quán Kinh là quan sát, trước hết là tư duy quán thuần thực. Nếu dùng một chỗ, một điểm [để tu tập quán tưởng niệm Phật], như quán tướng bạch hào: Chỉ quán tướng bạch hào uyển chuyển như năm quả núi Tu Di. Nương theo pháp Bạch Hào Quán mà khế nhập hết thấy các pháp tắc, trọn đủ hết thấy Đà-la-ni, hết thấy thiện xảo, hết thấy công đức, hết thấy thần biến, hết thấy trí huệ chẳng thể nghĩ bàn. Dùng một pháp khế nhập, chỉ cần buộc tâm thuần thực, ai nấy đều đạt được phương tiện.

Ở đây, buộc chặt cái tâm vào danh hiệu của A Di Đà Phật Như Lai, liên tục tư duy, tức là lúc tư duy do không ngừng niệm danh hiệu. Khi kinh hành Ban Châu, đi tới, đi lui, đi lui, đi tới, để làm gì? Lập một niệm, đoạn các tướng, niệm một phương, tư duy quốc độ ấy, khiến cho các tư duy tạp loạn bị đoạn trừ. Đó gọi là “*tinh thuần nhất niệm, chuyên tâm chú trọng một niệm, ắt thấy đức Phật đó*”.

Trước kia, trong tự viện, do đại chúng niệm Phật từ năm này sang năm khác chẳng gián đoạn, cho nên niệm Phật trong đại diện đặc biệt

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thuận tiện. Kẻ bình phàm tiến vào đó ba ngày, bèn thấy quốc độ của Phật trang nghiêm, những thứ như đất báu lưu ly, hoa sen nở rộ, hình tướng Bồ Tát, Phật chi đó, đều là chuyện rất đơn giản. Nhưng trong xã hội hiện thời, mọi người cảm thấy đó là chuyện rất khó khăn, cách biệt quá lớn! Nếu được gặp gỡ, được sử dụng một ngôi chùa chuyên môn tu trì thì rất dễ dàng, chứ gặp một nơi tu trì tản mạn, sẽ mười phần khó khăn. Đích xác là như thế đó! Tôi có cảm xúc đối với chuyện này càng ngày càng lớn. Nhất là khi hoàn cảnh chung quanh rã rời, tâm trí của mọi người chẳng thể chuyên nhất. Do vậy, trong đường đi kinh hành Ban Châu mà đặt các thứ [biểu thị sự] trang nghiêm và các thứ công đức hy hữu của Cực Lạc, hoặc các tranh vẽ, đàn tràng, sẽ có thể là một phương pháp rất tốt. Hoàn cảnh như thế sẽ rất đơn thuần!

“*Diệu tướng độ chúng sanh*”, tức là dùng tướng để hướng dẫn mọi người, rất thuận tiện. Điều chủ yếu là đừng đắm nhiễm vào đó, nhất định phải tùy thuận nhân duyên như thế. Thấy Phật, nghe pháp, chớ nên cố chấp vào đó, cũng có nghĩa là quý vị chớ nên cưỡng chế tự tâm. Nếu làm như vậy (cưỡng chế tự tâm), sẽ rất đau khổ. Hãy nên tùy niệm phân tích, tỉ mỉ tư duy, tùy niệm quán sát. Đó là điều có thể làm được. Cưỡng chế quán sát sẽ rất khổ! Chúng ta đã tư duy thành thực, sẽ chẳng cưỡng chế tự tâm, giống như trong gia đình của quý vị có mấy người, cha mẹ quý vị có bộ dáng như thế nào? Con cái của quý vị có hình dạng ra sao? [Khi suy tưởng những điều đó], quý vị sẽ chẳng tổn tâm lực, rất thuần thực; nhưng nếu suy nghĩ nhà người khác, chuyện của người khác, gia đình của người khác, sẽ rất nhọc lòng, do chẳng liên quan cho mấy, rất khổ!

Nếu chúng ta coi chuyện “thấy Phật”, thấy thế giới Cực Lạc trang nghiêm [thân thiết] giống như thấy gia quyến của chính mình, chính là như chúng ta thường nói “*vãng sanh quê nhà thế giới Cực Lạc*”, tất nhiên là sẽ chẳng có chướng ngại! Vì sao vậy? Là quê nhà của chính mình. Thế giới Cực Lạc trang nghiêm được tạo lập ở ngay quê nhà! A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, các vị Bồ Tát hải hội vây quanh, là sự trang nghiêm nơi nước mình, là anh em, đồng bạn! Như thế thì tâm trí của quý vị rất hoan hỷ. Đó là một pháp tắc rất trực tiếp, nhưng nếu quý vị coi đó là vật trong nhà kẻ khác, khởi tư duy sẽ rất mệt mỏi, quá khó khăn!

***(Kinh) Tương tục tư duy, thứ đệ bất loạn, phân minh đồ bử A Di Đà Phật, thị vi Bồ Tát tư duy cụ túc, thành tựu Chư Phật Hiện Tiền***

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

*tam-muội. Nhân thử tam-muội, đắc kiến Phật cố, toại thỉnh vấn bỉ A Di Đà Phật ngôn.*

**(經)相續思惟，次第不亂，分明睹彼阿彌陀佛，是爲菩薩思惟具足，成就諸佛現前三昧。因此三昧，得見佛故，遂請問彼阿彌陀佛言。**

*(Kinh: Tư duy liên tục theo thứ tự chẳng loạn, trông thấy A Di Đà Phật phân minh. Đó là Bồ Tát tư duy trọn đủ, thành tựu Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Do tam-muội ấy, được thấy Phật, bèn thưa hỏi A Di Đà Phật rằng).*

Ở đây thiết lập cho chúng ta chuyện “*thấy Phật, hỏi pháp*”. Nếu chẳng dạy chúng ta thì ngay cả phương tiện “*hỏi pháp*”, chúng ta cũng chẳng đạt được. Ở đây, trước hết khiến cho chúng ta thuận thực: Tới khi thấy Phật, sẽ làm như thế nào? Phải thưa hỏi Thế Tôn!

*(Kinh) Thế Tôn! Chư Bồ Tát đặng, thành tựu hà pháp, nhi đắc sanh thử Phật sát trung da?*

**(經)「世尊！諸菩薩等，成就何法，而得生此佛剎中耶？」**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ Tát thành tựu pháp gì mà được sanh trong cõi Phật này?)*

Khi gặp Phật, chẳng nhất định phải hỏi như thế. Ở đây chỉ là tạo thuận tiện cho quý vị.

*(Kinh) Nhĩ thời, A Di Đà Phật ngữ thị Bồ Tát ngôn: - Nhược nhân phát tâm cầu sanh thử giả, thường đương hộ tâm, chánh niệm tương tục A Di Đà Phật, tiện đắc sanh dã. Ký đắc sanh dĩ, Thế Tôn ư thị tri bỉ tâm cố, diệc tức niệm bỉ. Bỉ phương đắc kiến Phật Thế Tôn nhĩ.*

**(經)爾時，阿彌陀佛語是菩薩言：「若人發心求生此者，常當繫心，正念相續阿彌陀佛，便得生也。既得生已，世尊於是知彼心故，亦即念彼。彼方得見佛世尊耳」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật bảo vị Bồ Tát ấy: - Nếu có ai phát tâm cầu sanh trong cõi này, hãy thường nên buộc tâm chánh niệm A Di Đà Phật liên tục, sẽ được sanh về. Đã được sanh rồi, khi ấy, do đức Thế Tôn biết tâm người đó, cũng nghĩ đến người đó. Người đó mới được thấy Phật Thế Tôn).*

“*Thế Tôn ư thị tri bỉ tâm cố*” (Ngay khi ấy, do đức Thế Tôn biết tâm người đó): Quý vị thường niệm Phật, Phật ắt biết! Phật có Tha Tâm vô ngại, Thiên Nhãn vô ngại, sức thần thông vô ngại, thấy thấu suốt những vật vi tế. Hết thấy chúng sanh trong mười phương cõi nước cùng lúc đây động ý niệm, chư Phật đều biết rõ, chẳng sót kẻ nào! Quý vị chớ nên nghĩ: “Ta niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật có thể chẳng thấy ta hay không? Chẳng nghĩ đến ta hay không? Chẳng nhận biết ta hay không?” Chắc chắn là chẳng có chuyện như thế. Nếu hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, chư Phật đều đích thân thấy biết. Đây là quyết định như thật. Vậy thì quý vị nói: “Mười phương chư Phật biết tâm chúng ta, vì sao chúng ta niệm Phật chẳng tương ứng?” Quý vị hãy cẩn thận quan sát cái tâm của chính mình là đang niệm Phật, hay niệm chuyện khác? Chẳng tin, quý vị hãy xem xét cái tâm niệm Phật bình thường của chính mình, xem xét cẩn thận, chớ nên tự dối mình: Quý vị có thật sự niệm Phật hay không? Niệm Phật tương ứng ư? Niệm Phật liên tục ư? Niệm Phật thâm nhập ư? Niệm Phật chẳng gián đoạn ư? Thật sự như nhìn vào thứ chính mình sẵn có, nhìn vào nhà ở của chính mình, để xét xem chính mình có niệm vị Phật ấy hay không? Đối với đức Phật Thế Tôn mà niệm Phật trang nghiêm, thân thiết, như thật dường ấy, nếu quý vị niệm Phật thật sự như thế mà chẳng thấy Phật, vậy thì Phật toàn nói lời quái lạ, thốt lời hư vọng, mà tôi cũng là kẻ nói lời quái lạ, hư dối vậy!

“*Diệc tức niệm bỉ, bỉ phương đắc kiến Phật Thế Tôn nhĩ*” (Cũng liền nghĩ tới người đó, người đó mới được thấy Phật Thế Tôn): Vì lẽ nào vậy? Chúng ta niệm Phật, Phật biết chúng ta, phóng quang chiếu rọi chúng ta. Chúng ta do thấy quang minh mà có thể biết đến Phật. Nay chúng ta chẳng biết Phật Thế Tôn. Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, biết gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng! Biết gì vậy? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Biết gì vậy? Sở Tri Chương và

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

Phiền Não Chướng phủ lấp. Nếu nay chúng ta đã thật sự biết Phật Thế Tôn, cũng chẳng nhờ vào các phương tiện khác. Vì thế, Phật biết hết thấy chúng sanh, chúng sanh chẳng biết Phật. Chúng ta niệm Phật, Phật biết chúng ta, phóng quang chiếu rọi chúng ta. Đối với quang minh ấy, khi tri kiến của quý vị thuần thực, trông thấy và sử dụng thiện căn thuần thực thì quý vị mới có thể biết Phật. Nếu thiện căn biết Phật đã thuần thực, sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Sự thuần thực ấy chính là khi đã tương ứng.

Hiện thời, lúc chúng ta trông thấy bức tượng A Di Đà Phật này, thân tâm quý vị có mềm dịu hay không? Tam cầu (tham, sân, si) có tiêu trừ hay không? Nếu đối trước bức tượng này, mà quý vị có thể tiêu trừ tam cầu, tâm chẳng vướng mắc, như thế thì đức Thế Tôn cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu khởi lên tác dụng ấy, đức Thế Tôn này và A Di Đà Phật Thế Tôn trong thế giới Cực Lạc trọn chẳng sai khác! Do vậy, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn bảo: “*Này A Nan! A Di Đà Phật quang minh vô lượng, vô biên. Quang minh ấy chiếu khắp mười phương. Nếu các chúng sanh thấy quang minh ấy, thân tâm nhu nhuyễn, tự nhiên hướng thiện, tam cầu tiêu trừ*”. Nhưng chúng ta thấy tượng A Di Đà Phật Thế Tôn, thân tâm có nhu nhuyễn hay không? Có tự nhiên hướng thiện hay không? Tam cầu có tiêu trừ hay không? Nếu tiêu trừ, đức Thế Tôn ấy chẳng thể nghĩ bàn, quý vị sẽ có thể quay về nhà!

**(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ, A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, cáo bỉ nhân ngôn: “Chư thiện nam tử! Nhữ đương chánh niệm, tinh cần tu tập, phát quang đại tâm, tất sanh thử dã”.**

**(經)賢護! 時彼, 阿彌陀如來、應等正覺, 告彼人言: 「諸善男子! 汝當正念, 精勤修習, 發廣大心, 必生此也」。**

**(Kinh: Này Hiền Hộ! Khi đó, A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, bảo người ấy rằng: “Các thiện nam tử! Các ông hãy nên chánh niệm, siêng rông tu tập, phát tâm rộng lớn, tất sanh về cõi này”).**

Vì sao trong các kinh điển, có chỗ nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, có chỗ chỉ nói một mình “*thiện nam tử*”? Điều này thật sự là một khích lệ, bảo cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân. Thật sự chẳng phải là sắc thân như trong Dục Giới, làm sao có



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nữ nhân cho được? Nữ nhân chính là một thân trong hai loại thân phân biệt được hiển hiện bởi chúng sanh trong Dục Giới, tức là nam thân và nữ thân. Hữu tình trong Dục Giới cho rằng: “Ái chà! Nếu thế giới ấy không có nữ nhân, tuyệt quá!” [Thân của chúng sanh trong] thế giới ấy (thế giới Cực Lạc) là thân tướng báu, đầy đủ hết thảy công đức thiện xảo, chẳng cần hai loại thân phân biệt, tức là chẳng cần thân nam hay nữ. Quý vị chớ nên tiếc nuối, vì thân hiện tại của chúng ta là cái thân tàn khuyết, thân chẳng trọn vẹn!

Thông thường, thân của chư thiên được gọi là “thân tướng báu”. Đối với thân tướng báu, có một câu chuyện xưa cho biết: Hám Sơn đại sư từ trong cảnh giới [Thiên Định], gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát muốn gột rửa tâm cấu cho Sư, liền dẫn Sư đến một chỗ ao tắm. Sư nhìn Văn Thù Bồ Tát, nghĩ: “Người này là nữ nhân, chẳng nên cùng tắm chung với người này”. Vì thế, tính bỏ đi. Lúc đó, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chợt hiện toàn thân, dung nhập hư không. Hám Sơn đại sư trông thấy sắc thân quý báu. Sau đó, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chụp lấy Sư, đem Sư tẩy gột. Vì chúng ta có cái tâm phạm phu, do đối đãi mà sanh ra tướng nam nữ, cho nên phần nhiều sanh các dục. Nhưng các vị đại trí viên thành, thật sự chẳng phân biệt, thân tự trọn đủ. Thân trọn đủ mà tâm cũng trọn đủ, trọn đủ oai đức thiện xảo, chẳng sợ hãi. Nhưng chúng ta hiện thời nói đến thân nam sẽ có điều sợ hãi, mà nói tới thân nữ cũng có chỗ sợ hãi. Do thân tâm chẳng trọn đủ, có nhiều thiếu sót, cho nên sanh vào Dục Giới. Các vị thiện tri thức đừng sanh sợ hãi! Đã là người học Phật, chẳng cần phải sợ hãi những điều ấy!

***(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ Bồ Tát phục bạch A Di Đà Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị trung vân hà niệm Phật Thế Tôn, tinh cần tu tập, phát quang đại tâm, đắc sanh tử sát da?” Hiền Hộ! Thời bỉ, A Di Đà Phật phục cáo bỉ ngôn: “Chư thiện nam tử! Nhược nhữ kim dục chánh niệm Phật giả, đương như thị niệm: Kim giả A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, cụ hữu như thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, thân sắc quang minh như dung kim tụ, cụ túc thành tựu chúng bảo liên dư, phóng đại quang minh, tọa sư tử tòa, sa-môn chúng trung, thuyết như tư pháp. Kỳ sở thuyết giả, vị nhất thiết pháp bản lai bất hoại”.***

**(經)賢護！時彼菩薩復白阿彌陀佛言：「世尊！是中雲何唵佛世尊，精勤修習，發廣大心，得生此刹耶？」賢護！時彼，阿彌陀佛復告彼言：「諸善男子！若汝今欲正念佛者，當如是念：今者阿彌陀如來、應等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，具有如是三十二相，八十隨形好，身色光明如融金聚，具足成就衆寶輦輦，放大光明，坐師子座，沙門衆中，說如斯法。其所說者，謂一切法本來不壞。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, vị Bồ Tát ấy lại bạch cùng A Di Đà Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong ấy thì niệm Phật Thế Tôn, siêng rông tu tập, phát tâm rộng lớn như thế nào để được sanh về cõi ấy?” Nay Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật lại bảo người ấy rằng: “Chư thiện nam tử! Nếu nay các ông muốn niệm Phật chánh đáng, hãy niệm như thế này: Nay A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn có đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo như thế, thân sắc quang minh như khối vàng nung chảy, thành tựu trọn đủ các xe cộ báu, tòa quang minh lớn, ngồi trên tòa sư tử, trong các sa-môn, thuyết pháp như thế. Những điều Ngài nói đều là hết thảy các pháp vốn chẳng hoại”).*

Chỉ nói đến căn bản của pháp tánh.

*(Kinh) Diệc vô hoại giả, như bất hoại Sắc, nãi chí bất hoại Thức đẳng chư Ấm cố.*

**(經)亦無壞者，如不壞色，乃至不壞識等諸陰故。**

*(Kinh: “Cũng bất hoại” là như chẳng hoại các Ấm từ chẳng hoại Sắc cho đến chẳng hoại Thức v.v...)*

Vì lẽ nào? Bản chất của chúng là “các pháp bất hoại”. Chư pháp trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ! Thấu suốt thẳng vào cội nguồn,

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

chẳng cần phải phá hoại các pháp. Vì hết thấy các pháp vốn bất hoại, nay chúng ta thấy chúng nó sanh sanh diệt diệt, huyễn hóa, đều là trong cái tâm sanh diệt của chính mình, tức là trong thế giới nhị nguyên thuộc vào cái tâm “lây, bỏ, đối đãi” của chính mình. Người trọn đủ thiện xảo quán hết thấy các pháp an trụ chẳng nghi, chẳng tăng, chẳng giảm, thủ hộ pháp giới thanh tịnh, an trụ trong hiện duyên.

*(Kinh) Hựu như bất hoại Địa, nãi chí bất hoại Phong đẳng chư Đại cố.*

**(經) 又如不壞地，乃至不壞風等諸大故。**

*(Kinh: Lại như chẳng hoại các Đại, từ chẳng hoại Địa cho đến chẳng hoại Phong v.v...)*

Nói về Tứ Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.

*(Kinh) Hựu bất hoại Sắc, nãi chí bất hoại Xúc đẳng chư Nhập cố.*

**(經) 又不壞色，乃至不壞觸等諸入故。**

*(Kinh: Lại chẳng hoại các Nhập, từ chẳng hoại Sắc cho đến chẳng hoại Xúc v.v...)*

Chỉ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp lục nhập!

*(Kinh) Hựu bất hoại Phạm, nãi chí bất hoại nhất thiết thế chủ đẳng.*

**(經) 又不壞梵，乃至不壞一切世主等。**

*(Kinh: Lại chẳng hoại Phạm Thiên cho đến chẳng hoại hết thấy các vị chủ của thế gian).*

Tức là chẳng hoại hết thấy chư thiên.

*(Kinh) Như thị nãi chí bất niệm bỉ Như Lai, diệc bất đắc bỉ Như Lai. Bỉ tác như thị niệm Như Lai dĩ, như thị thứ đệ đắc Không tam-muội.*

**(經)如是乃至不念彼如來，亦不得彼如來。彼作如是念如來已，如是次第得空三昧。**

*(Kinh: Như thế cho đến chẳng niệm đức Như Lai ấy, cũng chẳng thấy có đức Như Lai đó. Người ấy niệm Như Lai như thế xong, theo thứ tự như thế mà đắc Không tam-muội).*

Tướng pháp giới là nhất như, chẳng động, chẳng lay, chẳng tăng, chẳng giảm, pháp giới vốn tịnh, đều cùng sáng suốt. Không tam-muội có thể chiếu tỏ, nhận biết, trông thấy chư Phật. Vì có sao? Tâm trí tự tại nơi Không tam-muội; khi đó, chỉ do thức sanh, tâm sanh thấy Phật liền thấy Phật. Tâm sanh thấy pháp liền thấy pháp. Chẳng có Không tam-muội, chẳng thấy quang minh tạng, chẳng thấy cảnh giới quang minh, mà trực tiếp thấy Phật thì rất hiếm hoi, có nhiều điều chướng ngại! Chúng ta đặt ra rất nhiều chướng ngại cho tâm trí, muốn vãng sanh cõi đó mà chẳng vãng sanh cõi ấy. Vì sao có thể vãng sanh? Vì sao chẳng thể vãng sanh? Rất nhiều tạp niệm chất chứa nghẹt cứng trong tâm của chính mình, cho nên chẳng thể thấy các diệu tướng, chẳng thể thấy cảnh giới Không quang minh rộng lớn, muốn thấy Phật rất khó!

*(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dã.*

**(經)善男子! 是名正念諸佛現前三昧也」。**

*(Kinh: Này thiện nam tử! Đó gọi là chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).*

Do đó, Không tam-muội là thiện xảo bậc nhất. Đó gọi là “*thanh tịnh niệm Phật chẳng đắm nhiễm*”, rành rẽ, phân minh, trọn chẳng có gì để có thể đạt được, trực tiếp tiến nhập Phật địa, thấy chư Phật công đức rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn, và cũng thấy Phật, nghe pháp.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bỉ Bồ Tát tùng tam-muội khởi dĩ, lai nghệ nhữ sở, thuyết thử tam-muội tướng giả.*

**(經)賢護! 爾時，彼菩薩從三昧起已，來詣汝所，說此三昧相者。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Ngày Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, vị Bồ Tát ấy từ tam-muội khởi rời, đến chỗ của ông, nói tướng tam-muội ấy).*

Vì sao từ tam-muội khởi? Trước đó là tư duy như thế, đã đắc tam-muội; sau đây, tới hồi tam-muội, chứng thực tam-muội.

*(Kinh) Nhữ thời tức ưng vị bỉ thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, linh u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển.*

**(經)汝時即應爲彼說法，隨順教化，令於阿耨多羅三藐三菩提，得不退轉。**

*(Kinh: Lúc ấy ông hãy nên vì người ấy thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, khiến cho người ấy đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Chúng ta biết: Sau khi thấy Phật, nhất định có một sự liên tục. Đối với sự liên tục theo thứ tự ấy, người ấy nên tư duy như thế này: “Phật chẳng đến, mà ta cũng chẳng đi, dùng gì để thấy Phật?” Người ấy chẳng thể nào không thắc mắc như vậy. Khi thắc mắc, sẽ từ trong tự tánh mà thấy, bèn nói: “*Tâm tịnh thì sẽ thấy Phật. Niệm Phật sẽ thấy Phật. Duyên Phật sẽ thấy Phật. Pháp thật sự chẳng đến đi, chẳng sanh diệt*”. Tuy là Vô, nhưng do tâm tạo tác, do tâm ý thuần tịnh, cho nên trông thấy chư Phật, liễu đạt tự tánh, cùng lúc rốt ráo an trụ, cùng lúc chọn lựa chẳng nghi. Cho nên sẽ thật sự đạt được lợi ích do an trụ trong sự lựa chọn rốt ráo nơi Phật pháp, tức là vĩnh viễn chẳng bị mê loạn bởi hai pháp Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Sau đó, đối với các thứ không chê, lôi kéo do tập khí vi tế trong Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc sẽ đặc biệt dễ thay đổi, dễ chuyển hóa, dễ nhận thức! Kiến Hoặc và Tư Hoặc thô nặng khiến cho hữu tình mê muội.

Trong giáo pháp của đức Phật thì Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) có thể chế phục phiền não. Nếu đạt được sức tự tại trong địa vị Bồ Tát, dự vào Hoan Hỷ Địa, sẽ đoạn trừ hết thảy phiền não Kiến Tư Hoặc, tâm sanh hoan hỷ. Lúc nào, chỗ nào, cũng đều đạt được hoan hỷ đối với hai pháp Kiến và Tư, trừ khử hết thảy gánh nặng và bản khoản. Trong cái tâm ấy, hết thảy đối đãi đều tiêu mất. Vì thế nói là “*nhập Hoan Hỷ Địa*”. Do đoạn trừ hết thảy phiền não thuộc Kiến Hoặc và Tư Hoặc, cho nên tâm hoan hỷ. Quý vị nói chính mình tu pháp đạt được lợi ích, vậy thì có thể đoạn trừ Hoặc

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

hay chẳng? Trong thực tế, môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập này có thể khiến cho chúng ta trực tiếp nhận biết chỗ tồn tại của Kiến Hoặc và Tư Hoặc, có thể trực tiếp thấy tự tánh chẳng đến đi, chẳng sanh diệt.

Hành pháp Ban Châu rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, nhiếp thâu các chuyện thuộc Bát Địa, trong một đời liền đắc bất thoái chuyển! Chẳng phải là khoa trương pháp môn này đâu nhé! Pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, trong Hán truyền Phật giáo, các vị thiện tri thức trải khắp các đời sau khi đã có thành tựu công đức tam-muội nhất định, đều siêng năng hành trì pháp này, như Trí Giả đại sư, Viễn công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn), Thiện Đạo đại sư, Thừa Viễn đại sư, pháp sư Đàm Loan, Đạo Tuyên luật sư v.v... Có thể tùy ý mà nêu ra [rất nhiều trường hợp như thế]. Trong một số tự viện khá lớn, chung quanh trọng thất (thất của vị Phương Trượng), phần nhiều có Ban Châu Đường. Như ngôi chùa mọi người khá quen thuộc là chùa Đại Linh Nham tỉnh Sơn Đông, sau Thiên Phật Điện, trong khoảng giữa bên phải của Phương Trượng Viện và Bích Chi Phật Tháp, ở chỗ lõm vào trong, có lập Ban Châu Đường, giống như bộ vị của trái tim. Từ đời Đường đến nay, trải qua các triều đại, đều dựng Ban Châu Điện tại đó. Hành pháp như thế quả thật đáng nên tu tập, đáng nên quan sát, vì nó thâu nhiếp cả phàm lẫn thánh!

Qua một thời gian học tập, chúng ta có thể quan sát thấy bộ kinh này chủ yếu lấy Quán và Niệm làm chánh, tư duy công đức thù thắng của A Di Đà Phật để ngưng lặng cái tâm một chỗ, khiến cho tâm trí thông thuận, sáng suốt, thấy Phật, nghe pháp, hòng chứng Vô Sanh.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ nhị.  
Hiền Hộ Phần Tư Duy Phẩm chỉ dư.***

**(經)大方等大集賢護經卷第二。**

**賢護分思惟品之餘。**

***(Kinh: Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển thứ hai.  
Hiền Hộ Phần, phẩm Tư Duy tiếp theo).***

Quán Tưởng Niệm Phật là một loại trong pháp môn Niệm Phật. Còn có Thật Tướng Niệm Phật, Xưng Danh Niệm Phật v.v... Đối với Quán Tưởng Niệm Phật, bộ kinh này lại càng nói cặn kẽ. Còn như Quán Tưởng Niệm Phật (觀相念佛, niệm Phật bằng cách quán các tướng nơi y báo và chánh báo) thì kinh Quán Vô Lượng Thọ miêu tả đặc biệt tường

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tận. Kinh A Di Đà đề xướng Trì Danh Niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ đề xướng thuận theo nguyện lực của Phật để niệm Phật. Tuy có các loại niệm Phật, đều chẳng lìa niệm danh hiệu của Phật. Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ đề xướng Quán Tượng Niệm Phật cũng là vì để giữ mãi danh hiệu trong tâm. Do đó, trong một pháp Tịnh Độ, Trì Danh Niệm Phật là phương tiện chính để thực hiện. Dù là Quán Tượng, Quán Tượng, Thật Tướng, hay Trì Danh Niệm Phật thì cũng đều là phương tiện, cho đến thuận theo nguyện lực của Phật để nhập Niệm Phật tam-muội. Các cách thức tu trì đều dùng niệm Phật để hướng dẫn hòng đạt đến thanh tịnh.

***(Kinh) Hiền Hộ! Ngã thời tác diệc thọ bỉ Phật ký: “Thị nhân đương lai tất đắc thành Phật, hiệu viết Đức Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nãi chí Phật Thế Tôn”.***

**(經)賢護! 我時則亦授彼佛記: 「是人當來必得成佛, 號曰德光明如來、應供、等正覺, 乃至佛世尊」。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Lúc đó, ta cũng thọ ký Phật quả cho người ấy: “Người này trong tương lai, ắt được thành Phật, hiệu là Đức Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, cho đến Phật Thế Tôn”).*

Thọ ký (Vyākaraṇa, 授記) chính là một chỉ dạy an ổn mười phần trọng yếu trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, đích xác là một lời dạy như thật: “Có cái nhân như thế, sẽ có cái quả như thế”. Chỉ nhằm hiển hiện pháp tác nhân quả, hiển hiện Tu Đức. Chúng ta “*niệm Phật thành Phật*”, cũng tất nhiên là như vậy. Đó là hàm nghĩa trong lời thọ ký.

***(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung tam-muội thùi đương chứng tri?***

**(經)賢護! 是中三昧誰當證知?**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Trong đây, ai sẽ chứng biết môn tam-muội ấy?)*

Trong hàng đệ tử của đức Phật, có ai chứng biết môn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội hay không?

***(Kinh) Kim ngã đệ tử Ma Ha Ca Diếp, Đế Thích Đức Bồ Tát, Thiện Đức thiên tử, cập dư vô lượng chư Bồ Tát bối, hàm dĩ tu đắc***

*thử tam-muội giả, thị vi chứng. Vân hà chứng? Sở vị Không tam-muội dã!*

**(經)今我弟子摩訶迦葉，帝釋德菩薩，善德天子，及餘無量諸菩薩輩，鹹已修得此三昧者，是爲證。云何證？所謂空三昧也！**

*(Kinh: Nay đệ tử ta là Ma Ha Ca Diếp, Đế Thích Đức Bồ Tát, Thiện Đức thiên tử, và vô lượng các vị Bồ Tát khác, đều đã tu được môn tam-muội này, đều đã chứng. Chứng gì vậy? Chính là Không tam-muội!)*

“*Kim ngã đệ tử Ma Ha Ca Diếp*” (Nay đệ tử của ta là Ma Ha Ca Diếp), chúng ta hằng ngày bầu bạn với ngài Ma Ha Ca Diếp tại đây. Vì sao có nhân duyên học tập, tu tập Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Hiền Tiền tam-muội tại đây? Không gì chẳng do Tam Bảo gia trì, mà cũng là do tôn giả đã đích thân chứng đắc. “*Thị vi chứng*” (Là người đã chứng): Nói Chứng tức là nói pháp tam-muội này chẳng lập ra hư dối trong thế gian, do được Bồ Tát, Thanh Văn thủ hộ, mà cũng là do được bậc thiện xảo trong đời sau yêu thích, hướng tới. Nếu không có bậc tiên hiền chứng nhập, không được hàng Bồ Tát tại gia lẫn xuất gia thủ hộ, chúng ta sẽ không có cách nào để chứng!

*(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích hữu Phật Thế Tôn, hiệu Tu Ba Nhật. Thời hữu nhất nhân, hành trị khoáng dã, cơ khát nhân khổ, toại tức thụy miên. Mộng trung cụ đắc chư chủng thượng diệu mỹ thực. Thực chi ký bão, vô phục cơ hư.*

**(經)賢護！我念往昔有佛世尊，號須波日。時有一人，行值曠野，飢渴因苦，遂即睡眠。夢中具得諸種上妙美食。食之既飽，無復飢虛。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia có Phật Thế Tôn, hiệu là Tu Ba Nhật. Lúc đó, có một người, đi đường gặp phải đồng hoang, khổ sở vì đói khát, liền ngủ thiếp đi. Trong mộng thấy có đầy đủ các thức ăn ngon lành nhất. Đã ăn no rồi, chẳng còn đói lòng nữa).*

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, tất cả các nghiệp tạo tác trong từng sát-na liền qua đi, cũng đều như trong mộng. Hãy xem kinh



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

vẫn ở nơi đây là [nói về] giấc mộng gì vậy? “*Mộng trung cụ đắc chư chủng thượng diệu mỹ thực. Thực chi ký bão, vô phục cơ hư*” (Trong mộng, thấy có được đầy đủ các thức ăn ngon lành nhất. Đã ăn no rồi, chẳng còn đói lòng nữa).

*(Kinh) Tùng thị ngụ dĩ, hoàn phục cơ khát. Thị nhân nhân thử, tức tự tư duy.*

**(經)從是寤已，還復飢渴。是人因此，即自思惟。**

*(Kinh: Tới khi tỉnh giấc, lại đói khát như cũ. Người ấy do đó liền tự tư duy).*

Các vị thiện tri thức! Trong hai phẩm này, đức Thế Tôn không ngừng chỉ dạy chúng ta thông qua tư duy, quán niệm, quan sát để thực tập pháp tắc này.

*(Kinh) Như thị chư pháp, giai không, vô thật, do mộng sở kiến, bản tự phi chân.*

**(經)如是諸法，皆空無實，猶夢所見，本自非真。**

*(Kinh: Các pháp như thế đều là không, chẳng thật, ví như thấy trong mộng, vốn tự chẳng chân thật).*

Hết thấy các pháp cũng giống như thế.

*(Kinh) Như thị quán thời, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bất thoái chuyển ư A Mậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)如是觀時，悟無生忍，得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Khi quán như thế, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bất thoái chuyển nơi A Mậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

“*Như thị quán thời, ngộ Vô Sanh Nhân*” (Khi quán như thế, ngộ Vô Sanh Nhân): Trong Tín Nhân, Thuận Nhân, và Vô Sanh Pháp Nhân, tức trong “*Như Lai tam nghiệp*”, nếu chứng Vô Sanh Pháp Nhân, sẽ liễu thoát hết thấy sanh tử, trừ hết thấy phiền não, tiêu hết thấy chướng ngại, sẽ đạt được phương tiện tự tại, trọn đủ hết thấy các pháp thiện xảo.

*(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát, nhược tại gia, nhược xuất gia, văn hữu chư Phật, tùy hà phương sở, tức hướng bỉ phương, chí tâm đánh lễ.*

**(經)如是賢護！有諸菩薩，若在家，若出家，聞有諸佛，隨何方所，即向彼方，至心頂禮。**

*(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Có các Bồ Tát tại gia hay xuất gia, nghe có chư Phật, sẽ tùy theo phương vị, nơi chốn của vị ấy, bèn hướng về phương đó, chí tâm đánh lễ).*

Pháp tu cung kính là duyên khởi của hết thảy các pháp tắc, là chỗ tồn tại công đức chân thật của hết thảy các pháp. Nếu lìa khỏi cái tâm chí thành và tâm cung kính, hết thảy các pháp đều trở thành chẳng có cơ sở, vì hết thảy các pháp nhờ vào Tu Đức hiển lộ, nhờ vào hiển dụng mà hiển hiện, nhờ vào Sự mà hiển hiện, thuận lý thành chương!

*(Kinh) Tâm trung khát ngưỡng, dục kiến bỉ Phật.*

**(經)心中渴仰，欲見彼佛。**

*(Kinh: Trong tâm khát ngưỡng, muốn thấy đức Phật ấy).*

Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật cũng giống như thế. Một phần kiên thành, đạt được một phần lợi ích. Một phần kiên thành, đạt được một phần công đức hiện tiền. Phần ấy do ai vận dụng? Chính là pháp tắc thực tiễn trong hiện tiền, do kiên thành mà được hiện tiền. Chúng ta là người thuộc thời Mạt Pháp, chẳng đủ kiên thành, tự phụ có thừa.

Trong sanh mạng của chúng ta, điều đáng nên quan sát là phải nên làm như thế nào? Hãy siêng tu cái tâm chí thành, cung kính ấy!

*(Kinh) Cố tác như thị chuyên tinh tư duy.*

**(經)故作如是專精思惟。**

*(Kinh: Cho nên chuyên ròng tư duy như thế).*

Như đã nói trong phần trước, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm tư duy, siêng ròng tư duy, chuyên ròng tư duy. Các thứ tư duy như thế chẳng lìa Phật, chẳng lìa quốc độ ấy, chẳng lìa thanh tịnh hải chúng ấy. Tư duy như thế, ắt sẽ

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

được chư Phật thanh tịnh gia trì. Chúng ta chẳng ngại trong pháp tu bình thường, hoặc trong khi tu pháp Ban Châu, có thể biến đổi một chút, khiến cho nó trang nghiêm, giống như Biến Tướng Đồ<sup>65</sup> của thế giới Cực Lạc: Hãy xếp đặt các hình tượng, đồ họa trang nghiêm, khiến cho kẻ khác yêu thích, vui sướng. Như thế thì sẽ có sức gia trì bất cộng đối với sự cảm ứng và sức chuyên chú của chúng ta trong khi tu trì niệm Phật.

“*Thủ tướng tư duy*” (取相思維, dùng hình tướng để tư duy) là phương tiện để tư duy và khế nhập. Chớ nên có suy nghĩ [hình tướng và các vật trang nghiêm là] rộng tuếch [chẳng cần phải dùng đến chúng], như thế thì sẽ dễ dàng tiến nhập lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Phục ưng đương quán như thị sắc tướng, diệc tức tác bỉ hư không chi tướng.***

**(經)復應當觀如是色相，亦即作彼虛空之想。**

*(Kinh: Lại hãy nên quán sắc tướng như thế, cũng tưởng nó như hư không).*

“*Như thị sắc tướng*” (Sắc tướng như thế) tức là sắc tướng của đức Phật ấy. “*Hư không chi tướng*” (Tưởng như hư không): Tuy có đủ loại diệu tướng, bản chất của diệu tướng ấy cũng là hư giả, rốt cuộc chẳng thật. Tuy chẳng thật, các thứ diệu tướng an lập thế gian, lợi ích chúng sanh, an ủi chúng sanh, khiến cho chúng sanh xa lìa sự rộng tuếch, là lợi ích chân thật! Giống như thức ăn của chúng ta vốn là Không, nhưng quý vị ăn một bữa, sẽ có tinh thần và thể lực. Tuy nó chẳng thật, nhưng do các duyên hòa hợp, do phước đức tụ tập, cho tới sức của một bữa cơm cũng giống như thế. Trong khi chúng ta tu Ban Châu tam-muội, hay còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền, tuy chẳng có pháp thật

---

<sup>65</sup> Biến Tướng Đồ (變相圖, Vikurvaṇa-rddhi) còn gọi là Biến Hội, hoặc đơn giản là Biến, hàm nghĩa mô tả sự biến hóa do thần thông của Phật, Bồ Tát. Biến Tướng Đồ tức là dùng hội họa, hoặc tranh thêu, tranh khắc để mô tả các sự kiện (như Cát Nhục Thí Ứng Đồ mô tả sự kiện Phật Thích Ca lúc còn tu nhân đã cắt thịt thí cho chim ưng để cứu con bò câu), hoặc mô tả hình tướng, sự trang nghiêm của Phật, Bồ Tát (như A Di Đà Phật Trang Nghiêm Đồ), hoặc các cảnh giới đáng sợ hoặc đẹp để hồng răn nhắc tín đồ tu tập như Địa Ngục Biến Tướng Đồ, Tịnh Độ Biến Tướng Đồ (chẳng hạn như Tây Phương Tam Thánh Lai Nghênh Đồ, Cửu Phẩm Vãng Sanh Đồ), hoặc thể hiện vũ trụ quan như Hoa Nghiêm Pháp Giới An Lập Đồ...

sự đề có thể đạt được, nhưng ắt có báo đức của đức Phật ấy thành tựu, nhiếp hóa mười phương, khiến cho kẻ cung kính tiến nhập sẽ được thọ dụng. Đó là phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn.

*(Kinh) Nhi bỉ thành tựu hư không tướng dĩ, đắc trụ như thị chánh tư duy trung. Trụ tư duy dĩ, đắc kiến bỉ Phật, quang minh thanh triệt, như tịnh lưu ly. Kỳ hình đoan chánh, như chân kim trụ. Như thị niệm giả, bỉ kiến Như Lai, diệc phục như thị.*

**(經)而彼成就虛空想已，得住如是正思惟中。住思惟已，得見彼佛，光明清徹，如淨琉璃。其形端正，如真金柱。如是念者，彼見如來，亦復如是。**

*(Kinh: Người đã thành tựu hư không tướng, sẽ trụ trong chánh tư duy như thế. Đã trụ trong chánh tư duy, sẽ được thấy đức Phật ấy, quang minh trong sáng, thấu suốt, như lưu ly thanh tịnh. Thân hình Ngài đoan chánh như trụ bằng vàng ròng. Người niệm như thế, sẽ thấy Như Lai cũng giống như thế).*

“Nhi bỉ thành tựu hư không tướng dĩ, đắc trụ như thị chánh tư duy trung” (Người đã thành tựu hư không tướng, sẽ trụ trong chánh tư duy như thế): Nếu chấp là thật, người ấy sẽ dễ nảy sanh mê hoặc và ma nạn. Nếu chấp vào ngoan không, người ấy sẽ đọa trong nghiệp hư giả. Trong tạo tác nghiệp, giống như “*cục đá ngâm trong nước lạnh*”, chẳng thể tăng trưởng các thiện công đức, tâm chẳng sanh khởi, phần nhiều trụ trong tâm trí u ám, đối với mình thì chẳng thể sanh lòng vui mừng đối với pháp, đối với người khác thì chẳng thể sanh hai pháp Bi và Trí, chẳng đắc lực trong thế gian thì chẳng thể tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

*(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, hốt tưng bốn quốc, chí u tha phương. Tuy tại tha phương, nhi thường truy ức bốn sở sanh xứ, tằng như thị kiến, diệc như thị văn, như thị ức niệm, như thị liễu tri. Cứu truy ức cố, u thụy mộng trung, minh kiến tự thân, tại bốn sanh xứ, du tưng kiến văn, như tiên sở cánh. Thị nhân hậu thời, hướng chư quyền thuộc, cụ luận mộng trung sở kiến chi sự: “Ngã như thị kiến, ngã như thị văn, ngã như thị doanh vi, như thị hoạch đắc”. Như thị Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát, nhược tại gia, nhược xuất*

*gia, nhược từng tha văn, hữu Phật Thế Tôn tùy hà phương sở, tức hướng bỉ phương, chí tâm đánh lễ, dục kiến bỉ Phật, chánh niệm bất loạn. Ứng niệm tức kiến bỉ Phật hình tượng, hoặc như lưu ly, hoặc thuần kim sắc, diệc phục như thị.*

**(經)復次，賢護！譬如有人，忽從本國，至於他方。雖在他方，而常追憶本所生處，曾如是見，亦如是聞，如是憶念，如是了知。久追憶故，於睡夢中，明見自身，在本生處，遊從見聞，如前所更。是人後時，向諸眷屬，具論夢中所見之事：「我如是見，我如是聞，我如是營為，如是獲得」。如是賢護！有諸菩薩，若在家，若出家，若從他聞，有佛世尊隨何方所，即向彼方，至心頂禮，欲見彼佛，正念不亂。應念即見彼佛形像，或如琉璃，或純金色，亦復如是。**

*(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Ví như có người bỗng từ nước mình đến phương khác. Tuy ở phương khác, nhưng thường nhớ lại nơi chỗ mình vốn sống, từng thấy như thế, cũng từng nghe như thế, nghĩ nhớ như thế, biết rõ như thế. Do hồi tưởng lâu ngày, trong giấc mộng, thấy rõ tự thân ở nơi mình vốn sống, dạo qua những chỗ từng thấy nghe, hết như trước kia. Người ấy sau đó, hướng về các quyến thuộc, bàn luận căn cứ chuyện được thấy trong mộng: “Ta thấy như thế, ta nghe như thế, ta lo liệu, thực hiện như thế, đạt được như thế”. Như thế đó Hiền Hộ! Có các Bồ Tát dù tại gia, hay xuất gia, nếu từ người khác nghe nói có đức Phật Thế Tôn ở phương vị, nơi chốn nào đó, liền hướng về phương ấy, chí tâm đánh lễ, muốn thấy đức Phật ấy, chánh niệm chẳng loạn. Ứng theo tâm niệm, liền thấy hình tượng đức Phật ấy hoặc như lưu ly, hoặc màu vàng ròng, cũng giống như thế).*

Đức Thế Tôn nêu ra nhiều tỷ dụ, khiến cho chúng ta là những kẻ hữu duyên trong hiện tiền sẽ nương theo các hiện tượng mà chính mình có thể suy nghĩ, có thể quán trong hiện tiền, để thấy thấu suốt lợi ích chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp. Chẳng hạn như chúng ta tới núi Kê

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Túc, giả sử trước nay quý vị chưa từng đến, người khác bèn dựa trên các nhân duyên quý vị đã biết để lập ra đủ loại tỷ dụ, khiến cho quý vị liễu giải núi Kê Túc. Đây là phương pháp bị động, mục đích thật sự là hướng dẫn quý vị tới núi Kê Túc, đúng là vừa nhìn bèn hiểu ngay, biết rõ ráo. Lời lẽ thí dụ rất cuộc chẳng thật. Nếu chúng ta chẳng đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thì các thứ ngôn thuyết và tỷ dụ của Như Lai đều là một loại hướng dẫn khéo léo, khéo gia trì, khéo điu dắt, như thế mà thôi!

“*Dục kiến bỉ Phật, chánh niệm bất loạn, ứng niệm tức kiến bỉ Phật hình tượng, hoặc như lưu ly, hoặc thuần kim sắc, diệc phục như thị*” (Muốn thấy đức Phật ấy, chánh niệm bất loạn, ứng theo ý niệm liền thấy hình tượng của đức Phật ấy, hoặc như lưu ly, hoặc màu vàng ròng, cũng giống như thế): Nay chúng ta nương theo các giáo ngôn được ghi chép bằng văn tự trong kinh điển, nghe đức Thế Tôn tường thuật cặn kẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho đến tướng công đức thù thắng nhiệm màu của mười phương chư Phật, khiến cho chúng ta hoan hỷ, hướng về, dùng tịnh tâm tiến hướng, được thấy, được nghe chân thật tương ứng các loại tướng khác biệt. Nếu chuyên niệm một đức Phật, sẽ được thấy đức Phật ấy. Vì thế, chuyên niệm Phật, sẽ được thấy chư Phật. Thấy hết thấy Phật, không gì hơn phương tiện nghe pháp, khiến cho tâm trí khai giải, chứng Vô Sanh Nhẫn, thật sự liễu đạt tự tánh. Đó là mục đích thấy Phật, là công đức pháp ích thuần chánh vậy!

*(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như tỳ-kheo tu Bất Tịnh Quán, kiến tâm tử thi, hình sắc thi biến, hoặc thanh, hoặc hoàng, hoặc hắc, hoặc xích, hoặc thời bàng trướng, hoặc dĩ lạn hoại, nùng huyết câu lưu, trùng thú thực đạm, nhục tận cốt bạch, kỳ sắc như kha. Như thị nãi chí quán cốt ly tán, nhi bỉ cốt tán vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, duy tâm sở tác, hoàn kiến tự tâm.*

**(經)復次，賢護！譬如比丘修不淨觀，見新死屍，形色始變，或青或黃，或黑或赤，或時臃脹，或已爛壞，膿血俱流，蟲獸食啖，肉盡骨白，其色如珂。如是乃至觀骨離散，而彼骨散無所從來亦無所去，唯心所作還見自心。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như tỳ-kheo tu Bất Tịnh Quán, thấy tử thi mới chết, hình sắc bắt đầu biến đổi, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đen,*

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*hoặc đỏ, hoặc có lúc trương phình, hoặc là hư nát, máu mủ cùng tuôn chảy, trùng, thú ăn nuốt, hết thịt, lộ xương trắng, màu như ngọc trắng. Như thế cho tới quán xương ly tán, nhưng xương ấy ly tán chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, chỉ do tâm tạo, lại thấy tự tâm).*

Bất Tịnh Quán là pháp tắc thực tế mà mọi người chúng ta có thể tiếp xúc. Trong Hán truyền Phật giáo, người tu Bất Tịnh Quán rất ít ỏi. Trước kia, chúng tôi ở trong núi, giáo dục tối sơ là phải tu Bất Tịnh Quán, cho đến hai pháp xả thân và xả Thức. Bất Tịnh Quán là một pháp thiện xảo để xả thân và xả Thức. Nếu chẳng khởi Bất Tịnh Quán, sẽ chẳng thể xả thân được! Nếu chẳng biết Thức là vô thường, Thức là đổi khác, sẽ chẳng thể xả Thức được! Do nó đổi khác, vô thường, vô ngã, cho nên sẽ xả thân được, sẽ xả Thức được! Một người ở nơi hung hiểm, như khe nước trong núi, rừng sâu, hoặc nhằm chỗ cư trụ của La Sát quỷ mầu, hành các pháp tắc ấy, muốn cho chính mình vượt thoát các vương mắc nơi thân tâm, thấy sự chân thật của tự tánh, tùy thuận Vô Sanh. Sự tu trì ấy chẳng thể dùng lý luận hay ngôn từ để hình dung, các ngôn từ chẳng ngoài phương tiện nhằm hướng dẫn, khích lệ quý vị thành thực tâm trí Bồ Đề tâm đó thôi! Thật sự hành pháp rất trọng yếu!

Bất Tịnh Quán là một pháp tắc thao tác rất thực tế, tương ứng với chín loại biến hóa [của tứ thi] cho tới khi tan rữa, cho đến khi xương xẩu chia lìa, hư nát. Các thứ nghiệp đã tạo tác chỉ do tâm quán, chỉ do tâm tạo, thật sự chẳng biến đổi, mà cũng chẳng đến đi. Thông qua quán tưởng như thế, chúng ta có thể lựa chọn vô thường, vô ngã, bất tịnh, cho đến tâm trí tịch tĩnh, ngay lập tức trụ trong an lạc, thật sự đạt được niềm vui Thắng Nghĩa trong Phật pháp, tức là niềm vui chẳng tạo tác, xa lìa ngoại đạo tự nhiên, thủ hộ thanh tịnh. Cách tu ấy xa lìa sự tiến nhập chủ động của ngoại đạo. Chúng ta biết tự tánh là Không, thường dùng tự tánh Không để quan sát hết thấy các pháp tắc và hết thấy sự tướng trong thế gian, chẳng xả, chẳng lìa, chẳng lấy, chẳng dùng, chỉ chân thật nhìn thấu suốt bản chất, tự nhiên vô ngại. Nếu chẳng phải là như thế, phần nhiều sẽ mê mờ trong sự tướng, Lý và Sự chẳng trở ngại lẫn nhau. Đó là phương tiện.

***(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát dục đắc thành tựu  
bỉ Niệm Chư Phật Hiền Tiền tam-muội, tùy hà phương sở, tiên niệm  
dục kiến bỉ Phật Thế Tôn. Tùy sở niệm xứ, tức kiến Như Lai. Hà dĩ  
cố? Nhân duyên tam-muội, đắc kiến Như Lai.***

**(經)如是賢護！若諸菩薩欲得成就彼念諸佛現前三昧，隨何方所，先念欲見彼佛世尊。隨所念處，即見如來。何以故？因緣三昧，得見如來。**

*(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát muốn được thành tựu Niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, sẽ tùy theo phương vị, nơi chốn để trước hết niệm đức Phật Thế Tôn mà người ấy muốn thấy. Tùy theo chỗ niệm, liền thấy Như Lai. Vì có sao? Do duyên theo tam-muội mà được thấy Như Lai).*

“Hà dĩ có? Nhân duyên tam-muội, đắc kiến Như Lai” (Vì sao vậy? Do duyên theo tam-muội, được thấy Như Lai): Do duyên theo sức tam-muội. Những điều được nói trên đây đều là Quán Tưởng Niệm Phật, là tam-muội nơi nhân địa. Quán tưởng là cơ sở của tam-muội nơi nhân địa. Có cái nhân thì mới có cái quả. Chúng ta muốn đạt được cái quả ấy, ắt phải hành cái nhân; đó là phương tiện. Dù thấy hay chẳng thấy, đều được oai đức gia trì, nhân quả dần dần chín muồi, tam-muội tự nhiên có thể an lập. Thường là chúng ta coi nhẹ cái nhân, phần nhiều chú trọng nơi cái quả. Nói như thế, cao thì quý vị chẳng làm được, mà thấp thì quý vị lại chẳng màng! Như thế thì sẽ rơi vào cái đáng gọi là “rỗng tuếch!” Hiện thời, rất nhiều vị Bồ Tát đang tu tập hành pháp Ban Châu, có người đạt được các lợi ích tương tự, chỉ được đôi chút, tức là tánh chất liên tục<sup>66</sup> chẳng phải là mười phần đơn giản và rõ ràng. Nếu tánh chất liên tục là tốt đẹp, chẳng lo ngại các tạp duyên. Chẳng hạn như trong ăn uống, tuy chúng ta ăn trăm vị, nhưng chẳng biết trăm vị (chẳng chấp trước các vị ngon); mặc y phục, tuy biết nóng lạnh, nhưng chẳng trụ trong ấy. Tuy biết kẻ khác là đúng, hay là sai, nhưng biết rõ chẳng có “đúng, sai”, hay “có thể huân tập, có thể nhiễm, có thể biết”, chuyên chú nhất tâm. Đó gọi là “trệ tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (chú tâm vào một chỗ, không gì chẳng thực hiện được), muốn đạt được tam-muội chẳng khó! Nhưng chúng ta sử dụng tâm trí tạp loạn, sử dụng sự tiên hướng tạp loạn, do mê mờ nơi sự việc, đối với mọi chuyện, tâm đều mê mờ, đối với mọi chuyện đều đánh mất cái tâm, chuyện gì cũng đắm nhiễm, [cho nên] chẳng đạt được tam-muội!

<sup>66</sup> Ý nói đạt được lợi ích nhưng chẳng thể giữ cho lợi ích ấy tồn tại liên tục, toàn là “lúc có, lúc không”.



Trong cuộc sống hằng ngày, hoàn toàn có thể lìa sự tướng mà vận dụng sự tướng, nhất tâm gắn bó với Phật, gắn bó với pháp tắc thiện xảo, như vậy là có thể chứng tam-muội. Do đó, thật sự hành Ban Châu tam-muội, thật sự là trong cuộc sống hằng ngày đối với “đúng, sai” bèn chẳng nhiệm, chẳng đắm. Như thế thì đâu chẳng phải là tam-muội, quý vị vẫn có công phu tam-muội; đâu chẳng đắc tam-muội, nhưng đã có sức tam-muội. Nếu chúng ta tuy thường hành pháp Ban Châu, nhưng thường đắm nhiễm “đúng, sai” và đảo kiến (tri kiến điên đảo), tâm cũng mê muội, cũng bị mất chánh niệm, bị các khổ nạn vùi dập. Như thế thì đạo nghiệp của quý vị sẽ bị phá hoại, oan uổng hứng chịu thị phi xâm hại. Vì thế nói: “*Thiên hạ ô nha nhất ban hắc*” (Quạ trong thiên hạ thường đen thui). “*Đen*” là đen ở chỗ nào? Trong thế giới Sa Bà này, không có chỗ nào chẳng phải là chỗ thị phi. Chỉ cần trong tâm quý vị có chủng tử và tướng trạng thị phi, chắc chắn là thị phi sẽ thành thực! Nếu chẳng có chủng tử và hình tướng thị phi, sẽ chẳng có gì để đạt được thị phi, trọn chẳng liên can. Cho nên chẳng thấy [thị phi, thị phi đối với ta] vô dụng, nhất tâm chuyên chú nơi pháp tắc tu trì của chính mình, mà chẳng chứng tam-muội; đó mới thật sự là “*kỳ đàm quái luận*” (奇談怪論, lời lẽ bàn luận kỳ quái). Nếu tâm trí của chúng ta tán loạn, tạp nhiễm, đắm nhiễm sự tướng, mà mong đắc tam-muội; đây mới thật sự là vọng tưởng!

Nhìn vào trạng thái của những người hành Ban Châu từ đầu năm nay tới giờ, người dụng tâm tạp loạn thì nhiều, người có tâm đắm nhiễm thì nhiều, người đánh mất đi bản vị (vị thế vốn có) của pháp tắc thì nhiều, tức là đánh mất sự phát tâm của chính mình! Quý vị tới đây để làm gì? Quý vị muốn làm gì? Người xuất gia, người tại gia, chúng ta bỏ nhà, lìa dục, rời lìa thân nhân, rời lìa hoàn cảnh quen thuộc của chính mình, rời lìa sự hưởng thụ ngũ dục đáng có trong cuộc đời của chính mình, tới đây để làm gì? Đến để thành thực thiện căn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập chẳng thể nghĩ bàn như thế, đến để thấy Phật, nghe pháp, để trừ bỏ sanh tử luân hồi, để lợi ích rộng khắp hữu tình trong thế gian, thật sự khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được sự vui sướng chân chánh. Đó gọi là “niềm vui Thắng Nghĩa, niềm vui thần thông, các thứ vui sướng khinh an phát xuất từ nội tâm, niềm vui do từ bi giáo hóa rộng lớn”, cho đến vô tận lạc thú đều chân thật, chẳng dối. Niềm vui thế tục rốt cuộc là vô thường, có thể tan hoại bất cứ lúc nào, phần nhiều dựa theo những điều khác mà sanh khởi, chẳng được tự tại. Niềm vui Phật pháp chỉ nương theo Như Lai tạng tánh trong tự tâm mà

lưu xuất, từ chỗ trang nghiêm trong tự tâm mà lưu xuất, từ chẳng đắm nhiễm mà lưu xuất. Do đó, thật sự là “*lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn*”, lợi ích thế gian rộng khắp, bố thí rộng lớn chẳng sợ hãi! Trong thế tục, chúng ta hứng chịu nhọc nhằn, vất vả, tuy đạt được những thứ tương tự như vui sướng, nhưng chúng sẽ tan hoại bất cứ lúc nào, Vô Thường, Khổ, Không luôn theo kề kề. Quý vị có chấp nhận hay không, nó vẫn luôn là như thế! Do vậy, các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta tiến vào đạo tràng này, hãy lấy đạo nghiệp làm trọng! Thường tu tập pháp tắc, tu tập thâm nhập, đó là phước đức và nhân duyên của tự thân, mà cũng là thành thực thiện căn của chính mình.

*(Kinh) Đắc kiến bỉ Phật, hữu tam nhân duyên. Hà giả vi tam? Nhất giả, duyên thử tam-muội. Nhị giả, bỉ Phật gia trì. Tam giả, tự thiện căn thực. Cụ túc như thị tam nhân duyên cố, tức đắc minh kiến bỉ chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, diệc phục như thị.*

**(經)得見彼佛，有三因緣。何者爲三？一者、緣此三昧。二者、彼佛加持。三者、自善根熟。具足如是三因緣故，即得明見彼諸如來、應供、等正覺，亦復如是。**

*(Kinh: Có ba nhân duyên để được thấy đức Phật ấy. Những gì là ba? Một là nhờ vào tam-muội này. Hai là được đức Phật ấy gia trì. Ba là thiện căn của chính mình chín muồi. Đây đủ ba nhân duyên như thế, sẽ được thấy rõ rệt các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác cũng giống như thế).*

“*Nhất giả, duyên thử tam-muội*” (Một là nhờ vào tam-muội này), duyên theo tam-muội này như thế nào? Tư duy đúng như lý, đúng như pháp. Xung niệm đúng như lý, đúng như pháp. Cung kính, tu trì, lễ kính, tán thán, cúng dường, thủ hộ đúng lý, đúng pháp. “*Nhị giả, bỉ Phật gia trì*” (Hai là do đức Phật ấy gia trì): A Di Đà Phật có thế nguyện rộng lớn, nhiếp hóa hết thảy chúng sanh niệm Phật, nhiếp thủ chẳng bỏ, vì sức thế nguyện chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bị chướng ngại. “*Tam giả, tự thiện căn thực*” (Ba là do thiện căn của chính mình chín muồi): Thiện căn của chính mình chín muồi là điều trọng yếu nhất trong ba loại thiện căn. Phật lực gia trì là căn bản, nhưng điều quan trọng nhất là thao tác, tức là tu tập pháp tắc, tức là chính chúng ta thực hiện, chẳng ỷ lại Phật. Chúng ta có thể thường học theo Phật, nhưng chớ ỷ lại Phật, chớ đùn đẩy

cho Phật. Nếu ý lại, đùn đây cho Phật, quý vị sẽ chẳng thể đạt được lợi ích!

*(Kinh) “Phục thứ, Hiền Hộ! Như nhân thịnh tráng, dung mạo đoan nghiêm, dục quán kỹ hình, mỹ, ác, hảo, xú, tức tiện thủ khí, thịnh bỉ thanh du, hoặc trì tịnh thủy, hoặc thủ thủy tinh, hoặc chấp minh kính, dụng thị tứ vật, quán kỹ diện tượng, thiện, ác, hảo, xú, hiển hiện phân minh. Hiền Hộ! U ý vân hà? Bỉ sở kiến tượng, u thứ du, thủy, thủy tinh, minh kính, tứ xứ hiện thời, thị vi tiên hữu da?” Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị khởi bốn vô da?” Đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị vi tại nội da?” Đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị khởi tại ngoại da?” Đáp ngôn: “Bất dã!”*

**(經)復次，賢護！如人盛壯，容貌端嚴，欲觀己形，美惡好醜，即便取器，盛彼清油，或持淨水，或取水精，或執明鏡，用是四物，觀己面像，善惡好醜，顯現分明。賢護！於意云何？彼所見像，於此油水，水精明鏡，四處現時，是爲先有耶？」賢護答言：「不也！」曰：「是豈本無耶？」答言：「不也！」曰：「是爲在內耶？」答言：「不也！」曰：「是豈在外耶？」答言：「不也！」**

*(Kinh: “Lại này Hiền Hộ! Như người tuổi trẻ, khỏe mạnh, dung mạo đoan nghiêm, muốn thấy hình dạng của mình đẹp đẽ hay xấu xí, liền lấy đồ đựng chứa đầy dầu trong, hoặc đựng nước sạch, hoặc lấy thủy tinh, hoặc cầm gương sáng, dùng bốn vật ấy để xem vẻ mặt của chính mình, thiện, ác, đẹp, xấu hiển hiện phân minh. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Khi thấy hình tượng hiện ra trong bốn chỗ là dầu, nước, thủy tinh, gương sáng, có phải là đã có từ trước hay chẳng?” Hiền Hộ thưa: “Chẳng phải vậy”. Hỏi: “Có phải vốn là không hay chẳng?” Thưa: “Chẳng phải”. Hỏi: “Là bên trong u?” Thưa: “Chẳng phải!” Hỏi: “Há ở bên ngoài u?” Thưa: “Chẳng phải”).*

Hỏi “trong, ngoài” như thế, hay nói “vốn có, vốn không”, thật sự là hý luận! Nhưng nếu chẳng đặt câu hỏi như thế, tâm trí của chúng ta

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

chẳng có nơi nương tựa, sẽ chẳng thể thật sự quy kết về sự chọn lựa “vạn pháp duy tâm”.

Nếu là vốn có, sẽ chẳng thể là duy tâm. Nếu là vốn không, cũng chẳng thể là duy tâm. Nếu ở trong hay ngoài, thì cũng chẳng phải là pháp duy tâm, vẫn là các duyên hòa hợp, thành thực hiển hiện. Là pháp nhân duyên, sẽ chẳng thể thông suốt rạng ngời được!

*(Kinh) Thế Tôn! Duy bỉ du, thủy, tinh, kính, chư vật thanh minh, vô trước, vô chỉ, kỳ hình tại tiền, bỉ tượng tùy hiện.*

**(經)「世尊！惟彼油水精鏡，諸物清明，無濁無滓，其形在前，彼像隨現。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chỉ là trong các vật trong sáng như dầu, nước, thủy tinh, gương, chẳng như bản, chẳng cấu cặn, hễ vật đối trước chúng, sẽ liền hiện bóng).*

“Kỳ hình tại tiền” (Vật đối diện trước chúng): Chính là pháp tác sanh bởi nhân duyên. [Thấu hiểu] “các pháp sanh bởi nhân duyên”, sẽ phá trừ các biên kiến như hữu biên, vô biên, đoạn kiến, thường kiến cho chúng sanh. Chẳng phá các kiến chấp ấy, sẽ khó thể thoát lìa cái tâm phàm phu, khó thể an lập chánh kiến. Nhưng tâm trí của hết thảy phàm phu hữu tình đều quần quanh trong Biên Kiến đối đãi nhị nguyên ấy, tức là nói có, nói không, nói vốn có, nói vốn không, nói đến, nói đi, nói trong, nói ngoài, như thế đều là cái tâm chấp “thật sự có, hoặc là thật sự không”, tâm [chấp trước là] trong hay ngoài, oan uổng bị tà kiến bức bách. Chúng ta quan sát lời ăn tiếng nói của chính mình, và các sự vật được tiếp xúc, [sẽ thấy rõ]: Cơ bản đều là vận dụng lối tư duy này, vẫn là hoặc trong, hoặc ngoài. Chẳng hạn như [do chấp trước đối đãi, bèn thấy có] chuyện của chính mình, chuyện của kẻ khác, hoặc là có, hoặc là không. Nếu có, bèn chấp thứ đó thật sự có. Nếu là không, sẽ là tướng đoạn diệt. Do vậy, Thường Kiến, Hữu Kiến, Đoạn Kiến luôn bầu bạn với chúng ta. Đó gọi là “*biên kiến bạn tùy*” (biên kiến luôn theo sát), như thế thì chánh kiến sẽ chẳng thể kiến lập! Chúng ta đều biết cảnh giới Nhất Thật và cảnh giới Duy Thức trong giáo ngôn Phật pháp, ai nấy đều nói như thế; nhưng trong cuộc sống hằng ngày, có thể vận dụng tri kiến ấy hay không? Nếu vận dụng được, sẽ vô ngại đối với hết thảy sự tướng hiện tiền, vì đối với hết thảy sự tướng, quý vị trọn chẳng đắm nhiễm. Vì

sao? Chỉ có tâm sanh, chỉ có tâm là Phật, chẳng phải sanh bên trong, chẳng sanh bên ngoài, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh!

*(Kinh) Nhi bỉ hiện tượng, bất tùng tứ vật xuất, diệc phi dư xứ lai.*

**(經)而彼現像，不從四物出，亦非餘處來。**

*(Kinh: Nhưng các hình tượng được hiện ấy, chẳng từ bốn vật mà ra, cũng chẳng phải từ nơi khác đến).*

Chúng ta phải quan sát tinh tế. Nếu chẳng quan sát như thế, sẽ khó trừ Biên Kiến. Tôi thường nghe mọi người bàn luận về người nào đó, chuyện nào đó, đạo tràng nào đó, nhân duyên nào đó. Nói tới, nói lui, trôi tuột theo sự tướng luôn, sẽ ngỡ [những điều bàn tán ấy] là có thật, chẳng thể tự thoát ra được! Nếu có thể tự kiềm chế, sẽ có thể giải quyết ngay lập tức, chẳng bị vướng mắc; đối với mình lẫn người, chắc chắn có lợi! Vì quý vị đã giải quyết sự tướng ngay trong hiện tại, chẳng phải là nhờ duyên khác để giải quyết. Vì sao? Chỉ do tâm hiển hiện. Chỉ do tự duyên hiển hiện, chẳng phải do duyên nào khác. Bọn chúng ta phần nhiều chìm đắm trong chấp trước. Hiện thời, người hành pháp nhiều, tu pháp đông đảo, người có chánh kiến hiếm hoi. Người hành pháp nhiều, người chấp Sự nhiều, người thật sự truyền bá chánh kiến càng hiếm hoi hơn! Người chọn lựa chánh kiến tốt bậc khó có, do [những người như vậy sẽ] làm con mắt cho thế gian. Chúng ta đều biết tu trì Lục Độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, các thứ pháp tắc, ai nấy đều đang hành, nhưng người có con mắt trí huệ hiếm hoi! Nếu có mắt, tuy chẳng có tay chân, vẫn có thể hướng dẫn chúng sanh đạt được thiện xảo. Nhưng nếu tự tu hành tăng tấn mà chẳng có mắt [trí huệ], người ấy sẽ hành theo pháp ngu si, phần nhiều là tạo phước đức, do thiếu mắt trí huệ, khiến cho người ấy đọa lạc, chìm đắm trong thế gian. Các vị thiện tri thức ơi! Đoạn văn tự này lột bỏ hai thứ Biên Kiến, mười phần trọng yếu!

*(Kinh) “Phi tự nhiên hữu, phi nhân tạo tác, đương tri bỉ tượng, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, vô sanh, vô diệt, vô hữu trụ sở”. Thời bi Hiền Hộ, như thị đáp dĩ. Phật ngôn: “Hiền Hộ! Như thị, như thị! Như như sở thuyết, chư vật thanh tịnh, bỉ sắc minh lãn, ảnh tượng tự hiện”.*

**(經)非自然有，非人造作，當知彼像，無所從來，亦無所去。無生無滅，無有住所」。時彼賢護，如是答已。佛言：「賢護！如是，如是！如汝所說，諸物清淨，彼色明朗，影像自現。**

*(Kinh: “Chẳng phải là tự nhiên có, chẳng do người nào tạo tác. Hãy nên biết các hình tượng ấy chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có chỗ trụ”. Lúc đó, Hiền Hộ đáp như thế rồi, đức Phật nói: “Này Hiền Hộ! Đúng như thế, đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, các vật thanh tịnh, sắc nó trong sáng, hình ảnh tự hiện”).*

Do vậy, nay tất cả các vật, các nghiệp, các duyên thuộc y báo trong hiện tại, không gì chẳng hiện bóng trong tự tâm. Ai nấy đều chẳng tránh khỏi hành động như thế! Có lúc chúng ta si nhục kẻ khác, coi ác nghiệp duyên và ác nghiệp của kẻ khác là sự si nhục của chính mình. Từ chỗ đó, hãy nên tự mình sám hối để chuyển hóa, chớ nên đùn đẩy nhân duyên ấy cho người khác. Vì sao? Bản chất của Thức chính là giải quyết nạn duyên này, trừ bỏ các đau khổ ấy. Nếu chẳng phải vậy, chúng ta sẽ ở chỗ này nói có, nói không, nói dài, nói ngắn, thân tâm đau khổ, đăm nhiệm không ngừng.

Hôm nay, có một vị cư sĩ từ bên ngoài đến, nói trong nhà người ấy có duyên gây tai nạn ngang trái, tâm trí bị ngăn chướng, đau khổ không chịu nổi, hỏi tôi có một phương pháp nào để có thể chuyển đổi hay không? Tôi nói: Thật sự không có chuyện này, nhưng do trong tâm bị vướng mắc, vướng mắc vào chuyện ấy, nó sẽ tiếp tục kéo dài, càng duyên theo, càng lâu, chẳng thể tự thoát ra được. Cũng có nghĩa là: Nếu quý vị cho rằng thật sự có chuyện ấy, sẽ chẳng thể tự thoát ra được! Chúng ta học tập Phật pháp, quyết định phải nhận biết nên xử trí hiện duyên như thế nào?

*(Kinh) Bất dụng đa công, Bồ Tát diệt nhĩ, nhất tâm thiện tư, kiến chư Như Lai. Kiến dĩ tức trụ, trụ dĩ vẫn nghĩa.*

**(經)不用多功，菩薩亦爾，一心善思，見諸如來。見已即住，住已問義。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Chẳng dùng nhiều công sức, Bồ Tát cũng thế. Nhất tâm khéo tư duy, thấy chư Như Lai. Đã thấy bèn trụ, trụ rồi hỏi nghĩa).*

Đây là tu công phu định lực, và cũng là sự thành tựu do tâm trí chuyên chú.

***(Kinh) Giải thích hoan hỷ, tức phục tư duy.***

**(經)解釋歡喜，即復思惟。**

*(Kinh: Đã được giải thích hoan hỷ, bèn lại tư duy).*

Nếu có thể gặp Phật, tất nhiên là tư duy, vì chuyện này có ảnh hưởng và có sức lôi cuốn to lớn đối với quý vị. Chúng ta thường niệm Phật, thường niệm chúng sanh, như chúng ta thấy tranh vẽ, thấy các nhân vật chung quanh qua lại, nhưng chúng ta không biết, chẳng có cảm nhận và sức nhìn thấu suốt, sẽ [có cảm giác] như Phật ở phương khác, phương này làm sao thấy được?

***(Kinh) Kim thử Phật giả, tùng hà sở lai, nhi ngã thị thân, phục tùng hà xuất? Quán bỉ Như Lai, cánh vô lai xứ, cập dĩ khứ xứ, ngã thân diệc nhĩ!***

**(經)今此佛者，從何所來，而我是身，復從何出？觀彼如來，竟無來處，及以去處，我身亦爾！**

*(Kinh: Nay đức Phật ấy từ đâu mà đến, còn thân ta đây lại từ đâu mà ra? Quán đức Như Lai ấy trọn chẳng từ đâu đến, và cũng chẳng đi về đâu, thân ta cũng thế!)*

“Ngã thân diệc nhĩ” (Thân ta cũng thế), vì một pháp tắc, sự sự vô ngại. Một pháp tắc có thể dùng ở mọi nơi, nhưng chẳng phải là nói: Một pháp tắc thật sự có thể vận dụng vào chỗ này, nếu dùng ở chỗ khác thì nó sẽ đổi khác. Trọn chẳng phải là như vậy!

***(Kinh) Bản vô xuất thú, khởi hữu chuyển hoàn? Bỉ phục ưng tác như thị tư duy. Kim thử tam giới, duy thị tâm hữu.***

**(經)本無出趣，豈有轉還？彼復應作，如是思惟。今此三界，唯是心有。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Vốn chẳng có thoát ra hay tiến nhập, há có trở lại? Lại nên tư duy như thế. Nay tam giới này chỉ do tâm mà có).*

Các vị thiện tri thức ơi! Có thể nói đoạn văn tự này là phẩm Tâm Kinh, đã như thật dạy cho chúng ta biết tự tâm, biết công dụng của cái tâm. Hết thầy các chuyện hiện tiền, dùng gì để dụng tâm? Văn tự trong đoạn này mười phần trọng yếu, tổng kết các giáo pháp trong tất cả các phần văn tự trước đó. Câu nào cũng đều có thể dùng làm khẩu quyết để hướng dẫn tự tâm. Chúng ta có thể đọc thuộc đoạn văn tự này, coi giống như Tâm Kinh. Lúc có chuyện hiện tiền, một tư duy hiện tiền, một tri kiến hiện tiền, dùng ngay mấy câu nói ấy để xét kỹ nó, gột rửa nó, quán chiếu nó, chánh tri kiến của chúng ta sẽ an lập.

***(Kinh) Hà dĩ có? Tùy bỉ tâm niệm, hoàn tự kiến tâm.***

**(經)何以故? 隨彼心念, 還自見心。**

*(Kinh: Vì có sao? Thuận theo tâm niệm ấy, vẫn tự thấy tâm).*

Chúng ta nghĩ một người là tốt đẹp, liền thấy thân thiết, cảm thấy mười phần hoan hỷ. Đối với những kẻ mà ta chẳng muốn thấy, trong tâm trí đã có chủng tử như vậy, hễ trông thấy người ấy, sẽ mười phần đau khổ. Đó chỉ là tự tâm chiêu cảm, chẳng phải là người khác khiến cho quý vị chán lìa, chẳng phải là kẻ khác làm cho quý vị đau khổ. Kẻ đó sao có thể khiến cho quý vị đau khổ cho nổi? Thật ra là trong tâm có chủng tử đó thôi! Giống như trong một câu chuyện cổ: Một gã tiểu phu bị mất búa, hoài nghi đứa nhỏ nhà hàng xóm lấy trộm. Hắn thấy đứa nhỏ ấy kiêu nào cũng đều giống như thằng ăn cắp búa. Đi lại cũng giống, âm thanh nói năng cũng giống, hành vi xử sự cũng giống, làm cách nào cũng đều chẳng lìa khỏi [ân tượng] “thằng ăn cắp búa”. Sau đó, chính gã dùng hết đồng củi, cái búa tự nhiên ló ra. Khi đó, nhìn lại đứa nhỏ hàng xóm, bộ dạng đi đứng chẳng giống đứa trộm búa, âm thanh nói chuyện chẳng giống thằng trộm búa, hết thầy hành vi cũng đều chẳng giống đứa trộm búa! Vì thế nói “tâm niệm hễ an lập, hành vi của đôi phương sẽ tương ứng”. Tâm niệm vừa chuyển hóa, cũng sẽ tương ứng.

Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo tư duy, khéo quan sát! Nhất định đừng dùng sai cái tâm. Đối với tự duyên, đối với tha duyên, đối với Phật duyên, thông thường khi chúng ta có ý kiến đối với người khác, cũng tức là một khi chủng tử ấy đã sanh khởi, nhìn kiêu nào cũng đều



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

ngừa mắt. Dầu cho âm thanh niệm Phật của người ấy rất hay đẹp, chúng ta sẽ nghe thấy kẻ đó màu mè, kiêu cạo, tô son trát phấn, âm điệu quái dị. Nhưng nếu sanh tâm hoan hỷ, dầu đối phương làm chuyện sai lầm, chúng ta vẫn cảm thấy kẻ đó mười phần đáng yêu, vụng về, chất phác đáng mến!

Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo biết tự tâm. Đừng đánh mất cái tâm để quán sự. Đừng vì sự mà mê muội cái tâm. [Khéo biết tự tâm] như thế, chúng ta là kẻ thật sự phát tâm, biết tâm, hiểu rõ cái tâm, biết dụng tâm. Quý vị có thể liễu giải tự tâm, đó gọi là “*như thật tri tự tâm, hành pháp vô ngại*” (biết tự tâm đúng như thật, hành pháp vô ngại), đạt được sức tự tại. Tâm ấy chỉ có tự dụng, chỉ có tự hiển hiện. Như thế thì chính quý vị sẽ đạt được phương tiện trong Phật pháp. Nếu không, giả như chúng ta cậy vào ngoại duyên, mê muội tâm trí, phần nhiều sẽ chẳng tự tại! Hiện thời, chúng ta đến tu tập Phật pháp, tới tu tập trong đạo tràng, dù là xuất gia hay tại gia, quả thật là do nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn trong đời trước và nhân duyên trong đời này thành thực, thôi thúc chúng ta đến chỗ này, chúng ta sẽ vận dụng như thế nào? Tôi đề nghị các thiện tri thức sao chép đoạn văn tự này, cung phụng nó, in sâu vào tâm mình, đối đãi như thật, thủ hộ như thật, giữ tiếp nối như thật trong cuộc sống, quý vị sẽ có thể đạt được sự gia trì bất cộng!

***(Kinh) Kim ngã tùng tâm kiến Phật, ngã tâm tác Phật, ngã tâm thị Phật.***

**(經)今我從心見佛，我心作佛，我心是佛。**

***(Kinh: Nay ta từ cái tâm mà thấy Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta là Phật).***

Lành thay! Các vị thiện tri thức ơi! Đức Thế Tôn nói lời như thật, lời thành thật, lời liễu nghĩa, lời lựa chọn, lời Đà-la-ni, lời khẩu quyết thiện xảo. Nếu quý vị sử dụng được, sẽ rất thuận tiện! Đừng bỏ qua sự gia trì của kinh điển rất sâu như thế!

***(Kinh) Ngã tâm thị Như Lai, ngã tâm thị ngã thân, ngã tâm kiến Phật, tâm bất tri tâm, tâm bất kiến tâm.***

**(經)我心是如來，我心是我身，我心見佛，心不知心，心不見心。**

(*Kinh: Tâm ta là Như Lai, tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm chẳng biết tâm, tâm chẳng thấy tâm*).

“*Tâm bất tri tâm, tâm bất kiến tâm*” (Tâm chẳng biết tâm, tâm chẳng thấy tâm): Nếu tâm có thể thấy tâm, dùng gì để thấy? Đó gọi là do đắm nhiễm đối đãi mà có xuất sanh. Nếu chẳng đắm nhiễm đối đãi thì ở ngay trong tâm trí đối đãi, vẫn an lập trong biển đại tịch diệt quang, dùng gì để thấy? Vì thế, tâm chẳng thấy tâm, nhưng cái tâm tạo tác thì chỗ nào cũng thấy. Do đối đãi, nên có cái được thấy!

(*Kinh) Tâm hữu tưởng niệm, tác thành sanh tử.*

**(經)心有想念，則成生死。**

(*Kinh: Tâm có ý niệm suy tưởng, sẽ thành sanh tử*).

Kiến giải của chúng ta đã lập, suy tưởng đã lập, nhưng Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mảy trần. Thật Tế Lý Địa chính là cái tâm. Tâm trí vừa động, đại thiên sẽ bị chấn động, sẽ thôi thúc sanh ra vạn pháp. Quý vị chớ nên coi thường tự tâm, đừng coi trọng sự tướng. [Hễ coi trọng sự tướng], vậy thì quý vị đã thật sự đánh mất cái gốc. Từ trong tâm trí ấy, chúng ta hãy nên quan sát vi tế, sâu sắc, khăng khăng chẳng mệt, đừng nên buông lung. Từ trong sự tướng, có thể buông xuống rất lớn. Đối với chuyện gì đều có thể thông dong, nhưng đối với tâm trí, chớ nên lơ là!

(*Kinh) Tâm vô tưởng niệm, tức thị Niết Bàn. Chư pháp bất chân, tư tưởng duyên khởi.*

**(經)心無想念，即是涅槃。諸法不真，思想緣起。**

(*Kinh: Tâm chẳng suy nghĩ hay khởi niệm, thì chính là Niết Bàn. Các pháp chẳng thật, tư tưởng duyên khởi*).

Chư vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta cưỡng chấp các thứ đã thấy, khổ lắm! Sử dụng tri kiến đoạn diệt, khổ lắm! Hãy nên biết các pháp sanh khởi chính là phương tiện vận dụng từ bi và trí huệ hiện tiền, quả thật đã ban cho chúng ta cơ hội. Người có trí sẽ chẳng nhiễm, người có lòng bi sẽ tạo lợi ích cho hiện duyên, há có đắm nhiễm? Há có chuyện bị nổi khổ của chính mình và người khác bức bách? Nếu chúng ta là người thật sự học Phật, bất cứ chuyện gì hiện tiền, cũng sẽ đều là chỗ cho quý

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

vị vận dụng ân đức bi trí, là cơ hội cho quý vị. Cơ hội gì vậy? Cơ hội thành tựu của quý vị.

***(Kinh) Sở tư ký diệt, năng tưởng diệt không. Hiền Hộ đương tri! Chư Bồ Tát đẳng nhân thử tam-muội, chứng đại Bồ Đề.***

**(經)所思既滅，能想亦空。賢護當知！諸菩薩等因此三昧，證大菩提」。**

***(Kinh: Những điều được suy nghĩ đã diệt, cái tâm suy tưởng cũng là không. Hiền Hộ hãy nên biết! Các vị Bồ Tát ấy do tam-muội này mà chứng đại Bồ Đề).***

Đây là lựa chọn cho chúng ta, khiến cho chúng ta triệt để quy hoàn cái tâm, chẳng tạo, chẳng tác, tất nhiên là không tịch, an lập trong thế gian, rộng lợi ích thế gian. Trong thế giới “Không, tịnh, vô nhiễm”, bi và trí của quý vị đều đạt được phương tiện. Khi đó, Phật pháp có thiện xảo để trụ thế, có cơ sở để trụ thế.

Các vị thiện tri thức ơi! Đoạn văn tự này rất trọng yếu, đã điểm nhãn cho chúng ta, khai trí huệ cho chúng ta, đừng nghĩ là kinh nói, mà thật ra là tâm nói. Đừng cho là lời người khác, đây thật sự là lời lẽ ẩn tâm. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Nếu có thể nghe thiện tri thức nói một câu, khiến cho người khác tâm khai ý giải, sẽ cảm thấy hoan hỷ*”. Ở đây, chẳng phải là Phật đã sớm nói trọn hết thấy lời lẽ ẩn khế tâm trí trong kinh điển ư? Đúng là chỗ nào cũng tuyên nói. Đừng coi thường, chớ báng pháp. Trong những người tu trì ở Trung Hoa, người coi trọng túc duyên thì nhiều, mà kẻ coi rẻ pháp cũng lắm. Đây quả thật là điều đáng tiếc, quá sức đáng tiếc. Do vậy, đối trước giáo ngôn rất sâu, hãy nên sanh tâm cung kính lãnh thọ, sanh tâm thủ hộ. Vun bồi Pháp Thân huệ mạng cũng do đây mà có, cũng do đây thúc đẩy mà xuất sanh.

## ***5. Phẩm thứ hai: Tam Muội Hạnh***

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Tam Muội Hạnh phẩm đệ nhị.***

**(經)大方等大集賢護分三昧行品第二。**

***(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ hai: Tam Muội Hạnh).***

Phẩm này thuyết minh cơ sở của hành pháp tam-muội.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩摩訶薩言。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng).*

Sau danh tự Bồ Tát, thêm từ ngữ Ma Ha Tát vì để phát khởi lợi ích rộng lớn, giác ngộ rộng lớn kẻ hữu duyên.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ hành tứ pháp, tắc năng đắc thị hiện tiền tam-muội.*

**(經)「賢護！若諸菩薩摩訶薩，具行四法，則能得是現前三昧。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát hành trọn bốn pháp, sẽ có thể đắc hiện tiền tam-muội này).*

Tức là hành trọn đủ bốn pháp, sẽ có thể đắc môn hiện tiền tam-muội này.

*(Kinh) Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, bất hoại tín tâm.*

**(經)何等爲四？一者、不壞信心。**

*(Kinh: Những gì là bốn? Một là chẳng hoại tín tâm).*

Tín tâm quyết định bất hoại, đó gọi là Tín Nhẫn thành tựu, đối với pháp chẳng nghi ngờ, lựa chọn thuận theo. Điều này quả thật là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Bất hoại tín tâm dẫn đường cho hết thảy các pháp. Bởi lẽ, “*Tín vi công đức mẫu*” (Tín là mẹ công đức). Trong giáo ngôn của Thanh Văn Thừa, người đạt quyết định tín là quả Tu Đà Hoàn; vì lẽ nào? Đạt được tám gương pháp nhãn, soi rõ, nhận biết tướng chân thật trong thế gian, cho nên sanh lòng tin chân thật. Ở đây, chúng ta tùy thuận tín tâm bất hoại, lập thế chọn lựa, ắt thấy chư Phật, chẳng lùi sụt, chẳng đọa!

*(Kinh) Nhị giả, bất phá tinh tấn.*

**(經)二者、不破精進。**

*(Kinh: Hai là chẳng phá tinh tấn).*

Đối với pháp tắc, siêng khổ gìn giữ, đạt tới địa vị rốt ráo, xa lìa giải đãi và buông lung. Trong những người hành pháp hiện thời, người giải đãi thì nhiều, kẻ buông lung đông đảo, cơ hội phá hoại tinh tấn quá nhiều! Chúng ta có thật sự vận dụng sao cho mỗi thời, mỗi khắc đều siêng khổ, thâm nhập tu tập pháp tắc hay chẳng? Cái được gọi là “*buông lung*” chính là cái khiến cho tâm trí bị tán hoại trong tạp duyên, chẳng có sức thâm nhập pháp tắc. Vì đối với mỗi hữu tình, hai loại tạp duyên nơi chính mình và người khác đều rất lừng lẫy. Nếu chưa lắng đọng cái tâm, trong tu pháp mà hơi buông lung, sẽ phá hoại tinh tấn. Nếu chẳng hổ, chẳng thẹn, tất nhiên sẽ buông lung!

*(Kinh) Tam giả, trí huệ thù thắng.*

**(經)三者、智慧殊勝。**

*(Kinh: Ba là trí huệ thù thắng).*

Chẳng nương cậy, chẳng đắm nhiễm, chẳng tạo tác. Dùng cái tâm như thế để hành các pháp.

*(Kinh) Tứ giả, cận thiện tri thức. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tắc đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.*

**(經)四者、近善知識。賢護！是為菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。**

*(Kinh: Bốn là thân cận thiện tri thức. Này Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).*

“*Thân cận thiện tri thức*” để trừ nghi hoặc cho mình lẫn người, là pháp tắc để trừ nghi hoặc!

*(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp, năng cụ túc hành, tắc năng thành tựu hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, nãi chí ư sát-na thời, vô chúng sanh tướng.*

**(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法，能具足行，則能成就現前三昧。何等爲四？一者、乃至於剎那時，無衆生想。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp, có thể hành trọn đủ, thì sẽ có thể thành tựu hiện tiền tam-muội. Những gì là bốn? Một là thậm chí trong một sát-na, chẳng có chúng sanh tưởng).*

Chẳng hạn như chúng ta đi vào đạo tràng, hoặc xuất gia, trọn mắt nhìn, ôi chao! [Thấy các chuyện] đúng nhiều ngàn ấy, sai nhiều ngàn ấy! Đó là chúng sanh tưởng! Đó gọi là “*tạp nhiễm chúng sanh*”, khi dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để tiếp xúc, sẽ đều là chúng sanh duyên hiện. Vì thế, chúng sanh là do tâm đắm nhiễm, chuyện gì cũng đắm nhiễm, chỗ nào cũng đắm nhiễm. Do vậy, tướng chúng sanh sanh khởi, tâm trí phiền não, lăm nổi chán chường, mệt mỏi, vì bị các phiền não tạp duyên che lấp, người ta sẽ sanh khởi tướng trần lao. Nếu có chúng sanh tưởng, hãy nên tu trì như thế nào? Nam-mô A Di Đà Phật [có công năng] hồi thí rộng khắp, [khiến cho mỗi chúng sanh] đều nhập bốn vị, tức là đều được vãng sanh. Quang minh thanh tịnh viên mãn của A Di Đà Phật chiếu trọn khắp, không đâu chẳng chiếu thấu. Do vậy, hết thấy sự sai biệt của chúng sanh đã bị ngăn che. Nói “*ngăn che*” tức là chẳng thấy chúng sanh tướng, chỉ có sức niệm Phật vô ngại!

*(Kinh) Nhị giả, u tam nguyệt nội, bất tạm thụy miên.*

**(經)二者、於三月內，不暫睡眠。**

*(Kinh: Hai là trong ba tháng, chẳng tạm ngủ nghỉ).*

Hiện thời, rất nhiều vị Bồ Tát trong một ngày một đêm, một ngày hai đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm hành pháp. Trì kiến và tâm trí “*bất tạm thụy miên*” (chẳng tạm ngủ nghỉ) biến thành mười phần trọng yếu. Hoàn toàn chẳng phải là nói quý vị ngủ hay không ngủ, mà là quý vị chớ nên tạo tác tâm niệm như thế. Nhân duyên ngủ nghỉ trong quá khứ đã thành thực, quý vị chẳng thể không ngủ, không thể chẳng mệt, nhưng hiện tại thì sao? Đừng nên tiếp tục tạo tác nghiệp và nghiệp tướng như thế nữa! Ở đây là sự tu trì chẳng thể nghĩ bàn, là tu tập Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Vì quý vị chẳng thể thay thế nghiệp quá khứ, chẳng thể ngăn trở nó.

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

Như hoàn cảnh y báo, sắc thân trong hiện tại của chúng ta, cho đến phước đức và nhân duyên sai biệt, đều là do Dị Thục Quả chín muồi. Hãy ở trong nhân duyên ấy, đừng nên tạo tác ngu và mê ngu, chớ nên tăng mạnh nhân duyên ngu nghê. Phải thấy thấu suốt bản chất của nó. Trước kia, thầy Đại Hùng đã nói trong khi hành Ban Châu như sau: “Hôn trầm ở trong chỗ tối”, thật sự cũng là một sự quan sát thuận duyên, ai nấy đều trở về bản vị (vị trí, địa vị vốn có của chính mình)<sup>67</sup>, chẳng còn tạo tác nữa! Hễ hôn trầm xảy đến thì vẫn là hôn trầm, nhưng người ấy chẳng còn chấp trước mạnh mẽ nữa, cũng chẳng còn bài xích nó, nhưng cũng chẳng còn thuận theo nó. Quan sát kỹ càng đúng lý như thế, lâu dần, người ấy sẽ có thể thật sự vượt thoát hôn trầm. Nhưng nếu quý vị nói “ta vun bồi hôn trầm”, đó chẳng phải là điều tốt đẹp! “Vun bồi” là gì? Tức là hễ hôn trầm xảy đến, bèn dung túng nó. Nếu hôn trầm thật sự xảy đến, chẳng dùng sức, chẳng thuận theo sức ấy, chẳng ra sức tác động, tức là chẳng cự tuyệt, chẳng nghênh tiếp. Đó là chỗ dụng công vừa khéo!

*(Kinh) Tam giả, tam nguyệt kinh hành, duy trừ tiện lợi.*

**(經)三者、三月經行，唯除便利。**

*(Kinh: Ba là suốt ba tháng kinh hành, chỉ trừ lúc bài tiết).*

Hành pháp Ban Châu yêu cầu thời gian khá dài là ba tháng. Trong ba tháng, chỉ đi kinh hành, bỏ sạch các pháp khác, chỉ trừ lúc bài tiết là làm chuyện khác.

*(Kinh) Tứ giả, nhược u thực thời, bố thí dĩ pháp, bất cầu danh lợi, vô vọng báo tâm. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tắc đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.*

**(經)四者、若於食時，佈施以法，不求名利，無望報心。賢護！是爲菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。**

---

<sup>67</sup> Nói “bản vị” ở đây có thể hiểu theo nhiều hàm nghĩa: Tận hết trách nhiệm thuộc bản phận của mình như tổ Ấn Quang thường dạy “đôn luân, tận phận”. Đó là hiểu theo nghĩa lý thế gian. Còn nói rộng hơn theo pháp xuất thế gian thì phải nhận biết mỗi người chúng ta đều có Phật tánh, ai nấy đều là Phật trong vị lai, hãy tu tập sao cho chẳng có phụ vị Phật sẵn có trong tâm tánh của chính mình.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Bốn là nếu lúc ăn, bèn bỏ thí đúng pháp. Chẳng cầu danh lợi, chẳng có tâm mong được báo đáp. Nay Hiền Hộ! Đó gọi là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).*

Nếu có thức ăn, nếu tạo tác nghiệp, đều tương ứng với pháp tắc, cho nên đừng tham đắm các mùi vị. Tôi thường nghe người kinh hành Ban Châu nói: “Ồi trời! Còn đói quá đi! Lần sau ăn một bữa thật no”. Tu hành theo kiểu đó, sẽ có chướng ngại ngay trong hiện đời, tự mình xếp đặt chướng ngại.

“*Bất cầu danh lợi, vô vọng báo tâm*” (Chẳng cầu danh lợi, chẳng có tâm mong được báo đáp): Có người kinh hành Ban Châu vì để đạt được tướng mạo tốt đẹp, hay khí sắc tốt đẹp. Trong hành pháp này, mỗi bữa cơm bèn ăn nhiều hơn, ăn các thứ có chất dinh dưỡng, thứ này bỏ, thứ kia bỏ. Bỏ tới, bỏ lui để làm gì cơ chứ? [Có kẻ] kinh hành Ban Châu để người khác thấy mình dễ coi, có tinh thần, trang nghiêm, [đó là tu hành vì] ham cầu danh lợi hư giả, đánh mất sự thanh tịnh nơi tự tâm, chẳng thể tương ứng với pháp. Hiện thời, kẻ như thế này nhiều lắm: Trước khi đi kinh hành Ban Châu, chuẩn bị rất nhiều thứ bổ dưỡng, mong trong khi hành Ban Châu sẽ phấn chấn, tỏa sáng một phen. Đây là chẳng tương ứng!

*(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp, năng cụ túc hành, tác đắc thành tựu hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, khuyến tha kiến Phật.*

**(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法，能具足行，則得成就現前三昧。何等爲四？一者、勸他見佛。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp, nếu có thể hành trọn đủ, liền được thành tựu hiện tiền tam-muội. Những gì là bốn? Một là khuyên người khác thấy Phật).*

Đừng xem nhẹ điều này! Khuyên người khác, sẽ chuốc lấy phiền não. Thường sẽ có nghĩa là: Quý vị thấy người này là đúng, kẻ kia là sai; đó là do khuyên người khác mà chuốc lấy phiền não. [Khuyên người khác trong pháp môn Tịnh Độ] là khiến cho người khác biết hết thấy các pháp rốt ráo chẳng có gì để đạt được, do nhân duyên mà sanh, chẳng có thực chất. Khiến cho kẻ khác thấy Phật, dù là trí huệ Pháp Thân Phật,



hay Báo Thân Phật, đều có phương tiện. Đừng ô nhiễm tâm kẻ khác, đừng hủy diệt tự tâm, đối với chuyện kẻ khác thấy Phật, chẳng đăm nhiễm!

*(Kinh) Nhị giả, giáo nhân thính pháp.*

**(經)二者、教人聽法。**

*(Kinh: Hai là dạy người khác nghe pháp).*

Khuyên người khác nghe pháp, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn và quả báo thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Phá hoại pháp duyên của người khác, diệt pháp nhân của kẻ khác, chướng ngại cơ hội xuất ly của người khác, thật sự là đáng thương! Có lúc, chúng tôi khá đau lòng vì chuyện này: Đối với cơ hội học Phật của người tại gia hay xuất gia, người khi chưa thành thực vẫn khát vọng, mà kẻ gặp lúc cơ hội thành thực lại thường khinh mạn. Khinh mạn như thế chính là khinh mạn nhân duyên trong hiện tiền của chính mình! Hiện tiền trân quý nhất! Muốn cầu pháp thù thắng nơi khác, muốn cầu duyên thù thắng nơi khác, đúng là tâm trí thiếu sót, kém cỏi, chẳng biết phát tâm. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy nên khéo quan sát!

*(Kinh) Tam giả, tâm vô tật đố.*

**(經)三者、心無嫉妒。**

*(Kinh: Ba là tâm chẳng ghen ty).*

Ghen ty là gì? Đối với chuyện này, mọi người đều liễu giải khá dễ dàng! Tức là chẳng thích thấy người khác nổi bật, chẳng thích người khác tôn quý, chẳng thích người khác được vui sướng hơn mình, chẳng thích người khác có công đức. Đây là tội ác trong thời Mạt Pháp. Tội ác phổ biến nhất của chúng ta trong thời đại này là thường chẳng có tâm tùy hỷ, thường bầu bạn với cái tâm đố kỵ. Tâm trí hẹp hòi, kém cỏi, chẳng có tâm vui mừng khi người khác được lợi. Do vậy, người như thế phải nên thường tu tâm tùy hỷ, tâm tán thán, tâm cúng dường, tâm cung kính, hòng có thể miễn trừ cái tâm ghen ty ấy. Ghen ty thì không gì chẳng ngoài hẹp hòi, không muốn người khác hơn mình, không gì chẳng ngoài xa lìa cung kính, tâm trí chẳng có lễ kính, tâm sanh kiêu mạn, chẳng ngoài [lý do] ít có lòng tùy hỷ, thường hay thấy lỗi của kẻ khác! Hễ kẻ nào dấy lòng ghen ty, sẽ nói chuyện rất khó nghe, rất dăm dẳng, rất hẹp

hồi, giống như mây đen che phủ mặt trời, che phủ quang minh của cái tâm!

*(Kinh) Tứ giả, khuyến tha phát Bồ Đề tâm. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tác đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.*

**(經)四者、勸他發菩提心。賢護！是爲菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。**

*(Kinh: Bốn là khuyên người khác phát Bồ Đề tâm. Nay Hiền Hộ! Đây là bốn pháp nếu Bồ Tát trọn đủ, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).*

Càng trọng yếu hơn nữa! Nếu chính mình chẳng yêu thích Bồ Đề tâm, khi khuyên người khác phát Bồ Đề tâm, cũng sẽ được Bồ Đề tâm huân nhiễm, huân tập, bèn hướng tới và thủ hộ Bồ Đề tâm, thậm chí thành tựu [Bồ Đề tâm]. Do vậy, khuyên phát Bồ Đề tâm trọng yếu nhất. Dù khuyên chính mình phát, hay khuyên người khác phát, chuyện khuyên phát Bồ Đề tâm rất quan trọng!

*(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp thành tựu tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, tạo Phật hình tượng, khuyến hành cúng dường.*

**(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法成就三昧。何等爲四？一者、造佛形像，勸行供養。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp thành tựu tam-muội. Những gì là bốn? Một là tạo Phật hình tượng, khuyến hành cúng dường).*

Chẳng hạn như chúng ta trong mấy ngày gần gũi học tập kinh Hiền Hộ này, mọi người đã không ngừng chăm bẵm trang nghiêm tượng Phật. Tuy chẳng phải là chuyện to lớn gì, nhưng nó thật sự có tác dụng. Quý vị chẳng tin, có thể vẽ một bức tượng vẽ, hoặc tưởng nhớ một bức tượng Phật, tạo nhân duyên nơi tượng Phật ấy, hãy có tâm tùy hỷ, cúng dường, tán thán cho nhiều, đương nhiên tốt nhất là dùng bức tượng nào khiến cho quý vị ưa thích nhất. Tượng nào có thể khiến cho người ta vui thích? Có người thì tượng vẽ trên vải thô đã có thể khiến cho người ấy

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

hoan hỷ. Có người tượng rất tinh xảo mới có thể khiến cho người ấy hoan hỷ. Có người thì tượng phải rất oai đức trang nghiêm. Có người tượng rất trân quý mới có thể khiến cho người ấy hoan hỷ. Bất luận loại tượng nào, không gì chẳng nhằm đánh thức niềm hoan hỷ và trí huệ trong tâm linh của chúng ta. Vì thế, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn, như trong kinh Địa Tạng đã nói tạo tượng Địa Tạng Vương có công đức như thế nào, có thể diệt tội Ngũ Vô Gian v.v... Tạo hết thấy các tượng Phật khác cũng giống như thế. Vì tạo tượng, ắt phải dụng tâm, từ cái tâm mà tạo tượng. Đó gọi là “*duyên Phật thành Phật*”, chúng ta tạo tượng Phật thì trong tâm có Phật. Chẳng có Phật thì tạo tượng để làm gì? Do vậy, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn!

“*Khuyến hành cúng dường*”, tạo tượng để làm gì? Khiến cho hữu tình trong thế gian cúng dường các pho tượng, khiến cho chúng sanh vun trồng phước đức, hoặc sẽ như thật biết tự tâm, thành tựu lợi ích trong Phật pháp.

***(Kinh) Nhị giả, thư tả thị kinh, linh tha độc tụng.***

**(經)二者、書寫是經，令他讀誦。**

***(Kinh: Hai là biên chép kinh này, khiến cho người khác đọc tụng).***

Nay chúng ta in bản kinh này ra, lúc vừa mới từ Trầm Dương đưa tới chùa Bảo An, sau đó, đem hai ba bản đến đây, mọi người trông thấy rất hoan hỷ. Nhưng hiện thời đã có nhiều, tôi thấy kinh sách đặt khắp nơi, nhưng cũng chẳng có ai xem! Hễ có nhiều, tuy kinh sách là pháp bảo vô thượng, cũng chẳng cho là quý báu nữa! Vì trong quá trình chúng ta học tập lần này, đều là tùy ý mà ngồi, một là khá tự nhiên, hai là cũng khá thoải mái, nhưng khi mọi người bước ra, tốt nhất là đừng nên bước qua kinh điển, hãy đi nhiều quanh sẽ tốt hơn! Đó là chuyện có ý nghĩa, nhất định phải chú ý một chút. Nếu không, bản thân chúng ta sẽ phạm lỗi khinh pháp!

***(Kinh) Tam giả, mạn pháp chúng sanh, giáo linh phát tâm.***

**(經)三者、慢法衆生，教令發心。**

***(Kinh: Ba là dạy kẻ khinh mạn pháp hãy phát tâm).***

“*Mạn pháp*” là đối với pháp, chẳng sanh hoan hỷ. Ngày hôm qua, có mấy người công nhân quy y, tôi bảo họ: “Các vị kiêm được món tiền

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

này có thể tiêu hết, nhưng nếu có thể đến quy y, học Phật, kết nhân duyên với Phật pháp, đúng là có ý nghĩa hơn kiếm tiền nhiều lắm. Lao động dựng nhà cửa cho đạo tràng, làm chút chuyện cho Tam Bảo, quý vị có phước đức và nhân duyên, nhưng trọng yếu nhất vẫn là Tam Quy Y. Vì có nhân duyên Tam Quy Y, sẽ có thể thật sự vào nhà Như Lai, thật sự có thể học Phật”. Chẳng biết bản thân nữ chúng trong Hằng Dương Am có sức chiêu cảm to cỡ nào mà ảnh hưởng khá nhiều công nhân đến học Phật. Chúng ta chẳng cần biết công nhân tốt hay xấu, tánh cách như thế nào, ăn gì, dùng gì, chẳng cần bận tâm, nhưng họ có thể đến quy y, điều ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Cảm động rất nhiều công nhân như thế đến học Phật, chuyện này có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Lợi ích chẳng thể nghĩ bàn gì vậy? Khuyên kẻ chưa tin sanh lòng tin, chẳng thể nghĩ bàn! Khiến cho kẻ mạn pháp, kẻ chẳng biết pháp sanh lòng tin. Các vị thiện tri thức ơi! Chuyện này còn hơn dựng đạo tràng. Nếu một đạo tràng mà chẳng có ai đến tu tập pháp, đạo tràng ấy có ý nghĩa gì hay không? Dựng một vạn gian nhà mà chẳng có pháp tắc, chẳng có Phật pháp, chẳng tu tập Phật pháp, há có ý nghĩa gì chẳng? Chúng ta chẳng tu tập, lại có ý nghĩa gì hay không? Nhưng có một người tới quy y, tùy thuận đạo tràng của ta, đó là cơ chế tu pháp thành thực. Vì thế, “*mạn pháp chúng sanh, giáo linh phát tâm*” (dạy cho chúng sanh khinh mạn pháp phát tâm) chính là pháp tắc huân tu cụ thể phải nên tu tập đối với chúng ta là những kẻ đang mong tu tập Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội trong lúc bình thời. Bốn pháp trong phần sau này khá dễ thực hiện, tạo tượng, cúng dường, biên chép, đọc tụng, khuyên người khinh mạn pháp phát Bồ Đề tâm, cho đến điều thứ tư kế tiếp là “*hộ trì chánh pháp, linh đắc cửu trụ*” (hộ trì chánh pháp, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài).

***(Kinh) Tứ giả, hộ trì chánh pháp, linh đắc cửu trụ.***

**(經)四者、護持正法，令得久住。**

***(Kinh: Bốn là hộ trì chánh pháp khiến cho tồn tại lâu dài).***

Ai tới hộ trì? Chỗ nào có chánh pháp? Do một niệm thủ hộ tâm trí Bồ Đề của quý vị, duy trì đạo tràng, đạo tràng ấy sẽ có chánh pháp, quý vị đang thủ hộ chánh pháp. Chúng ta mê mất Bồ Đề tâm, lo gìn giữ mấy căn nhà, chăm bẵm mấy câu [xã giao] “*chào ông, chào bà!*” Đó là chẳng có chánh pháp, chẳng có chánh pháp để có thể đạt được! Chúng ta

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 1*

có thể thật sự thủ hộ tâm trí Bồ Đề của chính mình, duy trì đạo tràng, duy trì các hữu tình bên cạnh mình hay không? Có như thế thì quý vị mới thật sự là người thủ hộ chánh pháp, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài [trong thế gian]. Ai đến trụ lâu dài? Vì sao Phật pháp có thể trụ lâu dài? Trụ ở nơi đâu? Dùng vào nơi đâu? Một niệm trong hiện tiền chọn lựa Bồ Đề tâm, chẳng sợ, chẳng hãi!

*(Kinh) Hiện Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp tắc, đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.*

**(經)賢護！是爲菩薩具足四法則，得成就現前三昧也。**

*(Kinh: Nay Hiện Hộ! Đó là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp tắc, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).*

Đây là các thứ pháp tắc hỗ trợ Ban Châu tam-muội hiện tiền. Từ bốn pháp ấy, đức Thế Tôn tuyên nói các điều kiện trọn đủ. Các điều kiện ấy [thật ra] chẳng phải là điều kiện, chỉ là thọ dụng ở chỗ nào! Rất nhiều người nói: “Vì sao niệm Phật chẳng chứng tam-muội?” Đầu óc quý vị đây ấp vọng tưởng, hành vi hư giả, làm sao có thể chứng tam-muội cho được? Tâm trí đắm nhiễm, hễ gặp chuyện liền nhiễm vào đúng, nhiễm vào sai, nhiễm vào thiện, nhiễm vào ác, làm sao có thể thấy chư Phật cho được? Chư Phật là đức tướng nơi tự tâm thanh tịnh, làm sao quý vị có thể thấy được? Do đó, tâm chẳng tự thấy Phật Lập Hiện Tiên. Hễ hiểu rõ tự tâm, do biết tự tâm thanh tịnh, sẽ được thấy chư Phật.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ viết:*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈曰：**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nêu tỏ nghĩa này lần nữa, bèn nói kệ rằng).*

Sau phần Trường Hàng là Kệ Tụng; đây là cách thức thông thường trong kinh điển, nhất là kinh điển Đại Thừa. Kệ Tụng dùng các lời lẽ đơn giản, rõ ràng hơn để nhắc lại nghĩa ấy, khiến cho tâm trí của chúng ta sáng suốt.

*(Kinh) Nhữ đấng đưng trụ Phật pháp trung, vật tàng chánh ngôn cập ngã pháp. Niệm cần, tinh tấn, trừ thụy cái, tam nguyệt bất tọa, duy kinh hành.*

**(經) 「汝等當住佛法中，勿藏正言及我法。念勤精進除睡蓋，三月不坐唯經行。」**

*(Kinh: Các ông nên trụ trong Phật pháp, đừng giầu chánh ngôn và Phật pháp. Niệm siêng, tinh tấn, trừ ngủ nghỉ, ba tháng chẳng ngồi, chỉ kinh hành).*

Hiện thời, trong nước có rất nhiều người hành pháp Ban Châu, nhưng có khi là có lạy, có ngồi, tuy mang tên là Ban Châu, nhưng là một thứ biến tướng của hành pháp Ban Châu. Nếu dựa theo kinh giáo để nói, phải nên là Thường Lập tam-muội (tam-muội thường đứng), tức là kinh hành chẳng lười nhác, chẳng ngồi, chẳng nằm. Đó chính là một yêu cầu cụ thể trong hành pháp Ban Châu tam-muội.

Có người nói “không cho ngồi xuống” thì quá tàn khốc, có thể cho người ấy nghỉ ngơi! Trong quá khứ, người hành pháp Ban Châu có đai treo, có thể treo mình vào đó để nghỉ ngơi dăm ba phút, đó gọi là “nghỉ ngơi mà chẳng nghỉ ngơi”, vì chẳng thể ám thị chính mình nghỉ ngơi, có thể tạm dừng [kinh hành] một lát. Có khi, hễ cái tâm được ám thị, sẽ nảy sanh kết quả nghỉ ngơi, sẽ kéo dài thời gian hôn trầm và mê mất. Do vậy, khi thân thể đã đạt đến cực hạn, có thể chuyển mình đến chỗ treo thân thể một chốc, thư giãn một chút cho thân thể khỏi hư nhược, nhưng chớ nên ám thị chính mình nghỉ ngơi!

Hành pháp này lấy “không nghỉ ngơi” làm chuẩn tắc, vừa khéo là nhân loại chúng ta vẫn chưa dám vượt qua vấn đề nghỉ ngơi này. Nghỉ ngơi là sự điều chỉnh nảy sanh trong tâm trí đối đãi, có thể nghĩ bàn của chúng ta đối với sự mệt nhọc, mà cũng là quá trình điều chỉnh đối đãi. Chẳng nghỉ ngơi chính là trạng thái chẳng tạo tác, an phận, thuộc về bản phận. Do vậy, trong khi trao đổi về hành pháp Ban Châu, chuyện được bàn luận nhiều nhất là những thứ được tạo thành bởi nghỉ ngơi và phiền não. Cái được gọi là “phiền não” tức là vì đói bụng, mệt nhọc, nhọc nhằn chẳng thể khống chế được mà tạo thành khổ não. Một điều khác là “ám thị nghỉ ngơi”, chẳng hạn như tự nhủ: “Ôi trời ơi! Người khác chẳng ở đây, ta nghỉ một chút thôi!” Thật sự là lừa mình, dối người. “Dối” tức là ảnh hưởng tới lợi ích chân thật nơi hành pháp Ban Châu

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

của chính mình, tức lợi ích của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiền Lập [tam-muội]. Quý vị lãng phí thời gian của chính mình. Nhưng trong tâm trí của bọn phàm phu chúng ta, thường là khó thể lựa chọn. Hễ nhắc đến vấn đề “không nghỉ ngơi”, sẽ sanh tâm sợ hãi, vì từ lâu đã có sự so sánh đối đãi giữa siêng khổ tạo tác và nghỉ ngơi, cho nên muốn cho một người không nghỉ ngơi rất khó! Thật ra, thường là khi chúng ta thật sự lựa chọn một chuyện, rất có thể là chẳng có ý niệm “không nghỉ ngơi”. “Nghỉ ngơi” là một loại tri kiến, tức là một loại tri kiến đối đãi khiến cho chính mình mù quáng, mà cũng là phương pháp cân bằng tâm lý của chính mình nảy sanh trong tâm trí tư duy của thường nhân đó thôi. Nó chẳng thật, vì hết thấy các pháp chẳng có tự tánh. Trong pháp nghỉ ngơi ấy, há có gì là tự tánh?

***(Kinh) Thực thời quảng thuyết nhi thí tha, tuyên dương chư Phật vô tỷ pháp.***

**(經)食時廣說而施他，宣揚諸佛無比法。**

***(Kinh: Khi ăn, rộng nói thí kẻ khác, tuyên dương pháp chư Phật khôn sánh).***

Khi chúng ta hành trì như pháp, nói “*nhu pháp*” chính là khởi tâm động niệm của chính mình trong mỗi thời khắc, ngay cả trong lúc ăn uống, cũng đều chẳng lãng quên pháp tắc. Hiện thời, trong thời khóa, dấu chỉ cho nghỉ mười phút, rất nhiều người sẽ đều buông lung trong chốc lát. “*Buông lung*” là như thế nào? Tán hoại sự duy trì học Phật và học pháp của chính mình, ngay lập tức tán gẫu, nói những chuyện chẳng liên can. Thứ này hay, thứ kia dở ngay lập tức xuất hiện! Trong thời gian mười phút, luôn tận lực lợi dụng mọi cơ hội để gieo mình vào thế tục, dấn thân vào tạp duyên, hưởng hồ còn sa đà vào đó! Trước kia, tôi gặp một số vị sư phụ xuất gia, hoặc cư sĩ, trong lúc tu tập, hễ có thời gian liền ngủ. Tôi hỏi vì sao phải ngủ như thế? Họ nói chẳng được nghỉ ngơi! Dùng toàn bộ thời gian rảnh rỗi để ngủ, nhưng có thể nghỉ ngơi hay không? Bất quá là một thứ ám thị và cân bằng tâm lý đó thôi! Nếu như vậy mà có thể nghỉ ngơi thật sự, chúng ta sẽ ngủ cả vạn năm! Như thế thì thật sự có ý nghĩa hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Chớ nên tự dối gạt mình!

*(Kinh) Bất cầu danh văn cập lợi dưỡng, vô sở trước cố đắc thử Thiên.*

**(經)不求名聞及利養，無所著故得此禪。**

*(Kinh: Chẳng cầu tiếng tăm và lợi dưỡng, do chẳng chấp trước đắc Thiên này).*

“*Bất cầu danh văn cập lợi dưỡng*” (Chẳng cầu tiếng tăm và lợi dưỡng): Trong hành pháp Ban Châu, tiếng tăm và lợi dưỡng là mối nguy hại to lớn tột bậc cho cái tâm. Đọa lạc trong ấy, bị tổn hại trong tình huống ấy, khá dễ nảy sanh. Vì sao vậy? Pháp ấy mạnh mẽ, có sức nổi kết mạnh mẽ! Hễ chẳng chú ý đôi chút, tâm mạn, tâm kiêu sẽ sanh khởi, gây chướng ngại cho mình lẫn người. Nhưng nếu là cái tâm lợi tha, tâm chẳng vì lợi dưỡng, ắt sẽ được thân tâm điều phục, mềm mỏng, trọn đủ bi và trí.

“*Vô sở trước cố, đắc thử Thiên*” (Do chẳng chấp trước nên đạt được môn Thiên này): Lợi ích thật sự của pháp này chính là lưu xuất quang minh và thiện xảo từ tâm trí tịch diệt.

*(Kinh) Mạc sanh tật đố cập sân khuể, đương tư giải thoát chư dục tâm. Nhạo thử tam-muội cầu trụ giả, cần niệm vô giải nhĩ nãi đắc. Kim sắc bách phước trang nghiêm tướng, đoan chánh viên mãn nhược hoa vinh.*

**(經)莫生嫉妒及瞋恚，當思解脫諸欲心。樂此三昧求住者，勤念無懈爾乃得。金色百福莊嚴相，端正圓滿若華榮。**

*(Kinh: Đừng sanh ghen tỵ và nóng giận, hãy nghĩ giải thoát các dục tâm. Ưa thích, cầu trụ tam-muội này, siêng niệm, chẳng lười, bèn đạt được. Tướng sắc vàng trăm phước trang nghiêm, đoan chánh, viên mãn, đẹp rạng rỡ).*

Đây là tỷ dụ tướng của đức Thế Tôn.

*(Kinh) Thế gian nhạo kiến quang minh thể, thường đố chư Phật tại hiện tiền.*

**(經)世間樂見光明體，常睹諸佛在現前。**



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Thế gian ưa thấy thế quang minh, thường thấy chư Phật đang hiện tiền).*

Niệm tướng hảo của Phật chính là phương tiện tu trì để quán sắc tướng. Trước kia, tôi đã theo một vài vị thiện tri thức học phương pháp như vậy, rất dễ thấy Phật tướng, rất dễ dàng, tột bậc dễ dàng! Nhưng rất nhiều người tu theo pháp ấy lại cho là rất khó, chẳng biết vì sao? Do vấn đề trong khái niệm, hay là có vấn đề về tri kiến? Hay là vấn đề về nhân duyên? Chẳng hạn như muốn quán tướng của Như Lai, quý vị đánh lễ một trăm lễ tám lần, tướng ấy sẽ hiện tiền. Chỉ cần quý vị cung kính, từ đầu đến cuối đều như nhau, liên tục lễ bái. Không tin thì chúng ta có thể thí nghiệm. Đối trước một bức tượng khá đúng pháp, trang nghiêm, quý vị hãy như thật lễ bái, ca ngợi. Cũng có nghĩa là trong khi lễ bái, trong tâm thốt lên lời ca ngợi, cho đến nói ra miệng cũng được. Khi lễ A Di Đà Phật, niệm Nam-mô A Di Đà Phật cũng được, hoặc lạy Dược Sư Phật, niệm Dược Sư Phật. Lạy vị Phật nào, niệm vị Phật đó, chỉ cần quý vị nhất quán từ đầu đến cuối, hoặc bốn mươi chín lần, hoặc hai mươi mốt lần, thậm chí bảy lần. Nếu là người siêng ròng, người thủ hộ thì cũng được thấy. “*Được thấy*” chính là thấy mà như chẳng thấy; đó chính là “*được thấy*”.

Thấy Phật chẳng khó, giống như chúng ta thấy các vật khác. Sự vật đều do tâm mà hiện. Các thứ khác dễ thấy, vì sao chẳng dễ thấy Phật? Trong tâm chúng ta có sợ hãi, trong tâm có khoảng cách, trong tâm chẳng có sự liên tục. Mọi người có thể thí nghiệm nhé! Hãy tìm một bức tượng Phật mà quý vị ưa thích nhất. Trong hoàn cảnh đơn giản nhất (tức là chỉ xếp đặt một nơi chỉ thờ bức tượng ấy), liên tục lễ một trăm lễ tám lạy. Quý vị nghiêm túc lễ bái, ca ngợi, cúng dường vị Phật ấy, có thể làm như thế đó. Tôi đã gặp rất nhiều người nói: “Ôi chao! Tôi niệm Phật đã nhiều năm ngàn ấy, chẳng thấy Phật lần nào cả!” Quý vị chẳng có tí xíu tâm cổ vũ nào, một tí tâm tiếp nối (tâm liên tục nghĩ tưởng Phật) cũng chẳng có, một tí tâm ca ngợi cũng chẳng có luôn! Như thế thì làm sao có thể hữu dụng cho được? Nêu một thí dụ đơn giản nhất, tôi chẳng khen ngợi mình, mà cũng chẳng phỉ báng mình. Nếu tôi thấy diệu tướng của Phật, chỗ gia trì trong công đức do thấy Phật là tuyệt đối chẳng tiếc nuôi bất cứ vật gì để cúng dường. Lúc tôi nghèo túng nhất, thật sự là áo đang mặc cũng cởi ra để cúng dường Phật. Ở đây chẳng phải là nói hư giả, tuyệt đối chẳng có bất cứ do dự nào! Đó chẳng phải là vấn đề có thiện căn hay không, mà là quý vị có tâm trí vui thích, ngưỡng mộ, thủ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

hộ, cúng dường như thế hay không? Nếu chẳng có tâm trí ấy, làm sao quý vị thấy Phật cho được? Nếu quý vị gặp Phật mà còn suy nghĩ tính trừ trừ: “Con cúng dường Ngài có thích đáng hay không? Con lễ Ngài có hợp lẽ hay không?” [Nếu cứ bần khoản, so đo như thế], làm sao có thể thấy Phật cho nổi?

Thấy Phật chẳng khó, chỉ do tâm hiện. Cái tâm thành kính, liên tục, nhất định sẽ trông thấy. Đó chẳng phải là nói cao mình đâu nhé! Như trong phần văn tự thuộc phần trước đã nói, tâm chẳng thể tự thấy, cho nên Như Lai chính là tâm ta! Vì có sao vậy? Tâm làm Phật, tâm là Phật. Vì sao chúng ta có thể thấy chúng sanh tướng, mà chẳng thể thấy Phật tướng? Trên thực tế, có bất cứ chúng sanh tướng nào chẳng phải là Phật tướng ư? Tất cả các tướng mà ta được thấy và Phật tướng lại có gì khác biệt? Chỉ do tâm hiện, chẳng có chút nào khác biệt! Nhưng chúng ta có thể thấy chúng sanh tướng, vì sao chẳng thể thấy Phật tướng? Có thể thấy các thứ tướng tạp uế, tướng đăm nhiễm, tướng điên đảo, vì sao chẳng thể thấy Phật tướng? Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải cố vũ, khích lệ chính mình, hãy tu tập pháp tắc ở đây! Nếu quý vị chẳng tu tập, cứ lo nghe kẻ khác nói cho lắm vào, nói chung là chẳng thể tương ứng!

Trước kia, có một lần tôi nói: “Tôi hôm nay tôi niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu chẳng được trông thấy, tôi sẽ nhảy lầu”. Bức bách chính mình một phen! Vì sao? Nay ác báo của tôi đã chín muồi. Chẳng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ chẳng thể tiêu trừ nghiệp duyên ấy, hoặc là chết phứt đi, hoặc thấy Quán Âm. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát một hơi hai tiếng đồng hồ như thế, Quán Thế Âm liền thuận theo cơ nghi mà hiện tướng. Chẳng phải là nói tôi hay ho gì, mà là cách vận dụng mạnh mẽ! Nếu tâm trí của quý vị chẳng có khát vọng như thế, làm sao có thể thấy cho được? Tôi nêu ra thí dụ này, chẳng nhằm nêu ra pháp tắc ấy [để xúi giục quý vị làm theo cách cực đoan ấy], mà có ý nói: Quý vị nhất định phải khích lệ chính mình, [đặt mình vào hoàn cảnh] chẳng còn có đường lui! Nếu quý vị còn có đường lui, làm sao có thể thấy Phật cho được? Quý vị có đường lui, sẽ thấy tạp duyên và tạp nghiệp trong hiện tiền của chính mình.

Người học Phật hiện thời có quá nhiều đường lui, không chỉ là một con đường lui, mà chắc là có cả tám trăm con đường lui! Vậy thì sẽ chẳng thể thấy Phật được! Chẳng sanh quyết định đối với pháp mà! Tôi kể với mọi người chuyện này, chẳng phải là cố vũ mọi người làm giống như tôi, mà là nêu một thí dụ cho quý vị. Thật ra, chuyện tôi làm chẳng

có ý nghĩa thực chất, cũng chẳng phải là tôi khoe khoang nguyện vọng của chính mình. Chuyện đó cũng chẳng có ý nghĩa chi hết, bởi lẽ ai cũng đều có thể làm được! Ai nấy đều làm như vậy, pháp tắc bình đẳng, chân thật mà!

*(Kinh) Vãng cổ chư Phật cập tương lai, hiện tại nhất thiết nhân trung thắng. Nhữ đẳng nhất tâm cung kính lễ, diệc thường chuyên niệm, tu cúng dường.*

**(經)往古諸佛及將來，現在一切人中勝。汝等一心恭敬禮，亦常專念修供養。**

*(Kinh: Chư Phật xưa, nay, và tương lai, trong hết thảy người thù thắng nhất. Các ông nhất tâm cung kính lễ, cũng thường chuyên niệm, tu cúng dường).*

Lễ bái và cúng dường, rất là trọng yếu! Sự cúng dường ấy không chỉ là nói suông, mà là từ tâm địa sanh khởi sự ngưỡng vọng và yêu thích. Có người nói: “Con người tôi tham tiền, keo kiệt, muốn thấy Phật, được hay không?” Nhất định là không được! Quý vị còn có cái giữ lại, tức là còn giữ chặt nghiệp tướng, quý vị sẽ thường trông thấy nghiệp tướng của chính mình, chẳng thấy thân tướng diệu sắc thanh tịnh của chư Phật. Tôi thường nghe một số Bồ Tát nói: “Ôi chao! Người khác nói họ thấy Phật, thấy Bồ Tát này nọ. Tôi hằng ngày lạy Phật, niệm Phật, có sao chẳng thấy?” Trước hết là do chẳng có cái tâm cung kính. Bản thân những câu nói đó chính là chẳng có tâm cung kính. Vì sao? Nếu quý vị thật sự dốc lòng cung kính, căn bản là sẽ chẳng ăn nói kiêu đó! Quý vị sẽ tôn trọng cái tâm của chính mình, dù thấy hay chẳng thấy, cái tâm cung kính đã là chân thật. Tâm cung kính sẽ chẳng có chuyện đối đãi [thấy mình đã] dốc lòng, làm sao có chuyện quý vị suy xét chính mình có được hồi báo hay là không! Do vậy, đánh mất cái tâm cung kính, thì đa số là lợi ích và hiệu quả sẽ bị khuất lấp!

*(Kinh) Nhữ nhược cúng dường bỉ chư Phật, ung dĩ hoa, hương, cập đồ hương. Huệ thí mỹ thực khởi tịnh tâm, chứng thử tam-muội thù phi nan!*

**(經)汝若供養彼諸佛，應以華香及塗香。慧施美食起淨心，證此三昧殊非難。**

*(Kinh: Nếu ông cúng dường chư Phật ấy, nên dùng hoa, hương và hương bôi. Khéo thì món ngon, khởi tâm tịnh, chứng tam-muội ấy thật chẳng khó).*

Ở đây, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Chẳng phải là chuyện khó! Vì quý vị kiên thành, điều phục, nhu hòa, liên tục ca ngợi, cúng dường, quan sát, tùy thuận, trong lúc ấy, tuy không thấy chư Phật, Phật đã hay biết. Vì lẽ nào? Do tâm trí điều hòa, nhu thuận, cung kính cúng dường, tâm trí tự đạt được điều phục, nhu thuận. Dẫu chưa thấy Phật mà lợi ích do thấy Phật đã hiện tiền! Nếu quý vị chẳng cầu được báo đền thì được rồi! Có người nói: “Tôi ở đây ngoài lễ bái, tán thán, ca ngợi, còn có cái tâm cầu thấy Phật, có được hay không?” Hễ dấy lên cái tâm ấy, hãy buông xuống, sẽ là như thật cúng dường, tán thán, tùy thuận. Đó là có ý nghĩa. Nếu quý vị lạy Phật hai lạy, đã nói: “Phật ơi! Sao Ngài chẳng hiện tiền?” Đó là quý vị nói với ai vậy? Nói điều kiện gì vậy? Dẫu rải các cánh hoa ở đó, vẫn là người khác mua cho quý vị, quý vị ngỡ chính mình có thể thấy Phật ư? Quý vị có một phần tâm chân thành thật sự hay chẳng? Chân thành là gì? Nó sanh khởi từ tâm trí chẳng dối dối! Trong trước tác của Ngài, Thiện Đạo đại sư đã nói: “*Nếu là người niệm Phật, dù thấy, hay không thấy [Phật hiện thân], đều biết ân Phật*”. Chẳng thấy Phật cũng là Phật ân; thấy Phật cũng là Phật ân. Ở đây là tâm cung kính, tâm chân thật, tâm liên tục! Nếu quý vị chẳng có các tâm như thế, sẽ giống hệt như buôn bán, thời thời khắc khắc tính toán được mất, làm sao có thể thấy Phật cho được? Cái tâm ô nhiễm đã che lấp chính mình mất rồi!

*(Kinh) Chư Phật tháp tiền tác chúng nhạc, loa, cổ, chinh, đặc, chư diệu âm. Hoan hỷ dũng được nan xưng lượng, tất đương thành tựu thứ tam-muội.*

**(經)諸佛塔前作衆樂螺，鼓鈺鐸諸妙音。歡喜踊躍難稱量，必當成就此三昧。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Trước tháp chư Phật, tấu các nhạc, ốc<sup>68</sup>, trống, chiêng, linh, các điệu âm. Hoan hỷ, hớn hờ, khó tính kẻ, ắt sẽ thành tựu tam-muội này).*

Đôi trước Phật, Bồ Tát, chúng ta có thật sự vui thích cúng dường hay không? Công khóa đều chẳng muốn tham dự. Niệm vài câu Nam-mô A Di Đà Phật đã nói: “Niệm nhanh lên cho xong!” Tán Phật, lễ mấy lạy liền cảm thấy mệt mỏi, nhọc nhằn, chẳng muốn lạy nữa. Vậy thì làm sao có thể thấy Phật cho nổi? Quý vị tán Phật để thân tâm của chính mình an lạc đầy chãng? Quý vị tán Phật ư? Chẳng phải là quý vị bồi đắp cảm nhận của chính mình ư? Quý vị mong muốn thấy Phật à? Quý vị thật sự chẳng màng sanh mạng để được thấy Phật à? Chẳng màng nghiệp duyên của chính mình để thấy Phật à?

Tôi gặp một số thiện tri thức tu hành Phật pháp, thật sự là bậc dũng mãnh. Thấy Phật đối với họ chẳng có gì là khó! Chớ nên giải đãi và buông lung, lại càng chớ nên chẳng [tu tập, ức niệm] liên tục. Người tu hành nơi đất Hán mắc cái tật lớn là không liên tục! Chẳng hạn như đến chánh điện bèn tu pháp, ra khỏi chánh điện, khỏi tu luôn! Chẳng tu pháp trong lúc ngoài công khóa thì lên chánh điện [dẫu có ra về tu hành] cũng chẳng tu. Buổi tối [tu hành] rất sốt sắng, sáng ra lên chánh điện ngủ gục! Rời khỏi chánh điện thì “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, lên tụng niệm công khóa chẳng có ai hết. Như vậy mà có thể thấy Phật được sao? Đó là tu tự ngã, tự đại mà thôi, làm sao có thể thấy Phật cho nổi? Phật ở nơi đâu? Dùng gì để duy trì liên tục? Do vậy, trong tu pháp, chúng ta nhất định phải khéo nhận biết, khéo quan sát.

Hiện thời, trong hành pháp Ban Châu, xuất hiện cái duyên trái nghịch ở chỗ này. Trong tâm suy tưởng “ta phải tu pháp! Kệ xác đạo tràng!” Đạo tràng là để làm gì? Đối với đạo tràng, quý vị có chút yêu quý; tu pháp ở đó, sẽ có ý nghĩa. Nếu chẳng mến tiếc đạo tràng này mà muốn tu pháp ở đó, quý vị tu pháp bằng cách nào? Do cái tâm ấy, quý vị sẽ chẳng có cách nào tu pháp! Tâm ấy là tâm gì vậy? Màu xanh ư? Màu xanh ở chỗ nào? Do vậy, chúng ta học Phật, nhất định phải lôi ra cái tâm kiền thành, tâm cung kính. Sau đó, dù làm chuyện gì cho người khác, làm chuyện của đạo tràng, hay làm chuyện của chính mình, đều là đang tu hành! Nếu chẳng có cái tâm cung kính, tâm kiền thành, chính mình sẽ dưới là tu hành nhằm vun bồi ngã mạn, trên là tu buông lung, giải đãi,

---

<sup>68</sup> Loa ở đây là loại vỏ ốc dùng làm tù và để thổi.

như thế thì làm sao có thể thành tựu cho được? Thừa sự giả dối, làm sao có thể thành tựu cho nổi? Các vị thiện tri thức ơi! Phải nhận thức cho đúng chỗ này! Hãy nhận thức cho đúng, vận dụng cho đúng nhé!

*(Kinh) Khuyến tạo tôn tượng vô tỷ thân, thái họa trang nghiêm, cụ túc tướng. Kim sắc quang đại, vô hà cấu, chứng thử tam-muội lương phi nan. Các các thường niệm tu pháp thí, thanh trì cấm giới cập đa văn. Tinh cần, dũng mãnh, trừ giải đãi, đắc thử tam-muội chung bất cửu.*

**(經)勸造尊像無比身，彩畫莊嚴具足相。金色光大無瑕垢，證此三昧良非難。各各常念修法施，清持禁戒及多聞。精勤勇猛除懈怠，得此三昧終不久。**

*(Kinh: Khuyến tạo tôn tượng thân khôn sánh, vẽ vờ trang nghiêm, tướng trọn đủ. Kim sắc sáng ngời, không tỳ vết, chứng tam-muội này thật chẳng khó. Ai nấy thường nghĩ tu pháp thí, trì giới thanh tịnh và đa văn. Siêng rông, dũng mãnh, trừ giải đãi, đắc tam-muội này trọn chẳng lâu!)*

Nay chúng ta ở đất Hán, tu pháp liên tục và dũng mãnh đúng là rất khó khăn. Thường là nói chính mình mong đạt được lợi ích ấy, vẫn là chẳng nở xả “thân, tâm, thế giới và cảm nhận” của chính mình. Rất nhiều người vì an nhàn mà tu pháp, vì danh dự mà tu pháp, vậy thì làm sao có thể thấy thiện xảo và công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật cho được? Tức là thiện xảo và công đức vô ngã, thiện xảo và công đức bi trí. Bất luận tu pháp hay học tập, làm gì cũng chỉ vì một chữ Ngã! “Đổi đầu, thay mặt” chẳng lìa khỏi Ngã! Vậy thì quý vị làm sao có thể thấy Phật cho nổi cơ chứ!

*(Kinh) Bất ưng tha sở hoài độc tâm, diệc xả thế gian chư dục sự. Thường dĩ từ bi niệm nhất thiết, tam-muội khởi viễn tại hiện tiền? Ư pháp sư sở thường tùy hỷ, tôn trọng cung kính đẳng Như Lai. Mạc sanh khinh mạn dữ xan tham, hỷ tâm cúng dường trừ tật đổ. Vô lượng chư Phật cộng xưng dương, như dẫn cần câu tự đương đắc.*

**(經)不應他所懷毒心，亦舍世間諸欲事。常以慈悲念一切，三昧豈遠在現前？於法師所常隨喜，尊重恭敬等如來。莫生輕慢與慳貪，喜心供養除嫉妒。無量諸佛共稱揚，汝但勤求自當得。**

*(Kinh: Đừng ôm lòng ác với người khác, cũng xả thế gian các dục sự. Thường nghĩ từ bi với hết thấy, tam-muội hiện tiền há có xa? Đối với pháp sư luôn tùy hỷ, tôn trọng cung kính hết Như Lai. Đừng sanh khinh mạn và keo tham, hoan hỷ cúng dường trừ ghen tỵ. Vô lượng chư Phật cùng xưng tán, ông chỉ siêng cầu, tự đạt được).*

Đây chẳng phải là chuyện của người khác! Chúng ta đếm trên bảo mà mình sẵn có, tức là siêng năng tu pháp. Nếu vì pháp mà hy sinh thân mạng thì sắc thân này của chúng ta có ý nghĩa. Nếu không, thân này là thân đang tạo nghiệp.

Từ vô thi đến nay, chúng ta tạo ác nghiệp, như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: “Nếu [các ác nghiệp ấy] có hình sắc, pháp giới khó thể chứa đựng”. Thế gian khó thể chứa nổi, chẳng lẽ còn chưa đủ nhiều ư?

*(Kinh) Thế Tôn trịnh trọng diễn thuyết tu, vị tu như thị diệu pháp cố.*

**(經)世尊鄭重演說斯，為修如是妙法故。**

*(Kinh: Thế Tôn trịnh trọng nói điều đó, vì tu diệu pháp như thế ấy).*

Do vậy, đức Thế Tôn trịnh trọng tuyên nói pháp tắc khó được, khó nghe như vậy, khiến cho chúng ta đạt được Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập dễ dàng! Nói giáo pháp như thật, khiến cho chúng sanh có thể vận dụng. Do vậy, được nghe pháp khó nghe, dễ đạt được hiệu quả và lợi ích nơi tam-muội, quả thật là bồn hoài xuất thế của chư Phật.

“Vị tu như thị diệu pháp cố” (Vì tu diệu pháp như thế): Đức Thế Tôn trịnh trọng tuyên nói giáo pháp này, xét ra, mục đích vẫn là khuyên hữu tình tu nơi hiện duyên. Vậy thì chúng ta học tập cũng giống như thế, chẳng có ý gì khác. Nếu chẳng vậy, chúng ta học tập siêng khổ nhọc

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhân, nhưng mọi người lãng phí thời gian, đúng là chẳng có ích gì cho cả mình lẫn người. Vậy thì hãy nên sám hối!

### ***6. Phẩm thứ ba: Kiến Phật***

Chúng ta tiếp tục dùng văn tự để ấn khế tâm địa, dùng dùng chi khác! Kinh điển đích xác là quang minh tạng để gột rửa tối tăm trong tâm chúng ta, là cam lộ để gột rửa chất độc trong tâm ta, cũng đích xác là pháp tắc để ấn khế tâm địa tốt nhất, trực tiếp nhất, là pháp tắc thỏa đáng nhất, đặc lực nhất để chỉ đạo cuộc sống khỏe mạnh và hoàn thiện, tiến nhập hoàn thiện, thành tựu hoàn thiện, an trụ hoàn thiện. Kinh điển là một thứ ngôn thuyết trí huệ nhất, từ bi nhất, thiện xảo nhất phun trào từ tâm địa của chúng ta, là âm thanh đẹp đẽ nhất lưu xuất từ tâm trí thiện xảo nhất, từ bi nhất, nghiêm cẩn nhất của mỗi chúng sanh, chẳng phải do kẻ khác nói. Bất quá là Phật tuyên nói, các vị đại Bồ Tát, thiện tri thức kết tập [các ngôn thuyết ấy (các lời dạy của Phật)], chúng ta lại dùng nó để dẫn đường, ấn khế tự tâm. Tâm tương ứng với tâm như thế, đèn này truyền sang đèn khác như thế, tuyệt đối chẳng có tơ hào tăng giảm. Nó là chân thật, chân thật chẳng thể nghĩ bàn, đích xác là có thể lợi ích rộng rãi hữu tình trong thế gian. Nếu như thật gột rửa tâm cấu, thấp đèn trí huệ, vận dụng phương tiện từ bi, chiếu sáng thế gian, vậy thì người học tập kinh điển chúng ta cũng giống như Phật, Bồ Tát, hoặc bậc trí an trụ trong thế gian này. Nếu không, chúng ta dùng tri kiến ngu si, nghiệp ngu si, nghiệp lưu liên tục mà trầm luân trong biển sanh tử vô cùng, chẳng thể tự thoát ra được.

Mục đích học tập của chúng ta cũng là ấn khế tự tâm, trực tiếp thoát khỏi sanh tử, chẳng nhờ vào phương tiện! Sanh tử vốn chẳng thể được, chúng sanh hư vọng tự tạo tác, kiến lập nghiệp sanh tử hư vọng và nghiệp tương tục (sự liên tục của nghiệp), khiến cho chúng ta trầm luân, chẳng thể xuất ly. Nay chúng ta dùng pháp tắc, kinh điển, và giáo ngôn này để ấn khế và nhận thức tự tâm chân thật, chẳng tăng giảm. Đó cũng là trực tiếp thoát khỏi sanh tử. Ở đây, chẳng có sợ hãi. Thường là sợ hãi vì tâm phân biệt che lấp, hoặc do chấp trước che lấp, như bị che lấp bởi [các chấp trước đối đãi] cao, thấp, lớn, nhỏ, thiện, ác, đúng, sai, phàm, thánh, cũng như nghiệp tạo tác bởi tất cả các hành vi của cái Ngã trước kia. Do đó, công nặng trĩu gánh nặng lịch sử, bị che lấp bởi tập nhiễm sâu dày từ vô thủy tới nay, chính mình khó thể thoát khỏi được, giống như bị hãm trong đầm lầy vậy! Chúng ta làm thế nào để thoát ra? Cần phải



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nhờ vào kinh giáo, nhất là trong lúc trước hoặc sau khi Phật trụ thế, đức Thế Tôn kế tiếp chưa giảng sanh trong cõi đời, mà đức Thế Tôn trước đó đã nhập diệt, nhưng di giáo của Ngài vẫn còn ảnh hưởng chúng ta. Chúng ta tôn trọng di giáo ấy như thế nào? Di giáo do các vị thầy đời đời truyền thừa, di giáo chẳng tăng giảm. Như vậy thì [di giáo] sẽ có thể chỉ đạo tâm trí của chúng ta, xa lìa các thứ tri kiến độc hại của ngoại đạo, hoặc là tri kiến bất chánh độc hại. Như thật biết tự tâm chẳng phải là pháp nào khác, chẳng từ nơi nào khác đến, mà cũng chẳng đi nơi khác. Thiện và ác chẳng có đến hay đi, pháp tắc phạm thánh cũng chẳng đến hay đi. Vì hết thấy các pháp vốn chẳng có tự tánh, chọn lựa ngay trong hiện tiền. Tâm làm Phật, tâm chính là Phật. Ở ngay chỗ này, chớ duyên theo nơi khác. Pháp tắc đích xác đơn giản, rõ ràng như thế đó! Phật pháp vốn chẳng có nhiều ý chỉ! Cố ý biến Phật pháp thành rất thâm áo, rất huyền diệu, rất xa xôi, sẽ là chuyện chẳng tương ứng. Nhưng nếu coi Phật pháp là rất thấp thỏi, hèn kém, thì cũng chẳng tương ứng! Vì thế, chúng ta dùng hình thức trang trọng và nghiêm túc để khích lệ tự tâm tôn trọng, và thủ hộ một cách tôn trọng. Đó cũng là pháp tắc này và pháp tắc kia ẩn khế lẫn nhau!

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Kiến Phật phẩm đệ tam.***

**(經)大方等大集賢護分見佛品第三。**

***(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ ba: Thấy Phật).***

Khoa phán là để mọi người nhận thức chỗ trọng yếu trong đoạn văn tự này. Đó gọi là “*cuong cử mục truong*” (nắm lấy dây chài chính của cái lưới giơ lên, các mắt lưới sẽ căng ra). Cái “*mục*” (mắt lưới, điểm trọng yếu) sẽ có thể khiến cho chúng ta thấy rõ ràng nội dung thực tế của văn tự.

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, dục đắc thành tựu thử tam-muội giả, đương ưng u bỉ thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng.***

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩，欲得成就此三昧者，當應於彼說法師所，生諸佛想。」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát muốn được thành tựu tam-muội này, hãy nên đối với vị thầy thuyết pháp, sanh tâm tưởng như chư Phật).*

Công đức của chư Phật được thí trọn vẹn cho một người, quả thật là thiện xảo quan sát, cũng là thông qua hoặc nhờ cậy nhân duyên trợ giúp của thầy để trở về căn bản giáo hóa thanh tịnh viên mãn của chư Phật. Đây thật sự là một sự khai phát và giáo dục chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là một sự hướng dẫn chẳng thể nghĩ bàn. Sự hướng dẫn ấy chính là “*y pháp, bất y nhân*” (nuông theo pháp, chẳng dựa dẫm theo người khác). Vì sao vậy? Ở đây, đức Thế Tôn đã nói mười phần rõ ràng, “*Ung u bi thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng*” (Đối với vị thầy thuyết pháp ấy, hãy sanh tâm tưởng như chư Phật). Chư Phật trọn đủ bi trí, trọn đủ phương tiện, khiến cho hết thảy chúng sanh nhập tri kiến của Phật, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đó là chánh nhân duy nhất của chư Phật.

Chúng ta đều biết, trong giáo ngôn được thủ hộ bởi hết thảy ngoại đạo, đều có một Thượng Đế, hay một vị Chúa chi đó, tức là có một đấng sáng tạo nhân loại có sức mạnh to lớn. Phật giáo chẳng tuyên nói như thế. Phật giáo nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật*”, hoặc: “*Hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”. Nói “*chúng sanh vốn là Phật*”, nhưng do chúng sanh mê mờ, cho nên [chư Phật] tạo lập đủ thứ pháp tắc hồng hướng dẫn chúng ta thật sự lựa chọn chánh tri kiến. Kinh Viên Giác nói “*hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”; do vậy, có Bồ Tát bèn hỏi: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, vậy thì chư Phật Như Lai có gì lại sanh kiến giải điên đảo, trở thành chúng sanh đọa lạc vậy?” Đây là chỗ khiến cho hết thảy chúng sanh ngò vục, là chỗ đích thân chúng đắc của chư Phật. Tất cả các công đức nơi chư Phật chẳng tăng, tại phàm phu chẳng giảm. Điều như thế được gọi là Phật Tánh. Chắc là đối với pháp tắc như vậy, chúng ta nầy sanh nhiều nổi nghi hoặc. “*Nghi hoặc*” như vừa nói đó là do cái tâm phân biệt, chấp trước, vọng tưởng từ vô thi tới nay tạo ra. Tức là cảm giác khác biệt và nghiệp báo sai biệt do các pháp

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tắc thiện hay ác được tạo thành bởi phân biệt và chấp trước từ vô thi tới nay, nầy sanh cái gọi là “*sự thật nghiệp tướng*”, tức là cái nghiệp tướng mà mọi người hiện thời có thể trông thấy hay cảm nhận. Kết quả là khiến cho hữu tình trầm luân, đeo gánh nặng trong tự tâm!

Đối với thầy, hãy nên sanh tâm tướng như chư Phật. Đối với chuyện này, chúng ta phải nhận biết vì sao chư Phật xuất thế, vì sao thí giáo, vì sao lợi lạc chúng sanh? Vì lẽ ấy, trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã nói về một đại sự nhân duyên duy nhất khiến cho chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời. Đó là phán quyết tối hậu, xác định mục đích xuất thế chân thật của chư Phật là để lợi lạc thế gian, vì tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình, vì khiến cho chúng sanh quay về, nhập vào bồn vị của hết thầy chư Phật. Ở đây, sẽ khiến cho chúng sanh có ba loại nghi hoặc: Nói “*hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, sẽ khiến cho chúng sanh nầy sanh nghi hoặc, nói “*đại sự nhân duyên duy nhất khiến chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời*”, có thể là mọi người còn nghi hoặc. Khi sanh nghi hoặc thì là lúc vừa khéo học Phật pháp.

***(Kinh) Khởi tôn trọng tâm, vật sanh kiêu mạn.***

***(經)起尊重心，勿生憍慢。***

***(Kinh: Dấy lòng tôn trọng, đừng sanh kiêu căng, ngạo mạn).***

Tâm hết thầy phạm phu đều cho rằng các nghiệp do chính mình đã tạo tác đều là như thật, những gì chính mình thấy là như thật, chính mình cảm nhận đúng như thật, tức là [chấp trước] tri kiến của chính mình là chánh xác, nghiệp do chính mình đã tạo là chánh xác, tư tưởng của chính mình là chánh xác. Đó gọi là “*phạm phu tâm*”. Trong tâm của chư Phật, Bồ Tát, chẳng có một pháp nào để có thể thành, chẳng có một pháp nào để có thể lập, tuy lợi ích thế gian mà vô vi, vô nhiễm, chẳng đắm chấp! Như nguyện vọng đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát, đáng nên dùng thân gì để độ, vị Bồ Tát ấy liền ứng hiện thân đó. Trong đó, chẳng có đúng, sai, thiện, ác để tuyên nói, nhưng vì có thể khiến cho chúng sanh độ thoát, thành tựu Bồ Đề [mà hiện thân tương ứng]. Rất nhiều kẻ tại gia, xuất gia học Phật bình phạm chúng ta, khởi tâm động niệm là gì vậy? Cảm giác đầu tiên là “ta luôn chánh xác”. Cảm giác thứ hai là “kẻ khác sai be bét”. Cảm giác thứ ba là phải “thuyết phục kẻ khác [suy nghĩ cùng một kiểu như ta]”, đem “tri kiến chánh xác” của ta nói cho người khác. Chuyện này chẳng ăn nhập gì với Phật pháp! Chúng ta có thể quan sát

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đôi chút, sẽ thấy nỗ lực chinh phục người khác đúng là vô nghĩa! Chư Phật, Bồ Tát xuất thế đều nhằm hướng dẫn chúng sanh “*liạ khổ, được vui, thành tựu Bồ Đề*”. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta phải khéo so sánh giữa sự sai biệt của chính mình và sự không sai biệt của chư Phật, Bồ Tát! Cái “sai biệt mà chẳng sai biệt ấy” có phải là do bản thân chúng ta cưỡng chấp tạo tác mà xuất hiện hay chẳng?

Vì thế, “*khởi tôn trọng tâm, vật sanh kiêu mạn*” (dây lòng tôn trọng, đừng sanh tâm kiêu căng, ngạo mạn): Sự kiêu mạn ấy chính là do quý vị chấp trước “chính mình là chánh xác” nên mới xuất hiện. Quý vị ngỡ chính mình mười phần chánh xác, cho nên mới mười phần kiêu mạn! Ngỡ chính mình mười phần phước đức, quý vị mới mười phần kiêu mạn! Rất nhiều người tại gia học Phật than với tôi: “Người học Phật hiện thời coi bộ không được! Quá kiêu mạn!” Đích xác là làm cho kẻ khác cảm thấy [người học Phật] quá kiêu mạn, cũng có nghĩa là [người học Phật có thói quen] dùng sở học của chính mình để chỉ trích kẻ khác, cho rằng kẻ khác chẳng tu tập, cứ ngỡ người khác chẳng có thiện căn, ngỡ người khác mê mât! Kết quả là ăn nói kiêu mạn, chẳng phải là lời lẽ lợi lạc người khác. Đức Phật dạy pháp Tứ Nhiếp để nhiếp thọ chúng sanh, tức đồng sự, ái ngữ, bố thí, lợi ích rộng rãi (còn gọi là lợi hành). Đồng sự là chẳng nói kẻ khác tốt hay xấu. Ái ngữ là quan tâm, tạo lợi ích cho đôi phương. Bố thí: Người khác cần “chẳng sợ hãi” bèn bố thí vô úy cho họ. Cần tiền bạc, tài vật, bèn tài bố thí. Cần pháp tắc, bèn ban cho pháp tắc (pháp bố thí), khiến cho họ an lạc, tiến nhập đạo nghiệp Bồ Đề. Sau đây mới là công đức thật sự tạo lợi ích rộng rãi. Do vậy, sự khác biệt là dùng cái tâm thế tục để học Phật, vẫn phải dùng chuyện lợi ích người khác để học Phật. Tứ Nhiếp Pháp là một tấm gương trao đổi khá tốt đẹp.

Mọi người khi bàn luận chuyện gì đó, kẻ tâm đã điều phục, mềm mỏng, bèn cười vui vẻ, chẳng nói chuyện thị phi. Nhưng kẻ mà bản thân có chút “tu chứng”, có chút “pháp tắc”, [do kiêu mạn, chấp trước], vừa mở đầu liền phán những điều chính mình nói rất chánh xác, như thế thì phải có nhiều công đức. Kết quả là [cho rằng] kẻ khác dẫu siêng gắng vẫn chẳng làm tốt, mạn tâm sanh khởi, [cứ ngỡ bản thân cao siêu lắm, kẻ khác] chẳng thể rớt tới được, chẳng tiếp xúc được, chẳng thấy được, chẳng thể diễn tả được! Quý vị đối với người khác chẳng cung kính, chẳng cúng dường, chẳng lễ bái, người ta sẽ chẳng tiếp nhận quý vị. Vì sao xuất hiện cái tâm kiêu mạn như thế? Đó là vì chẳng có duyên khởi điều phục nhu hòa được truyền thừa từ vị thầy này sang vị thầy khác. Duyên khởi ấy ở ngay trong cái tâm hiện tại, chúng ta phải bỏ gánh nặng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“thiện, ác, nghèo hèn, cao, thấp, phàm, thánh, như pháp, chẳng như pháp” từ vô thủy tới nay của chính mình. Các thứ ấy đều là các thứ nặng nề do Sở Tri Chương của quý vị đem lại! Nó sẽ bức bách quý vị, và cũng sẽ bức bách các hữu duyên hữu tình khác, quý vị hãy khéo quan sát.

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học Phật là để vận dụng pháp tắc, đích xác là để giải trừ sự đau khổ nơi tâm linh của chính mình, giải trừ chương ngại nơi tâm linh của chính mình, khiến cho thân tâm của chính mình thật sự mạnh khỏe, chẳng phải là để phô trương “ta chánh xác”. Lập nhãn hiệu, in nhãn hiệu cầu chứng, bộ quý vị tính làm “đồ hiệu nổi tiếng” (brand name) ư? [Làm như thế] có ý nghĩa gì chẳng? Điều này thật sự chẳng có ý nghĩa cho mấy, thường là chẳng thể mang lại an lạc cho chính mình, mà cũng khiến cho kẻ khác hoang mang, đau khổ. Điều này tương phản với Phật pháp, chắc là vấn đề thuộc về nhân duyên. Tôi thường nghe hai ba người tranh luận, rất ít khi nghe người ta nói: “Tôi xử lý vấn đề này chẳng thỏa đáng, tôi sám hối. Chỉ cần mọi người có thể học Phật, tôi nhất định sám hối”. Rất ít khi nghe lời lẽ sám hối như thế, cơ bản đều là: “Tôi đúng”. Đối với một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy... hoặc nhiều hơn, có thể nói là mười mấy điều “tôi chánh xác”, “người khác sai”. Sai sót ở điều thứ nhất, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy... Nếu lại nêu ra tiếp, thì có thể nêu ra mười mấy điều [để chứng tỏ] kẻ khác sai lầm. Trao đổi Phật pháp kiểu ấy là đã đi ngược đường. Điều này giống như hai bên lập trận công kích nhau, kiến lập sự đối chọi, chẳng có mấy may tương ứng với Phật pháp. Như thế thì sẽ giống như luyện nắm đấm trong Phật pháp, coi thử ai có nắm đấm cứng hơn. Coi ai có thể chiến thắng đối phương! Duyên khởi ấy chẳng tương ứng. Hễ kẻ nào chiến thắng đối phương, sẽ vạch ra rất nhiều “quá khứ” của đối phương. “Quá khứ” là nói đến lầm lỗi, “quá khứ” là vạch ra lầm lỗi. [Đồng thời], nêu ra rất nhiều quá khứ của chính mình. Quá khứ [của chính mình] là nhân duyên thiện pháp, chánh tri kiến, hành vi, cho đến phước đức và nhân duyên [của chính mình]. Vì sao sanh ra trạng thái học tập Phật pháp mà lại nghịch đạo như thế? Đối với điều này, các vị thiện tri thức tại gia và xuất gia, hãy đều nên nghiêm túc điều phục nhu hòa các hiện duyên nơi tâm trí của chính mình. Cũng có nghĩa là [hãy tự xét] một niệm hiện tiền của quý vị rốt cuộc là duyên theo điều gì? Đối với khởi tâm của quý vị trong hiện thời, bản thân quý vị duyên theo điều gì? Đừng nên quan sát người khác trước! Điều thiết yếu là hãy như thật biết chính mình trong hiện tiền, biết một niệm hiện tiền, như thế thì quý vị sẽ có thể đạt được duyên khởi thanh tịnh để giải trừ những cái nặng nề

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

trong quá khứ, tức là tạo duyên khởi ngay trong hiện tiền, như thế thì sẽ có cơ hội tiến nhập thấu triệt, học tập Phật pháp.

Ở đây, “*dục đắc thành tựu thử tam-muội giả, u bi thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng, khởi tôn trọng tâm*” (người muốn được thành tựu tam-muội này thì đối với vị thầy thuyết pháp, hãy sanh tâm tưởng như chư Phật, đầy lòng tôn trọng), chẳng phải là có nghĩa khởi đầu thì có tâm tôn trọng; sau đó, chẳng còn tôn trọng nữa! Có nhiều vị Bồ Tát tu theo kiểu này: Lần đầu tiên gặp gỡ quý vị thì tâm bèn tôn trọng, lần thứ hai đã quen thuộc rồi, chẳng cần tôn trọng nữa. Lần thứ ba thì sao? Cảm thấy chẳng khác biệt lắm! Lần thứ tư là lên mặt dạy bảo người ta liền! Đây là đã đánh mất cái tâm thanh tịnh và tâm điều nhu của chính mình trong hiện thời! Tôn trọng bèn nhất định lễ bái, cúng dường. Hoàn toàn chẳng phải là hình thức! Thật sự [tôn trọng] là tâm địa như thật quang minh và yêu thích, đích xác là khiến cho đối phương, khiến cho hiện duyên hữu tình đạt được tâm từ bi an lạc, tâm trí huệ. Đó là bản tâm chẳng đắm nhiễm và vô cấu, chiếu rạng ngời hữu tình trong cõi đời hiện tại, khiến cho họ nhận biết bản tâm, chẳng đánh mất tự tâm. Có thể làm như vậy thì mới là thật sự cung kính. Đương nhiên, các hình thức lễ bái, hình thức trao đổi, thứ tự chỗ ngồi thật sự chẳng vì người ấy mà xếp đặt, mà là do nghiệp tướng tụ tập. Trước kia, đã có Bồ Tát hỏi tôi như thế này: “Vì sao mọi người phải cúng dường, lễ kính người này, mà chẳng cúng dường, lễ kính người khác? Hoặc là chẳng tùy thuận người kia?” Tôi nói: Chỉ là do nghiệp lực khiến thành như thế, do hiện duyên khiến thành như thế. Hoàn toàn chẳng do con người cưỡng chế, an bài. Nếu cưỡng chế an bài, sẽ rất mệt mỏi. Nó chỉ là một thứ biểu đạt hiện duyên thuận lý thành chương của mọi người. Thật ra chẳng trọng yếu cho lắm! Nếu hiện thời, chúng ta đối với chỗ này, bất luận hàng Bồ Tát xuất gia hay tại gia, thật sự cho rằng tri kiến của chính mình có thể lợi ích rộng rãi hữu tình trong thế gian, quang minh thật sự sẽ khó thể ngăn che! Bậc thiện tri thức như vậy, nếu chư Phật, Bồ Tát chẳng đề cao, long thiên hộ pháp cũng sẽ đề cao quý vị. Nếu long thiên hộ pháp chẳng đề cao quý vị, thì hiện tiền đại chúng cũng sẽ nâng quý vị lên! Vì sao? Do nhu cầu của thế gian. Chúng ta có thể trông thấy điều cần thiết trong thế gian này: Người trong thế gian này mê muội, tâm trí chẳng có chỗ an lạc, chẳng có pháp tắc rõ ràng để nương cậy, chẳng có phương tiện lợi tha, chẳng chọn lựa phương tiện tự lợi, mọi người đều cần đến pháp tắc!

Vì thế, “*vật sanh kiêu mạn, khởi tôn trọng tâm*” (đừng sanh kiêu căng, ngạo mạn, hãy đầy lòng tôn trọng) ở đây quả thật là cái tâm đáng

nên dậy khởi trong hiện duyên hiện tại. Tức là chúng ta hằng ngày đều phải thực hiện nghi quỹ lễ thỉnh để làm gì? Hằng ngày xướng bài kệ tán chi đó, niệm chú Phật, hải hội Phật, Bồ Tát chi đó để làm chi vậy? Mỗi lần chúng ta đều phải làm giống hệt như lần đầu tiên, cung kính đánh lễ hiện duyên của chính mình, nhận biết tự tâm!

*(Kinh) Nãi chí vô hữu tranh cạnh, vi nghịch, bất thuận tâm cố.*

**(經)乃至無有諍競，違逆不順心故。**

*(Kinh: Cho đến chẳng có tâm tranh đua, kèn cựa, trái nghịch, chẳng thuận tòng).*

“Thừa sự sư trưởng” trong giáo ngôn của cả ba thừa đều rất trọng yếu. [Phải hiểu] “sư trưởng” chẳng phải là một người hay một vật chi đó, đó là một sự biểu trưng. Chẳng hạn như có người nói, tôi đối với bức tượng Phật này sanh khởi tâm tưởng cung kính và thừa sự, vậy thì hiện thời quý vị có thể dâng nước, dâng hoa và thức ăn, cho đến dùng âm thanh đẹp để niệm tụng. Thật ra, đây chẳng phải là hình thức. Rất nhiều chân ngôn đều là các bài kệ tán tụng rất hay đẹp, nội dung mười phần nồng hậu, hàm súc, nhưng đều là những lời lẽ rất xác đáng, hoặc là ca ngợi chư Phật Thế Tôn, là các ngôn từ cúng dường chư Phật Thế Tôn sâu xa nhất, toàn vẹn nhất, hoặc là các thệ nguyện, hoặc là các lời ca ngợi thệ nguyện, ca ngợi công đức hồi thí bởi các thệ nguyện. Nếu phiên dịch ra, đúng là mười phần tuyệt diệu, nội dung mười phần lạ lùng đặc biệt! Nhưng chân ngôn thuộc loại Ngũ Bất Phiên (五不翻, năm thứ không phiên dịch)<sup>69</sup>.

---

<sup>69</sup> Gọi đầy đủ thì là Ngũ Chung Bất Phiên do ngài Huyền Trang đề ra trong lý luận về phiên dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, tức là năm trường hợp sẽ chỉ bảo lưu cách phiên âm, chứ không dịch nghĩa một từ ngữ tiếng Phạn:

1. Do bí mật chẳng dịch, như các chữ trong Đà La Ni. Do một chữ chân ngôn có thể bao hàm vô lượng nghĩa bí mật, nếu dịch nghĩa ra sẽ trở thành ngô nghê và đánh mất tác dụng của chú ngữ.

2. Do chứa đựng nhiều nghĩa nên không phiên dịch, như chữ Bạc Già Bà (Bhagavān) có sáu nghĩa là “tự tại, xí thịnh, đoan nghiêm, thiện danh xưng, cát tường, tôn quý”, nên nếu chỉ dịch là Thế Tôn thì đã đánh mất ý nghĩa.

3. Do trong cõi này (Trung Hoa) không có, cho nên không dịch. Chẳng hạn như cây Diêm Phù, Càn Thất Bà, Ca Lâu La, Ca Lăng Tần Già...

4. Do thuận theo cổ nhân nên không phiên dịch, như A Nậu Bồ Đề, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Do [mỗi chữ trong chân ngôn] có nhiều nghĩa, nếu dịch ra, sẽ khiến cho chúng sanh nghi ngờ. Vì thế, chẳng dám phiên dịch. Nếu quý vị đối với một bức tượng, sanh khởi lòng tôn trọng, thừa sự, tưởng như thấy chư Phật, bức tượng ấy cũng sẽ mở miệng nói năng! Nếu lúc một người thật sự đạt đến trạng thái cực hạn, thứ gì cũng đều có thể nói năng. Người có lòng thành, đá còn gập đầu, huống hồ chúng ta đối trước tượng Phật, huống hồ chúng ta đối trước hình dung giả để cầu hình dung thật ư?

Do vậy, ở đây, tôn kính người khác, trong đó “*người*” bất quá là một thứ biểu đạt mà thôi. Bất quá, dùng “*người*” để biểu đạt thì có vài thứ phương tiện. Chẳng hạn như “*đồng khí*” (同氣), tức là mọi người hô hấp giống nhau, đều là loài người mà! Lại như cảm nhận tương đồng, trong sáu pháp tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, mọi người có tốc độ tiến nhập giống nhau. Do đó, dễ cùng lúc thấu hiểu, dễ cảm giác tương ứng. Vì thế, nếu có nhận biết, sẽ có thể xa lìa yêu ghét, đúng pháp thủ hộ, chẳng tăng giảm đối với Phật pháp, chẳng tổn giảm lời dạy của đức Thế Tôn, có thể nương theo sức truyền thừa của pháp và kinh để hồi thí cho hữu tình trong hiện duyên, đáng nên tôn trọng, bất luận là ai, chẳng do danh tự như thế nào! Đất Hán khá khuyết thiếu một cơ chế giáo dục của sư trưởng. Trước kia, khi thầy tôi còn sống, tôi nương theo thầy học giới luật, rất cẩn trọng. Thầy thường xuyên quở trách quý vị, dù quý vị làm đúng hay sai, đều bị quở mắng như nhau, khiến cho trong tâm của kẻ khác [đều cảm thấy] vị sư trưởng ấy đối với ai cũng như thế, chỉ nên cúng dường, chỉ cung kính, chỉ bình đẳng một mực thủ hộ. Quý vị chẳng có cơ hội đánh giá đúng hay sai, chẳng có cơ hội biện bạch. Nếu có cơ hội biện bạch, tức là người ấy chẳng cung kính. Như vậy thì quý vị làm sao có thể cung kính cho được? Hiếu thuận từ đâu mà dấy lên? Hiếu thuận là gì? Chính là “sư trưởng nói như thế nào cũng đều đúng”, như thế thì sẽ có thể diệt trừ cái tâm đối đãi đúng sai của quý vị, ban cho quý vị ý nghĩa hoàn chỉnh của việc sư phụ trụ thế lâu dài. Quý vị nói: “Đấy chẳng phải là xâm đoạt tâm trí của người khác ư? Như thế thì sẽ khiến cho người khác chẳng khéo biện bạch”. Chẳng phải vậy! Nếu chúng ta thật sự sanh khởi cái tâm cung kính, tâm bình đẳng, tâm hiếu thuận, chính quý vị sẽ thể nghiệm, sẽ thấu hiểu, hay nói cách khác là thâm

---

5. Do sanh điều thiện nên không phiên dịch, như Bát Nhã nếu dịch thành Trí Huệ thì người đời sẽ coi thường, không chú ý tới ý nghĩa “trí huệ chân thật, chẳng đối đãi, siêu việt tình kiến” của từ ngữ ấy.



**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

nhập, khế nhập một bầu trời đất rất rộng lớn, như thật, thanh tịnh. Quý vị sẽ khế nhập một thế giới trí huệ, mười phần minh mông, mới mẻ! Chẳng cần tới thế giới ở phương khác, tâm linh của quý vị đã thật sự khế nhập, cảm nhận, hoặc nhận thức một thế giới khác. Có phải là như thế hay không? Các thiện tri thức cần phải phân định.

*(Kinh) Nhiên hậu, u thử thắng tam-muội trung, tinh cần tu học, phương năng khắc chứng.*

**(經)然後，於此勝三昧中，精勤修學，方能克證。**

*(Kinh: Sau đó, đối với tam-muội thù thắng này, siêng rông tu học thì mới có thể quyết định chứng đắc).*

Hiện thời người tu pháp quả thật đông đảo, vì người hướng về Phật pháp cũng đông, nhưng dường như chẳng có một ai tu chứng! Đối với người xuất gia chỉ có hình thức, lợi ích và thiện căn nơi Phật pháp đều chẳng chín muồi. Tới rất nhiều nơi, mọi người luôn thắc mắc vấn đề này, tuy chỉ có thể “*tương tự*” giải quyết một số vấn đề, nhưng mọi người rất cần thiết [giải trừ thắc mắc ấy], nhưng điều càng cần thiết hơn nữa là thật sự tu chứng! Đại bộ phận những người đang hiện diện, nhìn từ công đức và phước đức hiện thực để nói, so ra đều mạnh mẽ hơn tôi ngàn vạn lần! Chỉ là mọi người chẳng thật sự dẫn phát [công đức và phước đức ấy tỏ lộ], chẳng vận dụng thỏa đáng, chẳng thành thực [công đức và phước đức] thỏa đáng, cũng tức là vẫn mai một trong những cái gọi là “tâm trí đúng, sai, phạm, thánh, thiện, ác, được, mất” của chính mình. Một khi quý vị chẳng bị mai một, tôi cảm thấy rất nhiều vị thiện tri thức có thiện căn, phước đức và nhân duyên mạnh hơn tôi ngàn vạn lần. Vì sao chúng ta ở sai vị trí<sup>70</sup>? Chỉ là do nhân duyên!

Khi quý vị chẳng để cho “thiện, ác, đúng, sai” che lấp tự tâm, tâm trí quang minh của quý vị nhất định sẽ sanh ra, mà nó cũng hiện rõ trong thế gian, chói ngời thế gian, lợi ích hữu tình, chẳng bị sợ hãi! Ở đây, chẳng phải là do kiêu mạn và tà kiến mà có thể làm được đâu nhé! Vì kiêu mạn và tà kiến sẽ rất nhanh chóng làm khổ chính mình, sẽ làm cho chính mình mệt mỏi và thương tổn rất nhanh chóng. Đại khái trong vòng mười năm trước, chúng tôi cùng theo sư phụ xuất gia, đương nhiên là

---

<sup>70</sup> Ý nói phước đức, thiện căn, nhân duyên của những người đến nghe giảng mạnh hơn pháp sư Từ Pháp ngàn vạn lần, đáng lẽ họ phải là người hướng dẫn, điều dắt pháp sư tu học, thay vì pháp sư là người hướng dẫn họ tu học như trong hiện thời.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chẳng thể nói tốt hay xấu. Từng người một hoặc giảng pháp, hoặc chẳng giảng pháp, trụ trì tự viện hay chẳng trụ trì tự viện, học giới, chẳng học giới, niệm Phật, chẳng niệm Phật... Đủ loại nhân duyên! Nhìn lại, quả thật là mắt thấy tâm kinh hoảng, hễ pháp tắc và tri kiến sai kém một chút, khái niệm và hành vi sai sót một tí, rất nhiều vị thiện tri thức đã thật sự bị mông muội, rất nhiều người thành thực thiện xảo và pháp tắc bị chìm đắm. Đích xác là trong số đó, có khá nhiều người rất thiện xảo, kết quả là do đeo nặng trĩu chấp trước của chính mình, do công gánh nặng thiện ác thị phi của chính mình mà chẳng thành tựu!

Rất nhiều Bồ Tát học Phật, đích xác là mỗi ngày nhặt nhạnh một chút rác rưởi. Có rác rưởi của chính mình, có rác rưởi của kẻ khác. [Họ thấy] rác rưởi của chính mình là thứ tốt đẹp, bèn cất chứa; rác rưởi của người khác là những thứ xấu xa. Đeo một cái bao rác chứa “những thứ xấu xa của người khác”, lại đeo nặng bao rác chứa “các thứ tốt đẹp của chính mình”, tức là vừa thu thập những thứ tốt đẹp của chính mình, vừa gom góp cái xấu của người khác. Hai cái bao rác khoác trên hai vai, bước đi mười phần lạc lè! Đó là một bức tranh biếm họa! Có kẻ đã bị đè đổ sụp, có kẻ vè cơ bản đã bị đè sụp, có kẻ sắp bị đè sụp, có kẻ thu thập “vốn liếng” để bị đè ép. Vì sao người ta lại chẳng tương ứng, ngu si như thế cơ chứ? Đó là vì “các thứ tốt đẹp của ta” càng chất chứa càng nhiều, coi đó là một cái đũa đựng trân bảo, [hay nói cách khác là] nhà tù bằng trân bảo, còn đeo theo cái ba lô đựng tội ác và lỗi lầm của người khác. Hằng ngày đều gom góp, cất chứa, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, đúng là hết sức cẩn trọng! Vì lẽ nào vậy? Do chẳng có hai pháp Bi và Trí. Nếu có trí huệ, chẳng đắm nhiễm cái gọi là đũa chứa đựng “đồ tốt của mình”, vì rốt ráo không có một pháp để có thể đạt được! Do vậy, siêng năng tu tập hết thầy các pháp chẳng đắm nhiễm, chỉ hồi thí cho chúng sanh. Tức là do muốn độ chúng sanh, muốn lợi ích hữu tình trong thế gian, cho nên tu tập hết thầy các pháp tắc. Như thế thì sẽ chẳng có gánh nặng nào phải mang vác, vì chẳng so đo với chúng sanh, đối với hết thầy hiện duyên và tội ác, lỗi lầm của chúng sanh, thầy đều chẳng bận lòng. Vì sao vậy? Chỉ sanh tâm thương xót, tâm tạo lợi ích, còn có gì để so đo nữa? Do vậy, gánh nặng rác rưởi trên vai bèn đỡ xuống. Nếu đã có thể trút bỏ hai gánh nặng ấy, thân thể quý vị bèn nhẹ nhàng, trọn đủ phương tiện. Vì thế, từ bi và trí huệ ắt đạt được phương tiện. Kẻ biết trút bỏ gánh nặng sẽ biết vận dụng phương tiện ấy, còn kẻ mang vác gánh nặng sẽ đánh mất phương tiện, sẽ lìa khỏi đại chúng ngày

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

càng xa, ngày càng cô độc, ngày càng khó khăn! Nhất định phải khéo quan sát, chọn lựa hợp lý!

Do đó, “*ting cần tu học*” (siêng rông tu học) là để thấy Phật, nghe pháp, lợi ích thế gian, nhất định phải khéo quan sát điều này. Đối với các động tác được miêu tả trong bức tranh châm biếm vừa nói trên đây, đích xác là có rất nhiều Bồ Tát đang siêng khổ, chẳng tiếc sanh mạng để thực hiện “*pháp tắc*” ấy. Sanh mạng của chúng ta hằng ngày bị hao tổn, hằng ngày bị phủ lấp không chống đỡ được trong hao tổn. Quý vị đang làm gì? Quý vị có thật sự đặt sanh mạng của chính mình nơi trọng điểm trí huệ “*chiếu rạng thế gian*” hay không? Quý vị có đặt sanh mạng của chính mình nơi trọng điểm “*thương xót chúng sanh, cứu vớt chúng sanh*” hay không? Quý vị có thật sự vận dụng sanh mạng của chính mình vào phương tiện “*chẳng bỏ lỡ thời cơ an ủi thế gian này*” hay không? Nếu chẳng có, đúng là chúng ta vẫn phải nương theo chánh kiến để học tập Phật pháp. Đó gọi là “*ting cần tu học, phương năng khắc chúng*” (siêng rông tu học thì mới có thể quyết định chúng đắc).

***(Kinh) Hiền Hộ! Nhược nhân u bỉ thuyết pháp pháp sư sở, hoặc tỳ-kheo sở, khởi bất thiện tâm, cấu vi dị tâm, tránh cạnh chi tâm, cố lãng nhục tâm, chư bất tịnh tâm, nãi chí bất sanh như chư Phật tướng. Như thị Bồ Tát, giả linh tu hành, chung bất năng chứng như thị diệu định.***

**(經)賢護! 若人於彼說法法師所, 或比丘所, 起不善心, 苟違異心, 諍競之心, 故陵辱心, 諸不淨心, 乃至不生如諸佛想。如是菩薩, 假令修行, 終不能證如是妙定。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Nếu có ai đối với vị pháp sư thuyết pháp, hoặc đối với tỳ-kheo mà dấy lòng chẳng lành, nếu có tâm trái nghịch, khác lạ, tâm ganh đua, tâm cố ý lãng nhục, có các thứ tâm bất tịnh, cho đến chẳng sanh lòng tưởng như chư Phật. Hàng Bồ Tát như thế, dầu có tu hành, sẽ trọn chẳng thể chứng đắc diệu định như thế).*

Ở đây, [kinh văn] nói rất rõ ràng, nói hạng Bồ Tát như thế chẳng thể chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học Phật thì nhất định phải hiểu rõ mục đích, xử sự thì tâm địa duyên khởi nhất định phải trong sạch, nhất định phải chân thật, nhất định phải như thật tự biết!

*(Kinh) Nhược đắc chứng giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)若得證者，無有是處。**

*(Kinh: Nếu chứng đắc thì chẳng có lẽ ấy).*

Đức Thế Tôn đã bít chặt đường lui của chúng ta, ngăn chặn toàn bộ mây trăm ngõ rẽ, mở cho quý vị một xa lộ cao tốc, khiến cho quý vị đi theo con đường ấy. Nay chúng ta có quá nhiều đường, kết quả là lẫn lộn nơi các pháp, chẳng thể quyết định. Đối với pháp bèn nửa tin, nửa ngờ, đối với pháp có trạng thái dường như đúng, dường như sai, [cứ phân vân] có thể hành hay chẳng nên hành!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thí như thanh tịnh hư không, vô chư vân ế, hữu minh mục nhân, v tĩnh dạ thời, ngưỡng quán không trung, vô lượng tinh tú, khu biệt phương sở, hình sắc các dị, liễu liễu phân minh.*

**(經)賢護！譬如清淨虛空，無諸雲翳，有明目人，於靜夜時，仰觀空中，無量星宿，區別方所，形色各異，了了分明。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Ví như hư không thanh tịnh, chẳng bị mây che phủ, có người mắt sáng, trong đêm thanh tịnh, ngửa mặt nhìn không trung, vô lượng tinh tú có phương vị khác biệt, hình sắc mỗi ngôi mỗi khác, [người ấy đều thấy] rành rẽ phân minh).*

Đây là nêu một thí dụ, đối trước hư không thanh tịnh, tức là trên hư không chẳng có mây đen [che phủ], người có mắt rất thanh tịnh, trong đêm tối, một mình ngắm tinh tú, tất nhiên là rành rẽ phân minh.

*(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, tư duy quán bỉ pháp tánh hư không. Dĩ tưởng thành cố, kiến chư Như Lai, kỳ sự nhược thử.*

**(經)如是賢護！菩薩摩訶薩，思惟觀彼法性虛空。以想成故，見諸如來，其事若此。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát tư duy, quán pháp tánh hư không. Do tướng đã thành, thấy các Như Lai cũng giống như thế).*

Đây là một phương pháp quan sát tương tự. Có bầu trời thanh tịnh, cùng với mắt sáng, lúc ấy, xem xét các hiện tượng thiên văn, các loại tinh tồ (các chòm sao), các thứ tinh tượng, quý vị đều thấy rành rẽ, phân minh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế. “*Tư duy quán bỉ pháp tánh hư không*” (tư duy, quán pháp tánh hư không): Tâm địa của chúng ta chính là pháp tánh hư không. Tâm địa sạch lâu, chẳng có một vật, đó là hư không thanh tịnh. Lúc đó, quý vị quan sát cận kề, các ngôi sao nhiều ngàn ấy, các đóm sao chi chít đều sáng ngời, quý vị có thể nhận biết rõ ràng, tâm trí an lạc. Do vậy, “*kiến chư Như Lai, kỳ sự nhược thử*” (thấy các Như Lai, chuyện ấy cũng giống như thế). Đây là nói tương tự, trong tâm chúng ta có thật sự “*chẳng nhiễm một vật*” hay không, chẳng vướng mắc vật nào hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát! Trong tâm của quý vị có phải là rác rưởi trần bảo, mây đen trần bảo hay không? Có phải là có mây đen, bụi nhơ “*lỗi lầm của kẻ khác*” hay không? Có phải là bị màng mộng “*nhìn thấy trần bảo của chính mình*” che phủ con mắt của chính mình hay không? Có phải là bị màng mộng “*thấy lỗi lầm của người khác*” phủ lấp con mắt của chính mình hay không? Quả thật, chúng ta phải nên nghiêm túc quan sát!

*(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Tát quán Đông phương thời, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, đa kiến thiên Phật, đa kiến bách thiên Phật, đa kiến ức Phật, đa kiến ức bách thiên Phật, đa kiến ức bách thiên na-do-tha Phật, bất giả tác ý, tự nhiên hiện tiền.*

**(經)然彼菩薩觀東方時，多見諸佛，多見百佛，多見千佛，多見百千佛，多見億佛，多見億百千佛，多見億百千那由他佛，不假作意，自然現前。**

*(Kinh: Nhưng vị Bồ Tát ấy khi quán phương Đông, thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, thấy cả ngàn vị Phật, thấy cả trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn na-do-tha Phật, chẳng cần tác ý mà tự nhiên hiện tiền).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

“*Tự nhiên hiện tiền*” ở đây giống như thí dụ do đức Thế Tôn đã nêu trong phần trên: Mắt sáng, hư không thanh tịnh, hai pháp tương ứng; khi đó, xem tinh tướng, quyết định là rành rẽ, phân minh. Cũng giống như thế, khi tâm trí pháp tánh của chúng ta chẳng vướng mắc vật gì, chẳng nhiễm đắm vật gì, lúc ấy, quý vị sẽ là “*tâm tướng sự thành*”, muốn quán Như Lai, chắc chắn nhìn thấy!

Pháp tương tự này quả thật rất có ý nghĩa. Vì nếu đức Thế Tôn chẳng dùng hiện tượng mà chúng ta có thể nhìn thấy, hoặc hiện tượng mà ta cảm nhận được để tỷ dụ, chúng ta sẽ rất khó tùy thuận pháp tắc này, dung nhập pháp tắc này, thành tựu thực tiễn pháp tắc này. Đối với chuyện “*tư duy quán bỉ pháp tánh hư không. Dĩ tướng thành cố, kiến chư Như Lai*” (tư duy quán pháp tánh hư không. Do tướng đã thành, thấy các Như Lai), đức Thế Tôn dùng tỷ dụ để giải thích. Vậy thì thấy ngàn vị Phật, vạn vị Phật, ức vị Phật, cho đến trăm ngàn vạn ức vị Phật thì sao? Cũng giống như thế, [đều là] tự nhiên hiện tiền, chẳng cần nhờ vào tác ý (dấy lên ý niệm suy nghĩ). Như chúng ta từ trong hư không, thấy đủ loại tinh tòa, chẳng phải do chúng ta tưởng niệm mà có! Báo đức do chư Phật Như Lai đã tu là chân thật, chiếu rạng mười phương thế giới, cũng chẳng phải do sự tưởng tượng trong tâm chúng ta kiến lập. Do pháp tánh thanh tịnh, sự tưởng tượng ấy có thể kiến lập. Do pháp tánh tư duy bất tịnh, sự tưởng tượng ấy chẳng thể thành lập, giống như mây đen phủ kín không trung. Chúng ta ngửa mặt nhìn, bất luận mắt tốt đến mấy, muốn thấy các thứ tinh tòa, cũng chẳng thấy được. Chúng ta có thể tư duy quan sát như thế, cũng có thể thật sự quan sát thái dương. Vàng mặt trời sáng chói ngàn ấy, khi bị mây đen che phủ, chúng ta cũng chẳng thấy ánh sáng mặt trời, huống hồ có thể thấy ánh sáng của từng ngôi sao chi chít hay ánh sáng mặt trăng ư?

Do vậy, khi chúng ta tư duy “*bỉ pháp tánh hư không*”, trong quá trình tư duy, quan sát, một khi tâm trí chẳng vướng mắc vật gì, chẳng có yêu, ghét, chẳng có thiện, ác, chẳng có đúng, sai, như thế thì sẽ có thể “*tâm tướng sự thành*”. Thành gì vậy? Thấy tâm nguyện của chư Phật. Đích xác là gột sạch hết thảy tâm cấu, tỏa rạng sáng sạch, giác liễu pháp tánh, khi ấy, sẽ có thể “*tâm làm Phật, tâm là Phật*”. Khi cái “*tâm làm Phật*” thấy Phật, nhất định sẽ thấy Phật. Đó là sự an bài trong tâm địa của quý vị. “*Tâm làm Phật*” thấy chuyện gì, vật gì, nhất định sẽ sanh khởi. Vì sao hữu tình trong thế gian hiện thời chống trái lẫn nhau, khinh mạn lẫn nhau? Đều do trong tâm sanh khởi chủng tử “*khinh mạn lẫn nhau, nghi hoặc lẫn nhau*” đã chín muồi, do người khác [làm trợ duyên]

mà tỏ lộ đó thôi! Chúng ta nhận biết hư không pháp tánh cũng giống như thế, cho nên thấy trăm vị Phật, ngàn vị Phật, trăm ngàn vạn vị Phật, cho tới ngàn vạn ức vị Phật, cũng giống như thế, chẳng nhờ vào tác ý, tức là quý vị chẳng cần tốn sức, tự nhiên hiện tiền.

*(Kinh) Nhi bỉ Bồ Tát ký tác như thị quán Đông phương dĩ, thứ quán Nam phương, cập Tây, Bắc phương, tứ duy thượng hạ, thập phương thế giới, các đa kiến Phật. Sở vị đa kiến bách Phật, đa kiến thiên Phật, đa kiến bách thiên Phật, đa kiến ức Phật, đa kiến ức bách thiên Phật, đa kiến bách thiên na-do-tha Phật, bất giả công dụng, giai hiện tại tiền.*

**(經)而彼菩薩既作如是觀東方已，次觀南方，及西北方，四維上下，十方世界，各多見佛。所謂多見百佛，多見千佛，多見百千佛，多見億佛，多見億百千佛，多見億百千那由他佛，不假功用，皆現在前。**

*(Kinh: Vị Bồ Tát ấy đã quán phương Đông như thế xong; kế đó, quán phương Nam, và phương Tây, Bắc, bốn phương trên dưới, mười phương thế giới, nơi mỗi phương đều thấy nhiều vị Phật, tức là thấy cả trăm vị Phật, cả ngàn vị Phật, cả trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức Phật, thấy cả ức trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn na-do-tha vị Phật, chẳng nhờ vào công dụng, đều hiện ra trước).*

Đây là đối với sự quan sát mà nêu lên một thí dụ, nhằm bảo chúng ta có thể tư duy, quan sát như thế đó! Có nhiều người nói: “Trong khi hành Ban Châu, tôi thấy này, thấy nọ”, thật ra, cơ bản đều là chủng tử trong tâm địa. Tôi có gặp một vị Bồ Tát sau khi kinh hành đến ngày thứ ba, liền “tới” đất Tây Tạng! Ông ta nói: “Ồi trời ơi! Nay tôi đến được đại thảo nguyên!” Tôi bảo ông ta: “Không cần nói! Ông cứ tự mình lẳng lẳng kinh hành là được rồi! Chuyện ấy liên quan tới huyền giác của ông”. Ông ta nói: “Thật sự đang ở trên thảo nguyên, mao ngưu (牦牛, bò yak) nhiều ngàn ấy, có lều trại, còn có lạt-ma đắp y đỏ, quý vị xem họ đang mở pháp hội kìa!” Tôi nói: “Ông ngậm miệng là được rồi! Hãy cứ như thật mà giữ các thứ đó”. Còn có người nói chính mình trông thấy cái trắng, củ cái chi đó. Có người thấy bánh mì. Có người thấy việc làm ăn của chính mình càng ngày càng tốt đẹp. Có người thì thấy thứ chi đó

thuộc về tâm linh của chính mình. Đủ mọi kiểu dáng đều có! Vì sao? Chúng tử trong tâm địa chín muồi, chẳng liên can gì đến người khác, giống như thí dụ đã nêu trong đoạn trước. “*Tư duy quán bỉ pháp tánh hư không*”. Quý vị đối với pháp tánh hư không chẳng nhập quán, vẫn chưa có thiện xảo; khi đó, chúng tử của chính mình bông bột, chẳng thể chiếu kiến thế gian này rành rẽ, phân minh, chỉ có thể chiếu kiến các chúng tử trong tâm địa của chính mình.

Tôi thường gặp những kẻ thích thị phi, không có việc gì, bèn đến nói: “Trời ạ! Chẳng phải là nên đuổi cái gã Trương Tam đi hay sao? Cái thằng Lý Tứ phạm lỗi quá nhiều! Cái thằng Trần Nhị có vấn đề”. Vấn đề gì vậy? Rốt cuộc là gã ăn vụng vật chi đó. “Cái tên Vương Ngũ cũng có vấn đề. Thầy coi đó, nó đích xác là thứ không làm gì ra hồn, làm sao có thể xuất gia, làm sao có thể học Phật được chứ? Gã cư sĩ này sao có thể ở chỗ này cho được? Thầy thấy nó làm chuyện gì chưa? Nó làm chuyện chẳng ra người nữa...” Kẻ đó cứ đảo tới đảo lui các thứ đó, cũng là công gánh nặng khuyết điểm của kẻ khác, có nên hay chẳng? Cứ việc công đi! Nhưng nếu quý vị dứt bỏ gánh nặng ấy, vác đến chỗ tôi, tôi thật sự mừng giùm quý vị. Chỉ sợ sau khi đã vác đến chỗ tôi, quý vị cảm thấy mát mát, lại công về! Cũng có nghĩa là cơ chế quán “*pháp giới tánh Không*” của chúng ta chẳng thành thực. Một khi đã đạt tới chỗ thành thực, đem đến chỗ tôi “đổ rác” là tốt nhất! Trước kia có người đến tố khổ, tôi nói: “Được! Tôi là một cái thùng rác lớn vô hạn. Quý vị cứ đổ vào đó là được rồi, cứ tùy tiện đổ. Quý vị có bao nhiêu rác cứ tận tình đổ, nhưng đừng nên mang đi. Nhất định là đổ xong chẳng còn lưu lại một tí nào hết! Khi quý vị trở về, rác đã sạch sành sanh thì được!” Nhưng rất nhiều người một túi rác đổ mấy chục lần, đổ rồi lại nhặt lên đem đi! Tôi cảm thấy mệt quá, tôi nói: “Bồ Tát ơi! Quý vị đúng là [rảnh rang quá], vứt đi sẽ tốt hơn! Rác rưởi lại chẳng phải là thứ tốt đẹp gì, nó làm lụy quý vị, cứ gồng gánh nó làm chi?”

Vì sao nói điều này? Là do hiện thời pháp tắc “khéo quán” của chúng ta chẳng đủ. Do vậy, các vị thiện tri thức học Phật, nhất định phải trút bỏ hai gánh nặng ấy. Sau khi tôi đọc bản dịch gốc<sup>71</sup> của kinh Vô Lượng Thọ, trong ấy, đã có một đoạn đức Thế Tôn nói với ngài A Dật Đa, tôi đã bị chấn động cực lớn! “*Phật cáo A Dật Đa: - Như Lai sở tác,*

---

<sup>71</sup> Tức chẳng phải bản hội tập như các bản hội tập của Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, hay Hạ Liên Cư. Câu kinh Vô Lượng Thọ trên đây trích từ bản Ngụy dịch, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải vào thời Tào Ngụy.



## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*ung tác, dĩ tác, như đấng an trụ vô nghi. Mạc trụ trên bảo thành tựu lao ngục”* (Đức Phật bảo ngài A Dật Đa: - Đối với chuyện Như Lai làm, nên làm, đã làm, các ông hãy an trụ chẳng nghi trong ấy. Đừng ở trong tù ngục do các thứ quý báu hợp thành). Đây là đức Thế Tôn nói với ngài Di Lạc là một vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, nói điều gì? Đừng ở trong lao ngục do các thứ quý báu hợp thành. Chuyện Như Lai thực hiện, nên làm, đã làm chính là “buông tâm địa Bồ Tát của ông xuống, trở vào trong pháp tắc an lạc rốt ráo của Như Lai Thế Tôn”. Ông chẳng cần tạo tác chi hết, cứ tùy thuận là được rồi! Tôi mười phần chán động, khiếp sợ, vì đức Phật đã tuyên nói với A Dật Đa là vị Thế Tôn trong tương lai như thế! Chẳng biết chúng ta có rất nhiều rác rưởi “quý báu” hay không? Có rất nhiều thiết trí trên bảo đó chẳng? Quá nhiều! Hôm nay ở nơi đây học một sở trường, ngày mai học ở chỗ kia một sở trường khác! Trong chỗ lát này, học kỹ thuật ở đây; nhóang một lúc sau, lại đến học ưu thế ở chỗ nọ! Tôi đã thấy các vị Bồ Tát trong thế gian, có kẻ tự đại nhưng chẳng làm cao được, vì chẳng có ai cho phép kẻ đó làm cao. Thấp thì tuyệt đối chẳng muốn làm, vì cảm thấy “*đại tài tiểu dụng*” (tài lớn dùng vào việc vặt vãnh), cho nên trở thành kẻ vô tích sự, lãng phí cả đời! Người kiêu đó quá nhiều! Trong Tăng chúng, người người học đòi kiêu ăn nói “cao minh” càng nhiều hơn, càng chẳng thể làm nên trò trống gì. Gánh nước, làm chuyện nhỏ, sẽ cảm thấy chẳng thích hợp, vì cho rằng chính mình là “đại nhân vật”. Vì sao làm việc nhỏ liền cảm giác không thích hợp? Vì cho rằng chính mình là “đại nhân vật”. Vì sao như thế? Vì miệng toàn thốt lời đao to búa lớn, nhưng chẳng hề thật sự làm chuyện gì, chẳng thể như thật chất phác như hồi mới phát tâm, trầm tĩnh làm việc.

Tôi thường so sánh, trong quá khứ, tôi đã thưa với thầy tôi như thế, mà hiện thời vẫn nói như thế. Một khoảng thời gian trước khi sư phụ của tôi ngã bệnh, tuổi Ngài đã rất cao, thân thể rất yếu, nhưng đối với hai thời công khóa sáng tối, Ngài nhất quyết chẳng bỏ sót buổi nào. Tôi so sánh, thưa với thầy: “Sư phụ! Nghiệp chương của con nặng nề như vậy. Hễ muốn lên tụng niệm công khóa cùng đại chúng, liền có vấn đề, có chuyện đưa tới [phải giải quyết] liền, làm như thế nào đây?” Đích xác là rất nhiều lần đều như vậy! Ngay tại chùa Phóng Quang, tôi đã thử rất nhiều lần. Tính lên chánh điện tụng kinh, liền có chuyện cần phải lo liệu, chẳng thể không làm. Sư phụ bảo: “Nghiệp chương đấy! Đó là nghiệp quả do nhiều đời nhiều kiếp chẳng tu phước báo mang lại”. Trước kia, tôi theo sư phụ xuất gia, đối với công khóa, sư phụ yêu cầu mười phần nghiêm ngặt. Tôi nghe người khác nói: Lúc đó, Hiệp Hội Phật giáo

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

[Trung Quốc] cho người thỉnh Ngài trở về<sup>72</sup>, cũng là vì đề Ngài hướng dẫn tăng sĩ toàn quốc cách đánh pháp khí và tụng niệm công khóa. Thuở đó, trong nước các vị xuất gia sư phụ đặc biệt ít. Lão hòa thượng đặc biệt tinh thông quy củ. Vì thế, các vị thuộc Hiệp Hội Phật giáo thuở ấy như cụ Triệu Phác Sơ v.v... mời Ngài về nước. Ngài đối với công khóa mười phần nghiêm túc. Thường là những người khác học công khóa với Ngài đều mười phần nghiêm túc, nhưng tôi khá buông lung. Trước nay, chưa hề nghiêm túc học, mà cũng chẳng thể thông thuộc. Thuở ấy, [có quy định] trong ba tháng mà chẳng thể thông thuộc công khóa, [học tăng] phải ký đơn [xin trở về thế tục], tức là người xuất gia sau khi đã xuất gia phải như thế này: Trong ba tháng, ắt phải học thuộc ngũ đường công khóa<sup>73</sup>. Nếu không, quý vị phải trở về nhà. Nếu chẳng như vậy, quý vị đến đây để làm gì? Hiện thời, tôi đối với Tăng chúng chẳng dám yêu cầu như thế, vì tôi cũng chẳng làm được! Trước kia, tôi cũng chẳng làm như thế! Nhưng chúng ta có cần đòi hỏi chính mình [phải làm được như thế] hay không? Vì nhân duyên ấy, trước kia, tôi lên tụng niệm công khóa vẫn được, ở trong các ngôi chùa nhỏ đơn giản hơn, hoặc làm chấp sự trong một ngôi tùng lâm đại chúng, vẫn rất đơn giản, nhưng hiện thời tạp duyên tíu tí, muốn lên chánh điện tụng kinh [đúng thời khóa] rất khó

---

<sup>72</sup> Sư phụ của pháp sư Từ Pháp là Hoảng Xuyên Luật Sư, được mời từ Đài Loan trở về Hoa Lục vào năm 1984. Khi đó, Trung Cộng vừa cho phép tái lập các hoạt động tu trì sau một thời gian gần 30 năm nghiêm cấm, cho nên rất ít tăng sĩ, cũng như người thông thạo quy củ Thiền môn, phạm bái khá hiếm hoi. Bởi lẽ, Mao Trạch Đông đóng cửa các tự viện tại vùng quê, chỉ cho mở cửa các chùa như địa điểm du lịch, tăng sĩ người bị đuổi về hoàn tục, người bị đi cải tạo khổ sai. Các tăng sĩ già cả hoặc bị tù đầy, hoặc bị giam lỏng tại chỗ, nghiêm cấm tụng niệm. Hầu như các tăng sĩ chỉ còn niệm thầm, hay tham Thiền sau các buổi học chính trị mà thôi.

<sup>73</sup> Ngũ đường công khóa là năm thời khóa thường nhật trong Thiền môn Trung Hoa: Công khóa sáng, công khóa tối, công khóa thọ trai buổi sáng, thọ trai buổi trưa (quá đường), và cúng Ngọ. Tuy nhiên, còn một cách hiểu khác, tức ngũ đường công khóa là hai đường khóa sáng, và ba đường khóa tối. Hai đường khóa sáng là chú Lăng Nghiêm và Thập Chú. Ba đường khóa tối là kinh Di Đà (và niệm Phật, kinh hành, tối thiểu là niệm 108 câu danh hiệu), Đại Sám Hối Văn (Hồng Danh Bảo Sám), và Mông Sơn Thí Thực. Riêng sau khóa sáng, có nghi thức cúng Phật và xuất sanh (thí thực cho quỷ thần và cô hồn). Khóa chiều thì thí thực trong khi tụng Mông Sơn. Sau khi tụng xong Mông Sơn, các tùng lâm luôn tụng chú Đại Bi một lượt và tán Già Lam Bồ Tát. Các tông phái khác có thể thay bằng các kinh chú khác, nhưng xuất sanh trong hai thời khóa và cúng Ngọ không được thiếu. Vật phẩm cúng Ngọ có thể đơn giản là một chén cơm trắng (hoặc cháo, hoặc mì sợi v.v...), xốt lấy bảy hạt cơm hoặc một miếng cơm để thí cho quỷ thần.

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

khăn. Tôi thường lần quần trong điện đường, vừa tính tham dự công khóa thì mới năm phút sau đã có điện thoại, chẳng thể tham dự được, cảm thấy rất đau khổ, trong tâm cũng có mâu thuẫn. Đó là nghiệp tướng, nghiệp báo sai khác vậy.

Mặt khác, nhìn vào cảm nhận đối với công khóa của một số vị sư phụ xuất gia khác, tôi cũng so sánh. Nhân duyên phước báo là gì? Tôi cảm thấy Tăng nhân làm chuyện của chính mình là phước báo lớn nhất. Tôi là một Tăng nhân, tôi niệm tụng, học tập pháp tắc của chính mình. Đây là phước báo lớn nhất. Nếu là cư sĩ, cung kính Tam Bảo, yêu mến đạo tràng, cũng là phước báo lớn nhất. Làm chuyện thuộc về bản phận của chính mình là đủ dùng rồi, cần gì phải vô cớ tạo tác thêm các chuyện khác nữa? Ngài A Dật Đa (Di Lạc Bồ Tát) có lao ngục bằng trần bảo, bọn chúng ta hiện thời có [lao ngục giống như thế] hay không? Trong tâm trí có phải là thật sự tư duy, quan sát “*bỉ pháp tánh hư không*” hay chẳng? Hãy tư duy vấn đề này, so sánh vấn đề này. Vì thế, so sánh giữa thế hệ của chính mình và thế hệ của sư phụ tôi, chúng tôi thua kém mười vạn tám ngàn dặm! Xét theo đạo đức, tu trì, đều mười phần thua kém rất lớn. Tôi thường xuyên tư duy, quan sát chuyện này, có khi [tự cảm thấy chính mình] bị nghiệp báo bức bách, hổ thẹn vô dụng. Nói cách khác, rất hổ thẹn cũng vô dụng, làm thế nào đây? Chỉ có thể sám hối nghiệp báo của chính mình, tận lực thủ hộ các pháp tắc Phật giáo mà chính mình khá ưa thích, nhưng rất khó. Vì sao? Nghiệp báo đã chín muồi, nghiệp lực bức bách, thường là các tình huống tôi cảm thấy rất khó vượt qua. Vì sao? Vì nếu thật sự chứng đắc cái gọi là “*tư duy bỉ pháp tánh hư không*”, hiện duyên của chúng ta, duyên khởi ngay trong hiện tại sẽ chẳng khiếm khuyết, sẽ là chọn lựa thanh tịnh, chẳng có bất cứ tiếc nuối nào! Nói như vậy, tức là quý vị có thể chọn lựa trong hiện tại, chẳng cần bất cứ gánh nặng nào! Chẳng hạn như tôi vừa nhắc đến điện thoại, điện thoại gì nữa chẳng trả lời, thích lên chánh điện tụng kinh tôi liền lên chánh điện, chẳng có vấn đề gì, chẳng cần bận tâm, xa lìa hết thảy các chọn lựa đau khổ, đời người sẽ đơn giản hơn, đó là pháp tánh quang đăng! Chẳng lo được, lo mất, chẳng công Dị Thục Quả bởi nghiệp duyên của chính mình từ vô thủy đến nay, chẳng đèo theo gánh nặng ấy, chẳng đèo theo lao ngục bằng trần bảo. Đó vẫn là sự cố vũ, chống đỡ trong sanh mạng, quý vị có thể vượt qua nó, vượt qua như thế nào? Ngay trong một niệm hiện tiền này. Nếu chẳng thiếu sót, thanh tịnh trọn đủ, dùng duyên khởi ấy để làm việc, quan sát hiện duyên, đối với hành pháp quả địa sẽ là “tu ngay lập tức”, “hành ngay lập tức”, “lựa chọn ngay lập tức”.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như bử A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kỳ thế giới trung, chư Bồ Tát đấng, sanh bử quốc giả, u sơ nhất nhật, quán sát Đông phương, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, nữ chí đa kiến bách thiên ức na-do-tha Phật dĩ. Nhiên hậu, u đệ nhị nhật, quán sát Nam phương, như thị nữ chí thập phương, sự giai nhược thử. Như thị Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội.*

**(經)復次賢護！如彼阿彌陀如來、應供、等正覺，其世界中，諸菩薩等，生彼國者，於初一日，觀察東方，多見諸佛，多見百佛，乃至多見百千億那由他佛已。然後，於第二日，觀察南方，如是乃至十方，事皆若此。如是賢護！若菩薩摩訶薩成就菩薩思惟諸佛現前三昧。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Như đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các hàng Bồ Tát trong thế giới ấy, sanh vào cõi của Ngài, trong ngày đầu tiên, quán sát phương Đông thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, cho đến thấy cả trăm ngàn ức na-do-tha vị Phật. Sau đó, trong ngày thứ hai, quán sát phương Nam, như thế cho đến mười phương đều là như vậy. Như thế đó Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế ấy).*

Trọng điểm của phẩm này là thấy Phật và phương pháp thấy Phật. Tỷ dụ xem tinh tú trong phẩm này có thể hướng dẫn chúng ta cách tư duy “quán bử pháp tánh hư không, dĩ tướng thành cố” (quán pháp tánh hư không ấy, do tướng đã thành). Đây là duyên khởi thanh tịnh để thấy chư Phật Thế Tôn và pháp tắc “tâm làm Phật, tâm là Phật”. Vì sao người hiện thời nầy sanh chương ngại đối với chuyện thấy Phật? Hoặc nói hai loại rác rưởi, hoặc mây đen che lấp như thế nào? Đó gọi là mây đen “những điều tốt đẹp của bản thân” và mây đen “những điều xấu xa của kẻ khác”. Hai thứ mây đen ấy, một thứ là bạch chương, thứ kia là hắc chương. Ác nghiệp của kẻ khác là hắc chương che lấp tự tâm. Thiện nghiệp và thiện duyên của chính mình, tức các thứ được gọi là “tốt đẹp”, chính là bạch chương, cũng che lấp tự tâm, có thể khiến cho tâm trí con người ngu mê y hệt. Vì thế, do hai loại chương duyên ấy mà chẳng thể thấy Phật. Nếu ai có công phu Thiên Định, sẽ thấy sự việc cận kề hơn!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

Chẳng hạn như trong một số pháp tu Thiên Định, năm loại chướng tất nhiên sẽ hiện tiền, tức hắc chướng, hoàng chướng, bạch chướng... Đó là ngũ sắc chướng, theo thứ tự khởi lên, che lấp tâm trí, khiến cho chúng ta có mắt mà chẳng thể nhận biết, cũng chẳng thể quan sát cận kề thế gian! Có người trong lúc Thiên Định trông thấy cảnh giới bỗng dưng xuất hiện hoàng chướng, bạch chướng, hắc chướng che lấp cảnh ấy. Trên thực tế, [các thứ chướng ấy] chính là nghiệp của chính mình từ vô thủy đến nay, do chấp trước vào nghiệp mà tạo thành sự thật. Người thường hút thuốc nếu tu các môn Thiên Định, sẽ có chướng giống như một tấm vải đen rất dễ phủ xuống, giống như một bức màn rất dày! Nhưng nếu chúng ta quan sát pháp ích thanh tịnh, sẽ gọi là “*thấy Phật mà chẳng cần phải dụng công, thấy đều hiện tiền*”.

Ở đây, kinh văn đã nói mười phần rõ ràng, chủ yếu là tư duy, quan sát, tức là tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Chúng ta học kinh Ban Châu đến chỗ này, thấy điều chủ yếu trong văn tự là hướng dẫn chúng ta tư duy, quan sát sức mạnh của môn tam-muội này. Chúng ta thấy Quán được nói trong Quán Kinh chính là quán tướng (觀相, quán các tướng), như tướng hảo của Phật là như thế này, như thế nọ, đất trong thế giới Cực Lạc như thế nào, tràng báu như thế nào, Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật như thế nào, quán các tướng như thế. Còn ở đây thuần túy là quán tướng cõi ấy. Tư duy quán tướng, tức là quý vị dùng ngay tâm tưởng của phàm phu trong hiện tiền, dùng tâm tưởng tạp loạn để tưởng thế giới Cực Lạc, để quan sát thế giới Cực Lạc. Như trong chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói như thế này: “*Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn*” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa), hoàn toàn chẳng phải là bảo chúng ta đừng dùng cái tâm chúng sanh để niệm Phật, nhớ Phật, vẫn là dùng cái tâm hiện tiền của chúng ta. “*Tướng*” ở đây cũng giống như thế, dùng cái tâm chúng sanh để “*tướng*” thế giới Cực Lạc, tư duy cõi ấy, tư duy A Di Đà Phật, tư duy Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Chúng ta chẳng cần kiếm một tư tưởng nào khác, cứ từ tư tưởng hiện tiền của chúng ta mà có thể tư duy, có thể quan sát!

*(Kinh) Như thị Bồ Tát, w tự độ trung, quán sát thập phương, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, nãi chí đa kiến bách thiên ức na-do-tha chư Phật dã.*

**(經)如是菩薩，於自土中，觀察十方，多見諸佛，多見百佛，乃至多見百千億那由他諸佛也。**

*(Kinh: Bồ Tát như thế, ở trong cõi của chính mình, quan sát mười phương, thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, cho đến thấy cả trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật).*

“Tự độ” của chúng ta trong hiện thời, nay chúng ta là hữu tình trong Diêm Phù Đề của thế giới Sa Bà, chẳng cần nhờ vào phương tiện, cũng chẳng đến cõi khác. Phật trong cõi khác cũng chẳng đến cõi này. Chỉ là mỗi vị Phật đều nương vào thân biến thiện xảo, tỏa quang minh lớn, khiến cho tâm trí [của hành nhân] thanh tịnh bèn thấy Phật, như thế mà thôi! Giống như gương soi vật, [hình ảnh hiện ra] trong gương chẳng đến, chẳng đi. Điều này rất dễ lý giải! Chúng ta lấy một tấm gương đem soi, thứ gì đến trước gương, gương bèn hiện bóng thứ ấy, nhưng trong cái gương ấy thật sự chẳng có gì đến đi, chỉ hiện hiện như thế mà thôi! Nếu chẳng có các thứ cảnh tượng (tượng cảnh giới), gương chỉ hiện hư không. Nếu đủ loại hình ảnh đối trước gương, đủ loại hình ảnh cùng hiện bóng. Gương ấy chẳng giảm, chẳng tăng, cũng chẳng tạo tác, mà dung nạp hết thảy. Tâm trí như gương, chiếu liễu, giác tri thế gian. Trong Phật giáo có nói Đại Viên Mãn Kính Trí, tức là một loại trí huệ như thế. Trí ấy hết thảy chúng sanh đều sẵn có, được gọi là Câu Sanh Trí (俱生智, trí bẩm sanh, sanh ra đã có), chẳng do tu thành, chẳng hủy hoại được, có người biết dùng, có kẻ chẳng biết dùng. “*Biết dùng*” là kéo toang cái màn chướng ngại ra, Đại Viên Kính Trí sẽ hiển lộ, sẽ thật sự quan sát “*pháp tánh hư không*” của pháp giới, sạch lâu chẳng có tí mây mù che đậy nào. Do vậy, chúng ta có thể quan sát thế gian.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như chư Như Lai thành tựu Phật nhân, như thị kiến dĩ, w nhất thiết xứ, tất như thị tri, tất như thị kiến. Như thị Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát diệc ký thành tựu Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dĩ, tự nhiên mãn bỉ Đàn Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La*

*Mật, Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, nữ chí mẫn bỉ nhất thiết Bồ Tát chư công đức đẳng.*

**(經)復次賢護！如諸如來成就佛眼，如是見已，於一切處，悉如是知，悉如是見。如是賢護！若菩薩摩訶薩亦既成就菩薩思惟一切諸佛現前三昧已，自然滿彼檀波羅蜜、屍波羅蜜、羸提波羅蜜、毗梨耶波羅蜜、禪波羅蜜、般若波羅蜜，乃至滿彼一切菩薩諸功德等」。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Như các Như Lai thành tựu Phật nhãn, đã thấy như thế, trong hết thấy mọi nơi, đều biết như thế, đều thấy như thế. Như thế đó Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát cũng đã thành tựu Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, tự nhiên viên mãn Đàn Ba La Mật, Trì Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cho đến hết thấy các công đức của hàng Bồ Tát).*

Ở đây nhắc tới sáu loại Ba La Mật, phiên dịch thành những [danh từ] mọi người quen thuộc thì là Bố Thí Ba La Mật (Dāna-Pāramitā, Đàn Na Ba La Mật), Trì Giới Ba La Mật (Śīla-Pāramitā, Trì La Ba La Mật), Nhẫn Nhục Ba La Mật (Kṣānti-Pāramitā, Sạn Đề Ba La Mật), Tinh Tấn Ba La Mật (Vīrya-Pāramitā, Tỳ Lê Da Ba La Mật), Thiền Định Ba La Mật (Dhyāna-Pāramitā, Thiền Na Ba La Mật), và Trí Huệ Ba La Mật (Prajñā-Pāramitā, Bát Nhã Ba La Mật). Ba La Mật (Pāramitā) dịch gượng là [Đáo] Bỉ Ngạn ([đến] bờ bên kia), đó là nơi an ổn, là chốn chân thật. Lục Ba La Mật có nghĩa là thông qua Thiền Định để đạt tới bờ bên kia, thông qua trí huệ để đạt tới bờ bên kia v.v... Có khi phiên dịch thật sự rất bất lực, vì từ ngữ chẳng thể thấu đạt ý ấy, chẳng thể biểu đạt viên mãn ý nghĩa ấy, thường là giới thiệu điều trước, đánh mất điều sau, giới thiệu điều sau, lại đánh mất điều trước, nói điều trên chẳng nhắc đến điều dưới, thường là luôn mất mát.

Sáu loại Ba La Mật, thật sự là một thứ tu trì hòng đạt tới chỗ an trụ, đạt tới chỗ phương tiện tự tại, là sự tu trì hòng thủ hộ “bờ bên kia” (bỉ ngạn). Tu trì như thế nào? Đạt lợi ích ngay trong hiện tiền. Chẳng hạn như bố thí thì sẽ đạt được lợi ích do bố thí. Như trong kệ tụng của đức Phật có nói: “Sở vị bố thí giả, tất hoạch kỳ lợi ích, nhược vi nhạo bố

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

thí, hậu tất đắc an lạc” (Như nói tới bố thí, ắt đạt được lợi ích, nếu vui thích bố thí, về sau ắt an lạc). Đây là như thật ngữ, là lời dạy của đức Thế Tôn dành cho kẻ chẳng thông thạo cách diễn đạt bằng ngôn ngữ, là bốn câu nói dành cho kẻ chẳng thông thạo kệ tán, khiến cho họ khi được người khác bố thí, có thể nói bốn câu kệ tán này để tán thán chuyện bố thí. Trì giới thì sao? Tinh tấn thì sao? Nhẫn nhục thì sao? Cũng sẽ đạt được an lạc, giống như đối với bố thí bèn nói “hậu tất đắc an lạc” (về sau ắt an lạc), trì giới cũng giống như thế, “hậu tất đắc an lạc”. Nhẫn nhục, tinh tấn cũng sẽ “hậu tất đắc an lạc” y hệt. Hành trì Lục Ba La Mật, tất nhiên sẽ được an lạc. Sự an lạc ấy chân thật, chẳng dối. Đối với các loại lợi ích của Lục Ba La Mật, hãy nên như thật tuyên nói. Trong kinh điển nhà Phật đã chuyên tuyên nói, dùng rất nhiều ngôn từ hay đẹp, công đức chân thật, giáo ngôn như thật, khiến cho người tu trì sẽ thủ hộ Lục Ba La Mật.

“*Tự nhiên mãn bỉ*” (Tự nhiên viên mãn) Lục Ba La Mật. Chúng ta có thể thấy chư Phật, tức là thiện căn [của chính mình đã] thành thực. Đối với công đức đạt được do chấp trì Lục Ba La Mật, chúng ta đều có thể thật sự ấn khế trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ tương ứng đạt được. “*Đạt được*” là không có gì để đạt, dùng vô sở đắc xứ (không thấy có gì để đạt được) mà thanh tịnh an trụ, cho nên đạt được. Cái “*đắc*” ấy lợi ích chúng sanh, [chẳng hạn như] thân thể khinh an, chẳng vướng mắc, chẳng phải là cái Đắc theo kiểu “có điều gì để đạt được” của thế gian, tức là cho rằng [ta làm như thế nào đó], ta sẽ đạt được như thế nào đó. Kiểu đó là công vác gánh nặng, là hữu tình chấp trước. Hữu tình chấp trước phần nhiều đọa trong tà kiến. Chúng ta đã biết, mà cũng đã thấy, giống như gánh nặng trên bảo và rác rưởi trong thí dụ trên đây, càng lưng công vác gánh nặng “những thứ tốt đẹp của ta”, chẳng hạn như nói “ta trì giới, ta tinh tấn, ta Thiên Định” v.v...

Trước kia, căn bệnh này của tôi đặc biệt nặng nề. Nếu tôi lên tham dự công khóa, mà thấy người khác không tham dự, không được rồi, sẽ tìm người đó cần nhân. Ngay như trong hiện thời, căn bệnh ấy vẫn còn rất lớn! Hễ thấy kẻ nào học Phật chẳng siêng gắng, [tôi liền bực bội, phiền trách] “vừa mới phát tâm giống như vừa mới nhập học, vì sao chẳng học tập?” [Kẻ sơ học mà chẳng siêng năng tu tập] là vì ty nạn với thầy, nhưng thầy đã tốt nghiệp, đã dạy rất nhiều trò tốt nghiệp. [Thế mà] quý vị vẫn so đo: “Kẻ khác chẳng học, ta chẳng học”, vậy là đi sai đường mất rồi! Hiện thời, rất nhiều người vừa mới vào chùa, cạo tóc xong, đắp y xong, làm gì? Ty nạn với sư phụ. Nay tôi lên chánh điện



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

dòm thử, toàn là những người bắt chước tôi: “Người không lên tụng niệm công khóa, ta cũng không lên tụng niệm công khóa!” Nhưng giống như chúng ta mới vào Tiểu Học, phải siêng năng học tập, phải làm bài tập cho lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn, lớp Năm. Quý vị chớ nên ty nạnh thầy giáo dạy Tiểu Học chẳng làm bài tập, có nên ty nạnh hay không? Nếu [ty nạnh rồi chẳng làm gì hết] như vậy, quý vị chẳng học được bất cứ môn văn hóa nào hết, thật sự là khiến cho chính mình lỗ làng! Các vị thiện tri thức ơi! Trong quá trình An Cư này, chúng ta thực hiện trọn hết bổn phận của chính mình như thế nào? Mỗi người chúng ta đều có chuyện thuộc về bổn phận của chính mình. Chẳng hạn như quý vị là người mới học, nhất định phải tuân theo nhân duyên sơ học của chính mình. Là một sa-di, hãy thật thà thực hiện công khóa của sa-di, thực hiện ngũ đường công khóa của chính mình, học tập giới luật của chính mình. Là tỳ-kheo thì hãy khéo học tập giới luật tỳ-kheo của chính mình, đấy là bổn phận! Nếu quý vị cứ muốn so đo, sẽ rất phiền não! Vừa mới xuất gia, chẳng học công khóa, chẳng học giới luật, chẳng học pháp khí, chẳng học quy củ trong tự viện. Theo lối xưa, toàn là người đã thành niên (trưởng thành) xuất gia. Trong Phật giáo Nam truyền, thì toàn là trẻ nhỏ xuất gia. Trưởng thành xuất gia vốn có rất nhiều khuyết điểm: Tri kiến đã định, nghiệp tập đã định, thói quen đã định, bản thân sẽ rất khó vượt qua. Chẳng dùng đại lực cường duyên, căn bản là chúng ta chẳng thể thay đổi chính mình. Kết quả là xuất gia uổng công chịu khổ, mà chẳng tương ứng. Thật sự là như thế đó! Vì đây là công khóa An Cư, tôi thừa dịp này mà nói trọng điểm, mong mọi người rộng dung, nhưng quý vị phải cảnh giác đôi chút.

Tôi thường suy nghĩ chuyện này, vì sao sa-di chẳng lên chánh điện tụng niệm công khóa? Vì sao vị sư phụ vừa mới xuất gia không học tập công khóa? Trong các vị sư phụ xuất gia, có [các vị nắm các chức vụ] đại liêu, có duy na, có tri khách, cũng có vị làm đương gia, nếu mọi người cứ lo so đo, toàn bộ sẽ đều rối loạn. Sa-di chẳng làm chuyện của sa-di, cứ ty nạnh với các tỳ-kheo: “Họ ngủ, ta cũng ngủ. Họ buông lung, ta cũng buông lung. Họ không học, ta cũng khỏi học”... Được rồi! Học tập Phật pháp kiểu đó tức là chúng ta chẳng giữ bổn phận, ai nấy đều cùng bại hoại! Cho nên nhìn vào những người xuất gia trong hiện thời, tôi thật sự mười phần đau lòng! Cư sĩ thì sao? Đương nhiên là có chuyện thuộc bổn phận của cư sĩ, chẳng hạn như tôn trọng Tam Bảo, thủ hộ pháp tắc của chính mình, tu tập pháp tắc của chính mình, bỏ phiền não

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tri kiến của chính mình, cũng đều là có nhân duyên riêng biệt của chính mình.

Cho nên tôi cảm thấy, mọi người đều phải nên chú ý chuyện thuộc bốn phận của chính mình. Nếu ta làm chẳng được, ta phải nên sám hối! Mọi người chẳng làm nổi chuyện thuộc bốn phận của chính mình, cũng nên sám hối, đừng xâm đoạt lẫn nhau! Nếu không, chúng ta vào chùa miếu để làm gì? Ưu thế của tự viện là gì? Ưu thế của tại gia là gì? Ưu thế của xuất gia là gì? Ưu thế của sa-di là gì? Nếu quý vị chỉ vì đeo cái danh hiệu ấy mà đến đây, quả thật đáng tiếc quá, mà cũng là có lỗi với chính mình, chỉ là khoác thêm một lớp áo bên ngoài<sup>74</sup> vô ích! Chẳng có một tí ý nghĩa nào! Tôi đa là thêm hai cân phân lượng đó thôi! Khi tôi đáp y lần đầu, đại khái là sau khi đã thọ giới bảy tháng, khi niệm bài kệ Đáp Y<sup>75</sup>, đúng là cảm thấy chính mình lún sâu xuống ba thước đất, chìm lìm, khó thể chống đỡ, chẳng thể nhận lãnh trách nhiệm, không thể gánh vác áp lực do đáp y. Nhưng hiện thời, mọi người đều vội vã tiến cao hơn, muốn có cái danh thôi! Chúng ta có thể mở cuộc thi để khảo hạch,

---

<sup>74</sup> Ý nói người xuất gia mà không tu tập, sửa đổi tâm trí, hành vi và thói quen của chính mình cho tốt đẹp hơn thì chỉ là khoác thêm một lớp tăng bào, hoàn toàn chẳng phải là tăng sĩ.

<sup>75</sup> Tức là bài “善哉解脫服，鉢吒禮懺衣，我今頂戴受，禮佛求懺悔” (thiện tai giải thoát phục, bát tra lễ sám y, ngã kim đánh đới thọ, lễ Phật cầu sám hối) (thiện tai giải thoát phục, bát tra lễ sám y, ngã kim đánh đới thọ, lễ Phật cầu sám hối). Theo Phật Học Từ Điển, Bát Tra (Paṭṭa) là một loại tăng y, gồm nhiều miếng ghép lại, trông như các mảnh ruộng liên tiếp nhau, nên gọi là Điền Tướng Y. Lễ sám y trong bài kệ chính là mạn y, tức y không có điều, dành cho sa-di hay cư sĩ đã thọ Ngũ Giới. Bài kệ trên đây là bài kệ đáp y sử dụng theo truyền thống trong các tông phái Trung Hoa, nhưng khi dành cho cư sĩ học đáp y trong thời gian xuất gia đoản kỳ (xuất gia ngắn hạn, chẳng hạn như tại đạo tràng Phật Quang Sơn), sẽ sửa thành “*thiện tai giải thoát phục, trân quý lễ sám y, ngã kim đánh đới thọ, lễ Phật cầu sám hối*”. Tuy vậy, theo Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu, bài kệ Đáp Y chia thành bốn loại:

- 1) Khi đáp y năm điều thì bài kệ sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, ngã kim đánh đới thọ, thế thế bất xả ly*”.
- 2) Khi đáp y bảy điều sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, ngã kim đánh đới thọ, thế thế thường đắc phi*”.
- 3) Khi đáp đại y (y tăng già lê), sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, phụng trì Như Lai mạng, quảng độ chư chúng sanh*”.
- 4) Đáp mạn y sẽ là “*đại tai giải thoát phục, vô tướng phước điền y, phi phụng như giới hạnh, quảng độ chư chúng sanh*” (lớn thay áo giải thoát, áo ruộng phước vô tướng, mặc đúng như giới hạnh, rộng độ các chúng sanh).

quý vị có thật sự trúng cách làm hình đồng sa-di<sup>76</sup>, sa-di, tỳ-kheo hay không? Quý vị có nội hàm gì? Lại như cư sĩ đến chùa, sẽ coi chùa ấy có ưu thế gì, cư sĩ chúng ta sẽ tán trợ ưu thế ấy để vận dụng pháp tắc gì? Thành thực thiện căn như thế nào? Tôi cảm thấy những điều ấy đều cần phải tư duy quan sát. Ở đây, chẳng có mảy may chỉ trích nào; đây là chuyện thuộc bốn phận của chính mỗi người mà!

Ngẫu Ích đại sư nói một câu khiến cho tôi một mực chân động rất sâu. Trong Linh Phong Tông Luận, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Đa hữu nhân pháp tắc vị tập, mạn tràng tiên lập*” (Lắm kẻ pháp tắc chưa tu tập, đã dựng tràng kiêu mạn trước). “*Tràng kiêu mạn*” là gì? Chẳng coi ai ra gì, chính mình muốn nổi bật lên, nói năng đã đổi giọng, vẻ mặt đã biến đổi. Quá khứ là kẻ thế tục, nay đã thành Phật rồi! Phật gì vậy? Do cái tâm kiêu mạn mà tự mình nhận định đó thôi! Đối với chuyện này, người xuất gia phải nên chú ý người xuất gia, cư sĩ nên chú ý cư sĩ, đây là một hiện tượng đặc biệt phổ biến. Vì hiện thời là thời gian An Cư, mọi người hãy xét kỹ chuyện này. Nếu chẳng có chuyện như vậy, hãy nên tu trì nhẫn nhục, nhưng chúng ta có thể thật sự tư duy hay không? Làm một người xuất gia, quý vị là sa-di, hãy trọn hết nghĩa vụ sa-di, thật sự hành trì hạnh sa-di, lại tiến nhập tỳ-kheo. Quý vị đã là tỳ-kheo, thật sự làm tốt chuyện của tỳ-kheo, mọi người nhất định sẽ để cho quý vị làm chuyện khác, chẳng cần phải sót ruột. Có một ngày, tôi đi trong chùa, đi một vòng trên lầu dưới, tôi liền suy nghĩ: “Hiện thời, tạo lập ngôi chùa này có còn tất yếu hay không? Người khác nói dựng tòa nhà này, dựng tòa nhà kia, chiêu tập càng nhiều người thì sao? Nay chúng ta đang ở đây có đạt được pháp ích hay không? Nếu thật sự chẳng thể nắm được lợi ích thực chất, xây dựng chùa có ý nghĩa gì đâu?” Tôi tự vấn: “Chúng ta dựng tự viện này để làm gì?” Vì trước kia điều tôi không thể chịu đựng được nhất là chùa trống. Đến một ngôi chùa trống (chẳng có người tu hành), sẽ chẳng thể chịu được. Vì đó vốn là đạo tràng, nay dành cho quý ở, là nhà trống, người không ở thì quý ở! Nơi này của chúng ta có phải là đạo tràng hay không? Đạo nghiệp của mọi người ở chỗ nào vậy? Có phải là trong tâm trí mỗi người chúng ta đều thật sự sanh khởi lòng tôn trọng [đạo nghiệp] hay không? Hay là vẫn nóng lòng nơi hiệu quả và lợi ích của việc ngay lập tức thay đổi thân phận của chính mình hồng nhanh chóng thành tựu thứ gì vậy? Có phải là đúng thật thực hiện nơi thân tâm

---

<sup>76</sup> Hình đồng sa-di (形同沙彌) có nghĩa là hình tướng giống như sa-di, nhưng chưa phải là sa-di thật sự. Tức là khi xuất gia, đã xuống tóc, nhưng chưa thọ giới sa-di.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

của chính mình hay không? Tôi cảm thấy mọi người đều cần phải như thật tự hỏi lòng mình, hỏi người khác vô ích! Tự viện hiện thời vẫn là rất nhiều. Nếu chúng ta thật sự chẳng học tập ở nơi đây, chỉ là biểu hiện hình thức, nhằm thay đổi thân phận tại đó. Điều ấy chẳng cần thiết, thân phận có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Chúng ta phải rất nghiêm túc quan sát đạo nghiệp của chính mình như thế, đạo nghiệp thành thực, xét xem chính mình có chịu trách nhiệm đối với chính mình hay không? Trước hết, đừng quản người khác. Tín thí có đến cũng chẳng thay đổi, coi xem chúng ta có nghiêm túc sử dụng tòa điện đường này hay không? Đạo nghiệp của chúng ta có thật sự nghiêm túc hay không? Nay chúng ta ăn, dùng, còn có hoàn cảnh, đích xác đều chẳng thể nói là xấu xa, nhưng đạo nghiệp của chúng ta có tiến nhập như thật hay không? Đối với chuyện này, bất luận chúng ta quan sát theo phương diện nhân nhục, hay quan sát theo phương diện Bát Nhã cũng thế, quan sát theo giới luật cũng thế, chẳng quan sát là không được!

Vì nói đến Lục Ba La Mật, ở đây, tôi nhắc nhở đại chúng thường trụ, hy vọng chúng ta quý tiếc nhân duyên của chính mình. Có một sa-di từ nơi khác đến, tôi hỏi ngôi chùa ông ta đang ở như thế nào, ông ta đáp: “Hiện thời là An Cư, chờ an cư xong, chắc chắn kẻ nên đi thì sẽ đi, kẻ nên đến thì sẽ đến”. Tôi nói: “Như thế đó, chùa miếu là như thế đó. Duyên nhóm họp thì tụ tập, duyên tán thì tan đàn xẻ nghé”. An cư là do được chư Phật, Bồ Tát gia bị, khiến cho mọi người có thể cùng nhau học tập, tu tập một pháp tắc, có thể trật tự, hệ thống, theo từng tầng cấp mà học tập. Một khi an cư đã kết thúc, ai nấy tất bật với chuyện của riêng mình, có khi tất bật vì nghiệp lực, có khi tất bật vì pháp tắc, lập tức sức ngưng tụ chẳng còn nữa. Hiện thời, do được Tam Bảo, chư Phật, chư Bồ Tát gia bị, chúng ta có sức ngưng tụ này. Nếu chẳng phải như vậy, chẳng biết mọi người đã dời đến nơi nào đó ở trời Nam biên Bắc từ khuya rồi, lại càng chẳng cần phải nhắc tới chuyện học tập hay không! Do vậy, trong thời gian an cư học tập, tôi mười phần quý tiếc cơ hội này! Thực tế là ngay trong hiện tiền, trong mỗi cơ hội, chúng ta đều phải nên trân quý, chỉ là biểu hiện không giống nhau đó thôi!

Nhắc tới Lục Ba La Mật, tuy tôi nói nặng nề một chút, thô tháo một chút, chỉ hy vọng mọi người hãy dùng mắt trí huệ để quan sát chuyện này, dùng giáo ngôn trí huệ của chư Phật để gột sạch sự trức trặc ấy. Đừng nên nảy sanh trức trặc, vì trức trặc có thể là do nghiệp lực hiển hiện, chúng ta thật sự phải vượt qua sự trói buộc của nghiệp lực và nhân

quả, tôn trọng nhân quả, tạo lợi ích cho nghiệp lực hữu tình! Quả thật đáng phải nên như vậy!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: “Do như tinh dạ trừ vân vụ, hữu minh nhĩn giả ngưỡng quán không”.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「猶如靜夜除雲霧，有明眼者仰觀空。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì để nói rõ lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng để nói: - Vì như đêm thanh, sạch mây mù. Người mắt sáng ngẩng nhìn hư không).*

Nhất định phải hiểu đây là lời dạy về quán Phật, là một pháp tắc để thấy Phật.

*(Kinh) Kiến bỉ chúng tinh quá bách thiên, trú niệm minh liễu diệc vô thất.*

**(經)見彼衆星過百千，晝念明了亦無失。**

*(Kinh: Thấy hơn trăm ngàn các tinh tú, ban ngày nhớ rõ, chẳng quên mất).*

Buổi tối, chúng ta thấy trời đầy sao. Ban ngày tất nhiên cũng có thể nhớ lại, quý vị sẽ nói: “Đêm qua sao rất sáng! Ngày hôm qua trời rất quang đặng!” Vì sao vậy? Sự ức niệm và tư duy của quý vị có tánh chất tiếp nối.

*(Kinh) Bồ Tát như thị đắc định dĩ, đa kiến vô lượng ức thiên Phật.*

**(經)菩薩如是得定已，多見無量億千佛。**

*(Kinh: Bồ Tát đắc định như thế rồi, thấy nhiều vô lượng ức ngàn Phật).*

Bốn câu kệ trong phần trước là tỷ dụ về thấy Phật, ở đây nói: Nếu đã đắc định như thế, sẽ thấy chư Phật nhiều đến vô lượng ức ngàn vị. Nếu quý vị tương ứng, sẽ khởi lên tác dụng như thế.

*(Kinh) Phục w khởi tư tam-muội hậu, hoàn vị đại chúng diễn tối tôn. Như ngũ Phật nhĩn thanh tịnh cố, vô hữu chướng ngại kiến thể gian.*

**(經)復於起斯三昧後，還爲大衆演最尊。如我佛眼清淨故，無有障礙見世間。**

*(Kinh: Lại sau khi đã khởi tam-muội, còn vì đại chúng diễn tối tôn. Như mắt của Phật luôn thanh tịnh, trông thấy thể gian chẳng chướng ngại).*

“Như ngũ Phật nhĩn thanh tịnh cố, vô hữu chướng ngại kiến thể gian” (Như do Phật nhĩn của ta thanh tịnh, cho nên thấy thể gian chẳng có chướng ngại): Chúng ta đều biết công đức của hành pháp Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập khi đã thành tựu, người chưa đắc Thiên Nhĩn mà trông thấy các thể gian. Chưa đắc Thần Túc, chẳng cần bay đến phương khác, chẳng lìa cõi này mà được thấy chư Phật, được thấy sự trang nghiêm trong cõi khác.

*(Kinh) Thị chư Phật tử Bồ Tát môn, xuất tử tam-muội tối thắng quán. Dĩ vô tướng tướng tư Như Lai, nhi kiến thập phương chư Đẳng Giác.*

**(經)是諸佛子菩薩們，出此三昧最勝觀。以無相想思如來，而見十方諸等覺。**

*(Kinh: Các hàng Phật tử, Bồ Tát ấy; ra khỏi tam-muội tối thắng quán. Dùng vô tướng tướng nghĩ Như Lai, mà thấy mười phương các Đẳng Giác).*

“Dĩ vô tướng tướng tư Như Lai, nhi kiến thập phương chư Đẳng Giác” (Dùng vô tướng tướng nghĩ Như Lai, mà thấy mười phương các Đẳng Giác): Vô tướng tư và vô tướng tướng ở đây mười phần trọng yếu. Đó gọi là “pháp giới tận hư không”, hoặc “pháp tánh tận hư không”. Nếu chẳng tư duy như thế, cái tâm của quý vị sẽ chẳng phải là “tâm làm Phật, tâm là Phật”, chẳng thể thành lập “tâm làm Phật, tâm là Phật”. Do bị chấp trước hư vọng khuất lập, những điều quý vị chấp trước lại che phủ quý vị.

*(Kinh) Phá trừ não độc cập chư tướng, như thính Bồ Tát diệu công đức. Nhược thính bỉ pháp thanh lương tâm, năng nhập không tịch vô úy xứ.*

**(經)破除惱毒及諸想，汝聽菩薩妙功德。若聽彼法清涼心，能入空寂無畏處。**

*(Kinh: Phá độc phiền não và các tướng, ông nghe Bồ Tát diệu công đức. Nếu nghe pháp ấy, tâm thanh lương, bèn nhập chỗ không tịch, chẳng sợ).*

“*Nhược thính bỉ pháp thanh lương tâm. Năng nhập không tịch, vô úy xứ*” (Nếu nghe pháp ấy, tâm thanh lương, bèn nhập chỗ không tịch, chẳng sợ): Hết thấy phàm phu ở nơi trống vắng, hoặc nơi không biết, sẽ sanh sợ hãi to lớn. Cho nên hết thấy chư Phật Như Lai mỗi vị đều kiến lập quốc độ thanh tịnh và màu nhiệm để chúng sanh tiến nhập, xa lìa sợ hãi. Nếu chúng ta không có quốc độ trang nghiêm, thanh tịnh, vô tận diệu dụng ấy, tiến thẳng vào chỗ trống vắng, sẽ nảy sanh sợ hãi.

“*Không tịch*” là tột cùng của cái tâm tự tại. Quý vị chẳng có cơ sở ấy, hễ đến chỗ không tịch, chỗ không biết, sẽ sanh lòng sợ hãi. Sợ hãi như thế nào? Sợ hãi đoạn diệt, sợ hãi vì vô tri, sợ hãi vì chẳng có gì để đạt được, sợ hãi vì chẳng có đối đãi, sợ hãi vì không có chỗ chụp nắm. Nhất thời, [các nỗi sợ hãi ấy] đều dâng lên. Vì thế, chư Phật Như Lai kiến lập công đức thù thắng, cho tới các loại thọ dụng, là vì muốn khiến cho chúng sanh an lạc tiến nhập loại thiện xảo “*không tịch vô úy*” này. Hiện thời, chúng ta đừng nói là “*chẳng sợ hãi chỗ không tịch*”, mà ngay cả đối với cõi thật sự tồn tại, tức vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc là một quốc độ trang nghiêm, thù thắng, trọn đủ các thứ thọ dụng, rất nhiều người vẫn chưa hiện lộ rõ ràng nguyện vọng này. Đó là một pháp tác chuyển biến liên tục<sup>77</sup>. Quý vị có thể quán kỹ càng tâm lý của chính mình. Nếu chẳng phải nắm giữ đồ vật chi đó, tâm quý vị có thật sự an lạc, sáng suốt, không sợ hãi hay chẳng? Nếu thật sự ở chỗ không tịch mà có thể an lạc, chẳng sợ hãi, người ấy đắc pháp nhãn thiện xảo. Nếu có thể thấy thấu suốt pháp tánh, sẽ đạt được tự tại ngay trong hiện tiền. Súc

---

<sup>77</sup> Tức là phải liên tục tu tập, chế ngự hoặc đào thải tập khí của chính mình, luôn có tâm niệm cầu sanh, luôn giữ vững niềm tin kiên cố nơi bản nguyện tiếp độ của A Di Đà Phật, đồng thời hành trì không biếng trễ, gián đoạn.

tự tại ấy chỉ có Phật đích thân chứng đắc, chỉ có Bồ Tát khéo nhận biết, khéo vận dụng! Đoạn văn tự này mười phần đáng chú ý!

*(Kinh) Như ngã đương kim thuyết tư pháp, vị linh chúng sanh chứng Bồ Đề. Như bỉ an lạc chư Bồ Tát, đa kiến vô lượng Phật Thế Tôn. Bồ Tát như thị nhập tư duy, diệt kiến bách thiên đa Điều Ngự. Như thử tỳ-kheo duy A Nan, nhất văn ngã thuyết tất năng thọ. Bồ Tát như thị đắc tam-muội, thính nhất thiết pháp năng tổng trì.*

**(經)如我當今說斯法，爲令衆生證菩提。如彼安樂諸菩薩，多見無量佛世尊。菩薩如是入思惟，亦見百千多調御。如此比丘唯阿難，一聞我說悉能受。菩薩如是得三昧，聽一切法能總持。**

*(Kinh: Như ta nay đang nói pháp này, vì khiến chúng sanh chứng Bồ Đề. Như các Bồ Tát an lạc ấy, thấy Phật Thế Tôn nhiều vô lượng. Bồ Tát nhập tư duy như thế, cũng thấy hơn trăm ngàn Điều Ngự. Như trong tỳ-kheo riêng A Nan, vừa nghe ta nói đều vâng nhận. Bồ Tát đắc tam-muội như thế, nghe hết thấy pháp đều tổng trì).*

“Bồ Tát như thị đắc tam-muội, thính nhất thiết pháp năng tổng trì” (Bồ Tát đắc tam-muội như thế, nghe hết thấy pháp đều tổng trì): Tổng Trì là dịch nghĩa của Đà La Ni. Pháp môn tổng trì được phiên dịch thành hai chữ Tổng Trì, có phần nào quá sơ sài. Nói “Đà La Ni môn” mọi người liền cảm thấy trọn đủ rất nhiều nội dung. Do vậy, thường là Đà La Ni chẳng phiên dịch. Ở đây, vì sự đối ứng trong từ ngữ, bèn dịch thành Tổng Trì.

*(Kinh) Thành tựu tín tâm, cụ tam-muội, tất xả nhất thiết thế ngôn ngữ.*

**(經)成就信慚具三昧，悉舍一切世語言。**

*(Kinh: Thành tựu tín, thẹn, đủ tam-muội, đều xả hết thấy tiếng thế gian).*

“Thế gian ngữ” là ngôn ngữ gì vậy? Lời thị phi, lời thiện ác, lời phàm thánh v.v... Hết thấy các ngôn ngữ sanh từ chỗ đối đãi đều là “thế



gian ngữ”. “Thế gian” là do đối đãi mà an lập. Nếu ai thốt lời trong lặng, lời từ bi, lời lợi ích rộng rãi, lời điều nhu, phần nhiều sẽ tiêu trừ đối đãi, khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui. Cho nên khi chúng ta há mồm thốt lời thị phi, nhất định phải nghĩ chính mình có phải là người thế tục, có cái tâm thế tục hay không? Người học Phật thốt lời thế gian, tức là phi ngữ, thốt lời nhân ngã thị phi là mong làm gì vậy? Cái tâm như thế chẳng phải là tâm của người tu hành. Nhưng nếu nói: “Ta cần xử trí vấn đề, ta có thể nói ra hay không?” Như vậy thì được, chẳng hạn như nói “*vấn nạn sở trệ*”, tức là có vấn đề vướng mắc tại chỗ đó thì phải nên nói. “*Nói*” ở đây là phương tiện để tiêu trừ thị phi, chẳng phải là nói thị phi, sẽ chẳng phải là lời lẽ thế gian, mà là thiện xảo ngữ, điều nhu ngữ, là lời lẽ khiến cho chúng sanh tiêu trừ đối đãi nghi hoặc.

Người học Phật hiện thời, dù xuất gia hay tại gia, phần nhiều nói lời thế tục, lời thế gian, lời điên đảo, lời đối đãi, lời đấu tranh, lời lẽ nhân mạnh cái Ta... Vì sao? Vì chẳng tương ứng. Chúng ta đọc nguyện vọng của chư Phật Thế Tôn, như A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều là điều nhu ngữ, chân thật ngữ, lợi ích ngữ, trí huệ ngữ, chẳng có lời lẽ thế tục! Chúng ta xem lời nguyện của Văn Thù Bồ Tát, xem lời nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát, xem năm trăm đại nguyện của Phật Thích Ca, lại đọc lời nguyện của Phật Dược Sư, như nguyện thứ nhất: “*Nguyện ngã lai thế, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, tự thân quang minh xí nhiên, chiếu diệu vô lượng, vô tận, vô biên thế giới, dĩ tam thập nhị đại trượng phu tướng, bát thập tùy hình trang nghiêm kỳ thân, linh nhất thiết hữu tình như ngã vô dị*” (Nguyện ta trong đời sau, khi đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bản thân quang minh chói lợi, chiếu rọi vô lượng, vô tận, vô biên thế giới, dùng ba mươi hai tướng đại trượng, tám mươi tùy hình hảo để trang nghiêm thân ấy, khiến cho hết thảy hữu tình giống như ta chẳng khác). Khiến cho chúng sanh đạt được thân đại quang minh, đó là chỗ đạt tới của nguyện vọng. Thành tựu Bồ Đề chính là nguyện vọng duy nhất, những điều khác đều là trợ trợ.

*(Kinh) Thường dĩ từ tâm huệ tha thuyết, yếu đương đáo tư tịch tĩnh xứ.*

**(經)常以慈心慧他說，要當到斯寂靜地。**

*(Kinh: Thường dùng từ huệ bảo người khác, sẽ đạt đến chốn tịch tĩnh ấy).*

Đối với chỗ được mất của bản thân, bèn tịch tĩnh, chẳng nhiễm, đối với người khác chỉ đạt được lợi ích hồi thí. Đó là chỗ khác biệt giữa Phật giáo và các pháp tắc khác. Chúng ta đều biết có rất nhiều lời dạy trong các tôn giáo khác cũng đều là lợi tha, cũng đều là bác ái, nhưng Phật giáo có gì? Tịch tĩnh nơi tự thân, không tịnh nơi tự thân, dùng làm phương tiện lợi ích người khác, chỉ có hồi thí. Đó là chỗ quy kết của oai đức rốt ráo, tự tại, giải thoát. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta tu tập pháp chẳng thuận theo kinh giáo, mà dựa theo thói quen tại gia của chính mình, vậy thì chỉ là tiếp nối tập quán đã tích lũy từ vô thủy cho đến nay mà thôi! Bất luận mang cái danh tự Phật thế nào đi nữa, đeo danh xưng Phật, đeo danh hiệu Phật pháp, đeo khoác hình tượng xuất gia hay tại gia chi nữa, nội dung vẫn là thế tục, vẫn lấy cái Ta làm trung tâm, rơi vào Ngã Chấp và Pháp Chấp. Chúng ta chẳng thoát khỏi hai thứ chấp ấy, sẽ cách biệt Phật pháp rất xa, thật sự chẳng liên can.

Hiện thời, thế gian đánh giá người học Phật chúng ta, chẳng hạn như hiện thời cư sĩ đánh giá người xuất gia, người chẳng học Phật đánh giá người học Phật, tuy chẳng phải là mười phần công bằng, nhưng chúng ta cũng phải nên kiểm điểm tự thân. Nguồn gốc căn bản nhất để phát xuất “không công bằng” là do người học Phật, người xuất gia chúng ta chẳng đủ tâm lợi tha! Do vậy, chư vị thiện tri thức ơi! Quả thật hãy nên phản tỉnh tự tâm!

### **8. Phẩm thứ tư: Chánh Tín**

**(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Chánh Tín phẩm đệ tứ.**

**(經)大方等大集賢護分正信品第四。**

**(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ tư: Chánh Tín).**

Văn tự trong phẩm này nhằm tuyên nói chánh tín. Để khích lệ chánh tín, đức Phật nói đủ loại tỷ dụ, như tỷ dụ về báu ma-ni, tỷ dụ hương Chiên Đàn, tỷ dụ chiếc thuyền báu, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín, yêu thích, thủ hộ, tu tập, truyền bá pháp tắc này, muốn cho hữu duyên hữu tình đạt được công đức và lợi ích quý báu như thế đó.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, vị cầu như thị tam-muội bảo cố, đương ưng dũng mãnh, phát cần tinh tấn, tự nhiên tốc năng nhập thử tam-muội dã.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩，爲求如是三昧寶故，當應勇猛，發勤精進，自然速能入此三昧也。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát vì cầu báu tam-muội như thế, hãy nên dũng mãnh, phát khởi siêng năng tinh tấn, sẽ tự nhiên có thể nhanh chóng nhập tam-muội này).*

Đây là một câu nói về sự lựa chọn rất rõ ràng.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thí như hữu nhân thừa ngự đại thuyền, nhập ư đại hải, tứ ý tải mãn chúng diệu trân bảo, dĩ quá nhất thiết chư đại nạn xứ, thù chí thử ngạn. Vị kỷ chi gian, thuyền hốt phá hoại, chúng bảo trầm một. Đương nhĩ chi thời, Diêm Phù Đề nhân, phát đại khiêu thanh, sanh đại bi khổ, dĩ thất như thị vô giá bảo cố.*

**(經)賢護！譬如有人乘御大船，入於大海，恣意載滿衆妙珍寶，已過一切諸大難處，垂至此岸。未幾之間，船忽破壞，衆寶沉沒。當爾之時，閻浮提人，發大叫聲，生大悲苦，以失如是無價寶故。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ví như có người ngồi chiếc thuyền to, vào trong biển cả, mặc sức chở đầy các thứ trân bảo màu nhiệm, đã vượt qua hết thảy các chỗ nạn lớn, sắp đến bờ này. Trong phút chốc, thuyền bỗng hư hoại, các thứ báu chìm đắm. Ngay trong lúc đó, người trong Diêm Phù Đề kêu gào ầm ĩ, sanh lòng buồn khổ to lớn, do bị mất các thứ báu vô giá như thế).*

Thí dụ này nói thuyền chở các thứ trân bảo đã sắp đến bờ, lại bỗng dưng chìm lìm, khiến cho mọi người sanh lòng đau khổ như thế.

(Kinh) Hiền Hộ! Hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân diệc phục như thị, nhĩ văn như tư thắng tam-muội bảo, bất năng thư tả, độc tụng, thọ trì. Phục bất năng tư duy như pháp nhi trụ. Hiền Hộ! Đương tri nhĩ thời, nhất thiết thế gian chư thiên thần đẳng, diệc ưng như thị phát đại khiêu hô, sanh đại bi não, tác như thị ngôn: “Thị chư chúng sanh thâm khả lân mẫn! Vân hà ư thử chư Phật Thế Tôn thắng tam-muội bảo, nhất thiết chư Phật chi sở xưng dương, nhất thiết chư Phật chi sở ẩn khả, nhất thiết chư Phật chi sở giáo giới, nhất thiết chư Phật tối thượng công đức, cụ túc thành tựu, viên mãn vô khuyết, Bồ Tát văn dĩ, đương ưng cần cầu, phản cánh viễn ly, bất khả năng thư tả, bất nhạo độc tụng, bất năng thọ trì, giải thích nghĩa lý, bất năng tư duy, như pháp nhi trụ. Như thị phóng dật, giải đãi chúng sanh, vị lai tất đương thọ đại tổn giảm”. Hiền Hộ! Hà đẳng danh vị chúng sanh tổn giảm? Sở vị ư như thị tam-muội bảo trung, văn dĩ viễn ly, bất năng thư tả, độc tụng, thọ trì, bất năng giải thuyết, tư duy nghĩa lý, bất như pháp trụ, chuyên niệm tu hành, táng diệt công đức. Thị vị giảm tổn.

(經)賢護！有善男子善女人亦復如是，耳聞如斯勝三昧寶，不能書寫，讀誦受持。復不能思惟如法而住。賢護！當知爾時，一切世間諸天神等，亦應如是發大叫呼，生大悲惱，作如是言：「是諸衆生深可憐愍！云何於此諸佛世尊勝三昧寶，一切諸佛之所稱揚，一切諸佛之所印可，一切諸佛之所教誡，一切諸佛最上功德，具足成就，圓滿無缺，菩薩聞已，當應勤求，反更遠離，不肯書寫，不樂讀誦，不能受持，解釋義理，不能思惟，如法而住？如是放逸，懈怠衆生，未來必當受大損減」。賢護！何等名爲衆生損減？所謂於如是三昧寶中，聞已遠離，不能書寫，讀誦受持，不能解說，思惟義理，不如法住，專念修行，喪滅功德。是爲減損。

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân cũng giống như thế, tai được nghe báu tam-muội thù thắng như thế mà chẳng thể biên chép, đọc tụng, thọ trì. Lại chẳng thể tư duy, đứng pháp mà trụ. Này Hiền Hộ! Hãy nên biết, lúc ấy hết thấy các hàng thiên thần trong thế gian cũng nên kêu gào to lớn như thế, sanh lòng buồn rầu, áo não to lớn, nói như thế này: “Các chúng sanh này đáng thương xót quá mức! Sao lại đối với báu tam-muội thù thắng như thế của chư Phật Thế Tôn, là pháp được hết thấy chư Phật ca ngợi, được hết thấy chư Phật ẩn khả, được hết thấy chư Phật răn dạy, là công đức tối thượng của hết thấy chư Phật, thành tựu trọn đủ, viên mãn chẳng khuyết, Bồ Tát nghe xong, hãy nên siêng cầu, [thế mà các chúng sanh này] lại ngược ngạo xa lìa, chẳng chịu biên chép, chẳng thích đọc tụng, chẳng thể thọ trì, giải thích nghĩa lý, chẳng thể tư duy đứng như pháp mà trụ? Chúng sanh buông lung, giải đãi như thế, trong tương lai, ắt sẽ bị tổn giảm to lớn”. Này Hiền Hộ! Những gì gọi là “tổn giảm” của chúng sanh? Chính là đã nghe báu tam-muội như thế xong bèn xa lìa, chẳng thể biên chép, đọc tụng, thọ trì, chẳng thể giải nói, tư duy nghĩa lý, chẳng đứng như pháp mà trụ, chuyên niệm tu hành, chôn vùi, diệt mất công đức. Đó là “tổn giảm”).*

Sự “tổn giảm” ấy được kinh văn diễn tả mười phần rõ ràng, nêu ra pháp tắc và tỷ dụ hết sức thẳng thừng, rõ rệt như thế đó.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị giải đãi nhân, ác chúng sanh bói, u tu pháp trung, đắc lợi ích giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)賢護！是懈怠人，惡衆生輩，於斯法中，得利益者，無有是處。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Bọn người giải đãi, chúng sanh ác ấy mà đạt được lợi ích trong pháp này thì chẳng có lẽ ấy).*

Đây là lời quả trách! Đối với những kẻ buông lung, chửi bới pháp này, đức Thế Tôn bèn quả trách. Sau khi tôi đã được tiếp xúc pháp Ban Châu, trước kia tôi chẳng kể với ai khác, cũng chẳng dám nói với ai. Về sau, do có nhiều người hành trì, dần dần hình thành một số lượng [hành nhân] nhất định, tôi mới nói [về pháp Ban Châu] trong thế gian, nhưng vẫn gặp vẫn rất nhiều kẻ hoài nghi, nói kiêu gì cũng đều có. “Người làm cái trò gì vậy? Phô trương bản thân hả? Chẳng có chuyện bói chuyện ra

à?”... Nhưng phần nhiều là vì người ta chẳng hiểu, chẳng biết, chưa gặp pháp này. Do vậy, đúng như lý tuyên nói, truyền bá, khiến cho người khác biết rõ pháp này, cũng là chức trách của chúng ta, mà cũng là hành vi thù hờ đối với pháp của một Phật giáo đồ.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, trì xích chiên đàn, thị ngu si nhân. Nhi bỉ si nhân, dĩ ngu si cố, u xích đàn hương, khởi xú uế tưởng.*

**(經)復次賢護！譬如有人，持赤栴檀，示愚癡人。而彼癡人，以愚癡故，於赤檀香，起臭穢想。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như có người cầm chiên đàn đỏ đưa cho kẻ ngu thấy. Kẻ ngu si đó do ngu si, đối với đàn hương đỏ, lại dấy lên ý tưởng cho là hôi thối).*

Nay chúng ta học Phật, do có nhân duyên phước đức mà được gặp gỡ pháp tắc như thế này, nhưng người thật sự sanh tín tâm cực hiếm hoi! Ngay như đã tiến nhập, hành trì pháp tắc này, có phải là người có tín tâm hay không? Người ném thử, nhìn ngó thì nhiều, kẻ thật sự sanh khởi tín tâm để lựa chọn quả thật rất hy hữu! “Hy hữu” có nghĩa là: Một là ít ỏi, hai là rất khó phát khởi. Vì sao? Đối với pháp này, chúng ta vẫn phần nhiều sợ hãi. Nay mọi người do được cổ vũ, trong quá trình hành pháp một ngày một đêm, cái tâm sợ hãi sẽ dần dần, từ từ tiêu trừ. Khá nhiều người có thể dần dần tiếp nhận. Trước kia, hễ nói đến Ban Châu, phần đông chẳng thể tiếp nhận, đều nghi ngờ. Trải qua một khoảng thời gian học tập, nhận thức, trong xã hội hiện thời, rất nhiều nơi đang tu tập Ban Châu. Tuy trong hành trì, có đủ loại thời gian dài hay ngắn, có đủ loại trạng thái tương ứng hay không tương ứng, đúng pháp hay chẳng đúng pháp, nhưng đã tiếp xúc pháp tắc này, quả thật là phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể thật sự dũng mãnh tu tập pháp tắc này, thành thực Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội hay không? Chuyện này vẫn thật sự đòi hỏi chúng ta phải lột bỏ từng tầng sợ hãi!

*(Kinh) Thời, chủ trí nhân mại đàn hương giả, cáo ngu nhân viết: - Nhữ kim bất ưng u diệu chiên đàn, sanh xú ác tưởng. Hà dĩ cố? Thị đàn tối tinh, hương khí đệ nhất.*

**(經)時，主智人賣檀香者，告愚人曰：「汝今不應於妙  
栴檀，生臭惡想。何以故？是檀最精，香氣第一。」**

*(Kinh: Khi ấy, người chủ có trí bán đàn hương bảo kẻ ngu rằng: -  
Nay người chớ nên đối với chiên đàn màu nhiệm mà sanh ý tưởng thối  
ác. Vì sao vậy? Đàn hương này tinh diệu nhất, mùi thơm bậc nhất).*

Nay chúng ta dùng hương, thường là bạch đàn (*santalum album*), hoặc hoàng đàn (*dalbergia hupeana*), rất ít dùng các loại gỗ đàn khác. Chiên Đàn hương (*candana*, *sirium myrtifolium*) có màu đỏ. Trước kia, khi tôi ở Phước Kiến, có người chở đến một loại hương từ Phi Châu, giống như những cái tai nhỏ của động vật. Từng khối, từng khối, do cắt từ các vết sẹo trên thân một loại cây. Mỗi năm chỉ có thể cắt được rất ít, mười phần quý giá. Nhưng loại hương ấy chỉ cần đốt một tí trong lư hương, ngay lập tức mùi mồ hôi rất nồng của mấy trăm người đang đá thất sẽ bay sạch chẳng còn! Nay trong chùa miếu của chúng ta, mùi lạ cũng ít, tạp duyên cũng ít, tương đối rất thanh tịnh, vì mọi người một mực đốt đàn hương, hoặc trầm hương (*agarwood*), sức tịnh hóa chẳng thể nghĩ bàn. Một là hộ pháp thiện thân thích mùi vị ấy, hai là bản thân chúng ta cũng tịnh hóa không khí ở nơi đây. Cho nên mùi lạ chẳng xâm nhiễu. Nếu không, hơi hướng nơi thân thể mỗi người chúng ta đều khác nhau, do nghiệp lực bất đồng, hơi hướng sẽ phiền nhiễu lẫn nhau, mọi người chẳng thể an trụ. Người đời có rất nhiều kẻ do nghiệp lực bức bách khổ sở, bèn dùng thuốc lá, rượu, thịt để cân bằng chính mình. Chúng ta là người học Phật, dùng gì để cân bằng chính mình? Dùng hai pháp Bi và Trí, sẽ thuận tiện. Đối với mùi hôi thối hay thơm tho, ai nấy cảm nhận khác biệt. Người đời phần nhiều cho mùi hôi thối là thơm tho. Mọi người có thể tư duy tỷ dụ trong đoạn này nhiều hơn!

Hương trước kia, hễ chạm tay vào, mùi hương luôn nồng đậm, hiện thời rất khó nói. Đó là vì phước đức và nhân duyên của con người biến hóa, trầm vị đều thoái giảm. Ngay như trái cây trong hiện thời, dầu thể nào đi nữa, cũng đều chẳng có hương vị như thuở [chúng ta] còn bé, dầu ngọt cũng chẳng phải là hương vị như thuở đó. Thật ra, chẳng phải do hương vị, mà do tâm trí của con người giảm thấp, thiện duyên đang suy giảm! Có người nói phước báo của người hiện thời to lớn, người thuở trước chẳng có xe hơi, nay chúng ta có xe hơi. Người thuở trước sống trong những căn nhà bé tí tẹo, quý vị thấy nay chúng ta ở trong nhà

như thế nào. Người thuở trước làm gì, nay chúng ta làm gì... Thật ra, đó là một kiểu ý lại vào vật chất ở bên ngoài. Khi tâm địa sâu nặng dần dần biến thành [coi trọng] vật chất, sự tự vui sướng, sự hàm dưỡng, và thọ dụng tự tại trong tâm trí của chúng ta sẽ dần dần mất đi, vì vật chất mà mất đi. Nếu vật chất cũng có, nội tâm sâu nặng cũng có, quá tốt đẹp! Nhưng rất nhiều người trong hiện thời cứ mù quáng so đo vật chất, đã mất hẳn sự sâu nặng [trong tâm trí], mà cũng đánh mất giá trị của vật chất. Khi đó, vật chất quả thật chẳng có giá trị gì, chỉ là một thứ ước định để so đo mù quáng mà thôi. Thật sự chẳng có quá trình hưởng thụ, mà cũng chẳng có nội hàm!

*(Kinh) Nhữ kim hà cố phản vi xú ác? Nhược bất tín giả, ưng tiên ẩm thử, vi xú, vi hương? Hựu nhữ nhân minh, diệc ưng dĩ mục quán sát, thị đàn quang sắc, văn thái, vi sáu, vi phì, vi thiện, vi ác? Nhiên bỉ ngu giả, tuy văn trí nhân như thị ngữ ngôn, chủng chủng xưng tán, dĩ ngu si cố, chuyển sanh tăng ố, dĩ thủ niệp ty, bất dụng khứu văn, yểm bế kỳ mục, bất khảng quán thị.*

**(經)汝今何故反爲臭惡？若不信者，應先嗅嘗，爲臭爲香？又汝眼明，亦應以目觀察，是檀光色文彩，爲瘦爲肥，爲善爲惡？」**然彼患者，雖聞智人如是語言，種種稱讚，以愚癡故，轉生憎惡，以手捻鼻，不用嗅聞，掩閉其目，不肯觀視。

*(Kinh: Ông nay vì sao lại ngược ngạo cho là hôi thối? Nếu chẳng tin, trước hết hãy nên ngửi xem là thối hay thơm? Lại do ông mắt sáng, cũng nên dùng mắt để xem xét màu sắc, vân gổ của loại Chiên Đàn này là mỏng hay đậm, đẹp hay xấu? Nhưng kẻ ngu ấy, tuy nghe người trí dùng lời lẽ như thế để ca ngợi đủ mọi cách, nhưng do ngu si, đâm ra ghét bỏ, dùng tay bịt mũi, chẳng chịu ngửi thử, bịt chặt mắt chẳng chịu xem ngó).*

Người học Phật thường xuyên gặp phải tình huống này, nhất là khi mới phát tâm, cảm thấy gặp gỡ Phật pháp rất hoan hỷ, cảm thấy chính mình thật sự được lợi ích, mong nói cho người nhà, người chung quanh, và đồng nghiệp hay biết, kết quả là rất nhiều kẻ nói: “Cút xéo đi! Chẳng



cần phải nói với tao như thế!” Đối với chuyện này, mọi người rất có cảm xúc. “*Dĩ thủ niệp ty, bất dụng khứu văn, yểm bế kỳ mục, bất khăng quán thị*” (Dùng tay bịt mũi chẳng chịu ngửi thử; bịt chặt con mắt chẳng chịu nhìn ngó). Khi chúng ta chấp trước tri kiến của chính mình, chẳng tiếp nhận Phật pháp, đích xác là có nghiệp tướng như thế đó!

*(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Đương lai chi thế, hữu ác tỳ-kheo, tăng ó thị kinh, kỳ sự diệc nhĩ! Bỉ ác nhân bôi, bất tri tu tập thân giới, tâm huệ, ngu si, vô trí, do như bạch dương, ngoan ngãi, ngận tộ. Bỉ chư ác nhân, hựu bạc phước cố, tuy phục đắc văn như thị diệu điển, chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, bất dụng thư tả, bất năng đọc tụng, bất năng thọ trì, bất năng tư duy, bất năng vị nhân tuyên dương, quảng thuyết. Hựu diệc bất năng quảng sanh tùy hỷ. Vân hà năng đắc như thuyết tu hành? Nhược bỉ ác nhân, năng thuyết hành giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)如是賢護！當來之世，有惡比丘，憎惡是經，其事亦爾！彼惡人輩，不知修習身戒心慧，愚癡無智，猶如白羊，頑駘佷弊。彼諸惡人，又薄福故，雖復得聞如是妙典，正念諸佛現前三昧，不用書寫，不能讀誦，不能受持，不能思惟，不能為人宣揚廣說。又亦不能廣生隨喜。云何能得如說修行？若彼惡人，能說行者，無有是處。**

*(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Trong đời tương lai, có ác tỳ-kheo ghét bỏ kinh này cũng giống như thế! Bọn người ác ấy chẳng biết tu tập giới nơi thân và trí huệ nơi tâm, ngu si, vô trí, giống như con dê trắng, ngu độn, hung tợn, tộ hại. Những kẻ ác đó lại do bạc phước, tuy lại được nghe kinh điển mâu nhiệm như thế, chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, chẳng chịu biên chép, chẳng thể đọc tụng, chẳng thể thọ trì, chẳng thể tư duy, chẳng thể vì người khác tuyên dương, diễn nói rộng rãi. Lại cũng chẳng thể sanh lòng tùy hỷ to lớn. Làm sao có thể tu hành đúng như lời dạy cho được? Nếu kẻ ác ấy có thể nói và hành thì chẳng có lẽ ấy).*

Chúng ta là Phật tử, phải nên đối đãi theo pháp tắc như thế nào? Mọi người phải nên xét kỹ chuyện này, nhất là đối với kinh điển, phải

nên tôn trọng, yêu mến, bảo vệ như thế nào? Vì kinh Ban Châu này là kinh điển được lưu truyền rộng khắp, từ xưa đến nay đã sớm được các vị đại thiện tri thức tu tập. Như đức Thế Tôn đã nói: Trong các đệ tử của ta, Ma Ha Ca Diếp đã đích thân chứng đắc. Sau đó, nhất là các vị đại thiện tri thức nơi đất Hán và các vị thành tựu từ xưa đến nay, đối với pháp này, về cơ bản cũng đều đã từng tu tập.

*(Kinh) Hựu phục văn dĩ, cánh hưng phỉ báng, đô vô tín tâm, vị vi chân thật. Tuy văn đa thuyết, chung vô khai giải. Phục tác thị ngôn: “Nhuộc tư pháp giả, dẫn vi hý luận cố, thần dị kỳ sự. Hựu vị xí thịnh ngôn giáo cố, quá sức kỳ từ, dụ cuống thể gian, tạo tư kinh điển. Khởi đắc phương tử thánh giả A Nan, chư tỳ-kheo bối, hiện tại thế thời tuyên thuyết như thị chư Tu Đa La dã”.*

**(經)又復聞已，更興誹謗，都無信心，謂為真實。雖聞多說，終無開解。復作是言：「若斯法者，但為戲論故，神異其事。又為熾盛言教故，過飾其詞，誘誑世間，造斯經典。豈得方比聖者阿難，諸比丘輩，現在世時宣說如是諸修多羅也」。**

*(Kinh: Lại còn nghe xong, càng thêm dấy lòng phỉ báng, đều chẳng có tín tâm, chẳng cho là chân thật. Tuy nghe nói nhiều lượt, trọn chẳng khai giải. Lại nói như thế này: “Pháp như thế ấy chỉ là do hý luận mà thần dị chuyện ấy. Lại vì để cho ngôn giáo rạng rỡ mà dùng từ ngữ tô vẽ quá mức, dụ dối, dối gạt thể gian, tạo ra kinh điển này. Há có lẽ nào sánh bằng các Tu Đa La được các vị như thánh giả A Nan và các vị tỳ-kheo lúc đang trụ thế đã tuyên nói như thế ư?”)*

Đây là dựa theo kinh đề báng kinh, dẫn dụng thánh giả A Nan [đề báng bỏ].

*(Kinh) Hựu ư dị thời, phát như thị ngôn: “Thử Tu Đa La phi Phật sở thuyết, nãi thị ác nhân tự tạo văn chương, vọng ngôn kinh nhĩ”.*

**(經)又於異時，發如是言：「此修多羅非佛所說，乃是惡人自造文章，妄言經耳」。**

*(Kinh: Lại trong lúc khác, thốt lời như thế này: “Tu Đa La (khé kinh) này chẳng do đức Phật nói, mà là do kẻ ác tự tạo văn chương, nói dối là Kinh”).*

Ở đây, nhất định phải chú ý, vì nếu quý vị chẳng đủ tín tâm, lời lẽ ấy sẽ có thể không chế quý vị, vì pháp Tịnh Độ thường bị kẻ khác công kích, bị nhiều người hoài nghi. Pháp Ban Châu càng biểu hiện rõ rệt như thế đó!

*(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Như tư ác nhân trường dạ viễn ly như thị vi diệu vô thượng đại bảo. Như bỉ si nhân, kiến diệu hương dĩ, yểm nhãn, tắc ty, bất dụng kiến văn. Như thị Hiền Hộ! Bỉ ngu ác bối, văn thử diệu kinh tam-muội bảo dĩ, bất dục thư tả, bất nhạo độc tụng, bất niệm thọ trì, bất năng tuyên thuyết. Sở vị vô tâm thân cận, bất nguyện văn cố.*

**(經)賢護當知！如斯惡人，長夜遠離如是微妙無上大寶。如彼癡人，見妙香已，掩眼塞鼻，不用見聞。如是賢護！彼愚惡輩，聞此妙經三昧寶已，不欲書寫，不樂讀誦，不念受持，不能宣說。所謂無心親近，不願聞故。**

*(Kinh: Hiền Hộ nên biết! Kẻ ác như thế trong đêm dài xa lìa vô thượng đại bảo vi diệu như thế. Kẻ si như vậy đã thấy hương màu nhiệm rồi, bịt mắt, bịt mũi, chẳng chịu nhìn, ngửi. Như thế đó, Hiền Hộ! Lũ ngu ác ấy đã nghe báu tam-muội trong bản kinh màu nhiệm này, chẳng muốn biên chép, chẳng thích đọc tụng, chẳng nghĩ thọ trì, chẳng thể tuyên nói. Đó gọi là không có tâm thân cận vì chẳng muốn nghe).*

Trong đoạn văn tự này, chúng ta thấy đức Thế Tôn quở trách loại hữu tình tạo tác ác nghiệp, hoặc tạo tác dị thuyết trong đời Mạt Pháp. Kẻ dùng tâm thức để hướng dẫn pháp tắc, phần nhiều sẽ phi báng như thế! Chư vị thiện tri thức ơi! Đối với chỗ này, chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát, yêu mến thủ hộ kinh này, đọc tụng kinh này, tu tập kinh này, tuyên nói kinh này.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân mại ma-ni bảo. Hữu ngu si nhân, kiến bỉ bảo dĩ, tức tiện vân ngôn: “Nhân giả tư bảo, kỳ giá vân hà?” Bảo chủ đáp ngôn: “Nhữ kim đương tri, thị bảo tinh thắng, thế gian sở vô. Phi khả tạo thứ dĩ thế giá luận dã. Ngô kim thử thuyết thử bảo công năng, oai đức, lực dụng, thô vi ước nhĩ. Khanh nhược dục tri thử ma-ni bảo, quang minh sở chiếu, cận viễn nhược can. Khanh kim nhược tu, đương dĩ chân kim bố mãn tư địa, nhĩ nãi tương dữ”. Bỉ ngu si nhân, văn thị ngữ dĩ, tiện đại sủy tiểu, chủng chủng tử hủy: “Thị ma-ni bảo, cánh bất thù giá”.

(經)復次賢護！譬如有人賣摩尼寶。有愚癡人，見彼寶已，即便問言：「仁者斯寶，其價云何？」寶主答言：「汝今當知，是寶精勝，世間所無。非可造次以世價論也。吾今且說此寶功能，威德力用，粗為約耳。卿若欲知此摩尼寶，光明所照，近遠若干。卿今若須，當以真金佈滿斯地，爾乃相與」。彼愚癡人，聞是語已，便大嗤笑，種種皆毀：「是摩尼寶，竟不酬價」。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như có người bán báu ma-ni. Có kẻ ngu si đã trông thấy báu ấy, liền hỏi rằng: “Vật báu này của nhân giả giá trị ra sao?” Chủ vật báu trả lời: “Ông nay nên biết, vật báu này tinh ròng, thù thắng, thế gian chẳng có. Chớ nên bộp chộp dùng giá trị trong thế gian để luận định. Nay tôi lại nói đại lược thô thiển về công năng, oai đức, và lực dụng của món báu này. Nếu ông muốn biết quang minh của báu ma-ni này chiếu xa hay gần cỡ nào, nếu nay ông cần đến, phải nên lấy vàng ròng trải khắp cuộc đất này thì tôi mới trao cho ông”. Kẻ ngu si đó nghe lời ấy rồi, liền hết sức cười nhạo, chê bai, hủy báng đủ mọi lẽ: “Báu ma-ni ấy trọn chẳng đáng giá”).

Trong phẩm Chánh Tín, đức Thế Tôn nêu lên rất nhiều đề tử dụ sự trân quý của pháp Ban Châu tam-muội, khó được, khó gặp. Nếu chẳng nhận biết, chúng ta sẽ bỏ lỡ sát-na [gặp gỡ] món báu to lớn.

*(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bỉ vị lai thế, chư ác tỳ-kheo, văn thử kinh trung thẳng tam-muội bảo, vô hữu tín tâm, đa sanh sửu tiểu, cánh hưng phỉ báng. Kỳ sự diệc nhĩ. Hoặc hữu tỳ-kheo, tín căn thâm hậu, huệ căn minh lợi, dĩ ư quá khứ chư Như Lai sở, thân cận, thừa sự, thính văn chánh pháp, như giáo tu hành, chúng chư thiện căn. Bỉ đẳng văn thử Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội, tức năng độc tụng, tư duy nghĩa lý, vị nhân quảng thuyết, năng đa lợi ích nhất thiết thế gian. Sở vị quảng tuyên lưu bố, sanh đại tín tâm, phát đại trí huệ, thành tựu thuần trực, cụ túc oai nghi, thường hành tâm quý, bố úy chúng tội, tu trì cấm giới, bất thọ chư dục, tín thậm thâm pháp, năng đa thọ văn, đắc thâm trí nhãn, thường hành từ bi. Nhiên nhi tư đẳng tín căn thâm cố, hành thị tam-muội. Đắc tam-muội dĩ, du chư phương quốc, vị tha quảng thuyết, giải thích nghĩa lý, thường tác thị nguyện: ‘Linh thử Bồ Tát Niệm Phật tam-muội, thậm thâm kinh điển, quảng hành lưu bố, thường trụ ư thế’. Hoặc hữu chúng sanh, thiện căn vi bạc, phước đức tiền thiếu, quá khứ vị tăng thân cận chư Phật, cúng dường, thừa sự, thính văn chánh pháp, dẫn vị ngã mạn sở hàng, tật đồ sở đạo, lợi dưỡng sở phú, danh văn sở khiên, quảng hành phóng dật, bất trì giới thiện, thường nhạo loạn tâm, bất tu Thiền Định, viển ly kinh giáo, bất cầu đa văn, vị ngộ thiện sư, duy phùng ác hữu. Tư nhân như thị văn thử tam-muội, phỉ báng khinh hủy, vô nhất tín tâm, vị vi bất thật, chí tánh ngoan ngu, ý vô khai giải, phục tác thị ngôn: ‘Như tư kinh điển, phi Phật sở thuyết, nãi thị thế gian độn căn tỳ-kheo, ngu si, tà kiến, tự tác văn chương, nghiêm sức từ cú’. Nhược xử chúng trung, ung như thị thuyết, diệc như thị giáo: ‘Nhữ chư chúng sanh đương tri kim thử Tu Đa La điển phi Phật sở thuyết’. Như thị si nhân, bất tri thân cận chư Phật Thế Tôn, bất chúng thiện căn, bất tu cúng dường, tập cận ác hữu, đa tác chúng ác. Đương tri thị nhân, viển ly vô thương thâm diệu pháp bảo, vĩnh thất vô thương tối thắng pháp lợi dã!’ Phật cáo Hiền Hộ: - Ngộ phục ngữ nhữ, ngã kim hiện tại nhất thiết thế gian Phạm, ma, sa-môn, Bà La Môn, cập chư thiên, nhân, A Tu La đẳng, chư đại chúng tiền, tuyên thuyết như thị diệu tam-muội thời, nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn dĩ tùy hỷ, độc tụng, thọ trì Niệm Phật tam-muội, tư duy, tín giải, tối dĩ vi chân, phát như thị ngôn: ‘Thị vị chân thật chư Phật thuyết giả’. Đương tri bỉ nhân sở hoạch phước tụ, bất khả tư nghị. Hiền Hộ! Nhược phục hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân trì mãn tam thiên đại thiên thế giới chúng chúng trân bảo, dĩ dụng cúng dường nhất thiết chư Phật Như*

*Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, sở đắc công đức, tuy vi quảng đại, nhiên vọng trì kinh sở hoạch phước tụ, bách thiên vạn phân, bất cập kỳ nhất, nãi chí cánh dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư phước đức tụ, diệc bất cập nhất dã.*

(經)如是賢護！彼未來世，諸惡比丘，聞此經中勝三昧寶，無有信心，多生嗤笑，更興誹謗。其事亦爾。或有比丘，信根深厚，慧根明利，已於過去諸如來所，親近承事，聽聞正法，如教修行，種諸善根。彼等聞此菩薩唵佛現前三昧，即能讀誦，思惟義理，為人廣說，能多利益一切世間。所謂廣宣流佈，生大信心，發大智慧，成就純直，具足威儀，常行慚愧，怖畏衆罪，修持禁戒，不受諸欲，信甚深法，能多受聞，得深智忍，常行慈悲。然而斯等信根深固，行是三昧。得三昧已，遊諸方國，爲他廣說，解釋義理，常作是願：「令此菩薩唵佛三昧，甚深經典，廣行流佈，常住於世」。或有衆生，善根微薄，福德尠少，過去未曾親近諸佛，供養承事，聽聞正法，但爲我慢所降，嫉妒所導，利養所覆，名聞所牽，廣行放逸，不持戒善，常樂亂心，不修禪定，遠離經教，不求多聞，未遇善師，唯逢惡友。斯人如是聞此三昧，誹謗輕毀，無一信心，謂爲不實，志性頑愚，意無開解，復作是言：「如斯經典，非佛所說，乃是世間鈍根比丘，愚癡邪見，自作文章，嚴飾詞句」。若處衆中，應如是說，亦如是教：「汝諸衆生當知今此修多羅典非佛所說」。如是癡人，不知親近諸佛世尊，不種善根，不修供養，習近惡友，多作衆惡。當

知是人，遠離無上深妙法寶，永失無上最勝法利也」。佛告賢護：「吾復語汝，我今現在一切世間梵、魔、沙門、婆羅門，及諸天、人、阿修羅等，諸大衆前，宣說如是妙三昧時，若彼善男子善女人，聞已隨喜，讀誦受持唵佛三昧，思惟信解，最以爲真，發如是言：「是爲真實諸佛說者」。當知彼人所獲福聚，不可思議。賢護！若復有諸善男子善女人，持滿三千大千世界種種珍寶，以用供養一切諸佛如來應供等正覺，所得功德，雖爲廣大，然望持經所獲福聚，百千萬分，不及其一，乃至更以無量無邊阿僧祇諸福德聚，亦不及一也」。

*(Kinh: “Như thế đó Hiền Hộ! Các ác tỳ-kheo ấy trong đời vị lai nghe báu tam-muội thù thắng trong kinh này, chẳng có tín tâm, phần nhiều sanh lòng cười nhạo, lại còn sanh phỉ báng cũng giống như thế đó. Hoặc có tỳ-kheo tín căn sâu dày, huệ căn sáng suốt, nhạy bén, do trong quá khứ đã ở nơi các đức Như Lai thân cận, thừa sự, lắng nghe chánh pháp, tu hành đúng như lời dạy, gieo các căn lành. Bọn họ nghe Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội này, liền có thể đọc tụng, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói, có thể tạo nhiều lợi ích cho hết thảy thế gian, tức là tuyên nói, truyền bá rộng rãi, sanh tín tâm to lớn, phát khởi trí huệ lớn, thành tựu trực tâm tinh thuần, trọn đủ oai nghi, thường giữ lòng hổ thẹn, sợ hãi các tội, tu trì cấm giới, chẳng nhận lãnh các dục, tin pháp rất sâu, có thể tiếp nhận, nghe nhiều, đặc trí nhãn sâu xa, thường hành từ bi. Nhưng họ do tín căn sâu chắc mà hành tam-muội này. Đã đắc tam-muội, dạo chơi trong quốc độ các phương, vì người khác nói rộng rãi, giải thích nghĩa lý, thường nguyện như thế này: ‘Khiến cho kinh điển Bồ Tát Niệm Phật tam-muội rất sâu này sẽ được lưu truyền rộng rãi, thường trụ trong cõi đời’. Hoặc có chúng sanh thiện căn mỏng ít, phước đức thưa thớt, trong quá khứ chưa từng thân cận chư Phật, cúng dường, thừa sự, lắng nghe chánh pháp, chỉ vì bị ngã mạn đề nén, ghen tỵ chỉ huy, lợi dưỡng che lấp, danh vọng trói buộc, làm đủ mọi chuyện buông lung, chẳng giữ giới thiện, thường thích loạn tâm, chẳng*

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*tu Thiên Định, xa lìa kinh giáo, chẳng cầu đa văn, chưa gặp thầy lành, chỉ gặp bạn ác. Kẻ đó nghe tam-muội như thế này bèn phỉ báng, khinh rẻ, hủy nhục, chẳng có chút tín tâm nào, bảo là [kinh này] chẳng thật. Kẻ đó chỉ tánh vọng bướng, ngu độn, ý chẳng khai giải, lại nói như thế này: ‘Kinh điển như thế này chẳng do đức Phật nói, mà là do độn căn tỳ-kheo trong thế gian, ngu si, tà kiến, tự soạn văn chương, trau chuốt câu chữ’. Nếu ở trong đại chúng, cũng sẽ nói như thế, cũng dạy như thế này: ‘Chúng sanh các người hãy nên biết kinh điển Tu Đa La này chẳng phải do đức Phật nói’. Kẻ si như thế chẳng biết thân cận chư Phật Thế Tôn, chẳng gieo thiện căn, chẳng tu cúng dường, thân cận bạn ác, làm nhiều điều ác. Hãy nên biết kẻ ấy xa lìa pháp bảo vô thượng sâu xa, mẫu nhiệm, vĩnh viễn đánh mất lợi ích vô thượng tối thắng nơi pháp”. Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ: - Ta lại bảo ông, nay trong lúc ta đối trước hết thấy Phạm vương, ma, sa-môn, Bà La Môn, và các trời, người, A Tu La v.v... các đại chúng trong thế gian hiện tại, tuyên nói tam-muội mẫu nhiệm như thế, nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nghe xong tùy hỷ, đọc tụng, thọ trì Niệm Phật tam-muội, tư duy, tin hiểu, cho là chân thật nhất, thốt lời như thế này: ‘Đây là kinh thật sự do chư Phật nói’. Hãy nên biết người ấy đạt được khối phước chẳng thể nghĩ bàn. Nay Hiền Hộ! Nếu lại có các thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng các thứ trân bảo đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường hết thấy chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đăng Chánh Giác thì người ấy đạt được công đức tuy rộng lớn, nhưng so với khối phước đạt được của người trì kinh thì chẳng bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, thậm chí cũng chẳng bằng một phần của vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các khối phước đức).*

Lành thay! Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã nêu bày phương tiện chánh tín, dường như chỉ nói về tỳ-kheo, nhưng [thật ra] cũng bao gồm thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tỳ-kheo đứng đầu trong chín chúng<sup>78</sup> nghe thuyết pháp, cho nên chỉ nói về tỳ-kheo là đã bao gồm hết thấy các đại chúng học Phật.

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tà khúc ngu hoặc nhân, phóng dật, căn bất thực.***

---

<sup>78</sup> Chín chúng, tức là chúng sanh trong chín pháp giới.



**(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈言：「邪曲愚惑人，放逸根不熟。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn để nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Kẻ tà khúc, ngu hoặc, buông lung, căn chẳng thuần).*

Nhận biết một pháp tắc thì như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Thế Tôn đã dạy: Nếu gieo các thiện căn, thừa sự, cúng dường Phật, hoặc là một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật, cho đến đối với một hằng hà sa số chư Phật đều cúng dường, nghe kinh điển Đại Thừa mà chẳng phỉ báng; thiện căn ấy như thật! Nghe pháp Ban Châu mà chẳng sanh nghi báng, đã là rất khó có trong tam giới. Nếu nghe pháp rồi mà có thể sanh lòng tin, nghe pháp rồi có thể tu tập, nghe pháp xong có thể thành tựu, truyền bá, người ấy rất chẳng thể nghĩ bàn! Người đó chẳng chỉ cúng dường một hằng sa, hai hằng sa, ba hằng sa chư Phật, thừa sự, mà là đều đã cúng dường chư Phật, phát Bồ Đề tâm. Vì lẽ nào? Do thiện căn của người ấy chín muồi, do công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Kẻ thiện căn chẳng thuần thực, từ vô thị tới nay chưa hề thân cận chư Phật để phát Bồ Đề tâm, hoặc siêng tu cúng dường, đối với pháp chẳng thể sanh lòng chánh tín, chẳng thể ưa thích, đối với loại hữu tình ấy, hãy nên thương xót, cổ vũ, khiến cho thiện căn của họ chín muồi. Đây là bi tâm mà hết thấy người tu tập Phật pháp đều nên tu trì.

*(Kinh) Ác hữu chi sở hoại, vô hữu chánh tín tâm. Phá giới tạo chúng tội, thâm trước u ngã mạn.*

**(經)惡友之所壞，無有正信心。破戒造衆罪，深着於我慢。**

*(Kinh: Bị bạn ác phá hoại, chẳng có tâm chánh tín. Phá giới, tạo các tội, đắm sâu nơi ngã mạn).*

Tu loại pháp này, nếu dùng cái tâm ngã mạn để tu trì, pháp này đã diệt! Nếu dùng cái tâm tà kiến, vì danh vọng, lợi dưỡng, sẽ như trong chánh kinh trên đây đã nói “*tật đố sở đạo, lợi dưỡng sở phú, danh văn sở khiên, quảng hành phóng dật*” (bị ghen tỵ hướng dẫn, lợi dưỡng che lấp, danh vọng trói buộc, làm đủ mọi chuyện buông lung). Dẫu trong lúc hành pháp, vẫn là đang phóng dật! Trong hành pháp Ban Châu, có các vị

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

Bồ Tát tự mình cũng có thể cảm nhận chính mình đang tìm cầu phương tiện phóng dật ở khắp mọi chỗ! “*Bất trì giới thiện, thường nhạo loạn tâm, bất tu Thiền Định, viễn ly kinh giáo, bất cầu đa văn, vị ngộ thiện sư, duy phùng ác hữu*” (Chẳng trì giới thiện, thường thích loạn tâm, chẳng tu Thiền Định, xa lìa kinh giáo, chẳng cầu đa văn, chưa gặp thầy lành, chỉ gặp bạn ác). “*Bạn ác*” là gì? A dua, bợ đỡ, hư giả đối với pháp, chẳng có thực chất. Chẳng phải là thâm nhập tu tập pháp tắc, phần nhiều là dối trá, bợ đỡ, nắm nín lẫn nhau, phần nhiều chẳng thật. Nếu là như thế, sẽ xa lìa pháp tắc này, tuy niệm Phật mà đã đánh mất cam lộ vị, vì chẳng có thành tựu chân thật. Nay mọi người chúng ta khi tu tập pháp này, nhất định phải thâm nhập quan sát nghiệp duyên của chính mình trong hiện tại sanh khởi và thủ hộ như thế nào? Tu tập bằng cách nào? Vì sao phải dùng pháp này? Vì sao phải thủ hộ pháp này?

*(Kinh) Bĩ các ngôn thử kinh, phi thị chư Phật thuyết. Thử chư Tu Đa La, phi thị pháp vương giáo. Bĩ bối tự ý ngôn, ngã hà năng thuyết thử?*

**(經)彼各言此經，非是諸佛說。此諸修多羅，非是法王教。彼輩自意言，我何能說此？**

*(Kinh: Họ đều nói kinh này, chẳng do chư Phật nói. Các Tu Đa La này, chẳng do pháp vương dạy. Bọn họ tự ý nói, ta làm sao nói được?)*

“*Tự ý ngôn*” là hư vọng suy lường, dựa theo ý nghĩ của riêng mình, tức là dùng tâm thức hư vọng của chính mình để suy lường pháp tắc rồi phỉ báng.

*(Kinh) Nhược kiến Đại Điều Ngự, Thế Tôn phóng quang minh. Ngã vị bĩ quảng tuyên, bĩ diệc năng truyền thuyết. Kỳ hoặc ư thử kinh, văn dĩ sanh hoan hỷ.*

**(經)若見大調御，世尊放光明。我為彼廣宣，彼亦能傳說。其或於此經，聞已生歡喜。**

*(Kinh: Nếu thấy Đại Điều Ngự, Thế Tôn phóng quang minh. Ta vì họ rộng nói, họ cũng sẽ truyền nói. Hoặc đối với kinh này, nghe xong sanh hoan hỷ).*

“*Văn dĩ sanh hoan hỷ*” (Nghe xong sanh hoan hỷ): Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể không ngừng xét kỹ và quan sát chỗ này: Nếu có hữu tình đối với kinh giáo, cho đến đối với hình tượng Tam Bảo, chẳng sanh hoan hỷ, phần nhiều là kẻ tự kiêu mạn, tự cao tự đại, tự phụ. Nếu là kẻ thiện căn thành thực, đối với một kinh, một sách, thậm chí một lời nói, sẽ đều kính vâng, thủ hộ.

***(Kinh) Tư nhân vô nghi võng, bất ngôn phi Phật thuyết.***

**(經)斯人無疑網，不言非佛說。**

***(Kinh: Kẻ đó chẳng nghi hoặc, chẳng bảo “Phật không nói”).***

Vì sao? Đức Thế Tôn nói hết thầy các pháp. Do hết thầy các pháp tác thế gian và xuất thế gian, không pháp nào đức Thế Tôn chẳng nói, cho nên Ngài là Thế Tôn. Vì sao nói thế? Trong hết thầy các môn Đà-la-ni thiện xảo, không pháp gì chẳng nói, không pháp gì chẳng hiển lộ. Nhưng nếu đức Phật chẳng nói loại giáo ngôn này thì [giáo pháp ấy] làm sao tỏ lộ được? Làm sao biết rõ được?

***(Kinh) Như hữu giới thanh tịnh, sở kiến năng liễu tri.***

**(經)如有戒清淨，所見能了知。**

***(Kinh: Nếu có giới thanh tịnh, trông thấy bèn biết rõ).***

Trong cơ chế trì giới, nếu mọi người chẳng có tâm hiếu thuận, trì giới bằng cách nào đây? Vẫn là dùng cái tâm khinh mạn để trì giới! Hành pháp mà nếu dựa vào cái tâm khinh mạn, hành pháp để làm gì cơ chứ? Vẫn là cái nghiệp danh vọng, lợi dưỡng hư giả, vẫn sanh tử y hệt! Vì thế, trong quá trình chúng ta tu tập pháp tắc này, đối với hành vi trong một niệm hiện tiền của chính mình, nhất định phải tư duy và quan sát rõ ràng.

***(Kinh) Kính pháp khởi trọng tâm, ngã vị thủ trần thuyết. Nhược dĩ tam thiên bảo, trì phụng chư Như Lai. Vị cầu đại Bồ Đề, kỳ phước bất khả thuyết. Nhược hữu chư tỳ-kheo, thuyết Phật sở thân định.***

**(經)敬法起重心，我爲此陳說。若以三千寶，持奉諸如來。爲求大菩提，其福不可說。若有諸比丘，說佛所嘆定。**

*(Kinh: Kính pháp, tâm trân trọng. Ta vì kẻ đó nói: Dùng báu đây tam thiên, dâng hiến các Như Lai, để cầu đại Bồ Đề, phước ấy chẳng thể nói. Nếu có các tỳ-kheo, nói môn Định Phật khen).*

“Phật sở tán định” (Môn Định được đức Phật khen ngợi) chính là Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền, tu trì loại Định Ý tam-muội ấy.

*(Kinh) Văn giả sanh tín tâm, thử phước quá w bỉ.*

**(經)聞者生信心，此福過於彼」。**

*(Kinh: Nghe rồi sanh tín tâm, phước ấy vượt hơn hẳn).*

Đức Thế Tôn tán thán phước đức ấy. Thật ra, chẳng có phước đức nào để có thể đạt được, chỉ vì chúng sanh tiến nhập, yêu thích pháp tác Bồ Đề. Nói kiểu này thật sự là để gia trì chúng ta trọn đủ tâm nguyện hành pháp.

## **9. Phẩm thứ năm: Thọ Trì**

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thọ Trì phẩm đệ ngũ.*

**(經)大方等大集賢護分受持品第五。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ năm: Thọ Trì).*

Đối với bất cứ giáo pháp nào, nếu chẳng dựa theo kinh điển để tu trì, tu tập, quan sát, chúng ta sẽ không có chỗ để nương tựa. Nhất là sau khi đức Thế Tôn đã diệt độ, kinh điển là cội nguồn pháp bảo duy nhất để chúng ta nương tựa. Tuy có các vị thiện tri thức khác lập giáo, cũng chẳng lia kinh điển. Nếu chẳng phải là như thế, sẽ chẳng được đức Thế Tôn ân khả, chẳng do đức Thế Tôn trực tiếp tuyên nói, sẽ có nhiều chỗ

chẳng đáng tin! Vì vậy, kinh điển là chỗ nương cậy, bảo vệ chúng ta, là chỗ nương cậy cho chúng ta tu tập, là chỗ nương cậy, bảo vệ chúng ta thành tựu, thoát khỏi trầm luân. Ở đây, chúng ta hãy xem phẩm Thọ Trì dùng điều gì để tuyên nói, giáo hóa.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Thử chúng hữu nhân, kim tại ngã tiền, thân văn ngã thuyết như thị tam-muội, u ngã diệt hậu, kỳ sở sanh xứ, hoàn phục đắc văn thị tam-muội bảo, tuy văn bất tín, phỉ báng, hủy tử, viễn ly thiện hữu, tùy trục ác nhân. Hiền Hộ! Phục hữu nhất nhân, u thiện nhân sở, văn thị tam-muội, thâm diệu kinh điển, thượng bất sanh tín, bất dĩ vi thật, bất năng khai giải. Huống ác nhân xứ, văn thị kinh điển, ninh năng sanh tín, nhi phục khai giải? Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Chư Phật Như Lai sở ngôn nan tín. Chư Phật Thế Tôn trí huệ nan tri cố. Hiền Hộ! Nhược đương thành tựu như thị tam-muội, nhiên hậu nãi năng u đương lai thế, dữ chư chúng sanh tăng trưởng Phật pháp.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！此衆有人，今在我前，親聞我說如是三昧，於我滅後，其所生處，還復得聞是三昧寶，雖聞不信，誹謗毀訾，遠離善友，隨逐惡人。賢護！復有一人，於善人所，聞是三昧，深妙經典，尚不生信，不以爲實，不能開解。況惡人處，聞是經典，寧能生信，而復開解？何以故？賢護！諸佛如來所言難信。諸佛世尊智慧難知故。賢護！若當成就如是三昧，然後乃能於當來世，與諸衆生增長佛法。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Trong đại chúng đây, nay đang ở trước ta, có kẻ đích thân nghe ta nói tam-muội như thế, sau khi ta diệt độ, người ấy sanh ra vẫn lại được nghe báu tam-muội như thế, [nhưng kẻ ấy] tuy nghe mà chẳng tin, phỉ báng, hủy nhục, chê bai, xa lìa bạn lành, thuận theo kẻ ác. Nay Hiền Hộ! Lại có kẻ từ nơi người lành được nghe kinh điển tam-muội sâu xa, màu nhiệm như thế mà còn chẳng sanh lòng tin, chẳng cho là thật, chẳng thể thông hiểu, huống hồ từ nơi kẻ ác được nghe kinh điển này,*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*mà lại có thể sanh lòng tin, lại thông hiểu ư? Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Lời chư Phật Như Lai nói khó tin, trí huệ của chư Phật Thế Tôn khó biết. Nay Hiền Hộ! Nếu có thể thành tựu tam-muội như thế, sau đó, sẽ có thể ở trong đời tương lai cùng với các chúng sanh tăng trưởng Phật pháp).*

Ở đây, đức Thế Tôn nói lời thọ ký. Ba ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, chúng ta có thể ở nơi đây đọc tụng, học tập kinh Ban Châu Tam Muội, thậm chí tu tập pháp Ban Châu, quả thật là do oai đức của đức Thế Tôn gia trì, do thiện căn trong đời trước của chúng ta hiển hiện. Đừng nên hiểu hời hợt lời thọ ký này của đức Thế Tôn! Mà cũng đừng nên suy đoán hư vọng chi khác, chỉ nên xét xem thiện căn có thành thực hay không và lợi ích có hiện tiền hay không. Điều này rất trọng yếu! Đức Thế Tôn thọ ký như thế nhằm tạo phương tiện tăng thượng cho chúng ta, vì chỉ có sức tam-muội như thế thì mới có thể thật sự đắc lực trong thế gian, thật sự lợi ích rộng rãi các hữu tình thế tục trong thế gian. Trong thế gian này, có nhiều kẻ học Phật dù tại gia hay xuất gia, muốn lợi ích hữu tình mà chẳng đắc lực, vì lẽ nào vậy? Do chẳng có sức tam-muội, chẳng có sức trí huệ, chẳng có sức từ bi!

Sức tam-muội chính là công đức chân thật khiến cho Phật pháp đắc lực trong thế gian. Đó gọi là “*nhân thiên chi trung, mạc quá ư định lực sở nhiếp*” (trong trời, người, không gì hơn sự nhiếp thọ của định lực), tức là nói do sức của Chỉ nơi chính mình mà có thể khiến cho trời, người được an lạc. Hữu tình trong chín pháp giới khắp mười phương, ai nấy đều có chỗ để tiến nhập. [Xét ra], nhân loại chọn lựa pháp tắc này thuận tiện nhất, sẽ là loại sanh mạng có sự chọn lựa rộng lớn nhất. Vì loại sanh mạng này (nhân loại) có sức ký ức vượt hẳn lẽ thường, nhiều loại sanh mạng khác chẳng thể sánh bằng! Do vậy, sự chọn lựa này đặc biệt rộng lớn. Khi phát tâm “*tu tập Bồ Đề tâm*”, chọn lựa pháp tắc sẽ rất thuận tiện. Nếu dùng định lực để nhiếp thọ, nhân loại sẽ đạt được đại an lạc, xa lìa nỗi khổ phải băn khoăn lựa chọn. Nỗi khổ ấy chính là sự hao tổn tự ngã lớn nhất của nhân loại, thường là có lúc quyết định hoặc chẳng quyết định, làm hoặc chẳng làm, hoặc được, hoặc mất, hoặc đúng, hoặc sai, hoặc phạm, hoặc thánh... Nói chung là băn khoăn lựa chọn trong ấy, có người lãng phí cả đời vì chuyện này, nhưng chẳng có chuyện nào thật sự quyết định được, vì cứ lo được, lo mất. Chư thiên cũng giống như thế. Chư thiên phần nhiều say đắm niềm vui ngũ dục, mê đắm ngũ dục, thỏa thích ngũ dục, chẳng thể tự thoát ra được. Nếu là kẻ có định lực to lớn, hay có sức thần thông, có thể dùng thiện xảo để

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

niếp hóa chư thiên, khiến cho họ hướng về [người ấy]. Vì sao vậy? Quang minh của định lực vượt xa quang minh của chư thiên.

Thân tướng của chư thiên đều sẵn có quang minh, chẳng nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chẳng giống như hữu tình thuộc nhân loại cần phải nhờ vào ánh sáng của đèn, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng giúp đỡ để đi lại, làm các sự nghiệp! Chư thiên chẳng cần. Nếu là người có Thiên Định thiện xảo, hoặc tam-muội thiện xảo, có thể dùng quang minh to lớn để chiếu thấu loài hữu tình ấy, khiến cho họ tiến nhập. Vì thế nói những người có Thiên Định, đại oai quang rạng rỡ, chiếu rọi tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho chư thiên cũng đến quy thuận. Do vậy, người hành trì Ban Châu tam-muội có thể lợi ích thế gian, dù trời hay người, đều có thể lợi ích. Cho nên đối với các loài hữu tình thuộc các đường khác, chắc chắn sẽ có thể thiện xảo hồi thí công đức và lợi ích chân thật. Như Tu La đạo thích tranh đấu, sanh tâm ghen tỵ, chẳng được an ổn, nếu có các sức công đức tam-muội, sẽ có thể khiến cho họ đạt được niềm vui an ổn, xa lìa các nỗi khổ tranh đấu và ghen tỵ. Đây đúng là rất khó. Lại như đối với các hữu tình trong ba ác đạo, cũng giống như thế. Đối với điều này, chúng ta rất dễ quan sát thấy.

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát, nhược tại gia, nhược xuất gia, văn thử tam-muội, bất bố, bất kinh, bất hối, bất thoái, bất bán, bất hủy, văn dĩ tùy hỷ, sanh tâm kính tâm, quyết định chân thật, vô phục nghi vãng, độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa thú.***

**(經)復次賢護！有諸菩薩摩訶薩，若在家，若出家，聞此三昧，不怖，不驚，不悔，不退，不謗，不毀，聞已隨喜，生信敬心，決定真實，無復疑惘，讀誦受持，思惟義趣。**

***(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Có các Bồ Tát Ma Ha Tát dù tại gia, hay xuất gia, nghe tam-muội này, chẳng sợ, chẳng kinh hãi, chẳng hối hận, chẳng lui sụt, chẳng bán, chẳng hủy, nghe rồi tùy hỷ, sanh tâm kính tín, quyết định chân thật, chẳng còn ngờ vực, đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý).***

Chẳng hạn như chúng ta nay đang An Cư, có khá nhiều vị thiện tri thức thích đọc tụng, nhưng cũng có khá nhiều vị Bồ Tát chẳng thích đọc

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

tụng. Đọc tụng mà còn chẳng muốn, làm sao có thể hành trì pháp tắc này? Đây là do thiện căn của chúng ta còn bị nghi hoặc che lấp, do nghi hoặc sẽ sanh ra nhiều ác duyên, chẳng thể sanh tín tâm thủ hộ thiện pháp, chẳng thích pháp này, phần nhiều dùng cái tâm buông lung để làm các sự nghiệp, cho nên đánh mất món báu ma-ni này. Mọi người hãy nên khéo quan sát tự tâm, đừng lo phê phán kẻ khác. Như thế sẽ là thuận tiện nhất!

Trước kia, ở trong tự viện khác, tôi thường hỏi các vị xuất gia sư phụ: “Quý vị thích niệm tụng, hay thích niệm Phật, hay thích tu trì các thứ Thiên pháp, hay thích làm các sự nghiệp?” Chín mươi phần trăm là thích làm các sự nghiệp, nhưng sự nghiệp tán mạn, thuận theo lòng ham muốn, phần nhiều tỏ lộ tập khí, cũng tức là để an lạc trong tập khí của chính mình, có thể thỏa thích lòng ham muốn của chính mình, thỏa mãn nguyện vọng của chính mình, thuận theo sự ham muốn của chính mình mà làm các việc! Do đó, họ chẳng thích các tam-muội, chẳng thích niệm Phật, chẳng thích công khóa của thường trụ, phần nhiều chuộng phước đức, siêng năng làm đủ mọi chuyện xen tạp. Đó là một hiện tượng đặc biệt nổi bật trong hiện thời, thật sự là chín mươi phần trăm [người tu hành] chẳng thích tu tập pháp tắc, phần nhiều thích buông lung tự tâm! Chỉ cần có sự nghiệp bên kinh thường chuyện đọc tụng hoặc hành trì pháp tắc, coi trọng sự nghiệp, coi đó là chánh yếu. Các sự nghiệp cũng đều cần có người thực hiện, vậy thì ai sẽ thủ hộ chuyện tụng niệm và hành pháp? Nếu chúng ta thật sự hộ trì Tam Bảo để làm các sự nghiệp, do cái tâm chẳng buông lung, cũng sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng nếu vì buông lung tự tâm mà làm các sự nghiệp thì chúng ta cần phải khéo quan sát tự tâm, tức là tự tâm đã khởi tâm động niệm những gì? Phải tự biết, tự hiểu rõ!

***(Kinh) Hiền Hộ! Như thị đẳng nhân, Thế Tôn tất kiến, tất tri, tất thức dã.***

**(經)賢護! 如是等人, 世尊悉見悉知悉識也。**

***(Kinh: Này Hiền Hộ! Hạng người như thế, Thế Tôn đều biết, đều thấy, đều rõ).***

Lời này chẳng thể nghĩ bàn! Sức gia trì ấy chẳng thể nghĩ bàn! Có nhiều chúng sanh nếu là tại gia thì học tập kinh điển nhà Phật, nhưng xuất gia mấy năm, do chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, vương



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

mắc nơi mâu thuẫn, phần nhiều nẩy sanh kiêu mạn, chẳng thể tăng thượng thiện căn. Vì lẽ nào vậy? Do chẳng được chư Phật gia bị, do cự tuyệt tăng trưởng thiện căn. Có kẻ còn trực tiếp phủ nhận sự gia trì của Tam Bảo, tự dùng cách tu trì kiêu mạn để tăng thượng, tức là tự cao tự đại, tự phụ. Chẳng được Tam Bảo gia trì, dầu tu trì bao kiếp dài lâu, vẫn giống như tảng đá, chẳng thể tăng trưởng thiện căn, chẳng thể nuôi lớn sanh mạng chân thật được! Thật ra, từ sơ phát tâm tu trì, cho đến lúc chúng ta thành Đẳng Chánh Giác, đều chẳng lìa Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo gia trì. Nếu rời lìa, người ấy làm sao có thể thành tựu cho nổi? Bất quá là tự kiêu mạn, tự phụ là đã thành tựu đó thôi! Nơi đất Hán, lắm kẻ tự phụ “*tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”, chẳng biết công đức chân thật do được Tam Bảo gia trì tăng trưởng thiện căn ở chỗ nào. Cho nên có lắm nỗi ngờ vực đối với đại thiện căn và oai đức do chư Phật Như Lai đã tu trì trong bao kiếp lâu xa! Phần nhiều bị tự kiêu mạn, tà tâm, tà kiến làm hại, dầu nhiều năm dường như học pháp, nhưng chẳng thể tăng trưởng thiện căn, khiến cho kẻ khác rất tiếc hận!

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư Phật Thế Tôn, vân hà kiến tư chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân? Phục vân hà tri? Hựu vân hà thức? Hiền Hộ! Nhược hữu năng đọc tụng, thọ trì, tư niệm thử tam-muội môn, như thị chi nhân, chung bất vi ác.*

**(經)賢護！諸佛世尊，云何見斯諸善男子，及善女人？復云何知？又云何識？賢護！若有能讀誦受持，思念此三昧門，如是之人，終不為惡。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Chư Phật Thế Tôn thấy các thiện nam tử và các thiện nữ nhân ấy như thế nào? Lại biết như thế nào? Lại hiểu như thế nào? Đây Hiền Hộ! Nếu có người có thể đọc tụng, thọ trì, nghĩ nhớ môn tam-muội này, người như thế trọn chẳng làm ác).*

Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp nêu ra: Người thường đọc tụng, tu duy kinh điển như thế, hành trì pháp tắc như thế, y giáo phụng hành, sẽ trọn chẳng làm ác.

*(Kinh) Bất phá tịnh giới, bất hoại chánh tín, bất nhập tà tụ.*

**(經)不破淨戒，不壞正信，不入邪聚。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Chẳng phá giới pháp thanh tịnh, chẳng hủy hoại chánh tín, chẳng rơi vào Tà Định Tự).*

Trong thế gian, đức Thế Tôn đã chia hữu tình thành ba “loại tự”:

1) Những ai thuộc về tam thánh đạo, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, được gọi là Chánh Định Tự.

2) Các hữu tình thiện hay ác trong ba thiện đạo, còn chưa chọn lựa dứt khoát, còn đang băn khoăn thì thuộc về Bất Định Tự. Như phàm phu hữu tình chúng ta, phần nhiều là Bất Định Tự.

3) Lại còn có các tà kiến hữu tình, ắt đọa vào ác đạo. Cho nên hữu tình trong ba ác đạo là Tà Định Tự. Tà Định là các sự nghiệp tà ác đều đã thành tựu, chẳng thể thoát khỏi các thứ khổ nạn!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, tất định thâm tín, thành tựu tư duy, năng phân biệt, thành tựu tư duy. Ư thị pháp trung, cụ túc tín tâm, thường năng đọc tụng, nhiếp trì thị pháp. Hiền Hộ! Đương tri thị nhân, quyết bất cầu thiếu công đức, diệc bất chủng thiếu thiện căn.*

**(經)賢護！是諸善男子善女人等，必定深信，成就思惟，能分別，成就思惟。於是法中，具足信心，常能讀誦，攝持是法。賢護！當知是人，決不求少功德，亦不種少善根。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nhất định là tin sâu, thành tựu tư duy, có thể phân biệt, thành tựu tư duy. Ở trong pháp này, trọn đủ tín tâm, thường có thể đọc tụng, nhiếp trì pháp này. Nay Hiền Hộ! Hãy nên biết người ấy chắc chắn chẳng cầu công đức ít ỏi, mà cũng chẳng gieo thiện căn ít ỏi).*

Chẳng tham cầu thành tựu Thanh Văn hay Duyên Giác, chẳng tham cầu sự vui thế gian, tức chẳng phải là “ít thiện căn”.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, phàm sở sanh xứ, hoặc pháp tư nhu, nhiên chư thiện căn, quảng đại bất thiếu.*

**(經)賢護！是善男子善女人，凡所生處，或乏資需，然諸善根，廣大不少。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các thiện nam tử và thiện nữ nhân ấy, phàm là ở nơi sanh ra có thể thiếu thốn các thứ cần thiết, nhưng các thiện căn đều rộng lớn chẳng ít).*

Tuy biểu hiện có thiếu thốn, nhưng thực chất biểu hiện là “quảng đại bất thiếu” (rộng lớn chẳng ít).

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, tư chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ u quá khứ chư Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn.*

**(經)賢護！是故，斯諸善男子善女人，已於過去諸如來所，修行供養，種諸善根。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Vì thế, các thiện nam tử và thiện nữ nhân ấy trong quá khứ đã từng tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi các đức Như Lai).*

Chúng ta hoàn toàn có thể thành thực thiện căn trong đời trước của chính mình, hành trì pháp này. Nếu chôn vùi thiện căn đời trước, bỏ phé thiện căn đời trước, được gặp gỡ pháp tắc như thế này mà chẳng sanh lòng vui thích, lại nảy sanh nhiều nỗi hoài nghi, báng bỏ. Đối với chuyện hành trì pháp Ban Châu, chúng ta phải khéo quan sát tự tâm, khéo quan sát những kẻ hữu duyên chung quanh mình, đúng như kinh điển nhà Phật đã nói, mười phần hiểu rõ trạng thái thiện căn, trạng thái thành tựu, và nghiệp tướng được thủ hộ trong cõi đời.

*(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Thử bối phi u nhất Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn dã, diệc phi u nhị, tam, tứ, ngũ, nãi chí thập Như Lai sở, chủng chư thiện căn dã. Diệc phi u bách thiên ức số chư Như Lai sở, chủng chư thiện căn dã. Hiền Hộ! Đương tri thử chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ u quá bách thiên số vô lượng vô biên chư Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn, phương đắc văn thử Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội.*

**(經)賢護當知！此輩非於一如來所，修行供養，種諸善根也，亦非於二、三、四、五，乃至十如來所，種諸善根也。亦非於百千億數諸如來所，種諸善根也。賢護！當**

**知此諸善男子善女人，已於過百千數無量無邊諸如來所，  
修行供養，種諸善根，方得聞此念佛現前三昧。**

*(Kinh: Hiền Hộ hãy nên biết! Những người ấy chẳng phải là đã tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi một vị Như Lai, cũng chẳng phải là đã gieo các thiện căn nơi hai, ba, bốn, năm, cho đến mười vị Như Lai. Cũng chẳng phải là gieo các thiện căn nơi trăm ngàn ức số các vị Như Lai. Hiền Hộ! Hãy nên biết các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi nhiều hơn con số trăm ngàn vô lượng, vô biên các đức Như Lai thì mới được nghe Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội này).*

Sự thọ ký này chính là sự gia trì chẳng thể nghĩ bàn, là sức công đức to lớn đui dặt và thúc đẩy. Nếu là kẻ tín thuận, sẽ đều thành đạo vô thượng, đạt được phương tiện trợ duyên nơi vô thượng đạo, trở thành phương tiện trợ duyên cho sự phát tâm trong tâm trí. Phương tiện này do được đức Phật thọ ký, có oai đức lớn, có sức to lớn. Nếu chẳng tin tưởng chỗ này, sẽ đánh mất loại công đức đại thiện xảo này!

*(Kinh) Văn dĩ sanh tín, tâm khai ý giải, tức dĩ vi thật, vô phục nghi võng. Ký hoạch văn dĩ, nhạo dục thư tử, độc tụng, thọ trì, nãi chí vị tha quảng tuyên thị nghĩa.*

**(經)聞已生信，心開意解，即以爲實，無復疑惘。既  
獲聞已，樂欲書寫，讀誦受持，乃至爲他廣宣是義。**

*(Kinh: Nghe rồi sanh lòng tin, tâm ý mở mang, thấu hiểu, coi đó là thật, chẳng còn nghi ngờ. Đã được nghe rồi bèn ưa thích, biên chép, đọc tụng, thọ trì, cho đến vì người khác rộng nói).*

Nếu cho là thật, người ấy ắt sẽ thủ hộ, hành trì. Nếu chẳng coi là thật, ắt sẽ sanh khởi ngờ vực. Do vậy, kẻ ở trong tham, sân, si, tri kiến bất chánh, nghi căn sâu nặng, sẽ chẳng thể chọn lựa pháp, chẳng thể thâm nhập pháp, chẳng thể hành trì pháp. Hiện tiền đại chúng hãy quán tự tâm sâu xa. Nếu chẳng phải vì danh vọng và lợi dưỡng, chẳng phải vì cái tâm kiêu mạn, chẳng phải vì ghen tỵ, háo thắng mà hành trì, thủ hộ pháp tắc như vậy, người ấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Cái tâm rất chẳng thể nghĩ bàn ấy đều được chư Phật biết, thấy. Nếu chúng ta vì cái tâm kiêu

man, tâm ghen ty, tâm ham hồ danh vọng lợi dưỡng, tâm thích gây chuyện mà tu trì pháp này thì cũng chẳng tương ứng với Phật pháp.

Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải khéo quan sát tự tâm, chớ nên nhận định qua loa. Có người nói: “Tôi cũng hành pháp này, vì sao chẳng đạt được lợi ích to lớn?” Quý vị hãy xét xem chính mình có phải là cái tâm danh vọng, tâm lợi dưỡng, tâm ghen ty, tâm kiêu mạn mà tu trì pháp tắc này hay không? Tu pháp như thế này, đích xác là phải nên phát tâm uôn nắn cho đúng, tín giải đúng như thật, tu trì chân thật, thì sẽ có thể thoát lìa tam giới, lợi ích trời, người rộng rãi. Nếu chẳng như thế, sẽ hãm nhập trong cái tâm kiêu mạn hẹp hòi và cái tâm cầu danh lợi của chính mình. Hiện thời, tôi thường gặp các cư sĩ nói như thế này: “Ái chà! Tôi kinh hành Ban Châu, trở về nhà sẽ phú quý lắm, sẽ ít có chướng ngại, sẽ có cuộc sống thế tục càng tốt đẹp hơn”. Chuyện này giống như trong phần trước đức Thế Tôn đã nói: Hết như dùng một viên báu ma-ni để đổi lấy một con trâu! Hữu tình giống như vậy quá nhiều. Tuy họ tối thiểu kết mối thiện duyên với pháp tắc này, nhưng tới khi nào thì mới có thể đạt được lợi ích rốt ráo nơi vô thượng đạo? Đó quả thật là một dấu hỏi!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Tư chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, vãng tích dĩ u chư Như Lai tiền, vãn thị tam-muội, độc tụng, thọ trì. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai diệt hậu, u tối mạt thế ngũ bách niên chung, pháp dục diệt thời, pháp tương hoại thời, hoàn đương đắc vãn như thị tam-muội, vãn tức sanh tín, vô hữu kinh nghi, bất thoái, bất một, sanh đại hoan hỷ, biến mãn thân tâm.*

**(經)何以故? 賢護! 斯諸善男子善女人, 往昔已於諸如來前, 聞是三昧, 讀誦受持。以是義故, 如來滅後, 於最末世五百年終, 法欲滅時, 法將壞時, 還當得聞如是三昧, 聞即生信, 無有驚疑, 不退不沒, 生大歡喜, 遍滿身心。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy xưa kia đã ở trước các đức Như Lai nghe tam-muội này, đọc tụng, thọ trì. Do bởi nghĩa ấy, sau khi đức Như Lai diệt độ, vào năm trăm năm cuối của đời Mạt Pháp, khi pháp sắp diệt, khi pháp sắp hoại, vẫn sẽ được nghe tam-muội như thế này, nghe rồi liền tin, chẳng có kinh hãi,*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

ngờ vực, chẳng thoái chuyển, chẳng mất đi, sanh niềm vui to lớn tràn ngập thân tâm).

Trong rất nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đã nói “*hỷ duyệt biến mãn thân tâm*” (vui sướng tràn ngập thân tâm) như thế. Nếu ai trong một đời, hoặc là nhiều đời, nhiều kiếp, siêng khổ thủ hộ thiện căn, cúng dường chư Phật Như Lai, phát Bồ Đề tâm, cho đến nghe lời dạy về tam-muội này, lại sanh lòng hoan hỷ to lớn, sự vui sướng ấy đầy ngập thân, tâm, và thế giới, người ấy sẽ rất dễ dàng tương ứng với tam-muội. Lại có các chúng sanh nghe các pháp tắc “tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến” mà sanh tâm hoan hỷ. Lại có những kẻ hiểu sự trong tự viện, tạo ra các ác sự, ác duyên mà sanh lòng hờn hỷ, hoan hỷ. Đó gọi là “*căn tánh khác nhau*”. Có kẻ nghe pháp bèn vui mừng, nghe dạy bảo bèn hoan hỷ; đó là do thiện căn đã chín muồi. Có người thì nghe nhân duyên xấu ác bèn sanh lòng hoan hỷ, hoặc lúc trời, người đều bi ai, kẻ đó cũng sanh hoan hỷ. Vì sao? Ác tánh đã thành thực rồi!

*(Kinh) Độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, nãi chí nhất nhật, nhất dạ, hành thị tam-muội.*

**(經)讀誦受持, 思惟其義, 爲他解說, 乃至一日一夜, 行是三昧。**

*(Kinh: Độc tụng, thọ trì, tư duy ý nghĩa, vì kẻ khác giải nói, cho đến trong một ngày, một đêm hành tam-muội này).*

Hiện thời, vì sao chúng tôi phải đề xướng hành pháp Ban Châu một ngày một đêm? Đương nhiên là có rất nhiều người phủ định chuyện này. Chẳng hạn như trước kia, tôi đến một số tự viện, đâu là các tự viện khá lớn, cũng bị phủ định. Thậm chí có rất nhiều vị thiện tri thức có danh vọng cũng mở miệng phủ nhận pháp này. Vậy thì tại sao đức Thế Tôn lại nhắc đi nhắc lại tánh chất trọng yếu của pháp này, cũng như tánh chất trọng yếu của việc tu tập? Chính là vì thành thực thiện căn cho chúng ta! Nhất là trong thời Mạt Pháp, các chúng sanh thiện căn mỏng ít, ít có kẻ tu tập các pháp tắc tam-muội. Kẻ tu trì các sức thần thông càng ít hơn nữa, đã ít lại càng ít hơn! Như Địa Tạng Vương Bồ Tát đã tuyên nói trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, trong thời Mạt Pháp, các chúng sanh chẳng hiểu sự thiện xảo của sức thần thông, chẳng tu tập,

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

phần nhiều ưa chuộng nói năng, phần nhiều đọa trong sự tướng, siêng khổ nơi sự tướng, chẳng thể thâm nhập pháp tắc, chẳng đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân, văn thử tam-muội, vô hữu kinh bố, diệt bất thoái một, bất sanh bóng hủy, văn dĩ tùy hỷ, tức dĩ vi thật, tư duy, phân biệt, tâm khai ý giải.*

**(經)賢護! 若復有人, 聞此三昧, 無有驚怖, 亦不退沒, 不生謗毀, 聞已隨喜, 即以爲實, 思惟分別, 心開意解。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Nếu lại có người nghe tam-muội mà chẳng kinh sợ, cũng chẳng thoái thất, chẳng sanh hủy bóng, nghe rồi bèn tùy hỷ, cho là thật, tư duy, phân biệt, tâm ý thông hiểu).*

Tùy hỷ có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Vì thiện căn, phước đức, nhân duyên có chín muôi và chẳng chín muôi, có tương ứng và chẳng tương ứng. Quý vị chẳng hành trì pháp tắc này, vẫn hoàn toàn được, nhưng nhất định chớ nên chửi bới, ngăn cấm người khác hành trì pháp tắc. Nếu làm như thế (ngăn cản, chửi bới), làm lỗi sẽ vô lượng vô biên, vì lỗi làm ấy giống hệt như đã ngăn lấp đạo Niết Bàn của người khác, bức bách người khác tiến vào đường ác. Do lỗi làm sâu nặng, cho nên các vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, tư duy, đừng nên đánh mất lợi ích to lớn trong Phật pháp, vì lòng tin hời hợt và tâm kiêu mạn mà nghi ngờ, báng bỏ Phật pháp, hủy hoại giáo pháp thù thắng! Tội lỗi xả pháp và báng pháp rất lớn! Chúng ta chẳng hành pháp, chớ nên trở ngại kẻ khác, càng chớ nên gây chướng ngại, phá hoại nhân duyên hành pháp của kẻ khác. Chư vị thiện tri thức ơi! Chuyện này thoát nhìn dễ dàng, thật ra, chúng ta vẫn phải rất chú tâm cẩn thận quan sát khởi tâm động niệm của chính mình ở chỗ này. Có thể là có người suốt đời chỉ có một lần có nguyện vọng hành pháp duy nhất, đã tích tụ thiện căn tư lương của chính mình lâu ngày, sau khi người ấy đã bị trở ngại, đã bị công kích một lượt, suốt đời sẽ khó hành! Chúng ta là người tu tập, thủ hộ Phật pháp, có nhân duyên và phước đức thành tựu đạo nghiệp cho người khác, thiện căn ấy chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng nếu hủy diệt cơ chế thiện căn và hành pháp của người khác, ác nghiệp ấy sao có thể miêu tả cho được?

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta không thể chẳng tư duy, không thể chẳng quan sát. Xuất gia cũng thế mà tại gia cũng thế, mọi sự đều có thể làm bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Thật ra, chúng ta đời đời kiếp kiếp đều ở trong sự nghiệp, trong các sự nghiệp ấy, có ác sự nghiệp, có thiện sự nghiệp, mà cũng có cái được gọi là vô lậu sự nghiệp, có sự nghiệp lợi ích thế gian và tăng ích thế gian, đích xác là cũng có sự nghiệp buông lung vô độ, phóng túng theo lòng ham muốn, có sự nghiệp tội ác và luân hồi, cũng có sự nghiệp hủy diệt Phật pháp, phỉ báng Tam Bảo. Rốt cuộc là chúng ta làm sự nghiệp gì vậy? Hãy khéo như thật nhìn thấu tự tâm, dò xét sự phát tâm trong chỗ sâu thẳm của tâm linh. Đó là điều trọng yếu nhất!

*(Kinh) Đản năng vị tha tạm thời xưng thiện, sở hoạch phước tụ, thượng bất khả lượng, hưởng năng độc tụng, thọ trì, cần tu nhi hành, vị tha quảng thuyết, chí nhất nhật dạ.*

**(經)但能爲他暫時稱善，所獲福聚，尚不可量，況能讀誦受持，勤思而行，爲他廣說，至一日夜。**

*(Kinh: Chỉ có thể vì người khác tạm thời khen ngợi điều lành, sẽ đạt được khối phước còn chẳng thể lường, hưởng hồ có thể đọc tụng, thọ trì, siêng năng suy nghĩ để hành trì, vì người khác rộng nói cho đến một ngày đêm).*

Chẳng sanh nghi báng, người ấy có thiện căn chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có thể nói cho kẻ khác biết, người ấy tất nhiên sẽ có tâm trí tán thán và tùy hỷ công đức của chư Phật.

*(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhân thị sự cố, tức tiện hoạch đắc quá vô lượng A-tăng-kỳ đại công đức tụ, toại đắc trụ vô bất thoái chuyển địa, tùy sở nguyện dục, như ý tức thành.*

**(經)賢護當知！是善男子善女人，因是事故，即便獲得過於無量阿僧祇大功德聚，遂得住於不退轉地，隨所願欲，如意即成。**

*(Kinh: Hiền Hộ hãy nên biết! Thiện nam tử, thiện nữ nhân do vì chuyệ này liền đạt được khối công đức vượt quá con số vô lượng A-*



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*tăng-kỳ, liền trụ trong địa vị bất thoái chuyển, tùy theo lòng mong muốn liền thành tựu như ý).*

Đây là tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp, tức là hiển hiện lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của công đức do tùy hỷ. Trong tu trì mười đại nguyện vương, có tu trì tùy hỷ công đức, chẳng báng duyên của người khác, hãy tùy hỷ đối với sự tu trì, người như thế sẽ có nhiều thiện căn tăng thượng. Như mọi người ở trong tự viện có các thứ phát tâm, nhân duyên khác nhau, nhưng cái tâm tùy hỷ chớ nên diệt mất, cái tâm báng pháp chớ nên sanh khởi. Có người do một niệm tâm nhay bén, sẽ sanh khởi nghi hoặc, báng bỏ. Cái gọi là “*tâm nhay bén*” ấy chính là tự đại, tự kiêu mạn, tự phụ. Hễ sanh khởi cái tâm như thế, sẽ phải báng pháp tắc. Đó gọi là tâm trí quá khích!

Pháp Ban Châu quả thật dễ bị kẻ khác nghi ngờ, hủy báng nhất! Vì nhiều hành giả chẳng thể nhanh chóng đích thân chứng tam-muội này. Hoặc là tuy có thiện căn tương tự, nhưng chẳng thể liên tục thủ hộ, phần nhiều sẽ khiến cho các hữu tình chẳng hành pháp bèn sanh khởi nghi hoặc. Tôi đã so sánh, như có những nơi, mọi người khá siêng khổ, nghiêm cẩn thủ hộ, liên tục tu tập pháp tắc này, có người dùng cái tâm điều nhu, tâm tùy hỷ, tâm tán thán để thủ hộ, cúng dường người khác hành pháp. Như thế thì những người chung quanh cũng sanh khởi lòng yêu thích, ngưỡng mộ, vui thích pháp ấy, nhưng lại có hữu tình khác dẫn hành pháp lại khiến cho người ta ngờ vực, phỉ báng, chửi bới, là vì lẽ nào? Suy rộng ra, trong quá trình hành trì pháp tắc ấy, phần nhiều sanh lòng lo ngờ, cái tâm dao động, phần nhiều vì tâm danh lợi thúc đẩy mà truyền bá và thực hiện pháp tắc này. Do vậy, khiến cho chúng sanh ngờ vực. Đối với điều này, nhất định phải quan sát cẩn thận.

Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thọ ký: Pháp do Ngài truyền lại, sẽ có pháp vận là một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn năm của thời Mạt Pháp, giáo pháp của Ngài liền diệt sạch, phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lặc Phật Thế Tôn giáng thế, truyền pháp rộng lớn. Sự thọ ký này chính là nói về người có thiện căn trong quá trình [Phật pháp] dần dần tiêu vào lúc giảm kiếp (tuổi thọ con người dần dần giảm đi). Trong thời Chánh Pháp, thiện căn của chúng sanh thành thực, nghe pháp liền chứng đạo. Nay chúng ta đã bước vào một vạn năm của thời Mạt Pháp, cũng có nghĩa là trong năm trăm năm cuối cùng, tức là vào lúc cuối cùng của chánh pháp, thiện căn của hữu tình mỏng ít, bại hoại, phần nhiều sanh lòng kiêu mạn và tà kiến. Nói “*tà kiến*” tức là do tự đắm

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

niêm nơi pháp, tự chấp trước pháp, tự phụ nơi pháp mà đọa vào tà kiến. Nhưng do trong lúc cuối của chánh pháp, chánh pháp của đức Thế Tôn vẫn nghiêm nhiên lưu truyền trong thế gian, người thiện căn chín muồi vẫn đạt được lợi ích rất ráo. Chỉ vì có nhiều hữu tình thiện căn mỏng ít, khiến cho dòng pháp bị nghẽn tắc trong hiện tiền, cho nên gọi là “*Chánh Pháp mạt quý*” (cuối thời Chánh Pháp).

“*Mạt*” là vì có nhiều chúng sanh ngờ vực, báng bỏ pháp tắc, sanh lòng kiêu mạn, chẳng tin kinh giáo, chẳng tu tập pháp, hoặc phần nhiều là dựa hơi Phật pháp, thật sự là tâm trí ngoại đạo. Đức Thế Tôn thọ ký Phật pháp trong thời đại ấy, những kẻ dựa hơi Phật pháp để kiếm sống rất đông, rất nhiều. Lại còn có Ba Tuần và đệ tử của hắn phát ra thế nguyện tội ác, rất nhiều ngoại đạo dựa dẫm Phật giáo. Chúng ta cứ nhìn vào mọi chuyện trong thế gian sẽ biết ngay. Do vậy, những người xuất gia chúng ta phải nên cảnh giác. Nếu là đệ tử của Phật mà chẳng có thế nguyện thủ hộ giáo pháp của Phật Thích Ca, duy trì Phật pháp, ắt sẽ là con cái của Ba Tuần! Dùng điều gì để chọn lựa? Trên thực tế, toàn là ý hướng thiện căn trong tâm niệm của quý vị!

Thông thường, thọ ký trong kinh điển là do đức Thế Tôn quan sát pháp nhân duyên. Đương nhiên, đây chẳng phải là pháp cố định, vì thiện căn của hết thảy chúng sanh bất định. Có những hữu tình phát ra một niệm tâm trí Bồ Đề mạnh mẽ, có thể thoát khỏi sự mê muội trong nhiều đời nhiều kiếp sanh tử. Như Thích Ca Mâu Ni Phật khi tu nhân, trông thấy tướng hào quang minh của Phát Sa Phật Thế Tôn khi Ngài nhắc một chân, trong suốt bảy ngày tán tụng “*thiên thượng, thiên hạ vô như Phật, thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian ngã kim giai tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả*” (trên trời, dưới đất Phật khôn sánh, mười phương thế gian đều chẳng bằng, con nay thấy trọn khắp thế gian, hết thảy chẳng ai được như Phật). Tùy hỷ, tán thán công đức của Phật chẳng hề chán ngán. Do công đức tinh tấn như thế, vượt thoát chín kiếp, thành Phật trước ngài Di Lặc!

Di Lặc Thế Tôn từng bước tu tập rất ôn. [Ngài giảng thế] nhằm lúc nhân loại thọ tám vạn bốn ngàn năm, là lúc phước đức tụ tập, lúc thiện căn chín muồi. Ngài giảng sanh trong cõi đời, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị hiện đại oai đức. Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn có nhiều nỗi ủy khuất, tuy đã thành Phật, có rất nhiều ủy khuất, vì nhân loại thọ một trăm năm. Đời người ngắn ngủi, phước đức mỏng ít, hết sức đáng thương xót. Mười phương thế giới đều coi thương bọn chúng sanh chúng ta, chỉ trong thời gian liếc mắt, chúng ta đều đã diệt

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

mất, chẳng có cách nào quan tâm chúng ta được. Do vậy, nếu chúng ta chẳng siêng ròng nơi pháp tắc, lại dùng cái tâm kiêu mạn để lãng phí sanh mạng của chính mình, đúng là rất đáng tiếc, vì trải bao kiếp lâu xa, khó thể gặp gỡ! Con người thọ trăm tuổi, có Thích Ca Thế Tôn giáo hóa trong thế giới ác trược này, chúng ta có phước đức, được nghe giáo ngôn như thế, nhất là vào cuối thời giáo pháp của Phật Thích Ca, sẽ càng khó khăn hơn!

Lời dạy rất sâu này khiến cho chúng ta chẳng thoái chuyển, mười phần chẳng dễ! Tuy có rất nhiều hành pháp, nhưng nếu muốn đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời, khó khăn mười phần. Nói “*bất thoái*” chính là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Bát Địa Bồ Tát mới có công đức này, nhưng người thật sự niệm Phật, thật sự thuận tùng, hướng theo Niệm Phật tam-muội để tu trì, sẽ có thể đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời. Trên thực tế, chính là có cùng một ý nghĩa, nhưng sử dụng từ ngữ khác biệt so với “*tức thân thành tựu*” (thành tựu ngay trong thân này). Vì ba loại Bất Thoái chính là công đức thành Phật, được gọi là A Bệ Bạt Trí. So ra, đối với tín niệm, ý thích, và nguyện vọng của người hiện thời, nếu mong đắc Bồ Tát Chuyển ngay trong một đời, mà chẳng hành trì pháp Niệm Phật, sẽ mười phần khó thể đạt được! Có nhiều người trong cõi đời ngoài việc nghi hoặc pháp tắc này, cứ lẩn quẩn trong dòng nghiệp của chính mình, mười phương chư Phật đều thương xót loại hữu tình ấy! Nếu chẳng gặp gỡ pháp tắc thì thôi, nhưng nếu đã gặp pháp tắc mà ngăn che tự tâm, che lấp pháp tắc, hoặc ngăn trở người khác, lỗi lầm như thế mười phần to lớn. Ở đây, đức Thế Tôn đã nêu bày như thế!

Đối với mỗi năm trăm năm, đức Thế Tôn đều có thọ ký, cho đến một vạn năm của thời Mạt Pháp, con người tu trì rất khó khăn. Vì sao khó khăn? Vì bạch pháp bị chìm đắm, đấu tranh kiên cố, tự kiêu mạn, tự phụ. Đây là tình thế trong thời đại này, nhưng ở đây, [đức Thế Tôn] nói tổng quát: Có nhiều chúng sanh ngu si, tăng cường tự ngã, cho rằng [kiêu mạn, tự phụ, ngu si] chính là tự ngã, coi những thứ đó là chính mình. Như thế chính là đã tự xác định cuối thời Mạt Pháp cho chính mình, xác định tâm trí của chính mình. Nếu là như thế, tu pháp sẽ rất khó khăn! Đúng thế, chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp, nhưng phải nên nhận biết, vâng giữ pháp tắc này như thế nào, hoàn toàn phụ thuộc vào sự phát tâm. Chúng ta nước chảy bèo trôi, vật vờ qua ngày, có phải là như thế hay không, ai nấy hãy nên xét kỹ!

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

“*Toại đắc trụ u Bất Thoái Chuyển địa*” (Bèn được trụ trong địa vị Bất Thoái Chuyển): Bất Thoái Chuyển ở đây thuộc về Bất Địa Bồ Tát. Chúng ta thường nói có hai loại cầu thiện xảo A Bộ Bát Trí:

- Một là tự mình tu trì, đoạn trừ hai thứ Kiến Hoặc và Tư Hoặc nơi bản thân, chứng đắc quả A La Hán, đạt được Bất Thoái Chuyển. Vì có sao? Có cơ chế chẳng thoái chuyển, trụ trong địa vị Ứng Cúng.

- Loại kia là ở trong Bồ Tát đạo, tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận Phật lực, tu tập giáo ngôn Tịnh Độ, an trụ trong sự che chở do Phật lực nhiếp hóa, nương vào sự duy trì của Phật lực. Do Phật lực chẳng thoái chuyển, khiến cho chúng sanh tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Đó gọi là Dị Hành Đạo của pháp môn Tịnh Độ.

Đương nhiên cũng có hành pháp tự lực của Bồ Tát, như kinh Nhân Quả đã tuyên nói: Bồ Tát trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp siêng khổ tu trì, hành trì chẳng xả, chẳng bị mê mất, cũng có thể đạt được ba thứ thoái chuyển giống hệt. Đây là kết quả của việc siêng khổ huân tu trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

*(Kinh) “Hiền Hộ! Kỳ sự tuy nhĩ, ngã kim vị nữ, cánh tuyên thí dụ, minh hiển thử nghĩa dã. Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, thủ thử tam thiên đại thiên thế giới nhất thiết đại địa, tận mạt vi trần. Phục thủ nhất thiết thảo mộc chi diệp, bất vấn đại tiểu, giai vi vi trần. Bĩ nhân nhĩ thời, u bĩ trần tu, thủ nhất vi trần, phá hoại phân tích, hoàn linh đắc tác nhĩ hứa vi trần. Nhiên hậu, phục thủ bĩ nhất thiết trần, thủ đệ phân tích, giai linh đẳng bĩ sơ vi trần số. Hiền Hộ! U ý vân hà? Thị vi trần số, khả vị đa phủ?” Hiền Hộ đáp viết: “Thậm đa Thế Tôn!” Phật ngôn: “Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thủ tiền nhĩ hứa vi trần số Phật sát, thịnh mãn chúng bảo, trì dụng bố thí. Hiền Hộ! U ý vân hà? Bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch phước tu, phục vi đa phủ?” Hiền Hộ báo viết: “Thậm đa Thế Tôn! Nhiên bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhân thị sự cố, hoạch đắc quá bĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phước tu”. Phật phục cáo ngôn: “Hiền Hộ! Ngộ cánh ngữ nữ! Như bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ nhĩ hứa trần số Phật sát, thịnh mãn thất bảo, trì dụng bố thí, hoạch như tư phước. Phục hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thử Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội, tạm sanh tùy hỷ, tín tâm, phân biệt, dĩ vi chân thật, tâm khai ý giải, độc tụng, thọ trì, nãi chí tạm thời vị tha giải thuyết, thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch phước tu, thắng tiền thí phước vô lượng, vô biên, phi khả xưng toán, phi khả giáo kể, phi*

*khả tư lượng. Hiền Hộ! Như thị thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thử tam-muội, sanh tùy hỷ tâm, nãi chí tạm thời, vị tha giải thuyết, thượng hoạch vô lượng, vô biên phước tụ. Hà huống thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, u thử tam-muội Tu Đa La trung, như văn nhi tín, như tín nhi thọ, như thọ nhi thuyết, như thuyết nhi hành dã”.*

**(經)賢護！其事雖爾，我今爲汝，更宣譬喻，明顯此義也。復次賢護！譬如有人，取此三千大千世界一切大地，盡末爲塵。復取一切草木枝葉，不問大小，皆爲微塵。彼人爾時，於彼塵聚，取一微塵，破壞分析，還令得作爾許微塵。然後，復取彼一切塵，次第分析，皆令等彼初微塵數。賢護！於意云何？是微塵數，可謂多不？」賢護答曰：「甚多世尊！」佛言：「賢護！若有善男子善女人，取前爾許微塵數佛刹，盛滿衆寶，持用佈施。賢護！於意云何？彼善男子善女人，所獲福聚，復爲多不？」賢護報曰：「甚多世尊！然彼善男子善女人，因是事故，獲得過彼無量無邊阿僧祇福聚」。佛復告言：「賢護！吾更語汝！如彼善男子善女人，以爾許塵數佛刹，盛滿七寶，持用佈施，獲如斯福。復有善男子善女人，聞此唵佛現前三昧，暫生隨喜，信心分別，以爲真實，心開意解，讀誦受持，乃至暫時爲他解說，是善男子善女人，所獲福聚，勝前施福無量無邊，非可稱算，非可校計，非可思量。賢護！如是善男子善女人，聞此三昧，生隨喜心，乃至暫時，爲他解說，尚獲無量無邊福聚。何況是善男子善女人，於此**

**三昧修多羅中，如聞而信，如信而受，如受而說，如說而行也」。**

(*Kinh: “Này Hiền Hộ! Chuyện ấy tuy là như thế, nay ta sẽ vì ông lại nói thí dụ để làm sáng tỏ nghĩa ấy. Lại này Hiền Hộ! Ví như có người đem hết thảy đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới này đều nghiền nát thành bụi. Lại lấy hết thảy cành lá của cỏ cây, bất luận lớn hay nhỏ, đều nghiền thành vi trần. Khi đó, người ấy, lại đối với lượng bụi đó, lấy mỗi hạt vi trần, chia chẻ, phá vỡ, lại khiến cho nó tách thành chừng đó hạt vi trần. Sau đó, lại lấy hết thảy các hạt bụi đó, theo thứ tự chia chẻ, đều khiến cho chúng nó bằng với số lượng các hạt vi trần thuở đầu. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Số vi trần ấy có thể nói là nhiều hay chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều!” Đức Phật nói: “Này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân lấy các cõi Phật bằng với số lượng vi trần trên đây, chứa đầy các thứ báu, dùng để bố thí. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được khối phước, há có nhiều chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Nhưng thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy do vì chuyện này, đạt được khối phước vượt quá con số vô lượng vô biên A-tăng-kỳ”. Đức Phật lại bảo rằng: “Này Hiền Hộ! Ta lại nói với ông. Như thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy dùng các cõi Phật nhiều như số vi trần để chứa đầy bảy báu đem bố thí, đạt được phước như thế. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe tam-muội Niệm Phật Hiện Tiền này, tạm sanh lòng tùy hỷ, tín tâm, phân biệt, cho là chân thật, tâm ý thông hiểu, đọc tụng, thọ trì, cho đến tạm thời vì người khác giải nói. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được khối phước nhiều hơn phước bố thí của người trước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, chẳng thể so sánh, chẳng thể suy lường. Này Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân như thế, nghe tam-muội này, sanh tâm tùy hỷ, cho đến tạm thời vì người khác giải nói, còn đạt được vô lượng vô biên khối phước. Huống hồ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Khế Kinh tam-muội này, có thể đứng như điều đã được nghe mà sanh lòng tin, đứng như lòng tin mà thọ trì, đứng như sự thọ trì mà giải nói, đứng như đã giải nói mà hành vậy).*

Đức Phật là đáng nói lời chân thật, đáng nói lời như thật, đáng chẳng nói lời khác lạ. Có nhiều hữu tình do thiện căn mỏng ít, đối với lời dạy của đức Thế Tôn chẳng sanh lòng vui thích, cứ ngỡ sự suy lường do

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

vọng tưởng của chính mình là chân thật. Do đó, chẳng đạt được thiện căn, chẳng đạt được phước đức, chẳng thể thành thực tự thân. Vì sao? Do chẳng tùy thuận lời dạy của đức Phật, do chẳng tùy thuận sự hướng dẫn của Phật, do chẳng tùy thuận lời Phật nói. Đứng là đã đến núi báu mà trở về tay không, chẳng lấy được gì! Kinh điển Đại Thừa lưu truyền rộng khắp, quả thật là kho báu của Như Lai, mà cũng là kho báu trong tâm trí, tức là Như Lai Tạng Tánh trong tâm trí của hết thảy chúng sanh được hiển lộ. Nếu mở bản kinh này ra, hoan hỷ, hớn hờ, thủ hộ, tu tập, thì chính là đã mở toang và thành thực Như Lai Tạng Tánh của chính mình. Nếu đối với chỗ này mà quý vị nghi hối, khinh mạn, chẳng coi là đúng, thiện căn sẽ lập tức bị tán hoại.

Có thể thành thực thiện căn ở chỗ nào? Các vị thiện tri thức hãy nên quan sát, hãy khéo tư duy. Nơi đất Hán, có một hiện tượng đặc biệt bất bình thường là coi thường kinh điển, coi thường lời dạy của đức Thế Tôn. Đối với ngôn giáo của đức Thế Tôn, phần nhiều chẳng sanh chánh tín, không thể yêu thích, thủ hộ, khinh rẻ, coi thường kinh điển chẳng phải là trân bảo. Kết quả là đối với giáo pháp trân bảo do đức Như Lai đã nói, dấu nghe mà cũng như không nghe, dấu xem mà cũng như chẳng xem! Đúng là chẳng biết do nhân duyên nào? Nếu nói thiện căn chẳng thành thực, có sao lại được gặp gỡ? Hy vọng các vị thiện tri thức hãy khích lệ chính mình thành thực thiện căn, cố vũ chính mình buông xuống tri kiến, cố vũ chính mình yêu thích Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Nếu yêu thích Tam Bảo, quý vị nhất định sẽ sanh khởi ý tưởng coi kinh điển là trân bảo, là khó gặp, sanh ý tưởng nghe xong sẽ siêng năng tu tập. Quả thật là phải nên chủ động phát khởi vậy!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh tư nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Nhược dĩ tam thiên đại thiên giới, thịnh mãn thất bảo dụng hành Đàn. Ngã thuyết bỉ phước tuy vi đa, bất như văn kinh thiểu công đức.*

**(經)爾時，世尊爲重明斯義，以偈頌曰：「若以三千大千界，盛滿七寶用行檀。我說彼福雖爲多，不如聞經少功德。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nhắc lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng nói: - Nếu dùng tam thiên đại thiên cõi, đựng đầy bảy báu để bố thí. Ta nói phước ấy tuy khá nhiều, chẳng bằng nghe kinh chút*

*công đức).*

“Đàn” là Đàn Ba La Mật (Dāna-pāramitā), có nghĩa là bố thí. Dùng bảy báu đây ấp các tam thiên đại thiên thế giới số lượng nhiều vi trần để cúng dường, chẳng bằng công đức của người nghe kinh này. Đức Phật nói lời thành thật như thế. Nếu thiện căn của chúng ta chẳng thành thực, chẳng thể sanh lòng tin, có nhiều nỗi ngờ vực, đến nỗi dẫu nghe mà cũng như chẳng nghe. Có người nghe pháp đúng là rớt cả lông tóc, vì lẽ nào? Thiện căn chín muồi, vui mừng vì được thấy, cũng sanh khởi ý niệm coi trọng. Vì sao chúng ta nghe pháp mà chẳng thể sanh lòng hoan hỷ? Phần nhiều là vì cái tâm thế tục huân nhiễm, do tri kiến của chính mình che lấp tự tâm, cự tuyệt sự tưới nhuần của chánh pháp, cho nên cái tâm phước đức khô cạn của chúng ta chẳng được thấm nhuần!

*(Kinh) Bồ Tát vì cầu đa phước tụ, tín giải, đọc tụng, phục tư duy.*

**(經)菩薩爲求多福聚，信解讀誦復思惟。**

*(Kinh: Bồ Tát vì cầu nhiều khối phước, tín giải, đọc tụng, lại tư duy).*

Tức là được nghe pháp tắc như vậy, hãy nên “*đọc tụng, phục tư duy*” (đọc tụng, lại tư duy), đây là khích lệ và gia trì, hướng dẫn chúng ta tiến nhập đại thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trên thực tế, đức Thế Tôn đúng là dùng hết thầy các pháp, dùng hết thầy các thiện xảo, dùng hết thầy lời chân thật để hướng dẫn chúng ta trừ khử tự ngã.

*(Kinh) Giải thuyết, tu hành Niệm tam-muội, tư sở hoạch phước quá u bỉ. Mật tam thiên giới tận vi trần, phục phân nhất trần đẳng tiền số. Tận thủ như thị chư trần sát, thịnh mãn trân bảo dĩ hành Đàn. Chư Phật sở tán tam-muội kinh, đơn dĩ nhất kệ vị tha thuyết. Ngã ngôn tư nhân hoạch công đức, siêu bỉ đàn phước bất khả lượng. Nhược phục vị tha cụ túc thuyết, hạ chí nhất cầu ngư nhũ gian. Tư duy tăng quảng chư thiện căn, hà huống trường viễn vô lượng phước. Nhất thiết chúng sanh tận tác Phật, tịnh huệ chung cánh chứng bỉ như.*



**(經)解說修行念三昧，斯所獲福過於彼。末三千界盡爲塵，復分一塵等前數。盡取如是諸塵刹，盛滿珍寶以行檀。諸佛所贊三昧經，單以一偈爲他說。我言斯人獲功德，超彼檀福不可量。若復爲他具足說，下至一轂牛乳間。思惟增廣諸善根，何況長遠無量福。一切衆生盡作佛，淨慧終竟證彼如。**

*(Kinh: Giải nói, tu hành Niệm tam-muội, đạt được phước đức hơn số đó. Nghiền hết tam thiên thành vi trần, lại chia mỗi trần bằng số trước. Lấy hết các cõi bằng số trần, chứa đầy trân bảo để bố thí. Với kinh tam-muội chư Phật khen, chỉ dùng một kệ bảo người khác. Ta nói người ấy được công đức, hơn phước bố thí chẳng thể lường. Nếu lại nói trọn với người khác, thậm chí trong khoảng vắt sữa bò. Tư duy các thiện căn rộng lớn, hà hưởng vô lượng phước dài lâu. Hết thấy chúng sanh trọn thành Phật, tịnh huệ chứng trọn hết như vậy).*

“Nhất thiết chúng sanh tận tác Phật, tịnh huệ chung cánh chứng bỉ như” (Hết thấy chúng sanh đều trọn thành Phật, rốt cuộc chứng đắc trí huệ thanh tịnh giống như thế): Pháp tắc như thế chính là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội. Hết thấy chúng sanh nếu có thể tương ứng với nhân duyên này, thì sẽ “nhất thiết chúng sanh tận tác Phật” (hết thấy chúng sanh đều thành Phật). Vì sao có phước đức nhân duyên to lớn như thế? Đó chính là nội hàm vốn có của giáo nghĩa rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn trong pháp này.

*(Kinh) Giả u ức số đa kiếp trung, thuyết tư kệ phước bất khả tận.*

**(經)假於億數多劫中，說斯偈福不可盡。**

*(Kinh: Giả sử trong nhiều ức số kiếp, phước nói kệ này chẳng thể tận).*

Như Thích Ca Thế Tôn trong khi tu nhân đã nói bài kệ “*thiên thượng, thiên hạ vô như Phật*”, bèn thành Phật trước ngài Di Lặc chín kiếp. Đó là tấm gương về sự phát tâm dũng mãnh thành tựu Bồ Đề. Nay

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

đang trong thời Mật Pháp, người phát tâm dũng mãnh rất thưa thớt. Khi tôi mới xuất gia, đã gặp rất nhiều vị xuất gia ngày đêm chẳng ngơi nghỉ. Mọi người cảm thấy chuyện tiến nhập Phật pháp là chuyện rất tự nhiên, là chuyện thuộc bốn phận của chính mình. Là người xuất gia bèn chuyên môn tu đạo, chứng tam-muội, chứng Bồ Đề, chứng sức thần thông, chứng thiện xảo. Đây là sự nghiệp chuyên biệt, là chuyện rất tự nhiên. Dần dần về sau, tôi thấy rất nhiều vị xuất gia sư phụ dường như coi chuyện hành pháp là chuyện để cho kẻ khác làm, học Phật là để cho kẻ khác học. Trong mấy năm gần gũi, sai biệt rất lớn! Sự tu trì của thế hệ sau so với thế hệ trước, sai khác rất lớn. Vì thế, người trong quá khứ điều phục, nhu thuận. Trước kia, trong tự viện, tôi gặp một số vị lão Bồ Tát, họ đều suốt đêm lạy Phật, thế mà sáng ra, bất luận tụng niệm công khóa cũng thế, chấp tác cũng thế, phục vụ trong tự viện cũng thế, tất cả đều theo đại chúng, cũng là ăn một bữa y hết, họ rất tự nhiên siêng gắng canh tác, rất hoan hỷ, mà cũng rất bình đạm thủ hộ chuyện ấy, coi đó là bốn phận. Chúng ta trong hiện thời thì sao? Hễ tu pháp một chút, tâm kiêu mạn sanh khởi. Hơi dụng công đôi chút, bèn sanh lòng tự đại. Do vậy, chẳng thể thâm nhập pháp, sẽ gặp phải trở ngại rất mau chóng!

Chẳng biết vì sao thời đại này biến hóa dữ dội như thế? Sự phát tâm yêu mến đối với pháp tắc biến hóa dữ dội, quả thật khiến cho người ta chẳng thể tiếp nhận! Kẻ dũng mãnh đối với pháp càng ngày càng hiếm, kẻ tự đại, tự kiêu thân phận mười phần mạnh mẽ. Cũng có nghĩa là [người xuất gia chẳng lo tu trì đạo nghiệp, mà] mong biến đổi thân phận của chính mình. Cái tâm mong trở thành thứ chi đó mười phần mạnh mẽ! Trước kia, người hành sa-di suốt mười năm, tám năm rất nhiều. Họ đích xác là rất dụng công nơi pháp, mười phần quan tâm đạo nghiệp của chính mình [tiến triển] như thế nào, chẳng đặt chuyện biến đổi thân phận của bản thân làm điều mong mỏi của chính mình. Đó là các thứ do sự trưởng và đạo hữu đốc thúc. Thời đại này thì sao? Mười phần bận tâm đến thân phận của chính mình, chẳng thêm đoái hoài đạo nghiệp của chính mình! Đó là chỗ khiến cho mọi người rung động nhất! Thân phận đâu biến đổi thế nào đi nữa, nhưng nếu chẳng có thực chất, lại có ý nghĩa gì chẳng? Vờ vịt đặt ra mà thôi! Giống như bong bóng kính té vậy, dù có thổi phồng to lớn cách mấy, vẫn cần phải thực tiễn!

Vẫn mong mọi người thật sự tu tập pháp tắc, đích thân chứng nhập, nhất định phải nỗ lực, siêng gắng nỗ lực! Các phương diện khác có thể thông dong, chẳng cần phải dụng sức quá mức. Nhất là đối với chuyện thay đổi thân phận, tôi khuyên các vị chớ nên dốc sức nơi đó.

Đốc sức vào đó thì giống hết như người trong xã hội: Ông Giáp tậu một căn biệt thự, ông Ất sắm một chiếc xe. Người sau bắt đầu so kè với người trước, dầu ta phải vay nợ, cũng phải sắm xe, cũng phải mua nhà, so bì với kẻ khác mà! Trong tình huống thiện căn chẳng chín muồi, quý vị mong có thân phận [cao quý hơn], sẽ là vay mượn, phải công gánh nặng to lớn, vì thiện căn của quý vị chẳng thể như thật, chẳng thể thành thực! Rất nhiều người bị nghiền ép ở ngay chỗ này, bị đả kích nặng nề, dăm ba năm vẫn chẳng thể khôi phục. Vì sao tôi nêu ra chuyện này? Tôi cảm thấy mọi người học Phật cần phải tự biết đúng lẽ thật, đừng nên thùng rỗng kêu to! Kêu to cho lắm, vẫn phải trở về cày cấy từ đầu, tu tập lại từ đầu, vẫn phải quay trở lại. Vì lẽ nào? Quý vị cứ vùn vụt xông lên trước, đằng sau là một mảnh hoang vu, chẳng có gì thật sự tồn tại cả!

Mọi người nhất định phải chú ý chỗ này, phước báo tuyên nói một bài kệ của đức Thế Tôn chẳng thể cùng tận. Ở đây, đức Phật Thích Ca đã đích xác tu tập, nếu chúng ta chẳng suy nghĩ sâu xa về sự phát tâm của chính mình, đắm nhiễm nơi nghiệp tướng, sẽ phải đi rất nhiều đường vòng!

*(Kinh) Kỳ gian bỉ Phật giai diệt dĩ, đa ức số kiếp thường quảng tuyên. Chung diệt bất tận bỉ phước biên, duyên thử thâm kinh tứ cú kệ. Nhất thiết sở hữu chư thế giới, tứ phương, thượng, hạ, cập tứ duy. Mãn trung chúng bảo trì dữ tha, vị cầu thắng phước phụng chư Phật. Bỉ chư công đức nan khả lượng, xưng kể dữ chư thế giới đẳng. Kỳ hữu văn thọ thị tam-muội, thiện năng tuyên thuyết phước quá tiền. Nhược nhân u thử vô trì nghi, kỳ u chư pháp diệt minh liễu. Bỉ tác vĩnh tuyệt chư ác thú, năng nhập thắng tịch tam-muội Thiên.*

**(經)其間彼佛皆滅已，多億數劫常廣宣。終亦不盡彼福邊，緣此深經四句偈。一切所有諸世界，四方上下及四維。滿中衆寶持與他，爲求勝福奉諸佛。彼諸功德難可量，稱計與諸世界等。其有聞受是三昧，善能宣說福過前。若人於此無遲疑，其於諸法亦明了。彼則永絕諸惡趣，能入勝寂三昧禪。**

*(Kinh: Phật trong thuở ấy đều diệt hết, nhiều ức số kiếp thường rộng nói, vẫn trọn chẳng hết phước báo ấy. Nhờ bốn câu kệ kinh sâu*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

này, hết thấy tất cả các thế giới, bốn phương, trên, dưới, và bốn góc, chứa đầy các báu thí người khác, vì cầu thắng phước, dâng chư Phật. Các công đức ấy chẳng thể lường, tính kể sánh bằng các thế giới. Có ai nghe nhận tam-muội này, khéo hay tuyên nói, phước hơn trước. Ai với pháp này chẳng do dự, cũng lại hiểu rõ các pháp khác. Vĩnh viễn dứt mất các đường ác, hay nhập Thiên Định thắng tịch diệt).

Trong bộ kinh này, đức Thế Tôn đã một mực bảo chúng ta pháp tắc này là giáo ngôn để đắc bất thoái ngay trong một đời, là Đà-la-ni giáo. Cho nên có thể hiểu rõ các pháp, tông trì hết thấy các thiện xảo. Vì thế, có thể vĩnh viễn chấm dứt hết thấy các đường ác, có thể nhập vào tam-muội Thiên thù thắng tịch tĩnh.

*(Kinh) Bĩ nhược thường năng cúng dường ngã, tất thọ đa phước bất tư nghị. Tăng trưởng đa văn chứng Bồ Đề, do tư chư Phật sở tán Định. Kim ngã ngữ nhữ thành thật ngôn, đương niệm tinh tấn, mạc phóng dật.*

**(經)彼若常能供養我，必受多福不思議。增長多聞證菩提，由思諸佛所贊定。今我語汝誠實言，當念精進莫放逸。**

*(Kinh: Nếu ai thường hay cúng dường ta, ắt được phước nhiều chẳng nghĩ bàn, tăng trưởng đa văn, chứng Bồ Đề, do nghĩ định được chư Phật khen. Nay ta nói lời thật với ông, hãy nghĩ tinh tấn, đừng phóng dật).*

Đối với sự buông lung trong thế gian hiện thời, mọi người chúng ta đều có thể như thật suy tưởng, xem xét. Người trong thời đại này giỏi buông lung, kẻ có tâm trí tinh tấn hiếm hoi. Thường là chỉ cần có cơ hội, sẽ nghĩ lăm cách để buông lung!

*(Kinh) Nhất tâm hoan hân phát dũng mãnh, tự nhiên tốc chứng bĩ Bồ Đề. Bĩ vị cúng dường bách số Phật, nãi năng thọ thị tam-ma-đề.*

**(經)一心歡欣發勇猛，自然速證彼菩提。彼為供養百數佛，乃能受是三摩提。**

*(Kinh: Một lòng vui sướng, khởi dũng mãnh, tự nhiên mau chứng đắc Bồ Đề. Người đã cúng dường trăm vị Phật, mới được thọ dụng chánh định này).*

Đức Thế Tôn còn thọ ký cho chúng ta. Nếu chúng đắc tam-muội nơi pháp tắc này, sẽ gọi là “*Tam-ma-ba-đề thọ trì giả*” (người thọ trì Đăng Chí). An trụ trong công đức của tam-muội, đó là Tam-ma-đề. Tam-ma-ba-đề (Samāpatti, Đăng Chí) tức là thành tựu an trụ chân thật, vô công dụng thiện xảo thành tựu, trọn đủ hết thấy các tam-muội, chẳng cần phải dụng công. Ở đây là nói đến sự tiến nhập.

*(Kinh) Giả u hậu thế khủng bố thời, tự đương tốc chứng vi diệu định. Nhược hữu kiến ngã dĩ tỳ-kheo, cập nữ Đại Sĩ Hiền Hộ đẳng. Như thị Bồ Tát nhạo đa văn, quyết định đương đắc thử tam-muội. Nhược đắc văn thử thánh tam-muội, vị tha giải thích hoặc thư tả.*

**(經)假於後世恐怖時，自當速證微妙定。若有見我與比丘，及汝大士賢護等。如是菩薩樂多聞，決定當得此三昧。若得聞此聖三昧，爲他解釋或書寫。**

*(Kinh: Giả sử đời sau khi sợ hãi, sẽ tự mau chứng Định vi diệu. Nếu ai thấy ta và tỳ-kheo, cùng các Đại Sĩ như Hiền Hộ... Bồ Tát như thế chuộng đa văn, quyết định sẽ đắc tam-muội này. Nếu được nghe thánh tam-muội này, giảng cho người khác và biên chép).*

Đối với sức mạnh của môn tam-muội này, đức Thế Tôn dùng những lời ca ngợi như báu tam-muội, thánh tam-muội v.v... Chẳng phải là nói hư dối, mà cũng chẳng phải là nói quá lớn. Thật sự là lời tán thán tương ứng và đúng sự thật.

*(Kinh) Thị Đà-la-ni Thế Tôn tán, năng chứng nhất thiết Phật Bồ Đề.*

**(經)是陀羅尼世尊嘆，能證一切佛菩提。**

*(Kinh: Thế Tôn khen Đà-la-ni này, có thể chứng trọn Phật Bồ Đề).*

Tu trì pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, trọn đủ hết thấy các pháp, trọn đủ hết thấy oai đức. Vì

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

sao vậy? Thấy hết thấy chư Phật, sẽ trọn đủ hết thấy các thiện căn, trọn đủ hết thấy các pháp, vì hết thấy chư Phật trọn đủ hết thấy các pháp, được hết thấy chư Phật tổng trì, được hết thấy chư Phật truyền đạt. Do thấy hết thấy chư Phật, có thể thành tựu hết thấy các pháp, cho nên nói là “*nhập Đà-la-ni môn*”. Đây là lời chân thật, lời thành thật, chẳng phải là lập bày hư giả. Có nhiều kẻ bán khoán nơi pháp, gặp pháp này phải nên sanh lòng tin, phải nên thủ hộ, phải nên tu tập.

“*Năng chứng nhất thiết Phật Bồ Đề*” (Có thể chứng Bồ Đề của hết thấy chư Phật): Do là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, là pháp tắc có đại oai đức như thế, trong đời này chúng ta được nghe, phước đức đã là chẳng thể nghĩ bàn, được chư Phật tán thán. Nếu được nghe mà có thể tin tưởng, tiếp nhận, phước đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chúng ta có thể tu tập thành tựu, đó là công đức như thế nào? Mỗi hữu tình chúng ta hãy nên quán kỹ càng như thật, đừng nên khinh dễ bỏ qua! Vì được nghe pháp như thế này rất khó, nay mọi người đã có thể thấy nghe, đích xác là thiện căn chín muồi. Nếu Pháp Bảo hiện tiền, quý vị chẳng thể thuận tùng, nhất định là quý vị đã noi theo vọng tưởng của chính mình!

Người trong quá khứ vốn rất khó để đạt được một pháp. Chúng ta đều biết: Đức Thế Tôn vì nửa câu kệ mà xả thân. Nếu coi đó như trò cười, chúng ta sẽ trọn chẳng sanh khởi mấy may tôn trọng đối với pháp, coi pháp bảo khác nào cặn bã! Chúng ta đều biết: Có một vị Tam Tạng pháp sư tới núi Thiên Thai, bảo Trí Giả đại sư: “Thầy viết bộ Ma Ha Chỉ Quán rất tương ứng với kinh Lăng Nghiêm”. Trí Giả đại sư thưa: “Thật sự có kinh điển như thế ư?” Tam Tạng pháp sư nói: “Có chứ! Tên bộ kinh ấy là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh”. Vì thế, Trí Giả đại sư liền lập bái kinh đài, hướng về phương Tây, lễ bái suốt mười tám năm, mong thấy kinh ấy, nhưng chẳng được thấy! Nay chúng ta nhà nào mà chẳng có kinh Lăng Nghiêm? Nhưng lại có mấy ai trân quý, yêu mến hay chẳng? Kinh điển mà chúng ta được đọc trong hiện thời là các kinh điển do những bậc tiên hiền trong quá khứ đã vì học pháp mà vượt ngàn núi vạn sông sang phương Tây thỉnh về. Trăm người đi, chỉ một hai vị trở lại! Chúng ta có thật sự tôn trọng pháp hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Quý vị có thật sự coi trọng nhân duyên của chính mình hay chẳng? “*Trọng*” là tự trọng, “*tôn*” là tự tôn. “*Khinh*” là tự khinh, “*mạn*” là tự lừa gạt mình. Vẫn mong chúng ta hãy tự lay tỉnh sự giác ngộ từ chỗ thăm sâu trong tâm linh của chính mình, lay tỉnh sự yêu mến pháp của chính mình. Đừng nên qua quýt, lãng phí sanh mạng của chính

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

mình, ngày này qua ngày khác đọa lạc, buồn lung! Người trong thời Mạt Pháp gặp pháp khó lắm! Ai sẽ nâng đỡ quý vị? Ai sẽ thành tựu quý vị?

*(Kinh) Nhược nhân thiện tư thử tam-muội, nhất thiết chư Phật hàm cộng xưng. Đương đắc chủng tánh cập đa văn, chư Phật thứ đệ nhi diễn thuyết.*

**(經)若人善思此三昧，一切諸佛鹹共稱。當得種姓及多聞，諸佛次第而演說」。**

*(Kinh: Nếu ai khéo nghĩ tam-muội này, hết thấy chư Phật cùng ca ngợi, sẽ được chủng tánh và đa văn, chư Phật lần lượt đều diễn nói).*

“Đắc chủng tánh” là dựa vào chủng tánh Như Lai, trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong Phật pháp, bất luận là Vị Bất Thoái Chuyển, Hạnh Bất Thoái Chuyển, hay Niệm Bất Thoái Chuyển, ba loại Bất Thoái ấy chỉ có A Bệ Bạt Trí thủ hộ, chỉ có người niệm Phật thành tựu.

Phẩm này tuyên giảng về sự thọ trì, chỉ do tư duy và chánh tín mà có thể thọ trì. Nếu chúng ta quý trọng Pháp Bảo, sẽ nhất định có thể như thật thọ trì. Nếu chẳng trân trọng pháp này, sẽ giống như đạp đất vượt qua, pháp này chẳng thể chuyên chở quý vị. Vì thế, các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có thể gặp pháp bảo này, hãy nên quý trọng, hãy nên yêu mến, hãy nên thủ hộ, hãy nên tu tập!

### **10. Phẩm thứ sáu: Quán Sát**

Hết thấy phương tiện văn tự, không gì chẳng ấn khế tự tâm như thế. Nếu tự tâm chẳng tiếp nhận, văn tự làm sao an lập cho được? Chúng ta có thể tụ tập nơi đây học tập kinh Hiền Hộ, cũng tức là thiện căn trong đời trước đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội đã chín muồi, nhân duyên chín muồi, cho nên có thể có cơ chế phước đức như vậy, dùng tâm địa của chư Phật Như Lai để ấn khế tâm địa vốn chẳng có gì để ấn khế của chúng ta. Vì sao vậy? Tâm chẳng thể tự thấy. Dùng tri kiến của Phật Như Lai để dẫn phát chánh tri kiến của chúng ta, an trụ trong pháp và tri kiến, cho tới liên tục tiếp nối đến đời vị lai, tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Quán Sát phẩm đệ lục.*

**(經)大方等大集賢護分觀察品第六。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ sáu: Quán Sát).*

Từ văn tự trong phần trước, chúng ta có thể cảm nhận thân thiết đức Thế Tôn đang dần dần hướng dẫn chúng ta đúng như lý quan sát nội hàm, động thái, chỗ nương cậy, và chỗ thuận theo của pháp tắc này.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát tức dục tư duy tam-muội giả, đương vân hà tư? Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát, dục tư duy giả, tức ưng đương tác như thị tư duy.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩即欲思惟此三昧者，當云何思？賢護！彼諸菩薩，欲思惟者，即應當作如是思惟。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát muốn tư duy tam-muội này, hãy nên nghĩ như thế nào? Nay Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát ấy nếu muốn tư duy, hãy nên tư duy như thế này).*

Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp dạy Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên khéo tư duy như thế nào, chẳng để cho chúng ta dùng vọng tưởng, hoặc tri kiến của chính mình để suy lường pháp tắc nào, hoặc tiếp tục duy trì một tư tưởng nào! Ngài trực tiếp dạy chúng ta tư duy. Ví như đức Thế Tôn đã nói Tam Thập Ngũ Phật Kinh. Kinh Tam Thập Ngũ Phật là do đức Thế Tôn trực tiếp dạy cho hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát một pháp tắc để thực hành sám hối, Ngài trực tiếp chế định cho các vị đại Bồ Tát. Lại như chúng ta thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới, cho đến giới tỳ-kheo, giới Bồ Tát, tam-muội-da giới<sup>79</sup>, các thứ giới pháp, không gì

---

<sup>79</sup> Tam-muội-da giới (Samaya) là một loại giới pháp của Mật Tông, còn gọi là Phật Tánh Trí Tam-muội-da giới, hoặc Bí Mật Tam-muội-da giới, dùng trí huệ và đức tướng sẵn có của chúng sanh làm giới pháp, quy nhiếp toàn bộ giới pháp của Hiền giáo (ngũ giới, bát giới, thập giới...) vào trí huệ của chư Phật. Phẩm Cự Duyên trong



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chẳng phải do đức Thế Tôn khéo ban bố, khéo chọn lựa, khiến cho hết thảy các hữu tình chẳng cần phải nhờ đến phương tiện chọn lựa để tùy thuận, trong sự tùy thuận bèn tự nhiên chọn lựa, tức là nói đến sự lựa chọn pháp, trực tiếp tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, đạt được bất thoái chuyển. Vì thế, “*ưng đương tác như thị tư duy*” (hãy nên tư duy như thế), tức là đức Thế Tôn đã trực tiếp chọn lựa cho chúng ta, chẳng cần chúng ta phải dùng đến phương tiện phân tích.

***(Kinh) Như ngã Thế Tôn, kim giả hiện tại thiên nhân chúng trung, tuyên thuyết pháp yếu. Hiền Hộ! Bồ Tát như thị nhất tâm tư duy, chư Phật Như Lai tọa sư tử tòa, tuyên thuyết chánh pháp.***

**(經)如我世尊，今者現在天人衆中，宣說法要。賢護！菩薩如是一心思惟，諸佛如來坐師子座，宣說正法。**

***(Kinh: Như đức Thế Tôn ta nay đang ở trong đại chúng trời, người, tuyên nói pháp yếu. Nay Hiền Hộ! Bồ Tát nhất tâm tư duy như thế, chư Phật Như Lai ngồi trên tòa sư tử, tuyên nói chánh pháp).***

Chúng ta thấy các loại tượng Phật đều có đài sen hoặc tòa sư tử, hoặc là các vị Bồ Tát mỗi vị đều có tọa kỵ (坐騎, con vật để cưỡi), như Phổ Hiền Bồ Tát có voi trắng sáu ngà, Văn Thù Sư Lợi có sư tử xanh, Địa Tạng Vương Bồ Tát có Đê Thính, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng cưỡi [con vật] mang tướng oai đức là Kim Mao Hống<sup>80</sup>. Mỗi vị đều an lập

---

kinh Đại Nhật giảng: “*Đó là tam thế vô ngại trí giới, bao gồm bốn trọng giới, thường chẳng nên xả pháp, đừng lìa bỏ Bồ Đề tâm, đừng keo kiệt hết thảy các pháp, đừng chẳng làm chuyện lợi ích chúng sanh*”. Sách Vô Úy Tam Tạng Thiên Yếu lại triển khai thành mười giới, như chẳng lui sụt Bồ Đề tâm, chẳng xả Tam Bảo, chẳng sanh tà kiến, chẳng tự xưng ta đã trọn đủ vô thượng đạo v.v... Đại Nhật Kinh Sớ lại có cách diễn giải khác, chẳng hạn như chẳng nên xả chánh pháp, chẳng bán hết thảy giáo pháp tam thừa, chẳng sanh tà kiến báng bỏ không có nhân quả, chẳng bỏ thí vật gây hại cho người khác...

<sup>80</sup> Kim Mao Hống (金毛吼), còn gọi là Đặng Long, Vọng Thiên Hống, Triều Thiên Hống, là một thần thú có hình dáng giống như kỳ lân, rất dũng mãnh, hung tợn, có thể đánh nhau ngang sức với rồng, ăn óc rồng. Theo truyền thuyết, nó là một trong các đứa con của long vương, có tập quán canh gác. Do nó hay ngửa mặt lên trời, rồng to rúng động trời đất, cho nên gọi là Vọng Thiên Hống hay Triều Thiên Hống. Vì thế, nó thường được đắp trên các trụ đá (hoa biểu) quanh các đền đài, cung điện, lăng tẩm, với ước nguyện tâu lên thiên đình ước vọng của con người, và trấn áp xua

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

như thế, nhằm biểu hiện điều gì? Vì muốn khiến cho hết thảy chúng sanh tùy thuận, tin phục, như mưa to có thể nhuần thấm rộng khắp thế gian. Lại như sấm lớn có thể rung chuyển thế gian, khiến cho chúng sanh thức tỉnh. Chư Phật Như Lai tuyên nói chánh pháp cũng lại như thế.

*(Kinh) Cụ túc thành tựu nhất thiết tướng hảo, tối diệu, tối cực, thù đặc đoan nghiêm, nhạo quán vô yếm.*

**(經)具足成就一切相好，最妙最極，殊特端嚴，樂觀無厭。**

*(Kinh: Thành tựu trọn đủ hết thảy các tướng hảo, mâu nhiệm nhất, tốt bậc nhất, đoan nghiêm thù thắng đặc biệt, ưa nhìn chẳng chán).*

Phần trước là quan sát từ sự thuyết pháp, ở đây là quan sát diệu tướng. Đức Thế Tôn dùng bốn pháp để rộng độ hữu tình trong thế gian, khiến cho hết thảy chúng sanh trụ trong an lạc. Diệu tướng trang nghiêm là pháp tắc thù thắng nhất, trực tiếp tiếp dẫn chúng sanh. Phật giáo chẳng phải là tôn giáo thờ ngẫu tượng, nhưng chẳng quên dùng các loại phương tiện như ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, khiến cho chúng sanh được thấy, được nghe, biết đến pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn như thế, tùy thuận diệu tướng mà lợi ích to lớn vô thượng!

*(Kinh) Như thị quán sát chư đại nhân tướng, w nhất nhất tướng, ưng đương chí tâm, tức đắc minh liễu kiến chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Kỳ đắc kiến dĩ, đương tiên tư vấn bất kiến đánh tướng.*

**(經)如是觀察諸大人相，於一一相，應當至心，即得明了見諸如來應等正覺。既得見已，當先諮問不見頂相。**

---

đuôi tà khí, quý quái. Có lẽ hình thức đắp các con nghê (giống như sư tử) hay con sấu trên các cột đá tại các kiến trúc cổ của Việt Nam cũng là hình thức khác của Hống. Theo cổ thư, Hống có mười đặc điểm: Sừng hươu, đầu lạc đà, tai mèo, mắt tôm, mõm lừa, lông như sư tử, cổ rắn, bụng như con Thận (một loài sò lớn ngoài biển, hơi thở của nó có thể tạo thành huyền cảnh lâu đài, thành thị trên biển), vảy như cá chép vàng, vuốt chim ưng, chân sau giống như chân hổ. Theo Thuật Dị Ký, Hống có thể phun lửa gần cả trăm mét.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Quan sát các tướng đại nhân như thế. Đối với mỗi tướng, hãy nên chí tâm, liền được thấy rõ ràng các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Đã được thấy rồi, trước hết hãy nên thưa hỏi về tướng đỉnh đầu chẳng thể trông thấy [của Như Lai]).*

“*Tư vấn*” (諮問) là vì hết thấy chư Phật Như Lai do đại công đức tùy thuận thành tựu chân thật mà nhập vào hết thấy biển Như Lai Tạng Tánh, hết thấy Bồ Tát đều chẳng thể suy lường. Thanh Văn và Duyên Giác cũng như thế, các loài phàm phu càng chẳng có dấu vết để tìm tòi. Do vậy, phải thưa hỏi chư Phật Như Lai các thứ pháp nghĩa. Trong kinh điển, thường nói như thế này: Khi ấy, vị Bồ Tát nào đó nương theo oai thần của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa hỏi giáo ngôn nào đó. Vì lẽ nào? Nếu chư Phật Như Lai chẳng dùng oai thần và trí đức gia bị, hết thấy các vị Bồ Tát chẳng thể rời khỏi chỗ ngồi để thưa hỏi, tức là chẳng thể lìa khỏi tri kiến của chính mình để dẫn phát công đức chân thật của giáo ngôn vô thượng.

*(Kinh) Kỳ đắc vấn dĩ, nhiên hậu thứ đệ biến quán chư tướng, giai linh minh liễu. Như thị quán dĩ, cánh phục tư duy, chư Phật Như Lai chúng tướng vi diệu, thị vi hy hữu!*

**(經)既得問已，然後次第遍觀諸相，皆令明了。如是觀已，更復思惟，諸佛如來衆相微妙，是爲希有。**

*(Kinh: Đã được thưa hỏi rồi, sau đó theo thứ tự, quán trọn khắp các tướng, sao cho đều rành rẽ. Quán như thế xong, lại tư duy các tướng vi diệu của chư Phật Như Lai là hy hữu).*

Trong quá trình chúng ta học tập tu trì Phật pháp, nghe lời dạy thù thắng của đức Phật, nếu nghe xong bèn hành trì, nghe xong bèn hoan hỷ, nghe xong rồi kính cẩn tiếp nhận, ắt sẽ đạt được lợi ích to lớn. Thấy diệu tướng của chư Phật, nếu tùy thuận quan sát, kiến lập nguyện vọng thanh tịnh thì cũng sẽ tương ứng. Sau đó chính là sự hướng dẫn và cách quan sát tương ứng với nguyện vọng quán tướng.

*(Kinh) Nguyện ngã vị lai, hoàn đắc như thị cụ túc thành tựu chư diệu tướng thân.*

**(經)願我未來，還得如是具足成就諸妙相身。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Nguyện tôi trong đời vị lai cũng được thành tựu trọn đủ thân có các diệu tướng như thế).*

Trong các cách tu Quán Phật tam-muội, nương theo một loại, hai loại quán pháp để quán vô kiến đánh tướng của Như Lai. Cho đến quán tướng tóc xanh biếc có ánh đỏ, tướng lông tóc đều cuộn theo chiều phải, tướng da đầu như sắc vàng ròng, tướng xương đầu như bạch hạc, tướng não như lưu ly, trong não có mười bốn mạch, mỗi mạch có mười bốn luồng sáng, mỗi luồng sáng đều chiếu sáng rực mười phương pháp giới, lợi ích rộng lớn hết thảy hữu tình...

Cho đến tướng bánh xe vạn căm dưới lòng bàn chân, theo thứ tự mà quan sát. Dù thuận quán hay nghịch quán, quán sát như thế, sẽ được ấn khế sâu xa, an lạc thanh tịnh, xa lìa các nạn, thân tâm an lạc. Đó là quán diệu tướng trọn đủ công đức.

*(Kinh) Nguyện ngã vị lai, diệp đắc như thị thanh tịnh cấm giới, cụ túc oai nghi.*

**(經)願我未來，亦得如是清淨禁戒，具足威儀。**

*(Kinh: Nguyện tôi trong đời vị lai, cũng đạt được giới cấm thanh tịnh như thế, trọn đủ oai nghi).*

Hết thảy diệu tướng đều đến từ giới đức chánh đáng, thanh tịnh. Đối với điều này, chư Phật Như Lai đều có sự che chở, bảo vệ như thế. Vì nếu nói ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo chính là Như Lai thì Kim Luân Vương cũng là Như Lai! Vì sao Phật trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo lại được gọi là Như Lai? Vì Ngài trọn đủ công đức của hết thảy các giới, có đại oai đức thiện xảo lợi ích trọn khắp thế gian. Tuy Kim Luân Vương cũng trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi loại hảo, nhưng vì chẳng có trí vô lậu, chẳng có thập lực, mười tám pháp bất cộng, tứ vô úy, cho nên chẳng thể gọi là Phật. Như Lai Thế Tôn dùng đủ loại cảnh giới, đủ loại oai nghi, đủ loại phương tiện thiện xảo để lợi ích trời, người rộng lớn. Cho nên các Luân Vương chẳng thể tương tự! Dầu tướng Luân Vương cũng thanh tịnh, viên mãn, trang nghiêm, chỉ là xét theo pháp thì chẳng trọn đủ như Phật, cho nên chứng đắc chẳng đồng nhất.

*(Kinh) Nguyện ngã vị lai, diệp đắc như thị cụ túc tam-muội. Nguyện ngã vị lai, diệp đắc như thị cụ túc trí huệ. Nguyện ngã vị lai,*

*diệc đắc như thị cụ túc giải thoát. Nguyên ngã vị lai, diệc đắc như thị giải thoát tri kiến. Nguyên ngã vị lai, thành mãn như thị chư tướng thân dĩ, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)願我未來，亦得如是具足三昧。願我未來，亦得如是具足智慧。願我未來，亦得如是具足解脫。願我未來，亦得如是解脫知見。願我未來，成滿如是諸相身已，即得成就阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ tam-muội như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ trí huệ như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ giải thoát như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc giải thoát tri kiến như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, thành tựu viên mãn thân có các tướng như thế rồi, sẽ liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Đây là từ năm phần Pháp Thân, tức Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến, mà khế nhập biển Chánh Biến Tri của chư Phật, sáng ngời thế gian.

*(Kinh) Ký thành Phật dĩ, diệc đương như thị. Xử bỉ thiên nhân đại chúng chi trung, cụ túc tuyên thuyết như tư diệu pháp. Bồ Tát như thị cụ túc quán sát chư Phật Như Lai, nãi chí thành tựu Nhất Thiết Chủng dĩ, phục ưng cánh tác như thị tư duy: Thị trung hà giả thị ngã?*

**(經)既成佛已，亦當如是。處彼天人大眾之中，具足宣說如斯妙法。菩薩如是具足觀察諸佛如來，乃至成就一切種已，復應更作如是思惟：是中何者是我？**

*(Kinh: Đã thành Phật rồi, cũng sẽ như thế. Ở trong đại chúng trời, người, tuyên nói đầy đủ diệu pháp như thế, Bồ Tát quán sát trọn đủ chư Phật Như Lai như thế, cho đến thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí rồi, lại nên tư duy như thế này: Trong ấy, thứ gì là ta?)*

Vì sao? Nếu an lập công đức bốn tôn thành tựu, lợi ích rộng khắp thế gian, chẳng nhiễm đắm vào đâu, sẽ là lợi ích chân thật của diệu

tướng trang nghiêm thanh tịnh rộng lớn. Nếu có đắm nhiễm, sẽ là ngã mạn. Ngã mạn tiếp nối, ắt sẽ thuộc vào tầng thượng mạn. Tầng thượng mạn thì ắt sẽ thuộc vào đại vọng ngữ, tăng tấn dần dần, sẽ đọa vào thế gian. Nếu chúng ta chẳng tùy thuận sự quan sát thiện xảo của chư Phật Như Lai, đầu tu thiện pháp đôi chút, đạt được đôi chút lợi ích, đạt được khinh an đôi chút, đạt được tướng quang minh đôi chút, cho đến đạt được tự tại thân thông đôi chút, sẽ rơi vào ngã mạn, tức là thuộc vào tầng thượng mạn. Thậm chí dần dần tiếp nối, ngộ chính mình thật sự có sở đắc, ngộ đã đắc pháp nơi pháp chưa đắc, chưa chứng mà nói là chứng, hư vọng nhận biết. Sau đây, tất nhiên trở thành kẻ đáng gọi là “*quyên thuộc của ma*”, nguy hại thế gian! Chúng ta nhất định phải chú trọng điều này!

“*Thị trung hà giả vi ngã*” (Trong ấy thứ gì là ta): Đây là thiện xảo để quán nhằm phá bốn tôn<sup>81</sup>. Vì thế, bốn tôn quán phải nên khéo đạt được lợi ích nơi Phật pháp mà chẳng đắm nhiễm. Nếu có đắm nhiễm, tất nhiên sẽ đọa lạc, nhất định phải chú ý. Đó là sự chuyển biến thanh tịnh trong Phật pháp, mà cũng là vận dụng thiện xảo rộng lớn, nhưng chẳng đắm nhiễm, thuộc vào sức mạnh của trí huệ.

*(Kinh) Thùy vi ngã sở pháp? Thùy năng đắc thành chư Phật Bồ Đề? Vi thân đắc da? Vi tâm đắc da?*

**(經)誰爲我所法? 誰能得成諸佛菩提? 爲身得耶? 爲心得耶?**

*(Kinh: Ai là pháp của ta? Ai có thể thành tựu Bồ Đề của chư Phật? Là thân đắc u? Là tâm đắc u?)*

Từng bước hướng dẫn chúng ta tùy văn nhập quán.

*(Kinh) Nhược thân đắc giả, thị thân ngoan ngãi, vô giác, vô tri, do như thảo mộc, thạch bích, kính tượng.*

---

<sup>81</sup> “Bốn tôn” trong câu này chính là ý niệm chấp trước, cho rằng có một cái Thật Ngã, là Ngã Chấp, ngộ bản ngã của chính mình tôn quý, cho là mình chứng đắc cao hơn người khác. Còn bốn tôn trong câu “*an lập bốn tôn công đức thành tựu*” trong đoạn trước chính là nói về chân tâm thanh tịnh, là Phật tánh, là tạng tánh. An trụ bốn tôn là nhận biết chính mình sẵn có Phật tánh, chứng nhập chân tâm Thật Tướng v.v...

**(經)若身得者，是身頑駘，無覺無知，猶如草木，石壁鏡像。**

*(Kinh: Nếu là thân đắc thì thân này ngu độn, vô giác, vô tri, ví như cỏ cây, vách đá, hình bóng trong gương).*

Sắc thân này của chúng ta do Tứ Đại hợp thành. Địa, Thủy, Hỏa, Phong có tác dụng là gì? Sắc thân của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nếu bỏ đi ý thức, chẳng phải là như cỏ cây ư? Hãy nên khéo quan sát.

*(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Đề, vô sắc, vô hình, phi tượng, phi tướng, bất khả kiến tri, bất khả xúc chứng.*

**(經)然彼菩提，無色無形，非像非相，不可見知，不可觸證。**

*(Kinh: Nhưng Bồ Đề ấy vô sắc, vô hình, chẳng phải là hình tượng, chẳng phải là tướng, chẳng thể thấy biết, chẳng thể chạm để nhận biết).*

Chúng ta thường từ trong danh tướng và ngôn thuyết đàm luận mà biểu đạt tâm phần Bồ Đề, biểu đạt tướng mạo của Bồ Đề. Nói “*chẳng đến, chẳng đi, chẳng như, chẳng sạch, từ vô thỉ tới nay rộng lớn vi diệu, nhiếp thọ thế gian rộng lớn, chẳng có bụi bặm, chẳng có dấm nhiễm, chẳng lia một pháp*”. Đối với chỗ chẳng thể nói năng này mà cưỡng lập ngôn thuyết, khiến cho chúng sanh có phương tiện văn tự và ngôn ngữ để khế nhập, có thể biết rõ sự liễu tri trong “*bất khả kiến tri*” (chẳng thể thấy biết). Trong biển Chánh Biến Tri, cái tâm trí nguồn cội ấy chẳng tạo tác mà đạt được, chẳng thể mất đi. Vì thế, chư Phật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng đối với pháp này bèn chẳng có gì để có thể chứng, phàm phu hữu tình ngu si điên đảo trầm luân nơi đây chẳng thể tước giảm!

*(Kinh) Vân hà cánh dĩ ngoan ngãi, vô tri, vô kiến, vô thức, vô sở phân biệt, vô tác chi thân, đắc bỉ Bồ Đề?*

**(經)云何更以頑駘無知，無見無識，無所分別，無作之身，得彼菩提？**

*(Kinh: Sao có thể dùng cái thân ngu độn, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng nhận biết, chẳng phân biệt, chẳng tạo tác để đạt được Bồ Đề?)*

Đây là phá trừ hết thảy chấp trước và hết thảy cái tâm sở đắc. “Đắc Bồ Đề” thì dùng gì để đắc Bồ Đề? Thông thường, những ai đã học giáo ngôn về tạng tánh, đều có thể liễu giải “*hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”, “*hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đối với các lời lẽ sâu màu như thế, lời chân thật rộng lớn rất sâu như thế, dùng gì để có thể ẩn khế vạn pháp duy tâm? Dùng gì để liễu tri cảnh giới Nhất Thật?

*(Kinh) Bồ Đề như thị ký vô hình sắc, phi tướng, phi tượng, bất khả kiến tri, bất khả xúc chứng, thù phục u trung nhi hành chứng giả? Nhược tâm đắc giả, thị tâm vô sắc, bất khả đắc kiến. Thị tâm vô tướng, bất khả đắc tri. Thử tâm như thị đồng u huyền hóa.*

**(經)菩提如是既無形色，非相非像，不可見知，不可觸證，誰復於中而行證者？若心得者，是心無色，不可得見。是心無相，不可得知。此心如是同於幻化。**

*(Kinh: Bồ Đề đã chẳng có hình sắc như thế, chẳng phải tướng, chẳng phải hình tượng, chẳng thể thấy biết, chẳng thể đụng chạm để chứng biết, ai lại có thể chứng biết trong ấy? Nếu là tâm đắc [Bồ Đề], thì cái tâm ấy vô sắc, chẳng thể trông thấy. Cái tâm ấy vô tướng, chẳng thể biết được. Cái tâm ấy giống như huyền hóa như thế đó).*

Hết thảy sự nhận biết không gì chẳng phải do nhân duyên mà sanh, chẳng thể chạm đến, chẳng thể thấy biết!

*(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Đề diệc nhĩ, vô sắc bất khả kiến, vô tướng bất khả tri, vô lậu, vô vi, diệc đồng huyền hóa.*

**(經)然彼菩提亦爾，無色不可見，無相不可知，無漏無爲，亦同幻化。**

*(Kinh: Nhưng Bồ Đề cũng thế, chẳng có sắc chẳng thể thấy, chẳng có tướng chẳng thể biết, vô lậu, vô vi, cũng giống như huyền hóa).*



Đức Thế Tôn phán định tướng mạo của Bồ Đề như thế, khiến cho chúng ta có một cái gọi là sự hay biết [giống như] “*ấn hoại văn thành*” (ấn nát, nhưng nét khắc nơi ấn đã hiện ra) là sự hay biết vô nhiễm, là sự hay biết viên mãn, là sự hay biết triệt để phát khởi tự tại trong hiện tại.

*(Kinh) Vân hà khả chứng? Vân hà giác tri, nhi ngôn thân tâm đắc Bồ Đề da?*

**(經)云何可證? 云何覺知, 而言身心得菩提耶?**

*(Kinh: Làm thế nào để có thể chứng? Làm thế nào để hay biết mà nói thân tâm đắc Bồ Đề ư?)*

Quan sát như thế, tư duy như thế. Đây là đức Như Lai Thế Tôn dùng trí chẳng thể nghĩ bàn để hướng dẫn chúng sanh chánh quan sát, khéo quan sát, như lý quan sát, chân thật quan sát, chẳng tăng giảm mà quan sát. Nếu chúng ta dùng vọng tâm quan sát, sẽ chẳng thể được. Dùng cái tâm do chính mình xếp đặt để quan sát, cũng chẳng thể được. Vì thế, đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta hãy khéo quan sát.

*(Kinh) Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát như thị quán thời, phân minh liễu liễu, kiến thị thân tướng, bất đắc Bồ Đề, diệc tri thị tâm bất đắc Bồ Đề. Hà dĩ cố? Chư pháp vô hữu dĩ sắc chứng sắc, dĩ tâm chứng tâm cố.*

**(經)彼菩薩摩訶薩如是觀時, 分明了了, 見是身相, 不得菩提, 亦知是心不得菩提。何以故? 諸法無有以色證色, 以心證心故。**

*(Kinh: Khi vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy quán như thế, rành rẽ, phân minh, thấy thân tướng này chẳng đắc Bồ Đề, cũng biết là tâm chẳng đắc Bồ Đề. Vì lẽ nào? Do các pháp chẳng có pháp nào dùng sắc để chứng sắc, dùng tâm để chứng tâm).*

Giống như Tâm Kinh đã nói, “*vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa*” (không có trí mà cũng chẳng đạt được. Do chẳng có gì để đạt được, nên Bồ Tát...) Trong giáo ngôn của chư Phật, chọn lựa pháp vô tự tánh thì chẳng có một pháp nào để có thể thành, thật sự là chẳng có pháp nào để có thể lập, thế mà rộng lập các pháp, lợi ích hữu

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

tình đắm nhiễm trong thế gian, khiến cho họ tiêu trừ hết thảy chấp trước huyền chương, khiến cho họ thành tựu lợi ích to lớn vô thượng.

*(Kinh) Nhiên bỉ u ngôn thuyết trung, tri nhất thiết pháp, tuy vô sắc, vô hình, vô tướng, vô lậu, vô khả đồ kiến, vô hữu chứng tri, diệc phi vô chứng.*

**(經)然彼於言說中，知一切法，雖無色無形，無相無漏，無可睹見，無有證知，亦非無證。**

*(Kinh: Nhưng trong ngôn thuyết, họ biết hết thảy các pháp tuy vô sắc, vô hình, vô tướng, vô lậu, chẳng thể trông thấy, chẳng có chứng biết, mà cũng chẳng phải là vô chứng).*

Vì lẽ nào? Nói chứng và chẳng chứng như thế, thật sự là hý luận. Có thể đắc và chẳng thể đắc, đúng, sai, hết thảy ngôn thuyết đối đãi ở đây đều lặng thình không có tiếng. Vì trong tâm trí nhị nguyên của bọn phàm phu chúng ta, cứ đối đãi liên tục. Nếu trừ sạch đối đãi, tâm trí A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thanh tịnh vốn sẵn có sẽ ngay lập tức sáng rực thế gian, chẳng cần tạo tác.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Dĩ nhất thiết chư Như Lai thân vô hữu lậu cố. Hựu chư Như Lai thân vô lậu cố, tâm diệc vô lậu. Hựu chư Như Lai tâm vô lậu cố, sắc diệc vô lậu.*

**(經)何以故？以一切諸如來身無有漏故。又諸如來身無漏故，心亦無漏。又諸如來心無漏故，色亦無漏。**

*(Kinh: Vì có sao? Do thân của hết thảy các Như Lai chẳng có hữu lậu. Lại do thân của chư Như Lai vô lậu, nên tâm cũng vô lậu. Lại do tâm của chư Như Lai vô lậu, sắc cũng vô lậu).*

“Vô lậu” là chẳng tạo tác, thanh tịnh, xa lìa hết thảy công dụng, tức là xa lìa hết thảy tác ý đối đãi. Trong quá trình học Phật pháp, chúng ta đều biết một danh từ, tức là hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa, đều gọi là “bất tịnh ý Bồ Tát”. “Bất tịnh ý” tức là có tác ý, có sự tác ý liên tục. Phàm phu hữu tình nếu chẳng tác ý, tâm chẳng có chỗ nào ràng buộc. Nếu tâm chẳng ràng buộc, ý thức sẽ mờ mịt, thậm chí là mê mẩn. Vì thế, hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa, vẫn cần phải tác ý, tạo tác tăng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

thượng thiện xảo, siêng năng tu pháp chánh đáng như thế, tức là “trừ hết thủy ác, hành hết thủy thiện, điều thiện chưa sanh khiến nảy sanh, điều ác đã sanh bèn sám hối”. Người siêng năng chánh đáng như thế chính là tác ý thiện xảo. Nhưng chư Phật Như Lai và hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên thì tâm ý vô công dụng, chẳng cần tạo tác, chẳng cần đối đãi, Thật Tướng hiện tiền, thanh tịnh hồi thí công đức chân thật, dùng điều đó để an trụ. Đây là điều sẵn có của Báo Đức, do thiện căn thật sự viên mãn thành thực, chẳng phải do nương vào Tu Đức mà cưỡng chấp. Phạm phu hữu tình nếu chẳng nhờ sự tu trì hậu thiên (sự tu trì sau khi đã tìn giải), sẽ thường chẳng thể chấp nhận pháp tánh chân thật. Nếu ở trong các sự, các tướng, thuận ứng hiện duyên, thuận ứng pháp tánh, hai pháp cùng nêu, Tu Đức và Tánh Đức cùng lúc trọn đủ, khi ấy có thể nói là “tu pháp phần”. Như thế thì chúng ta sẽ có thể có cơ chế an trụ nơi đạo nghiệp vô thượng, cho đến có cơ duyên tu tập.

Đoạn văn tự này đã ban cho chúng ta một cơ chế hướng dẫn quan sát và tư duy. Chương trước là phẩm Thọ Trì, dùng thọ trì để chuyển tiếp, hướng dẫn chúng ta đạt đến chánh quan sát. Trước phẩm Thọ Trì có phẩm Chánh Tín. Trước đó, lại có phẩm Tư Duy, tức là dùng tư duy để khế nhập chánh tín, dùng chánh tín để khế nhập thọ trì, dùng nhân duyên thọ trì để khéo quan sát pháp tắc, khéo quan sát tâm địa. Đức Thế Tôn giáo hóa chúng ta như thế, tuyên nói giáo pháp như thế, khiến cho chúng ta thiết thực tư duy, khéo thủ hộ!

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ tam.  
Hiền Hộ Phần Quán Sát phẩm chi dư.***

***Hựu chư Như Lai, Sắc vô lậu cố, Thọ diệt vô lậu, nãi chí Hành,  
Thức diệt vô lậu. Hựu chư Như Lai, Giới diệt vô lậu, sở hữu tam-  
muội trí huệ diệt vô lậu, nãi chí Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến diệt  
vô lậu. Như thị nãi chí chư Như Lai, chư Như Lai sở hữu ngôn  
thuyết, dĩ thuyết, kim thuyết, đương thuyết, cập nhất thiết pháp, tư giai  
vô lậu dã.***

**(經)大方等大集賢護經卷第三。**

**賢護分觀察品之餘。**

**又諸如來，色無漏故，受亦無漏，乃至行識亦無漏。  
又諸如來，戒亦無漏，所有三昧智慧亦無漏，乃至解脫，  
解脫知見亦無漏。如是乃至諸如來，諸如來所有言說，已  
說，今說，當說，及一切法，斯皆無漏也。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ ba.  
Hiền Hộ Phần, phần còn lại của phẩm Quán Sát.*

*Lại nữa, các đức Như Lai do Sắc vô lậu, nên Thọ cũng vô lậu, cho đến Hành, Thức cũng vô lậu. Lại nữa, Giới của các đức Như Lai cũng vô lậu, tất cả trí huệ tam-muội cũng vô lậu, cho đến Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến cũng vô lậu. Như thế cho đến các đức Như Lai, tất cả ngôn thuyết của các đức Như Lai đã nói, đang nói, sẽ nói, và hết thảy các pháp đều là vô lậu).*

Vô Lậu là một danh từ chuyên biệt của Phật giáo, biểu đạt Phật pháp, biểu đạt đặc tánh chỉ riêng Phật pháp mới có, chứ hết thảy các pháp chẳng có, hết thảy các ngoại đạo chẳng có. Phật giáo nói đến Lục Thông, hết thảy các ngoại đạo đều có pháp tắc Ngũ Thông, nhưng chỉ Phật giáo có Lậu Tận Thông, A La Hán là người đích thân chứng đắc [Lậu Tận Thông]. Hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên đều đích thân chứng đắc, chư Phật Như Lai đích thân chứng đắc công đức vô lậu chân thật ấy.

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư như thị đẳng nhất thiết Phật pháp, trí nhân năng đạt, ngu giả mạc tri.*

**(經)賢護！諸如是等一切佛法，智人能達，愚者莫知。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Hết thảy các Phật pháp như thế, người trí có thể thông đạt, kẻ ngu chẳng biết).*

Hai pháp trí và ngu chẳng phải là phê phán, mà là khi vận dụng, vì hai pháp trí và ngu cũng chẳng có tự tánh. Như người học Phật chúng ta, trì giới, phạm giới, người thiện, kẻ ác, phàm phu, thánh nhân cũng giống như thế, chẳng thể nào xác định cứng ngắc được. Các thứ pháp vị trong Phật pháp như Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, các loại quả vị, có phải là có địa vị hay chẳng? Địa vị ấy cũng là thiện xấu tăng thượng,

hướng dẫn hữu tình, khiến cho họ thấy thấu triệt tâm trí. Đó gọi là “*phương tiện gia trì tăng thượng*”, hiển lộ sự thiện xảo nơi bốn vị.

**(Kinh) Bĩ nhược năng tác như thị quán thời, nhất thiết chư pháp tất bất khả đắc.**

**(經)彼若能作如是觀時，一切諸法悉不可得。**

*(Kinh: Nếu lúc người ấy có thể quán như thế, thì sẽ [thấu triệt] hết thấy các pháp đều chẳng thể đạt được).*

Đối với phàm phu trong thế gian, “*có pháp để có thể đạt được*” chính là động lực duy nhất chi phối hết thấy các hành vi của chúng ta, thường nói là “*chẳng có lợi sẽ không làm*”. Trong pháp tắc thuộc về giáo ngôn của chư Phật, quả thật chẳng có một pháp để có thể đạt được. Do vận dụng trí huệ để quán, dùng từ bi để quán, do lợi ích rộng khắp thế gian mà quán, thì đều chẳng có một pháp nào để có thể đạt được!

**(Kinh) Vân hà bất khả đắc? Sở vị thùi năng chứng dã bất khả đắc! Vân hà chứng dã diệc bất khả đắc? Hà duyên chứng dã diệc bất khả đắc?**

**(經)云何不可得? 所謂誰能證也不可得! 云何證也亦不可得? 何緣證也亦不可得?**

*(Kinh: Vì sao chẳng thể đạt được? Tức là nói “ai có thể chứng” thì chẳng thể được! Vì sao đã chứng thì cũng chẳng thể đạt được? Do duyên nào mà đã chứng cũng chẳng thể đạt được?)*

Đối với pháp “*bất khả đắc*” (chẳng thể đạt được) ở đây, chúng ta hãy khéo tư duy, quan sát. Tư duy như thế, sẽ dẫn dắt chúng ta dần dần tiến nhập, quan sát các thứ sự tướng chung quanh.

**(Kinh) Bĩ năng tác thị quán dĩ, như thị nhập Diệt Tịch Định, phân biệt chư pháp, diệc bất phân biệt chư pháp.**

**(經)彼能作是觀已，如是入滅寂定，分別諸法，亦不分別諸法。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Người ấy đã có thể quán như thế xong, nhập Diệt Tịch Định như thế, phân biệt các pháp, mà cũng chẳng phân biệt các pháp).*

Hiểu rõ ràng, phân minh, trọn chẳng đắm nhiễm hết thảy các pháp như đã nói trong phần trước. Cái được gọi là Diệt Tịch Định, hoặc còn gọi Tịch Diệt Định, tức là đã ngưng dứt hết thảy các tạo tác, trong hết thảy các trần lao cũng đã an trụ. Do chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên hiểu phân minh các pháp mà chẳng đắm nhiễm.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Chư pháp vô cố.*

**(經)何以故? 諸法無故。**

*(Kinh: Vì lẽ nào? Do các pháp là Không).*

Sự lựa chọn này rất quan trọng!

*(Kinh) Hiền Hộ! Như hỏa vị sanh, hoặc thời hữu nhân phát như thị ngôn: “Ngã u kim nhật, tiên diệt thị hỏa”. Hiền Hộ! U ý vân hà? Bỉ nhân thị ngữ vi thành thật phủ?*

**(經)賢護! 如火未生, 或時有人發如是言: 「我於今日, 先滅是火」。賢護! 於意云何? 彼人是語爲誠實不? 」**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Như lửa chưa sanh, nếu khi ấy, có kẻ nói như thế này: “Hôm nay ta sẽ diệt lửa ấy trước”. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Lời ấy của kẻ đó có thành thật hay không?)*

Phiền não hư vọng của hết thảy chúng sanh trong thế gian vốn chẳng có gì để đạt được. Do hư vọng mà tạo thành phiền não. Thật ra, chẳng có gì để có thể diệt. Đó là diệt! Hết thảy phàm phu hữu tình chấp trước pháp “*diệt trừ phiền não*”, oan uổng tăng thêm phiền não. Ở trong cái “*vốn chẳng có phiền não*” mà tăng thêm một cái phiền não mới toanh là “*diệt phiền não*”, bị luân hồi oan uổng! Luân hồi như thế, giống như quay tròn cây đuốc trong không trung, sẽ thành một vòng lửa. Trong luân hồi, thật sự chẳng có vật gì để có thể đạt được, nhưng vì cưỡng chấp mà sanh ra tướng luân hồi và nghiệp luân hồi.

*(Kinh) Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã, Thế Tôn!” Phật cáo Hiền Hộ: “Như thị chư pháp, tòng bốn dĩ lai, tất cánh vô đắc”.*

**(經)賢護答言：「不也，世尊！」佛告賢護：「如是諸法，從本以來，畢竟無得。」**

*(Kinh: Ngài Hiền Hộ đáp rằng: “Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn!” Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ: “Các pháp như thế vốn rốt ráo chẳng thể được”).*

Chúng ta có thể quan sát trọn khắp, tùy thời quan sát, tùy duyên quan sát, có thể quán khắp các chỗ tâm trí trong hết thấy các hiện duyên, [sẽ thấy] các pháp rốt ráo chẳng thể đạt được, chỉ vì hư vọng chấp trước và đắm nhiễm, ngỡ là thật sự có cái để đạt được, bèn sanh khởi các nỗi khổ sở vì chấp trước.

*(Kinh) Vân hà w kim nãi tác tư thuyết: “Ngã năng chứng tri nhất thiết chư pháp, ngã năng liễu đạt nhất thiết chư pháp, ngã năng giác ngộ nhất thiết chư pháp, ngã năng độ thoát nhất thiết chúng sanh w sanh tử trung”? Thử phi chánh ngôn.*

**(經)云何於今乃作斯說：「我能證知一切諸法，我能了達一切諸法，我能覺悟一切諸法，我能度脫一切衆生於生死中」？此非正言。**

*(Kinh: Vì sao nay nói như thế này: “Ta có thể chứng biết hết thấy các pháp, ta có thể liễu đạt hết thấy các pháp, ta có thể giác ngộ hết thấy các pháp, ta có thể độ thoát hết thấy chúng sanh trong sanh tử”? Đó chẳng phải là lời lẽ chánh đáng).*

Đấy là lời lẽ của kẻ cuồng vọng, kẻ đắm nhiễm, kẻ ưa thị phi, kẻ trầm luân. Như hữu tình trong thế gian hiện thời phần nhiều nói: “Ta là người trì giới”, “ta là người tu hành”, “ta là người có chánh pháp”, “ta là bậc chánh tri kiến”, “ta là kẻ có nhân duyên chi đó” v.v... Thật ra, kẻ đó là kẻ đắm nhiễm, chấp trước, đọa lạc, tất nhiên sẽ bị xâm hại bởi pháp. Vì sao vậy? Do vô trí mà cũng vô đặc để lợi ích rộng khắp thế gian. Do vô trí mà cũng vô đặc để an trụ trong trí huệ. Do vô trí mà cũng vô đặc, bèn có oai đức đối với hữu tình, có oai đức trong hiện pháp. Nếu có đắm nhiễm, ắt sẽ bị mắc hại. Vì sao đối với pháp, người đời chẳng thể đạt được lợi ích chân thật? Phần nhiều là vì thói quen chấp trước vọng tưởng liên tục, chẳng thể gián đoạn. Chấp trước trong quá khứ là tham, sân, si,

mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, còn chấp trước trong hiện tại là [chấp trước] những cái gọi là “*chánh pháp, chánh kiến, độ chúng sanh, trí, bi*”. Các thứ chấp trước như thế vẫn là thay đổi hình dạng chấp trước đó thôi, thật sự là nguồn khổ, thật sự là gốc khổ! Chư Phật Như Lai nói lời thành thật để chúng ta chánh tư duy, quan sát. Hiện thời, trong các đoàn thể cư sĩ học Phật, hoặc đoàn thể tăng nhân, phần nhiều có tri kiến như thế, cứ ngỡ chính mình có pháp để có thể chúng, có pháp để có thể đắc. Cho nên phần nhiều sanh tâm kiêu mạn, đối với cái chẳng thể được, bèn cưỡng chấp “*có cái để có thể đạt được*”, đối với cái “*chẳng có gì để chúng*” bèn cho là “*có chúng đắc*”, oan uổng hững hờ chịu nổi khổ ấy!

**(Kinh) Sở dĩ giả hà? Bỉ pháp giới trung, bản vô chư pháp, diệt vô chúng sanh, vân hà ngôn “độ?” Đản Thế Đế trung nhân duyên độ nhĩ!**

**(經)所以者何? 彼法界中, 本無諸法, 亦無衆生, 云何言「度?」但世諦中因緣度耳!**

**(Kinh: Vì có sao vậy? Trong pháp giới ấy, vốn chẳng có các pháp, mà cũng chẳng có chúng sanh, có sao nói là “độ?” Chỉ là độ nhân duyên trong Thế Đế đó thôi!)**

Chúng ta quan sát hết thấy các pháp sanh diệt trong thế gian, [sẽ thấy chúng] thật sự chẳng có bản chất, mà cũng thật sự chẳng có tự tánh, do các thứ nhân duyên mà tồn tại liên tục các thứ thế gian. Vì thế, “*mười pháp giới rạng ngời hiện tiền*”. Dùng gì để hiện tiền? Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, nhân, thiên, Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mười loại pháp giới ấy đều do nhân duyên mà hiện, chẳng có thực chất! Do nhân duyên mà hiện Phật pháp giới. Do nhân duyên mà hiện Bồ Tát pháp giới. Do nhân duyên mà hiện Thanh Văn pháp giới, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Trong các thứ pháp giới như thế, không gì chẳng phải là “*duyên sanh, duyên diệt, chẳng có gì để thật sự đạt được, chẳng có một pháp để có thể nhiễm*”. Vậy thì chúng ta có gì để có thể chấp trước? Nếu không chấp trước gì, người ấy sẽ được giải thoát. Nếu không nhiễm, người ấy sẽ đạt được trí huệ. Nếu không có gì để độ, người ấy sẽ độ trọn hết chúng sanh.



*(Kinh) “Hiền Hộ! U ý vân hà? Bỉ như thị thuyết, đắc vi thật phủ?” Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã, Thế Tôn!”*

**(經)賢護！於意云何？彼如是說，得爲實不？」賢護  
答言：「不也，世尊！」**

*(Kinh: “Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Kẻ đó nói như thế có phải là thật hay không?” Hiền Hộ thưa: “Bạch Thế Tôn! Không ạ”).*

Chúng ta quan sát như vậy. Chẳng hạn như có người nói: “Ta đã vì tự viện làm chuyện này, chuyện kia!” Có người xuất gia nói: “Ta đã vì đạo tràng làm chuyện này, chuyện nọ”. Có người tu hành nói: “Ta vì tu hành mà làm chuyện này, chuyện nọ”. Có người bề quan nói: “Ta đã từng làm chi đó”. Có người đã từng tu giới luật, nói: “Ta đã làm chuyện này, chuyện nọ”. Đắm nhiễm như thế, tuy danh tướng đắm nhiễm khác nhau, nhưng kết quả của chấp trước và đắm nhiễm, xét theo thực chất, trọn chẳng sai khác! Cũng có nghĩa là vốn chẳng có công đức, thế mà hư vọng chấp là công đức, chỉ sanh kiêu mạn. Nhất là trong việc truyền bá Phật pháp trong hiện tiền, kẻ rơi vào trường hợp này rất nhiều! Bởi lẽ, họ chẳng thủ hộ cái tâm thanh tịnh, chẳng an trụ trong lợi ích chân thật. Họ từ chấp trước pháp tắc của phàm phu thoát ra, bèn rơi vào cái được gọi là “*chấp trước Phật pháp*”, chẳng thể tự thoát được. Loại hữu tình ấy thường tự cho là đúng, thậm chí [cứ ngỡ] chính mình hết sức lỗi lạc, khiến cho thế gian mê hoặc, rối loạn! Vốn chẳng có các pháp, mà cũng chẳng có chúng sanh; nếu chọn lựa chân thật như thế, người ấy sẽ trụ trong an vui. Đó là pháp tắc mà hết thầy người học Phật chúng ta phải nên nhận biết triệt để, rõ ràng, chọn lựa vô úy.

*(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ: - Thị cố, bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dục thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nãi chí dục thành Duyên Giác Bồ Đề, Thanh Văn Bồ Đề giả, giai ưng như thị quán nhất thiết pháp.*

**(經)佛告賢護：「是故，彼諸善男子善女人，若欲成就無上菩提，乃至欲成緣覺菩提、聲聞菩提者，皆應如是觀一切法。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

*(Kinh: Đức Phật bảo Hiền Hộ: - Do vậy, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, nếu muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, cho đến muốn thành Duyên Giác Bồ Đề, hoặc Thanh Văn Bồ Đề, đều nên quán hết thấy các pháp như thế).*

Trong giáo ngôn tam thừa, hãy đều nên quan sát thanh tịnh như thế. Vì sự quan sát ấy chính là chánh kiến Trung Quán, xa lìa hai thứ Biên Kiến. Hai loại Biên Kiến tức là: Hoặc là đúng, hoặc là sai, hoặc là phạm, hoặc là thánh, nhiễm hoặc chẳng nhiễm, chấp hoặc chẳng chấp. Vô lượng vô biên cách nói như thế đều rơi vào hai loại Biên Kiến, chẳng thể thoát lìa biên sanh tử đối đãi. Đó là chỗ không có ngăn mé, khiến cho mọi người chẳng thể giải thoát. Trong Bồ Đề tâm của tam thừa, Vô Thượng Bồ Đề tâm được chư Phật thủ hộ, Duyên Giác Bồ Đề tâm do người khéo quan sát mười hai nhân duyên thủ hộ, Thanh Văn Bồ Đề do người nghe giáo pháp mà được độ thoát bèn khéo thủ hộ. Tâm trí phát khởi Bồ Đề của ba loại hữu tình như thế đều chẳng thể lìa khỏi pháp giáo này, cho nên nói “*ung như thị quán*” (hãy nên quán như thế). Trừ phi chúng ta chẳng phải là Phật tử thì mới xa lìa sự quan sát như thế!

Chúng ta học tập giáo ngôn tam thừa, hãy nên quan sát như thế. Trong hành pháp Ban Châu thì sao? Cũng lại nên như thế. Vì sao? Chúng ta là Phật giáo đồ, lúc muốn hành Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, nhất định là phải nên quan sát như thế, khéo quan sát hết thấy các pháp không có gì được sanh, vốn không có gì để diệt, mà cũng chẳng đến, đi!

Nếu trong pháp tắc tam thừa mà chẳng quan sát như thế, sẽ vô duyên với Bồ Đề tâm. Vì sao? Trong sự tồn tại liên tục của hết thấy các pháp, mỗi pháp chẳng tự đơn độc dấy lên! Chúng ta thường nói đến chuyện thí giáo (施教, ban bố giáo pháp) của chư Phật Thế Tôn, như tỳ-kheo Mã Thắng nói với ngài Xá Lợi Phất bốn câu kệ: “*Chư pháp nhân duyên sanh; duyên tạ, pháp hoàn diệt. Ngô sư đại sa-môn, thường tác như thị quán*” (Các pháp nhân duyên sanh, duyên hết, pháp cũng diệt. Thầy tôi đại sa-môn, thường quán như thế đó). Bốn câu kệ ấy là chỗ y chỉ của tam thừa Phật giáo. Nếu chẳng y chỉ pháp ấy, thì trao đổi bằng cách nào? Dùng gì để vận dụng? Dùng gì để phô bày lợi ích trong thế gian?

*(Kinh) Tác thị quán thời, tắc nhập Tịch Định, vô hữu phân biệt, phi vô phân biệt.*

**(經)作是觀時，則入寂定，無有分別，非無分別。**

*(Kinh: Khi quán như thế bèn nhập Tịch Định, chẳng có phân biệt, chẳng vô phân biệt).*

“Tịch định” tức là Tịch Diệt Định, là môn Định do A La Hán đích thân chứng đắc. Còn gọi là Diệt Tịch Định, chứng biết pháp vô sanh: Thọ, Tướng, Hành, Thức diệt, xuất nhập tức diệt (diệt hơi thở ra vào). Chứng đắc môn Định này, có thể đoạn hai loại phiền não Kiến và Tư, thành quả A La Hán, vì Thọ tâm diệt thì Ái diệt. Do Ái diệt bèn đoạn Tư Hoặc. Do Tướng tâm diệt, nên thủ tướng tâm (cái tâm chấp giữ tướng) diệt. Do thủ tướng tâm diệt, nên đoạn Kiến Hoặc. Vì thế, nhập Diệt Tịch Định sẽ có thể đoạn hai loại phiền não Kiến và Tư, chứng quả A La Hán.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Bĩ nhất thiết pháp vô sở hữu, bất sanh, nhiên bĩ Định hữu phân biệt, tức thị nhất biên. Định vô phân biệt, phục vi nhất biên.*

**(經)何以故? 賢護! 彼一切法無所有, 不生, 然彼定有分別, 即是一邊。定無分別, 復爲一邊。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp vô sở hữu, chẳng sanh, nhưng do môn Định ấy có phân biệt, nên tức là một bên. Do Định chẳng phân biệt, nên lại là một bên khác).*

Định có phân biệt và vô phân biệt chỉ là danh tướng. Quan sát từ biên trí rốt ráo, hết thấy phân biệt chính là pháp tắc khéo phân biệt vốn vô phân biệt. Do vậy, Bồ Tát có thể khéo phân biệt rõ ràng trong pháp tắc vô phân biệt, lợi ích rộng khắp thế gian. Do lợi ích rộng khắp thế gian, cho nên hiện phân biệt. Do vì thật sự chẳng phân biệt mà lợi ích rộng khắp chúng sanh, hiện đủ loại tướng phân biệt. Trong sự phân biệt như thế, trong cái bản chất thật sự vô phân biệt, chiếu rạng ngời thế gian, khiến cho chúng sanh [quen thói] phân biệt ai nấy đều xả trừ phân biệt, chấp trước, quy nhập tâm trí thanh tịnh. Chư Phật Như Lai trọn đủ hết thấy các thiện xảo, nói tám vạn bốn ngàn pháp. Vốn chẳng có một pháp nào để có thể lập, sao lại lập ra tám vạn bốn ngàn pháp? Đó gọi là từ

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1*

trong “vốn không có gì để lập”, thuận theo cái tâm phân biệt của chúng sanh mà thiết lập, nói đủ loại pháp đối ứng, khiến cho chúng sanh đạt được giải thoát, thỏa mãn tâm nguyện của hết thảy chúng sanh.

Nếu chấp là đúng, hoặc chấp là sai, chấp vào phân biệt, hoặc vô phân biệt, sẽ chẳng thể giải thoát khỏi hai thứ Biên Kiến, tâm trí đối đãi, tâm trí mâu thuẫn, cứ lẫn lộn trong ấy. Đó thật sự là nỗi khổ vì phải chọn lựa của nhân loại. Hiện thời, người tu tập phần đông đối với chỗ thiện ác, đúng sai, cứ không ngớt lẫn lộn trong hai loại Biên Kiến như thế, chẳng thể an trụ thanh tịnh, tâm trí dao động, hư vọng nầy sanh đấm nhiễm!

*(Kinh) Nhiên thử nhị biên sở hữu, thị vô tịch định, phi vô tịch định, vô tư lượng xứ, vô phân biệt xứ, vô chứng tri xứ, vô kinh doanh xứ, vô tụ tập xứ, vô tư niệm xứ, vô phát khởi xứ. Hiền Hộ! Thị danh Trung Đạo.*

**(經)然此二邊所有，是無寂定，非無寂定，無思量處，無分別處，無證知處，無經營處，無聚集處，無思念處，無發起處。賢護！是名中道。**

*(Kinh: Nhưng tất cả những điều được bao gồm trong nhị biên thì là vô tịch định và chẳng phải vô tịch định, chẳng có chỗ suy lường, chẳng có chỗ phân biệt, chẳng có chỗ chứng biết, chẳng có chỗ suy tính tạo tác, chẳng có chỗ tụ tập, chẳng có chỗ nghĩ nhớ, chẳng có chỗ phát khởi. Này Hiền Hộ! Đó gọi là Trung Đạo).*

Trong cơ chế giáo ngôn của đức Thế Tôn, có hai loại cơ chế lớn được lưu truyền rộng khắp trong Diêm Phù Đề: Một là cơ chế giáo ngôn của đức thánh Văn Thù, loại kia cơ chế giáo ngôn của đức thánh Di Lặc, tức là cơ chế Trung Quán và Duy Thức. “Cơ chế” (機制) có nghĩa là “hệ thống các lời dạy”. Bất luận trong Hán truyền Phật giáo, hay Tạng truyền Phật giáo, [tất cả các giáo nghĩa] đều được gồm thâu trong hai đại cơ chế ấy. Giáo ngôn của Nam truyền chẳng thuộc vào hai cơ chế ấy, vì Thanh Văn Thừa có giáo pháp riêng, tức là “cửu bộ giáo pháp”<sup>82</sup> như thường nói.

---

<sup>82</sup> Cửu bộ giáo pháp (Navāṅga) tức là cách phân loại kinh điển Phật giáo theo truyền thống của Ba Ly Luật Tạng (Luật Tạng Nam Truyền bằng tiếng Pali) dựa theo thể

*(Kinh) Sở hữu số, sự, xứ đẳng, dân y Thế Đế thuyết cố.*

**(經)所有數事處等，但依世諦說故。**

*(Kinh: Tất cả các pháp như pháp số, sự việc, nơi chốn v.v... đều chỉ là dựa theo Thế Đế để nói).*

Tất cả pháp tắc đôi đũa và nhân quả, không gì chẳng thuộc về Tục Đế. Cho đến các thứ giáo ngôn, các thứ xếp đặt của chúng ta, đều do nương theo Thế Tục Đế để thiết lập. Nếu là Thắng Nghĩa Đế, sẽ chẳng có ngôn thuyết.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ư bỉ chân thật Đệ Nhất Nghĩa trung, nhược trung, nhược biên, giai bất khả đắc!*

**(經)復次賢護！於彼真實第一義中，若中若邊，皆不可得！**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong Đệ Nhất Nghĩa chân thật ấy, dù chính giữa, hay hai bên, cũng đều chẳng thể đạt được).*

Tất cả ngôn thuyết ở nơi đây đều tiêu tan, chẳng khởi công dụng, chẳng thể biểu đạt. Cho nên “ngôn quyền bất cập” (dẫu nói quyền biến cũng chẳng thể diễn tả thấu đạt được). Từ xưa đến nay, đối với điều này, đã có các cách diễn tả như “ngôn từ dứt bật”, “ngàn Phật chẳng truyền”, “vô tri” v.v...

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp do như hư không, bản lai tịch diệt.*

**(經)何以故？賢護！一切諸法猶如虛空，本來寂滅。**

---

loại kinh điển. Tức là Khế Kinh (Sutta), Ứng Tụng (Geyya, kỳ dạ), Ký Thuyết (Veyyākaraṇa), Kệ Tụng (Gāthā, già đà), TỰ Thuyết (Udāna, ưu đà na), Như Thị Ngữ (Itivuttaka, y đề mục đà), Bốn Sanh (Jataka), Vị Tăng Hữu Pháp (Abbhutadhamma), và Trí Giải (Vedalla, ngài Huyền Trang dịch chữ này là Quảng Pháp). Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật (do ngài Pháp Hiền dịch vào thời Đông Tấn), danh xưng của cửu phần giáo như sau: Tu Đa La, Kỳ Dạ (trương ứng với Ứng Tụng), Thọ Ký (tức Ký Thuyết), Già Đà, Ưu Đà Na (trương ứng với TỰ Thuyết), Như Thị Ngữ, Bốn Sanh, Phương Quảng (trương ứng với Trí Giải), và Vị Tăng Hữu.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

***(Kinh: Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Hết thấy các pháp ví như hư không, vốn sẵn tịch diệt).***

Lành thay! Ở đây, nếu chẳng lựa chọn, mọi người sẽ vì bộ chấp, do hành xử theo pháp tắc hư vọng mà bị cuốn vào luân hồi. Trong giới tỳ-kheo, chúng ta đã học “tam tế, lục thô”. Trong Tam Tế, tức là trong khoảng sát-na chân tâm vừa động, tướng động đã kiến lập. Nếu trong khi đó, chẳng mê muội chân thật tế, người ấy sẽ được giải thoát. Nếu mê muội Chân Thật Tế, Năng và Sở (chủ thể và khách thể) được kiến lập, liền kiến lập đôi đũa. Hễ có đôi đũa, bèn kiến lập thế gian, Lục Thô trong thế gian sẽ tiếp nối, sẽ trở thành các thứ phiền não, như là tự phiền não, thánh phiền não, ác nghiệp phiền não, thiện nghiệp phiền não v.v... Dù loại phiền não bức bách lẫn nhau, sanh từ sáu thô pháp. Nếu khéo biết một niệm vừa mới động trong hiện tại chính là quang minh nơi Bản Tế, thường gọi là “cội nguồn của trí huệ”, chẳng tạo, chẳng tác, tự được giải thoát, trí huệ viên mãn, sẽ ngay lập tức an trụ. Hữu tình phàm phu Năng và Sở đã kiến lập mà tâm còn chẳng biết, hướng hồ [nhận biết] Lục Thô ư? Lúc bản tâm vừa mới động, còn chẳng biết, hướng hồ [nhận biết] Năng và Sở ư? Quang minh từ nơi Bản Tế lập tức an trụ, chẳng nhờ vào sự nhận biết, cho nên phàm phu là hư vọng phân biệt, mà “phân biệt” chính là đã an lập Năng và Sở. Đó là pháp tắc cực thô, là Kiến Hoặc trong Kiến Tư Hoặc. Người hiện thời tu tập pháp rất thô. Nói là “thô”, tức là phần nhiều dựa theo cảm giác hư vọng của chính mình, làm lạc dùng sự phân biệt của chính mình để làm chuẩn mực, chẳng biết giáo ngôn thanh tịnh của Phật pháp rốt ráo ở chỗ nào, chẳng biết căn bản của vốn sẵn tịch diệt. Trong Tam Pháp Ấn và Tứ Pháp Ấn, đức Thế Tôn đã nói Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, Tịch Tĩnh Niết Bàn. Trong Thật Tướng Ấn, chỉ là “chẳng có tự tánh”, nhất thời lựa chọn, há có được hay mất ư? Vì thế, được hay mất thì chỉ có chúng sanh được hay mất. Nói “được” là nói theo phía chúng sanh, chứ chư Phật Như Lai chỉ dùng trí giải thoát, trí viên mãn, trí từ bi thương xót thế gian, soi sáng thế gian, sẽ chẳng có một vật nào để có thể đạt được!

***(Kinh) Phi đoạn, phi thường, vô hữu tích tụ, vô hữu trụ xứ, vô khả y chỉ, vô tướng, vô vi, vô hữu toán số.***

**(經)非斷非常，無有積聚，無有住處，無可依止，無相無爲，無有算數。**

*(Kinh: Chẳng đoạn, chẳng thường, chẳng có tích tập, chẳng có chỗ trụ, chẳng thể y chỉ, vô tướng, vô vi, chẳng có toán số).*

“Vô khả y chỉ” (Chẳng thể nương cậy): Hữu tình phiền não nói chung là luôn có chấp trước. Lúc chẳng chấp trước, bèn hư vọng nảy sanh [kiến chấp] đoạn diệt. Đoạn diệt và tịch diệt trọn chẳng liên quan với nhau. Đoạn diệt là tà kiến, tịch diệt là chân thật. Trong Chân Thật Tế, Thật Tế Lý địa, an trụ chư Phật, an trụ chúng sanh. Chúng sanh và chư Phật chỉ là danh tự sai khác. Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học tập pháp tắc trong Phật pháp, phải khéo tùy văn nhập quán, ẩn khế tự tâm, đừng dùng thức tâm, hoặc dùng cái tâm Năng Sở để tự hư vọng phân biệt. Hãy gột sạch chướng ngại Sở Tri Chướng của chính mình để khỏi sanh khởi các phiền não do Sở Tri Chướng đem lại.

Chúng ta nói: Trong phiền não, Sở Tri Chướng là chướng ngại lớn nhất, rất khó trừ khử, chứ trừ khử Phiền Não Chướng chẳng khó vì nó thô nặng! “*Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng*” mười phần thô nặng. Hễ nó vừa dậy lên, người ta có thể nhận biết ngay; nhưng Sở Tri Chướng rất vi tế, do đã được huân tập từ vô thủy tới nay. Tuy là pháp vô sở đắc (pháp không có gì để đạt) huân tập từ vô thủy tới nay, bản chất của nó chẳng có gì để đạt được, nhưng vì huân tập lâu ngày, cho nên cấu chướng sâu dày. Cũng có nghĩa là tuy cấu chướng chẳng có tự tánh, nhưng do chấp trước cấu chướng mạnh mẽ, cho nên nó cũng có tướng sâu dày. Vì thế, có nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, sức bốn tánh của pháp giới chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, oai thần và thiện xảo của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, giáo ngôn của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, diệu tướng công đức rất sâu của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, thần biến của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn... Trong các loại chẳng thể nghĩ bàn, “*ngiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn*” chính là pháp chẳng thể nghĩ bàn mà chúng sanh vốn sẵn có. Đối với pháp chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, nếu tùy thuận một pháp, sẽ liền được giải thoát. Chư Phật dùng bốn pháp để lợi ích thế gian, tức hoặc là [sử dụng] diệu tướng, hoặc mười hai bộ loại trong Tam Tạng, hoặc phương tiện thần thông thiện xảo. Lại còn có một

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

pháp là dùng công đức nơi danh hiệu của chư Phật khiến cho hết thảy chúng sanh được nghe, chúng sanh được thấy nghe, chúng sanh tùy thuận, sẽ cùng được độ thoát, thành tựu. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chẳng như vậy, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp lực chẳng thể tự vượt thoát, nghiệp lực chẳng thể tự diệt. Vì sao vậy? Vọng này tăng trưởng vọng kia, vọng này nối tiếp vọng kia. Ở trong biển sanh tử, ở trong biển chấp trước mạnh mẽ, chúng sanh trong thế gian chỉ biết chấp trước, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là đối đãi, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là thiện ác, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là phân biệt, khó buông, khó bỏ! Chẳng nói đến thị phi, tâm trí [của chúng sanh] sẽ bất an. Chẳng nói đến đối đãi, tâm họ chẳng yên ổn được!

*(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ bất khả số, vân hà vi hữu? Bất khả số cố, bất nhập u số. Bất nhập số cố, nãi chí vô hữu trí toán danh ngôn dã.*

**(經)賢護！彼不可數，云何爲有？不可數故，不入於數。不入數故，乃至無有智算名言也。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do nó chẳng thể tính đếm, làm sao có được? Do chẳng thể tính đếm, nên chẳng thuộc vào con số. Do chẳng thuộc vào con số, thậm chí chẳng có cái trí để tính toán, chẳng có danh tướng, ngôn từ [để tính đếm, diễn tả được]).*

Trí huệ theo kiểu La Tập Học (Logic, Lý Luận Học) trong thế gian là trí huệ có thể nghĩ bàn, nào có biết chư Phật Như Lai nương vào phương tiện đại thiện xảo để nhập trí chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho hết thảy chúng sanh vào trong trí thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Do trong hết thảy các pháp tắc như núi, sông, đại địa... sẽ tự nhiên có pháp tắc hoàn toàn tự nhiên, chẳng phải là tự nhiên mà có pháp tắc phi tự nhiên. Trí bèn có pháp tắc của Trí, Bi bèn có pháp tắc của Bi, lợi ích rộng khắp bèn có pháp tắc thiện xảo của sự lợi ích rộng khắp. Chúng sanh ngu si tự có pháp tắc ngu si. Trong các pháp tắc ấy, mỗi mỗi đều dùng sự nhận biết và chấp giữ để quyết định. Địa ngục, ác quỷ, súc sanh, cũng có pháp tắc để lựa chọn. Vì sao? Thuộc vào Tà Định Tụ, mỗi đường đều tự an lập. Chúng ta thường nói “địa ngục vô môn” (địa ngục chẳng có cửa), vì sao lại thiết trí địa ngục? Ai thiết trí địa ngục? Do kẻ tạo nên ác nghiệp địa ngục tự thiết trí! Một pháp giới hiền, chín pháp giới kia ần mất. Hữu tình



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

trong các pháp giới khác trọn chẳng thể thấy địa ngục. Như trong hiện duyên của chúng ta, quý vị dùng gì để thấy địa ngục? Chúng sanh thuộc nhân loại sẽ chỉ quần quanh trong cái tâm trí đối đãi của nhân loại; đó là sự lựa chọn của chúng ta. Muỗi mòng có sự lựa chọn của chính nó, “*sáng sanh, tối chết*” chính là sự lựa chọn của chúng nó. Chư thiên chọn lựa tâm trí đăm đuối trong ngũ dục, Thiên Định, cho đến Sắc, Vô Sắc, Phi Tướng, Phi Phi Tướng. Họ có thọ mạng đến tám vạn đại kiếp, quý vị dùng gì để an lập? Vì thế, mỗi pháp giới có sự chọn lựa riêng để tiếp nối tương trạng sanh mạng, không gì chẳng phải là tương lựa chọn. Chư Phật Như Lai dù một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp, nhiều kiếp trụ thế, hoặc trụ thế một ngày, như Nguyệt Diện Phật lúc thành Phật là lúc nhập diệt, vẫn hóa độ chúng sanh, vẫn viên mãn rốt ráo. Mỗi mỗi đều có sự lựa chọn, cho nên nói: “*Chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”, trọn chẳng liên quan, trọn chẳng đăm nhiễm, trọn chẳng dao động. Do chúng chẳng liên quan với nhau, cho nên mỗi pháp giới hiển hiện hay diệt mất, mỗi pháp giới tự duy trì, thọ dụng. Cũng có nghĩa là hết thấy các danh tướng và ngôn từ bất quá là do chính mình chọn lựa như thế mà thôi, đều chẳng có thực chất.

***(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát như thị quán sát chư Như Lai thời, bất khả chấp trước.***

**(經)賢護！彼菩薩摩訶薩如是觀察諸如來時，不可執著。**

***(Kinh: Đây Hiền Hộ! Khi vị Bồ Tát Ma Ha Tát quán sát các Như Lai như thế, chớ nên chấp trước).***

Tuy là pháp giáo rộng lớn rất sâu của chư Phật, cũng đừng nên chấp trước. Tám vạn bốn ngàn pháp, chẳng thể chấp một pháp nào! Có nhiều hữu tình cầu pháp trong thế gian này, kẻ cầu pháp cao, kẻ cầu pháp thấp, chẳng biết tâm trí sạch lậu, chẳng biết bản chất của tâm trí là như thế, chẳng biết pháp vốn là như thế, cứ muốn cầu bên ngoài, cầu đạt được từ bên trong, muốn tu được, muốn tu chẳng được. Do vậy, hư vọng nầy sanh tri kiến, oan uổng hứng chịu khổ sở, nhọc nhằn, nào có biết các pháp vốn sẵn như thế, quang minh nơi tự tánh chiếu rọi trọn khắp. Nếu vận dụng, sẽ ngay lập tức đạt được thiện xảo. Nếu không, sẽ là tự tiện phát tâm. Vì thế, hãy nên huân tập Bồ Đề tâm, dần dần thành tựu tâm

hạnh Bồ Đề, cho đến rốt ráo viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Nhất thiết pháp vô chấp trước cố, dĩ vô xứ sở nhi khả chấp trước, diệc vô căn bản thị khả đoạn tuyệt.*

**(經)何以故？一切法無執著故，以無處所而可執著，亦無根本是可斷絕。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Do hết thấy các pháp chẳng chấp trước, do chẳng có nơi chốn để có thể chấp trước, mà cũng chẳng có căn bản để có thể đoạn tuyệt).*

Thật sự chẳng thể đoạn, mà cũng chẳng thể sanh khởi. Có nhiều chúng sanh ngỡ là có phiền não để có thể đoạn, cho là có pháp thù thắng để có thể tu, cho nên hư vọng sanh kiến giải “có tu tập”, hư vọng sanh kiến giải “có đoạn trừ”. Vì thế, đối với loại chúng sanh ấy, đức Phật bèn nói “có pháp để có thể tu”, “có phiền não để có thể đoạn”, như Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc. An lập các danh tướng ấy tức là an lập nội dung thực chất cho chúng sanh. Chư Phật Như Lai biết rõ pháp chẳng có tự tánh, vốn rỗng rang, tĩnh lặng. Vì thế, chư Phật Như Lai do thấy chúng sanh chấp trước danh tự, bèn an lập [các danh tướng] cho chúng sanh. Sau khi đã an lập, chúng sanh bèn cho là [các danh tướng ấy] có thực chất, cho nên bèn tự lấp đầy nội dung của các danh tự ấy. Chẳng hạn như một khi danh từ “phiền não” sanh khởi, chư Phật Như Lai thấy rõ “trọn chẳng có phiền não để đạt được”, nhưng hết thấy phàm phu hữu tình đều ngỡ là có phiền não. Vì sao? Sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương mà phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, năm Âm lấy lòng, ba khổ, tám khổ, đủ loại khổ nạn cùng lúc sanh khởi, họ tự điền kín nội dung. Ai điền thêm nội dung vào đó? Phàm phu hữu tình tự mình điền vào! Nếu quý vị thấu hiểu phiền não chẳng có tự tánh, phiền não chẳng có gì để đạt được, sẽ liền giải thoát, không có gì để có thể đoạn, không có gì để có thể chứng.

*(Kinh) Trừ diệt căn bản, cố vô y xứ. Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát đương tác như thị tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nhược như thị kiến chư Như Lai dĩ, bất ưng thủ trước, bất đương chấp trì.*

**(經)除滅根本，故無依處。賢護！彼菩薩摩訶薩當作如是思惟諸佛現前三昧。若如是見諸如來已，不應取著，不當執持。**

*(Kinh: Do đã trừ diệt căn bản, cho nên chẳng có chỗ để nương tựa. Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế. Nếu đã thấy các đức Như Lai như thế rồi, đừng nên chấp giữ, chớ nên chấp trì).*

Tôi đã gặp các trường hợp thực tế như vậy không dưới dăm ba lần! Trường hợp như thế nào vậy? Tức là có người hoặc tu Quán Phật tam-muội, hoặc Niệm Phật tam-muội, hoặc trì chân ngôn, hoặc hơi tu tập pháp tu trì quán Bốn Tôn tam-muội, đạt được đôi chút tương ứng, bèn có các hữu tình vốn mãi cảm đối với Thiền Định, thậm chí là các hữu tình yếu kém trông thấy tướng quang minh, tướng trí huệ, cho đến các tướng thiện xảo v.v... tức là các thứ diệu tướng và oai đức của người tu tập pháp ấy, sẽ ngay lập tức đến đánh lễ cung kính, cảm kích, thưa bày: “Ôi chao! Thiện tri thức ơi! Ngài tỏa ra quang minh thanh tịnh chiếu rọi thế gian”. Hạng người tu hành ấy nếu [nghe xong các lời tán thán ấy mà] chấp trước, sẽ rơi vào ma kiến. Còn nếu là người biết thiện xảo tu pháp, sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp!

Kẻ bị bại diệt ở chỗ này rất đông! Nếu có các vị thiện tri thức đã từng có kinh nghiệm ấy, ngộ chính mình đã chứng pháp như thế, ngộ chính mình thật sự chứng đắc như thế, quý vị nhất định phải biết rõ đây là nhân duyên tụ tập, tức là trong sát-na quý vị trì chú hoặc quán diệu tướng của Phật, do được tương ứng mà sanh ra các quang minh. Thật ra, các quang minh ấy chẳng có thực chất! Chớ nên đắm nhiễm, chớ nên ngộ là có thật, kéo đọa thành quyền thuộc của ma, đọa vào hàm hồ tà kiến, sẽ ở trong pháp “*chẳng có gì để đắc*” mà lầm lạc tự cho là có pháp để đạt được, hư vọng dối gạt kẻ khác, sanh khởi nỗi khổ vì vọng ngữ từ vô lượng kiếp đến nay, đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (拔舌, kéo lưỡi). Hạng người xuất gia hoặc tại gia ấy rất khổ, hư vọng tiếp nhận tín tâm của kẻ khác, hư vọng tiếp nhận người khác cúng dường, tự cho là chính mình có sở đắc, kiêu mạn, tà kiến, tự cao tự đại, tự phụ. Vì thế, Chư Phật Như Lai thọ ký hạng hữu tình ấy là kẻ tăng thượng mạn, dẫn niệm Phật mà đã đánh mất cam lộ vị, đọa làm quyền thuộc của ma, ví như con voi

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

cuồng vào trong ao sen, giẫm nát nghiệp duyên của hết thầy chúng sanh!

Đối với chỗ này, đức Thế Tôn đã nhiều lượt tuyên nói, khiến cho chúng ta xa lìa nỗi hại thuộc về ma chướng này. Nếu chẳng khéo tư duy, y giáo tu trì, sẽ bị nhiều hoạn nạn. Rất nhiều kẻ tu pháp đọa lạc ngay tại chỗ này, vì sau khi đã tương ứng, thân tâm khinh an, được kẻ khác kính ngưỡng, nhất là những kẻ kính ngưỡng ấy lại còn chẳng phải là hạng bình phàm. [Kẻ kính ngưỡng] phần nhiều là người có Thiên Định, hoặc có sự cảm nhận tinh tế, nếu người [được kính ngưỡng] ấy chẳng cảnh giác, phần nhiều sẽ ở trong pháp “không có gì đề đặc” mà cho là có sở đắc. Vì sao? Vì người ấy cảm thấy khinh an, vui sướng, kẻ khác lại nói người ấy đắc Thiên Định, có diệu tướng. Do vậy, người ấy bị Âm Ma thâm nhiếp. Chư vị thiện tri thức ơi! Phải thận trọng tư duy, quan sát chỗ này, chớ nên đắm nhiễm, chớ nên chấp giữ, chớ nên tự chấp chặt!

Người niệm Phật rất dễ trụ vào chỗ này, vì trong khi tập thể niệm Phật hoặc đả thất, rất dễ xuất hiện chuyện thấy Phật, thấy diệu tướng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, thấy quốc độ ở phương khác, cho đến các thứ cảnh giới hy hữu khó có trong thiên giới. Hữu tình do nhiều đời đắm nhiễm, sẽ khinh suất kẻ với kẻ khác, hòng biểu lộ chính mình có công đức thù thắng, khiến cho kẻ khác sanh lòng tôn trọng và yêu mến. Khi đó, nếu có thiện tri thức có thể cảnh tỉnh quý vị [thì quý vị chẳng bị đọa lạc]. Nếu là ác duyên tiếp nối, sẽ tăng bốc lẫn nhau, ắt sẽ trầm luân, đọa lạc ngay trong ấy!

Trong Tăng chúng lẫn hàng cư sĩ đều có người tu tập siêng năng như thế mà bị đọa lạc. Vì sao? Chẳng biết xoay chuyển ở chỗ này. Kẻ chẳng chăm chỉ, do chẳng có cơ duyên tương ứng, cũng sẽ chẳng có ai quan sát quý vị. Quý vị cũng chẳng thể tỏa quang minh. Hóa ra, kẻ đó vì giải đãi mà chẳng bị hại to lớn! Phần nhiều là người tu tập chuyên cần dễ bị đọa lạc ở chỗ này, [lý do] là vì chẳng hiểu giáo lý, chánh kiến chẳng lập, Bồ Đề tâm chẳng biết, sẽ vì nhân duyên như thế mà tu tập đến nỗi bị tổn hại. Đúng là đáng tiếc! Tôi đã gặp một cư sĩ, đây là chuyện đặc biệt tàn khốc! Người ấy vì chính mình trong khi niệm Phật sau khi đã hơi có cảm giác thanh tịnh và tương ứng, lần đầu kẻ với kẻ khác, kẻ khác lộ vẻ kính ngạc. Người ấy liền kể nhiều lần, đã kể ra rồi thì chẳng đạt được cảnh ấy nữa. Vì thế, lừa gạt người khác. Kết quả, vướng lấy quả báo rất xấu ác. Đối với hạng người học Phật kiêu ấy, kẻ khác cảm thấy mười phần thương cảm! Vì sao tu tập Phật pháp mà lại bị mắc hại như vậy? Xét ra, vẫn là vì chẳng có chánh kiến, chẳng nương theo lời dạy, chẳng

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

nương theo giáo ngôn hoàn chỉnh để hành pháp. Hành pháp Ban Châu như thế, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội có một cơ chế tu hành theo thứ tự hoàn chỉnh như thế. Do vậy, trong quá trình tu tập, sẽ thường gặp chuyện như thế. Vì lẽ này, ở đây, tôi phải khá nhiều lượt nhắc nhở mọi người hãy nên chú ý.

Nói theo Tạng truyền Phật giáo, nếu ai đã thành tựu Bồ Tôn (tức là đã quán tưởng thành tựu vị tôn thánh, Phật, Bồ Tát chánh yếu của pháp môn mình đang tu tập), hễ cưỡng chấp thủ hộ, sẽ đọa vào hạng hộ pháp, tức là long thiên bát bộ, chẳng thể coi là rốt ráo thành tựu an ổn. Trong Hán truyền Phật giáo, điều này được gọi là “*thừa cấp, giới hoãn*” (乘急戒緩), vì kẻ đó chẳng có giới. “*Giới*” như vừa nói đó chính là phá trừ hết thảy chấp trước, vô lậu, vô nhiễm, đó là Giới. Nói là “*thừa cấp*” vì rất khinh an, đạt được nhiều thiện xảo, bi trí thiện xảo cũng sanh khởi. Có khi thậm chí các thứ oai đức thần thông thiện xảo cũng dễ sanh khởi, nhưng chẳng có giới đức, tức là dùng tâm trí vô lậu để thủ hộ. Do chẳng có căn bản này thủ hộ, sẽ đọa nhập tri kiến ngoại đạo. Chúng ta thường gặp người nói ra cảnh giới như vậy; đối với những người ấy, nhất định chớ nên cổ vũ, khích lệ, càng chớ nên tán thán, càng chớ nên tùy thuận lời nói của kẻ ấy. Nếu làm như vậy (tức cổ vũ, tán thán tùy thuận kẻ phô trương cảnh giới), chắc chắn quý vị sẽ bị đọa lạc. Quý vị đọa lạc, kẻ đó đọa lạc, đôi bên cùng đọa lạc là vì lẽ nào? Do trong pháp “*không có gì để đạt được*”, lại cho rằng thật sự có cái để đạt được. Có nhiều cách để đoán trước tình hình này, tức là dùng sức thần thông để quan sát loại hữu tình ấy đọa nhập trong ác duyên ấy.

Vì thế, có các pháp tu chiêm sát, như Địa Tạng Chiêm Sát, Văn Thù Chiêm Sát, Quán Âm Chiêm Sát, Viên Giác Chiêm Sát, đủ loại pháp tắc chiêm sát, hồng tránh cho chúng ta bị chướng ngại và tổn hại bởi những thứ gọi là “*pháp tắc thuộc về sức cảm nhận*” hay “*sức cảnh giới*” để rồi hư vọng tự suy lường. Vì thế, quý vị cần phải tu một nghi quỹ, dùng nghi quỹ ấy để hướng dẫn lòng mong mỏi hiểu biết của chúng ta. Do sự mong mỏi hiểu biết ấy mà hướng dẫn chúng ta tu trì một pháp tắc, tu trì một nghi quỹ. Trong thế gian hiện thời, kẻ đọa lạc ở chỗ này rất đông, kẻ bị tổn hại cũng đúng là rất phổ biến. Đây là một vấn đề to lớn!

***(Kính) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp, bất khả chấp trì, do như hư không, thể tánh tịch diệt. Hiền Hộ! Thí như kim trùy,***

*an trí hỏa trung, thiện tác lô cảo dung tiêu luyện dã, xí nhiên độc nhiệt. Hựu như thiết hoàn, tân tùng hỏa xuất, viêm hách xí nhiên. Hữu trí chi nhân, bất ưng chấp xúc. Hà dĩ cố? Thiết lưu, kim xí, xúc tắc xí nhiên cố.*

**(經)何以故? 賢護! 一切諸法, 不可執持, 猶如虛空, 體性寂滅。賢護! 譬如金錘, 安置火中, 善作爐藁融消鍊冶, 熾然毒熱。又如鐵丸, 新從火出, 炎赫熾然。有智之人, 不應執觸。何以故? 鐵流金熾, 觸則熾然故。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp chẳng thể chấp trì, ví như hư không, thể tánh tịch diệt. Này Hiền Hộ! Ví như trùy vàng đặt vào trong lửa, khéo thổi ống bễ để nung cho tan chảy, nóng rực tốt bậc. Lại như viên sắt nóng mới lấy từ lửa ra, nóng bỏng hừng hực, người có trí chớ nên nắm, chạm. Vì sao vậy? Sắt chảy, vàng nóng, hề chạm vào sẽ bị thiêu đốt).*

Sắt nung đỏ chẳng thể dùng tay cầm. Trên thực tế, trong nghiệp “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” tạo tác của chúng ta trên thế gian, cho đến nghiệp thuộc về Ngũ Cái, tức “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”, trong Sở Tri phiền não, lúc các thứ nghiệp chướng phiền não hiện tiền, nếu chúng ta chẳng thấu hiểu tự tánh của chúng là “*chẳng thể được*”, lại còn noi theo các pháp ấy. Như thế thì sẽ giống như dùng tay chạm vào sắt nóng đỏ, quý vị sẽ bị đốt phỏng. Trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã nêu một thí dụ: Trí Đại Bát Nhã giống như một đồng tiền bằng bạc nung đỏ, tuy có giá trị, nhưng chẳng thể đưa tay nắm lấy. Cũng tức là nói quý vị chẳng thể chiếm hữu. Hễ chiếm hữu (chấp trước), sẽ bị tổn thương. Phàm phu hữu tình nếu cho rằng “có sở đắc”, cho rằng “có cái để hay biết”, cho rằng có công năng, hư vọng tự gánh vác nghiệp duyên thế tục, cho nên cùng nhau bị hại. Trong pháp tắc này, chúng ta có thể khéo quan sát, quan sát trọn khắp, [sẽ thấy] kẻ tự thổi phồng, rêu rao, kẻ tự đại, cho là chính mình có công phu, phần nhiều sẽ bị công phu làm hại, phần nhiều sẽ bị nghiệp duyên làm hại, khó tránh khỏi kiếp nạn!

***(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bồ Tát quán Phật, bất ưng thủ trước, kỳ sự nhược thử. Thị cố, Bồ Tát quán Phật sắc thời, bất ưng sanh***

*trước. Như thị quán Thọ, nữ chí Hành, Thức, bất ưng sanh trước. Hựu bỉ Bồ Tát, nhược quán Giới thời, diệc bất ưng trước. Như thị quán Định, nữ chí Trí Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến, diệc bất ưng trước.*

**(經)如是賢護！菩薩觀佛，不應取著，其事若此。是故，菩薩觀佛色時，不應生著。如是觀受，乃至行識，不應生著。又彼菩薩，若觀戒時，亦不應著。如是觀定，乃至智慧解脫，解脫知見，亦不應著。**

*(Kinh: Như thế đó, Hiền Hộ! Bồ Tát quán Phật chớ nên chấp trước, cũng giống như thế đó. Vì vậy, khi Bồ Tát quán Sắc của Phật, chớ nên sanh chấp trước. Quán Thọ cho đến Hành, Thức cũng như thế, chớ nên sanh chấp trước. Lại nữa, vị Bồ Tát ấy khi quán Giới, cũng đừng nên chấp trước. Quán Định như thế, cho đến [quán] Trí Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến, cũng đừng nên chấp trước).*

Ở đây, đức Thế Tôn đã nói với chúng ta mười phần rõ ràng, cho đến Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến, tức Ngũ Phần Pháp Thân, chỗ nào cũng đừng nên chấp trước. Nếu chấp trước, ắt sẽ bị tổn hại. Trong tỷ dụ trùy vàng thuộc phần trước, cho đến tỷ dụ hòn sắt cũng giống như thế, khiến cho chúng ta chẳng sanh tâm chấp trước, khéo vận dụng pháp tắc “không chấp trước” để lợi ích thế gian rộng khắp. Nếu chẳng có lời dạy này của chư Phật Như Lai, chúng ta sẽ do đâu mà nhận biết tự tâm, nhận biết pháp tắc? Làm thế nào để tu tập tự tâm, tu tập pháp tắc? Vì thế, ân đức của đức Thế Tôn là ở chỗ này! Chúng ta nghe xong, khéo thủ hộ, khéo thực hiện, chớ nên ngờ pháp, càng chẳng nên báng pháp. Nếu có ngờ vực, hãy nên khéo sám hối, hãy nên khéo nhận biết, hãy nên khéo trừ bỏ!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Phù thủ trước giả, chung bất năng ly sanh tử khổ pháp. Dĩ thị khổ pháp giai do thủ trước cố.*

**(經)何以故？夫取著者，終不能離生死苦法。以是苦法皆由取著故。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Vì sao vậy? Phàm là kẻ chấp trước, sẽ trọn chẳng thể là pháp đau khổ sanh tử. Bởi những pháp đau khổ ấy đều là do chấp trước).*

Những lời này đã đích xác ban cho chúng ta một lời quyết định: Hết thầy đừng nên chấp trước!

*(Kinh) Thị cố, Bồ Tát quán sát như thị chư Như Lai thời, bất ưng sanh u thủ trước chi tướng. Hiền Hộ! Tuy vô thủ trước, nhiên ưng cần cầu chư Phật Thế Tôn thắng diệu công đức, sở vị Phật trí, Như Lai trí, quảng đại trí, tự nhiên trí, tự tại trí, bất tư nghị trí, nan xưng lượng trí, vô đẳng đẳng trí, Nhất Thiết Trí trí. Nhược dục cầu nhập như thị trí giả, thường đương tinh cần tư duy, quán sát Kiến Phật tam-muội dã.*

**(經)是故，菩薩觀察如是諸如來時，不應生於取著之想。賢護！雖無取著，然應勤求諸佛世尊勝妙功德，所謂佛智，如來智，廣大智，自然智，自在智，不思議智，難稱量智，無等等智，一切智智。若欲求入如是智者，常當精勤思惟，觀察見佛三昧也」。**

*(Kinh: Vì thế, khi Bồ Tát quán sát các đức Như Lai như thế, chớ nên sanh ý tưởng chấp trước. Nay Hiền Hộ! Tuy chẳng chấp trước, nhưng hãy nên siêng cầu công đức thù thắng, màu nhiệm của chư Phật Thế Tôn, như là Phật trí, Như Lai trí, trí rộng lớn, trí tự nhiên, trí tự tại, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí khó tính kể, trí không gì sánh bằng, trí Nhất Thiết Trí. Nếu muốn cầu nhập các trí như thế, hãy nên thường siêng ròng tư duy, quán sát Kiến Phật tam-muội).*

Chư Phật Như Lai đối với Nhất Thiết Chúng Trí, cho tới hết thầy Đạo Chúng Trí, dẫn khởi vô cùng danh tự. Vì hết thầy chúng sanh vô cùng, trí của chư Phật cũng vô cùng. Do danh tướng của chúng sanh vô cùng, tên gọi các trí của Như Lai cũng vô cùng. Vì sao vậy? Do hết thầy chúng sanh rốt cuộc sẽ viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho nên có trí rộng lớn, trí tự nhiên, trí tự tại v.v... Trong hết thầy danh xưng của các trí, chư Phật Như Lai đều biết là chẳng thể được, tức là tuy hành mà chẳng thể chứng. Đối với pháp tắc “*chẳng thể chứng, chẳng thể*



đắc” như thế, hết thầy chúng sanh đều nên tuân theo, đều nên tu tập, đều nên ưa mến, nhưng chớ nên đắm nhiễm! Vì sao chúng ta tu tập mà chớ nên đắm nhiễm? Vận dụng mà chẳng chấp trước, đó là cơ chế màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nêu rõ lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng để nói).*

Ở đây, đức Thế Tôn theo thông lệ, dùng văn tự để trùng tuyên nghĩa này, khiến cho chúng ta qua phần văn tự ngắn gọn này, sẽ quan sát có hệ thống một lượt nữa, hồng “ôn cố, tri tân” (溫故知新, ôn cái cũ để biết cái mới). Cái được gọi là Biết, thật ra là điều vốn sẵn biết, là Thi Giác hiện tiền trong Bốn Giác, là Cứu Cánh Giác an lập, là pháp vốn sẵn như vậy nơi pháp tắc. Nay chúng ta vận dụng, Thi Giác sanh khởi, chẳng rời khỏi quang minh của Cứu Cánh Giác.

*(Kinh) Thí như minh kính dữ du khí, nữ nhân trang sức diệu kỳ hình. Ngu phu v thị sanh nhiễm tâm, xú xú trì sinh vị cầu dục. Bĩ vô trung điền đảo tưởng, bất tri thị pháp hư vọng sanh. Bĩ dục xí hỏa chi sở thiêu, tư phụ khởi dục hoàn tự phát. Nhược hữu Bồ Tát tác thị niệm, thị danh “vô trí trước ngã tâm”.*

**(經)「譬如明鏡與油器，女人莊飾曜其形。愚夫於是生染心，處處馳騁爲求欲。彼於無中顛倒想，不知是法虛妄生。彼欲熾火之所燒，斯婦起欲還自發。若有菩薩作是念，是名無智著我心。」**

*(Kinh: Như dùng gương sáng, đồ đựng dầu, nữ nhân trang điểm soi bóng mình. Kẻ ngu do vậy tâm đắm nhiễm, chón chón theo đuổi cầu thỏa dục. Ái tưởng điên đảo nơi cái Không, chẳng biết pháp ấy hư vọng sanh. Hẳn bị lửa dục mạnh thiêu đốt, chẳng do cô kia khởi dục niệm,*

*vẫn do tự hấn khởi tham dục*<sup>83</sup>. Nếu có Bồ Tát nghĩ thế này: Đó là vô trí, chấp tâm mình).

Đây là dùng người trong thế gian, hoặc có thể nói là dùng chuyện dục nhiễm của hữu tình trong Dục Giới để làm tỷ dụ.

**(Kinh) Bồ Đề cam lộ tại đương lai, ngã bạt chúng sanh xuất trọng khổ. Đệ Nhất Nghĩa trung vô chúng sanh, thế gian độc hữu sanh, lão, tử.**

**(經)菩提甘露在當來，我拔衆生出重苦。第一義中無衆生，世間獨有生老死。**

*(Kinh: Bồ Đề cam lộ trong tương lai, ta cứu chúng sanh thoát khổ nặng. Trong Đệ Nhất Nghĩa, không chúng sanh, chỉ riêng thế gian sanh, lão, tử).*

“Đệ Nhất Nghĩa trung vô chúng sanh” (Trong Đệ Nhất Nghĩa Đệ chẳng có chúng sanh): Đây là nương vào Đệ Nhất Nghĩa Đệ để lựa chọn. Nếu chẳng chọn lựa như thế, chúng sanh sẽ khó thể tự độ. Như vào đời Đường, Tông Mật đại sư, tức vị tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, đã tuyên thuyết: Tâm trí Bồ Đề có ba loại tướng là đại trí, đại bi, và đại nguyện. Nói theo đại trí thì trên là chẳng có chư Phật có thể chứng, giữa là chẳng có các pháp để có thể tu, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ. Nương theo các nhân duyên ấy, sẽ biết rõ sức mạnh của đại trí. Đó là các lời lẽ mô tả tướng mạo [của trí huệ], chứ nội dung thì chỉ người có trí mới biết! “Thế gian độc hữu sanh, lão, tử” (Chỉ riêng thế gian có sanh, già, chết): Thế gian là nương theo Tục Đế mà an lập, nương theo sự công nhận của tri kiến Tục Đế [để nói].

**(Kinh) Chư pháp vô hình như thủy nguyệt, khởi hữu Bồ Đề ni khả cầu.**

---

<sup>83</sup> Theo sách Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh Hiền Hộ Phần Thông Nghĩa của pháp sư Thích Trí Dụ, đã giảng hai câu này như sau: “Kẻ ngu tưởng hình bóng trong gương là thật, điên đảo chấp trước. Chẳng biết hình bóng trong gương là hư vọng, chẳng thật. Kẻ ngu đó bị lửa dục thiêu đốt, thật ra lòng dục ấy chẳng phải do nữ nhân trong gương dấy lên, mà là do cứ chấp nữ nhân là thật, tâm dâm dục của hấn dấy lên vì do chính cái tâm điên đảo của chính mình tạo ra”.

**(經) 諸法無形如水月，豈有菩提而可求？**

*(Kinh: Các pháp vô hình: Trăng trong nước. Há có Bồ Đề có thể cầu?)*

Đây là dựa trên Thắng Nghĩa Đé để quan sát hết thấy các pháp, cho đến Bồ Đề. Sinh, lão, bệnh, tử là danh tự, chẳng có tự tánh. Bồ Đề cũng là danh tự, chẳng có tự tánh. Chúng sanh là danh tự, chư Phật Như Lai cũng là danh tự. Vì thế, trong Thắng Nghĩa Đé, trọn chẳng có mây trần!

*(Kinh) Chúng sắc hình mạo nhược kính tượng, như huyễn, như diễm, như hư không.*

**(經) 衆色形貌若鏡像，如幻如焰如虛空。**

*(Kinh: Hình mạo các sắc: Bóng trong gương, như huyễn, nắng gọn<sup>84</sup>, như hư không).*

Chúng ta quan sát các thứ pháp giới, các loại thế gian, các loại hữu tình, các thứ tộc loại, các loại tư tưởng, các loại nghiệp tạo tác, thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh các loài, chẳng thể nói trọn, đủ mọi loại tụ tập. Tướng trạng của các loài như thế đều giống như hình bóng trong gương, như huyễn, như ánh nắng gọn, như hư không. Đức Thế Tôn đối với hết thấy các pháp hữu vi, lập ra các thứ tỷ dụ, như giọt sương, như tia chớp, như mộng, như huyễn v.v... khiến cho chúng ta quán như thế. Đó là con mắt trí huệ, là chánh kiến Bát Nhã. Nếu chúng ta chẳng có con mắt trí huệ, đối với hết thấy các hành pháp, sẽ như người mù xử sự, như trong giáo điển, đức Thế Tôn đã tỷ dụ người mù sờ voi. Hết thấy các hữu tình chẳng có trí huệ nhận biết thế gian, nhận biết Phật pháp, nhận biết hết thấy các pháp tác, không ai chẳng phải là kẻ mù sờ voi! Ai nấy đều chấp một bên, chẳng thể thấy toàn thể.

*(Kinh) Phàm phu trước tướng nhi thọ ky, bỉ bôi tuy phục, không, vô thật.*

---

<sup>84</sup> Theo cách diễn giải trong bộ Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thông Nghĩa, chữ Diễm ở đây phải hiểu là Dương Diễm (陽焰) tức ảo ảnh xuất hiện khi nắng gắt, hơi nóng khiến cho các lớp không khí gần mặt đất nhìn từ xa sẽ loang loáng như có nước.

**(經)凡夫著想而受羈，彼輩雖縛空無實。**

*(Kinh: Phàm phu chấp tướng, bị trói buộc. Họ tuy bị trói, không, chẳng thật).*

Đã bị trói buộc, nhưng thật ra chẳng có gì để có thể trói buộc. Vì thế, nếu bị trói buộc thì đúng là kẻ đáng thương xót. Người trí thấy phàm phu hữu tình bị oan uổng trói buộc, sanh lòng thương xót. Vì sao sanh khởi bi tâm? Do dùng trí tâm để quan sát, cho nên sanh bi tâm. Nếu chẳng có con mắt trí huệ, lấy gì để sanh lòng bi? Đó chẳng gọi là bi, chỉ có thể là cảm thông, có tình người, thuộc về tình cảm thế gian.

*(Kinh) Nhược tư trí giả chư Bồ Tát, tri thế điên đảo cố kiến chân. Liễu đạt vô nhân thùỵ thọ khổ? Bỉ tắc đương thành Vô Thượng Giác.*

**(經)若斯智者諸菩薩，知世顛倒故見真。了達無人誰受苦？彼則當成無上覺。**

*(Kinh: Nếu các Bồ Tát có trí ấy, biết đời điên đảo, thấy lẽ thật. Liễu đạt “không người”, ai chịu khổ? Vị ấy sẽ thành Vô Thượng Giác).*

“Liễu đạt vô nhân, thùỵ thọ khổ? Bỉ tắc đương thành Vô Thượng Giác” (Liễu đạt “không có người” thì ai sẽ chịu khổ? Vị Bồ Tát như thế sẽ thành Vô Thượng Giác): Người còn chẳng thể được, khổ sẽ do ai mà chịu khổ? Vì thế nói “yêu ghét vốn là không, liên quan gì đến sanh tử?” Tuy là nói như thế, chúng ta tư duy nghiệp duyên hiện tiền như thế nào? Những vị có trí dùng trí quán thông đạt thế gian, lợi ích hữu tình. Kẻ ngu do đắm nhiễm, trầm luân trong thế gian, chẳng thể tự thoát ra được! Vì thế, trí bèn có trí dụng, ngu bèn có ngu dụng. Do trọn chẳng có tự tánh, mỗi pháp tự vận dụng, nhưng tất cả nguyện vọng xuất thế của chư Phật Như Lai đều là dùng hai pháp Bi và Trí để nhuần thấm thế gian!

*(Kinh) Vô ý phân biệt Phật Bồ Đề, kỳ tâm bốn lai tự minh tịnh. Bất kiến sanh tử chư chỉ trước, bỉ chứng chân thật tối thắng tôn.*

**(經)無意分別佛菩提，其心本來自明淨。不見生死諸滓濁，彼證真實最勝尊。**

(*Kinh*: Chẳng nghĩ phân biệt Phật Bồ Đề, cái tâm vốn sẵn tự sáng sạch. Chẳng thấy sanh tử các căn nhờ, bèn chứng chân thật tối thắng tôn).

“*Bất kiến sanh tử chư chỉ trước*” (Chẳng thấy các căn bản sanh tử): Trong Đản Kinh, Lục Tổ đã nói: “*Nếu người thật tu hành, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Ngài thấy như thế nào? Thấy mà như chẳng thấy, tự đạt được giải thoát. Các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai. Loại thiện tri thức này ở đâu cũng thấy Phật, tâm chẳng vương mắc, Vô Sanh Nhân tự nhiên an lập, dùng gì để thấy? Thấy mà như chẳng thấy, tự đạt được giải thoát. Vì thế, lợi ích rộng khắp thế gian, còn chúng ta thấy gì cũng đều là một thứ chi đó, cho nên bị sự tướng không chế, chẳng thể xuất ly. Vì sao? Chẳng có cơ hội xuất ly!

(*Kinh*) *Nhất thiết sắc pháp chư vô lậu, bất khả phân biệt vọng dữ không. Diệt trừ chư dục giải thoát tâm, như thị tri giả, chứng tam-muội.*

**(經)一切色法諸無漏，不可分別妄與空。滅除諸欲解脫心，如是知者證三昧。**

(*Kinh*: Hết thấy sắc pháp đều vô lậu, chẳng thể phân biệt vọng và không. Diệt trừ các dục, tâm giải thoát, người biết như thế chứng tam-muội).

Chúng ta siêng tu pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế này, rất nhiều hành giả nói: “*Vì sao chúng tôi chẳng thấy chư Phật? Vì sao chúng tôi chưa thấy tam-muội?*” Thông qua việc học tập bộ kinh điển này, chúng ta sẽ có nhận biết chánh tri kiến, nhận biết pháp tắc thanh tịnh, nhận biết hoàn chỉnh về toàn thể cơ chế giáo ngôn và toàn thể hệ thống pháp tắc. Sau đó bèn tu pháp thì sẽ rất thuận tiện, như thế thì sẽ xa lìa các vô minh và sự siêng gắng vì mong “*có sở đắc*”, thấy chư Phật. Thấy chư Phật mà không chấp trước, đoạn trừ hết thấy các phiền não, đích thân chứng sức tự tại nơi pháp tánh chẳng đến, chẳng đi. Như thế thì chúng ta sẽ đạt được phương tiện trong Phật pháp.

**(Kinh) Sơ niệm chư Phật vô tướng thân, hậu văn chư pháp bản thanh tịnh. Như thị tư duy vô dư niệm, chứng thứ tam-muội thành phi nan.**

**(經)初念諸佛無相身，後聞諸法本清淨。如是思惟無餘念，證此三昧誠非難。**

**(Kinh: Trước niệm thân chư Phật vô tướng, sau nghe các pháp vốn thanh tịnh. Tư duy như thế, chẳng nghĩ khác, chứng tam-muội này, thật chẳng khó!)**

An lập chánh kiến, chứng tam-muội sẽ chẳng phải là chuyện khó! Chánh kiến chưa lập, hư vọng tìm tòi được mất, tự tâm mê mờ, lấy gì để tu chứng? Vì thế, phần nhiều là phải siêng khổ. Trong mấy năm nay, có nhiều vị tri thức hành pháp Ban Châu một ngày, hai ngày, bảy ngày, cho đến chín mười ngày, nhưng nói đến người chứng tam-muội, người đạt được lợi ích chân thật nơi tam-muội thì người chứng tự như, người chẳng chứng cũng tự như. “*Tự như*” gì vậy? Như pháp tắc! Nếu là người chẳng có chánh kiến, sẽ tự có lợi ích do siêng khổ. Nếu là người có chánh kiến, sẽ tự đạt được lợi ích do đúng pháp. Kẻ đạt được lợi ích do siêng khổ chính là kết nhân duyên rất sâu với pháp này. Kẻ đạt được lợi ích tương ứng là đạt được khinh an. Khinh an đúng với bi và trí, khinh an đúng với tịch tĩnh, khinh an tịch diệt. Sự khinh an ấy được chư Phật nuôi dưỡng, tức là dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, khiến cho thiện căn vốn có chín muồi, tức là công đức vốn đang hành sẽ chín muồi, đạt được sức tam-muội. Vì đây là pháp tắc tương ứng, cho nên “*như thị tư duy, vô dư niệm, chứng thứ tam-muội thành phi nan*” (tư duy như thế, chẳng nghĩ khác, chứng tam-muội này thật sự chẳng khó). Rất nhiều người hành trì pháp tắc này, điều chủ yếu nhất là bị tâm lý chướng ngại, bị nghiệp tướng chướng ngại gây mê hoặc, cũng là do tự mình gây nên hoang mang, tự lập ra chướng ngại!

**(Kinh) Thường tác Không tướng nhi tư duy, tức năng diệt bỉ vi trần tụ. Bất phân biệt thành, cập dữ hoại, nhất thiết ngoại đạo thất u trung. Ư nhất thiết sắc vô phân biệt, kỳ nhãn tuy đồ, bất luy tâm.**

**(經)常作空相而思惟，即能滅彼微塵聚。不分別成及與壞，一切外道失於中。於一切色無分別，其眼雖睹不累心。**

*(Kinh: Thường dùng tướng Không để tư duy, liền diệt trừ khỏi vi trần ấy. Chẳng phân biệt thành cùng với hoại, hết thấy ngoại đạo mê trong ấy. Hết thấy các sắc chẳng phân biệt, mắt tuy trông thấy chẳng bận lòng).*

“U nhất thiết sắc vô phân biệt, kỳ nhãn tuy đồ, bất luy tâm” (Đối với hết thấy các sắc chẳng phân biệt, mắt tuy trông thấy chẳng bận lòng): Đối với tâm trí đối đãi của thế gian, trong phần trước, chúng tôi đã nêu ra hai loại tỷ dụ: Tỷ dụ về rác rưởi của người khác, và tỷ dụ về của báu của chính mình. Hết thấy phàm phu không ai chẳng đắm nhiễm nơi của báu, muốn giữ lấy, muốn đạt được, dù là tự giác hay chẳng tự giác. Còn đối với chỗ được coi là rác rưởi của kẻ khác, sẽ nảy sinh nhiều lầm lỗi, nhiều suy nghĩ chẳng vừa ý. Quán người nhà, thân thuộc trong thế gian, thoát đầu cư xử với nhau phần nhiều là kính yêu, lâu sau sẽ chỉ nhớ lỗi lầm của kẻ khác, ngò vục lẫn nhau, thậm chí dè bỉu, tổn thương. Vì lẽ nào vậy? Bị sắc gây phiền lụy, bị cái Thấy gây phiền lụy, bị hai loại gánh nặng gây phiền lụy, tức là gánh nặng do trông thấy lỗi lầm của kẻ khác, cùng với gánh nặng thâm thập các thứ mà chính mình cho là pháp trân bảo! Chuyện này khiến tôi nhớ khi xưa ở Sơn Đông, nghe người ta nói chuyện: Vị cư sĩ X... có thói quen rất “tốt”, tức là “điều tốt đẹp giao về cho tôi”. Thấy điều gì tốt đẹp, liền nói “cho tôi nhé”. Thật ra, đây là biểu hiện khá rõ rệt của tánh người. Trong tập quán của con người, “điều tốt đẹp hãy giao cho tôi” là một thói quen, chúng ta sẽ tự giác hay chẳng tự giác, nhận thức như thế đó!

*(Kinh) Bĩ kiến chư Phật như nhật luân, pháp giới thế gian đỉnh siêu xuất. Kỳ tâm thanh tịnh, nhãn diệc minh, tuy cần tinh tấn, thường tại Định.*

**(經)彼見諸佛如日輪，法界世間挺超出。其心清淨眼亦明，雖勤精進常在定。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

*(Kinh: Trông thấy chư Phật như mặt trời, vượt thoát pháp giới các thế gian. Cái tâm thanh tịnh, mắt cũng sáng, tuy siêng tinh tấn, thường trong Định).*

Người tinh tấn dùng sức ít, trụ trong an lạc, trụ trong khinh an, chớ nên dùng thống khổ trần lao để tinh tấn. Chư vị thiện tri thức ơi! Nguyên cho chúng ta hành pháp trong tương lai, thường được khinh an, thường hưởng pháp lạc.

*(Kinh) Bỉ đắc đa văn bất khả thuyết, chứng thử tam-muội chân tư duy.*

**(經) 彼得多聞不可說，證此三昧真思惟。**

*(Kinh: Đạt được đa văn chẳng thể nói, chứng tam-muội này, chân tư duy).*

Trong giáo ngôn của Như Lai, có chánh tư duy, có Thiên Định tư duy, có tư duy chẳng thể nghĩ bàn. Đương nhiên là cũng có tư duy với tri kiến chẳng chánh đáng của phàm phu. Nói pháp tắc như thế, muốn cho hết thấy hữu tình phát khởi chánh tư duy chánh định. Những điều được nói trong phẩm Quán Sát này đều là tư duy đúng lý, dùng sự tiến nhập “thường ở trong Định” làm Định tướng để tư duy, tức là chánh tư duy thuộc về tam-muội. Trong các lời dạy theo thứ tự trong giáo ngôn của đức Phật thì Giới, Định, Huệ chính là pháp tắc thuộc về giáo ngôn tăng thượng rõ ràng nhất: Do Giới sanh Định, từ Định sanh Huệ. Huệ ấy chân thật vô nhiễm, là huệ thanh tịnh. Nếu chẳng có chánh tư duy quan sát thuộc tam-muội định lực ấy, chúng ta sẽ thường dựa theo tâm trí phàm phu để tư duy, quan sát. Do đó, chẳng đạt được sự thiện xảo của chánh tư duy, lời lẽ thốt ra và nghiệp tướng chúng ta phải hứng chịu đều chẳng chánh đáng, cũng có nghĩa là khó thể chánh tư duy, khó thể nói năng chánh đáng được!

*(Kinh) Nhược dĩ bất kiến chứng tam-muội, nhất thiết manh giả ung chứng tri.*

**(經) 若以不見證三昧，一切盲者應證知。**

*(Kinh: Nếu coi chẳng thấy là chứng tam-muội, hết thấy kẻ mù đều chứng biết).*



Ở đây, đức Thế Tôn nhắc nhở chúng ta: Chẳng phải là do không thấy Phật mà đắc tam-muội, mà cũng chẳng phải là do thấy Phật mà đắc tam-muội! Cái tâm chớ nên đắm nhiễm, chỉ lấy chuyện thấy Phật làm phương tiện tăng thượng. Tuy thấy Phật mà chẳng nhiễm, đó là sức tam-muội chân thật. Như đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ ở đây, nếu coi “chẳng thấy” là chứng tam-muội, bất luận là vì đọa vào lý Không, do tà kiến ngoan không, do tà kiến đoạn diệt mà tư duy, hay là vì đọa vào lý Hữu, dùng chấp trước tình kiến, hay do sự tư duy của chính mình, [hễ có các thứ tư duy chẳng chánh đáng] như thế, sẽ đều chẳng thể liễu giải, chẳng thể hành trì môn tam-muội này! Nếu [chẳng thấy mà] có thể liễu giải thì hết thấy kẻ mù đã sớm chứng đắc tam-muội rồi. Vì thế, hãy nên có chánh tư duy.

Ở đây, đức Thế Tôn cũng khích lệ chúng ta “*thấy Phật mà chẳng nhiễm*”, được nghe pháp phương tiện, thiện căn chín muồi, đích thân chứng pháp tánh, dùng tánh Không duyên khởi làm pháp tắc chân thật để lựa chọn. Tức là cái được gọi là “*lâm giáo quyết trạch*”, nghĩa là đích thân đối trước các giáo huấn mà chọn lựa chân chánh, chẳng phải là hời hợt dùng tình kiến và sự nghĩ nhớ của chính mình để tư duy chọn lựa. Nếu chọn lựa [theo kiểu hời hợt] như thế ấy, sẽ có rất nhiều thay đổi: Hễ gặp duyên bèn dao động, gặp duyên bèn biến đổi. Tất cả tam-muội được đích thân chứng đắc là sự chọn lựa mười phần trọng yếu bằng chánh kiến, mà cũng là đích thân chứng được công đức và lợi ích.

*(Kinh) Diệc bất dĩ kiến phi bất kiến, thị trung ngoại đạo giai mê một.*

**(經)亦不以見非不見，是中外道皆迷沒。**

*(Kinh: Cũng chẳng do thấy, chẳng không thấy, ngoại đạo đều mê muội chỗ này).*

Đối với chỗ Thấy và Chẳng Thấy, ngoại đạo đều đọa vào kiến chấp Nhị Biên. Kẻ thấy sẽ tự nói công dụng của cái Thấy, kẻ chẳng thấy sẽ nói cái Lý của việc chẳng thấy; nhưng trong giáo ngôn thanh tịnh vô ngại của đức Phật Thế Tôn, đối với Thấy và Chẳng Thấy, đều đạt được sức tự tại. Nếu chẳng thấy, do thiện căn tăng thượng thành thực, sẽ tương ứng trông thấy.

Cái Thấy ấy thật sự là căn bản của vô kiến, tức cái được gọi là “*căn bản của Không Kiến*”: Được thấy chư Phật mà chẳng đắm nhiễm, nói đủ loại diệu pháp, lợi ích thế gian rộng khắp, nhưng thật sự chẳng có

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

gì để thấy. “*Thật*” ở đây là thật sự không có một pháp nào để có thể đạt được, chẳng có một vật nào để có thể nhiếp. Cho đến chẳng có vị Phật nào để có thể đắc, nhưng lợi ích rộng khắp thế gian. Chỗ này rất then chốt, chính là chỗ thiện xảo vận dụng dung thông Tục Đế và Chân Đế của chư Phật. Có nhiều chúng sanh bị mê mât ở chỗ này, đọa trong tri kiến đối đãi nhị nguyên của ngoại đạo, trong tâm chẳng thể khế hợp, chẳng thể vận dụng thiện xảo nơi pháp. Vì thế, đối với Lý, tự nói cái Lý; đối với Sự thì mỗi chuyện đều chẳng tương ứng. Do đó, chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời, tuyên thuyết, giáo hóa, chẳng ngoài khiến cho chúng ta thật sự vận dụng hiện duyên thanh tịnh này, chẳng đắm nhiễm trong hết thấy hiện duyên, khiến cho chúng sanh thoát khỏi nỗi mê hoặc nơi hiện duyên, đạt được giải thoát tự tại.

Ngoại đạo đều do tri kiến nhị nguyên đối đãi mà nầy sanh mê muội, tâm trí kém hèn. Chúng ta có thể thấy: Trong đủ loại giáo ngôn của ngoại đạo, không gì chẳng phải là có một Thượng Đế, không gì chẳng đề xưng một đấng chủ đạo, có quyền uy thống trị tuyệt đối để thống trị, tạo tác, duy trì thế gian này! Phật pháp chẳng tuyên thuyết, giáo hóa như thế! Chư Phật thật sự không có gì để có thể nhiếp, chỉ lắng nghe giáo hóa của các Ngài, chọn lựa pháp ích, đích thân thành tựu, tức là thành tựu cái được gọi là “*quán chiếu để trở về cội nguồn thanh tịnh*”. Do vậy, tâm tánh tự nhiên thông sáng, chẳng tạo tác, quang minh pháp tánh chiếu trọn khắp pháp giới, tự nhiên lợi ích rộng khắp hữu tình. Ở chỗ này, nếu chẳng lắng nghe giáo hóa của đức Phật, phần nhiều sẽ suy lường hư vọng, lập ra pháp tác hư giả, chẳng thể thật sự tương ứng, chẳng thể thật sự lợi ích thế gian.

***(Kinh) Thường ly tướng tướng nhi tư duy, kiến bỉ chư Phật thanh tịnh tâm.***

**(經)常離相想而思惟，見彼諸佛清淨心。**

***(Kinh: Thường tướng là tướng để tư duy, thấy tâm thanh tịnh của chư Phật).***

Ly tướng tướng được thấy Phật. Thấy Phật mà chẳng lìa tư duy thanh tịnh, [đó là] ly tướng tướng. Vì sao? Chư Phật Như Lai đều dùng tâm trí “*Không, tịnh, vô nhiễm*” để hiện thân tướng vi diệu trong mười phương cõi nước, nói pháp tác vi diệu, độ thoát hết thấy hữu tình đắm nhiễm, cho nên ly tướng thấy Phật. Kinh Kim Cang trực tiếp nhắc nhở

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chúng ta: “*Chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Thấy các tướng chẳng phải là tướng, sẽ thấy Như Lai). Lời thành thật, lời chân thật như thế khiến cho chúng ta có pháp để nương theo, ví như khẩu quyết vậy, trực tiếp tiến nhập chỗ công đức chân thật của pháp tồn tại. Nếu thấy tướng mà đắm nhiễm, sẽ bị các tướng che lấp. Nếu thấy tướng mà sợ tướng, cũng chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, chỗ này vi diệu rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu nhằm lúc suy nghĩ, sẽ có Nhị Biên để nương vào. Nếu là lúc chẳng nghĩ bàn, quang minh hiện tiền, ngay lập tức chiếu kiến. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, nương vào cái trí tư duy và cái tâm tư duy, sanh ra pháp tắc nhị nguyên đối đãi đã rất thuần thực. Nếu có một niệm buông bỏ kiểu tư duy đối đãi ấy, tự nhiên quang minh nơi tâm trí sẽ chiếu trọn, thấy trọn, chẳng đắm, chẳng nhiễm! Trong pháp tắc Kiến Phật tam-muội này, sự tu tập cũng giống như thế, muốn khiến cho chúng sanh vượt thoát sự trói buộc bởi Sở Tri Chướng từ vô thủy cho tới nay, sẽ chứng trọn vẹn công đức chẳng thể nghĩ bàn của Kiến Phật tam-muội, hay còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội!

***(Kinh) Như thị kiến dĩ nhất thiết quán, tư nhân tốc thành thử tam-muội.***

**(經)如是見已一切觀，斯人速成此三昧。**

***(Kinh: Đã thấy hết thấy quán như thế, người ấy mau thành tam-muội này).***

Hai câu kệ này vốn mười phần đẹp đẽ! Ly tướng tư duy, thấy cái tâm thanh tịnh của chư Phật. Ly tướng tư duy, trông thấy chư Phật mà tâm chẳng nhiễm. Quả thật là vi diệu rất sâu, chẳng nhờ vào tư duy, ngưng dứt tạo tác, liền dấy lên diệu dụng. Chư vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta niệm Phật, nếu dùng cái trí rành rẽ, phân minh, nếu hiểu rành rẽ rõ ràng, hiểu rõ cái hạnh vô sở đắc, sẽ tự nhiên hiểu rõ tự tâm, chẳng đắm nhiễm, sẽ có thể thấy chư Phật. Đã thấy chư Phật, bèn quay lại thực hiện sự thủ hộ tâm trí thanh tịnh.

Người đời phần nhiều hễ phá tướng, sẽ liền trở thành ngoan không. Nếu thấy tướng, sẽ liền đắm nhiễm. Hai loại Biên Kiến ấy đã trở thành tập quán tư duy và tập quán ý thức đắm nhiễm của bọn chúng sanh chúng ta, thậm chí là tập quán vận dụng tạo nghiệp. Thói quen ấy khiến cho chúng sanh luân hồi chẳng ngơi trong lục đạo bao kiếp lâu xa, chẳng

có cơ hội thoát lìa! Do vậy, chúng đấng tam-muội này quả thật đã phá trừ các tướng vô nhiễm, khiến cho chúng sanh giải thoát, thấy diệu tướng và thiện căn chín muồi của chư Phật, diệu dụng vô cùng, tuy vô cùng mà vô nhiễm, tự đạt được phương tiện trí huệ, dùng pháp tắc ấy lợi ích thế gian rộng khắp, chẳng sanh tà kiến. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta nghe nói giáo ngôn thanh tịnh rất sâu của chư Phật, đừng sanh ngờ vực, hãy nên khéo tư duy, khéo quan sát, hãy nên siêng năng tư duy, siêng năng quan sát, đừng rơi vào tri kiến đăm nhiễm từ vô thủy tới nay của chính mình, cho đến cưỡng chấp Biên Kiến, khiến cho cái tâm đọa lạc.

*(Kinh) Bĩ vô địa, thủy cập hỏa, phong, diệc phi Không, Giới, hiện tiền trụ. Nhược dục quán sát nhất thiết Phật, đương tưởng xử tòa diển diệu âm.*

**(經)彼無地水及火風，亦非空界現前住。若欲觀察一切佛，當想處座演妙音。**

*(Kinh: Chẳng có địa, thủy, cùng hỏa, phong, cũng chẳng Không, Giới, hiện tiền trụ. Nếu muốn quan sát hết thấy Phật, tưởng Phật trên tòa thuyết diệu âm).*

“*Nhược dục quán sát nhất thiết Phật, đương tưởng xử tòa diển diệu âm*” (Nếu muốn quan sát hết thấy Phật, hãy tưởng các Ngài đang ngự trên pháp tòa, diển nói âm thanh màu nhiệm): Đây là Bồ Tát hành pháp mà chẳng hoại Sắc xứ, nhận lấy Sắc mà chẳng nhiễm, thiện căn chín muồi, mỗi phương diện đều hiển lộ oai đức.

*(Kinh) Như ngã kim nhật tuyên diệu pháp, tâm nhạo pháp giả đồ ngã thân. Bĩ ưng vô phục dư tư duy, duy đương tưởng Phật thuyết pháp sự.*

**(經)如我今日宣妙法，心樂法者睹我身。彼應無復餘思惟，唯當想佛說法事。**

*(Kinh: Như ta nay nói các pháp màu, kẻ tâm thích pháp thấy thân ta. Hãy nên chẳng còn nghĩ gì khác, chỉ nên tưởng chuyện Phật thuyết pháp).*

Chỉ quán diêu tướng thuyết pháp, công đức thuyết pháp, lợi ích do thuyết pháp của đức Thế Tôn, vô tướng và bất tướng; khi đó, thiện căn sẽ thành thực, thấy các tướng mà vô nhiễm, hoan hỷ nghe pháp.

*(Kinh) Như thị chuyên niệm mạc tha quán, vị câu nhược tư đa văn cố. Nhất tâm quán ngã thuyết thử Định, tổng trì chư Phật chi sở tuyên.*

**(經)如是專念莫他觀，爲求若斯多聞故。一心觀我說此定，總持諸佛之所宣。**

*(Kinh: Chuyên niệm như thế, đừng quán khác, vì câu đa văn như thế đó. Nhất tâm quán ta nói Định này, tổng trì lời dạy của chư Phật).*

Kinh Kim Cang nói tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể được, ba tâm như thế đều chẳng thể được, quý vị dùng cái tâm gì? Biết gì? Quán gì? Hành gì? Niệm gì? Ở đây, đức Thế Tôn nói “câu đa văn” tức là muốn nghe pháp, “đa kiến Phật” (thấy nhiều Phật) tức là chánh tư duy. Khi thiện căn chín muồi, bèn muốn “thấy Phật, nghe pháp” để thành thực thiện căn. Do đó, tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều chẳng thể được, nhưng cái tâm nghe pháp hòng thủ hộ tâm trí thành thực thiện căn, tức là phương tiện để khế nhập tâm trí thanh tịnh, chẳng phải là nhân duyên khác. Vì sao? Nương theo Phật nghe pháp, sẽ vượt thoát tâm quá khứ, tâm hiện tại, và tâm vị lai. Ba cái tâm ấy chính là tâm luân hồi, tâm đọa lạc, tâm vô minh, tâm ngu si chẳng thể tự thoát ra được của chúng sanh. Ba tâm ấy tiếp nối, chính là do được hết thấy chúng sanh thủ hộ. Nếu chúng ta ưa thích thấy Phật, nghe pháp, ba tâm ấy tự nhiên phá trừ. Vì sao vậy? Thấy Phật, nghe pháp, thiện căn chín muồi, nghe đức Phật nói giáo ngôn về Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu, tự nhiên thoát khỏi sanh tử luân hồi và tạo tác hư vọng.

*(Kinh) Vô hữu nhất Phật tại quá khứ, diệc vô hiện thế, cập đương lai. Duy thử thanh tịnh vi diệu Thiên, bỉ bất khả ngôn chứng năng thuyết. Ngã ư tam giới vô thượng tôn, vị lợi thế gian cố đặc xuất. Niệm chứng chư Phật Bồ Đề cố, tuyên thử tam-muội vô đẳng luân. Nhược dục thân lạc cập tâm lạc, câu Phật công đức bất tư nghị. Nãi chí chứng bỉ diệu Bồ Đề, yếu đương tu thử thắng tam-muội.*

**(經)無有一佛在過去，亦無現世及當來。唯此清淨微妙禪，彼不可言證能說。我於三界無上尊，為利世間故特出。念證諸佛菩提故，宣此三昧無等倫。若欲身樂及心樂，求佛功德不思議。乃至證彼妙菩提，要當修此勝三昧。**

*(Kinh: Chẳng có một Phật trong quá khứ, cũng chẳng hiện tại và tương lai. Chỉ thanh tịnh vì diệu Thiên này, chẳng thể nói “chứng” hay diễn tả. Ta là vô thượng trong tam giới, vì lợi thế gian, riêng xuất thế. Vì niệm chứng chư Phật Bồ Đề, mà nói tam-muội khôn sánh này. Nếu muốn thân tâm đều vui sướng, cầu công đức Phật chẳng nghĩ bàn. Cho tới chứng đắc diệu Bồ Đề, phải tu tam-muội thù thắng này).*

*“Nhược dục thân lạc cập tâm lạc, cầu Phật công đức bất tư nghị. Nãi chí chứng bỉ diệu Bồ Đề, yếu đương tu thử thắng tam-muội” (Nếu muốn thân tâm đều vui sướng, cầu công đức Phật chẳng nghĩ bàn. Cho tới chứng đắc diệu Bồ Đề, phải tu tam-muội thù thắng này): Đối với sự vui sướng và pháp lạc thật sự nơi thân tâm, hết thấy những người đích thân chứng pháp tắc tam-muội sẽ chẳng thể dùng lời lẽ để diễn tả trong thế gian được. Chư Phật Như Lai do muốn lợi lạc chúng sanh mà lập ra đủ loại ngôn thuyết, đủ loại thí dụ, khiến cho chúng sanh thuận theo mà khế nhập, đích thân chứng đạt sự ngưỡng mộ và yêu thích tam-muội, cho đến đích thân chứng nhập tam-muội, thọ dụng các thứ niềm vui pháp vị nơi thân tâm, xa lìa nỗi khổ vì vô minh bức bách thân tâm, khiến cho thân tâm thật sự trọn đủ trí huệ và thiện xảo. Như thế cũng là chẳng uổng thọ nhận tâm thân này, chẳng cô phụ cơ chế và nhân duyên có khuyết điểm nơi sanh mạng này!*

*(Kinh) Dục tịnh thân quảng đa văn hải, vị chúng sanh cố đương cần cầu.*

**(經)欲淨深廣多聞海，為衆生故當勤求。**

*(Kinh: Muốn tịnh biển đa văn sâu rộng, vì các chúng sanh hãy siêng cầu).*

Hết thấy các thiện tri thức học Phật đều nên dùng Tứ Hoàng Thệ Nguyên để siêng năng thủ hộ tự tâm, vượt thoát những cái gọi là Ngã,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1***

chấp trước Ngã Sở (Cái thuộc về ta), cùng với chấp trước về ta, và pháp của ta. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” là sự hướng dẫn căn bản. Dùng điều đó để hướng dẫn, hòng đoạn sạch hết thấy các phiền não, hòng tu tập trọn vẹn hết thấy các pháp tắc, hòng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Vì vậy, để độ chúng sanh thành Phật, vì lợi ích thế gian mà thành Phật. Đây chính là chánh nhân thành Phật được hết thấy chư Phật tuyên diễn, là tâm trí mà hết thấy chúng sanh đã mai một.

Hết thấy hữu tình, bất luận trong pháp tắc thế gian, hay xuất thế gian, phần nhiều vì cái Ta, chẳng biết chỗ này chính là căn bản luân hồi của hết thấy thế gian. Nếu càng thêm siêng năng tu trì, càng thêm siêng năng thủ hộ [các chấp trước ấy], cũng sẽ tăng thêm cái nghiệp luân hồi và cái duyên luân hồi. Vì thế, nơi nhân địa, chư Phật Như Lai mỗi vị đều phát diệu nguyện, nguyện thù thắng để độ thoát chúng sanh, do cứu vớt chúng sanh mà lập ra thế nguyện rộng lớn, thế tu hết thấy các pháp, thế tu hết thấy đạo, thế hành hết thấy thiện xảo, thế đoạn hết thấy phiền não, do muốn độ chúng sanh, do muốn thật sự lợi ích thế gian. Tu pháp Vô Ngã thật sự là một điểm căn bản trọng yếu trong Phật pháp, cũng chính là cái được gọi là “*tu trì Bồ Đề tâm chân chánh*”, hoặc có thể nói là “*tu trì pháp tắc Bồ Đề chân chánh*”. Hết thấy phạm phu chẳng thể vượt qua chỗ này, mai một ở chỗ này, mê mất ở chỗ này, bị trói buộc ở chỗ này, thực hành cái được gọi là “*tu trì cái Ta, pháp tắc về cái Ta*” v.v... Đọa lạc trong Ngã Chấp, Ngã Sở (cái của ta), đắm nhiễm tướng thế gian. Nhưng hết thấy bậc thánh, bậc trí đã sớm thấu đạt sâu xa vô ngã, vô thường, tịch diệt, ấn khế tự tâm nơi pháp tánh, rốt ráo hiểu rõ pháp vô tự tánh trong hết thấy các hiện duyên, quang minh cội nguồn tùy thời chiếu rạng hết thấy sự việc và hết thấy các hình tướng trong cõi đời, rốt ráo vận dụng hai pháp Bi và Trí.

Chúng ta nói người tu môn tam-muội này chẳng hoại Sắc mà được thấy chư Phật, nghe pháp vi diệu rất sâu mà xa lìa các tướng. Do xa lìa các tướng, thiện căn thấy Phật thành thực, do nghe diệu pháp rất sâu, hành rộng khắp các pháp, lợi ích trọn khắp thế gian, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Nói “*chẳng thể nghĩ bàn*” trọn chẳng phải là khiến cho hữu tình trở lý, hoặc có tác dụng khiến cho tự tâm mê muội như nha phiến (thuốc phiện), mà là đích xác đẩy khởi một pháp có thể khiến cho chúng ta buông xuống chấp trước nặng nề, chấp trước mê muội, trở về tâm trí sẵn có, trong tâm trí thanh tịnh vận dụng điều thường được gọi là “*thiện xảo chẳng nghĩ bàn*”, cũng tức là thiện xảo chẳng tạo tác, mà cũng là thiện xảo xa lìa đối đãi, mà cũng là thiện xảo tùy thuận trí huệ quang

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1**

minh của chư Phật để an trụ. Đối với sự tùy thuận ấy, nếu có chúng sanh một niệm tùy thuận, công đức ấy chư Phật tán thán chẳng thể tận, dầu một kiếp, hai kiếp, hoặc nhiều kiếp, vẫn khó tán thán cùng tận! Vì sao vậy? Do tâm trí ấy ngang bằng với chư Phật!

*(Kinh) Bĩ ưng tốc khứ chư dục trần, yếu đương tu thử thắng tam-muội. Nhược dục nhất sanh kiến đa Phật, kiến dĩ cung kính phục tư tuân.*

**(經)彼應速去諸欲塵，要當修此勝三昧。若欲一生見多佛，見已恭敬復諮詢。**

*(Kinh: Hãy nên mau trừ các dục trần, phải tu tam-muội thù thắng này. Nếu muốn một đời thấy nhiều Phật; thấy rồi cung kính, lại thưa hỏi).*

“Nhược dục nhất sanh kiến đa Phật, kiến dĩ cung kính phục tư tuân” (Nếu muốn một đời thấy nhiều Phật; thấy rồi, cung kính lại thưa hỏi): Ở đây, đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta trong một đời, chẳng lìa khỏi thế giới này, mà có thể thấy nhiều vị Phật ở các phương khác. Đã gặp gỡ, hãy nên cung kính thưa hỏi, thưa hỏi các thứ pháp hồng trừ các nỗi nghi!

*(Kinh) Bĩ ưng tốc ly vật sanh trước, yếu đương quán thử diệu tam-muội.*

**(經)彼應速離勿生著，要當觀此妙三昧。**

*(Kinh: Hãy nên mau lìa, đừng chấp trước, phải quán tam-muội nhiệm mầu này).*

Dầu được nghe pháp, chớ sanh đắm nhiễm. Hãy nên quán pháp tác tam-muội vi diệu rất sâu này có công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Thị xứ vô dục, phục vô sân, diệc vô ngu si dữ tật đố. Hựu vô vô minh cập nghi vãng, yếu đương trụ thử thâm tịch Thiên.*



**(經)是處無慾復無瞋，亦無愚癡與嫉妒。又無無明及疑網，要當住此深寂禪」。**

*(Kinh: Chỗ này vô dục lại chẳng sân, cũng chẳng ngu si và ghen tỵ. Lại chẳng vô minh và lưới nghi, hãy nên trụ Thiền thâm tịch này).*

Đôi với nội dung của sức tam-muội này, đức Thế Tôn đã dùng thí dụ, dùng ngôn thuyết để hướng dẫn chúng ta xa lìa tạo tác, xa lìa nghĩ bàn, xa lìa đối đãi, khiến cho chúng ta tùy thuận vô tạo tác, tùy thuận chẳng đối đãi, tùy thuận chẳng nghĩ bàn, thanh tịnh an trụ, trong tâm phát sanh khinh an, thật sự tăng cao pháp lạc nơi thân tâm, xa lìa khổ hoạn tạo tác!

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh  
giảng ký 1**

*“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”*